

Sergey Matveevich Shtemenko



ĐẠI BẢN ĐOANH BỘ TƯ LỆNH TỐ CAO XÔ VIẾT

BỘ TỔNG THAM MƯU XÔ-VIẾT NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH



Bộ tổng tham mưu Xô Viết những năm chiến tranh

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[BỘ TỔNG THAM MƯU XÔ VIẾT NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH](#)

[CÙNG BẠN ĐỌC](#)

[CHƯƠNG MỘT](#)

[CHƯƠNG HAI](#)

[CHƯƠNG BA](#)

[CHƯƠNG BỐN](#)

[CHƯƠNG NĂM](#)

[CHƯƠNG SÁU](#)

[CHƯƠNG BẢY](#)

[CHƯƠNG TÁM](#)

[CHƯƠNG CHÍN](#)

[CHƯƠNG MƯỜI](#)

[CHƯƠNG MƯỜI MỘT](#)

[CHƯƠNG MƯỜI HAI](#)

[CHƯƠNG MƯỜI BA](#)

[THAY LỜI KẾT LUẬN](#)

CÙNG BẠN ĐỌC



ĐÀI TƯỞNG NIỆM ĐẠI TƯỚNG S.M SHTEMENKO

Bạn đọc thân mến, thành thật mà nói tôi không có ý định lại viết hồi ký về những ngày đã qua. Thêm nữa, tôi đã nguyện với mình là thôi không viết sách. Vì công việc này quả thật khó khăn, nhất là đối với người còn đang ở quân đội. Và lại tôi cho rằng, những điều chủ yếu đều đã được nói tới cả rồi.

Thế nhưng, tình hình lại diễn ra khác hẳn. Sau khi ra mắt bạn đọc quyển một, viết về Bộ tổng tham mưu, tôi đã nhận được đến hàng ngàn bức thư của nhiều người, ở nhiều lứa tuổi, nhiều trình độ, nhiều ngành nghề và nhiều dân tộc khác nhau. Các bức thư ấy không chỉ viết những ý kiến phê phán, đánh giá tác phẩm, mà còn nêu nhiều ý kiến đề nghị, nhận xét, bổ sung cho cuốn sách.

Một số bạn đọc còn gửi cho tôi cả những hồi ức của mình về các sự kiện trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại và mong được sử dụng các hồi ức ấy khi cuốn sách tái bản. Nhiều người còn tha thiết yêu cầu tôi nên tiếp tục kể hết những hồi ức của mình. Và, qua nhiều lần gặp gỡ nói chuyện tâm tình, bạn đọc cũng đâu có ý kiến như vậy.

Ngoài ra, những bức thư và những lần gặp gỡ nói trên còn đặc biệt chỉ cho tôi thấy rõ quá khứ anh hùng của chúng ta được mọi người quan tâm tới mức nào. Nó còn trẻ mãi, còn sống mãi với chúng ta, giúp chúng ta xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên đất nước xô-viết, củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc bên ngoài phạm vi của nó, vì lợi ích của hòa bình và chủ nghĩa xã hội.

Thế là các đồng chí, các bạn đọc của tôi đã buộc tôi lại phải cầm bút. Chính nhờ các bạn nên mới có cuốn sách này.

Tôi quyết định viết quyển hai chứ không đưa in lại quyển một, vì khi đã mở rộng và viết thêm cho cuốn sách, nếu chỉ ôn lại những gì đã nói thì thật quả dễ so với viết cái mới. Tôi luôn luôn tâm niệm rằng, trước hết phải nhận lấy công việc khó khăn nên tôi đã bắt tay nhận lấy khó khăn đó.

Giống như quyển một, quyển này sẽ không miêu tả tiến trình các chiến dịch theo thứ tự thời gian, mà chủ yếu là viết về Bộ tổng tham mưu, về công việc và con người trong Bộ tổng tham mưu. Sách chú ý nhiều tới hoạt động của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao và một số khía cạnh trong hoạt động của Tổng tư lệnh tối cao. Sách còn viết cả những suy nghĩ và nhận xét về các vị thống soái và các cơ quan tham mưu (thậm chí còn dành ra những chương riêng viết về vấn đề này).

Sách chủ yếu nói về sứ mệnh giải phóng của Quân đội Liên xô ở châu Âu. Trong những ngày không thể nào quên ấy, sau khi phá tan bộ máy chiến tranh của chủ nghĩa phát xít Hít-le, các chiến sĩ của Tổ quốc ta đã đánh tan quân địch và kết thúc chiến tranh giữa trung tâm đại lục châu Âu. Đó là chiến công vĩ đại vì tự do và hạnh phúc của các dân tộc giành được nhờ nghệ thuật quân sự và chủ nghĩa anh hùng vô hạn của các dũng sĩ xô-viết thần uy. Nhưng, chúng ta phải trả giá đắt cho thắng lợi đó bằng hàng triệu sinh mạng con người.

Do chức trách công tác của mình tôi thường được đến với quân đội các nước tham gia Hiệp ước Vác-sa-va, được thấy sinh hoạt của họ, được gặp không phải chỉ các quân nhân mà còn gặp cả những người dân thường. Tôi có thể khẳng định rằng, ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa ấy, nhân dân rất quý trọng chiến công của các chiến sĩ xô-viết, không quên những người đã ngã xuống, những người đã hy sinh khi làm nhiệm vụ giải phóng các dân tộc khỏi ách phát-xít. Nhân dân luôn nhớ rằng mối tình hữu nghị giữa chúng ta được củng cố bằng máu mà chúng ta đã cùng đổ ra trên các chiến trường.

Trong cuốn hồi ký này, một lần nữa tôi lại muốn nhắc đến sự đóng góp vô giá của các Lực lượng vũ trang Liên Xô vào công cuộc giải phóng các dân tộc châu Âu khỏi chủ nghĩa phát-xít và thuật lại việc các bạn bè chúng ta ở các nước Ba Lan, Tiệp Khắc, Nam Tư, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Hung-ga-ri đã chi viện chúng ta như thế nào để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy.

Và cuối cùng - đây có lẽ là điều chủ yếu nhất - tôi mong muốn tác phẩm nhỏ bé của mình biểu thị được lòng tôn kính sâu sắc nhất đối với những chiến sĩ anh hùng, lòng trung thành vô hạn của họ đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lòng quả cảm vô song và sự xả thân của họ trong

cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Hít-le.

Bạn đọc thân mến, tôi xin trình cuốn sách mới này để các bạn phán xét. Tôi rất biết ơn mọi ý kiến phê bình, nhận xét của các bạn.

CHƯƠNG MỘT

• Lại nói về các công việc và những con người trong Bộ tổng tham mưu.

- Những cuộc thí nghiệm về các vấn đề tổ chức.
- Tổ chức các đơn vị là công việc của Bộ tổng tham mưu.
- Từ chế độ làm việc song song chuyển sang chế độ tập trung.
- Các đồng chí gần gũi của những cán bộ tác chiến.
- Phải nghiên cứu kinh nghiệm của chiến tranh.
- Các chiến sĩ ngoài tiền tuyến viết điều lệnh.
- Về những mối quan hệ với các nước đồng minh.
- Nhiệm vụ đặc biệt.
- Mấy ý kiến về chỉ huy các đơn vị.
- Tổng tư lệnh tối cao nói về các đại diện của Đại bản doanh.
- Thống chế Môn-tơ-gô-mê-ri đến thăm.

Cuốn sách đầu đã nói nhiều tới các công việc và những con người trong Bộ tổng tham mưu. Nhưng, tôi cũng không thể mở đầu cuốn sách thứ hai này một cách khác hơn là vẫn phải nói về bè bạn và những người đã cộng sự với mình, kể chuyện công tác của các đồng chí ấy trong Bộ tổng tham mưu. Thật khó nói hết và nói về tất cả mọi người, vì khối lượng công việc đã làm quá hết sức lớn, mà thời gian lịch sử ngăn cách với chúng ta các sự kiện của quá khứ hãy còn gần gũi. Trong chương này, tôi chỉ muốn bổ sung thêm được vào những cái gì đã nói trước đây và suy nghĩ về các công tác tổ chức, khoa học và một số việc khác, nhớ đến các đồng chí có liên quan tới các công tác đó.

Do chức trách công tác ở Bộ tổng tham mưu trong thời gian chiến tranh, tôi có quan hệ mật thiết với các vấn đề tổ chức và hiểu rõ các sĩ quan và tướng lĩnh phụ trách các vấn đề ấy. Nguyên ở cương vị Tổng tham mưu trưởng sau chiến tranh trong hơn ba năm, rồi sau đó lại giữ chức vụ Phó tổng tham mưu trưởng trong hơn năm năm, tôi đã có dịp trực tiếp Phụ trách vấn đề xây dựng các Lực lượng vũ trang, phát triển cơ cấu tổ chức và động viên các đơn vị. Cương vị công tác cho phép tôi có thể và có quyền tinh thần phân tích các vấn đề nói lên một cách chi tiết hơn, mà mới nhìn thì thấy đó là những vấn đề tẻ nhạt.

Việc xây dựng các Lực lượng vũ trang Liên Xô và làm cho các tổ chức của chúng phù hợp với những nhiệm vụ quốc phòng của đất nước là những vấn đề cơ bản quyết định sự hùng hậu và xét đến cùng quyết định khả năng quốc phòng của một quốc gia. Vì vậy, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản và Chính phủ Liên Xô thường xuyên quan tâm đến những vấn đề ấy. Trong số cơ quan quân đội thực hiện các nghị quyết của Đảng và Chính phủ, Bộ tổng tham mưu giữ vai trò quan trọng: đặt kế hoạch và vạch ra mọi vấn đề cơ bản có quan hệ tới các Lực lượng vũ trang.

Các cơ quan phụ trách công tác tổ chức có trách nhiệm giải quyết những vấn đề quan trọng và phức tạp, như biên chế, quân số và cơ cấu của các Lực lượng vũ trang, sự tương quan giữa các quân chủng và binh chủng trong biên chế đó, căn cứ vào tình trạng vũ khí, kỹ thuật và các

nhu cầu của chiến tranh mà vạch ra các phương pháp và biện pháp xây dựng bộ đội phù hợp với tính chất chiến tranh, chiến dịch và chiến đấu. Các cơ quan ấy còn nghiên cứu cả cơ cấu tổ chức các đơn vị, biên chế các binh đoàn và binh đội, chịu trách nhiệm nhiều vấn đề khác về sinh hoạt và hoạt động của các binh đoàn, binh đội.

Chúng ta đều biết, điều hết sức quan trọng là phải xác định đúng mối tương quan chính xác giữa các quân chủng và binh chủng trong các Lực lượng vũ trang, quyết định sẽ trang bị cho các quân chủng, binh chủng thứ vũ khí gì và số lượng bao nhiêu, cần phải có những cơ quan nào để chỉ huy thắng lợi các hành động quân sự, chiến dịch và chiến đấu. Đó là vấn đề đã có từ lâu, nhưng vẫn luôn luôn là một vấn đề quân sự sinh động.

Nếu những cán bộ tác chiến, sau khi xác định mục đích các chiến dịch và nhiệm vụ của các đơn vị, nói rằng sẽ phải làm những gì, ở đâu và như thế nào, cần những lực lượng và phương tiện gì thì những cán bộ tổ chức đi vào tính toán số lực lượng và phương tiện và sẽ nói các lực lượng và phương tiện ấy cần có các cơ cấu tổ chức ra sao.

Trong điều kiện chiến tranh, thường có những yêu cầu cụ thể khác nhau đối với những cán bộ tác chiến và cán bộ tổ chức. Ví dụ như, muốn sư đoàn của chúng ta phải tổ chức như thế nào để mạnh hơn sư đoàn địch, người cán bộ tác chiến phải luận chứng cho yêu cầu đó, còn người cán bộ tổ chức phải xem xét tỉ mỉ đến biên chế của cả hai sư đoàn và nói cần làm những gì để nâng cao sức mạnh đột kích và sức mạnh hỏa lực khi tiến công, nâng cao tính vững chắc khi phòng ngự, v. v.. Phân tích xong mới đi tới quyết định biên chế quân số của sư đoàn và sư đoàn sẽ cần bao nhiêu xe tăng, pháo binh và các trang bị kỹ thuật khác về kiểu loại và tác dụng.

Ngoài ra, trong thời chiến, các cán bộ tổ chức còn phải vạch ra kế hoạch xây dựng các đội dự bị và kiện toàn các đơn vị giải quyết nhiều vấn đề khác. Không một cơ quan tham mưu lớn nào, nhất là Bộ tổng tham mưu, lại có thể làm trọn các công việc đó nếu không có các cơ quan nghiên cứu các vấn đề tổ chức. Thế nhưng, không một cơ quan tham mưu nào lại được quyền tiến hành những thay đổi về tổ chức trong các đơn vị, trong thời bình cũng như thời chiến. Chỉ Bộ tổng tham mưu mới có quyền đó, và lại việc hoàn thiện tổ chức các đơn vị là việc được tiến hành thường xuyên và liên tục.

Tôi đã học tập được nhiều qua công tác ở Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh. Chính trong quá trình chiến tranh mới bộc lộ thật đầy đủ vai trò hoạt động của các sĩ quan và tướng lĩnh làm công tác tổ chức. Hoạt động đó hầu như không mấy ai thấy được, nhưng lại rất cần thiết để chiến thắng quân thù.

Nhiều người chúng tôi đã thấy thể hiện rất rõ, như sờ thấy, trông thấy bằng mắt thường, công thức noi tiếng của Ph. Ăng-ghe-ni viết trong cuốn “Chống Duy-rinh”: “không có gì lại phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế tiên quyết hơn là chính ngay quân đội và hải quân. Trang bị, biên chế, tổ chức, chiến lược và chiến thuật phụ thuộc trước hết vào trình độ mà sản xuất đạt được trong từng trường hợp và cũng phụ thuộc cả vào phương tiện giao thông nữa. Trong lĩnh vực này, không phải “những sáng tạo tự do của trí tuệ” của những viên chỉ huy tài giỏi, là những cái đã có một tác dụng có tính chất cách mạng đâu, mà chính là do việc phát minh ra những vũ khí tốt hơn và việc thay đổi trong nhân lực, tức là người lính; nhiều lắm thì ảnh hưởng của những viên chỉ huy tài giỏi cũng chỉ làm cho phương pháp chiến đấu thích hợp với vũ khí mới và chiến sĩ mới mà thôi”.

Trong những ngày và đêm chiến tranh, chính bản thân cuộc sông đã khẳng định chìm sâu xuyên suốt của luận điểm khoa học ấy. Và đối với chúng tôi, những cán bộ của Bộ tổng tham mưu, nó là kim chỉ nam dẫn đường cho việc soạn thảo các kế hoạch mai sau.

Lúc bắt đầu chiến tranh, biên chế Bộ tổng tham mưu có các cơ quan phụ trách công tác tổ chức, động viên, tuyển mộ và bổ sung các đơn vị. Chiến tranh được một tháng, nói cho chính xác hơn là vào ngày 29 tháng Bảy, thì có lệnh của bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng thành lập ra Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân. Tất cả các cơ quan phụ trách các vấn đề ấy trong Bộ tổng tham mưu đều chuyển thuộc sang cho Tổng cục này.

Từ ngày 8 tháng Tám 1941, Chủ nhiệm Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân là E. A. Sa-đen-cô, chính ủy tập đoàn quân bậc một, đồng thời là thứ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng. Cục tác chiến của Bộ tổng tham mưu chỉ còn lại phòng tổ chức và thống kê, chủ yếu chỉ làm công tác thống kê, hạch toán và bố trí các đơn vị.

Tình hình nặng nề trong những tháng đầu chiến tranh yêu cầu phải đi tới quyết định tổ chức như vậy, cốt để Bộ tổng tham mưu được nhẹ gánh và có điều kiện tập trung đi sâu vào các vấn đề tác chiến. Nhưng, nếu như các vấn đề động viên và bổ sung các đơn vị trong thời chiến thực sự có thể và cần phải tách ra khỏi Bộ tổng tham mưu, thì vấn đề tổ chức lại không thể làm như vậy được. Thực tiễn công tác ít lâu sau đã chứng minh rằng tổ chức các đơn vị là công việc của Bộ tổng tham mưu, do đó yêu cầu phải sửa đổi lại quyết định đã được thông qua trước đây.

Ngay trong những tháng đầu chiến tranh, các cán bộ Bộ tổng tham mưu đã đụng phải một vấn đề hóc búa là chúng ta rất thiếu xe tăng. Quân địch đang chiếm ưu thế ở trên không, tiếp tục tiến công và cho các mũi nhọn xe tăng thọc sâu nhằm phá vỡ hệ thống phòng ngự của các đơn vị Liên Xô. Do đó vấn đề đặt ra là phải làm sao cho cơ cấu tổ chức các đơn vị thật phù hợp với các điều kiện của tình hình lúc ấy.

Ví dụ, chúng ta đã phải giải quyết một vấn đề là: có nên tiếp tục đi theo phương hướng xây dựng các quân đoàn cơ giới như đã quyết định hồi trước chiến tranh không? Trong tình hình mới, phương hướng ấy có còn đúng hay không? Về mặt lý luận, phương hướng ấy vẫn được thừa nhận là đúng, nhưng trong lúc khó khăn này, nền công nghiệp lại chưa thể bảo đảm được đầy đủ các khí tài cho những binh đoàn lớn như thế trong một thời gian ngắn. Vì vậy, trong lúc nền kinh tế quốc dân chưa thể cung cấp đủ số lượng xe cần thiết cho các đơn vị thì tốt nhất là chưa nên thành lập ra các quân đoàn cơ giới như thế.

Vậy sẽ phải hành động như thế nào trước tình hình này? Chúng ta đã lập luận, ví dụ như sau: sức mạnh hiện thực, có khả năng chống cự lại xe tăng của bọn phát-xít Hít-le và bộ binh mô-tô hóa của chúng là bộ binh Liên Xô. Muốn bộ binh ta vững chắc thì cần trang bị cho nó đủ pháo chống tăng và xe tăng. Muốn chi viện bằng xe tăng có hiệu lực thì nên sử dụng các binh đoàn, binh đội và phân đội nhỏ hơn, tức là các lữ đoàn, các trung đoàn và tiểu đoàn xe tăng, chứ không nên sử dụng các quân đoàn xe tăng hoạt động độc lập. Chính chúng ta đã hành động theo phương thức đó.

Sau này, tình hình sản xuất xe tăng dần dần thay đổi tốt hơn. Chúng tôi bắt đầu nghĩ trở lại tới vấn đề xây dựng quân đoàn, vì kinh nghiệm chiến tranh chứng minh rằng, nếu không có các quân đoàn xe tăng thì các chiến dịch không thể phát triển với một chiều sâu lớn, yêu cầu phải

kết hợp được hỏa lực mạnh với sức đột kích sâu, cơ động và có khả năng hoạt động độc lập tách khỏi bộ binh. Vì vậy, mùa xuân năm 1942, ta bắt đầu thành lập ra các tập đoàn quân xe tăng và quân đoàn xe tăng, rồi sau đó đến các quân đoàn cơ giới. Các tập đoàn quân xe tăng lúc đầu biên chế hỗn hợp: ba quân đoàn xe tăng và hai - ba sư đoàn bộ binh.

Tổ chức như vậy đã tỏ ra khá hoàn thiện để tiến hành các chiến dịch có các quân đoàn xe tăng hoạt động không xa bộ binh lắm. Nhưng, nó lại hạn chế sự cơ động của tập đoàn quân khi các binh đoàn xe tăng đột nhập sâu vào sau lưng quân địch, vì trong trường hợp này các sư đoàn bộ binh sẽ bị rút lại sau, khiến việc chỉ huy các lực lượng của tập đoàn quân gặp khó khăn lớn. Ngoài ra, biên chế không đồng nhất như vậy còn gây nên nhiều khó khăn khác nữa.

Đặc điểm các chiến dịch hoạt động sâu của chúng ta những năm 1943 - 1945, bắt đầu từ cuộc phản công ở Xta-lin-grát, yêu cầu phải bỏ việc tổ chức hỗn hợp các tập đoàn quân xe tăng. Ở Cuộc-xơ, các tập đoàn quân ấy đã có biên chế đồng nhất (hai quân đoàn xe tăng, một quân đoàn cơ giới, các đơn vị pháo tiêm kích chống tăng, pháo binh và các đơn vị khác, các cơ quan hậu cần).

Cùng với các tập đoàn quân xe tăng, còn có các quân đoàn xe tăng độc lập và quân đoàn, lữ đoàn cơ giới. Cơ cấu tổ chức các đơn vị xe tăng như vậy trở nên rất linh hoạt, vừa bảo đảm cho xe tăng hoạt động cùng với bộ binh lại vừa có thể sử dụng một số lớn xe tăng độc lập chiến đấu hiệp đồng với không quân. Tổ chức ấy phù hợp với các hình thức chiến đấu cơ động mà quân đội xô-viết đang vận dụng trên chiến trường trong thời gian đó.

Đây là bức tranh minh họa nho nhỏ nói về tầm quan trọng của vấn đề cơ cấu tổ chức các đơn vị phải làm sao cho phù hợp với cơ sở vật chất và tình hình diễn biến trong thời gian ấy. Các hình thức tổ chức được thay đổi và phát triển thể hiện rất rõ trong mọi quân chủng và binh chủng.

Tất nhiên, ngoài Bộ tổng tham mưu thì không cơ quan công tác nào có thể giải quyết được các biện pháp tổ chức rất quan trọng ấy. Thêm nữa, Bộ tổng tham mưu còn được giao nhiệm vụ phải nghiên cứu các biện pháp tổ chức và đề xuất các kiến nghị của mình. Các sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu cùng với các đại biểu của tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân ra các mặt trận để nghiên cứu các hình thức tổ chức của các bộ máy chiến đấu sao cho phù hợp với những yêu cầu của chiến tranh.

Đến cuối tháng Tư 1942, thực tiễn hoạt động chiến đấu và thực tiễn công tác Bộ tổng tham mưu buộc phải khôi phục lại Cục tổ chức nằm trong biên chế của Bộ tổng tham mưu. Cục tổ chức có nhiệm vụ thảo ra các chỉ thị về tổ chức và các chỉ lệnh khác, kiểm tra việc chấp hành các chỉ thị đó và tính toán biên chế các đơn vị trên các mặt trận. Phòng tổ chức và thống kê của Cục tác chiến được chuyển sang cho Cục tổ chức. Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân được bớt đi một phần các vấn đề tổ chức các đơn vị, mặc dầu Cục biên chế tổ chức vẫn được giữ lại trong Tổng cục đó.

Do giải pháp có tính chất nửa chừng như vậy, nên tất nhiên đã nảy sinh ra chế độ làm việc song song trong công tác giữa Bộ tổng tham mưu với Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân. Vì vậy, tháng sáu năm ấy đã phải ban hành mệnh lệnh đặc biệt có chữ ký của I. V. Xta-lin quy định giới hạn chức năng của Bộ tổng tham mưu và Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân. Thế nhưng, mệnh lệnh ấy rồi cũng vẫn là biện pháp chưa thật dứt

khoát.

Mùa xuân năm 1943, khi chuẩn bị chiến dịch Cuốc-xơ, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã tiến hành những biện pháp tổ chức lớn, thành lập các sư đoàn bộ binh, không quân, pháo binh. Khâu chỉ huy quân đoàn được khôi phục lại từ trước.

Đến tháng Tư 1943, đội dự bị của Đại bản doanh có mười tập đoàn quân, một số quân đoàn xe tăng, cơ giới và pháo binh, bộ máy chỉ huy phương diện quân Dự bị (sau này lấy tên là phương diện quân Thảo nguyên); chỉ riêng điều đó cũng đã đủ chứng minh quy mô hoạt động rồi. Do không có một cơ quan thích ứng nên Bộ tổng tham mưu không đủ sức hoàn thành khối lượng công tác đó và chế độ song song làm việc với Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân trên thực tế vẫn còn tồn tại.

Tình hình như vậy buộc phải giải quyết lại vấn đề tổ chức một cách cơ bản. Cục biên chế - tổ chức trong Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân đóng cửa và cuối cùng ở Bộ tổng tham mưu lại thành lập ra một cơ quan với đầy đủ quyền hạn phụ trách tổ chức các đơn vị. Ngày 4 tháng Năm 1943, I. V. Xta-lin ký lệnh quy định biên chế và nhiệm vụ của cơ quan này.

Các cán bộ tác chiến hàng ngày bận rộn với công tác tổ chức. Công tác tổ chức là yếu tố nhất thiết phải có trong việc đặt kế hoạch cho mọi chiến dịch, vì các phương diện quân thực ra vẫn chưa có một biên chế ổn định, mặc dầu thông thường mỗi phương diện quân đều phải có một số tập đoàn quân, trong đó có một tập đoàn quân không quân và một đến hai tập đoàn quân xe tăng.

Nhưng biên chế ấy về cụ thể không phải lúc nào cũng giống nhau. Ví dụ, phương diện quân Ca-rê-li-a không cần đến các tập đoàn quân xe tăng. Ngược lại, ở đây lại cần các quân đoàn bộ binh nhẹ mà không đâu còn sử dụng đến nữa. Cứ mỗi lần tổ chức chiến dịch mới, thì biên chế của các phương diện quân đều phải quy định lại, được bổ sung các lực lượng mới (hoặc rút bớt), nhưng phải kết hợp được với các binh chủng và tính chất các binh đoàn xuất phát từ yêu cầu của tình hình.

Những cán bộ tổ chức của chúng tôi lúc nào cũng làm việc bên những cán bộ tác chiến, nghiên cứu kinh nghiệm chiến tranh và kịp thời xây dựng lại các bộ máy chiến đấu, nhằm giải quyết thắng lợi những nhiệm vụ nảy ra trong quá trình chiến tranh. Không có những cán bộ tổ chức, không có lao động của họ, thì mọi chiến dịch lớn ở ngoài mặt trận đều vô nghĩa. Các đồng chí ấy lúc nào cũng có thể tìm ra câu giải đáp cho các vấn đề quân số của bất kỳ sư đoàn nào trên mọi khu vực mặt trận, những thiệt hại và thời hạn nhận bổ sung của sư đoàn.

Những cán bộ tổ chức có thể cung cấp các tin tức như trên về mọi quân đoàn, tập đoàn quân, phương diện quân và về mọi Lực lượng vũ trang nói chung. Họ biết chính xác rằng, chúng ta đang xây dựng những đội dự bị gì ở đâu và bao nhiêu, trình độ sẵn sàng ra mặt trận và vị trí của các đội dự bị ấy trên đường hành quân, v.v.. Những cán bộ tổ chức là cánh tay phải của các cán bộ tác chiến.

Từ tháng Tư 1942 đến tháng Mười 1946, đứng đầu các cơ quan phụ trách các vấn đề tổ chức là trung tướng A. G. Các-pô nô-xốp. Đồng chí là một cán bộ thực thụ của Bộ tổng tham mưu, một con người thông minh, hăng say lao động và cần mẫn, nhã nhặn nhưng hơi dễ dãi và dè dặt. Đồng chí rất am hiểu lĩnh vực công tác được giao, làm việc khôn khéo và cẩn thận, bao giờ

cũng nói lên lẽ phải. Nhưng chính do chức trách công tác nên đã có lần đồng chí không gặp may.

Trên đời này có những người “không gặp may”: mỗi sơ suất của họ đều bị người ta nhận thấy; hơn nữa, một khi lỗi không phải là ở họ, mà là ở người khác, thì họ lại không thể nào tự biện minh cho mình được.

Khi lực lượng dự bị không kịp thời đến được mặt trận thì Các-pô-nô-xốp là người chịu lỗi, mặc dù có lỗi về việc này chính lại là các cơ quan phụ trách giao thông. Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân không kịp thời bổ sung quân được cho các sư đoàn thì người ta lại bảo đấy là lỗi của Các-pô-nô-xốp vì đồng chí không kịp thời làm đề nghị bổ sung từ trước và v. v..

Đã nhiều lần tôi và A. I. An-tô-nốp được nghe Xta-lin có những ý kiến nhận xét không hay về Các-pô-nô-xốp mặc dù Tổng tư lệnh tối cao biết rõ là đồng chí ấy am hiểu công việc của mình và làm việc rất tốt. Cũng có nhiều lần A. I. An-tô-nốp bênh vực Các-pô-nô-xốp khi Xta-lin đề nghị cử một viên tướng khác đảm nhận công tác đó.

Ít lâu sau khi kết thúc chiến tranh ở Viễn Đông, I. V. Xta-lin lại đặt vấn đề về Các-pô-nô-xốp.

- Cần truyền thụ những kinh nghiệm đã tích lũy được ở Bộ tổng tham mưu cho các quân khu, - Xta-lin vừa nói vừa chậm rãi đi đi lại lại bên bàn theo thói quen. - Bây giờ Bộ tổng tham mưu cần phải thu hẹp lại và tất cả những đồng chí giảm biên chế vẫn được đưa về các quân khu. Cả anh bạn đáng yêu của đồng chí là Các-pô-nô-xốp cùng vậy, - Xta-lin nói tiếp - nên để cho anh ta đi truyền thụ kinh nghiệm. Đồng chí định đề nghị cử anh ta đi đâu. - Xta-lin bất ngờ quay sang hỏi An-tô-nốp.

A-lếch-xây I-nô-ken-chi-ê-vích An-tô-nốp nghen lời: đồng chí định chuẩn bị bênh vực Các-pô-nô-xốp thì I. V. Xta-lin lại hỏi câu đó nên không thể nói gì được nữa, mà Xta-lin thường hay làm như thế, một khi không muốn nghe ai giải thích gì thêm.

- Cho phép tôi suy nghĩ đã, - An-tô-nốp trả lời .

- Được. Vậy thì cử đồng chí ấy giữ chức tham mưu phó một quân khu nào đấy.

Ngày 20 tháng Mười 1946 A. G. Các-pô-nô-xốp được cử làm tham mưu phó quân khu Pri-vôn-giê, đồng chí sống và làm việc ở đây cho tới những ngày cuối đời.

Trung tướng N. I. Trét-vê-ri-cốp là phó của A. G. Các-pô-nô-xốp từ tháng Năm 1943, đồng chí được cử phụ trách Cục tổ chức. N. I. Trét-vê-ri-cốp là một cán bộ lâu năm của Bộ tổng tham mưu. Đồng chí đã phục vụ trong Bộ tổng tham mưu hơn 25 năm, đã từng giữ các chức vụ khác nhau và hơn một nửa số thời gian trên, đã lãnh đạo các cơ quan phụ trách các vấn đề tổ chức. Đồng chí được về hưu với quân hàm thượng tướng vào đầu những năm 60. Đồng chí là một cán bộ nghiêm khắc, hơi thô bạo, ít nói và thích chính xác đến mức cầu kỳ. Người cộng sự gần gũi của đồng chí là thiếu tướng A. I. Ê-phrê-mốp, sau này là một vị tướng - trợ lý đặc biệt của thứ trưởng thứ nhất Bộ quốc phòng.

Các chủ nhiệm phụ trách các binh chủng và thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt là các sĩ quan được chọn lựa, giàu kinh nghiệm và hiểu rõ công việc của mình. Ví như phụ trách các đơn vị bộ binh và đổ bộ đường không trong các thời gian khác nhau là các đại tá A. N. Nư-rơ-cốp và Ph. Ph. Tư-ri-sin. Phụ trách kỵ binh và các đơn vị xe tăng thiết giáp là thiếu tướng X. V. Xrê-ten-xki.

Phụ trách các đơn vị pháo binh và súng cối là thiếu tướng P. I. Ca-nhi-u-cốp. Phụ trách các đơn vị kỹ thuật (công binh, thông tin liên lạc và v. v.) là đại tá V. V. Vi-sni-a-cốp và kế sau là đại tá P. A. Pô-li-tư-cô. Có một thời gian, P. A. Pô-li-tư-cô đã phụ trách các vấn đề bố trí đóng quân của các đơn vị. Phụ trách các lực lượng không quân là đại tá I. X. A-lếch-xây-ép từ năm 1944 về sau là đại tá N. C. Êc-ma-cốp, phụ trách các cơ quan quản lý là đại tá Ph. M. Ác-khi-pốp và đến cuối chiến tranh là thiếu tướng A. I. Xư-tsép.

Đại tá I. O. Xơ-vóc-txốp, từ năm 1944 về sau là đại tá A. V. Gôn-đen-cốp, phụ trách vấn đề rất đặc sắc là theo dõi các trường huấn luyện quân sự. Theo dõi các đơn vị và cơ quan hậu cần là đại tá I. M. E-xen-cô.

Những đồng chí thành thạo việc đặt kế hoạch tổ chức là các đại tá I. A. Ki-xe-lép, X. N. Ri-a-bô-cô-bư-n-cô, P. V. Đu-đô-la-đốp, I. I. In-tren-cô, A. A. Bốt-cốp, M. N. Cô-xtin.

Theo dõi hạch toán chặt chẽ quân số các đơn vị là đại tá (sau này là thiếu tướng) X. M. Pô-đôn-xki. Phụ trách việc thống kê và trao cờ là đại tá I. V. Xmi-rơ-nốp. Công tác kiểm tra việc bổ sung các đơn vị được giao cho đại tá I. I. Dôt-kin, kế sau là đại tá P. V. Đu-đô-la-đốp.

Chủ nhiệm không thay đổi phụ trách phòng vận chuyển tác chiến là đại tá I. C. Tơ-ca-tren-cô, một con người có nghị lực và ý chí. Không có đồng chí ấy, như ta thường nói, thì các cán bộ tác chiến sẽ không thở nổi. Đồng chí thường xuyên nắm vững cái gì được cung cấp cho mặt trận nào và các đoàn tàu hiện đang ở đâu.

Đại tá A. C. Nem-tri-nốp phụ trách vấn đề bố trí các đơn vị. Đại tá A. N. Su-mi-lốp lãnh đạo tổ kiểm tra. Bảo đảm cho công tác của các cơ quan tổ chức là thiếu tá V. N. Khru-xta-lép và đại úy I. I. Dúp-cốp.

Tôi chỉ mới kể ra đây các sĩ quan phụ trách nghiên cứu và kiểm tra việc chấp hành các vấn đề tổ chức, thật dễ hiểu là tôi khó có thể nói hết được đặc điểm của từng người. Nhưng, tôi có thể nói rằng tất cả các tướng lĩnh và sĩ quan nói trên đều hiểu sâu phạm vi công tác và đã đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp thắng lợi chung trước quân thù; mỗi người đó lại có tới hàng chục sĩ quan - trợ lý khác cùng cộng sự. Nói chung, đây là một tập thể có năng lực, phối hợp chặt chẽ với nhau, đã phụ trách những vấn đề rất quan trọng trong việc xây dựng và tổ chức Hồng quân.

Như đã nói ở trên, mỗi cán bộ chỉ huy trong những năm chiến tranh đều phát huy được tính chủ động cao độ trong chiến thuật chung và chiến thuật sử dụng các binh chủng. Họ cũng phát triển rất mạnh cả về mặt nghệ thuật chiến dịch, nhưng trong lĩnh vực xây dựng và tổ chức các đơn vị thì những người chỉ huy chỉ có thể phát hiện các ưu điểm và khuyết điểm rồi báo cáo về Bộ tổng tham mưu, tất nhiên họ có quyền đề nghị hoàn thiện các cơ cấu tổ chức đó. Thể chế ấy không có gì sai và cũng không thể làm khác được.

Tổ chức bộ máy chiến đấu các trung đoàn, sư đoàn, tập đoàn quân, phương diện quân, kể cả số quân, chất lượng và số lượng trang bị cũng như những cái thứ sinh từ một tổ chức nhất định, đều phải ổn định, vững chắc trong một thời gian nhất định; hơn nữa phải ổn định, vững chắc trong một thời gian dài. Chỉ như vậy, tổ chức các đơn vị mới phù hợp với chiến thuật và nghệ thuật chiến dịch, mới có ảnh hưởng tới quá trình hoàn thiện nghệ thuật quân sự, vì giữa nghệ thuật quân sự và các hình thức tổ chức các đơn vị có mối liên hệ biện chứng với nhau. Tổ chức các đơn vị mà đúng đắn, thì chỉ phải thay đổi khi xuất hiện vũ khí và kỹ thuật mới, hoặc

khi có những yêu cầu đặc biệt của chiến trường.

Trên đây, chúng ta đã nói rằng Bộ tổng tham mưu là nơi tập hợp mọi đề nghị của những chỉ huy và cơ quan tham mưu các cấp, những người đã thử nghiệm các hình thức tổ chức các đơn vị trong thực tiễn. Và Bộ tổng tham mưu trước hết đã dựa vào các ý kiến rất có căn cứ ấy để cải tiến tổ chức các đơn vị

Trong thời kỳ chiến tranh, mỗi khi có những thay đổi quan trọng về tổ chức các đơn vị, Bộ tổng tham mưu nhất thiết đều triệu tập các cán bộ chỉ huy sư đoàn, trung đoàn và cả những tiểu đoàn đang tác chiến về họp. Ý kiến của họ về tổ chức các đơn vị hẳn là được Bộ tổng tham mưu chú ý lắng nghe. Tất nhiên, khi có những sự thay đổi như vậy thì Đại bản doanh cũng mời các tư lệnh phương diện quân về họp bàn.

Cả Đại bản doanh lẫn Bộ tổng tham mưu đều rất chú ý nghiên cứu kinh nghiệm chiến đấu tiên tiến và áp dụng những kinh nghiệm tiên tiến ấy vào thực tiễn các đơn vị. Bộ tổng tham mưu đã thành lập phòng vận dụng kinh nghiệm tác chiến trên cơ sở ban huấn luyện tác chiến. Thiếu tướng P. P. Vê-tơ-nui đã lãnh đạo phòng này.

Phòng mới thành lập đó có trách nhiệm nghiên cứu kinh nghiệm chiến tranh, rút ra các kết luận có ích cho các đơn vị hành động và phổ biến rộng rãi cho các cán bộ chỉ huy. Phòng còn có nhiệm vụ tổ chức biên soạn các chỉ thị, giáo lệnh và điều lệnh về binh chủng hợp thành.

Phòng mới được xây dựng đã nhanh chóng tỏ rõ khả năng của mình và mùa thu năm 1942 đã phát hành “Tuyển tập các tài liệu nghiên cứu kinh nghiệm chiến tranh số 1”, nói về các sự kiện xảy ra trong tháng Bảy - tháng Tám năm đó.

Trong lời nói đầu viết cho tuyển tập có nêu rõ mục đích của tuyển tập là “phổ biến kinh nghiệm chiến đấu thu hoạch được trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại cho các đơn vị Hồng quân đang tác chiến, các đơn vị dự bị, các học viện quân sự và các cán bộ đứng đầu các cục chủ yếu và cục trung ương trong Bộ dân ủy quốc phòng”.

Tuyển tập được phổ biến tới các cán bộ chỉ huy trung đoàn của mọi binh chủng, trong đó có đăng những tài liệu kinh nghiệm của quân đội xô-viết và của quân đội địch. Trong thời kỳ rất khó khăn (tháng Bảy - tháng Tám 1942), Bộ tổng tham mưu vẫn nhìn xa lên phía trước và cho đăng trong tuyển tập những tài liệu nói về việc tiêu diệt các cụm quân địch bị hợp vây, mặc dù cho tới lúc này chúng ta hãy còn ở trong tình thế nguy khó. Tiếp sau là bài viết rút ra một số kết luận về các chiến dịch đổ bộ đường biển trong năm 1941. Rồi đến bài tổng kết chung về việc sử dụng các phương tiện phòng ngự chống tăng, các tài liệu hướng dẫn cách sử dụng các phương tiện chiến đấu với máy bay địch.

Để phục vụ cho việc chuẩn bị và tiến hành các chiến dịch tiến công lớn, tuyển tập còn đăng cả bài “Kinh nghiệm tiến hành diễn tập quân sự trên bản đồ ở ngoài mặt trận”. Nhiều tài liệu nói về phòng ngự dã chiến, về việc các đơn vị của Hít-le sử dụng pháo cao xạ bắn vào các mục tiêu trên mặt đất.

Kết thúc tuyển tập là bài báo ngắn “Bàn về vấn đề nghiên cứu kinh nghiệm chiến tranh”, nói về sự cần thiết phải tổng kết các kinh nghiệm đó, áp dụng ở các đơn vị những thủ đoạn tác chiến tốt nhất, cần phải tổ chức thông tin nhanh và tốt các phương pháp thực hành chiến đấu.

Tổng tư lệnh tối cao chú ý đọc cuốn tuyển tập đầu. Đồng chí rất hài lòng. Ít lâu sau, dựa vào

các kinh nghiệm chiến tranh, bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng đã thảo bản mệnh lệnh quan trọng số 325 là cái đã đóng một vai trò rõ rệt trong việc sử dụng xe tăng trong những năm chiến tranh. Ngày 16 tháng Mười 1942, tức là khoảng một tháng trước cuộc phản công ở Xta-lin-grát, I. V. Xta-lin đã ký vào văn bản mệnh lệnh, và các đơn vị xe tăng chúng ta đã chiến đấu thật xuất sắc ở đây

Mọi người đều thấy rõ là phòng vận dụng kinh nghiệm tác chiến hoạt động đúng và chúng tôi nóng lòng chờ đợi tuyển tập ra số tiếp sau.

Tuyển tập số 2 ra mắt vào tháng Mười một 1942, mở đầu là bài “Các bài học chiến dịch - chiến thuật trong chiến cục mùa đông năm 1941 – 1942”. Nói chung, nội dung tuyển tập lần này lại có giá trị cao hơn. Trong đó có một số bài ra thật đúng lúc về các hành động chiến đấu mùa đông và chiến đấu nhằm chiếm quyền khống chế trên không.

Nhưng điều chủ yếu nhất là tuyển tập chỉ rõ tầm quan trọng của các hoạt động sử dụng kinh nghiệm chiến tranh. Dường như để xác nhận điều đó, tuyển tập đã đăng toàn văn bản mệnh lệnh số - 325 của bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng mà chúng ta đã nói đến ở trên. Tiếp đến là chỉ lệnh của Bộ tổng tham mưu về việc nghiên cứu và sử dụng kinh nghiệm chiến tranh, chỉ thị gửi cho các cơ quan tham mưu phương diện quân, tập đoàn quân về vấn đề này.

P. P. Vê-tơ-nưi tự đứng ra biên tập các tuyển tập đó. Phải nói rằng đồng chí làm công việc này rất giỏi, do đó đã phần nào phục hồi được sự tín nhiệm của Xta-lin đối với mình. I. V. Xta-lin không quên là P. P. Vê-tơ-nưi đã có quan hệ tới việc để mặt trận Crum bị vỡ hồi tháng Năm 1942.

Tuyển tập xuất bản tất cả được hai mươi sáu số và đến năm 1948 thì kết thúc.

Khối lượng công việc ngày càng mở rộng. Tháng ba 1944, phòng đã triển khai thành cục vận dụng kinh nghiệm tác chiến, và chính đồng chí trưởng phòng đã trở thành cục trưởng cục đó. Thời gian ấy, ngoài các tuyển tập, cục còn phát hành các “Bản tin” và “Tuyển tập về các thủ đoạn chiến thuật”. Bản tin đăng các tài liệu nói về kinh nghiệm chiến đấu của các đơn vị, chủ yếu ở khâu chiến thuật: về công tác trinh sát, đội hình chiến đấu, các phương pháp chỉ huy, vượt sông. Tới cuối năm 1944, cục đã phát hành được 70 “bản tin” tất cả. Còn các “Tuyển tập về các thủ đoạn chiến thuật” đã giới thiệu những trận đánh hay, chủ yếu là của đại đội và tiểu đoàn, kể cả trong những điều kiện đặc biệt, đến năm 1946, cục đã phát hành được 23 tuyển tập tất cả.

Cục vận dụng kinh nghiệm tác chiến có biên chế chỉ huy không nhiều, nhưng đều là những cán bộ được lựa chọn kỹ. Trước đây, trong các Lực lượng vũ trang chúng ta không giải quyết nhiệm vụ đó với quy mô lớn như vậy. Các cán bộ trong cục học tập được nghệ thuật khái quát các kinh nghiệm chiến tranh, tìm ra các phương pháp trình bày những kinh nghiệm đó đúng đắn nhất và nhanh nhất trong quá trình hoạt động hàng ngày.

Để theo kịp yêu cầu, các đồng chí đã quan hệ chặt chẽ với Cục tác chiến. Các đồng chí nhận được ở chỗ chúng tôi những tài liệu cần thiết về các mặt hoạt động của các đơn vị, chẳng hạn các báo cáo của các phái viên Bộ tổng tham mưu ở ngoài mặt trận. Đồng thời, nhiều đồng chí cục trưởng trong Bộ thường hay ra mặt trận cũng đều tham gia viết bài cho các tuyển tập. Vì vậy, trong số tác giả của tuyển tập ta hay gặp những tên họ như: V. A. Bô-li-át-cô, C. Ph. Va-xin-tren-cô, I-a. A. Cu-xép, V. Ph. Me-rơ-nôp, V. I. Xu-min và nhiều đồng chí cán bộ tác chiến khác.

Các cán bộ phụ trách cục thường có mặt ở các đơn vị đang tác chiến, nghiên cứu kinh nghiệm chiến đấu và chiến dịch (tất nhiên không phải chỉ nghiên cứu những kinh nghiệm đánh thắng). Chúng tôi đã giúp đỡ các đồng chí trực tiếp tổ chức thu thập tài liệu tại các đơn vị, do đó các đồng chí thường bám rất sát những kinh nghiệm nóng hổi của chiến tranh. Các giáo viên các học viện quân sự, các cộng tác viên phòng lịch sử - quân sự cũng thường được tổ chức đi thực tế tham gia những công việc ấy.

Trong số các cán bộ ở cục vận dụng kinh nghiệm tác chiến và phòng lịch sử - quân sự, tôi nhớ nhất, coi đó như những cán bộ nghiên cứu chuyên sâu và cũng là những người phổ biến kinh nghiệm ấy, nếu có thể nói được như vậy, là các thiếu tướng N. A. Ta-len-xki, P. Đ. Coóc-cô-di-nốp, N. M. Da-mi-a-tin; các đại tá Ph. Đ. Vô-rô-bi-ép và P. G. E-xa-u-lốp, P. X. Bôn-dơ-rép, I. P. Ma-ri-ép-xki; và những đồng chí hồi ấy còn là trung tá, những trung tá linh lợi, sắc nhạy và ham hiểu biết, như N. G. Páp-len-cô, I. V. Pa-rot-kin. Tham gia công tác biên tập còn có các chuyên gia cỡ lớn, như trung tướng E. A. Si-lốp-xki, trung tướng pháo binh Ph. A. Xam-xô-nốp và các đồng chí khác.

Cục vận dụng kinh nghiệm tác chiến giữ một vai trò to lớn, không riêng trong lĩnh vực nghiên cứu kinh nghiệm chiến đấu mà còn thúc đẩy các mặt hoạt động sáng tạo của đội ngũ cán bộ chỉ huy chúng ta. Nhiều sử gia nổi tiếng của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại và các cán bộ khoa học đã được đào tạo trong môi trường đó.

Tổng tư lệnh tối cao theo dõi hoạt động của Bộ tổng tham mưu về công tác nghiên cứu kinh nghiệm chiến tranh, quan tâm đến việc phát hành các tài liệu cho bộ đội. Mỗi tuyển tập mới ra đời nhất thiết đều phải gửi cho đồng chí.

Năm 1942, khi phòng hoạt động đi vào nền nếp và thu được một số kinh nghiệm công tác, thì nhận được chỉ thị của I. V. Xta-lin biên soạn cuốn dự thảo Điều lệnh chiến đấu của bộ binh. Cuốn dự thảo điều lệnh trên được soạn ra một cách độc đáo. Bản phác thảo lúc đầu được viết ở Mát-xcơ-va, sau đó một số nhóm cán bộ đi ra các mặt trận và cuốn dự thảo Điều lệnh đã được viết xong tại đây với sự tham gia của các cán bộ chỉ huy giàu kinh nghiệm và có năng lực nhất ở các đại đội, tiểu đoàn và trung đoàn.

Để duyệt cuốn dự thảo Điều lệnh ấy, ở Trung ương đã thành lập ra một ủy ban đặc biệt để xem xét lại một lần nữa và sửa chữa lại lần cuối cùng. Sau đó, cuốn điều lệnh được đưa ra xét duyệt mất hai ngày trong các phiên họp của Đại bản doanh, có mời đại biểu các cấp ở ngoài mặt trận về tham dự (từ đại đội đến sư đoàn). Mãi sau đó, vào ngày 9 tháng Mười một 1942, bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng mới phê chuẩn cuốn Điều lệnh và cho lệnh ban hành.

I. V. Xta-lin hiểu rằng điều rất quan trọng là phải phát huy tính chủ động của đội ngũ các cán bộ chỉ huy, khả năng quyết định đúng đắn của họ trong mọi tình huống, kể cả tình huống phức tạp nhất mà không một cuốn điều lệnh nào có thể lường trước được. Do đó khi ra mệnh lệnh ban hành cuốn điều lệnh, đồng chí đã bổ sung thêm điểm 4, tạo khả năng cho những người chỉ huy phát huy tính sáng tạo và chủ động rộng rãi trong chiến đấu. Trong đó có ghi: “các điều quy định trong điều lệnh phải được vận dụng cho thật phù hợp với tình huống”.

Phương pháp biên soạn điều lệnh, có sự tham gia của các cán bộ chỉ huy giàu kinh nghiệm trong các đơn vị và các chuyên gia, tức những người đóng góp được nhiều ý kiến vô cùng quý báu, là phương pháp đã bám rễ vững chắc và được vận dụng cho đến ngày nay. Mọi điều lệnh

biên soạn tuy không phải đều được xét duyệt hết trong Đại bản doanh, nhưng nhất thiết phải được báo cáo cho Đại bản doanh.

Về vấn đề này, cho phép tôi kể lại một tình tiết bổ ích. Khoảng đầu tháng Chạp 1944, vào một hôm báo cáo tình hình thường kỳ trong Đại bản doanh, Tổng tư lệnh tối cao hỏi về hoạt động của cục sử dụng kinh nghiệm chiến tranh mới thành lập. A. I. An-tô-nốp báo cáo: Cục vẫn hoạt động bình thường, các cán bộ rất cố gắng và thường xuyên đi công tác ngoài các mặt trận; tuyển tập soạn ra chúng tôi đã gửi cho đồng chí.

- Theo tôi, - I. V. Xta-lin nhận xét, - cục này làm việc tồi và các đồng chí không theo dõi công tác của nó. Bộ tổng tham mưu và cục có biết là trong năm nay đã phát hành hai cuốn điều lệnh về pháo binh, mà cả hai cuốn đều có những sai phạm nghiêm trọng về quy tắc và chế độ đã định trong công việc này không?

Tôi và An-tô-nốp nhìn nhau. Tôi không biết gì nên quyết định lặng im. An-tô-nốp cũng bối rối. Không đợi chúng tôi trả lời, Tổng tư lệnh tối cao lúc đó yêu cầu chúng tôi phải xem xét tỉ mỉ, kiểm tra lại tất cả và hai ngày sau tới báo cáo cho đồng chí biết.

Té ra là chưa được sự đồng ý của Đại bản doanh, nguyên soái tư lệnh pháo binh của Hồng quân N. N. Vô-rô-nốp đã soạn và gửi lên xin phê chuẩn hai cuốn điều lệnh: ngày 29 tháng Năm 1944 - cuốn Điều lệnh chiến đấu của pháo cao xạ và ngày 18 tháng Mười cùng năm ấy - cuốn Điều lệnh chiến đấu của pháo binh Hồng quân. Cả hai cuốn điều lệnh ấy đều do Nguyên soái Liên Xô Gh. C. Giu-cốp phê chuẩn.

Đến ngày đã định. Bộ chính trị vừa họp xong thì chúng tôi tới báo cáo về tình hình các mặt trận và “vấn đề hai cuốn điều lệnh”. I. V. Xta-lin đi lại lâu trong gian phòng và quay sang phía các ủy viên Bộ chính trị nói:

- Cần phải ra mệnh lệnh về vấn đề này. Có lẽ Bộ tổng tham mưu không tiện viết về hai người chỉ huy lớn, nên chúng ta sẽ tự viết.

- Ngày 29 tháng Năm 1944. - I. V. Xta-lin bắt đầu đọc - nguyên soái tư lệnh pháo binh, đồng chí Vô-rô-nốp, đã đưa cho thứ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng, Nguyên soái Giu-cốp phê chuẩn cuốn Điều lệnh chiến đấu của pháo cao xạ Hồng quân (hai phần) mà không được sự đồng ý trước của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao.

Sau đó, đồng chí nhìn vào hai cuốn điều lệnh đặt ở trên bàn đồng chí, rồi tiếp tục:

- Ngày 18 tháng Mười 1944, đồng chí Vô-rô-nốp lại đưa cho nguyên soái Giu-cốp phê chuẩn cuốn Điều lệnh chiến đấu của pháo binh Hồng quân mà cũng không đệ trình và không báo cáo lên Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao.

Nguyên soái Giu-cốp thiếu kiểm tra đầy đủ, không triệu tập và hỏi ý kiến các đồng chí ở ngoài mặt trận, đồng thời không báo cáo lên Đại bản doanh, đã phê chuẩn và cho lệnh ban hành hai cuốn điều lệnh trên.

Ngừng một lát, Xta-lin tiếp tục;

- Qua kiểm tra thấy rằng, do vội vã phê chuẩn nên các cuốn điều lệnh ấy, đã phạm những thiếu sót nghiêm trọng, không tính toán đến hàng loạt các kiểu vũ khí mới và không phối hợp với kế hoạch đã thông qua về các điều lệnh của pháo binh Hồng quân.

Phải nói rằng, Tổng tư lệnh tối cao thường hay giải thích nguyên nhân của sự cần thiết phải có một mệnh lệnh nào đó. Và lần này, đồng chí cũng làm như vậy:

- Bộ dân ủy quốc phòng căn cứ vào chỗ: điều lệnh là bộ luật cho Hồng quân dùng trong nhiều năm, khác với mệnh lệnh chỉ có hiệu lực trong thời gian ngắn. Vì vậy, trước khi phê chuẩn điều lệnh, yêu cầu phải tổ chức kiểm tra kỹ lưỡng, mời các đồng chí ở ngoài mặt trận về cùng tham gia. Chúng ta đã phê chuẩn cuốn Điều lệnh chiến đấu của bộ binh theo nền nếp như vậy. Và khi phê chuẩn hai cuốn điều lệnh trên, chúng ta cũng cần tiến hành theo nền nếp như thế để khỏi phạm sai lầm và để sau này khỏi trừng phạt một cách vô ích các quân nhân vì đã phạm các điều lệnh sai sót ấy. Đồng chí Vô-rô-nôp đã coi thường phương pháp dự thảo và thủ tục đệ trình phê chuẩn đó, còn Nguyên soái Giu-cốp thì đã quên mất phương pháp ấy...

Lúc này bản mệnh lệnh bắt đầu được viết đến phần cuối. Tất cả những người có mặt chăm chú lắng nghe. Vẫn bằng một giọng đều đều, I. V. Xta-lin nói:

- Do đó... - Rồi ngừng lại một lát như để làm cho rõ nghĩa, đồng chí đọc:

- Thứ nhất. Hủy bỏ, - đồng chí lại nhìn vào các cuốn điều lệnh để tìm số thứ tự, - các mệnh lệnh số 76 và 77 ngày 29 tháng Năm 1944 và mệnh lệnh số 209 ngày 18 tháng Mười 1944 của Nguyên soái Giu-cốp, thứ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng Liên Xô, đã phê chuẩn và ban hành Điều lệnh chiến đấu của pháo cao xạ và Điều lệnh chiến đấu của pháo binh Hồng quân.

Thứ hai. Khiển trách đồng chí Vô-rô-nôp, nguyên soái tư lệnh pháo binh, vì đã thiếu thận trọng đối với vấn đề điều lệnh của pháo binh.

Thứ ba. Nguyên soái Giu-cốp từ nay về sau không được vội vàng khi giải quyết các vấn đề quan trọng.

Tôi ra lệnh:

Thành lập các ủy ban để xét duyệt và kiểm tra các điều lệnh trên:

a) ủy ban xét duyệt và kiểm tra Điều lệnh chiến đấu của pháo cao xạ;

b) ủy ban xét duyệt và kiểm tra Điều lệnh chiến đấu của pháo binh.

Đồng chí Bun-ga-nin, thứ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng Liên Xô sẽ quy định thành phần các ủy ban và đưa lên tôi phê chuẩn.

Gửi mệnh lệnh cho tất cả các tư lệnh phương diện quân (các quân khu), các tập đoàn quân, chủ nhiệm các tổng cục và các cục trung ương, tư lệnh các binh chủng của Bộ dân ủy quốc phòng Liên Xô...

Chúng tôi và tất cả những đồng chí khác, những người có quan hệ tới công việc này, mãi mãi ghi nhớ bài học đó.

Thực tiễn liên hệ với các nước đồng minh của Liên Xô, trong khối liên minh chống Hít-le đã đặt ra cho Bộ tổng tham mưu rất nhiều nhiệm vụ mới. Các cán bộ tác chiến thật không sao làm xuể công việc của mình cùng một lúc với các mối liên hệ đó, cũng như không sao phân tích hết các hậu quả quân sự của từng hành động cụ thể của các nước đồng minh.

Ít lâu sau, chúng tôi cũng phát hiện thấy rằng ngay cả phòng liên lạc đối ngoại cũng bị ngợp dưới gánh nặng công việc của mình. Phòng được mở rộng, rồi sau đó, vào tháng Chín 1944, trên cơ sở phòng đã thành lập ra cục liên lạc đối ngoại, chịu trách nhiệm thực hiện các công

việc đặc biệt có liên quan tới các nước đồng minh và phụ trách mọi vấn đề hoạt động đối ngoại của Bộ tổng tham mưu. Cục trưởng là tướng N. V. Xia-vin, từng công tác lâu năm trong lĩnh vực này. Bộ tổng tham mưu thông qua cục liên lạc đối ngoại để tiến hành chỉ đạo các phái đoàn quân sự của Liên Xô hoạt động trong các nước đồng minh với chúng ta.

Cần phải nhận xét rằng những mối liên hệ ban đầu của chúng ta với các nước đồng minh rất hạn chế và chủ yếu chỉ thu hẹp trong việc thông báo cho nhau các hành động quân sự, trao đổi kinh nghiệm chiến tranh, một số các tin tức tình báo và kỹ thuật, tổ chức cho các phái đoàn quân sự các nước đồng minh ra thăm mặt trận, tiến hành làm các nghị định thư và các công việc khác.

Cho tới năm 1944, các lực lượng vũ trang trong khối liên minh chống Hít-le hiệp đồng với nhau vẫn chưa được là bao. Vì các nước đồng minh chưa tiến hành các chiến dịch quy mô lớn trên lãnh thổ châu Âu, nếu như không tính đến các hoạt động mang tính chất cục bộ ở I-ta-li-a.

Thế nhưng hồi đó các nước đồng minh đã đặt các phái đoàn quân sự tại Bộ tổng tham mưu xô-viết: phái đoàn Mỹ (đứng đầu là tướng Đin), phái đoàn Anh (tướng Be-rô-út), phái đoàn của chính phủ kháng chiến Pháp (tướng Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi). Ngoài ra, còn có phái đoàn quân sự Na Uy đứng đầu là đại tá Đan, phái đoàn quân sự nước Cộng hòa Tiệp Khắc là tướng V. Pi-ca và phái đoàn của ủy ban giải phóng dân tộc Nam Tư do trung tướng V. Téc-dít đứng đầu.

Phải nói rằng các phái đoàn quân sự nước ngoài rất hứng thú với những chuyến đi thăm các mặt trận, họ học tập được nhiều điều tại đây.

Ngược lại, bên cạnh Bộ tổng tham mưu của các nước đồng minh cũng có các phái đoàn quân sự của Liên Xô. Các phái đoàn ấy được đặt dưới quyền trực tiếp của Đại bản doanh, thông qua Bộ tổng tham mưu, không thuộc thẩm quyền các đại sứ. Chúng ta làm như vậy, sau khi đã nghiên cứu kỹ các chức năng và các điều kiện công tác của phái đoàn. Thực ra, các phái đoàn ấy cùng chỉ làm nhiệm vụ tác chiến. Và ở Mát-xcơ-va, các nước đồng minh cũng tổ chức các phái đoàn hoạt động tương tự như vậy.

Phái đoàn quân sự của Liên Xô ở nước Anh được tổ chức ra đầu tiên: Ngay từ ngày 8 tháng Bảy 1941, sau một chặng đường bay gian nan và nguy hiểm từ Ác-khan-ghen-xơ tới Gla-xgô, phái đoàn đã tới Luân Đôn. Trung tướng Ph. I. Gô-li-cốp đứng đầu phái đoàn, mấy ngày sau lại trở về Tổ quốc. Thiếu tướng hải quân N. M. Khác-la-mốp, một sĩ quan 35 tuổi phục vụ trong Hải quân Liên Xô, ở lại làm trưởng phái đoàn. Đồng chí là một cán bộ thông minh và có tính nguyên tắc đồng thời còn là một chuyên gia huấn luyện chiến đấu, rất thông thạo kỹ thuật và chiến thuật của hải quân. Dưới đây chúng ta sẽ còn nói tới những mặt mạnh khác trong tính cách của N. M. Khác-la-mốp khi ở Luân Đôn.

Thành phần phái đoàn có ít người - tất cả có sáu đồng chí, không kể đồng chí trưởng phái đoàn. Về sau, số người trong phái đoàn đã tăng lên đáng kể cho phù hợp với khối lượng nhiệm vụ được giao.

Do tính chất đặc biệt quan trọng của nó, nên trưởng phái đoàn quân sự của Liên Xô ở Anh nhận nhiệm vụ trực tiếp từ đồng chí V. M. Mô-lô-tốp, bộ trưởng Bộ dân ủy ngoại giao. Nhiệm vụ hàng đầu của phái đoàn là phải đấu tranh đòi mở mặt trận thứ hai ở châu Âu “dù khoảng một tháng sau”.

Nhiệm vụ tiếp sau là tổ chức vận chuyển các hàng quân sự từ Anh, Mỹ sang Liên Xô và tổ

chức các đoàn tàu hộ tống hàng từ Anh vào các hải cảng của Liên Xô. Sau này, vấn đề có tầm quan trọng to lớn là đẩy mạnh các cuộc bắn phá của không quân đồng minh vào các mục tiêu quân sự của nước Đức phát-xít. Ngoài ra, phải giải quyết cả những nhiệm vụ tổ chức hiệp đồng giữa các lực lượng vũ trang trong khối liên minh chống Hít-le, như: trao đổi các tin tức về địch, trao đổi kinh nghiệm chiến đấu, phối hợp các tuyến, thời gian và thứ tự hành động của các đơn vị.

Cuộc đón tiếp phái đoàn Liên Xô tổ chức ở nhà ga Luân Đôn chứng minh rằng nhân dân Anh rất có thiện cảm với đất nước xô-viết đang bị kẻ thù chung xâm lược. Về sau trong công tác của mình các thành viên trong phái đoàn quân sự cũng đều cảm thấy mối thiện cảm ấy. Những người dân thường Anh hồi ấy hiểu rằng cuộc kháng chiến của Liên Xô đã cứu thoát cả Tổ quốc họ. Do đó, quảng đại quần chúng lao động trong nước Anh đã gây sức ép với những kẻ bảo thủ trong chính phủ (những kẻ này hoàn toàn không phải là không có thành kiến với chúng ta) và buộc họ phải trung thực hoàn thành các trách nhiệm đồng minh của họ.

Ở đây tôi không có ý định tường thuật lại chi tiết các hoạt động của phái đoàn. Tôi chỉ đề cập tới những vấn đề rất gay gắt đã xảy ra, khi N. M. Khác-la-mốp phải đối diện với những con người ở tầng lớp trên có các chức vị, tước hàm cao trong bộ máy nhà nước và bộ máy chiến tranh của nước Anh. Lúc nào Khác-la-mốp cũng tỏ ra có một ý chí khác thường và thông minh tuyệt vời, đứng ra bảo vệ các quyền lợi của Nhà nước xô-viết.

Diễn hình về mặt này là sự kiện đã làm chấn động khắp nơi về việc quân địch đánh tan đoàn tàu hộ tống PQ-17.

Như chúng ta được biết, ngày 27 tháng Sáu 1942, đoàn tàu hộ tống PQ-17 là đoàn tàu hộ tống lớn nhất trong lịch sử chiến tranh đã ra đi từ Ai-xơ-len tới Ác-khan-ghen-xơ và Muốc-man-xơ. Đoàn tàu gồm có 34 tàu vận tải (hai chiếc của Liên Xô, một chiếc của Pa-na-ma, còn lại là của Anh và Mỹ) và 21 tàu trực tiếp cảnh giới. Ngoài ra, để yểm hộ ở ngoài khơi, còn tổ chức ra hai đoàn tàu của hạm đội Anh: một đoàn gồm 4 tàu tuần dương và 3 tàu khu trục; một đoàn gồm 2 thiết giáp hạm, 1 tàu sân bay, 2 tàu tuần dương và 8 tàu khu trục.

Ngày 4 tháng Bảy 1942, đoàn tàu hộ tống tiến đến khu vực có các tàu ngầm hoạt động độc lập và không quân của Đức từ bờ biển Na Uy tới bắn phá lẻ tẻ vào các tàu vận tải và tàu cảnh giới. Đô đốc Đa-dơ-li Pa-un-dơ, tham mưu trưởng hải quân Anh, đánh giá những cuộc bắn phá ấy, những cuộc bắn phá đã bị các lực lượng hùng hậu của Anh đánh lui, là dấu hiệu nhất định sẽ xảy ra trận tập kích của các lực lượng tàu nổi chủ yếu của Đức do thiết giáp hạm “Tiếc-pít” chỉ huy.

Viên đô đốc Anh, mặc dầu đã có những tin tức rất chính xác từ Luân Đôn cho biết là các chiến hạm chủ lực của địch chưa ra khơi, song vẫn tự ý hạ lệnh: “Cho đội tàu tuần dương rút chạy thật nhanh về phía Tây”, và mấy phút sau thì đánh điện, lệnh cho đội tàu cảnh giới các tàu vận tải: “do nguy cơ bị các hạm nổi của địch tập kích, đoàn tàu phải sơ tán chạy về các hải cảng Nga”.

Sau này, chúng ta được biết là các chiến hạm lớn của địch lúc đó còn đậu ở các bến của chúng ở An-ten-phi-óc-dơ và không có ý định tiến ra chạm trán với đoàn tàu hộ tống. Thêm nữa, bộ chỉ huy phát-xít Đức cũng sợ các chiến hạm lớn của chúng bị thiệt hại, nên không dám liều lĩnh cho ra khơi. Thế nhưng, khi nhận ra các biện pháp kỳ lạ đó của người Anh, địch liền

tung các tàu ngầm và không quân của chúng ra tập kích vào các tàu vận tải chạy chậm không được yểm hộ. Các tàu vận tải ấy, không được bảo vệ, đã làm mồi ngon cho bọn thú dữ phát-xít.

Ngày hôm sau, ngày 5 tháng Bảy 1942, sau khi cảm thấy hoàn toàn yên ổn, thiết giáp hạm “Tiếc-pít” ra khơi. Được một số tàu nổi khác hộ tống, nó lao vào chop lấy các tàu vận tải đã bị tan tác. Chặn đánh bọn Hít-le vào lúc này chỉ còn trơ trọi có chiếc tàu ngầm Liên Xô “K-21” do trung tá hải quân N. A. Lu-nin, Anh hùng Liên Xô, chỉ huy. Chiếc tàu ngầm ấy đã dũng mãnh xông vào giữa đội hình các chiến hạm địch, phóng ngư lôi phá hủy chiếc “Tiếc-pít” và lợi dụng lúc địch bị hỗn loạn đã rút lui an toàn.

Sau trận này, trong đoàn tàu hộ tống PQ-17 chỉ còn sót lại có 11 tàu vận tải. Những chiếc tàu bị đắm mang theo 3350 xe ô tô, 430 xe tăng, 210 máy bay ném bom và 100 nghìn tấn các hàng hóa khác. Số khí tài này đến được Xta-lin-grát thì thuận lợi biết bao

Tổn thất của đoàn tàu PQ-17, ngoài những mặt khác, là một bài học chính trị lớn. Các đại biểu của bọn bảo thủ Anh, đặc biệt là đô đốc Pa-un-dơ, lại âm mưu cho tai nạn này là một bằng chứng hiển nhiên về tính chất không hợp lý của việc chở hàng sau này sang Liên Xô bằng con đường phía Bắc. Họ nói là tổn phí quá lớn. Chúng ta nhớ lại rằng, ngày 17 tháng Bảy 1942, các đơn vị Hít-le bắt đầu đánh vào Xta-lin-grát, và ngày 25 tháng Bảy chúng phát triển tiến công sang Bắc Cáp-ca-dơ. Các chiến dịch phòng ngự của ta ở đây lâm vào tình thế vô cùng khó khăn.

Thông qua đại sứ I. M. Mai-xki của Liên Xô ở Anh, Chính phủ Liên Xô đòi chính phủ Anh phải cho biết thời hạn gửi những đoàn tàu tiếp sau chở các trang bị sang Liên Xô. A. I-đơn, bộ trưởng ngoại giao Anh, phúc đáp rằng: đoàn tàu PQ-17 là một hậu quả đắng, còn Pa-un-dơ tuyên bố rằng nếu ông ta đứng về phía Đức thì không một đoàn tàu nào có thể cập bến đã định. Bộ hải quân của họ cho rằng sớm nhất cũng phải tới mùa thu mới có thể đưa các đoàn tàu đi được

Trong thời điểm quyết liệt đó, N. M. Khác-la-mốp đã lên tiếng. Đồng chí báo cáo về Mát-xcơ-va ý kiến của mình - những ý kiến của một chuyên gia hải quân - đánh giá các hành động của Bộ hải quân Anh là những hành động dê hèn và hoàn toàn không có căn cứ. N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp, bộ trưởng Bộ dân ủy hải quân, ủng hộ đồng chí. Chính phủ Liên Xô lưu ý người Anh là các thủy thủ của chúng ta không đồng ý với ý kiến của những người cầm đầu hải quân Anh.

Trước tình hình đó, U. Sóc-sin buộc phải yêu cầu A. I-đơn tổ chức cuộc hội đàm với những người cầm đầu hải quân Anh và các đại diện của Liên Xô để tìm nguyên nhân tổn thất của đoàn tàu PQ-17. Cuộc hội đàm tiến hành vào 28 tháng Bảy 1942 tại văn phòng của A. I-đơn ở Hạ nghị viện.

A. I-đơn điều khiển cuộc họp. Ngoài A. I-đơn ra, về phía Anh còn có bộ trưởng hải quân A-lếch-xan-đe-rơ và Pa-un-dơ, về phía Liên Xô có đại sứ Liên Xô I. M. Mai-xki, thiếu tướng hải quân N. M. Khác-la-mốp và đồng chí trợ lý của thiếu tướng hải quân.

Không khí trở nên căng thẳng khi Đ. Pa-un-dơ không thể bào chữa nổi những hành động sai trái của y đã gây nên hậu quả để đoàn tàu bị kẻ thù đánh đắm mà không trừng phạt được chúng. Những người có mặt hết sức ngạc nhiên khi thấy Pa-un-dơ đem tấm bản đồ địa lý học sinh thông thường ra dùng để báo cáo. Tấm bản đồ ấy làm sao có thể phản ánh được nhiều yếu tố tình huống tổn thất của đoàn tàu.

Thiếu tướng hải quân Liên Xô đến dự họp mang theo tấm bản đồ chi tiết của hải quân. Tấm bản đồ ấy đã nói được nhiều vấn đề. N. M. Khác-la-mốp dẫn ra những bằng chứng về độ sâu chứng

minh rằng chiếc “Tiếc-pít” không thể uy hiếp nổi cả tàu vận tải lẫn tàu đi yểm hộ. Do đó thấy rõ rằng việc cho các tàu tuần dương cảnh giới rút chạy và phân tán các tàu vận tải trong đoàn là một sai lầm hết sức nặng nề của người cầm đầu cơ quan tham mưu hải quân Anh. Thiếu tướng hải quân đã đập tan hết lý này đến lẽ khác của Pa-un-dơ.

Pa-un-dơ bị những lý lẽ danh thép của người đứng đầu phái đoàn quân sự Liên Xô dồn vào thế bí. Y không thể đối thoại bằng lý lẽ được nữa nên sinh ra cáu kỉnh, thô bạo, A-lếch-xan-đe-rơ lao vào chữa cháy, xin lỗi về Pa-un-dơ và về những thiếu sót của bộ hải quân Anh. I. M. Mai-xki vốn có tính ngoại giao, hay dùng những lời châm chọc sâu cay, nhận xét là: “các đô đốc Anh mà cũng mắc sai lầm ư?”. Nghe thấy thế, Pa-un-dơ dậm ra phát khùng, đến mức không thể tha thứ được, còn Khác-la-mốp bề ngoài vẫn giữ vẻ bình thản, song phê phán thẳng thừng mọi hành vi của Pa-un-dơ đã để đoàn tàu PQ-17 bị tổn thất.

Cuộc họp diễn biến trở nên rất bất lợi cho phía Anh. Thật hoàn toàn rõ ràng: nguyên nhân chủ yếu của tấn thảm kịch ở biển Ba-ren không phải là do hoàn cảnh quân sự, mà chính là do chính sách và ác ý của các giới cầm quyền Anh đối với Liên Xô.

Cuộc tranh luận chính trị ấy không nằm trong dự tính của U. Sớc-sin và chính phủ Anh, nên A. I-đơn vội vã đình chỉ cuộc họp “vì những quan hệ ngày càng căng thẳng giữa hai bên”.

Các đồng chí chúng ta ở nước ngoài là thế đấy. Họ cũng phải chiến đấu. Nhưng, thật kỳ lạ là họ phải chiến đấu với các đồng minh của mình để đòi những người này phải thực hiện trung thực các trách nhiệm của họ.

Tôi không muốn nói quá những công lao của N. M. Khác-la-mốp, song những đóng góp của đồng chí vào sự nghiệp chung hồi đó thật rất lớn. Sau lần họp này, những người lãnh đạo Anh đã phải kiêng nể phái đoàn quân sự của Liên Xô, và các đoàn tàu chở vũ khí, đạn dược sang Liên Xô lại tiếp tục lên đường theo kế hoạch.

Hoàn cảnh làm việc của N. M. Khác-la-mốp thật khó khăn. Vương quốc liên hiệp Anh là một đồng minh phức tạp, các chính khách và các nhà hoạt động quân sự của Anh đối với Nhà nước xô-viết có thái độ khác nhau. Có loại tỏ thái độ trực diện thù địch với Liên Xô như Pa-un-dơ hoặc bộ trưởng chiến tranh Mác-kin-xơn. Viên bộ trưởng này đã bí mật ngăn cản các chuyến hàng quân sự gửi sang ta. Bị áp lực của dư luận xã hội, U. Sớc-sin đã buộc phải bãi chức hẳn. Còn số người khác, nếu như không tỏ thiện cảm đặc biệt đối với liên Xô thì đối xử với ta cũng chẳng có gì ác ý.

Tình hình đó phần nào cũng thuận lợi cho công tác của phái đoàn và cho phép giải quyết thỏa đáng nhiều vấn đề thực tiễn. Chẳng hạn, huân tước Bi-véc-brúc, bộ trưởng hải quân A-lếch-xan-đe-rơ đã nói tới ở trên, tham mưu trưởng không quân Đi-lơ và một số người khác đã được Khác-la-mốp liệt vào số những người đó. Số còn lại thì có thiện cảm với Liên Xô và đã thành thật giúp đỡ phái đoàn.

Thiếu tướng hải quân Phi-líp-xơ, phụ trách các vấn đề chở hàng quân sự, hiểu rõ ý nghĩa của các quan hệ đồng minh, đã tìm mọi cách góp sức mình vào công việc này. Nhiều bạn bè, những nhân viên bình thường làm việc trong bộ máy quân đội và hải quân Anh cùng đã giúp đỡ chúng ta và nếu không có sự giúp đỡ ấy của họ thì khó có một công việc lớn nào được làm tròn.

Phái đoàn ta phải hoạt động nhiều về vấn đề mở mặt trận thứ hai ở châu Âu. Hồi đó, bộ chỉ

huy Mỹ đã chú ý nhiều tới vấn đề này. N. M. Khác-la-mốp và các trợ lý của đồng chí làm việc không quản đêm ngày vì phải tới dự các cuộc diễn tập chuẩn bị của các đơn vị đổ bộ vào đất Pháp, kiểm tra sự sẵn sàng của các đoàn tàu chở hàng đường biển, v. v..

Lúc mở mặt trận thứ hai, người đứng đầu phái đoàn quân sự Liên Xô đi trên chiếc tàu tuần dương “Ma-vri-xét” tiến vào khu vực tác chiến và đổ bộ lên Noóc-măng-di. Ít lâu sau, đồng chí được triệu tập về Liên Xô. Người đứng đầu phái đoàn quân sự Liên Xô ở Anh từ tháng Mười một 1944 cho đến hết chiến tranh là tướng A. Ph. Va-xi-li-ép. Trước đó, đồng chí hoạt động ở mặt trận I-ta-li-a của các nước đồng minh.

Thiếu tướng I. A. Xu-xlô-pa-rốp là đại biểu quân sự của Liên Xô nằm trong Bộ tham mưu các lực lượng vũ trang của nước Pháp kháng chiến và của tướng Đ. Ai-xen-hao. Tổng tư lệnh các đội quân viễn chinh của các nước đồng minh. I. A. Xu-xlô-pa-rốp là một nông dân đã tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và tham gia cuộc Khởi nghĩa vũ trang tháng Mười.

Năm 1939, đồng chí làm tùy viên quân sự của Liên Xô ở Pa-ri. Đồng chí hoàn thành trách nhiệm của mình một cách xứng đáng và khôn ngoan, người tùy viên quân sự của Liên Xô đã được chứng kiến tận mắt tấn thảm kịch tan vỡ và sự đầu hàng của nước Pháp do những người cầm quân thấp hèn phản bội.

Lúc bắt đầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại Xu-xlô pa-rốp trở về Tổ quốc. Đồng chí phục vụ trong Bộ tham mưu pháo binh Hồng quân và từ năm 1942 đến giữa năm 1944 đã chỉ huy thắng lợi pháo binh của tập đoàn quân 10 thuộc phương diện quân Tây.

Đến mùa hè năm 1944, I. A. Xu-xlô-pa-rốp lại được bổ nhiệm làm công tác quân sự-ngoại giao và ít lâu sau được cử giữ chức trưởng phái đoàn quân sự của Liên Xô ở Pháp. Nhiệm vụ của đồng chí thật nặng nề, Xu-xlô-pa-rốp chịu trách nhiệm liên hệ với các nước đồng minh đang mở mặt trận thứ hai ở châu Âu. Khó khăn nhiều nhất là khi những tên đầu sỏ phát-xít Hít-le, đứng trước tai họa bị thất bại ở mặt trận Xô - Đức, bắt đầu ngấm ngầm tìm kiếm lối thoát bằng cách đầu hàng bộ chỉ huy Anh - Mỹ ở phía Tây.

Tình hình càng thêm phức tạp ở chỗ phái đoàn quân sự của Liên Xô đặt ở Pa-ri, còn Bộ tham mưu các đơn vị của Ai-xen-hao mà bọn Hít-le đang ngấm ngầm ve vãn lại đóng ở Rem-xơ cách phía Đông thủ đô nước Pháp 125 ki-lô-mét.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu dự kiến khả năng địch sẽ thỏa thuận ngừng với các nước đồng minh ở sau lưng Liên Xô, nên I. A. Xu-xlô-pa-rốp được giao quyền đại biểu cho Liên Xô trong trường hợp bọn phát-xít Đức đầu hàng, và Liên Xô đã thông báo cho các nước đồng minh biết điều đó. Đồng chí mới nhận quyền đã phải đem ra sử dụng ngay và tỏ ra không những sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm quan trọng đó mà còn biết bảo đảm lợi ích của Tổ quốc.

Đây là nói đến vấn đề nước Đức Hít-le ký kết đầu hàng ở Rem-xơ ngày 7 tháng Năm 1945, mà tôi sẽ nói tới trong chương “Trên các tuyến cuối cùng ở châu Âu”, ở đây, tôi chỉ nói rằng tình hình lúc đó hết sức gay go, và I. A. Xu-xlô-pa-rốp đã tìm ra cách giải quyết một cách thắng lợi trước tình thế khó khăn bấy giờ.

Phái đoàn quân sự của Liên Xô ở Nam Tư giữ một vị trí rất nổi bật trong công tác của Bộ tổng tham mưu về các vấn đề chuyên môn. Như mọi người đều biết, những người cộng sản và các dân tộc trên đất nước này đã cầm vũ khí đứng lên chống lại bọn chiếm đóng Hít-le. Khi nổ ra cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, mối quan hệ hữu nghị anh em giữa những người cộng sản,

các dân tộc Liên Xô và Nam Tư càng trở nên vững chắc hơn.

Các chiến sĩ bộ đội và du kích Nam Tư phải chiến đấu trong tình huống rất khó khăn. Do sự cần thiết, họ phải đặt căn cứ trong các vùng rừng núi hẻo lánh, thiếu lương thực và phải chịu đựng những thiếu thốn nặng nề về mọi phương tiện vật chất, trước hết là thiếu trang bị và đạn dược. Thêm nữa, địch lại ra sức gây chia rẽ hận thù giữa các dân tộc trong một quốc gia có nhiều dân tộc, nên càng làm cho tình hình khó khăn hơn.

Thế nhưng, nhân dân đã vượt qua mọi khó khăn đó và đến cuối năm 1943, với sự chi viện của Liên Xô, nhân dân đã làm nên nhiều sự kiện. Ngọn lửa đấu tranh của nhân dân lan rộng khắp nước. Nam Tư tuyên bố là một nước cộng hòa liên bang dân chủ và không cho nhà vua quay trở về đất nước.

Trong quá trình đấu tranh vũ trang chống bọn chiếm đóng, các lực lượng nhân dân kháng chiến đã trở nên vững mạnh hơn. Rồi đến thời kỳ các hình thức chiến tranh du kích chuyển thành các chiến dịch có kế hoạch, các chi đội phân tán trở thành các đơn vị chính quy. Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư bắt đầu được tổ chức cân đối, nhanh chóng ổn định hệ thống cung cấp và huấn luyện. Cơ quan tham mưu các cấp được thành lập và bắt đầu hoạt động có kết quả.

Sau Hội nghị Tê-hê-ran (28 tháng Mười một đến 1 tháng Chạp 1943) Bộ tổng tham mưu nhận được lệnh cử sang Nam Tư một phái đoàn quân sự Liên Xô bên cạnh I. Brót Ti-tô. Cần nhắc đến việc thời gian này ở Nam Tư không phải chỉ có đấu tranh vũ trang, mà còn đang tiến hành xây dựng lại các lực lượng vũ trang trên cơ sở chính quy, nên quyết định chọn người trưởng phái đoàn phải là một đồng chí giàu kiến thức về nghệ thuật quân sự và xây dựng quân đội

Người được lựa chọn là tướng N. V. Coóc-nê-ép, nguyên cán bộ giảng dạy Học viện Bộ tổng tham mưu. Tôi đã học tập được ở đồng chí và có thể nói sự chọn lựa này rất đúng. N. V. Coóc-nê-ép đang ở tuổi bốn mươi ba. Đồng chí là một cán bộ thành thạo về công tác quân sự và, ngoài các mặt khác, còn kết hợp được cả sự dũng cảm của cá nhân với tính thận trọng, một đức tính thật rất cần thiết trong hoàn cảnh ở Nam Tư vào thời gian ấy. Phó trưởng đoàn là đại tá X. V. Xô-cô-lốp bốn mươi tuổi, một cán bộ giàu kinh nghiệm, thông thạo những hoạt động về không quân trong điều kiện chiến trường rừng núi.

Ngày 17 tháng Giêng 1944, hai phi công A. X. Soóc-ni-cốp và Lê-bê-đép đã lái hai chiếc máy bay chở phái đoàn quân sự từ Mát-xcơ-va bay qua A-xtơ-ra-khan, Tê-hê-ran, Kháp-ba-nhi-a, Lơ Ke, Tuy-ni đến thành phố Ba-ri nước I-ta-li-a. Tại đây, ở điểm “mút” của bán đảo A-pen-nin có một căn cứ không quân của Anh. Và từ đó, phái đoàn sẽ bay tới vùng rừng núi Bô-xni-a nơi đặt căn cứ của Bộ tham mưu tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư.

Phái đoàn Liên Xô được các đơn vị quân Anh đồng minh đón tiếp chu đáo ở Ba-ri, ở đây có sân bay tốt, các kho tàng cần thiết và các phương tiện thông tin. Sau này, theo đề nghị của Chính phủ Liên Xô, toàn bộ căn cứ ấy được chuyển giao cho các Lực lượng vũ trang Liên Xô, vì sự chi viện của Liên Xô cho Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư được tiến hành rất rộng. Trước lúc thành lập mặt trận Liên Xô trên đất Nam Tư, mọi dụng cụ chiến tranh đều chở tới đây bằng đường không bay qua A-đri-a-tích. Các nước đồng minh cùng tham gia vào hoạt động này, họ có những căn cứ khác, được thiết bị tốt hơn.

Thế nhưng, tới được Nam Tư không phải không có khó khăn. Các nhà cầm quyền quân sự Anh mà đại biểu là phó thống chế không quân E-li-ót đã tìm mọi cách làm chậm trễ việc cất cánh của các máy bay Liên Xô. Họ viện các lý do: nào sương mù trên biển A-đn-a-tích, nào tuyết xuống dày không thể hạ cánh xuống khu vực đã định. Họ lần lữa ngày này sang ngày khác...

Mặc dầu vậy, những người chỉ huy đầy nhiệt huyết của Liên Xô đề nghị vẫn cứ bay, dù là mạo hiểm. N. V. Coóc-nê-ép lệnh cho các cán bộ trong đoàn hàng ngày luyện tập các phương pháp đổ bộ bằng tàu lượn và nhảy dù (nếu không bảo đảm đổ bộ bằng tàu lượn được). Tất nhiên, phải nói rằng như vậy cũng mạo hiểm, song không đến nỗi quá lớn. Mát-xcơ-va cho phép làm như vậy.

Ngày 23 tháng Hai 1944 - Ngày kỷ niệm thành lập Hồng quân, phái đoàn quân sự của Liên Xô đổ bộ bằng tàu lượn thành công. Từ đó, tướng Coóc-nê-ép và các sĩ quan trong phái đoàn lúc nào cũng ở liền bên Bộ tham mưu tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư. Các đồng chí đã chia sẻ với các bạn Nam Tư mọi nỗi gian truân trong chiến tranh và những niềm vui khi chiến thắng quân chiếm đóng Hít-le.

X V. Xô-cô-lốp ở lại Ba-ri. Thuộc quyền đồng chí tại căn cứ này (như đã nói ở trên là ít lâu sau, căn cứ ấy đã chuyển sang cho chúng ta) có hai phi đội - phi đội vận tải và phi đội tiêm kích, mỗi phi đội có 12 máy bay. Các phi đội có nhiệm vụ chuyên chở hàng - trang bị, đạn dược, thuốc men - cho Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư, chở các cán bộ chỉ huy và quân y tới đó rồi chở các thương binh về.

Công việc ngập tới tận cổ. Chỉ một điều này thôi cũng đủ nói lên tất cả: các phi công Liên Xô đã chuyên chở tới hơn 5000 người, chỉ tính riêng các chiến sĩ và sĩ quan Nam Tư, bay qua trận tuyến tới các vùng chiến đấu khác nhau. Ngoài ra, còn rất nhiều nhiệm vụ khác nữa hoàn toàn đột xuất, ví như cứu Bộ tham mưu tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư và cá nhân đồng chí I. Brốt Ti-tô vượt khỏi tình thế hiểm nghèo. Các phi công buộc phải bay ở ngoài biển, ở những vùng rừng núi trong các khu vực rất khác nhau của đất nước. Hàng hóa được chở đến Tséc-nô-gô-ri-a, Xéc-bi-a, Bô-xni-a, Đan-ma-xi-a, Ma-kê-đô-ni-a, Xlô-ve-ni-a, và Khoóc-va-ti-a, phải bay vào đất nước An-ba-ni và Hy Lạp.

X. V. Xô-cô-lốp cũng như N. V. Coóc-nê-ép nhiều lần còn phải độc lập hạ những quyết tâm quan trọng, như: trong tháng Sáu 1944, làm phá sản âm mưu địch định dùng biệt kích thủ tiêu ban lãnh đạo các đơn vị Quân đội giải phóng nhân dân ở Đrva-rơ mà dưới đây chúng ta sẽ nói tới. Đồng chí phụ trách căn cứ đã phải bay nhiều lần tới các khu vực dự kiến các máy bay Liên Xô sẽ hạ cánh để xác định tại chỗ các điều kiện hạ cánh và chỉ sau đó mới hạ lệnh. Toàn thể các đồng chí đóng tại căn cứ Ba-ri của Liên Xô đã đoàn kết nhất trí với nhau trên tình đồng chí và tình bạn. Các phi công, nhân viên kỹ thuật và phục vụ. mặc dầu phải ở xa Tổ quốc, song đều nhận rõ trách nhiệm và vinh dự của những người con của thế giới xã hội chủ nghĩa vĩ đại, đã hoàn thành một cách xứng đáng nhiệm vụ chiến đấu nặng nề của mình cho tới ngày chấm dứt chiến tranh.

Trong Bộ tham mưu của tư lệnh đạo quân viễn chinh các nước đồng minh ở Địa Trung Hải cũng có phái đoàn quân sự của Liên Xô do thiếu tướng A. A. Ki-xlen-cô đứng đầu. Vào giai đoạn cuối cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, lúc kết thúc việc tiêu diệt đế quốc Nhật, trong Hạm đội

Mỹ ở Thái Bình Dương cũng có tổ sĩ quan liên lạc của Liên Xô, đứng đầu là thiếu tướng hải quân I-va-nốp-xki.

Sau Hội nghị Tê-hê-ran, sự hiệp đồng giữa các Lực lượng vũ trang Liên Xô và các nước đồng minh phát triển rộng rãi hơn. Như chúng ta biết, vấn đề rất quan trọng là mở mặt trận thứ hai ở châu Âu cuối cùng đã được giải quyết. Tôi đã viết trong cuốn sách trước đây là hồi đó tôi có dịp được phục vụ công tác cho Tổng tư lệnh tối cao tại Tê-hê-ran và tổ chức liên lạc hàng ngày giữa đồng chí với Bộ tổng tham mưu và các phương diện quân.

Đoàn đại biểu Liên Xô giữ vai trò hết sức quan trọng trong cuộc hội nghị này. Các cuộc hội đàm được tiến hành trong sứ quán Liên Xô đủ cho thấy rõ ý nghĩa thắng lợi của các Lực lượng vũ trang chúng ta thật vĩ đại biết chừng nào. Kết quả các bước ngoặt cơ bản trong chiến tranh chúng ta đã giành được ở Xta-lin-grát và Cuốc-xơ, ở Khác-côp và Ki-ép. Ở Đni-ép-rơ và Xô-giơ, như sờ thấy, như trông thấy: đó là nguyên nhân chủ yếu để các nước đồng minh ngồi vào bàn tròn hội nghị và thỏa thuận việc mở mặt trận thứ hai.

Hoàn toàn rõ ràng là các chiến sĩ xô-viết có thể đơn phương đánh tan bọn phát-xít Hít-le và các nước đồng minh sẽ trở thành những kẻ chậm chân, đứng ở phía sau. Hồi đó, đoàn đại biểu Liên Xô đã đập tan ý định phản động của Sốc-sin về “phương án Ban-căng”, là phương án tiến công ở vùng Ban-căng của các đơn vị quân đồng minh phương Tây. Chúng ta đòi phải tiến hành kế hoạch đổ bộ có hiệu quả hơn và có tầm quan trọng về chính trị của quân đội Anh - Mỹ vào lãnh thổ Pháp.

Hội nghị Tê-hê-ran là kết quả rực rỡ của những chiến thắng vẻ vang của Quân đội Liên Xô năm 1943 và đồng thời cũng là bước đầu quyết định các đòn tiến công trí mạng hiệp đồng với nhau theo một ý định chung của các đơn vị trong khối liên minh chống Hít-le trên các mặt trận châu Âu vào năm sau.

Nửa năm 1944 về sau, khi các Lực lượng vũ trang Liên Xô đã triển khai cuộc hành binh giải phóng vĩ đại ra các nước ngoài và mặt trận thứ hai đã mở thì vấn đề hiệp đồng giữa các lực lượng trong khối liên minh bắt đầu được giải quyết một cách thiết thực với đầy đủ nội dung của nó. Do đó, Bộ tổng tham mưu cũng có thêm việc.

Hàng ngày, chúng ta phải thông báo cho các nước đồng minh về tình hình ngoài mặt trận của các đơn vị quân ta, xác định các mục tiêu và tuyển tập kích bắn phá của không quân Liên Xô và không quân đồng minh, phối hợp thời hạn hành động và hướng nỗ lực của các đơn vị và hạm đội. Chúng ta đã dành một số sân bay ở khu vực Pôn-ta-va để không quân Anh - Mỹ từ I-ta-li-a và Anh bay sang bắn phá các mục tiêu của địch.

Các cuộc hội đàm giữa A. I. An-tô-nốp, N. V. Xla-vin và nhiều cán bộ trong Bộ tổng tham mưu với các đại biểu, các trưởng phái đoàn của các đoàn đại biểu các nước đồng minh và từng cá nhân, đã trở thành bộ phận hợp thành thường lệ trong kế hoạch công tác của chúng ta. Những vấn đề thỏa thuận với nhau trong các lần hội đàm ấy đều được gửi lên để Đại bản doanh quyết định.

Cơ quan cao nhất của khối liên minh các nước chống Hít-le là hội nghị những người lãnh đạo ba nước lớn, đề ra những giải pháp chủ yếu quyết định tính chất, thời gian và lực lượng các chiến dịch sắp tới của các lực lượng vũ trang, hướng đột kích chủ yếu của quân đội các nước đồng minh.

Ngoài sự kiện Tê-hê-ran đã được chúng ta nói tới, còn có Hội nghị Crum và Hội nghị Pốt-xđam. Hai hội nghị trên được tiến hành từ ngày 4 đến hết ngày 11 tháng Hai và từ ngày 17 tháng Bảy đến hết ngày 2 tháng Tám 1945.

Ở Hội nghị Crum, ba nước bàn việc phối hợp các kế hoạch chiến lược, sau này đã được thực hiện nghiêm chỉnh. A. I. An-tô-nốp đọc báo cáo phân tích tình hình quân sự và những dự kiến sau này. Tổng tham mưu trưởng của hai nước Anh và Mỹ (trong bộ ba nước lớn) cũng đọc những báo cáo như vậy.

Bộ tổng tham mưu Liên Xô bày tỏ lòng mong muốn rằng quân đội các nước đồng minh cần tính đến sự suy yếu của các lực lượng Hít-le ở phía Tây khi Hồng quân tiến tới sông Ô-đê để chuyển sang tiến công trong nửa đầu tháng Hai 1945. Các phiên họp tại Cung Li-va-đi-a còn xác định cả thời gian và điều kiện Liên Xô bước vào tuyên chiến với Nhật.

Cuối cùng, Hội nghị Pốt-xđam đã vạch ra chính sách chung của các nước tham gia khối liên minh chống Hít-le trong vấn đề nước Đức. Đó là điểm trung tâm của các buổi hội đàm. Cũng trong Hội nghị Pốt-xđam này, Chính phủ Liên Xô đã xác nhận trách nhiệm của mình tuyên chiến với nước Nhật. Bọn giặc quân phiệt bị tiêu diệt, các dân tộc bị bọn chiếm đóng Nhật nô dịch được giải phóng đã đánh dấu việc chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai.

Ngoài ra, các vấn đề cấp bách của chiến tranh, chẳng hạn vấn đề chiến dịch của các lực lượng vũ trang, được giải quyết bằng cách trao đổi thư từ với nhau. Ví như sự kiện mùa đông năm 1945, khi các nước đồng minh bị nguy khốn ở Ác-đen. Hồi đó, dựa vào bức thông điệp của U. Sốc-sin gửi cho chúng ta kết thúc bằng câu: “Tôi thấy tình hình cấp bách lắm rồi”, chúng ta đã quyết định mở sớm chiến dịch Vi-xla – Ô-đê. Các đơn vị quân ta nổ súng tiến công ngày 12 tháng Giêng 1945.

Bộ tổng tham mưu đã chuẩn bị tài liệu về các vấn đề quân sự cho vị đứng đầu Chính phủ Liên Xô trong tất cả ba cuộc hội nghị ấy.

Bộ tổng tham mưu giải quyết nhiều vấn đề quan trọng, bảo đảm cho Bộ tổng tư lệnh tối cao chỉ huy các đơn vị trên mọi mặt trận. Công việc đó bắt đầu từ lúc chuẩn bị các kiến nghị về quyết định và kết thúc bằng việc kiểm tra các đơn vị thực hiện quyết định đó. Đi đôi với những công việc to lớn, quan trọng và tỉ mỉ nhằm thu thập và nghiên cứu các tin tức tình huống, cơ quan tham mưu đã tổ chức và giữ vững thông tin liên lạc, bảo đảm thông suốt liên tục với các đơn vị.

Bảo đảm được bí mật việc chỉ huy các đơn vị cùng là một mặt hoạt động rất quan trọng của Bộ tổng tham mưu. Các mã, các bộ mật mã bảo đảm giữ gìn bí mật, do một cơ quan đặc biệt phụ trách.

Tôi rất biết ơn mỗi khi nhớ tới thượng úy P. X. Ba-clư-cốp, người đã đi công tác cùng với tôi đến các mặt trận. Đồng chí cũng chính là người đã bảo đảm công tác thông tin quân sự bằng mã trong thời gian Hội nghị Tê-hê-ran. Năm 1970, do một sự tình cờ, tôi được gặp lại P. X. Ba-clư-cốp (bấy giờ là đại tá) và hai chúng tôi sung sướng ôn lại những ngày đã qua.

Từ cuối năm 1944, đối với Bộ tổng tham mưu, nhiệm vụ chỉ huy có phần nào phức tạp thêm, vì chế độ đại diện của Đại bản doanh bắt đầu thu hẹp lại rất nhiều.

Bạn đọc còn nhớ là trong năm đầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, chúng ta đã thấy cần thiết phải có đại diện của Đại bản doanh ở các mặt trận và từ đó, công tác của các đồng chí đại diện tuy chỉ là một yếu tố lâm thời song lại hết sức quan trọng trong việc chỉ đạo chiến lược. Nhưng đến trước khi kết thúc chiến tranh lại đặt ra vấn đề: có nên duy trì khâu chỉ đạo này không? Ngoài các mặt trận, công việc tiến hành thắng lợi, các đồng chí tư lệnh đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

Nhưng cũng nảy sinh ra sự hoài nghi là liệu Đại bản doanh có thể từ Mát-xcơ-va trực tiếp chỉ đạo các hành động chiến đấu với quy mô to lớn ở các mặt trận trên bộ và ngoài biển không? Nếu xảy ra những bước ngoặt bất ngờ trong quá trình chiến tranh, thì Đại bản doanh liệu có bị mất tay lái chỉ đạo các lực lượng vũ trang hay không?

Phải nói rằng, đây là vấn đề I. V. Xta-lin đặt ra khi Bộ tổng tham mưu báo cáo lên đồng chí dự thảo ban đầu về kế hoạch mở các chiến dịch trong chiến cục kết thúc chiến tranh. A. I. An-tô-nốp xin thêm thời gian để suy nghĩ. Tổng tư lệnh tối cao thông cảm với đề nghị của An-tô-nốp, nhưng cũng đặt câu hỏi đó cho Gh. C. Giu-cốp.

Đồng chí Giu-cốp cho rằng trong giai đoạn này, không có đại diện của Đại bản doanh cũng có thể làm tròn các nhiệm vụ, vì: số lượng các phương diện quân đã giảm bớt, tuyến trận đã thu hẹp, sự chỉ đạo các phương diện quân từ Trung ương đã ổn định và nghệ thuật chỉ huy của các đồng chí tư lệnh đã trưởng thành. Tình hình đó, theo ý kiến đồng chí, cho phép chỉ huy vững chắc các phương diện quân, mà không cần có đại diện của Đại bản doanh.

Như mọi lần gặp những trường hợp như vậy, An-tô-nốp liền bắt liên lạc ngay với Tổng tham mưu trưởng A. M. Va-xi-lép-xki. Lúc này, đồng chí đang ở Pri-ban-tích. Hai người trao đổi ý kiến với nhau. Bộ tổng tham mưu chưa đồng ý giải thể triệt để ngay chế độ đại diện Đại bản doanh với nhiều lý do: tuyến các mặt trận mặc dù đã được thu hẹp song hãy còn tới trên 2000 ki-lô-mét; thêm nữa là trong chiến cục mùa đông lại phải tổ chức tiến công trên khắp các mặt trận. Sở chỉ huy của các phương diện quân và tập đoàn quân ở cách nhau quá xa. Tình huống trên các khu vực ngoài mặt trận lại rất khác nhau và có lúc phải thay đổi về cơ bản (ví như ở Ba-la-tông). Do đó, Bộ tổng tham mưu cho rằng, chỉ có thể bãi bỏ đại diện của Đại bản doanh trong những trường hợp cá biệt, khi sự chỉ đạo từ Trung ương được bảo đảm chắc chắn hoàn toàn.

Tổng tư lệnh tối cao đứng về phía Bộ tổng tham mưu. Đồng chí bãi bỏ chế độ đại diện Đại bản doanh trên hướng chủ yếu - hướng chiến lược phía Tây và trực tiếp nắm quyền chỉ đạo các phương diện quân. Nguyên soái Liên Xô X. C. Ti-mô-sen-cô được giữ lại làm đại diện của Đại bản doanh ở các phương diện quân U-cra-i-na 2 và 3 (chỉ lệnh của Đại bản doanh ngày 21 tháng Giêng 1945, số 11012).

Đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki làm đại diện của Đại bản doanh ở các phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2. Nhân đây, cần nói thêm rằng các báo cáo của đồng chí gửi Đại bản doanh về tình hình ở các mặt trận và các đề nghị hành động ở các đơn vị thật hết sức rõ ràng và đầy đủ. Sau khi A. M. Va-xi-lép-xki trở về Mát-xcơ-va trong một thời gian ngắn thì đại diện của Đại bản doanh ở các phương diện quân Pri-ban-tích này là Nguyên soái Liên Xô L. A. Gô-vô-rốp, "kiêm" tư lệnh phương diện quân Lê-nin-grát (chỉ lệnh của Đại bản doanh ngày 2 tháng Hai 1945, số 11018).

Cuộc sống đã khẳng định tính đúng đắn của chỉ lệnh đó.

Còn nhiều cơ quan khác, chẳng hạn như cơ quan giao thông quân sự, cũng đã giữ vai trò rất quan trọng trong công tác của Bộ tổng tham mưu. Việc điều động, bố trí lại các đơn vị, cấp phát dự trữ vật chất, đưa về phía sau, sẽ vô nghĩa nếu không có công tác giao thông quân sự biết tổ chức thật ăn khớp, thật chính xác.

Mọi công tác điều động, vận chuyển các lực lượng và phương tiện bằng đường sắt, đường thủy, đường không và đường bộ đều do cơ quan tham mưu phụ trách. Cơ quan tham mưu đặt kế hoạch sẽ vận chuyển đi những đâu, vận chuyển những thứ gì và bằng hình thức nào, đến thời hạn nào phải vận chuyển xong, còn các cơ quan chuyên môn phụ trách các mặt công tác này là những đơn vị thực hiện kế hoạch. Các cơ quan ấy còn tổ chức công tác cảnh bị trên khắp các tuyến đường giao thông.

Ngoài cơ quan giao thông quân sự trong mọi bộ tham mưu lớn, kể từ Bộ tổng tham mưu, còn có các cơ quan phụ trách việc đặt kế hoạch bảo đảm cho bộ đội trang bị, đạn dược, khí tài, xăng dầu, lương thực và tất cả các phương tiện cần thiết khác.

Nhưng, đây lại không phải là những cơ quan cung cấp. Các cơ quan này không có kho tàng, không có căn cứ và phương tiện vận chuyển. Trong tay họ chỉ có các văn kiện - các kế hoạch, bảng tính, thông báo (bây giờ cả máy tính).

Tài sản chủ yếu nhất của các cơ quan ấy là kỹ năng của những con người thông thạo công việc của mình. Họ hạch toán mọi hình thức bảo đảm vật chất, họ biết trong các kho tàng có những thứ gì và nền công nghiệp sản xuất được loại sản phẩm nào. Ở đây, họ còn soạn thảo cả những kế hoạch lâu dài, lên kế hoạch yêu cầu, đề nghị phê chuẩn các bảng tính phân phối các nguồn dự trữ vật chất.

Tóm lại, các cơ quan bảo đảm vật chất cho bộ đội nằm trong tay cơ sở khả năng chiến đấu của quân đội. Người cán bộ tác chiến có thể vạch ra kế hoạch tổ chức chiến dịch đầy hứa hẹn, nhưng nếu không tính hết các khả năng vật chất, thì chiến dịch cũng chỉ còn là những mũi tên đẹp vẽ trên bản đồ và sẽ không thực hiện được.

Chúng tôi, những cán bộ tác chiến, hiểu rất rõ ý nghĩa của các mối quan hệ đúng đắn với tất cả những cơ quan ấy, đã cố gắng giúp đỡ họ; còn về phần mình, họ cũng đã làm tất cả những gì để đáp ứng những yêu cầu của các cán bộ tác chiến sao cho thật tốt hơn, không chút chậm trễ. Bởi lẽ đó, nên từ ấy giữa chúng tôi không phải chỉ có tình đoàn kết chặt chẽ trong công tác, mà còn có tình bạn nồng hậu và vững chắc của những con người.

Những công việc chính thường không tránh khỏi hay kèm theo những sự việc bận bịu khác, mà có lúc chúng ta hoàn toàn không dự kiến hết được, nhất là những sự việc xảy ra sau khi đã kết thúc chiến tranh. Ví dụ như sự việc dưới đây.

Sau chiến tranh được ít lâu, chúng ta quyết định mời thống chế tư lệnh Môn-tơ-gô-mê-ri sang thăm chính thức Liên Xô, ông ta là một nhà chỉ huy quân sự có danh tiếng nhất nước Anh, hồi ấy được phong công tước En A-la-mây. Thời gian sang thăm đã thỏa thuận với nhau từ lâu, cuối cùng quyết định gặp vào tháng Giêng 1947.

Ngay trong ngày đầu, Môn-tơ-gô-mê-ri sẽ đến thăm chính thức Nguyên soái Liên Xô A. M.

Va-xi-lép-xki, Tổng tham mưu trưởng. Chúng tôi định sẽ biếu Môn-tơ-gô-mê-ri một tặng phẩm của nước Nga để làm kỷ niệm. Chúng tôi suy nghĩ khá lâu, cố tìm bằng được một vật kỷ niệm tặng cho vị khách có chức tước cao, nhưng dường như các tặng phẩm thông thường của dân tộc xem ra chưa thích hợp. Hơn nữa hồi đó người ta có làm vật kỷ niệm đặc biệt đâu.

Rốt cuộc, một đồng chí nảy ra ý nghĩ may cho ông ta một kiểu quân phục Nga, áo khoác bằng da thuộc lông sóc và mũ trùm cấp tướng bằng lông cừu xám. Chúng tôi tán thành ý kiến ấy và cho đặt may áo mũ. Môn-tơ-gô-mê-ri sang thăm thì các thứ ấy cũng vừa may xong và để ở trong phòng viên tướng đặc nhiệm M. M. Pô-ta-pốp.

Cuối cùng viên thống chế đến và bước vào căn phòng tiếp đón, ở đây có mặt A. M. Va-xi-lép-xki, A. I. An-tô-nốp, N. V. Xla-vin và tác giả của những dòng này, hồi ấy được phân công đi cùng với Môn-tơ-gô-mê-ri tới thăm Học viện Bộ tổng tham mưu. Chào hỏi nhau xong, chúng tôi đi vào hội đàm. Sau đó là ấn định chương trình ở lại thăm.

Môn-tơ-rô-mê-ri muốn tỏ ra có những nét độc đáo riêng của mình, hay vì những lý do nào đấy, nói là ngày làm việc của ông ta bắt đầu từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối thì đi nghỉ. Ông ta vẫn duy trì chế độ làm việc như thế ngay trong suốt cả thời gian chiến tranh, kể cả những lúc khó khăn nhất. Chúng tôi hứa sẽ giữ vững thời gian đó cho ông ta, song vẫn thầm nghĩ là trong chiến tranh làm sao có thể giữ chế độ làm việc như vậy được! Theo chúng tôi hiểu, trong thời gian chiến tranh, chỉ có thể ngủ được lúc tình hình cho phép. Tất cả chúng tôi đều làm như vậy.

A. M. Va-xi-lép-xki nói ngắn vài lời nhân dịp ông ta sang thăm, rồi trao tặng ông ta chiếc áo khoác và mũ trùm. Môn-tơ-gô-mê-ri rất vừa lòng với món quà ấy, ông ta ngắm nghía thật lâu, rồi hỏi có đúng áo làm bằng da sóc thật không và ước giá là bao nhiêu. Chúng tôi không ai có thể trả lời về giá cả bộ áo này được nên tôi lại phải đi gọi dây nói ngay để hỏi giá.

Sau đó, Môn-tơ-gô-mê-ri có ý định mặc áo và đội mũ luôn. Hóa ra lúc mặc áo mới thấy, mũ trùm thì vừa, còn áo khoác lại quá dài. Phải nói là “kích thước xác thực” cần cho người thợ may mà chúng tôi nhận được thật khác hẳn với thực tế. Vị thống chế người Anh, vốn không có vóc dáng con người hiệp sĩ, thùng thình trong chiếc áo khoác ngoài.

A. M. Va-xi-lép-xki nói để ông ta yên tâm:

- Việc này sẽ xong ngay thôi. Sáng mai chúng tôi sẽ đem lại cho ngài chiếc áo thật như ý.

Thế nhưng viên thống chế lại không ưng như vậy, ông ta muốn sửa áo ngay tại đây và ông ta nán lại chờ. Tất cả chúng tôi bần khoản nhìn nhau.

- Stê-men-cô, đồng chí cho lệnh đi mời ngay thợ may đến đây - A. M. Va-xi-lép-xki nói với tôi.

Tôi bước ra. Bốn mươi phút sau, xe chở thợ may cùng với máy khâu đến, và người thợ may đã ngồi máy, thử áo, ngay trong phòng tiếp khách của Tổng tham mưu trưởng.

Trong khi ấy, phần thăm hỏi xã giao chính thức đã xong, mọi người bắt đầu chuyện trò thân mật với nhau. Chúng tôi nhớ lại công việc những ngày qua. Môn-tơ-gô-mê-ri say sưa kể cho chúng tôi nghe chiến dịch En A-la-mây, nơi ông ta đã đánh thắng Rôm-men. Chúng tôi uống cà phê đen lượt thứ ba thì thợ may sửa xong áo, thử lại một lần nữa, và bây giờ áo thật vừa vặn. Môn-tơ-gô-mê-ri hỉ hả, mặc nguyên cả áo như vậy ra về.

Hôm sau, tôi cùng đi với ông ta đến Học viện Bộ tổng tham mưu. Thăm các giảng đường và

các phòng thí nghiệm xong, Môn-tơ-gô-mê-ri bước lên bục giảng bài cho học viên về chiến dịch En A-la-mây. Bắt đầu giảng được mấy phút, thì hai sĩ quan Anh bỗng đứng lên phát tài liệu cho tất cả những người có mặt. Vấn đề này không nằm trong chương trình, tôi lo lắng: tại sao họ lại phát tài liệu bất ngờ như vậy, họ viết những gì trong đó.

Tôi cầm lấy một tờ, lệnh cho đồng chí phiên dịch ngồi bên đọc nghe. Té ra là, tài liệu cũng nói về En A-la-mây nhưng miêu tả ngắn gọn... Tôi nghĩ: những người chỉ huy của ta, như Gh. C. Giu-cốp hoặc I. X. Cô-nép chẳng hạn, thì sẽ phải dùng đến biết bao nhiêu tài liệu theo kiểu như thế với bao nhiêu trang in nữa vì dưới sự chỉ đạo của các đồng chí, chúng ta đã giành biết bao thắng lợi huy hoàng, về quy mô và kết quả còn vượt gấp mấy lần hơn thắng lợi ở En A-la-mây!

Trước khi thống chế Môn-tơ-gô-mê-ri về nước, I. V. Xta-lin tổ chức mời cơm thân mật, có chừng hai mươi người đến dự. Đến giờ đã định, chúng tôi, các cán bộ quân đội và các đại biểu của Bộ ngoại giao đã tề tựu trong Cung lớn điện Crem-li. Còn 5 phút nữa bắt đầu, vẫn chưa thấy Môn-tơ-gô-mê-ri đến. Chúng tôi gọi điện tới biệt thự của ông ta, thì được trả lời là ông ta đã ra đi rồi. Liền ngay đó, cửa mở, Môn-tơ-gô-mê-ri bước vào phòng khách, mặc cả áo khoác lẫn mũ trùm, tặng phẩm của chúng tôi.

- Sao lại thế nhỉ? - tôi chạy tới hỏi các sĩ quan Liên Xô đi cùng với ông ta. - Sao các đồng chí không để ông ta cởi áo khoác ở phòng ngoài?

- Ông ta kiên quyết từ chối, - các đồng chí trả lời như vậy.

Như nhận thấy băn khoăn, bối rối của những người có mặt, viên thống chế nói:

- Tôi muốn để Đại nguyên soái Xta-lin thấy tôi mặc bộ quân phục Nga.

Lúc này, I. V. Xta-lin và các thành viên trong Chính phủ bước vào. Môn-tơ-gô-mê-ri nói cho Xta-lin nghe lại câu chuyện vừa qua. Xta-lin cả cười và đề nghị chụp chung với ông ta bức ảnh. Sau đó, Môn-ti (tên người Anh gọi ông ta) cởi áo khoác và ngồi vào bàn.

Ngày hôm sau, chúng tôi ra sân bay trung ương tiễn Môn-tơ-gô-mê-ri, ông ta cũng vẫn mặc bộ quân phục Nga đó, nhận báo cáo của đồng chí đội trưởng đội danh dự rồi lên máy bay. không chịu cởi áo khoác ngoài - tặng phẩm của chúng tôi...

Công tác ở Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh thật đã ngốn hết mọi thời gian của một con người. Nó không dành cho chúng tôi một chút thời gian, một chút sức lực nào để làm các công việc khác. Chẳng còn ai dám phí phạm đến số thì giờ còn lại để nghỉ ngơi. Chúng tôi quý trọng từng phút một và học cách để đặt mình là ngủ liền.

Thậm chí đến lúc vận mệnh quân địch như đã được quyết định sẵn rồi, mà các cán bộ của Bộ tổng tham mưu vẫn sống như trước kia trong ngôi nhà làm việc và thực hiện cái vòng quay khép kín hàng ngày của mình là từ ngôi nhà làm việc sang nhà ăn, từ nhà ăn lại trở về nhà làm việc, từ chỗ làm việc sang văng ngủ, và từ văng ngủ lại đến nhà làm việc.

Không còn lấy một chút thì giờ rảnh, nếu như không có cái việc cắt tóc. Ở đây có gương soi, có áo choàng trắng sột soạt, mắt được nghỉ ngơi, và tay người thợ cạo mềm mại, mơn man mái tóc, nên nhiều đồng chí... đã “gật gù”. Chúng tôi nghỉ ngơi được một lát theo kiểu như vậy, mặt mày tươi tỉnh, tóc cắt sạch sẽ nhẹ nhàng, hút thuốc rồi lại lao sang phòng làm việc.

Sau chiến tranh, thời gian biểu làm việc hàng ngày của Bộ tổng tham mưu vẫn tiếp tục khắc nghiệt như vậy. Thời gian yêu cầu phải như thế, đất nước và các Lực lượng vũ trang đã chuyển sang thời bình song mỗi lo âu và tình trạng sẵn sàng chiến đấu vẫn chưa qua. Nước Mỹ đang đem bom nguyên tử ra hăm dọa.

Giống như trong những năm chiến tranh, I. V. Xta-lin hầu như không dành cho mình một thời gian rảnh nào. Đồng chí sống cốt để làm việc, vẫn không thay đổi thói quen thường làm việc đến tận 3-4 giờ sáng, có khi còn muộn hơn và đến 10 giờ, lại bắt tay vào làm việc. Đồng chí yêu cầu những người làm việc với đồng chí, trong đó có Bộ tổng tham mưu, cũng phải giữ chế độ làm việc như vậy.

Chúng tôi thường đi tới điện Krem-li và “biệt thự gần thành phố” của đồng chí để báo cáo các vấn đề quốc phòng. Tôi có thể nói rằng, giờ nghỉ ngơi của Xta-lin còn lại rất ít. Sau chiến tranh cũng vẫn vậy.

Ngoài những buổi hòa nhạc và biểu diễn sân khấu ngày lễ thường tổ chức sau các hội nghị trọng thể, I. V. Xta-lin không đi dự ở đâu hết. “Sân khấu” ở nhà đồng chí là giờ phát thanh ca nhạc và nghe máy quay đĩa. Phần lớn các đĩa hát mới gửi đến, đồng chí đều lấy ra nghe trước và đánh giá ngay. Trên mỗi đĩa hát đều ghi chữ viết tay của đồng chí: “đạt”, “khá”, “tạm được”, “tồi”.

Ở nhà ăn, trong chiếc tủ nhỏ và trên mặt bàn đặt gần chiếc quay đĩa tự động theo kiểu chiếc tủ, do nhân dân Mỹ tặng I. V. Xta-lin năm 1945, chỉ để lại những đĩa hát có ghi “tốt” và “khá”, còn những đĩa khác, đồng chí cất đi. Ngoài máy quay đĩa chạy điện, còn có chiếc máy quay đĩa chạy dây cót sản xuất ở trong nước. Chủ nhân tự đặt nó ở chỗ nào là tùy theo ý mình.

Ngoài ra, chúng tôi được biết, đồng chí thích đánh “gô-rốt-ki” (“gô rôt-ki” - trò chơi có quân tiện hình trụ bằng gỗ, dùng gậy đánh trúng, bật vào ô là thắng cuộc. - ND.). Mỗi ván chia ra độ 4-5 người chơi, tất nhiên là tùy thích của mỗi người. Những người còn lại đứng ngoài “cố vũ” ồn ào. Thường chơi 10 quân tất cả. Bắt đầu đi quân “pháo”. Những người thua cuộc có lúc bị châm chọc khá nhộn và Xta-lin cũng không bỏ lỡ những cơ hội châm chọc ấy. Đồng chí chơi không giỏi lắm, song rất say mê. Mỗi lần đánh trúng, đồng chí rất vui, thường nói: “đấy, có cừ không”, và mỗi khi đánh trượt, đồng chí lại móc diêm trong túi châm thuốc và rít mạnh hơi thuốc.

Xung quanh “biệt thự” của đồng chí, chúng ta không thấy có bồn hoa, cây cảnh, không có cả những lùm cây, hoặc cây được cắt tỉa cho đẹp mắt. I. V. Xta-lin thích tự nhiên phải được tự nhiên, không có bàn tay người đụng đến. Xung quanh nhà là rừng cây - lá nhọn sum sê - chỗ nào cũng um tùm không thấy vết rìu đẵn.

Gần nhà, các tổ chim và tổ sóc nằm trên những thân cây trọc không lá. Đây đúng là vương quốc của loài chim. Bàn thức ăn cho chim đặt ở những khoảng trống trong vườn. Hàng ngày, Xta-lin ra đấy cho chim ăn.

Kết thúc chương này, tôi muốn nhấn mạnh rằng, chuyện của tôi về những con người ở các cục trong Bộ tổng tham mưu mà tôi với tư cách cán bộ tác chiến, có dịp quan hệ chặt chẽ trong những năm chiến tranh, tất nhiên không thể nào kể cho hết được. Những con người ấy, hoàn thành một công tác hết sức to lớn, phức tạp và nặng nề, bảo đảm cho Đại bản doanh và Tổng tư lệnh tối cao chỉ đạo các hành động quân sự. Lòng yêu nước của các cán bộ trong Bộ tổng tham

mưu, trí tuệ và kiến thức tuyệt vời, tinh thần lao động quên mình không biết mỏi của các đồng chí đã phục vụ cho sự nghiệp chung chiến thắng quân thù.

CHƯƠNG HAI

• Nguồn gốc của tình đoàn kết chiến đấu

- Những niềm sung sướng mùa xuân.
- Con thú bị thương còn nguy hiểm hơn.
- Con đường quanh co của quân đội An-đéc-xơ.
- Âm mưu của chính phủ tư sản Ba Lan.
- Thành lập quân đội của nước Ba Lan nhân dân.
- Những người anh em Ba Lan đánh trận đầu.
- Thư của Tổng tư lệnh tối cao gửi U. Séc-sin.
- Không biết chỗ lợi...
- Trên đất nước Ba Lan.
- Cuộc tiến công phải được bảo đảm.
- Hội nghị trong Đại bản doanh.
- Chiếc bình đựng rượu huyền bí.

Ngày 26 tháng Ba 1944. Chiến tranh đã kéo dài 1009 ngày đêm. Cuộc tiến công bất hủ trong lịch sử chiến tranh của các phương diện quân U-crai-na trong điều kiện mùa xuân băng tan đã làm cho Cụm tập đoàn quân “nam” của phát-xít Đức bị thiệt hại nặng. Cụm tập đoàn quân này không những đã bị thiệt hại lớn, mà còn bị cắt ra làm hai.

Sau khi N. Ph. Va-tu-tin bị thương, Nguyên soái Liên Xô Gh. C. Giu-cốp tạm thời thay thế chỉ huy các đơn vị của phương diện quân U-crai-na 1 tiến ra vùng chân núi Các-pác. Hồi giữa tháng Hai, phương diện quân U-crai-na 2 do nguyên soái Liên Xô I. X. Cô-nép làm tư lệnh, hiệp đồng với phương diện quân của N. Ph. Va-tu-tin tổ chức chiến dịch hợp vây “tiểu Xta-lin-grát” ở Coóc-xun - Sép-tsen-côp-xki rồi sau đó vọt tiến tới Đne-xơ-rơ, tiến công vượt sông trên một chặng đường dài 175 ki-lô-mét, đánh chiếm được thành phố và trung tâm đường sắt Ben-xu. Ngay sau đó, các đơn vị của I. X. Cô-nép vẫn tiếp tục tiến công trên chính diện 85 ki-lô-mét, tiến tới biên giới quốc gia dọc theo sông Brút...

Chúng tôi chờ đợi ngày ấy đã lâu rồi. Bộ tổng tham mưu nhận được báo cáo của phương diện quân U-crai-na 2 gửi tới liền báo cáo ngay cho Tổng tư lệnh tối cao. Hồi ấy, tôi được cử giữ chức cục trưởng Cục tác chiến trong Bộ tổng tham mưu. Tổng tư lệnh tối cao lệnh bắn đại bác cấp một chào mừng bộ đội của I. X. Cô-nép: 324 khẩu đại bác bắn 24 loạt. Tôi và đồng chí A. A. Grư-dơ-lôp, cục phó Cục tác chiến, ngồi viết nhật lệnh chào mừng. 9 giờ tối, pháo hoa bắn chào trọng thể rực sáng cả bầu trời Mát-xcơ-va.

Tôi không thể diễn tả nổi bằng lời những tình cảm nức lòng mình trong những giờ phút ấy. Nguyện vọng thiêng liêng và khao khát giải phóng đất nước quê hương đã được thực hiện. Một ước mơ khác trỗi dậy, sục sôi không kém, xáo động chúng tôi là ước mơ chi viện cho các dân tộc đang bị rên xiết dưới ách phát-xít. Chúng tôi hiểu rằng, từ những phát súng đầu tiên ngày 22 tháng Sáu 1941, nhân dân xô-viết đã bắt đầu cuộc đấu tranh nhằm giải phóng Ru-ma-ni, Ba

Lan và các nước khác. Thế nhưng, lúc này đây, khi các chiến sĩ chúng ta tiến ra đến biên giới, thì Hồng quân mới trực tiếp đi vào thực hiện sứ mệnh giải phóng đó của mình ở các nước ngoài.

Phương diện quân U-crai-na 3 do đại tướng R. I-a. Ma-li-nốp-xki chỉ huy cũng tiến công thắng lợi. Phương diện quân đã đánh tan cụm quân gần Cri-vôi Rô-gơ của phát-xít Đức tiến tới Nam Búc và trong ngày hôm ấy, ngày 26 tháng Ba đã mở đầu chiến dịch giải phóng Ô-đét-xa, tiến vào Hạ lưu sông Dne-xtơ-rơ. A. M. Va-xi-lép-xki làm đại diện của Đại bản doanh, lúc này đang có nhiệm vụ phối hợp hành động của các phương diện quân U-crai-na 3 và 4, đã báo cho Bộ tổng tham mưu biết về quá trình chiến dịch.

Ngày 2 tháng Tư 1944, Chính phủ Liên Xô thông báo trong hội nghị báo chí rằng: các đơn vị Hồng quân vượt qua sông Prút trên một số đoạn và đã tiến vào lãnh thổ Ru-ma-ni; Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô ra lệnh truy kích địch cho tới khi hoàn toàn tiêu diệt chúng và buộc chúng phải đầu hàng.

Chính phủ Liên Xô tuyên bố: Liên Xô không có ý định chiếm giữ một bộ phận đất đai nào trên lãnh thổ Ru-ma-ni hoặc thay đổi chế độ xã hội hiện hành của đất nước này. Các đơn vị xô-viết phải tiến vào lãnh thổ Ru-ma-ni là do “sự tối cần thiết về mặt quân sự và do quân địch vẫn còn ngoan cố chống lại”.

Đến giữa tháng Tư, bộ đội Liên Xô vượt qua sông Prút, chiếm được tuyến Re-đe-u-si, Oóc-ghe-ép, Đu-bô-xa-rư và giữ thế vây bọc quân địch.

Theo truyền thống, Bộ tổng tham mưu chuẩn bị các tài liệu cho nhật lệnh của Tổng tư lệnh tối cao đọc vào dịp 1 tháng Năm. Khí thế chung rất phấn khởi vì đã đến lúc hoàn toàn giải phóng Tổ quốc. Còn sau này... khi chúng ta tổng cổ bọn địch ra khỏi nhà mình rồi thì lúc đó, chúng tôi nghĩ, chắc sẽ phấn khởi hơn nhiều.

Với những ý nghĩ ấy, tôi cùng với đồng chí A. I. An-tô-nốp, phó tổng tham mưu trưởng, lên đường đi báo cáo thường kỳ trong Đại bản doanh. Thông thường, khi công việc ngoài các mặt trận thuận lợi, Tổng tư lệnh tối cao rất vui và nhanh chóng giải quyết mọi vấn đề. Lúc góp ý về nội dung bản nhật lệnh 1 tháng Năm, cả hai chúng tôi đều tỏ lòng tin tưởng rằng lúc này, mọi khó khăn ở các nước ngoài sẽ được khắc phục nhanh hơn.

I. V. Xta-lin chăm chú nhìn chúng tôi và... sớm làm nguội lạnh sự quá trớn đó của chúng tôi. Đồng chí nói: quân địch bây giờ như con thú dữ đã bị thương, buộc phải bò về hang ổ của chúng để chữa chạy các thương tích. Nhưng con thú bị thương lại còn nguy hiểm hơn. Phải truy kích chúng và đến tận hang ổ chúng mà diệt.

I. V. Xta-lin nhấn mạnh rằng việc giải phóng các dân tộc đang bị bọn phát-xít nô dịch là một công việc không kém phần khó khăn như hồi đánh đuổi chúng ra khỏi biên giới đất nước Liên Xô. Tiếp tục nói lên những ý nghĩ của mình, đồng chí chỉ ra rằng: ở nước ngoài, bộ đội ta sẽ chiến đấu trong một hoàn cảnh chính trị khác về cơ bản với hoàn cảnh chính trị xã hội chủ nghĩa trên đất nước chúng ta. Ở đấy, quyền lợi các giai cấp đối kháng sẽ ảnh hưởng tới quá trình cuộc đấu tranh vũ trang, tới sự hiệp đồng với các nước đồng minh. Chúng ta sẽ có những người bạn tốt, nhưng cũng sẽ có những kẻ thù, nhất là trong hàng ngũ các giới đã cầm quyền trước đây và trong các tầng lớp nhân dân đang ủng hộ các giới cầm quyền đó.

Nội dung bản nhật lệnh đọc ngày 1 tháng Năm của Tổng tư lệnh tối cao bao hàm tinh thần

của những ý kiến đó.

Sau này, bản thân chúng tôi càng thấy thấm thía tính chất đúng đắn của các dự kiến của Xta-lin. Những ý định tiến công sâu vào Ru-ma-ni trong một thời gian không thu được kết quả. Bộ đội mỗi mệt, thiệt hại, cần phải bổ sung về người và khí tài.

Theo lệnh của Đại bản doanh, ngày 17 tháng Tư. phương diện quân U-crai-na 1, rồi đến ngày 6 tháng Năm 1944, phương diện quân U-crai-na 2 và 3, đã chuyển sang phòng ngự, tiền duyên chạy dài theo tuyến phía Đông Brô-dơ, phía Tây Téc-nô-pôn, Cô-lô-mui-a, Pa-sca-ni, phía Bắc I-át-xư, phía Đông Ki-si-ni-ốp và xa nữa, dọc sông Đne-xơ-rơ.

Các phương diện quân được lệnh phải sẵn sàng tiến công vào cuối tháng Năm. Thời gian đó sau này có hoãn lại vì bắt đầu từ 30 tháng Năm, quân địch tập kích mạnh vào các đơn vị quân ta và đánh bật các đơn vị quân ta sang bên kia sông Prút.

Bốn sư đoàn xe tăng Đức (sư đoàn 14, 23, 24, sư đoàn SS “đầu lâu”, sư đoàn cơ giới “nước Đại Đức” và một số binh đoàn bộ binh, được pháo binh và không quân chi viện mạnh, đã tham gia cuộc tập kích đó. Sau mười ngày chiến đấu ác liệt, quân địch dù bị thiệt hại nặng, đã thọc sâu được vào đội hình bố trí các đơn vị của ta; ở một số nơi cá biệt, chúng đột nhập sâu tới 30 ki-lô-mét.

Hoạt động ráo riết đó của địch không thể không làm cho phương diện quân, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu lo lắng. Theo tin tức chúng ta nhận được, thì thời gian đó bộ chỉ huy phát-xít Đức tập trung lực lượng để tổ chức tập kích không riêng ở I-át-xư, mà ở cả khu vực Ki-si-ni-ốp. Tại đây, quân địch ít ra cũng có tới 7 sư đoàn bộ binh, 5 sư đoàn xe tăng và cơ giới. Lúc này, chúng có thể liều lĩnh tung hết lực lượng ra để giành lấy thắng lợi trên hướng thành phố Ben-xư và tiến vào phía sau cánh quân ta ở phía Tây Đne-xơ-rơ.

Mối nguy cơ đó rất nghiêm trọng, nhưng các chiến sĩ chúng ta vẫn kiên cường đứng vững trên tuyến ấy. Các đơn vị của phương diện quân U-crai-na 2 anh dũng phòng ngự đã đập tan ý đồ của bộ chỉ huy phát-xít Đức. R. I-a. Ma-li-nốp-xki, tư lệnh phương diện quân, báo cáo về Bộ tổng tham mưu rằng: 4 sư đoàn xe tăng địch đã bị thiệt hại nặng trong các trận đánh này. Thế nhưng chúng ta vẫn chưa thể tổ chức tiến công ở đây được, vì bộ đội ta cũng phải trả giá đắt trong những trận đánh ác liệt đó.

Nhận thấy ở phía Tây - Nam, lực lượng hai bên đã cân bằng, đặc biệt là xe tăng, và lúc này vẫn chưa thể thay đổi tình hình có lợi cho ta được, Bộ tổng tham mưu đề nghị: sau khi tiêu diệt địch trên các hướng khác, chúng ta sẽ khôi phục lại cuộc tiến công ở khu vực này. Đại bản doanh đồng ý.

Bộ đội bắt đầu chuẩn bị cho chiến dịch “Ba-gra-chi-on” và chuẩn bị thực hiện các ý định chiến lược khác của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô. Việc hoãn thời hạn mở chiến dịch trên hướng Tây - Nam hoàn toàn không có nghĩa là hủy bỏ việc chuẩn bị chiến dịch ấy; cả Bộ tổng tham mưu lẫn các phương diện quân vẫn tiến hành việc chuẩn bị đó.

Tôi muốn được nói rõ thêm là: chúng ta không phải chỉ bận tâm với các vấn đề quân sự. Bộ tổng tham mưu cùng với Tổng cục chính trị, hội đồng quân sự các phương diện quân và tập đoàn quân đã chuẩn bị cho người chiến binh Liên Xô nhận thức đầy đủ vị trí đặc biệt của họ khi hành động ở nước ngoài: là người chiến sĩ của các Lực lượng vũ trang Liên Xô, là người đại biểu của chế độ xã hội tiên tiến nhất.

Cho đến ngày 20 tháng Tám, chúng ta vẫn chưa tổ chức các chiến dịch tiến công trên lãnh thổ Ru-ma-ni. Ngược lại, ở Ba Lan, bộ đội ta đã tiến công suốt cả mùa hè, tiến tới Xi-xla và đang tiến quân thắng lợi trên hướng các vùng phụ cận phía Đông Vác-sa-va - Pra-ga. Trong quá trình tác chiến trên đất Ba Lan, tập đoàn quân Ba Lan 1 do tướng D. Béc-lin-gơ làm tư lệnh đã sát cánh chiến đấu với các đơn vị chúng ta. Thời gian này, các chiến sĩ Ba Lan là người bạn chiến đấu trung thành của chúng ta.

Do chức trách công tác của mình, tôi được biết nguồn gốc thành lập Quân đội nhân dân Ba Lan và đã thường xuyên tiếp xúc chặt chẽ với các lực lượng vũ trang Ba Lan trên lãnh thổ Liên Xô. Bởi lẽ đó, tôi mong muốn được kể lại một cách chi tiết hơn về Quân đội Ba Lan, về sự xuất hiện và trưởng thành của nó, về con đường khó khăn mà Quân đội Ba Lan đã trải qua.

Ngay từ ngày đầu Chiến tranh giữ nước vĩ đại, một số sĩ quan Ba Lan ở trên đất nước Liên Xô đã gửi bản tuyên bố cho Chính phủ Liên Xô. Họ viết: “Là đại biểu của một dân tộc bị bọn xâm lược phát-xít nô dịch, chúng tôi thấy con đường duy nhất giải phóng nhân dân Ba Lan là hợp tác với Liên Xô đất nước chúng tôi có thể phát triển thịnh vượng trong khuôn khổ của sự hợp tác đó”. Các sĩ quan nguyện sẽ thực hiện tốt lời nói của mình.

Sự kiện đó là một dấu hiệu rõ rệt của những quá trình sâu sắc diễn ra trong ý thức của những người đang bị đau khổ bởi chủ nghĩa phát-xít, nó cho phép hy vọng cũng sẽ có một liên minh quân sự với những người Ba Lan chống bọn chiếm đóng.

Dự kiến đó đã tỏ ra là đúng. Ngày 30 tháng Bảy 1941, Chính phủ Ba Lan ở Luân Đôn do tướng V. Xi-coóc-xki đứng đầu ký kết hiệp nghị với Chính phủ Liên Xô về sự chi viện lẫn nhau trong chiến tranh chống lại nước Đức Hít-le. Thời gian ấy, chúng ta đồng ý xây dựng trên lãnh thổ quốc gia chúng ta một đạo quân Ba Lan do chính phủ Ba Lan lưu vong ở Luân Đôn cử ra Bộ tư lệnh.

Đồng thời, trong hiệp nghị có nói rõ, các đơn vị Ba Lan thành lập ở Liên Xô sẽ chiến đấu cùng với chúng ta chống lại kẻ thù chung. Hiệp nghị chỉ ra rằng: “đạo quân Ba Lan trên lãnh thổ Liên Xô sẽ hành động về mặt chiến dịch dưới sự chỉ đạo của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và trong Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô sẽ có đại biểu của Quân đội Ba Lan” (Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước. tiếng Nga, t. I, tr. 121).

Việc tổ chức ra Bộ tư lệnh và đưa các đơn vị Ba Lan vào chiến đấu, sẽ được quy định chi tiết trong một hiệp nghị quân sự đặc biệt giữa Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và Bộ tư lệnh Ba Lan. Ngày 14 tháng Tám 1941, hiệp nghị này đã được ký kết ở Mát-xcơ-va. Về phía Liên Xô, thiếu tướng A. M. Va-xi-lép-xki được ủy nhiệm ký kết hiệp nghị đó.

V. Xi-coóc-xki cử tướng V. An-đéc-xơ, người có kinh nghiệm chỉ huy cụm quân Ba Lan trong thời kỳ chiến tranh Đức Ba Lan năm 1939, làm Tổng tư lệnh các đơn vị Ba Lan trên lãnh thổ Liên Xô.

Việc chuẩn bị thành lập đạo quân Ba Lan thực tế đã bắt đầu từ lúc ký kết hiệp nghị quân sự. Các chi đội động viên đã được xây dựng, có các khí tài vật chất và lập ra các cơ sở huấn luyện. Theo đề nghị của Bộ tư lệnh Ba Lan, công tác huấn luyện được tiến hành với tốc độ nhanh. Chúng ta đồng ý vì rằng tướng An-đéc-xơ đề nghị khi chuẩn bị xong sẽ điều những sư đoàn được thành lập ra mặt trận Xô - Đức. Đầu tháng Chín, đoàn tàu chở các đơn vị Ba Lan mới

tuyển tới địa điểm tập trung và ngày 8 tháng Chín, đơn vị đầu tiên đã đến cơ quan tham mưu của Tổng tư lệnh.

Lúc ban đầu, thành lập hai sư đoàn bộ binh (sư đoàn bộ binh 5 và 6), thành phần gồm những người công dân Ba Lan tản cư trên đất Liên Xô. Số người tình nguyện gia nhập quân đội rất đông, mới đầu dự định quân số chung của quân đội Ba Lan là 30 nghìn người, song thực tế đã vượt quá con số đó: đến 25 tháng Mười 1941, quân số lên tới 41,5 nghìn người và còn tiếp tục tăng lên. Các trung tâm tuyển quân đặt ở Vôn-ga, và ở vùng Ô-ren-bua - Bu-du-lúc, Tô-xcô-ê và Ta-ti-xép.

Lúc này chúng ta đang gặp những khó khăn hết sức to lớn, song Nhà nước Liên Xô vẫn ủng hộ nhiều về mặt vật chất cho Ba Lan. Chẳng hạn, Liên Xô đã cho chính phủ Ba Lan đặt tại Luân Đôn vay 100 triệu rúp để giúp đỡ các công dân Ba Lan. Ngoài ra, còn cho vay 300 triệu rúp dành riêng cho quân đội Ba Lan ở trên đất Liên Xô. Quân đội Ba Lan được trang bị vũ khí và khí tài kỹ thuật của Liên Xô, được cung cấp giống như các chế độ cung cấp cho các sư đoàn Hồng quân.

Bộ tổng tham mưu thêm việc: thành lập ra một bộ phận chuyên trách về công tác xây dựng quân đội Ba Lan ở Liên Xô. Thiếu tướng xe tăng A. P. Pan-phi-lốp phụ trách bộ phận này. Tôi quen biết đồng chí từ hồi cùng học với nhau trong Học viện mô-tô cơ giới của Hồng quân công nông. Có thể nói rằng trong tay đồng chí không có một bộ máy nào cả và quả là đồng chí phải ôm đồm nhiều việc.

Sau này, lại thành lập ra Ban lãnh đạo việc xây dựng các quân đội nước ngoài, và do có quan hệ công tác với nhiều bộ khác nên cơ quan đó chuyển sang trực thuộc Hội đồng bộ trưởng dân ủy (Hội đồng bộ trưởng dân ủy Liên Xô - tên gọi trước đây của Hội đồng bộ trưởng Liên Xô. - BT.). Người đứng đầu cơ quan này được gọi là đại diện của Hội đồng bộ trưởng dân ủy phụ trách việc xây dựng quân đội nước ngoài trên lãnh thổ Liên Xô và trực tiếp liên hệ với Chủ tịch Hội đồng quốc phòng Nhà nước, với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng dân ủy và trong bộ máy của mình có một tổ sĩ quan đặc biệt của Bộ dân ủy quốc phòng.

Cuối mùa thu năm 1941, sư đoàn bộ binh Ba Lan 5 được xây dựng và huấn luyện xong. Sư đoàn 6 cũng đã xây dựng thành công. Thế nhưng, các sư đoàn này chưa ra mặt trận, vì tháng Chạp 1941, tướng V. Xi-coóc-xki đề nghị với Chính phủ Liên Xô tăng quân số các đơn vị Ba Lan lên tới 96 nghìn người và thành lập không phải 2 mà 6 sư đoàn. Sát trước lúc các đơn vị Liên Xô chuyển sang phản công gần Mát-xcơ-va, ngày 4 tháng Chạp, chính phủ Ba Lan long trọng tuyên bố: "Các đơn vị của nước Cộng hòa Ba Lan đóng quân trên lãnh thổ Liên Xô sát cánh với các đơn vị Liên Xô chiến đấu chống bọn cướp Đức" (Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước, tiếng Nga, t. 1, tr. 169.).

Hồi đó, dù đất nước chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, Chính phủ Liên Xô vẫn đồng ý xây dựng bổ sung thêm cho các đơn vị Ba Lan. Nhưng chúng ta không có đủ vũ khí. Chính phủ Ba Lan cho biết rằng chính phủ Anh sẽ cung cấp cho họ, và tiếp tục xây dựng quân mình.

Theo đề nghị của Xi-coóc-xki, các trung tâm xây dựng đã chuyển về miền Trung Á. Ở đây bắt đầu triển khai xây dựng các doanh trại, các trường huấn luyện, viện quân y và các cơ quan khác. Nhưng, các đơn vị Ba Lan đóng quân ở đây vẫn chưa được điều ra mặt trận Xô - Đức. Nguyên nhân của vấn đề này trước hết là do chính sách tham lam và phản bội nhân dân mình

của chính phủ Ba Lan lưu vong. Họ không muốn cùng với chúng ta chống lại bọn Hít-le.

Ngay cả Xi-coóc-xki - người hiểu biết hơn cả trong chính phủ tư sản này - cũng có thái độ dung túng đồng bọn của mình. Hồi đó, những người cộng sản Ba Lan đã đánh giá lập trường tư tưởng của Xi-coóc-xki là không đáp ứng được quyền lợi của nhân dân Ba Lan.

Các chính khách nước Anh, kể cả thủ tướng Anh, đã gây sức ép đối với vấn đề địa điểm sử dụng các lực lượng Ba Lan. Họ nghi ngờ tính chất vững chắc của Nhà nước Liên Xô và như ta biết, họ cho rằng sắp tới đây, Liên Xô sẽ bị diệt vong. Thế nhưng, không phải họ lo toan tới vận mệnh của Nhà nước Liên Xô. mà chính là lo toan đến quyền lợi của họ. trước hết họ thấy phải tìm cách ngăn cản không cho bọn Hít-le xâm nhập vào Ấn Độ. Âm mưu của họ nhằm dựa vào các đơn vị Ba Lan thành lập ở Liên Xô để thực hiện ý đồ ấy. Đồng thời, họ còn hy vọng duy trì được chính phủ tư sản ở Ba Lan và không muốn hợp tác chiến đấu với Liên Xô.

Chính sách hai mặt đó là nguyên nhân của hai xu hướng đang tồn tại trong hàng ngũ các đơn vị Ba Lan. Những quân nhân dũng cảm và biết nhìn xa hơn đã đấu tranh đòi thực hiện đúng đắn và triệt để các điều cam kết đã quy định trong hiệp ước với Liên Xô về việc cùng với các đơn vị Liên Xô chiến đấu chống lại bọn Hít-le. Những đại biểu của quan điểm này cho rằng tình hình khó khăn của Nhà nước Liên Xô chỉ là bước quá độ, tin chắc thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về chúng ta và nền độc lập của Ba Lan cũng sẽ gắn liền với chiến thắng đó.

Còn một số người khác - trước hết là Bộ chỉ huy quân đội Ba Lan - cho rằng liên minh với Liên Xô chỉ là sách lược tạm thời. Những người ấy không muốn sát cánh với Hồng quân chiến đấu chống lại bọn xâm lược Hít-le. Họ đặt mọi hy vọng của họ vào các nước đồng minh phương Tây, tìm cách không tham gia chiến đấu với chúng ta và rút ra khỏi lãnh thổ Liên Xô.

Chính quyền Liên Xô và Bộ tổng tư lệnh Liên Xô không can thiệp vào nội bộ các đơn vị Ba Lan, mặc dầu có biết cuộc đấu tranh của hai xu hướng đó. Xuất phát từ chỗ các chiến dịch phối hợp sẽ đáp ứng được quyền lợi của Liên Xô và của nước Ba Lan dân chủ, độc lập, chúng ta hy vọng những người chỉ huy quân sự Ba Lan sẽ tỉnh ngộ, nên vẫn tiếp tục chi viện đắc lực cho việc xây dựng các đơn vị của họ.

Thời gian trôi qua. Cuộc chiến tranh nặng nề vẫn tiếp diễn... Ở Mát-xcơ-va, chúng ta chuyển sang phản công, đánh bật quân địch ra khỏi chân tường thủ đô và buộc chúng phải từ bỏ các kế hoạch của chúng. Trong quá trình chiến tranh đã xảy ra một bước ngoặt. Tình hình mới đang diễn ra ở ngoài mặt trận yêu cầu bộ chỉ huy Ba Lan phải có những quyết định mới.

Thời gian này, quân đội Liên Xô đã đánh lui bọn chiếm đóng, các hành động diễn ra ở khu vực thủ đô chuyển thành tổng tiến công, nên chúng ta cần đến sức chiến đấu của tất cả các binh đoàn. Truy kích quân địch là công việc có rất nhiều mặt phải làm.

Nhưng chính phủ lưu vong Ba Lan không đồng ý như thế, mặc dầu họ có 2 sư đoàn đã được huấn luyện kỹ và trang bị bằng các vũ khí của Liên Xô. Sư đoàn mạnh hơn cả là sư đoàn bộ binh 5, quân số tới 12500 người. Các chiến sĩ và sĩ quan cấp dưới của họ nhiều lần bày tỏ nguyện vọng được đi chiến đấu chống quân thù. Và Chính phủ Liên Xô chiếu theo hiệp nghị quân sự đã được ký kết cũng đã đề nghị như vậy, nhưng An-đéc-xơ và Xi-coóc-xki vẫn một mực trả lời: “chúng tôi chưa sẵn sàng”.

Đứng trước tình hình đó, thậm chí phải chịu những tổn thất to lớn về mọi mặt, Liên Xô vẫn thực hiện đúng đắn những cam kết trong hiệp nghị với chính phủ Ba Lan, tiếp tục giúp đỡ xây

dựng các đơn vị Ba Lan. Còn nói về bọn An-đéc-xơ thì từ chỗ hy vọng vào sự chi viện của Luân Đôn, ít lâu sau họ đã thấy rõ rằng người Anh không có ý định cung cấp vũ khí cho các sư đoàn của Ba Lan.

Nhiều bức điện gửi sang Luân Đôn cũng chẳng ăn thua gì. Còn về phần chúng ta thì chưa thể giúp đỡ được nhiều hơn, vì các nhà máy sản xuất vũ khí sơ tán ra khỏi các khu vực miền Tây đất nước đang còn đi trên các đoàn tàu rải rác trên các nhánh đường sắt ở Xi-bi-ri và U-ran. Vào thời kỳ này, I. V. Xta-lin còn đang đích thân phân phối vũ khí, gần như từng khẩu súng một cho Hồng quân.

Điều kiện chiến tranh buộc Chính phủ Liên Xô hồi đầu tháng Hai 1942 lại phải lưu ý An-đéc-xơ về thời hạn sẵn sàng của quân đội Ba Lan và sử dụng các đơn vị đó tham chiến. Chúng ta nói tới ý định đưa sư đoàn bộ binh 5 ra mặt trận trong một thời gian gần nhất. An-đéc-xơ trả lời: tới mùng 1 tháng Sáu, đơn vị mới chuẩn bị xong và không đồng ý sử dụng từng sư đoàn một.

Theo ý kiến ông ta, sử dụng hai sư đoàn ở ngoài mặt trận thì không làm nên chuyện được, vì chỉ có đòn tập kích của cả tập đoàn quân mới có thể đem lại thắng lợi có ý nghĩa chiến dịch và mới thu được ý nghĩa chính trị to lớn. Còn nói về kinh nghiệm chiến đấu, nếu cả tập đoàn quân cùng tham gia chiến đấu thì sẽ thu được kinh nghiệm tốt hơn là từng đơn vị độc lập.

Vào thời gian khác và trong hoàn cảnh khác, những ý kiến ấy cũng có thể có lý. Nhưng khi quân đội Liên Xô đang tiến công thì từng sư đoàn độc lập bước vào tham chiến lại hoàn toàn đúng đắn. Xét về mặt hiệu quả chính trị, các đơn vị Ba Lan xuất hiện vào thời gian này ở ngoài mặt trận sẽ có tác động rất lớn, trước hết là đối với nhân dân Ba Lan, những người đang nóng lòng trông đợi các tin tức về việc thành lập lại quân đội Ba Lan. Tình hình đó còn góp phần thuận lợi cho việc triển khai rộng rãi hơn nữa cuộc đấu tranh du kích và hoạt động bí mật ở trong nước. Nhưng Xi-coóc-xki vẫn dứt khoát cự tuyệt.

Ngoài tiền tuyến, các sự kiện quyết định đã chín muồi và cả hai bên đều đang chuẩn bị. Thế nhưng ở Luân Đôn những người Ba Lan đã chuẩn bị ra sao? Tháng Ba 1942, V. An-đéc-xơ đến đó. Trên danh nghĩa, An-đéc-xơ lên đây để hội đàm về việc nhận vũ khí của người Anh mà trước kia người Anh chưa giao cho, song trong thực tế thì lại bàn tính tới những âm mưu chuẩn bị cho một bộ phận quân đội của Ba Lan... sơ tán ra khỏi biên giới Liên Xô.

Họ viện có thời gian này đất nước chúng ta đang gặp những khó khăn về lương thực để sơ tán ra nước ngoài. Những khó khăn đó của chúng ta, ai cũng biết. Chính phủ Liên Xô không còn cách nào khác là phải đi tới giảm bớt một số tiêu chuẩn cung cấp lương thực cho các đơn vị đóng ở hậu phương. Lẽ đương nhiên tình hình đó có quan hệ tới các đơn vị của An-đéc-xơ.

Lợi dụng thời cơ này. Xi-coóc-xki đề nghị Chính phủ Liên Xô cho sơ tán một bộ phận quân đội Ba Lan sang I-ran. Chính phủ Liên Xô đồng ý. Thế là, từ ngày 23 tháng Ba cho tới ngày 3 tháng Tư 1942, 31488 quân nhân của quân đội Ba Lan rời sang I-ran, phần lớn là các đơn vị mới xây dựng, chưa có vũ khí.

Hồi đó, chúng ta chưa biết đầy đủ những lý do thực về biện pháp này của chính phủ Ba Lan tại Luân Đôn. Nhưng nhiều sĩ quan và binh lính Ba Lan trong lúc sơ tán đã nói rằng, cấp trên chuyển họ sang vùng Cận Đông để làm bia thịt cho người Anh. Bộ chỉ huy quân đội của họ buộc phải giải thích loanh quanh, thậm chí còn tuyên bố rằng: các đơn vị rời sang I-ran là để trang bị, tổ chức, huấn luyện, rồi sau đó, khi đã sẵn sàng chiến đấu, lại sẽ trở về Liên Xô cùng tham

gia chiến đấu chống quân phát-xít...

Sau đợt sơ tán ban đầu, quân đội Ba Lan của An-đéc-xơ còn lại khoảng 42 000 người. Các đơn vị mới vẫn tiếp tục xây dựng, còn các đơn vị cũ (sư đoàn 5 và 6) đã huấn luyện xong. Cuối tháng Năm, An-đéc-xơ lại sang Luân Đôn.

Ngày 30 tháng Năm, An-đéc-xơ điện cho I. V. Xta-lin, nói rằng ông ta thấy cần thiết phải trực tiếp báo cáo cho Xta-lin biết về kết quả cuộc hội đàm với người Anh và đề xuất ý kiến về vấn đề tiếp tục xây dựng quân đội Ba Lan. Bộ tổng tham mưu thấy rõ tình hình đã đi gần tới chỗ kết thúc. An-đéc-xơ nói là người Anh đang lo lắng tới các nước thuộc địa của họ và muốn các đơn vị Ba Lan sẽ đứng ra, như ta nói là lấy thân mình bảo vệ những vùng đất đai của họ. Chính vì lý do này, nên các đơn vị Ba Lan phải rời khỏi Liên Xô.

Nhưng qua đó, ta cũng nắm được một số tin. An-đéc-xơ cho biết là mùa hè năm 1942, người Anh đang chờ đợi địch sẽ tổ chức tiến công lớn tại mặt trận phía Đông. Theo tin tức tình báo của Anh thì đòn đột kích chủ yếu của địch dự định sẽ đánh vào hướng Cu-ban và Cáp-ca-dơ.

Có lẽ, do sức ép của người Anh nên chính phủ lưu vong Ba Lan của V. Xi-coóc- xki đã dứt khoát từ chối không thực hiện trách nhiệm cam kết trước đây với Liên Xô là đưa quân đội của họ vào tham chiến trên mặt trận Xô - Đức và tuyên bố rằng việc sơ tán quân đội của họ sang I-ran là cần thiết. Mặc dầu tình hình đã diễn ra như vậy, song thủ tướng Ba Lan vẫn tiếp tục đề nghị Liên Xô tuyển mộ thêm quân đội Ba Lan và xây dựng thêm các sư đoàn. An-đéc-xơ kể lại hết mọi việc trên tại Điện Crem-li.

Chính sách thách thức công khai và phi nghĩa đó đã nhận được sự phản ứng trả lại đích đáng. Do phía Ba Lan không thực hiện các cam kết của mình và chúng ta đang vấp phải những khó khăn nghiêm trọng về trang bị cho Hồng quân, còn tình hình ngoài mặt trận thì đang diễn biến hết sức nặng nề, nên tháng Bảy 1942, Chính phủ Liên Xô thông báo cho phía Ba Lan rằng, Liên Xô không thể tiếp tục xây dựng các đơn vị Ba Lan trên lãnh thổ Liên Xô nữa, và đặt vấn đề cần sơ tán triệt để các đơn vị quân đội của Ba Lan.

Tháng Tám 1942, lại nhận thêm 44000 quân nhân Ba Lan rời sang I-ran cùng với 25000 người dân, phần lớn là những người thân thích của các quân nhân. Nhưng một bộ phận binh lính và sĩ quan giác ngộ có sự suy nghĩ tiến bộ hơn trong quân đội của An-đéc-xơ, đã từ chối không sang I-ran và ở lại Liên Xô. Số người này không đông, nhưng tinh thần và vai trò của họ trong sự nghiệp giải phóng đất nước Ba Lan lại rất lớn. Sau đây, chúng ta sẽ nói tới vấn đề đó.

Kế hoạch thứ nhất - giúp đỡ nhân dân Ba Lan anh em của chúng ta xây dựng trên lãnh thổ Liên Xô các lực lượng chiến đấu cần thiết, để đấu tranh vũ trang chống bọn chiếm đóng đã kết thúc như vậy đây. Kế hoạch đó không thu được kết quả triệt để và bọn địa chủ, tư sản Ba Lan nằm trong chính phủ lưu vong ở Luân Đôn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Thế nhưng, ta cũng không thể cho rằng kế hoạch đó là hoàn toàn vô ích. Nó có ảnh hưởng tích cực đến các lực lượng cách mạng chân chính của Ba Lan. Họ đang triển khai rộng rãi các mặt hoạt động nhằm xây dựng quân đội của nhân dân hiện đang hoạt động bí mật trên đất Ba Lan và trên lãnh thổ Liên Xô. Ngay các chiến sĩ của An-đéc-xơ buộc phải chiến đấu cho đất nước Ba Lan ở xa Tổ quốc của mình đều có thể suy nghĩ và đánh giá đúng sự giúp đỡ anh em của Đất nước xô viết

Trong khi ấy, ở Ba Lan, tình hình chính trị phát triển đã dẫn đến việc thành lập Đảng công

nhân Ba Lan. Đảng định ra những nguyên tắc chiến lược chính trị mới, đẩy mạnh cuộc đấu tranh thống nhất các lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc chống Hít-le. Đảng công nhân Ba Lan kêu gọi nhân dân Ba Lan thống nhất mọi nỗ lực chiến đấu trong khối liên minh chống Hít-le, trước hết với người bạn gần gũi nhất là Liên Xô. Ở Ba Lan đã thành lập ra Quân cận vệ nhân dân - một tổ chức vũ trang do những người cộng sản Ba Lan lãnh đạo.

Ngoài mặt trận Xô - Đức, tình hình đã thay đổi. Các đơn vị phát-xít Đức bị thiệt hại nặng ở Xta-lin-grát, mở đầu cho bước ngoặt cơ bản có lợi cho ta trong quá trình chiến tranh. Đối với những người yêu nước Ba Lan hiện đang ở Liên Xô tình hình đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh sự đoàn kết các lực lượng giải phóng, làm cho họ nhận thức rõ sự cần thiết phải cầm vũ khí đứng lên chiến đấu bên phía Hồng quân.

Tôi còn nhớ rõ những ngày đầu xuân năm 1943. Bấy giờ, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đang chuẩn bị chiến dịch có tính chất quyết định ở Cuốc-xơ. Chúng ta đã vạch ra kế hoạch hành động, các lực lượng đã được tập trung. Chúng ta đã tích lũy các phương tiện vật chất và các đội dự bị. Nói tóm lại, chúng ta đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết để vĩnh viễn chôn vùi các kế hoạch của các nhà chiến lược Hít-le và đẩy nước Đức phát-xít tới miệng hố thất bại.

Cùng trong thời gian ấy, vang lên tiếng nói của những người con trung thành của Ba Lan, những nhà hoạt động cộng sản Ba Lan đang lưu vong ở Liên Xô, kêu gọi thành lập Liên minh những người yêu nước Ba Lan tại Liên Xô. Tổ chức đó hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ của mặt trận dân tộc do Đảng công nhân Ba Lan xây dựng, nhằm thống nhất trong thời chiến những người Ba Lan hiện còn ở lại trên đất nước Liên Xô, không phân biệt các quan điểm chính trị, xã hội và tôn giáo, hợp nhất thành một mặt trận chiến đấu chống kẻ thù. Liên minh đó đặt ra cho mình một trong các nhiệm vụ là xây dựng các đơn vị Ba Lan để cùng chiến đấu với Hồng quân chống lại nước Đức Hít-le.

Các lực lượng dân chủ Ba Lan đề nghị với Chính phủ Liên Xô thành lập sư đoàn bộ binh Ba Lan trên đất Liên Xô. Hội đồng quốc phòng Nhà nước nghiên cứu đề nghị đó và ngày 6 tháng Năm 1943 đã ra nghị quyết thành lập sư đoàn Ba Lan 1 lấy tên là sư đoàn Ta-đê-út Cô-xti-u-scô. Tháng Sáu 1943, các phân đội và đơn vị trong binh đoàn mới thành lập bước vào huấn luyện trong doanh trại Xê-lét ở Ri-a-dân. Nhiều đảng viên cộng sản Ba Lan đã tích cực tham gia việc tổ chức huấn luyện cho sư đoàn một cách có kế hoạch.

Bộ tổng tham mưu Liên Xô nhận thấy ý nghĩa đặc biệt của việc thành lập ra sư đoàn mang tên Ta-đê-út Cô-xti-u-scô, một sư đoàn mở đầu cho việc xây dựng rộng rãi các lực lượng vũ trang chính quy của Ba Lan. Ngày 15 tháng Bảy 1943, trong bầu không khí trang nghiêm, sư đoàn nhận ngọn cờ chiến đấu có biểu tượng chim đại bàng. Bộ đội tuyên thệ, nguyện trung thành với Tổ quốc và nhân dân Ba Lan đang chiến đấu chống ách nô dịch của bọn phát-xít chiếm đóng. Các chiến sĩ trong sư đoàn trịnh trọng hứa sẽ gìn giữ sự liên minh vững chắc với Liên Xô. Sư đoàn trở thành tiền thân của Quân đội Ba Lan sau này và nhiều người chỉ huy quân sự nổi tiếng của nhân dân Ba Lan đã trưởng thành trên bước đường chiến đấu của sư đoàn.

Ngày 1 tháng Chín 1943, sư đoàn bế mạc lớp huấn luyện, và ngay trong ngày hôm đó đã lên đường ra mặt trận Xô - Đức. Trận đánh đầu tiên của sư đoàn diễn ra trong vùng Lê-ni-nô trên đất Bê-lô-ru-xi-a ngày 12 tháng Mười 1943.

Mấy ngày sau, bộ đội của phương diện quân Tây qua hai tháng chiến đấu ác liệt cũng tiến

quân tới đây. Hiệp đồng với phương diện quân Ca-li-nin, bộ đội của phương diện quân Tây đã đánh bật quân chiếm đóng ra khỏi cái gọi là “cửa ngõ Xmô-len-xcơ” mà địch có thể lợi dụng để từ đó tiến hành tập kích đường không vào Mát-xcơ-va, chặn đường rút của chúng về Ba Lan, và xa nữa là về nước Đức.

Quân địch cũng hiểu rõ tầm quan trọng của hướng này, nên đã củng cố và tăng cường mạnh ở đây. Tướng C. Típ-pen-xkiéc, tư lệnh tập đoàn quân Đức 4 năm 1944, viết: “tuyến này nằm trước mặt sông Đni-ép-rơ, che chở cho con đường sắt và đường ô-tô lớn cuối cùng ở phía trước vùng đầm lầy Pri-pi-át. Nếu quân Nga tiến công, kiểm soát được con đường cái ô tô và tuyến đường sắt Gô-men - Mô-ghi-li-ốp - Oóc-sa. thì phòng ngự của ta (bọn Đức) ở phía Đông vùng đầm lầy Pri-pi-át khó có thể giữ vững nổi”.

Bộ đội của tập đoàn quân 33 thuộc phương diện quân Tây, trong đó có sư đoàn Ba Lan cùng tham gia, đã bị dừng lại ở phía trước tuyến phòng ngự mới này của địch, tại các con đường vào sông Đni-ép-rơ. Cần phải phá vỡ tuyến phòng ngự ấy. Bộ tư lệnh tập đoàn quân 33 hy vọng sẽ chọc thủng được tuyến đó, thế nhưng cũng nhìn thấy rồi sẽ vấp phải nhiều khó khăn.

Muốn bảo đảm đột phá thắng lợi, chúng ta phải có mật độ pháo binh cao - tới 206 khẩu pháo và súng cối trên một ki-lô-mét chính diện và 52 xe tăng. Tư lệnh tập đoàn quân hy vọng chọc thủng phòng tuyến địch bằng cách tổ chức một mũi đột kích mạnh trên chính diện ở khu vực tiếp giáp mặt phía Bắc với Lê-ni-nô. Muốn vậy trong thê đội một phải có 3 sư đoàn bộ binh, bố trí như sau: sư đoàn bộ binh Ba Lan 1 tiến công ở giữa, bên phải là sư đoàn 42, và bên trái là sư đoàn bộ binh 290.

Các sư đoàn của Liên Xô giàu kinh nghiệm hơn sử dĩ được bố trí ở hai bên sườn là do trong dải tiến công của sư đoàn bộ binh 42 có điểm cao 217,6 là cứ điểm không chế mạnh của địch, còn trong dải tiến công của sư đoàn bộ binh 290 có địa hình phức tạp, có những vùng cao và vùng trũng nhiều suối lầy lội đổ về con sông Mê-rây vắt ngang qua phía trước tuyến phòng ngự của địch, xe tăng không thể vượt sang được.

Chúng ta dự kiến: sư đoàn bộ binh 42 và 290 của Liên Xô có thể nhanh chóng khắc phục điểm cao 217,6 ở sườn phải và vùng đầm lầy ở sườn trái, sẽ tiến mạnh lên phía trước bảo đảm cho sư đoàn Ba Lan tiến công ở phía giữa thắng lợi. Còn các đơn vị của sư đoàn Ba Lan dự kiến sẽ hất địch ra khỏi điểm cao quan trọng 215,5, dựa vào những kết quả của các sư đoàn Liên Xô ở hai bên sườn, sẽ đột phá vào tung thâm chiến thuật phòng ngự của địch. Sau đó, chúng ta sẽ tung quân đoàn cơ giới 5 vào chiến đấu để phát huy thắng lợi của các binh đoàn Liên Xô và Ba Lan.

Song, trận đánh lại diễn biến không như chúng ta dự kiến. Lực lượng và khả năng địch rất dồi dào. Cuộc tiến công của sư đoàn bộ binh 42 bị đánh bật trở lại. Sư đoàn bám chân được vào điểm cao 217,6 nhưng vẫn không thể chiếm nổi điểm cao này. Quân ta bị tổn thất nặng và buộc phải nằm lại ở tiền duyên. Chúng ta tổ chức nhiều đợt xung phong. nhưng vẫn không thu được thắng lợi

Trong dải của sư đoàn bộ binh 290, các chiến sĩ Liên Xô vượt qua được vùng đầm lầy ở phía Tây Lê-ni-nô và chiếm vùng dân cư Tơ-ri-gu-bô- vô. Các đơn vị Hít-le tổ chức phản xung phong và đánh bật chúng ta ra ngoài phía Đông vùng này. Trận đánh diễn ra hết sức quyết liệt nhưng các đơn vị chúng ta ở đây vẫn không sao tiến lên được.

Còn sư đoàn bộ binh 1 Ba Lan tiến công ở phía giữa đã thu được thắng lợi rất to lớn, thọc sâu được 4 ki-lô-mét. Những người chứng kiến và tham gia cuộc tiến công, chứng minh sự dũng cảm và can trường của các chiến sĩ Ba Lan, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu phối hợp với các chiến sĩ Liên Xô. Các chiến sĩ và sĩ quan Ba Lan tỏ ra rất kiên cường, tinh thần chiến đấu rất cao, các đồng chí đã chiến đấu nhiều đợt giáp lá cà với địch...

Chúng ta vẫn không làm thay đổi được tình hình nghiêm trọng ở hai bên sườn dải tiến công của tập đoàn quân. Tình hình đó ảnh hưởng bất lợi tới các đơn vị Ba Lan đang tiến công ở giữa. Các đơn vị Ba Lan phải chống đỡ lại nhiều cuộc phản công của địch được nhiều máy bay chi viện. Quân đoàn cơ giới 5 của chúng ta bước vào chiến đấu, bị thiệt hại nặng nề về xe tăng, cũng không làm chuyển biến nổi tình hình. Cuộc tiến công của các tập đoàn quân bạn cũng bị chặn lại. Tuyến phòng ngự của địch vẫn vững chắc.

Như vậy là thời gian ấy, chúng ta không đột phá thành công ở Lê-ni-nô. Sư đoàn bộ binh Ba Lan mang tên Ta-đê-út Cô-xti-u-scô và các sư đoàn Liên Xô buộc phải dừng lại. Thế nhưng, ý nghĩa của cuộc thử lửa ban đầu đó đối với tình hữu nghị Liên Xô - Ba Lan đã hoàn toàn vượt ra ngoài phạm vi các tiêu chuẩn và khái niệm chiến thuật thông thường.

Đây là những gì còn in sâu trong tâm trí các chiến sĩ Ba Lan đã từng tham gia chiến đấu. V. Da-lép-xki, lúc đó là sĩ quan đại đội 3 thuộc trung đoàn 2, đã nhớ lại rằng: “Bốn bên vang vọng tiếng: “hoan hô!.. Ba Lan-đại bàng!.. Anh hùng!..”. Tôi nhìn vào các chiến sĩ của mình. Đường như họ vẫn còn đang xung trận, khẩn trương, sẵn sàng tiến công... Ngay cả những người bị thương cũng vẫn nghĩ tới những trận đánh mới ... Tôi nhớ tới cốc nước trà nóng đầu tiên uống tại trận địa pháo của Liên Xô. Các đồng chí vây quanh chúng tôi, ôm hôn và chúc mừng...” (Che-xláp Pốt-gu-rơ-xki. Những chiến sĩ Ba Lan trong trận đánh Lê-ni-nô. Vác-sa-va. 1971, tr. 109 (tiếng Ba Lan).

Trận đánh ở Lê-ni-nô khẳng định sự sẵn sàng cao độ của các chiến sĩ Ba Lan và Liên Xô chiến đấu bên nhau cho tới ngày thắng lợi hoàn toàn chống nước Đức Hít-le, cho thấy rõ tinh thần dũng cảm vô song của họ, củng cố vững chắc hơn nữa sự liên minh chiến đấu giữa Liên Xô và Ba Lan. Riêng trong trận đánh này đã xuất hiện thêm ba anh hùng mới của Liên Xô là những chiến sĩ Ba Lan.

Nhật lệnh về sư đoàn bộ binh Ba Lan 1, được ban hành và đọc trước toàn thể các chiến sĩ ngày 14 tháng Mười cho thấy rằng những người tình nguyện Ba Lan sẵn sàng hy sinh cho mục đích vĩ đại của mình là giải phóng Tổ quốc Ba Lan. Họ đã chứng minh rằng nước Ba Lan đang sống, đang vươn tới tự do, đang chiến đấu để giành lấy tự do và sẽ chiến thắng bọn chiếm đóng Hít-le. Tuyên dương các anh hùng đã ngã xuống, nhật lệnh còn khẳng định: “ngày nay và mai sau, chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta”.

Ngày 12 tháng Mười - ngày mở đường khó khăn nhưng đầy vẻ vang dẫn đến thắng lợi chung trước kẻ thù - đã trở thành ngày hội của Quân đội nhân dân Ba Lan.

Các sự kiện lịch sử dặt dắn dòng suy nghĩ... Hồi đó, vào năm 1943, chúng tôi ở trong Bộ tổng tham mưu đã nhiều lần nghĩ tới con đường chiến đấu khó khăn của những chiến sĩ Ba Lan. Họ chiến thắng và trở về Tổ quốc bằng những con đường khác nhau, nhưng con đường của những người đã sát cánh chiến đấu với Hồng quân là con đường trở về Tổ quốc gần hơn con đường của những người đã rời sang Trung Đông.

Các đơn vị Ba Lan sơ tán khỏi Liên Xô cả một thời gian dài không tham gia chiến đấu và đóng quân tại I-rắc. ở các vùng Kê-rơ-cúc, Mô-xun, chừng nào bọn Hít-le còn lăm le xâm chiếm Ấn Độ - “hòn ngọc của Nữ hoàng Anh”.

Tháng Bảy - tháng Tám 1943, quân đoàn bộ binh Ba Lan 2 được thành lập, vẫn do V. An-đéc-xơ chỉ huy, lấy trong số các đơn vị và các lực lượng Ba Lan khác đóng ở gần đó và cũng nhằm những mục đích trên. Thời gian thành lập quân đoàn cũng có điều đáng chú ý là nó trùng hợp với chiến dịch Cuốc-xơ.

Trong một loạt chiến dịch tiếp sau, Hồng quân chẳng những đã quyết định mà còn củng cố thêm cho bước ngoặt trong quá trình chiến tranh vào thời gian ấy. Lúc đó. không ai còn lo lắng tới tình hình ở Trung Đông.

Quân đoàn vượt qua Pa-le-xtin tới Ai Cập, và trong những tháng đầu năm 1944 lại từ đó vượt sang I-ta-li-a rồi gia nhập tập đoàn quân 8 của người Anh. Biên chế chiến đấu của quân đoàn là gần 50.000 chiến sĩ và sĩ quan, nếu tính cả các đơn vị hậu cần thì quân số của quân đoàn có tới trên 60.000 người.

Các chiến sĩ Ba Lan chiến đấu trên sông Xan-gơ-rô, ở Môn-te Cát-xi-nô và An-cô-na, đã tỏ ra dũng cảm cao độ, thể hiện khí phách anh hùng trong những lần đột phá vào nhiều tuyến phòng ngự của địch. Chứng minh cho điều này là các tuyến chiến hào đã đánh chiếm được của địch ở Gu-táp, tuyến phòng ngự chủ yếu của các đơn vị Hít-le tại I-ta-li-a, và phải kể đến cả những đài kỷ niệm các chiến sĩ đã ngã xuống tại nơi đây. Khi chiến tranh kết thúc thì quân đoàn đang ở Bô-lô-nha. một thành phố mới được quân đoàn này giải phóng ngày 21 tháng Tư 1945.

Quân đoàn bộ binh 2 chỉ là một bộ phận của các lực lượng vũ trang Ba Lan ở phía Tây. Dựa vào sự giúp đỡ của các nước đồng minh, chính phủ lưu vong Ba Lan đã thành lập ở đây các binh đoàn và binh đội lục quân, không quân, hải quân.

Nhiều đơn vị đã chiến đấu quên mình chống lại địch. Ví như lúc mở mặt trận thứ hai ở Noóc-măng-di, sư đoàn xe tăng 1 thành lập ở Xcốt-len, quân số có 15500 người đã hành động thu được nhiều kết quả. Sư đoàn chiến đấu trên hướng chủ yếu trong biên chế của tập đoàn quân Ca-na-đa 1 cho tới khi kết thúc chiến tranh. Lúc nước Đức phát-xít đầu hàng, thì sư đoàn lại có mặt ở bờ biển Bắc tại vùng Vin-ghen-kha-phen.

Lữ đoàn đổ bộ đường không độc lập 1, quân số khoảng 2000 người, đã tham gia chiến đấu trong biên chế của quân đội đồng minh tiến hành chiến dịch lớn bằng đổ bộ đường không lấy tên là “Mác-két Gác-đen” và đã tỏ ra anh dũng, kiên cường trong các trận đánh ở vùng Ác-nem.

Ta có thể bổ sung thêm nhiều dẫn chứng như trên, vì còn có cả những binh đoàn và binh đội bộ binh Ba Lan khác chiến đấu dũng cảm với quân thù, đóng góp vào sự nghiệp chiến thắng chung. Nhiều người chúng ta còn biết đến các phi công Ba Lan chiến đấu chống quân thù trong hàng ngũ các lực lượng không quân Anh.

Đến cuối chiến tranh, đội ngũ các phi công Ba Lan có tới 14 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn tương đương với một phi đội của chúng ta. Họ đã bắn rơi và bắn hỏng gần 1000 máy bay địch, tổ chức nhiều cuộc bắn phá vào các mục tiêu địch. Các lực lượng hải quân Ba Lan có quân số ít ỏi, nhưng đã dũng cảm tham dự các trận đánh, hộ tống các đoàn tàu và tổ chức đổ bộ đường biển ở Đại Tây Dương, Biển Bắc, Biển Na Uy và Địa Trung Hải.

Vào ngày Béc-lin đầu hàng, quân số chung các lực lượng vũ trang của Ba Lan ở phía Tây lên tới 194.500 người. Sau chiến tranh, khoảng 120000 người trở về Tổ quốc. Họ được đón tiếp tung bừng trên đất nước và tìm thấy vị trí của mình trong công cuộc xây dựng nước Ba Lan nhân dân. Đó cũng là lẽ tất nhiên, vì tuyệt đại đa số các công dân Ba Lan đã dũng cảm chiến đấu nhằm giải phóng Tổ quốc. Máu họ đã đổ vì tự do của đất nước và chính vì thế đã được nhân dân vô cùng khâm phục, dù họ chiến đấu ở bất kỳ nơi đâu.

Nước Ba Lan nhân dân đánh giá cao chiến công của những người con của mình, đất nước cũng hiểu rõ toàn bộ chiều sâu của cái vực thẳm ngăn cách những chiến sĩ của đất nước với tập đoàn thống trị Luân Đôn mà mục tiêu chủ yếu của chúng là phục hồi chính quyền địa chủ và tư bản trước đây.

Trong khi ấy, ở Liên Xô, các binh đoàn và binh đội Ba Lan vẫn tiếp tục được xây dựng. Tướng Ca-rôn Xve-rơ-trép-xki, một trong những nhà hoạt động cách mạng và quân sự xuất sắc của Ba Lan, người yêu nước nhiệt thành, một chiến sĩ can đảm theo chủ nghĩa quốc tế, đã lãnh đạo công việc quan trọng này.

Đến cuối năm 1943, bộ đội Ba Lan xây dựng được 3 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn pháo binh và 1 lữ đoàn xe tăng, 1 trung đoàn không quân, các đơn vị và phân đội cần thiết khác. Cũng giống như sư đoàn bộ binh 1, các đơn vị trên đều được Liên Xô trang bị và cung cấp không phải hoàn lại, được học tập những kinh nghiệm chiến đấu trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Các đơn vị Ba Lan lúc này thiếu sĩ quan, vì An-đéc-xơ đã lấy đi đại bộ phận các cán bộ chỉ huy Ba Lan. Do đó, trong các đơn vị Ba Lan có nhiều cán bộ chỉ huy Liên Xô, trước hết là các chuyên gia. Các sư đoàn xây dựng xong thì được hợp nhất lại thành quân đoàn 1. Đến giữa tháng Ba 1944, quân đoàn được phiên chế lại thành tập đoàn quân Ba Lan 1. Chỉ huy tập đoàn quân vẫn là tướng D. Béc-lin-gơ, người trước đây đã chỉ huy sư đoàn mang tên Ta-đê-út Cô-xti-u-scô.

Lúc này tập đoàn quân đóng ở Cô-ven, chuẩn bị về nước chiến đấu. Tư lệnh tập đoàn quân có thể quan hệ trực tiếp với Bộ tổng tham mưu và với cả Tổng tư lệnh tối cao. Bộ tổng tham mưu được lệnh phải có một đại biểu đặc biệt ở trong tập đoàn quân Ba Lan 1. Chúng ta đã cử đại tá N. M. Mô-lốt-cốp (sau là thiếu tướng) cùng với một nhóm sĩ quan - các đại tá A. X. Ép-xê-ép, M. Ph. Đu-brốp-xki, và đại úy E-rốp-ki-nốp, ra làm nhiệm vụ đó.

Qua các tin tức đấu tranh vũ trang trên đất Ba Lan gửi về Bộ tổng tham mưu, chúng tôi được biết: dưới sự lãnh đạo của Đảng công nhân Ba Lan, các đội du kích của Quân cận vệ nhân dân đã được thành lập và cuộc đấu tranh tích cực chống bọn xâm lược đang triển khai sâu rộng trên đất Ba Lan.

Đầu năm 1944, khi Hồng quân phá vỡ mặt trận quân địch thì các hành động chiến đấu của các chiến sĩ nhân dân Ba Lan cũng sôi động hẳn lên. Trong phong trào hoạt động bí mật trên đất Ba Lan, theo sáng kiến và với sự tham gia trực tiếp của các đồng chí B. Be-rút, V. Gô-mun-ca và các nhà hoạt động khác của Đảng công nhân Ba Lan, cơ quan tranh đấu tối cao Ba Lan Crai-ô-va Ra-đa Na-rô-đô-va (Crai-ô-va Ra-đa Na-rô-đô-va (C. R. N) là một cơ quan dân chủ đại diện lâm thời của Mặt trận dân tộc Ba Lan, được thành lập ngày 1 tháng Giêng 1944 theo sáng kiến của Đảng công nhân Ba Lan. Dưới đây, khi nói tới tổ chức này, chúng tôi viết tắt C. R. N cho gọn - BT.) được thành lập.

Với niềm hy vọng và lòng tin tưởng lớn lao vào các lực lượng giải phóng Ba Lan, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô được biết rằng ngày 3 tháng Giêng 1944, CRN đã thay mặt nhân dân Ba Lan ra lệnh hợp nhất Quân cận vệ nhân dân với các đơn vị vũ trang của các tổ chức cánh tả khác thành Quân đội nhân dân do tướng M. Rô-li-a Di-me-rơ-xki đứng đầu.

Theo đề nghị của bộ chỉ huy Ba Lan, Liên Xô cũng chỉ viện cho cả bộ phận này của lực lượng vũ trang của nhân dân Ba Lan đang buộc phải hoạt động ở sau lưng quân địch. Chúng ta đã chuyển cho họ vũ khí, đạn dược, thuốc men và các phương tiện cần thiết khác.

Các đội du kích Liên Xô dưới sự chỉ huy của các đồng chí P. P. Véc-si-gô-ra, I. N. Bô-côp, V. A. Ca-ra-xép, N. A. Prô-cô-pi-úc và của các đồng chí khác đã vượt sang lãnh thổ Ba Lan. Các đội du kích Liên Xô và Ba Lan không những hoạt động riêng lẻ mà còn tổ chức các chiến dịch phối hợp chống bọn chiếm đóng phát-xít Đức ở ngay tại vùng Li-u-ben-si-na, hậu phương gần của quân địch.

Các kết quả thu được càng củng cố lòng tin vào thắng lợi sắp tới. Đến mùa hè năm 1944, trong hàng ngũ Quân đội nhân dân đã có tới hàng nghìn chiến sĩ phối hợp chiến đấu với các đơn vị của Liên Xô và Ba Lan đang tiến công.

Khi bắt đầu diễn ra những sự kiện quyết định trên hướng chiến lược phía Tây, những mối liên hệ với các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của các lực lượng dân chủ Ba Lan càng chặt chẽ hơn. Giữa tháng Năm 1944, các đại biểu được ủy nhiệm của CRN đến Liên Xô. Ngày 22 tháng Năm, Chính phủ Liên Xô tiếp các đại biểu được ủy nhiệm của CRN, và cũng chính trong ngày hôm đó, ở Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô cũng đang tiến hành thảo luận kế hoạch chiến dịch “Ba-gra-chi-on” - kế hoạch tiêu diệt quân phát-xít Đức ở Bê-lô-ru-xi-a.

Các đại biểu đã giới thiệu chi tiết cho Tổng tư lệnh tối cao và Liên minh những người yêu nước Ba Lan biết về tình hình trên đất nước Ba Lan, trong đó có vấn đề thành lập Quân đội nhân dân. Buổi hội đàm thăm thiết tình hữu nghị đã diễn ra trên hai tiếng đồng hồ. Chính phủ Liên Xô công nhận CRN là đại biểu duy nhất của nhân dân Ba Lan và đáp ứng thỏa mãn mọi yêu cầu giúp đỡ về vật chất của CRN.

Trong thời gian các đại biểu ở thăm Liên Xô, chúng ta đã mời các đồng chí đi tham quan khắp U-crai-na và tới các đơn vị quân đội nhân dân Ba Lan. Khi ra về, các đồng chí rất vui lòng trước mối tình hữu nghị được củng cố bền chặt giữa hai dân tộc Ba Lan và Liên Xô.

Lúc bấy giờ, bộ đội Liên Xô đang chuẩn bị tiến công ở Cô ven. C. C. Rô-cô-xốp-xki, tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, coi vùng đất đai rộng lớn và rất phức tạp ở Bê-lô-ru-xi-a, kể cả Pô-lê-xi-ê và Cô-ven, là vùng khá thuận lợi để tổ chức các chiến dịch thọc sâu táo bạo. Đồng chí cho rằng có thể từ phía Tây - Nam ở mạn sau Pô-lê-xi-ê đánh vu hồi vào cụm quân địch ở Bê-lô-ru-xi-a và hiệp đồng với các đơn vị tiến công ở phía Bắc vùng đầm lầy Pri-pi-át, tiêu diệt chúng trong vùng rừng đầm lầy này.

Kế hoạch chiến dịch tiến công bên sườn trái của phương diện quân phần nào phản ánh ý định đó của người chỉ huy quân sự nổi tiếng. Kế hoạch tiến công bên sườn trái của phương diện quân được dự định bắt đầu khi phòng ngự của địch ở phía Bắc Pô-lê-xi-ê bị lung lay đến tận gốc, nhưng vẫn còn khả năng chống cự trên các tuyến phía Tây Bê-lô-ru-xi-a. Mũi đột kích ở Cô-ven riêng từ phía sườn và phía sau sẽ làm tiêu tan hẳn những hy vọng cuối cùng của quân

địch định trụ lại trên lãnh thổ Bê-lô-ru-xi-a.

Mục tiêu của mũi đột kích này trước hết nhằm tiêu diệt cụm quân phát-xít Đức ở Cô-ven, theo tính toán của chúng ta trong thời gian ấy, thì ít ra nó cũng có tới 10 sư đoàn cùng với các phương tiện tăng cường. Sau khi đã chọc thủng hệ thống phòng ngự quân địch, kế hoạch vạch ra là sẽ phát huy thắng lợi ở hướng Bắc dọc theo hai bên bờ Đông và Tây con sông Tây Béc và từ ba phía - Đông - Nam, Tây và Bắc - đánh chiếm lấy pháo đài Brét.

Chiếm được Brét, các đơn vị cơ động phải tiến công tới Pru-gia-nư, Xlô-nim, hoặc tới Bencơ, Bê-lô-xtốc. Dễ dàng nhận thấy rằng trong trường hợp chiến dịch thắng lợi, các đơn vị quân địch sẽ bị kẹp giữa hai mũi gọng kìm của các tập đoàn xung kích thuộc phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Tiêu diệt được quân địch trong khu vực này sẽ mở ra những triển vọng to lớn để sau này giải phóng Vác-sa-va.

Theo kế hoạch chiến dịch, trong giai đoạn đầu sẽ có 3 tập đoàn quân binh chủng hợp thành (tập đoàn quân 47 của tướng N. I. Gu-xép, tập đoàn quân cận vệ 8 của tướng V. I. Tsui-cốp và tập đoàn quân 69 của tướng Côn-pác-tsi) đột phá phòng ngự của các đơn vị phát-xít Đức. Sau đó, tập đoàn quân xe tăng 2 của tướng X. I. Bô-gđa-nốp và tập đoàn kỵ binh - cơ giới của tướng V. V. Cri-u-cốp bước vào chiến đấu phát huy kết quả của chiến dịch.

Còn các tập đoàn quân binh chủng hợp thành (trừ tập đoàn quân 47) sẽ tiếp tục tiến công về phía Tây tới tuyến Li-u-blin, chuyển sang phòng ngự ở đây để bảo đảm cho phương diện quân trên hướng này. Các đồng chí dự định đến ngày 3 tháng Tám 1944 sẽ hoàn thành kế hoạch chiến dịch.

Như vậy là chiến dịch Cô-ven của các đơn vị bên sườn trái phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 được trù tính là giai đoạn quyết định các hành động của bộ đội ta trên đường tiến quân tới Vác-sa-va. Kế hoạch chiến dịch không dự kiến đánh chiếm thủ đô Ba Lan và vượt sông Vi-xla, nhưng nếu tiêu diệt được cụm quân địch quan trọng nhất trong khu vực Brét thì thực chất là ta đã mở được cửa vào Vác-sa-va.

Thế nhưng, các sự kiện quân sự và chính trị xảy ra sau khi Đại bản doanh phê chuẩn chiến dịch được ít lâu lại khiến cho kế hoạch chiến dịch có những thay đổi quan trọng. Bắt đầu từ những sự kiện quân sự. Viên thống chế tư lệnh Mô-đen, được cử thay viên thống chế tư lệnh Phôn Bu-sơ làm tư lệnh Cụm tập đoàn quân “trung tâm), không chờ chúng ta đột kích vào Cô-ven. Rạng ngày 5 tháng Bảy, y bỏ lại vùng Cô-ven đất thấp, rút quân về phía Tây tới tuyến Pa-ra-đu-bư, Tác-gô-vi-xe đã được chuẩn bị sẵn, dựa vào các điểm cao có lợi. Các phân đội của sư đoàn mô-tô SS “vi-kinh” chuyển thuộc quyền chỉ huy của Mô-đen đã được bí mật điều động trước đến đây.

Như vậy là chúng đã thành lập ra một khu vực cứ điểm độc đáo mà bộ đội ta chưa biết tới. Ý định của Mô-đen cũng đơn giản: y cho rằng các cán bộ chỉ huy Liên Xô khi thấy quân chúng rút lui sẽ nhanh chóng lao tới truy kích, do đó sẽ rơi vào cái túi hỏa lực bất ngờ của các xe tăng chúng đặt ngầm dưới đất, nên sẽ bị thiệt hại nặng. Âm mưu này của chúng không phải là cao tay lắm, thế nhưng các cán bộ chỉ huy chúng ta cũng bị mắc vào tròng. Nguyên nhân của những sai lầm này là do phần nào chúng ta “say sưa trước những thắng lợi” trong quá trình chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a.

Thấy địch rút lui, N. I. Gu-xép, tư lệnh tập đoàn quân, liền tung ngay các chi đội phái đi trước

gồm 3 sư đoàn vọt lên. Các chi đội đánh tan ngay các đơn vị yểm hộ mỏng yếu của địch và chiếm lấy Cô-ven cùng các vùng dân cư khác. Đồng thời, tư lệnh tập đoàn quân báo cáo tình hình cho tư lệnh phương diện quân lúc này đang ở trong vùng Cô-ven, nhận định rằng quân địch đang tổ chức rút lui toàn bộ.

Về phía mình, C. C. Rô-cô-xốp-xki cũng lại báo cáo ngay tình hình trên cho Gh. C. Giu-cốp, đại diện của Đại bản doanh. Gh. C. Giu-cốp không phủ nhận khả năng rút lui của địch nhưng đồng chí cho rằng cần phải xác nhận thật đầy đủ tình hình tháo chạy của địch đã. Đồng chí lệnh cho tư lệnh phương diện quân khi đã xác nhận đúng là cụm quân Cô-ven của địch rút chạy, thì phải nhanh chóng chuyển sang tiến công ngay, tung các tập đoàn quân 47, 69, các quân đoàn xe tăng 8, 11 và 2 quân đoàn kỵ binh vào giao chiến.

Ngày hôm sau, quân địch vẫn tiếp tục rút lui. Trong ngày 6 tháng Bảy, các tập đoàn quân của Gu-xép và Côn-pác-tsi tiến sâu được 9 ki-lô-mét. Chúng ta lấy được tám bản đồ của một sĩ quan địch thuộc sư đoàn bộ binh 342 đã bị giết, có đánh dấu tuyến rút lui của sư đoàn này tới sông Tây Béc. Lúc này, tư lệnh phương diện quân và đại diện của Đại bản doanh không còn nghi ngại gì nữa.

Nhưng lại nảy sinh ra một vấn đề khác là bộ đội sẽ hành động theo kế hoạch nào, vì việc rút chạy của địch làm thay đổi hẳn tình hình và mở ra những khả năng mới. Mọi điều lệnh chiến đấu của ta đều nói rõ là khi địch rút lui, phải nhanh chóng và rất khẩn trương truy kích chúng. Tình hình đã diễn ra như vậy Thế nhưng lúc này lại cần phải chuẩn xác thêm kế hoạch chiến dịch. Gh. C. Giu-cốp và Hội đồng quân sự phương diện quân trực tiếp bắt tay vào giải quyết các công việc trên.

Trong khi ấy, bộ đội vẫn tiếp tục truy kích địch. Tư lệnh tập đoàn quân 47 yêu cầu thiếu tướng Ph. N. Rút-kin. chỉ huy quân đoàn xe tăng 11 phối thuộc tập đoàn quân, phải hành động táo bạo ngay, nhưng lại không áp dụng những biện pháp thỏa đáng nhằm tổ chức trinh sát sâu hơn và toàn diện hơn, không bảo đảm hỏa lực của pháo binh và không quân chi viện cho tiến công, vội vã cho rằng lúc này bọn Hít-le đang chạy “thực mạng để hồng thoát thân”.

Về phía mình, quân đoàn trưởng và các chỉ huy lữ đoàn trong quân đoàn cũng nhận định rằng quân địch tháo chạy, và do không đủ thời gian, nên đã vội vã tung các binh đoàn vào chiến đấu, cũng không kịp nghĩ tới việc hiệp đồng với pháo binh và không quân, không tổ chức đầy đủ các mặt trinh sát.

Hồi 11 giờ ngày 8 tháng Bảy, quân đoàn xông lên phía trước. Hai lữ đoàn xe tăng được triển khai lại không tiến hành trinh sát sơ bộ địa hình, nên phải hành động mò mẫm. Thậm chí, các đồng chí còn cho rằng không cần phải triển khai cả những trung đoàn pháo tự hành thuộc biên chế của quân đoàn. Bộ binh không tiến công sau xe tăng.

Công tác tổ chức chiến đấu của quân đoàn thiếu sót như vậy, nên khi các lữ đoàn xe tăng vấp phải tuyến phòng ngự có tổ chức vững chắc của địch, đã bị thiệt hại nặng. Và, mặc dầu các lữ đoàn ra sức đột phá dưới tầm hỏa lực bắn thẳng của các xe tăng địch đặt ngằm dưới đất nhưng cũng không sao hoàn thành được nhiệm vụ chiến đấu.

Bài học thật sâu sắc. “con thú bị thương” điên cuồng gầm gừ. Chỉ một sai lầm rất nhỏ trong công tác tổ chức chiến đấu, đánh giá địch không đầy đủ cũng có thể bị trả giá rất đắt...

Gh. C. Giu-cốp nhận được tin trên, ra lệnh phải điều tra ngay tình hình và báo cáo cho Xta-

lin: “tôi cho rằng - Gh. C. Giu-côp kết thúc bản báo cáo - phải cách chức thiếu tướng Rút-kin. chỉ huy trưởng quân đoàn, cử người có năng lực và có trách nhiệm hơn đứng ra chỉ huy quân đoàn.

Đại bản doanh cần ra lệnh khiển trách Gu-xép về thái độ thiếu trách nhiệm của mình...”.

Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu tướng G. N. ô-ren, chủ nhiệm binh chủng xe tăng của phương diện quân, báo cáo bổ sung thêm các nguyên nhân đánh không thắng, sau đó mới ra lệnh cách chức chỉ huy trưởng quân đoàn.

Bộ tổng tham mưu cũng rất đau xót trước sai lầm đó, nhất là đối với tôi, vì Ph. N. Rút-kin là bạn đồng học trong Học viện mô-tô cơ giới của Hồng quân công nông trước đây.

Vì đại diện của Đại bản doanh và Hội đồng quân sự phương diện quân chưa biết rõ các hành động sau này của địch như thế nào, nên buộc phải dự kiến nhiều phương án khác nhau để triển khai chiến dịch. Nếu địch phòng ngự trên các điểm cao ở phía Đông Tây Búc thì phương diện quân vẫn tiến hành chiến dịch theo kế hoạch cũ, chỉ cần sửa chữa lại đôi chút. Còn nếu như địch rút chạy “và rất có khả năng lại như vậy) thì mũi đột kích chủ yếu sẽ đánh vào Đem-blin tiến ra Vi-xla và phát huy chiến quả theo dọc bờ Đông sông Vi-xla tới các vùng phụ cận Vác-sa-va - Pra-ha.

Phương diện quân cần đánh chiếm lấy căn cứ đầu cầu ở bên kia sông Vi-xla để sau này có thể dùng làm bàn đạp tiến công về phía Tây. Các mũi đột kích thứ yếu dự định đánh vào Xét-lét (sử dụng lực lượng của tập đoàn quân 47 có các quân đoàn xe tăng và kỵ binh tăng cường) và ở hướng Bắc thì vào Brét (sử dụng lực lượng của tập đoàn quân 70), thu hẹp dải phòng ngự của địch ở phía trước các tập đoàn quân cánh phải của phương diện quân.

Trong kế hoạch này, nhiệm vụ sử dụng một phần lực lượng các tập đoàn quân cánh trái của phương diện quân để đánh vào khu vực Vác-sa-va được kết hợp tuyệt vời với ý định tổ chức hợp vây sâu hơn quân địch ở vùng Brét. Bộ tổng tham mưu chú ý nghiên cứu toàn diện kế hoạch đó và báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Ngay trong ngày hôm đó, ngày 7 tháng Bảy, Antô-nốp gửi cho Gh. C. Giu-côp bức điện của Đại bản doanh phê chuẩn kế hoạch.

Căn cứ vào kinh nghiệm đau đớn của quân đoàn xe tăng 11, chúng ta có thể rút ra kết luận là không đột phá tuyến phòng ngự địch trong hành tiến được. Do đó, yêu cầu phải chuẩn bị đột phá có kế hoạch và phải bảo đảm toàn diện cho kế hoạch đột phá. Muốn vậy, cần phải có một số thời gian. Chiến dịch ở khu vực Cô-ven được lệnh hoãn tới ngày 18 tháng Bảy.

Vào thời gian này, bộ đội của phương diện quân U crai-na 1 sẽ chuyển sang tiến công vào Lơ-vốp, bẻ gãy phòng ngự địch và tạo nên ở sườn phải của mình trong khu vực Vla-đi-mia - Vô-lun-xki các tiền đề có lợi cho các tập đoàn quân cánh trái thuộc phương diện quân của C. C. Rô-cô-xốp xki hành động. Để khỏi phải quay trở lại vấn đề này, tôi xin phép nói luôn là cuộc tiến công của phương diện quân U-crai-na 1 đã bắt đầu thắng lợi vào ngày 13 tháng Bảy 1944

Ngay ở bên sườn phải của phương diện quân - trên hướng Brét, các nhiệm vụ được giải quyết cũng không phải dễ dàng. Bộ tổng tham mưu và bộ tư lệnh phương diện quân rất lo lắng vì tốc độ tiến quân của các đơn vị ta ở đây chậm. Quân đội của Hít-le điên cuồng phòng ngự chống trả lại ở khu vực Ba-ra-nô-vi-tsi, một trung tâm đường sá quan trọng và là điểm tựa phòng ngự mạnh của quân địch. Chúng ra sức chống cự không cho các tập đoàn quân của ta tới được Brét nơi chúng ta dự định sẽ hợp vây chúng.

Gh. C. Giu-cốp đáp máy bay cấp tốc tới khu vực Ba-ra-nô-vi-tsi để đẩy mạnh tốc độ thủ tiêu quân địch cùm lại ở đây Sau khi thỏa thuận với C. C. Rô-cô-xốp-xki đang ở lại Cô-ven, Gh. C. Giu-cốp đã tổ chức tại chỗ mũi vu hồi của các lực lượng tập đoàn kỵ binh - cơ giới của I. A. Pliep từ mặt phía Bắc đánh vào Ba-ra-nô-vi-tsi, phối hợp với các hoạt động của tập đoàn quân 65 của P. I. Ba-tốp tại đây, điều động tập đoàn quân 28 của A. A. Lu-trin-xki tiến công cắt quãng đường sắt Ba-ra-nô-vi-tsi - Xô-nim. Ngày 8 tháng Bảy, bộ đội ta chiếm được Ba-ra-nô-vi-tsi.

Trong lúc các đơn vị Liên Xô tiến công thắng lợi tới biên giới Ba Lan, thì đã xảy ra một sự kiện rất quan trọng đối với sứ mệnh giải phóng của quân đội Liên Xô và Ba Lan. Ngày 21 tháng Bảy, trong phiên họp của CRN tại thành phố Khen-mơ - mảnh đất nhỏ đầu tiên của Ba Lan được giải phóng khỏi bọn chiếm đóng Hít-le, đã thành lập ra chính phủ lâm thời của nước Ba Lan dân chủ: ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan. Sang ngày hôm sau, ủy ban ra bản tuyên ngôn kêu gọi nhân dân Ba Lan đứng lên đấu tranh nhằm giải phóng hoàn toàn đất nước chống bọn Hít-le và củng cố sự hợp tác với các lực lượng dân chủ trên thế giới, trước hết là với Liên Xô.

Bản tuyên ngôn còn công bố nhiệm vụ hàng đầu là phải tiến hành cải cách dân chủ các cơ sở của nhà nước Ba Lan. Chính quyền cách mạng mới cho rằng một trong những nhiệm vụ trước mắt là thành lập Quân đội Ba Lan.

Trong những ngày dồn dập nhiều sự kiện quan trọng này, chúng ta được tin từ trong lòng địch: ngày 20 tháng Bảy, nổ ra vụ mưu sát Hít-le ở trong Tổng hành dinh của Đức. Nguyên nhân của vụ mưu sát này chúng ta chưa được rõ, thế nhưng bản thân sự kiện ấy cũng đủ chứng minh rằng trong hàng ngũ của Đế chế thứ ba đã có những sự bất đồng sâu sắc.

A. A. Gru-dơ-lốp báo cáo bằng điện thoại tới phương diện quân Pri-ban-tích 3 cho tôi biết tin vụ mưu sát đó. Thời gian này, tôi đang công tác tại đây. Cả hai chúng tôi đều lấy làm tiếc vì tên tội phạm trọng yếu vẫn còn sống sót.

Ít lâu sau, tin tức về vụ mưu sát đó từ nước Đức cũng bay tới mặt trận. Thư từ của quân lính địch viết về vụ mưu sát không tới địa chỉ của người nhận mà lọt vào tay chúng tôi, vì lý do cuộc tiến công của chúng ta đã phát triển quá nhanh, khiến những người đưa thư của địch không nhận được ra đâu là mặt trận của bọn chúng, nên đã chạy lạc sang hàng ngũ ta.

Các tập đoàn quân bên cánh trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến công sang ngày thứ tư và khi đã vượt qua được tuyến sông Tây Béc (biên giới giữa Liên Xô và Ba Lan). thì Gh. C. Giu-cốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki và N. A. Bun-ga-nin, ủy viên Hội đồng quân sự, nhận được lệnh của Đại bản doanh: phải chiếm Li-u-blin trước ngày 26-27 tháng Bảy. Các đồng chí quy định sẽ sử dụng trước hết tập đoàn quân xe tăng 2 của X. I. Bô-gđa-nốp và quân đoàn kỵ binh cận vệ 7 của M. P. Côn-xtan-ti-nốp để mở mũi tiến công này.

Mệnh lệnh trên phần nào làm thay đổi kế hoạch của phương diện quân. nên Đại bản doanh giải thích phải đánh chiếm Li-u-blin là vì lợi ích của nước Ba Lan dân chủ độc lập.

Ngày 23 tháng Bảy, bộ đội của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 giải phóng được Li-u-blin. Chính phủ lâm thời Ba Lan bắt đầu làm việc trong thành phố, nó sẽ phải khôi phục lại nhà nước Ba Lan và tổ chức cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân phối hợp với Hồng quân chống lại bọn chiếm đóng Hít-le.

Cùng ngày hôm ấy, I. V. Xta-lin gửi cho U. Sốc-sin bức thông điệp nói rõ lập trường của Liên Xô đối với việc quản lý nước Ba Lan. “Chúng tôi không muốn và cũng sẽ không đặt cơ quan hành chính của mình trên lãnh thổ Ba Lan, vì chúng tôi không muốn can thiệp vào các công việc nội bộ của Ba Lan. Các đồng chí Ba Lan sẽ tự làm lấy các công việc đó của mình”. (Thư từ giữa Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô với Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh trong thời gian cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941-1945. Tiếng Nga. t.1. tr. 244.).

Bộ tổng tham mưu được chỉ thị về quan hệ qua lại với chính quyền Ba Lan và ra những chỉ thị phù hợp cho bộ đội Liên Xô.

Cụm tập đoàn quân “trung tâm” của phát-xít Đức bị tiêu diệt, và các phương diện quân ở hướng Tây tiến ra biên giới quốc gia Liên Xô có nghĩa là nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội Liên Xô trong chiến dịch giải phóng Bê-lô-ru-xi-a đã gần được hoàn thành. Trong những trường hợp như thế, thường phải xác định hướng chiến lược mới hoặc sửa chữa lại kế hoạch hành động của các phương diện quân.

Ngày 19 tháng Bảy 1944, nguyên soái Gh. C. Giu-cốp viết cho Tổng tư lệnh tối cao một báo cáo riêng, nói rõ ý kiến của mình về việc tổ chức các chiến dịch sau này của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a mà lúc ấy đồng chí là đại diện của Đại bản doanh ở đó:

“1. Mục tiêu chiến lược chủ yếu của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, 2, 3 trong giai đoạn trước mắt là: tiến ra Vi-xla, tới tận vịnh Đan-xích và chiếm lấy Đông Phổ hoặc là khi tiến quân ra Vi-xla đồng thời sẽ cắt Đông Phổ ra khỏi nước Đức Trung ương”.

Như bạn đọc thấy, Phó Tổng tư lệnh tối cao cho rằng nhiệm vụ tiêu diệt Cụm tập đoàn quân “trung tâm” và giải phóng Đông Ba Lan là nhiệm vụ phải thực hiện bằng được. Theo ý kiến của đồng chí thì chiến dịch đánh vào Đông Phổ là chiến dịch phức tạp và khó khăn hơn:

“2. Đông Phổ có nhiều cứ điểm, thiết bị công trình vững chắc, điều kiện tự nhiên thuận lợi, sẽ là một trở lực rất quan trọng. Các đường tiếp cận vào Khuê-ních-xbéc ở mặt Đông - Nam và mặt Nam vào phải 5 tuyến cứ điểm bảo vệ, còn mặt phía Đông và thêm nữa, ở phía Tây In-xtéc-buốc, địch đã chuẩn bị một khu vực có thể làm ngập nước cả vùng”.

Gh. C. Giu-cốp cho rằng hướng tiến công có lợi nhất vào Đông Phổ là:

“hướng thứ nhất - từ khu vực Tin-dít dọc theo hai bên bờ đánh vào hướng chung tới Khuê-ních-xbéc qua Li-bốt; hướng thứ hai - từ khu vực Cau-na-xơ, A-li-tút qua Gum-bi-nen tới Khuê-ních-xbéc. sẽ đánh vòng qua khu vực bị ngập nước ở mặt phía Nam và khu vực các cứ điểm Lét-xen-xki; mũi đột kích thứ ba - từ khu vực Mơ-la-va qua Khô-khen-xtây, A-len-stai-nơ tới Bra-un-xbéc.

Ngoài ra, phải tung một tập đoàn mạnh ở phía Đông Vi-xla, đánh vào hướng chung Ma-ri-en-buốc để chia cắt Đông Phổ ra khỏi vùng Đan-xích”.

Nhận thấy mũi đột kích từ khu vực Tin-dít chỉ có thể tiến hành khi đã quét địch ra khỏi Lít-va, nên Giu-cốp cho rằng hướng thứ hai và hướng thứ ba có thể sử dụng được khi các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 và 2 phát triển tiến công.

“Tséc-ni-a-khốp-xki có thể đột kích vượt qua Gum-bi-nen nhưng phải sử dụng một bộ phận lực lượng tiến công ở phía Bắc khu rừng Áp-gu-xtốp qua Xu-van-ki tới Gôn-đáp.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 phải đột kích từ khu vực Mơ-la-va vào các hướng sau đây:

a) một tập đoàn đánh vào A-len-stai-nơ;

b) một tập đoàn đánh vào Ma-ri-en-buốc để tiến ra vịnh Đan-xích;

c) một tập đoàn phải tiến ra Vi-xla trên khu vực Prút-di-an-xơ, Ne-sa-va, và trụ lại tại đây.

Ở bên trái, phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 phải tiến ra giới tuyến giáp phương diện quân U-crai-na 1. Tại đây phương diện quân nhất thiết phải chiếm lấy các căn cứ bàn đạp tốt ở bên bờ phía Tây sông Vi-xla”.

Trong báo cáo của đồng chí còn nói tới những dự kiến khác, chẳng hạn về lực lượng của các phương diện quân. Nguyên soái Giu-cốp báo cáo: phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 cần được bổ sung 300 xe tăng và 100 pháo tự hành. Còn phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 thì ngoài 3 tập đoàn quân ra, cần được bổ sung thêm một tập đoàn quân binh chủng hợp thành với gồm 9 sư đoàn và một quân đoàn bộ binh với biên chế gồm 3 sư đoàn, một tập đoàn quân xe tăng hoặc 2-3 quân đoàn xe tăng, cùng các phương tiện tăng cường khác, kể cả kỵ binh và không quân.

Cuối cùng, tác giả của kế hoạch trên còn đề nghị cả tuyến phân giới giữa các phương diện quân. Báo cáo kết thúc bằng câu: “Để chuẩn bị cho các chiến dịch sắp tới, đề nghị đồng chí nên triệu tập cả Va-xi-lép-xki về dự họp”.

Báo cáo trên của Giu-cốp đồng gửi cho A. I. An-tô-nốp một bản. A. I. An-tô-nốp báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao rằng theo ý kiến của đồng chí, trong kỳ họp sắp tới không chỉ bàn đến các chiến dịch của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a mà của khắp các mặt trận - từ Pri-ban-tích tới Các-pát, I. V. Xta-lin đồng ý và cho lệnh triệu tập cả Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki. Phiên họp ấn định vào ngày 27-29 tháng Bảy.

Thời gian mở những mũi đột kích quyết liệt mới đánh vào quân địch ở phía Tây - Nam đã đến. Chúng ta cần xác định rõ lại một lần nữa nhiệm vụ và hướng nỗ lực chủ yếu của các phương diện quân đang tiến công, kiểm tra và chấn chỉnh lại những nơi nào cần thiết, xác định tính chất hiệp đồng, quy định các cụm lực lượng của phương diện quân, thứ tự thành lập, nơi bố trí và sử dụng các đội dự bị của Đại bản doanh.

Ngoài ra, Bộ tổng tư lệnh tối cao còn phải giải quyết theo cách mới một số vấn đề về chỉ huy các đơn vị, phối hợp sự nỗ lực và kiểm tra mọi hành động của các phương diện quân. Chúng ta cần phải tăng cường theo dõi việc tiến hành và bảo đảm cho các chiến dịch.

Tình hình lúc này có vấn đề phải quan tâm là, bộ đội ta giành được nhiều thắng lợi to lớn và đánh giá thấp địch. Do đó tính nghiêm khắc trên một số mặt như tiến hành trinh sát, tuân thủ nguyên tắc tập trung lực lượng và hành động của các tập đoàn xung kích, có hiện tượng bị lơ lửng. Có nơi, có lúc, chúng ta phát hiện thấy hiện tượng phân tán các lực lượng và phương tiện, ví dụ như ở các đơn vị cơ động, không quân và một bộ phận pháo binh. Ngay I. X. Cô-nép - một kiện tướng về tổ chức các mũi đột kích tập trung và biết nhanh chóng phát huy thắng lợi trong thời gian chuẩn bị cho chiến dịch Lơ-vốp cùng vẫn không tránh khỏi các thiếu sót ấy.

Khi tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 của P. X. Rư-ban-cô tiến sâu vào phía sau cụm quân Lơ-vốp của địch. Gh. C. Giu-cốp đại diện Đại bản doanh - và tư lệnh phương diện quân cho rằng địch sẽ bỏ Lơ-vốp và bắt đầu rút lui. Ngày 23 tháng Bảy, các đồng chí báo cáo cho Tổng tư lệnh

tối cao rõ quyết định tiếp tục tiến công của các tập đoàn quân xe tăng của Ca-tu-cốp, Rư-ban-cô, Lê-liu-sen-cô và quân đoàn kỵ binh của Ba-ra-nốp. Các binh đoàn tiến công theo hình cánh cung tới Tren-xtô-khốp và Cra-cốp không thể hiện rõ đâu là binh đoàn chủ yếu.

Tổng tư lệnh tối cao và Bộ tổng tham mưu suy nghĩ khác hơn. Cũng có thể, địch sẽ bỏ lại Lơ-vốp, như vậy mọi việc sẽ tốt đẹp. Nhưng, nếu bọn chúng lại cố giữ lấy Lơ-vốp thì tình hình rồi sẽ ra sao? Trong trường hợp này, phía sau các đơn vị chúng ta sẽ còn lại cả một trung tâm giao thông to lớn và khu vực phòng ngự rất quan trọng của địch, còn ở bên sườn là khu vực Xta-ni-xláp vẫn do địch chiếm giữ. Bộ đội Liên Xô sẽ lâm vào nguy cơ bị cắt khỏi đường tiếp tế đạn dược và lương thực.

Ngày 24 tháng Bảy, Đại bản doanh ra chỉ thị về vấn đề này như sau:

“Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao cho rằng kế hoạch sử dụng các tập đoàn quân xe tăng và quân đoàn kỵ binh của các đồng chí trong lúc này là hơi sớm và nguy hiểm, vì chiến dịch đó không thể bảo đảm về mặt vật chất và chỉ dẫn tới kết quả làm suy yếu và phân tán các cánh quân xung kích của ta.

Căn cứ vào tình hình trên, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao ra lệnh trước hết phải tiêu diệt cụm quân Lơ-vốp của địch và không cho chúng rút sang bên kia sông Xan hoặc tới Xam-bo, do đó:

1) Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 của Ca-tu-cốp và quân đoàn kỵ binh cận vệ 1 của Ba-ra-nốp sẽ đánh chiếm khu vực I-a-rô-xláp, Pê-rê-mur-slo để cắt các đường rút lui chính sang phía Tây của cụm quân Lơ-vốp của địch.

2) Sử dụng tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 của Rư-ban-cô và tập đoàn quân xe tăng 4 của Lê-liu-sen-cô để tiêu diệt cụm quân Lơ-vốp của địch và đánh chiếm thành phố Lơ-vốp, hiệp đồng với tập đoàn quân 60 của Cu-rốt-kin.

Các đồng chí cần chú ý rằng, nếu không chiếm được Lơ-vốp, một trung tâm đường sắt quan trọng, thì sau này chúng ta sẽ không thể phát triển tiến công mạnh sang phía Tây tới Cra-cốp được.

3) Sử dụng quân đoàn kỵ binh cận vệ 6 của Xô-cô-lốp tập kích vào sau lưng cụm quân Cra-xnô-xtáp-xki của địch theo hướng chung Tô-ma-súp, Cra-xních; hiệp đồng với tập đoàn quân cận vệ 3 của Gô-rơ-đốp và cánh trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiêu diệt chúng.

4) Trong những ngày tới đây, cuộc tiến công sang phía Tây giới hạn trong phạm vi tiến tới sông Xan, chiếm lĩnh các bên vượt và căn cứ đầu cầu bên bờ Tây con sông này...”

Như vậy là vấn đề sử dụng các đơn vị cơ động và tiêu diệt quân địch trực tiếp ở khu vực Lơ-vốp đã được giải quyết và phương thức phát triển thắng lợi của phương diện quân U crai-na 1 đã được quy định. Nếu chúng ta nhớ đến trận đánh cố thủ tại căn cứ bàn đạp Xan-đô-ni-a, đã gây cho ta nhiều khó khăn biết bao, mặc dầu phía sau lưng các đơn vị chúng ta hoàn toàn được bảo đảm, chúng ta mới thấy rõ sự sáng suốt đó của Đại bản doanh.

Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô lúc nào cũng cố gắng “ngay cả trong trường hợp này” không để tình trạng tiến nhanh một cách không có căn cứ. Xu hướng muốn tiến hành tiến công rộng khắp mà không bảo đảm đầy đủ cho tiến công là một xu hướng rất nguy hiểm, nhất là khi bộ đội ta tiến công ở trên lãnh thổ các nước ngoài, ở đây, kẻ địch gần các căn cứ của chúng hơn và

có các mạng đường sá sẵn có để chuyển mọi thứ cần thiết lên phía trước. Còn ngược lại, chúng ta ở xa các căn cứ của mình và buộc phải khôi phục và xây dựng các con đường sắt. Trong những điều kiện ấy, chúng ta cần biết gìn giữ mình một cách toàn diện và thận trọng, tránh những ngẫu nhiên xảy tới.

Trong những ngày Đại bản doanh tiến hành hội nghị thì trên đất nước Ba Lan lại diễn ra những tình hình quân sự, chính trị phức tạp.

Đến hết ngày 25 tháng Bảy, bộ đội của tập đoàn quân xe tăng 2 của X. I. Bô-gđa-nốp và tập đoàn quân cận vệ 8 của V. I. Tsui-cốp sau khi chiếm được Đem-blin và Pu-la-vur đã tiến ra bờ Đông sông Vi-xla. Cũng trong thời gian ấy, quân đoàn kỵ binh cận vệ 2 của V. V. Cri-u-cốp chiến đấu ở vùng ven phía Nam thành phố Xét-lét, mà như tất cả chúng ta hồi đó hình dung, là sẽ từ Xét-lét mở đường thẳng tiến đến Vác-sa-va.

Thế nhưng, bộ đội ta không phát huy được kết quả vì bộ chỉ huy Đức đã điều những lực lượng mới tới đây. Địch dùng xe tăng và bộ binh tổ chức phản kích trong hai ngày trước đó ở bên sườn phải của phương diện quân, chúng đã phản kích đặc biệt mạnh trong dải của tập đoàn quân 65 của P. I. Ba-tốp. Các đợt phản kích của địch bị đánh lui, nhưng tốc độ tiến công của bộ đội ta cũng giảm xuống hẳn.

Ngày 27 tháng Bảy, tập đoàn quân 28 của tướng A. A. Lu-trin-xki từ phía Đông và tập đoàn quân 70 của tướng V. X. Pô-pốp từ phía Tây và Tây - Nam đã hợp vây được đại bộ phận cụm quân địch ở khu vực Brét, phải mất 2 ngày mới tiêu diệt được chúng.

Còn tập đoàn quân 69 của V. I-a. Côn-pác-tsi hành động tích cực đã vọt tới Vi-xla ở phía Nam Pu-la-vur. Chi đội phái đi trước của tập đoàn quân đã vượt sông, chiếm được một căn cứ đầu cầu không lớn lắm và đã lập tức mở rộng căn cứ đó

Từ ngày 27 tháng Bảy, chiến sự ở vùng Xét-lét diễn ra đặc biệt ác liệt. Các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 47, lúc đó do tướng N. I. Gu-xép chỉ huy, cùng với tập đoàn quân xe tăng 2 đã tiến công ở đây. Các chiến sĩ xe tăng nhận nhiệm vụ đánh chiếm Pra-ha, các bến vượt qua sông Vi-xla và cắt đường rút về phía Tây của cụm quân phát-xít Đức đang ở phía Đông sông Vi-xla.

Sau khi cân nhắc khả năng tiếp tục phát triển tiến công trên hướng Vác-sa-va dọc theo hai bên bờ Đông và Tây sông Vi-xla, bộ tư lệnh phương diện quân đã tung tập đoàn quân Ba Lan 1 vào làm nhiệm vụ thê đội 1 ở khu vực Rư-xít-xe (phía Bắc Đem-blin 10 ki-lô-mét), khu Vlô-xtô-vi-xe (phía Nam Pu-la-vur 10 ki-lô-mét).

Việc tập đoàn quân Ba Lan 1 tiến quân ở thê đội 1 có một ý nghĩa chiến đấu và chính trị tinh thần to lớn. Bộ chỉ huy Liên Xô gìn giữ tập đoàn quân này và cho mãi tới lúc ấy mới thấy cần thiết tung tập đoàn quân vào tác chiến. Hồi đó khi vượt qua biên giới Ba Lan, bộ chỉ huy tập đoàn quân đã gửi cho Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô bức điện ngắn có chữ ký của tư lệnh Dích-mun Béc-lin-gơ: “Chúng tôi đã qua Búc. Thay mặt toàn thể chiến sĩ trong tập đoàn quân, chúng tôi chân thành chào mừng đồng chí Xta-lin!.. Dũng khí của các chiến sĩ lên cao chưa từng thấy. Tập thể chiến sĩ tình nguyện...”

Từ phía “những người ở Luân đôn” (chỉ bọn chính phủ tư sản Ba Lan lưu vong. - ND.) lại tung ra những tin khác. Chúng không thừa nhận quân đội của Béc-lin-gơ là quân đội Ba Lan, gọi các chiến sĩ yêu nước là những người đánh thuê. Chúng ra sức áp đặt quyền bính của mình và chế độ lỗi thời cũ lên đất Ba Lan. Một trong những nhật lệnh của họ đã nói thẳng ra là mọi mưu

toan “thành lập các trung tâm cánh tả của các chính phủ đều sẽ bị đàn áp thẳng tay, thậm chí còn sử dụng cả sức mạnh”. Thủ tướng Anh tìm mọi cách ủng hộ các đại biểu của phái các chính trị gia tư sản đó.

Đại bản doanh được tin: ngày 27 tháng Bảy, X. Mi-cô-lai-chích, thủ tướng mới của chính phủ tư sản lưu vong Ba Lan từ Luân Đôn lên đường sang Mát-xcơ-va. Chuyển đi này của y có lẽ do nhiều nguyên nhân thôi thúc: do uy tín của ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan và của Đảng công nhân Ba Lan đang ngày một lớn mạnh, do tình cảm của nhân dân Ba Lan đối với Liên Xô, do những thắng lợi trong chiến tranh của chúng ta. Và cuối cùng là do bản tuyên bố mới đây của Chính phủ Liên Xô làm cho Mi-cô-lai-chích sinh lo.

Tuyên bố nói rõ rằng: “Chính phủ Liên Xô không có ý định thiết lập trên lãnh thổ Ba Lan các cơ quan hành chính của mình. Liên Xô cho rằng đây là công việc của nhân dân Ba Lan. Do đó, Liên Xô quyết định ký kết với ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan Hiệp nghị về các mối quan hệ giữa Bộ tư lệnh Liên Xô và chính quyền Ba Lan”.

Tiếp sau, có đoạn viết: “Chính phủ Liên Xô tuyên bố sẽ không theo đuổi mục tiêu chiếm giữ một bộ phận đất đai nào của Ba Lan, hoặc thay đổi chế độ xã hội ở Ba Lan; các hành động quân sự của Hồng quân trên lãnh thổ Ba Lan đều chỉ xuất phát từ sự cần thiết về mặt quân sự và từ nguyện vọng muốn giúp nhân dân Ba Lan anh em giải phóng đất nước khỏi ách chiếm đóng của nước Đức phát-xít”. (Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước. tiếng Nga. t. 11. tr. 155.)

Gần tới phiên họp của Đại bản doanh, tôi từ phương diện quân Pri-ban-tích 3 trở về Mát-xcơ-va. Tối hôm đó, chúng tôi được tin I. V. Xta-lin từ chối không dự cuộc hội đàm giữa những người đứng đầu các nước lớn mà Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh dự định sẽ họp ở Xcốt-len vào tuần thứ hai của tháng Chín.

Trong thư gửi Séc-sin, sau khi vạch rõ sự cần thiết của cuộc gặp gỡ này, Xta-lin viết: “nhưng trong thời gian này, khi Quân đội Liên Xô đang triển khai chiến đấu trên nhiều mặt trận, đang phát triển tiến công ngày một mạnh, tôi không thể rời khỏi Liên Xô và rời bỏ sự lãnh đạo các tập đoàn quân, dù chỉ trong một thời gian rất ngắn. Theo ý kiến của tất cả các bạn đồng nghiệp của tôi, dứt khoát là không thể làm như vậy được”. (Thư từ trao đổi giữa Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô với Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941-1945. Tiếng Nga. 1957. t. 1. tr. 247.)

Suốt đêm chúng tôi chuẩn bị các tài liệu chỉ dẫn và dự thảo các chỉ thị. Ngày 27 tháng Bảy, Đại bản doanh bắt đầu họp. I. V. Xta-lin, Gh. C. Giu-cốp, A. M. Va-xi-lép-xki và A. I. An-tô-nốp tham dự phiên họp. Tôi và đồng chí A. A. Grư-dơ-lốp cũng được dự họp để thể hiện các nghị quyết của Đại bản doanh thành chỉ thị, mệnh lệnh.

Như tôi đã nói ở trên, hội nghị không phải chỉ bàn tới các triển vọng tiến công của các phương diện quân Bê-lô-ru-xu-a mà còn đề cập tới nhiều vấn đề rộng lớn hơn. Lúc đầu hội nghị xem xét tình hình chung trên các mặt trận, đánh giá tình hình chung đó là thuận lợi rồi sau chuyển qua phân tích tình hình và các nhiệm vụ tác chiến ở Pri-ban-tích, Đông Phổ và Đông Ba Lan

Hành động của các phương diện quân Lê-nin-grát, Pri-ban-tích 3, 2 và 1 đang phát triển

thắng lợi ở Pri-ban-tích, nên Đại bản doanh chỉ xác định rõ thêm các kế hoạch tiến công.

Hội nghị thảo luận thật tỉ mỉ về tình hình ở những vùng tiếp cận vào Đông Phổ và ở hướng Tây. Các thành viên tham gia hội nghị đi tới kết luận rằng địch sẽ hết sức ngoan cố bám giữ lấy Đông Phổ.

Các đồng chí quyết nghị tại cuộc họp rằng khả năng tiến công trong hành tiến của chúng ta ít có hiệu quả, cho nên cần phải chuẩn bị cuộc tiến công một cách tỉ mỉ, toàn diện và tiến hành chủ yếu bằng những lực lượng hiện có.

Trên hướng Tây, tuyến phòng ngự của địch không mạnh, nên trong những ngày tới đây ta có thể giành được những thắng lợi lớn.

Khi Đại bản doanh đang họp thì nhận được tin quân địch ở Lor-vốp đã bị tiêu diệt, việc đó mở ra khả năng cho bộ đội ta hành động ở phía Nam Vác-sa-va. Khu vực Xan-đô-mia trong dải của phương diện quân U-crai-na 1 của I. X. Cô-nép giữ một tầm quan trọng đặc biệt trong vấn đề này, vì Xan-đô-mia là cứ điểm then chốt trong hệ thống phòng ngự của địch ở bên kia sông Vi-xla và là cửa ngõ để tiến vào trung tâm Ba Lan.

Bộ đội của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 vẫn hành động bằng hai mũi trên hai cánh như cũ. Như chúng ta đã nói đến ở trên, hai tập đoàn quân binh chủng hợp thành của cánh trái (tập đoàn quân cận vệ 8 và 69) đã tiến tới Vi-xla, và ngày 27 tháng Bảy bắt đầu tiến công vượt sông, chẳng mấy chốc đã đánh chiếm được những căn cứ đầu cầu không lớn lắm ở các khu vực Ma-gơ-nu-se-vô và Pu-la-vur.

Cả tập đoàn quân Ba Lan 1 cũng tiến quân tới sông Vi-xla. Tập đoàn quân xe tăng 2 đang tiến công thắng lợi dọc theo bờ Đông sông Vi-xla tới các vùng phụ cận Vác-sa-va - Pra-ha. Thiếu tướng A. I. Rát-di-ép-xki, tham mưu trưởng tập đoàn quân, chỉ huy các chiến sĩ xe tăng, vì X. I. Bô-gđa-nốp. tư lệnh tập đoàn quân, bị thương và phải về Mát-xcơ-va điều trị theo lệnh của I. V. Xta-lin. Các lực lượng còn lại của cánh trái phương diện quân tiến vào khu vực Xét-lét. Chúng ta không thấy có gì đáng lo ngại ở khu vực này.

Tình hình bên cánh phải của phương diện quân xấu hơn - bộ đội còn rớt lại sau tới 200-250 ki-lô-mét. Ở đây, các đơn vị đã chiếm được Bê-lô-xtốc và tiến tới Brét. Giải phóng Brét là công việc trong thời gian sắp tới. Các thành viên tham gia cuộc họp chưa nhận thấy mối nguy cơ đặc biệt do tốc độ tiến công chung bị chậm trễ để ra.

Tất cả đều thống nhất ý kiến cho rằng, bộ đội của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 mặc dầu lực lượng có bị suy giảm, việc cung cấp có bị rối loạn do suốt một tháng tiến công liên tục trong thời kỳ chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a, song vẫn có thể lợi dụng được thắng lợi của các chiến sĩ xe tăng của Bô-gđa-nốp đang tiến quân về phía Bắc mà bẻ gãy được sự kháng cự của địch trong các khu vực Brét và Xét-lét và lấy lại những gì đã mất.

Các thành viên tham gia hội nghị đi tới kết luận: tốt nhất là dùng cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến công vào Vác-sa-va. Các đồng chí quyết định: sau khi chiếm được khu vực Brét và Xét-lét, phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 không được dừng lại, mà cho cánh phải phát triển tiến công vào hướng chung tới Vác-sa-va và trước ngày 5-8 tháng Tám phải chiếm được các vùng phụ cận Pra-ga, cả căn cứ đầu cầu trên sông Na-rép ở khu vực Pun-túc, Xê-rốt-xcơ tiếp giáp với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2. Cánh trái của phương diện quân được quy định sẽ tiến công chiếm lĩnh căn cứ đầu cầu trên sông Vi-xla ở khu vực Đem-blin, Dơ-vô-len,

Xô-lét.

Phương diện quân U-crai-na 1 được lệnh phải tiến công vượt sông Vi-xla và đánh chiếm căn cứ đầu cầu ở khu vực Xan-đô-mia trước ngày 1-2 tháng Tám. Tiếp nữa, phương diện quân sẽ tiến công vào hướng chung tới Tren-xtô-khốp và Cra-cốp.

Sau đó, các thành viên tham gia hội nghị bàn tới tình hình bên phía sườn Các-pát. Vấn đề là lúc bắt đầu chiến dịch ở Ru-ma-ni, hướng hành động các cánh quân chủ yếu của ta buộc phải phân ra làm hai: một hướng đánh vào phía Tây, một hướng gồm các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 đánh xuống phía Tây - Nam. Như vậy, khu vực Các-pát hãy còn nằm trong tay địch, chúng có thể từ đó uy hiếp hai bên sườn và phía sau của cả hai cánh quân chiến lược của ta. Phải chú ý tới mối nguy cơ này.

Trong phiên họp của Đại bản doanh ngày 27 tháng Bảy, các đồng chí đã quyết định: tập đoàn quân cận vệ 1 của tướng A. A. Grê-xcô và tập đoàn quân 18 của tướng E. P. Giu-ráp-li-ốp có thể yểm hộ khá vững chắc hai bên sườn; tuy nhiên, các đồng chí vẫn lệnh cho Bộ tổng tham mưu phải kiểm tra lại một lần nữa xem có đúng như vậy không.

Bộ tổng tham mưu sau khi đã tính toán lại một cách chính xác và hỏi ý kiến I. X. Cô-nép, mới thấy rõ rằng hai tập đoàn quân trên chưa thể làm trọn nổi nhiệm vụ đó. Vì vậy, ba ngày sau, ngày 30 tháng Bảy, Đại bản doanh quyết định thành lập phương diện quân U-crai-na 4, thành phần gồm có tập đoàn quân cận vệ 1, tập đoàn quân 18, tập đoàn không quân 8, các đơn vị pháo binh, công binh và các đơn vị khác.

Như vậy là, ngày 27 tháng Bảy, Đại bản doanh đã vạch ra rất rõ ràng các nhiệm vụ chiến lược trên khắp các mặt trận, phù hợp với đặc điểm tình hình ở Pri-ban-tích và trên hướng phía Tây. Tiếp sau, các đồng chí quy định sẽ cắt Pri-ban-tích ra khỏi Đông Phổ, cắt Đông Phổ ra khỏi nước Đức và tiêu diệt các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân "bắc" của phát-xít Đức.

Đại bản doanh báo trước cho các phương diện quân phải chuẩn bị đầy đủ khi tiến công vào Đông Phổ. Trên hướng phía Tây, hướng giữ vai trò chủ yếu trong quá trình chiến tranh, chúng ta dự kiến sẽ phá vỡ phòng ngự địch trên tuyến Vi-xla, tạo nên những điều kiện để giải phóng Vác-sa-va và tiếp tục tiến công sâu về phía Tây.

Các nhiệm vụ trên được viết ngay thành các chỉ thị, mệnh lệnh, được thông qua ngay trong cuộc họp, đến 24 giờ thì ký xong và gửi đi các phương diện quân.

Ngày hôm sau, Đại bản doanh bàn tới việc tổ chức chỉ huy các chiến dịch đang tiến hành và những chiến dịch sắp tới, tổ chức hiệp đồng giữa các phương diện quân. Các đồng chí đại diện của Đại bản doanh cho đến thời gian ấy vẫn giữ quyền phối hợp hành động giữa các đơn vị.

Gh. C. Giu-cốp phát biểu ý kiến tại cuộc họp rằng trong những trường hợp cần thiết, đại diện của Đại bản doanh nên được quyền trực tiếp chỉ đạo các chiến dịch. Thực ra, phải nói rằng do tính thích tỏ rõ uy quyền của mình, Gh. C. Giu-cốp thường hay sử dụng quyền đó. Vấn đề đặt ra lúc này là, cần được hợp pháp hóa quyền ấy.

Thời gian này, có một số tư lệnh phương diện quân tỏ ra bất bình những khi các đồng chí đại diện Đại bản doanh trực tiếp nắm lấy quyền chỉ đạo chiến dịch. Chúng ta có thể thông cảm được với các đồng chí tư lệnh phương diện quân, vì cuối cùng thì chính các đồng chí phải chịu trách nhiệm tất cả. Nhưng, cũng có những mặt khác của nó, là các đồng chí tư lệnh trước hết lại

chỉ nghĩ đến phương diện quân của mình và thiếu chú ý đầy đủ đến các phương diện quân bạn, vì cho rằng tự mình cũng làm nổi. Gặp những trường hợp như thế, đại diện của Đại bản doanh phải nhanh chóng chấn chỉnh lại ngay.

Ngày 29 tháng Bảy, Đại bản doanh đã ra một nghị quyết đặc biệt dành cho A. M. Va-xi-lép-xki và Gh. C. Giu-cốp quyền chỉ đạo những phương diện quân mà các đồng chí làm đại diện Đại bản doanh ở đó: “đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao giao nhiệm vụ cho Nguyên soái Liên Xô Giu-cốp, Phó Tổng tư lệnh tối cao, quyền hạn không những phối hợp mà còn chỉ đạo các chiến dịch của các phương diện quân U-crai-na 1, Bê-lô-ru-xi-a 1 và Bê-lô-ru-xi-a 2”. A. M. Va-xi-lép-xki cũng được giao quyền hạn chỉ đạo các chiến dịch của các phương diện quân Pri-ban-tích 2, Pri-ban-tích 1 và cả phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3.

Không khỏi không có những chuyện buồn cười. Cuộc họp còn chưa kết thúc thì phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1, đã đề nghị giải thích những chỉ thị vừa mới nhận được. Ví dụ, các đồng chí hỏi: các tập đoàn quân không thấy nói trong chỉ thị có thể cho tiến công vượt sông Vi-xla được không? Nội dung hỏi cũng có những ý nghĩa của nó, vì các đồng chí tư lệnh muốn xin Đại bản doanh thêm nhiều phương tiện vượt sông, với lý do là cuộc tiến công vượt sông sẽ diễn ra trên một chính diện rộng.

Khi tôi và An-tô-nốp cho I. V. Xta-lin biết về các câu hỏi trên thì đồng chí rít một hơi thuốc rồi lệnh trả lời như sau: “mệnh lệnh của Đại bản doanh có quy định cho một số tập đoàn quân phải tiến công vượt sông Vi-xla và đánh chiếm căn cứ đầu cầu, nhưng không được hiểu là các tập đoàn quân còn lại khác sẽ ngồi yên và không tham gia tiến công vượt sông Vi-xla. Bộ tư lệnh phương diện quân có trách nhiệm phải bảo đảm tới mức tối đa các phương tiện vượt sông cho các tập đoàn quân đảm nhận nhiệm vụ vượt sông Vi-xla theo lệnh của Đại bản doanh. Tuy nhiên, các tập đoàn quân khác nếu có thể, cũng tham gia tiến công vượt sông Vi-xla. Đại bản doanh nhắc các đồng chí phổ biến cho tất cả các cấp chỉ huy trong phương diện quân của mình biết ý nghĩa to lớn của việc vượt sông Vi-xla; những chiến sĩ, sĩ quan nào hành động xuất sắc trong khi tiến công vượt sông sẽ được khen thưởng đặc biệt, được tặng thưởng huân chương và cả phong danh hiệu Anh hùng Liên Xô”.

Sau hội nghị, vào những dịp như thế, Tổng tư lệnh tối cao thường hay mời tất cả các đồng chí họp dự ăn cơm tối. Công việc của An-tô-nốp và của tôi ngập đến tận cổ, nên lần này chúng tôi xin phép trở về làm việc. Xta-lin khoát tay, ra hiệu đồng ý. Nhân đây, cũng xin kể lại một trong những bữa ăn tối tại “biệt thự gần thành phố” của Xta-lin mà tôi còn nhớ mãi.

Thường lệ đã có từ lâu, trước mặt chủ nhân bao giờ cũng đặt một chiếc bình pha lê đẹp, thon, đựng chất nước không màu gì đó, hai bên thành bình phủ mờ hơi nước.

Trước bữa ăn, I. V. Xta-lin hay dùng một-hai ly nhỏ rượu cô-nhác, rồi sau đó chỉ uống thứ rượu nhạt của xứ Gru-di-a đựng trong chai có nhãn hiệu đánh bằng máy chữ. Đồng chí rót ra cốc khoảng ba phần tư rượu, rồi từ từ đổ thêm chất nước không màu trong chiếc bình pha lê nói trên vào

Từ buổi ăn cơm đầu tiên tại “biệt thự gần thành phố” của Xta-lin, tôi đã chú ý quan sát mọi thứ xung quanh và đã nhận ra ngay chiếc bình pha lê ấy. Thật cũng tức cười cho mình là tôi cứ để ý tò mò xem trong bình đựng thứ nước gì. Rồi tôi nghĩ: “chắc là thứ rượu vôt-ca hảo hạng chi đây. Xta-lin rót vào cho rượu thêm đậm. Bữa nào có dịp mình phải nếm thử xem!”. Ý định

này mãi tôi vẫn chưa thực hiện được, vì chỗ tôi ngồi cách chiếc bình đựng rượu khá xa.

Tối hôm ấy bận việc, tôi ngồi vào bàn ăn muộn, vì theo chỉ thị của I. V. Xta-lin, tôi còn phải nắm tình hình của một phương diện quân bằng điện thoại cao tần ở gian phòng bên. Làm việc xong, quay trở vào bàn ăn báo cáo với Xta-lin, thì ai nấy đã ngồi vào bàn, và chỗ tôi thường ngồi không còn nữa. Thấy vậy, Xta-lin ra hiệu chỉ cho tôi tới ngồi vào ghế còn trống ở bên cạnh đồng chí.

Bữa ăn kéo dài. Câu chuyện xoay quanh bữa ăn thường nói đến công việc ở ngoài mặt trận. Mỗi người tự phục vụ lấy, ai muốn ăn gì cứ tự sang chiếc bàn đã bày sẵn thức ăn để ở một bên.

“À! tôi nghĩ, - bây giờ mình phải nếm thử cái chất vốt-ca này xem sao”. Khi Xta-lin cùng mọi người đứng dậy thay đĩa thức ăn, tôi vội với tay lấy nhanh chiếc bình bí mật và rót vào đầy cốc của mình. Cũng giữ phép lịch sự chờ cho đến khi mọi người cùng nâng cốc, tôi mới uống...

Nước lọc! Chà lạnh làm sao... Tôi ngượng hết chỗ nói, vì sớm nhận ra ngay đó là nước gì, và tôi cùng buộc phải nhắm thức ăn qua loa sau khi uống như các đồng chí khác. Song, có lẽ tôi vẫn không sao giấu nổi sự ngượng ngịu của mình.

Chủ nhân mỉm cười, nheo mắt nháy tôi, rồi một lát sau, khẽ hỏi để không ai nghe thấy: “thế nào, có đậm không?”. Máu dồn lên mặt, tôi xấu hổ quá; cả bữa cơm tối hôm ấy, tôi cảm thấy mất ngon, cứ nguyên rửa mãi thói tò mò không đúng chỗ của mình.

CHƯƠNG BA

• Trên hướng Vác-sa-va

- Quân địch không mơ ngủ.
- Mi-cô-lai-chích ra đi với mục đích gì?
- Bọn phiêu lưu và những người anh hùng.
- Chi viện những người khởi nghĩa sao cho tốt hơn.
- Căn cứ bàn đạp Tséc-nhi-a-khốp-xki.
- Liên lạc bị ngừng.
- Tấn thảm kịch Vác-sa-va.
- Cuộc đấu tranh còn tiếp diễn. - Tình đoàn kết chiến đấu.
- Tập đoàn quân Ba Lan 1 tiến vào Vác-sa-va.

Người chỉ huy mọi cấp khi lập kế hoạch tác chiến trước hết phải tính đến sự kháng cự của quân địch, các biện pháp chống trả lại của chúng. Nhưng trong chiến tranh, ngoài những trường hợp các sự kiện sẽ phát triển như mọi phương án dự kiến, quá trình giao chiến lại nảy nở ra những tình huống mới không sao lường nổi hết, yêu cầu phải sửa đổi lại các quyết tâm đã định ra trước đây.

Tất nhiên, Đại bản doanh và cả Bộ tổng tham mưu đều biết rằng bộ chỉ huy Hít-le đang tìm mọi phương pháp nhằm ổn định tình hình ngoài mặt trận của chúng, đặc biệt ở trong dải của các Cụm tập đoàn quân “bắc” và “trung tâm”, lúc này các cụm tập đoàn quân ấy đang bị uy hiếp.

Thật vậy, hồi đó chúng ta chưa nắm được chắc chắn các ý định chiến lược của địch. Nhưng các tin tức tình báo gửi về cho biết một bộ phận các đơn vị của địch từ Ru-ma-ni, trước hết là các đơn vị xe tăng, có thể sẽ chuyển sang hướng khác. Quân địch quả là đang tiến hành bố trí lại các đơn vị, cố gắng ổn định tình hình của Cụm tập đoàn quân “trung tâm”, rồi sau đó sẽ khôi phục lại liên lạc với Pri-ban-tích. Chúng ta sắp phải đụng độ với các lực lượng còn đang sung sức của địch trên hướng Vác-sa-va.

Phải nói rằng các biện pháp mà bộ chỉ huy Htt-le đem ra vận dụng giống hệt như những cố gắng của nhân vật Tơ-ri-xca trong truyện ngụ ngôn của Cru-lốp. Chúng ráng sức vá vúi lại chiếc áo khoác ngoài. Bọn chúng cũng cố được khu trung tâm, thì lại để hở hướng Tây - Nam.

Ít lâu sau, Ru-ma-ni phải rút khỏi chiến tranh và các đơn vị Liên Xô tiến mạnh về phía Ban-căng, tới Hung-ga-ri. Thế nhưng, trên hướng Vác-sa-va, địch đã kịp điều động các sinh lực lấy ở Ru-ma-ni sang để chống lại các đơn vị của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 lúc này đã mệt mỏi nên tình thế của chúng ta trở nên rất phức tạp, những lăm lăm của trinh sát ở các đơn vị càng làm tăng thêm nhiều khó khăn.

Vào ngày đầu phiên họp của Đại bản doanh, tập đoàn quân xe tăng 2 đang phát triển tiến công bên sườn trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 bỗng vấp phải những lực lượng mạnh của địch. Sau này, chúng ta mới biết đó là sư đoàn xe tăng 19, các sư đoàn xe tăng SS “đầu lâu” và “vi-kinh” điều ở phía Nam tới, sư đoàn “Ghéc-man Gơ-rinh” mới chuyển từ mặt

trận I-ta-li-a sang và nhiều binh đoàn bộ binh của tập đoàn quân Đức 2.

Những ngày tiếp sau, trong các trận giao tranh quyết liệt trên tuyến Xét-lét, Min-xơ - Ma-dô-vét-xki, các đơn vị chúng ta chưa đẩy lùi được các xe tăng phản công của địch. Quân địch tập trung được ưu thế lực lượng hơn ta trên một khu vực hẹp ngoài mặt trận, khiến quân đoàn phải đi trước của tập đoàn quân xe tăng 2 bị thiệt hại, rồi sau đó chúng đã tiêu hao các quân đoàn khác trong tập đoàn quân của ta.

Những trận đánh đẫm máu và hết sức ác liệt diễn ra trong mấy ngày liền. Kết quả là phòng ngự của địch dựa vào phòng tuyến Vác-sa-va vẫn giữ được tình trạng tương đối ổn định trong một thời gian. Các đơn vị chúng ta không thể đột phá tới Pra-ga .

Điều đó rất quan trọng. Mũi vu hồi của tập đoàn quân xe tăng 2, có nhiệm vụ cắt con đường rút lui sang phía Tây của các đơn vị địch đang đóng tại phía Đông sông Vi-xla, đánh không thắng đã ảnh hưởng không lợi tới toàn bộ tình hình trên khu vực này. Lúc ấy, các đơn vị sườn phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến công liên tục trong một thời gian dài vượt qua Bê-lô-ru-xi-a nay đã mỏi mệt, nên không thể tiến nhanh tới Vác-sa-va được. Ngoài ra, tình hình phòng ngự còn tương đối ổn định của các đơn vị Hít-le trên tuyến Xét-lét Min-xơ - Ma-dô-vét-xki cũng là mối nguy cơ to lớn đối với các đơn vị của ta đã tiến tới Vi-xla ở phía Nam Vác-sa-va.

Xác nhận tình hình, C. C. Rô-cô-xốp-xki nói với phóng viên An-ri Ma-ni-an của tờ báo Pháp "Thế giới" rằng, mọi ý định vượt sông Vi-xla của các tập đoàn quân Liên Xô đều có thể dẫn tới thất bại. Tư lệnh phương diện quân kết thúc cuộc nói chuyện với nhà báo Pháp: "chúng tôi đang bị uy hiếp ở bên sườn. Toàn bộ vấn đề là như vậy".

Phải nói rằng, các sự kiện xảy ra ở Vác-sa-va chưa được đánh giá một cách thích đáng ngay. Gh. C. Giu-cốp, đại diện của Đại bản doanh, bộ tư lệnh phương diện quân và Bộ tổng tham mưu lúc ban đầu chưa đặc biệt chú ý tới tình hình đó. Chúng tôi cho rằng, chẳng bao lâu nữa quân địch cũng sẽ bị đánh tan.

Nhưng ngày tháng trôi qua, và tình hình vẫn chưa được cải thiện thêm mấy, thời gian tiến công vượt sông Vi-xla buộc phải hoãn lại, và nhiệm vụ hàng đầu là phải giữ vững các trận địa đã chiếm được ở phía trước. Theo ý kiến của tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, địch sẽ sử dụng chừng 20 sư đoàn đột kích từ phía Bắc xuống phía Nam dọc theo bờ phía Đông sông Vi-xla vào các đơn vị cánh trái của phương diện quân đã tiến tới con sông này. Chúng ta cho rằng thế nào địch cũng sẽ mở mũi tiến công ấy.

Song điều đó hoàn toàn không có nghĩa là bộ chỉ huy Liên Xô chịu ngồi yên đợi mũi đột kích của địch vào bên sườn. Gh. C. Giu-cốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki và cả Bộ tổng tham mưu, ngay từ hồi đầu tháng Tám 1944, đã áp dụng những biện pháp tích cực nhằm tiêu diệt cụm quân địch trên các đường tiếp cận Vác-sa-va.

Chứng minh cho điều này là, Đại bản doanh đã nhiều lần họp để bàn bạc những hành động sau này của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 cùng những trận đánh kéo dài liên tục, nhằm làm thất bại các biện pháp chống trả quyết liệt và nguy hiểm đó của địch. Tuy nhiên, tình hình ở Vác-sa-va vẫn chưa cho phép ta tạo nên bước ngoặt thuận lợi cho mình.

Tôi nói về các sự biến trong thực tiễn chiến tranh, không phải chỉ vì tự nó có những nội dung đáng để chúng ta phải chú ý, mà các sự biến ấy còn quan trọng ở chỗ nó có quan hệ tới

cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va đang bị địch chiếm đóng.

Trong lúc Chính phủ Liên Xô ngày 26 tháng Bảy 1944 công khai tuyên bố rõ ràng quan điểm của mình về vấn đề Ba Lan, thì Mi-cô-lai-chích và đồng bọn ở Luân Đôn của y đã chơi ngón đòn xóc hai đầu. Té ra, ngay từ 24 tháng Bảy, chính phủ lưu vong và bộ chỉ huy Quân đội quốc gia (Quân đội quốc gia là tổ chức vũ trang do chính phủ tư sản lưu vong Ba Lan xây dựng trên đất nước Ba Lan đang bị chiếm đóng nhằm mục đích khôi phục lại chế độ tư sản ở trong nước.) đã thông qua quyết định phát động cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va trước khi bộ đội Liên Xô tới đây. Mục đích của quyết định phiêu lưu đó là sau khi chiếm được thủ đô, chúng sẽ thiết lập các cơ quan chính quyền của chúng, chống lại chính phủ lâm thời của nước Ba Lan dân chủ.

Điểm đáng chú ý nữa là vấn đề thời gian khởi nghĩa ở Vác-sa-va (lấy mật hiệu là “đông tố” đã được bọn chúng bàn bạc từ lâu. Hồi đó, Bộ tổng chỉ huy Quân đội quốc gia đã báo cáo về Luân Đôn rằng cuộc khởi nghĩa khó có thể thành công nổi. Nhưng, đến khi ở các vùng giải phóng thành lập các cơ quan chính quyền nhân dân, thì cái gọi là bộ máy của chính phủ lưu vong và bộ chỉ huy Quân đội quốc gia đã thay đổi ý kiến của mình. Ngày 25 tháng Bảy, tướng Ta-đê-út Bua - Cô mô-rôp-xki, từng chỉ huy Quân đội quốc gia báo tin cho Luân Đôn: “chúng tôi đã sẵn sàng bất kỳ lúc nào cũng có thể nổ súng chiếm lấy Vác-sa-va...;”

Chính phủ Liên Xô, bộ chỉ huy Hồng quân các cơ quan chính quyền nhân dân Ba Lan. Quân đội Ba Lan đều không được biết về cuộc khởi nghĩa và cả những tin tức lúc bọn họ chuẩn bị khởi nghĩa. Nếu tin vào bộ chỉ huy quân sự các nước đồng minh thì cả họ cũng không hề hay biết gì cả.

Bộ chỉ huy Quân đội quốc gia tuân theo lệnh của chính phủ Ba Lan lưu vong ở Luân Đôn, tìm mọi cách cô lập khu vực Vác-sa-va với các đơn vị Liên Xô. Theo chỉ thị của Bua - Cô mô-rôp-xki, các đơn vị hoạt động bí mật của Quân đội quốc gia đã từ chối không tiếp xúc và phối hợp hành động với bộ đội chúng ta. Khi chiếm được Li-u-blin, C. C. Rô-cô-xôp-xki đã cho chúng tôi biết các tin tức trên.

Bộ chỉ huy Quân đội quốc gia, các đại biểu của chính phủ Ba Lan lưu vong ở Luân Đôn và nhóm các quan chức thân cận của họ rất chăm chú theo dõi, mặc dù là theo ý riêng của họ, tiến trình cuộc đấu tranh vũ trang trên mặt trận Xô Đức trước hết là những diễn biến tại Vác-sa-va. Họ hiểu rằng sắp tới đây, cán cân sẽ nghiêng về phía Hồng quân và chính quyền nhân dân sẽ thiết lập ở Vác-sa-va, do đó họ ráo riết xúc tiến việc thiết lập chính quyền của họ - quyền thống trị của giai cấp tư sản và địa chủ.

Sợ chậm chân, những kẻ tổ chức khởi nghĩa nhiều lần thay đổi ngày giờ bắt đầu hành động ở thủ đô. Họ hy vọng sẽ làm chủ được tình hình ở thủ đô trước khi bộ đội Liên Xô và tập đoàn quân Ba Lan 1 tiến tới đây. Thời gian này, tập đoàn quân Ba Lan 1 đã sáp nhập vào Quân đội Ba Lan.

Bọn họ hy vọng các đồng minh phương Tây có thể sẽ giúp họ, cho quân đổ bộ đường không đến tiếp viện làm chỗ dựa cho chính phủ Ba Lan ở Luân Đôn. Thế nhưng, bộ chỉ huy tối cao của Anh và Mỹ ngay từ mùa thu năm 1943 đã cho biết: chính phủ Ba Lan ở Luân Đôn không thể trông đợi vào sự chi viện của Anh cho cuộc khởi nghĩa nói chung và nói riêng bằng không quân. (A-đam Boóc-ké-rích. Cuộc khởi nghĩa Vác-sa-va. Vác-sa-va, 1957, tr. 19 (bằng tiếng Ba Lan).

Đương nhiên, bọn phản động Anh - những nhà chính trị biết tính toán chi li, hiểu rằng cuộc khởi nghĩa Vác-sa-va nhằm chống lại Liên Xô, nhưng họ không thể liều lĩnh giúp đỡ những người khởi nghĩa. Vì giúp đỡ bằng đường không có nghĩa là sẽ trực tiếp nguy hại đến sinh mệnh của các phi công Anh và máy bay của họ. Hệ thống phòng không mạnh của Đức sẽ loại họ ra khỏi vòng chiến đấu. Do đó, người Anh quyết định ngừng các chuyến bay.

Những người chủ mưu chưa định phát động khởi nghĩa khi bộ đội Liên Xô còn ở Min-xơ và phía Đông Cô-ven, họ chờ cho đến khi mặt trận tiến gần đến Vác-sa-va vì họ còn nuôi dưỡng cả hy vọng là nếu những người khởi nghĩa lâm vào tình thế khó khăn, thì bộ đội Liên Xô sẽ có thể kịp cứu họ thoát khỏi mối hiểm họa.

Thắng lợi của bất kỳ chiến dịch nào - dù là chiến dịch nhỏ nhất hoặc lớn nhất - đều phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Trong số các nhân tố ấy, kế hoạch hành động giữ một vị trí đáng kể, còn kế hoạch khởi nghĩa, một hình thức đấu tranh vũ trang rất phức tạp, thì lại càng vô cùng quan trọng. Mọi người đều biết, một kế hoạch dù thật tốt về ý định và mục đích vẫn có thể bị thất bại nếu nó không phù hợp với tình hình và không được bảo đảm đầy đủ.

Tôi không nắm được kế hoạch “Đồng tử” mà Bộ tổng chỉ huy Quân đội quốc gia dự định cho các đơn vị thực hiện khởi nghĩa ở Vác-sa-va, song, có đầy đủ bằng chứng là ngay trước khi diễn ra các sự kiện quyết định, thời gian bắt đầu khởi nghĩa theo quyết định của tướng Bua - Cô-mô-rốp-xki, đã chuyển từ ngày 2 tháng Tám (hoặc muộn một chút) sang lúc 17 giờ ngày 1 tháng Tám 1944.

Hành động tối quan trọng đó của bộ chỉ huy Quân đội quốc gia đã không đếm xỉa đến các khả năng hiện thực tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm tập trung lực lượng, vũ khí trang bị, nhằm tổ chức hành động của những người khởi nghĩa.

A-đam Boóc-kê-vích, một trong những nhà nghiên cứu lịch sử cuộc khởi nghĩa Vác-sa-va, đã chỉ rõ: thời gian đưa các lực lượng khởi nghĩa vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu trước đó lẽ ra được quy định là 12 tiếng đồng hồ, nhưng ở một số vùng, một số đơn vị lại yêu cầu phải thực hiện xong trong 5 tiếng đồng hồ. Quyết định này đã phá hoại cuộc khởi nghĩa ngay từ trong trứng, làm hỏng cả mọi việc đã được chuẩn bị từ nhiều năm nay. Còn lại duy nhất chỉ là tinh thần chiến đấu cao của những người khởi nghĩa.

Các nhiệm vụ về thời hạn và mục tiêu tập kích, mà các đơn vị vạch ra, không thể thực hiện nổi trong các điều kiện ấy. Thậm chí, đường dây liên lạc cơ bản giữa các lực lượng khởi nghĩa lúc bắt đầu hành động chiến đấu không phải chỗ nào cũng đều tổ chức được.

Đến ngày đã định (vì điều kiện khác nhau nên xảy ra trong những thời gian khác nhau), các đơn vị hoạt động bí mật của Quân đội quốc gia bắt đầu khởi nghĩa. Nhiều chiến binh đi tìm những người chỉ huy của mình, cả chiến binh và cán bộ chỉ huy đều chẳng biết kho để các trang bị, vũ khí thực tế đặt ở đâu. Tính chất bất ngờ hành động thế là bị mất, quân địch vẫn chiếm giữ được mọi trung tâm thông tin, giao thông và năng lượng then chốt.

Do đặc điểm tình hình trên, những người khởi nghĩa không thể hành động có định hướng chính xác và không thể tạo ra được một đòn tiến công mạnh đầu tiên. Cuộc tiến công trở nên rất yếu vì các đơn vị Quân đội quốc gia có tất cả 16 nghìn người, hơn nữa các loại vũ khí bộ binh cá nhân (những thứ khác hầu như không có) mới chỉ trang bị được cho 3.5 nghìn người.

Trong khi ấy, cuộc khởi nghĩa lại mang tính chất và quy mô bất ngờ ngay cả đối với những

người tổ chức ra nó. Nhân cơ hội này, nhân dân Vác-sa-va có điều kiện trút căm thù của mình lên đầu bọn chiếm đóng Hít-le, quảng đại quần chúng nhân dân đã đứng lên tham gia khởi nghĩa: nhân dân bắt đầu xây dựng các vật chướng ngại, gia nhập hàng ngũ chiến binh mặc dầu trong tay họ không có vũ khí. Họ tin chắc là cuộc khởi nghĩa đã có sự phối hợp với bộ chỉ huy Liên Xô. Ngay bọn tay sai của chính phủ Ba Lan ở Luân Đôn, ra lời kêu gọi gửi nhân dân Vác-sa-va không nói gì đến Hồng quân, cũng không làm lay chuyển được lòng tin tưởng đó của họ.

Cuộc khởi nghĩa được nhân dân Vác-sa-va ủng hộ rộng rãi nên đã thu được những kết quả tương đối trong thời gian đầu. Thế nhưng, Quân đội quốc gia vẫn không thể chiếm nổi toàn bộ thành phố, và sang ngày hôm sau, các sự kiện bắt đầu phát triển theo một chiều hướng khác hẳn, không như dự kiến của những người chủ mưu.

Quân địch chưa thiệt hại gì đáng kể, vẫn giữ vững các trận địa xung yếu trong thành phố, nhanh chóng ổn định tình hình và buộc những người khởi nghĩa phải chuyển sang phòng ngự. Song những người khởi nghĩa lại chưa sẵn sàng phòng ngự. Họ không đủ lực lượng, thêm nữa những người khởi nghĩa lại vấp phải tình trạng thiếu thốn đạn dược, phương tiện thông tin, thuốc men một cách nghiêm trọng.

Mọi hành động của Quân đội quốc gia xuất phát từ sự tính toán lạnh lùng về chính trị, đã biến thành cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân Vác-sa-va chống lại bọn xâm lược Hít-le. Thế nhưng, cuộc khởi nghĩa ấy lại không được bảo đảm và cuối cùng, đã bị những trận tập kích của bọn phát-xít Đức dẫn tới chỗ tan vỡ hoàn toàn.

C.C. Rô-cô-xốp-xki nhớ lại rằng: ngày 2 tháng Tám, đồng chí nhận được tin của trình sát cho biết hình như ở Vác-sa-va đã nổ ra cuộc khởi nghĩa. Các đồng chí muốn biết rõ các tin tức trên nhưng không được. Cả Ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan, cả CRN, cả bộ chỉ huy Quân đội Ba Lan cũng đều không hay biết về cuộc khởi nghĩa.

Sau này, chúng ta được biết: cả bộ chỉ huy các đơn vị Quân đội nhân dân (Quân đội nhân dân là một tổ chức vũ trang do các đảng viên cộng sản lãnh đạo, là lực lượng của nhân dân tổ chức ra để giải phóng Ba Lan chống bọn xâm lược Hít-le và là một bộ phận cấu thành của Quân đội Ba Lan) đóng tại Vác-sa-va cũng không được biết.

Tuy nhiên, khi quảng đại quần chúng Vác-sa-va đứng lên đấu tranh thì những người cộng sản và các đơn vị Quân đội nhân dân do họ lãnh đạo đã hạ ngay quyết tâm bắt liên lạc với cuộc khởi nghĩa và đặt các lực lượng của mình thuộc quyền Bộ chỉ huy Quân đội quốc gia. Quyết định trên làm cho các lực lượng chống Hít-le ở Vác-sa-va không bị chia rẽ và đã củng cố thêm sức mạnh cho các lực lượng ấy.

Các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy của Quân đội nhân dân, trong các trận đánh tại Vác-sa-va, đã lấy máu mình để chứng minh lòng trung thành với sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi ách chiếm đóng của phát-xít Đức.

Mi-cô-lai-chích, thủ tướng chính phủ lưu vong tư sản Ba Lan ở Luân Đôn đến Mát-xcơ-va để đàm phán cũng không cho biết rõ ràng về các sự kiện ở Vác-sa-va. Nhưng ngày 28 tháng Bảy, trên đường đi Mát-xcơ-va, y đã gặp các đại biểu Vác-sa-va tại Lơ Ke, lẽ nào bọn họ lại không báo cáo cho y hay biết về cuộc khởi nghĩa.

Trong buổi tiếp kiến tại Bộ dân ủy ngoại giao Liên Xô ngày 31 tháng Bảy, Mi-cô-lai-chích tuyên bố rằng kế hoạch hành động đã vạch xong và chính phủ Ba Lan hiện nay đang tập trung

lực lượng. Còn về Vác-sa-va, Mi-cô-lai-chích nói: chính phủ Ba Lan “đang suy nghĩ” tới kế hoạch tổng khởi nghĩa và muốn đề nghị với Chính phủ Liên Xô cho ném bom bắn phá các sân bay gần thành phố.

Như vậy là, thời gian đó mọi việc cơ hồ như chỉ mới hình thành trên những nét đại lược và chưa phải là trong tương lai sắp tới. Rõ ràng, thủ tướng của chính phủ lưu vong tư sản Ba Lan ở Luân Đôn không hề muốn nói tới những ngày đầu chiến đấu ở thủ đô Ba Lan.

Bọn chiếm đóng phát-xít Đức và những kẻ tư sản cầm đầu Quân đội quốc gia đã tìm mọi cách cô lập Vác-sa-va với những người thực sự có thể giúp đỡ quân khởi nghĩa giành thắng lợi.

Tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 ra sức bắt liên lạc với những người khởi nghĩa, kể cả với người lãnh đạo khởi nghĩa. Nhưng, bức điện của C. C. Rô-cô-xốp-xki gửi cho tướng Bua - Cô-mô-rốp-xki đã không được đáp lại.

Ngày 2 tháng Tám, tình hình trên mặt trận Xô - Đức xấu hẳn đi. Quân địch tổ chức phản kích mạnh vào tập đoàn quân xe tăng 2 và tập đoàn quân 47 ở gần Vác-sa-va, các binh đoàn trên buộc phải tiến hành phòng ngự nặng nề trong các điều kiện bất lợi. Các đơn vị đều phải tung ra hết, trong tay tư lệnh phương diện quân không có lấy một lực lượng dự bị nào, và xe tăng địch lúc này sẵn sàng thọc xuống phía Nam dọc theo sông Vi-xla để tiến đánh cánh quân phía trái của phương diện quân đang vượt sông. Còn Vác-sa-va lúc này đang cháy. Các cán bộ chỉ huy của ta và cả bán thân C. C. Rô-cô-xốp-xki khi đến khu vực địch phản kích để chỉ huy bộ đội chiến đấu đều trực tiếp trông thấy khói lửa cuộn lên ở đó.

Mấy ngày sau, các hành động anh dũng của bộ đội Liên Xô và nghệ thuật chỉ huy tài tình của bộ tư lệnh phương diện quân, đã chấm dứt được những kết quả tạm thời của quân địch ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Quân địch không đẩy lùi được các tập đoàn quân của ta, song chúng ta cũng chưa thể phá vỡ được phòng ngự của chúng.

Vác-sa-va đang đổ máu, thế nhưng bộ chỉ huy Quân đội quốc gia, chính phủ lưu vong Ba Lan ở Luân Đôn vẫn không đề nghị Chính phủ Liên Xô hoặc bộ chỉ huy Liên Xô giúp đỡ quân khởi nghĩa. Thậm chí, bọn họ cũng không hề thông báo cho biết về tình hình khởi nghĩa.

Mãi sau này chúng ta mới được biết là tập đoàn Mi-cô-lai-chích và bộ chỉ huy Quân đội quốc gia nuôi những âm mưu chính trị, nên dù cuộc khởi nghĩa có bị quân đội của Hít-le dìm trong biển máu họ cũng không chịu thông báo hoặc đề nghị gì với Chính phủ Liên Xô.

Trong những ngày ấy, I. V. Xta-lin nhận được bức thông điệp khoái trá của U. Sốc-sin gửi đến, trong đó lần đầu tiên nói tới tình hình cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va. Sốc-sin cho biết: Quân đội quốc gia đề nghị người Anh khẩn cấp chi viện cho quân khởi nghĩa vũ khí và đạn dược, đề nghị ấy rồi đây sẽ được thỏa mãn. Đồng thời có nói rằng chiến sự diễn biến tại Vác-sa-va mang tính chất rất ác liệt.

Sốc-sin còn viết là quân khởi nghĩa đề nghị cả người Nga chi viện nữa, và hy vọng sẽ sớm nhận được sự chi viện của người Nga. Theo lời của Sốc-sin, quân khởi nghĩa đang bị 1,5 sư đoàn Đức tiến công. Bức thông điệp ấy kết thúc bằng một câu có nhiều ẩn ý: “tình hình đó có thể giúp ích cho các chiến dịch của Ngài”.

I. V. Xta-lin trước hết không tin vào những tin tức thông báo của Sốc-sin. Ngay ngày hôm sau, đồng chí trả lời thủ tướng Anh rằng các tin tức trên đã bị thổi phồng một cách quá đáng và

khó làm cho người khác có thể tin cậy. Khó tin nhất là điều quân khởi nghĩa có ý định đánh chiếm Vác-sa-va.

“Quân đội quốc gia của Ba Lan, - I. V. Xta-lin viết, - chỉ gồm có mấy chi đội chưa thể gọi là sư đoàn được. Nó không có pháo binh, không quân và xe tăng. Tôi không thể hình dung nổi, với những chi đội như vậy mà có thể chiếm được Vác-sa-va trong khi Đức có 4 sư đoàn xe tăng, kể cả sư đoàn xe tăng “Ghéc-man Gơ-rinh” đang phòng thủ ở Vác-sa-va”. (Thư từ trao đổi giữa Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô với Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941-1945, tiếng Nga, t. 1, tr. 252-253.)

Còn về câu kết thúc đầy ẩn ý của Sốc-sin viết trong bản thông điệp thì nó cũng mang tính chất hoàn toàn lộ bạch: tựa như cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va là một hành động chi viện cho Hồng quân!

Thế nhưng bức thông điệp đó của thủ tướng Anh cũng làm cho chúng ta phải chú ý. Xta-lin lệnh cho Gh. C. Giu-cốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki và Bộ tổng tham mưu báo cáo các dự kiến của mình về việc đánh chiếm Vác-sa-va.

Đại diện Đại bản doanh và Hội đồng quân sự phương diện quân ngày 6 tháng Tám báo cáo về Mát-xcơ-va:

“1. Quân địch bố trí một lực lượng mạnh ở khu vực Xô-cô-lúp, Pốt-li- a-xki, Ô-gơ-ru-đéc (Bắc Ca-lu-sin 10 ki-lô-mét), Xta-ni-xla-vúp, Vô-lô-min, Pra-ha.

2. Chúng ta chưa đủ lực lượng tiêu diệt cụm quân địch ở đây”.

Các đồng chí đề nghị được phép sử dụng khả năng cuối cùng của mình là tung tập đoàn quân 70, trong biên chế có 4 sư đoàn, mới được dùng làm lực lượng dự bị, bước vào chiến đấu và cho 3 ngày để chuẩn bị chiến dịch. Báo cáo của các đồng chí nói rằng: “chúng tôi chưa thể chuyển sang tiến công trước ngày 10 tháng Tám, vì chưa kịp chuyển chở lên phía trước số đạn được cần thiết ở mức tối thiểu trước thời hạn ấy”.

Bộ tổng tham mưu đồng ý với đề nghị của các đồng chí. Đại bản doanh cho phép các đồng chí chuẩn bị chiến dịch trong khoảng thời gian trên, nhưng cuối cùng tình hình cũng vẫn chưa chuyển biến được.

Đứng trước hoàn cảnh: bộ đội ta đột phá trong hành tiến vào Vác-sa-va không thành công, các đơn vị tiến công mỗi một không thể tạo nên bước ngoặt quyết định trong chiến dịch, kế hoạch tiến công lại bị địch phá vỡ, lúc này yêu cầu phải cải tiến hẳn việc bảo đảm hậu cần của các tập đoàn quân, cho nên Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô buộc lòng phải tổ chức ra chiến dịch tiến công mới để giải phóng Vác-sa-va.

Chúng ta cũng cần thấy rõ một vấn đề khác nữa là các lực lượng dự bị lớn của Đại bản doanh cũng chưa có bao nhiêu, nên phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 buộc phải giải quyết bằng các lực lượng hiện có của mình.

Như tôi được biết, kế hoạch chiến dịch giải phóng Vác-sa-va đang có cuộc khởi nghĩa hầy còn ít người viết đến, nên cho phép tôi được kể lại tỉ mỉ một chút. Tình hình diễn biến như sau.

Theo chỉ thị của Đại bản doanh, Gh. C. Giu-cốp và C. C. Rô-cô-xốp-xki đã báo cáo lên I. V. Xta-lin các dự kiến hành động trong chiến dịch Vác-sa-va. Các đồng chí báo cáo:

“1. Phương diện quân có thể bắt đầu chiến dịch Vác-sa-va sau khi các tập đoàn quân cánh phải tiến ra tuyến sông Na-rép và chiếm được căn cứ bàn đạp ở bên bờ phía Tây con sông đó tại Pun-túc, Xê-rôt-xcơ. Đội hình chiến đấu của các tập đoàn quân ấy còn cách xa sông 120 ki-lô-mét. Muốn vượt qua chặng đường này cần tới 10 ngày.

Vậy là các tập đoàn quân bên cánh phải của phương diện quân cần tiến hành chiến dịch tiến công trong khoảng từ ngày 10 đến hết ngày 20 tháng Tám năm nay để tiến ra tuyến sông Na-rép.

2. Trong khoảng thời gian ấy, bên cánh trái của phương diện quân, các đơn vị của tập đoàn quân 69, tập đoàn quân cận vệ 8, quân đoàn kỵ binh cận vệ 7 và quân đoàn xe tăng 11 phải tiến hành một chiến dịch đেম, nhằm mở rộng căn cứ bàn đạp ở bờ phía Tây sông Vi-xla, đưa các tập đoàn quân đó tiến ra tuyến Vác-ca, Xơ-rô-mét, Ra-đôm, Ve-giơ-bít-xa.

Muốn tiến hành chiến dịch này, cần rút tập đoàn quân xe tăng 1 của Ca-tu-cốp trong biên chế của phương diện quân U-crai-na 1 chuyển thuộc cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và điều tập đoàn quân ấy từ khu vực Ô-pa-túp vượt Ô-xơ-rô-vét, Xen-nô tiến công theo hướng Bắc ra tuyến Dơ-vô-len, Ra-đôm, chi viện cho tập đoàn quân 69, tập đoàn quân cận vệ 8, quân đoàn kỵ binh 7 và quân đoàn xe tăng 11 tiêu diệt quân địch ở đây.

Đi đôi với vấn đề này, cần chuyển dịch tuyến phân giới giữa phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và phương diện quân U-crai-na 1 chếch lên phía Bắc tới tuyến Cra-xnô-xtáp, sông In-gian-ca, Ô-pôt-nô, Pi-ốt-cúp. Như vậy, đội hình chiến đấu của các tập đoàn quân bên cánh trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 sẽ dày đặc hơn và tăng được sức mạnh đội kích của bộ đội ta trên hướng Ra-đôm.

3. Sau khi tiến hành chiến dịch và lúc các tập đoàn quân cánh phải của phương diện quân tiến ra tuyến sông Na-rép, các tập đoàn quân cánh trái tới tuyến Vác-ca, Ra-đôm, Ve-giơ-bít-xa, thì các binh đoàn cần ít nhất là 5 ngày để dời các căn cứ không quân, điều pháo binh và hậu cần lên phía trước và chuyên chở đạn dược, nhiên liệu.

4. Tính toán số thời gian cần thiết để chuẩn bị, chúng tôi có thể bắt đầu chiến dịch Vác-sa-va từ ngày 25 tháng Tám 1944 bằng tất cả các lực lượng của phương diện quân nhằm tiến ra tuyến Xê-kha-núp, Pơ-lôn-xcơ, Vư-sô-grút, Xô-kha-trép, Xke-rơ-ne-vi-xe, Tô-ma-súp và chiếm lấy Vác-sa-va.

Trong chiến dịch này, chúng tôi sẽ sử dụng 3 tập đoàn quân, 1 quân đoàn xe tăng và 1 quân đoàn kỵ binh để tiến công ở phía Bắc sông Vi-xla, sử dụng tập đoàn quân 69, tập đoàn quân cận vệ 8, tập đoàn quân xe tăng 1 và 2,2 quân đoàn kỵ binh, 1 quân đoàn xe tăng và 1 tập đoàn quân lấy ở cánh phải của phương diện quân để tiến công ở phía Nam sông Vi-xla.

Tập đoàn quân Ba Lan 1 trong chiến dịch này, sẽ tiến công dọc theo bờ phía Tây sông Vi-xla, có nhiệm vụ hiệp đồng với bộ đội bên cánh phải và ở giữa phương diện quân đánh chiếm lấy thành phố Vác-sa-va”.

Vậy là các đồng chí dự kiến sẽ dùng lực lượng của cả hai cánh của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 mở hai mũi vu hồi tiêu diệt tập đoàn địch đóng tại Vác-sa-va. Đồng thời, trong số các tập đoàn quân vượt sông Vi-xla, sẽ lấy ra 1 tập đoàn quân tiến công lên phía Bắc dọc theo bờ sông phía Tây làm nhiệm vụ chia cắt cụm quân địch ở đây.

Các khu vực xuất phát tiến công của các binh đoàn ở hai bên sườn như sau: bên sườn phải là các căn cứ bàn đạp cần được chiếm lấy trên sông Na-rép trong khu vực Pun-túc và Xê-rốt-xơ, còn ở bên sườn trái là các căn cứ bàn đạp của các tập đoàn quân cận vệ 8 và tập đoàn quân 69 ở Ma-gnu-se-vô và Pu-la-vư trên sông Vi-xla. Trường hợp thuận lợi nhất cũng không thể bắt đầu chiến dịch trước ngày 25 tháng Tám được.

Trong những ngày này, X. Mi-cô-lai-chích đang tiến hành hội đàm với I. V. Xta-lin và V. M. Mô-lô-tốp về tình hình các công việc ở Ba Lan và các quan hệ Liên Xô - Ba Lan. A. I. An-tô-nốp ở Bộ tổng tham mưu được triệu tập tham dự một số buổi họp.

Xta-lin tuyên bố kiên quyết rằng: công việc ở Ba Lan phải do chính những người Ba Lan thảo luận với nhau và phải tiến hành đàm phán với ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan. “Những người theo Luân đôn” đồng ý. Các đồng chí B. Be-rút, chủ tịch CRN, E. Ô-xúp-ca - Mô-ráp-xki, chủ tịch ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan, và những đồng chí khác từ Li-u-blin đến Mál-xơ-va. Tướng M. Rô-li-a - Gi-me-rơ-xki. Tổng tư lệnh Quân đội Ba Lan, cũng đến họp.

Trong những buổi họp sau này, các bên đều giữ ý kiến của mình. Buổi hội đàm cuối cùng giữa I. V. Xta-lin và Mi-cô-lai-chích tiến hành vào ngày 9 tháng Tám. Trong buổi hội đàm ấy, rốt cuộc Mi-cô-lai-chích đã buộc phải thông báo tỉ mỉ hơn về cuộc khởi nghĩa Vác-sa-va và nói rằng những người khởi nghĩa đang bị thiếu thốn vũ khí một cách trầm trọng.

Chúng tôi ở Bộ tổng tham mưu ít lâu sau được biết rằng Tổng tư lệnh tối cao đã nói chuyện bằng điện thoại cao tần với C. C. Rô-cô-xốp-xki và lệnh cho đồng chí phải xem xét lại một lần nữa các vấn đề về chiến dịch Vác-sa-va và biện pháp đầu tiên là phải tổ chức chuyên chở vũ khí cho những người khởi nghĩa và cho người nhảy dù, có trang bị điện đài, bắt liên lạc với ban lãnh đạo khởi nghĩa. Chiến sĩ nhảy dù không nắm được nơi bố trí của quân khởi nghĩa đã bị sa vào tay giặc.

Trở về Luân Đôn, Mi-cô-lai-chích thuật lại cho U. Sốc-sin nghe về các buổi hội đàm ở Mát-xơ-va và tình hình đang ngày một xấu dần ở Vác-sa-va. U. Sốc-sin viết cho I. V. Xta-lin: “tôi nhận được bức điện đau buồn của những người Ba Lan ở Vác-sa-va gửi tới nói rằng: họ đã chiến đấu hơn 10 ngày nay để chống lại các lực lượng Đức rất mạnh đã cắt thành phố ra làm ba mảnh. Họ đang vật nài gửi cho họ súng máy và đạn dược. Vậy Ngài có thể chi viện thêm nữa cho họ được không, vì rằng từ I-ta-li-a tới đây thật quá xa!”.

Qua bức thư trên, chúng ta thấy rằng không ai có ý định thông báo tỉ mỉ hơn cho Liên Xô biết. Các nước đồng minh hiểu rõ rằng phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 chưa thể đánh chiếm ngay được Vác-sa-va, nên sự la lối rùm beng về cuộc khởi nghĩa đó mang ý nghĩa của một ván bài chính trị bỉ ổi đối với vận mệnh của thủ đô Ba Lan đang khởi nghĩa.

Các thông báo đăng trên báo chí và truyền trên đài phát thanh của chính phủ lưu vong Ba Lan do báo chí Anh đưa tin, đủ chứng minh cho vấn đề này. Các thông báo về cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va nói ám chỉ rằng những người khởi nghĩa có liên lạc với bộ chỉ huy Liên Xô, thế nhưng, về phía Liên Xô lại không chi viện cho họ. Còn các báo chí tư sản của Ba Lan ở Luân Đôn lại tung ra các luận điệu xảo quyệt hơn, đổ lỗi cho Liên Xô đã gây nên tình thế khó khăn đó cho những người khởi nghĩa ở Vác-sa-va.

I. V. Xta-lin lệnh phải có thái độ ngay đối với những lời vu khống thâm hiểm ấy. Thông tấn xã Liên Xô cho in trên các báo chí, truyền đi trên đài phát thanh bán tuyên bố nói rằng: chính

phủ lưu vong Ba Lan phải chịu trách nhiệm về các sự kiện đã xảy ra ở Vác-sa-va. Họ không hề báo trước cho bộ chỉ huy Liên Xô biết về cuộc khởi nghĩa và cũng không hề thỏa thuận gì với bộ chỉ huy Liên Xô về các cuộc nổi dậy ở thủ đô Ba Lan. Vì vậy, các giới lưu vong Ba Lan ở Luân Đôn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những vấn đề đã xảy ra.

Ngoài ra, Tổng tư lệnh tối cao còn gửi thư cho Séc-sin sau khi phân tích chi tiết mọi vấn đề có liên quan tới Vác-sa-va. Trong thư nói rõ cuộc khởi nghĩa ở thủ đô Ba Lan là một hành động phiêu lưu liều lĩnh, làm cho nhân dân Ba Lan bị tổn thất quá nặng. “nếu như bộ chỉ huy Liên Xô được thông báo trước khi nổ ra các hành động ở Vác-sa-va và nếu như những người Ba Lan bắt liên lạc với bộ chỉ huy Liên Xô, thì tình hình sẽ không thể xảy ra như vậy” (Thư từ trao đổi giữa Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô với Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941-1945, tiếng Nga. t. 1, tr. 257.).

Trong thư còn nói rõ rằng các chính giới Ba Lan ở Luân Đôn âm mưu tung ra các sự kiện nằm trong mưu đồ chính trị của bọn họ, song lại không kịp nghĩ tới mặt quân sự của vấn đề. Cuộc khởi nghĩa chưa được chuẩn bị và báo đảm chu đáo mà chủ yếu là những người tổ chức ra cuộc khởi nghĩa ấy không tính đến vai trò khách quan của bộ đội Liên Xô. I. V. Xta-lin viết thẳng: “trước tình hình đó, bộ chỉ huy Liên Xô đi đến kết luận là phải cắt đứt liên hệ với cuộc phiêu lưu Vác-sa-va ấy, vì bộ chỉ huy Liên Xô không chịu trách nhiệm trực tiếp và gián tiếp về hành động Vác-sa-va này”.

Tổng tư lệnh tối cao biểu thị quan điểm khác về nguyên tắc với chính giới ở Luân Đôn đối với các biện pháp giải phóng Vác-sa-va về mặt quân sự. Bộ chỉ huy Liên Xô cho rằng chỉ có mở chiến dịch tiến công mới có thể đánh tan được quân địch. Bộ chỉ huy Liên Xô không từ chối việc giúp đỡ vũ khí và đạn dược cho quân khởi nghĩa, nhưng chưa liên lạc được với quân khởi nghĩa và những tin tức chính xác về tình hình ở Vác-sa-va, cần thiết cho việc tổ chức cung cấp, thì đến nay Liên Xô cũng vẫn chưa nhận được.

Kế hoạch các chiến dịch ở khu vực Vác-sa-va mà Đại bản doanh đã thông qua, bắt đầu được thực hiện ngay. Các trận đánh diễn ra hết sức quyết liệt, nhất là ở những cửa ngõ tiến vào các vùng phụ cận Vác-sa-va - Pra-ha là nơi tiến công của tập đoàn quân 47 và tập đoàn quân xe tăng 2, trong khu vực các căn cứ bàn đạp gần sông Vi-xla. Thế nhưng, phòng ngự của địch lần này cũng rất vững chắc. Bộ đội đột phá của ta gặp hoàn cảnh thiếu đạn dược nên có nhiều khó khăn.

Bộ chỉ huy Đức điều động một bộ phận binh lực của chúng tới các căn cứ bàn đạp và đã chặn được kế hoạch mở rộng căn cứ bàn đạp của ta. Chỉ có các đơn vị bên cánh phải là thu được một kết quả nhất định: vào cuối tháng Tám, họ phải trả giá bằng những hy sinh lớn lao mới chiếm được các căn cứ không lớn lắm ở Na-rép, phía Nam Rô-gia-nur, trong dải của tập đoàn quân 48 của tướng P. L. Rô-ma-nen-cô và phía Nam Pun-túc trong dải của tập đoàn quân 65 của tướng P. I. Ba-tốp.

Rõ ràng khả năng tiến công của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đã cạn. Trong vòng hai tháng tiến công liên tục, bộ đội của phương diện quân đã tiến công trên một số hướng, vượt qua một chặng đường dài trên 600 ki-lô-mét. Bộ đội mỏi mệt. Các đơn vị thiệt hại. Cung cấp gặp trở ngại. Các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 và 2, phương diện quân U-crai-na 1 cũng ở

trong tình trạng tương tự như vậy. Do đó nảy ra sự cần thiết phải tạm thời chuyển sang phòng ngủ.

Những thất bại của các tập đoàn quân ta khiến cho chúng ta rất đau lòng, đã thế ở Luân Đôn người ta lại đổ thêm dầu vào lửa. Sau khi nhận được thư trả lời của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô ngày 16 tháng Tám, Séc-sin rủ Ru-dơ-ven ký vào bức thông điệp gửi I. V. Xta-lin với lời ám chỉ rằng dư luận thế giới sẽ phản ứng bất lợi “nếu như những người chống quốc xã ở Vác-sa-va bị bỏ rơi trên thực tế”.

Ngày 22 tháng Tám, I. V. Xta-lin viết thông điệp trả lời: “sớm hay muộn, sự thật về bọn tội phạm gây ra cuộc phiêu lưu Vác-sa-va hòng chiếm lấy chính quyền rồi cũng sẽ bị lộ ra ngoài ánh sáng. Bọn họ đã lợi dụng lòng tin cậy của nhân dân Vác-sa-va, ném nhiều người dân tay không súng đạn ra trước họng súng của đại bác, xe tăng và máy bay quân thù. Trong những lúc này, mỗi ngày ở đây chưa phải là ngày giải phóng Vác-sa-va của nhân dân Ba Lan mà là ngày để cho bọn Hít-le tàn sát đẫm máu những người dân lành Vác-sa-va” (Thư từ trao đổi giữa Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô với Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941-1945. tiếng Nga, t. I, tr. 258.).

I. V. Xta-lin còn phân tích thêm cả về ý nghĩa quân sự của Vác-sa-va như sau:

“Xét về mặt quân sự, tình hình đó càng làm cho bọn Đức tăng thêm chú ý vào Vác-sa-va, càng bất lợi cả cho Hồng quân lẫn nhân dân Ba Lan. Trong khi ấy, bộ đội Liên Xô thời gian gần đây đang phải đối phó với các âm mưu tổ chức phản công của bọn Đức, đã làm hết mọi khả năng để phá vỡ các cuộc phản công ấy của bọn Hít-le và chuyển sang mở cuộc tiến công lớn mới ở Vác-sa-va. Mọi người đều thấy rõ là Hồng quân không hề tiếc sức mình để tiêu diệt quân Đức ở Vác-sa-va và giải phóng Vác-sa-va cho nhân dân Ba Lan. Đó cùng sẽ là sự chi viện tốt nhất và thiết thực cho những người Ba Lan chống bọn quốc xã”.

Tình hình ở khu vực Vác-sa-va được đem ra bàn bạc nhiều lần trong Đại bản doanh. Trước khi thông qua các quyết định không chỉ thuần túy về quân sự mà là những quyết định cả về quân sự-chính trị, Đại bản doanh đã cân nhắc kỹ xem những hình thức nào chi viện cho quân khởi nghĩa sẽ đem lại hiệu quả nhiều nhất và đã đặt kế hoạch hành động cho bộ đội ta.

Đại bản doanh và phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 không một phút nào lại không nhớ tới Vác-sa-va lúc này đang gặp nhiều đau khổ - cần phải chi viện cho những người khởi nghĩa, và chi viện sao cho thật nhanh. Xta-lin đã nhiều lần đề cập tới vấn đề này. Ví dụ như hồi đầu tháng Chín 1944, vào buổi tối chúng tôi đến báo cáo tình hình trong ngày, Xta-lin vẫn đi lại trong phòng, nghĩ ngợi, thỉnh thoảng bật lên thành tiếng. Tôi không nhớ kỹ hết từng lời đồng chí đã nói lên lúc ấy, nhưng vì đây là vấn đề rất nóng hổi, phức tạp và quan trọng nên tôi có thể cam đoan mình nhớ lại đúng ý chung trong các ý kiến của đồng chí.

Tổng tư lệnh tối cao khẳng định là các chính khách của chính phủ lưu vong Ba Lan ở Luân Đôn phải chịu trách nhiệm về chính sách phiêu lưu của họ ở Vác-sa-va. Họ hành động mà không thông báo cho bộ chỉ huy quân sự Liên Xô biết và đã làm đảo lộn các kế hoạch chiến dịch của Liên Xô. Chính phủ Liên Xô yêu cầu phải thành lập một ủy ban đặc biệt để tìm hiểu một cách vô tư xem cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va nổ ra theo lệnh của ai và ai sẽ chịu trách nhiệm về việc không thông báo trước cho bộ chỉ huy Liên Xô.

Không một bộ chỉ huy nào, kể cả của Anh lẫn của Mỹ, lại chịu để cho người ta tổ chức một

cuộc khởi nghĩa trong một thành phố lớn, ngay phía trước mặt trận của quân đội mình mà không hề thông báo cho mình biết, bất chấp cả những kế hoạch chiến dịch của mình. Cố nhiên, bộ chỉ huy Liên Xô cũng không phải là ngoại lệ. Rõ ràng là nếu người ta hỏi ý kiến trước bộ chỉ huy Liên Xô về việc phát động cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va vào đầu tháng Tám này, thì bộ chỉ huy Liên Xô nhất định sẽ chưa thể đồng ý. Vì bấy giờ, quân đội Liên Xô chưa sẵn sàng công kích đánh chiếm Vác-sa-va, hơn nữa là quân Đức lại mới điều thêm các lực lượng dự bị xe tăng của chúng tới khu vực này.

Nhìn chúng tôi với vẻ dò xét, Tổng tư lệnh tối cao tiếp tục nói: không ai có thể trách cứ Chính phủ Liên Xô thiếu giúp đỡ nhân dân Ba Lan, kể cả Vác-sa-va. Hình thức giúp đỡ thiết thực nhất là những hành động quân sự tích cực của bộ đội Liên Xô chống lại quân chiếm đóng Đức ở Ba Lan, đã tạo điều kiện giải phóng được hơn một phần tư số vùng đất đai Ba Lan. Tất cả những hành động đó là sự đóng góp của bộ đội Liên Xô và chỉ của riêng bộ đội Liên Xô, những người đã đổ máu vì sự nghiệp giải phóng Ba Lan.

Chúng ta còn sử dụng cả hình thức chi viện khác nữa, tuy ít kết quả, là thả dù vũ khí, thuốc men, lương thực cho nhân dân Vác-sa-va. Chúng ta đã mấy lần thả dù cả trang bị và lương thực cho những người khởi nghĩa ở Vác-sa-va, nhưng đều được tin các thứ hàng ấy đã bị rơi vào tay bọn Đức.

Do Sóc-sin và Ru-dơ-ven viết thư cho I. V. Xta-lin, đề nghị tổ chức chi viện bằng đường không cho những người khởi nghĩa ở Vác-sa-va, Tổng tư lệnh tối cao đáp lại rằng: nếu Thủ tướng và Tổng thống tin tưởng là hình thức chi viện này thu được nhiều kết quả và đòi bộ chỉ huy Liên Xô cùng tổ chức chi viện như vậy với bộ chỉ huy Anh và Mỹ thì Chính phủ Liên Xô có thể đồng ý. Chỉ có điều là cần chi viện theo một kế hoạch đã được thỏa thuận trước.

Còn đối với âm mưu định trút trách nhiệm cho Chính phủ Liên Xô về vận mệnh cuộc khởi nghĩa và những thiệt hại của những người khởi nghĩa, Tổng tư lệnh tối cao tiếp tục nói, thì chỉ có thể coi đó là mưu toan đổ tội cho người ngay. Cũng có thể nói như vậy về ý kiến cho rằng sự giúp đỡ của Liên Xô trong vấn đề Vác-sa-va dường như trái với tinh thần hợp tác của các nước đồng minh. Không ai còn nghi ngờ rằng nếu chính phủ Anh áp dụng các biện pháp kịp thời thông báo cho bộ chỉ huy Liên Xô biết về cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va, thì tình hình ở Vác-sa-va chắc chắn là sẽ khác hẳn.

I. V. Xta-lin còn nói: việc bóc trần sự thật các sự kiện ở Vác-sa-va sẽ giúp cho dư luận xã hội phân xét các hành động vô trách nhiệm của những kẻ chủ mưu tổ chức ra cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va và sẽ hiểu được đúng đắn lập trường của Chính phủ Liên Xô. Chúng ta phải cố gắng làm cho dư luận xã hội nhận ra chân tướng các sự kiện ở Vác-sa-va.

Đó là nội dung những ý kiến chính của I. V. Xta-lin đã phát biểu về cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va.

Bộ tổng tham mưu nhận được lệnh phải tiếp tục duy trì các hành động tiến công ở Vác-sa-va, trước hết là phải thủ tiêu căn cứ bàn đạp của địch ở phía trước Pra-ga giữa hai con sông Vi-xla và Na-rép. Ngày 29 tháng Tám, ba phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a, phương diện quân Ucraina 1 và 4 được lệnh phải chuyển sang tích cực phòng ngự. Riêng bộ đội cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 nhận nhiệm vụ giải phóng thủ đô Ba Lan và hai tập đoàn quân của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 của tướng G. Ph. Da-kha-rôp ở cửa ngõ phía Nam

Đồng Phổ là vẫn được lệnh tiếp tục tiến công.

Bộ tổng tham mưu và bộ tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đều đang suy nghĩ tới những biện pháp giải quyết các nhiệm vụ ở khu vực Vác-sa-va. Đầu tháng Chín, trinh sát của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 phát hiện thấy một trong số các sư đoàn xe tăng địch và một số đơn vị khác trước kia ở Pra-ga, nay lại xuất hiện ở phía trước các căn cứ bàn đạp của ta ở Vi-xla. Rõ ràng, bộ chỉ huy quân Đức phán đoán, cho rằng chúng ta sẽ hành động tích cực tại nơi đây. Vì vậy có thể lợi dụng tình hình này mà tổ chức tiến công vào Pra-ha. Chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao và đồng chí đã cho lệnh thực hiện ý định này.

Ngày 10 tháng Chín, tập đoàn quân 47 bắt đầu tiến công. Tập đoàn quân Ba Lan 1 tiến theo sau, và bộ đội đã hành động thật kiên quyết. Rạng ngày 13 tháng Chín, quân ta đột nhập được vào Pra-ha. Đáng lẽ, đến lúc này mới phát động cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va để ngăn chặn không cho bọn Hít-le phá cầu rồi chiếm giữ các cầu ấy, giúp cho bộ đội Liên Xô vượt sang bên kia sông Vi-xla, tiến vào trung tâm thành phố thì đẹp để biết bao! Nhưng, bọn địch đã phá sạch hết các cầu. Bộ đội ta bị ngăn cách với Vác-sa-va đã phải chiến đấu trong 45 ngày ròng rã, chính bởi tại con sông rộng này. Các đơn vị trinh sát của tập đoàn quân 47 tìm mọi cách vượt sông trong hành tiến và vọt sang bên kia sông nhưng đều không thành công.

Nhân dân ở các vùng phụ cận Vác-sa-va - Pra-ha hân hoan đón mừng các chiến sĩ Liên Xô và Ba Lan, những người giải phóng mình. Chị em phụ nữ Ba Lan xông ra chăm sóc thương binh và chôn cất các chiến sĩ bị hy sinh dưới mưa đạn.

Theo lệnh của C. C. Rô-cô-xốp-xki, khu vực chính diện tại Vi-xla ở phía trước Vác-sa-va sẽ chuyển giao cho bộ đội của Dích-mun Béc-lin-gơ, còn tập đoàn quân 47 rời lên phía Bắc. Bộ đội Liên Xô và Ba Lan đã tiến ra tuyến có thể trực tiếp chi viện cho Vác-sa-va đang khởi nghĩa.

Tất nhiên, ở bên kia sông Vi-xla, những người lãnh đạo khởi nghĩa đều biết chúng ta đã tiêu diệt được các đơn vị của Hít-le ở Pra-ha, bên này sông. Thế nhưng, những người lãnh đạo khởi nghĩa thuộc phe Luân Đôn ấy vẫn tiếp tục duy trì đường lối của họ, không chịu bước ra tiếp xúc với ta. Họ vẫn giữ im lặng như cũ, không bắt liên lạc với ta, mặc dầu như chính phủ Anh thông báo là nhân dân Vác-sa-va đang gặp rất nhiều khó khăn.

Còn những người lãnh đạo các đơn vị Quân đội nhân dân đã tình nguyện liên lạc với quân khởi nghĩa, trong những giờ phút khó khăn ấy vẫn sát cánh chiến đấu cùng với nhân dân Vác-sa-va, đã phá ngay hai nữ liên lạc viên vượt sông Vi-xla khi bộ đội Liên Xô vừa tới Pra-ha. Hai nữ quân nhân yêu nước trẻ tuổi quên thân mình, băng qua lửa đạn đến với bộ đội ta. Bộ chỉ huy Liên Xô và Ba Lan lúc này mới biết được các chi tiết về tính chất cuộc khởi nghĩa, tình hình trong thành phố, nơi bố trí và tình trạng lực lượng của quân khởi nghĩa.

Hồi ấy, chúng tôi nghĩ chỉ vì con sông nên bộ đội Liên Xô và Quân đội Ba Lan mới bị chia cách với nhân dân Vác-sa-va đang đứng lên khởi nghĩa. Song, mọi việc còn phức tạp hơn thế nhiều, và nguyên nhân gây lên tội lỗi này lại chính do âm mưu chính trị tàn bạo của các phần tử thoái hóa nằm trong nhà nước Ba Lan tư sản-địa chủ trước đây. Nhưng về điều đó ta sẽ nói sau.

Trưa ngày 13 tháng Chín, tôi cùng với A. I. An-tô-nốp báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao những tin tức cuối cùng về tình hình ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Đồng chí ra lệnh cho chúng tôi phải đem hết khả năng ra chi viện cho nhân dân Ba Lan, cải tiến việc cung cấp vũ khí, đạn

được và các phương tiện vật chất khác bằng đường không cho quân khởi nghĩa. Chúng tôi chuyển ngay lệnh đó cho phương diện quân và bộ tư lệnh không quân. Ngay đêm hôm ấy, vũ khí và đạn dược được thả xuống Vác-sa-va thành công, rồi sang những ngày hôm sau, tiến trình cung cấp cho quân khởi nghĩa bắt đầu được thực hiện đều đặn.

Nghe chúng tôi báo cáo xong, I. V. Xta-lin cầm ống nghe nói chuyện bằng điện thoại cao tần với C. C. Rô-cô-xốp-xki. Tư lệnh phương diện quân báo cáo rằng bộ đội của đồng chí trong lúc này chưa thể giải phóng được Vác-sa-va. I. V. Xta-lin thông cảm nội dung báo cáo đó của đồng chí tư lệnh nên không đòi hỏi gì thêm. Đồng chí lại nhắc tôi và An-tô-nốp một lần nữa rằng cần phải bắt liên lạc với quân khởi nghĩa. Về mặt này các hành động ấy đã bắt đầu.

Ngoài ra, đồng chí còn lệnh cho Gh. C. Giu-cốp, vừa mới ở các mặt trận U-cra-na về, phải trở lại ngay phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. “Đồng chí nắm vững tình hình ở đây. Đồng chí sẽ phân tích tại chỗ tình hình Vác-sa-va và định ra các biện pháp cần thiết. Không thể dùng bộ đội của Béc-lin-gơ mở một chiến dịch nhỏ, tổ chức tiến công vượt sông Vi-xla hay sao... Vấn đề này rất quan trọng... Đồng chí với Rô-cô-xốp-xki bàn bạc công việc với những người Ba Lan và trực tiếp giúp các đồng chí ấy tổ chức hoạt động. Các đồng chí ấy còn thiếu kinh nghiệm”.

Ngày 15 tháng Chín, Gh. C. Giu-cốp đáp máy bay tới phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Sáng 16 tháng Chín, đồng chí cùng với C. C. Rô-cô-xốp-xki đến khu vực Dê-lê-na ở Pra-ha, tới sở chỉ huy của tập đoàn quân Ba Lan 1. D. Béc-lin-gơ cho biết là đồng chí đã đưa được một tiểu đoàn bộ binh 500 người mang theo 9 khẩu đại liên, 16 khẩu súng cối 82 ly và 1 khẩu đại bác 45 ly vượt sang Vác-sa-va tại khu vực Tséc-nhi-a-khốp; tiểu đoàn có nhiệm vụ liên lạc với các đơn vị quân khởi nghĩa đang hành động ở đây, tiến hành trinh sát và xây dựng căn cứ bản địa để bảo đảm cho bộ đội vượt sông Vi-xla.

Đơn vị trinh sát được tổ chức vượt sông để bắt liên lạc với quân khởi nghĩa đang hoạt động ở phần phía Bắc Vác-sa-va nhưng không thành công. Các đơn vị Hít-le chốt rất chặt dọc theo bờ sông bên kia.

Đại diện của Đại bản doanh và tư lệnh phương diện quân lưu lại ở tập đoàn quân Ba Lan 1 trọn một ngày, để xác định nhiệm vụ với tập đoàn quân và vạch ra các biện pháp bảo đảm cho các đơn vị hành động.

Các đại biểu của Bộ tổng tham mưu bên cạnh Quân đội Ba Lan do thiếu tướng N. M. Mô-lôt-cốp phụ trách, thường có mặt ở những nơi nào “nóng hổi” nhất. Các đồng chí thường xuyên báo cáo tình hình cho chúng tôi biết, nên lúc nào chúng tôi cùng nắm vững mọi diễn biến đã xảy ra.

Tối hôm ấy, chính nguyên soái Gh. C. Giu-cốp trực tiếp điện báo về Đại bản doanh mọi chi tiết tình huống đã giải quyết, cho nên bức tranh như vậy là đã hoàn hảo. “Các lực lượng chủ yếu của Béc-lin-gơ trong thời gian gần đây, - Gh. C. Giu-cốp báo cáo cho Đại bản doanh, - có nhiệm vụ đánh chiếm phần phía Nam Vác-sa-va theo hướng từ Đại lộ 3 tháng Năm, Đại lộ I-e-rút-xa-lim tới quận Ghen-ri-cúp và trụ lại tại đấy để sau này tiếp tục đánh lên phía Bắc, dự kiến sẽ từ phía Tây - Nam đánh vu hồi vào thành phố”.

Sau đó, đồng chí tiếp tục: “Ngoài ra, nếu bắt liên lạc được với các đơn vị quân khởi nghĩa đang chiến đấu ở phần phía Bắc thành phố: thì chúng ta sẽ tổ chức đột kích về phía Bắc phối hợp với mũi đột kích từ phía Nam lại. và từ phía Tây - Bắc đánh chiếm lấy thành phố... Gặp tình

hình thuận lợi. chúng ta sẽ tung quân đoàn bộ binh đã được tăng cường của Gu-xép tiến ra chiếm lấy căn cứ bàn đạp. Tôi cho rằng, ngoài ý nghĩa thành phố ra, nếu chúng ta tổ chức được cả cái căn cứ bàn đạp Vác-sa-va này thì thật tốt biết bao”.

Bộ đội của tập đoàn quân Ba Lan 1 bắt đầu tiến công vượt sông theo kế hoạch lúc 21 giờ. Thiếu tướng Mô-lốt-côp và đại tá Ép-xê-ép cùng đi với sư đoàn bộ binh Ba Lan 3 tiến công ở thê đội một, đại tá Đu-brôp-xki và đại úy E-rốp-ki-nốp trong tổ của Mô-lốt-côp đi với các thê đội tiếp sau.

Công tác trinh sát được tăng cường, chúng ta quyết định cho hai chiến sĩ trinh sát mang theo điện đài, nhảy dù thẳng xuống quảng trường, vì theo các tin tức chúng ta nắm được, quân khởi nghĩa đang đóng tại quảng trường. Chúng ta còn thả dù cả vũ khí và súng cối xuống căn cứ bàn đạp đã chiếm được.

Cụm pháo binh dùng để bắn phản pháo, gồm hơn một trăm khẩu bắn tầm xa được tổ chức ở khu vực Pra-ha, có nhiệm vụ bảo đảm bến vượt và khu vực căn cứ bàn đạp. Đại bộ phận pháo binh của tập đoàn quân Ba Lan 1 và lữ đoàn pháo 203 ly của phương diện quân triển khai tổ chức thành cụm pháo binh để chi viện cho bộ binh khi vượt sông và mở rộng căn cứ bàn đạp. Không quân được lệnh yểm hộ cho khu vực bến vượt và chi viện cho bộ đội ta hoạt động ở bờ phía Tây sông.

Nói tóm lại, chúng ta đã làm hết mọi việc để tổ chức vượt sông Vi-xla thắng lợi và bắt liên lạc với quân khởi nghĩa, tiêu diệt các đơn vị Hít-le trong thành phố và ở ngoại vi thành phố. Đồng thời Bộ tổng tham mưu còn lập ra những bảng tính cần thiết cho các đơn vị tiến công đánh vu hồi vào Vác-sa-va.

Bộ tổng tham mưu thực hành một công tác rộng lớn để liên lạc với quân khởi nghĩa. Cuối cùng, bộ chỉ huy Quân đội quốc gia, đứng trước áp lực của các sự kiện, đã buộc phải bắt liên lạc với ta. Thông qua Luân đôn, Bộ tổng tham mưu đã chuyển được cho Bua - Cô-mô-rốp-xki tất cả những văn kiện cần thiết cho việc đó.

Các đơn vị của Quân đội quốc gia ở Vác-sa-va được lệnh tiếp xúc với tập đoàn quân Ba Lan 1 và bộ tham mưu phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Ngày 15 tháng Chín, Giô-li-bóc, sĩ quan thông tin vô tuyến của khu vực Vác-sa-va, cho biết là đã được lệnh bắt liên lạc vô tuyến với Hồng quân đang hoạt động ở Pra-ha.

Thời gian này, chúng tôi có thể không những cung cấp được đều đặn và thường xuyên cho quân khởi nghĩa mà còn thả dù những hàng hóa cần thiết xuống khu vực đã định.

Các nước đồng minh cùng lay động. Ngày 18 tháng Chín, 8 tốp máy bay, mỗi tốp gồm 12 chiếc (pháo đài bay) từ phía Tây bay đến Vác-sa-va. Trong vòng 20 phút, từ độ cao khoảng 4000 mét, chúng thả xuống những kiện hàng vũ khí, đạn dược, lương thực. Các quan sát viên của ta đếm được gần 1000 chiếc dù thả xuống, song chỉ rơi vào nơi đóng quân của quân khởi nghĩa có hơn 20 chiếc, còn phần lớn chúng đã thả xuống vùng đóng quân của bọn Hít-le, một số lại rơi vào tay quân ta.

Còn các phi công Liên Xô thời gian này đã nắm được vùng đóng quân của những người khởi nghĩa. nên tổ chức thả dù hàng vào ban đêm theo tín hiệu dưới đất, lại thả ở độ cao 150-200 mét, nên đã thả rất trúng.

Để khởi quay trở lại nói về vấn đề cung cấp cho quân khởi nghĩa, tôi xin trích ra đây một vài con số. Từ 14 tháng Chín cho đến hết ngày 1 tháng Mười 1944, không quân của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đã xuất kích 2243 lần chiếc để tiếp tế hàng cho Vác-sa-va, đã thả xuống 156 súng cối, 505 súng chống tăng, 2667 súng trường và tiểu liên, 3 triệu viên đạn, 42000 lựu đạn và các trang bị khác, 500 ki-lô-gam thuốc men và hơn 113 tấn lương thực.

Các chiến sĩ của tập đoàn quân Ba Lan 1 ở bờ phải sông Vi-xla, trong vùng giải phóng Pra-ha, nhìn thấy Vác-sa-va đang rực lửa. Lòng trung thành với nhân dân kêu gọi họ bước vào chiến đấu. Bộ tư lệnh tối cao của Quân đội Ba Lan ra nhật lệnh ngày 15 tháng Chín lên án tội tổ chức non cuộc khởi nghĩa của chính phủ lưu vong ở Luân Đôn.

Trong nhật lệnh có đoạn nói: “nếu như lúc này mới nổ ra khởi nghĩa, có sự phối hợp với bộ chỉ huy Hồng quân và Quân đội Ba Lan, thì nhất định sẽ có thể giữ được các đầu cầu, tạo điều kiện nhanh chóng giải phóng được toàn bộ Vác-sa-va, cứu được sinh mạng của hàng trăm ngàn người. Vác-sa-va sẽ không bị lâm vào cánh tàn phá nặng nề như hiện nay...”

Bộ đội của tập đoàn quân Ba Lan 1 vượt sông Vi-xla gặp nhiều khó khăn, trước hết là do những nguyên nhân về kỹ thuật. Các đơn vị thiếu các phương tiện đổ bộ. Vì lòng sông phía quân ta nông nên cầu phao không thể bắc tới bờ, mà lúc này chúng ta cần chở pháo binh và các xe thiết giáp lên cầu phao.

Đến khi sang được bờ bên kia sông, tình hình cũng lại không kém phần khó khăn. Bọn Hít-le dùng súng máy và pháo binh bắn quét dọc theo bờ sông tại căn cứ Tréc-nhi-a-khốp và khu vực Pra-ha. Còn các phân đội của tập đoàn quân Ba Lan 1 đổ bộ bờ bên trái sông Vi-xla cũng bị quân địch chống trả lại ác liệt.

Ngày 17 tháng Chín, hai tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh Ba Lan 9 (chừng 1000 chiến sĩ) có các phương tiện tăng cường đã tập trung tại căn cứ bàn đạp ở Vác-sa-va. Dự kiến đêm hôm sau, tiểu đoàn thứ 3, khẩu đội pháo 76 ly và trung đoàn pháo chống tăng cũng sẽ tiếp tục vượt sông. Sau đó, được pháo binh của tập đoàn quân Ba Lan 1 ở bên này sông và không quân thuộc tập đoàn quân 16 chi viện, trung đoàn 9 sẽ bắt đầu tiến công để mở rộng thêm căn cứ bàn đạp đã chiếm được.

Trong khi ấy, các đơn vị khác của tập đoàn quân Ba Lan 1 thuộc biên chế của sư đoàn bộ binh 3 sẽ tiếp tục vượt sông. Tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và tư lệnh tập đoàn quân Ba Lan 1 cho rằng trong thời kỳ đầu, với số lực lượng trên cũng đủ để hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và đánh lui các đợt phản xung phong, kể cả những đợt phản xung phong bằng xe tăng của địch.

Đồng thời, các tập đoàn quân 47 và 70 tiếp tục tiến công lên phía Bắc Pra-ha - giữa hai con sông Na-rép và Vi-xla. Bọn Hít-le ở đây còn chiếm giữ một căn cứ bàn đạp lớn, có thể tổ chức phản kích vào phía sau Pra-ha, sau đó sẽ phát triển xuống phía Nam.

Bộ đội ta hành động tích cực trong khu vực này theo chỉ thị trực tiếp của Tổng tư lệnh tối cao. Đồng chí quan tâm đến tình hình đang diễn biến trong lúc này ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, yêu cầu các tập đoàn quân trên từ phía Tây - Bắc đánh vu hồi vào Vác-sa-va để chi viện cho các đơn vị đang chiến đấu trong thành phố. Chúng ta ra sức tổ chức tiến công, song vì thiếu đạn, địch lại chống trả mạnh, địa hình đặc biệt bất lợi cho ta, nên các mũi tiến công của ta không thành công, quân ta bị trả giá đắt.

Dòng dã mấy ngày liền, căn cứ bàn đạp Tséc-nhi-a-khốp vẫn chưa im tiếng súng. Các lực lượng kịp vượt sông bổ sung thêm cho căn cứ, nhưng kết quả vẫn chưa được là bao. Thế rồi, một số phân đội khởi nghĩa của Quân đội quốc gia rút về hướng Mô-cô-tốp không báo trước cho bộ tư lệnh tập đoàn quân Ba Lan 1, nên tình hình tại căn cứ bàn đạp ở Vác-sa-va càng rắc rối thêm.

Ở đây, quân phát-xít Đức chiếm ưu thế hơn ta rất nhiều về lực lượng và phương tiện. Thêm nữa, bọn chúng còn chiếm được cả lợi thế tác chiến. Từ khu vực đầu cầu Pô-ni-a-tốp-xki, bọn chúng chỉ cần tiến xuống phía Nam thêm một đoạn nữa cũng đủ uy hiếp cắt đứt các phân đội của tập đoàn quân Ba Lan, không cho các phân đội ấy bám được sông, và như thế là sẽ cắt được các phân đội ấy ra khỏi các đơn vị đang bố trí tại Pra-ha.

Hai bên bờ và mát sông đều nằm trong tầm mật độ hỏa lực dày đặc của pháo binh, súng cối và súng máy của địch. Bọn Hít-le sử dụng các xe tăng của chúng làm thành những quả đấm cơ động hiệp đồng với các cụm bộ binh mạnh, và nếu không có các phương tiện đặc biệt chống tăng thì kháng cự lại chúng cùng không phải chuyện dễ.

Các chiến sĩ của sư đoàn bộ binh Ba Lan 3 ở căn cứ bàn đạp Tséc-nhi-a-khốp buộc phải chiến đấu trên một khu vực hẹp, rất khó tổ chức cơ động. Sư đoàn không thể đột phá vào trung tâm hoặc xuống phía Nam Vác-sa-va vì quân địch chiếm lĩnh được khu vực địa hình có lợi ở phía Tây căn cứ, khống chế được quân ta, còn ở phía Nam. chúng có cả một hệ thống công sự phòng ngự dày đặc binh lính chiếm giữ.

Các phân đội của trung đoàn bộ binh 6 thuộc sư đoàn 2 gặp nhiều khó khăn hơn cả. Đêm rạng ngày 18 tháng Chín, các phân đội đó chiếm được một căn cứ nhỏ, thế nhưng mặc dầu các trận đánh quyết liệt diễn ra ở đây trong suốt ba ngày liền, quân ta vẫn không sao bám trụ lại được.

Tình hình buộc chúng ta phải có những bổ sung quan trọng vào kế hoạch tiến công Vác-sa-va bằng lực lượng của tập đoàn quân Ba Lan 1 đã vạch ra trước đây. Cần phải tìm ra những biện pháp khác tiêu diệt quân địch ở thủ đô Ba Lan và chúng tôi đã báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao.

- Bộ Tổng tham mưu đề nghị như thế nào? - Ngừng một lát, đồng chí hỏi.

An-tô-nôp báo cáo: không có cách nào khác là vẫn sử dụng 2 tập đoàn quân 47 và 70 từ phía Bắc và Tây - Bắc đánh vu hồi vào thành phố và tăng cường cho tập đoàn quân Ba Lan 1.

Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu tin tức về lực lượng của 2 tập đoàn quân 47 và 70. Tôi báo cáo. Các tập đoàn quân trên đã bị suy yếu. bộ đội mệt mỏi và bị tổn thất vì suốt từ ngày 18 tháng Bảy trở lại đây, các tập đoàn quân đã chiến đấu liên tục quyết liệt song phòng ngự của địch vẫn còn vững chắc. Tổng tư lệnh tối cao nghe hết, cả gian phòng im lặng hồi lâu. Đồng chí chậm rãi đi lại dọc theo chiếc bàn, tay cầm tẩu thuốc đã tắt. Cuối cùng, quay sang phía chúng tôi, đồng chí nói:

- Các đồng chí báo tin cho Giu-cốp biết, để đồng chí ấy cùng với Rô-cô-xốp-xki suy nghĩ xem có thể chi viện cho Vác-sa-va như thế nào... Chẳng lẽ lại không thủ tiêu được cái căn cứ bàn đạp của địch ở giữa hai con sông ấy, không dùng lực lượng của hai tập đoàn quân của Gu-xép và Pô-pốp mà tổ chức tiến công đánh vu hồi vào Vác-sa-va được sao? Bảo các đồng chí ấy cũng suy nghĩ xem có thể làm được những gì trong thành phố, ở chỗ Béc-lin-gơ, tư lệnh tập đoàn

quân Ba Lan 1. Có thể cấp tốc gửi cho các đồng chí ấy viện binh có kinh nghiệm đánh thành phố được không?..

Chúng tôi chuyển ngay những chỉ thị trên, và ngày hôm sau, 20 tháng Chín, Giu-côp và Rô-cô-xốp-xki gửi những ý kiến của mình về Bộ tổng tham mưu. Đồng chí đại diện Đại bản doanh và cả tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đều thấy rõ rằng cần phải tiếp tục chiến đấu tiêu diệt quân địch ở khu vực Vác-sa-va.

A. I. An-tô-nốp và Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu tán thành những ý kiến của Gh. C. Giu-côp và C. C. Rô-cô-xốp-xki. Tổng tư lệnh tối cao cũng đồng ý với các đồng chí, ra lệnh cho phương diện quân xúc tiến việc chuẩn bị chiến dịch và chú ý theo dõi tình hình ở căn cứ bàn đạp của tập đoàn quân Ba Lan 1.

Trong những ngày ấy, I. V. Xta-lin, Bộ tổng tham mưu và Tổng cục chính trị nhận được những tin tức không thể tưởng tượng nổi ở Vi-xla gửi về, cho biết: Bộ tổng tư lệnh Quân đội quốc gia đang tiến hành âm mưu phá hoại ngầm từ bên trong các lực lượng khởi nghĩa.

Ngày 20 tháng Chín, bảy sĩ quan trong bộ tham mưu của Môn-te, tư lệnh quân khu Vác-sa-va trong Quân đội quốc gia được ủy nhiệm ra liên lạc với bộ tư lệnh Hồng quân và Quân đội Ba Lan. Một sĩ quan cho biết: tướng Bua bí mật ra lệnh cưỡng bức các đơn vị vũ trang theo chính phủ ở Li-u-blin phải phục tùng lệnh của riêng y và trấn áp những người không chịu phục tùng.

Đến hạ tuần tháng Chín, tình hình bộ đội của tập đoàn quân Ba Lan 1 ở bên kia sông Vi-xla lại càng xấu thêm, mặc dù ngày 20 tháng Chín họ vẫn còn giữ vững các trận địa của mình; thêm vào đó, ở phía Bắc Tséc-nhi-a-khốp, tiểu đoàn 2 của trung đoàn bộ binh 6 đã tìm cách vượt qua được phòng ngự của địch và tiến sâu về phía trước nhưng rốt cuộc bị địch bắn rất quá nên buộc phải nằm lại ở ven bờ.

Ngày hôm sau, tình hình ở Vác-sa-va càng nguy ngập hơn. Mô-lốt-cốp ở trực tiếp tại vị trí chiến đấu báo cáo cho đại diện của Đại bản doanh: “Mở sáng ngày 21 tháng Chín 1944, được pháo bắn chi viện mạnh, địch thả khói mù, tiến công vào các phân đội của tập đoàn quân Ba Lan bên bờ phía Tây sông Vi-xla. Kết quả là mọi liên lạc với tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 6 đều bị đứt, lúc 8 giờ 30 phút tiểu đoàn gọi pháo bắn vào mình”.

Ai đã qua chiến đấu đều hiểu rằng, gọi pháo bắn vào mình là như thế nào: nghĩa là không còn đường thoát nào khác, và đến lúc phải hy sinh cũng vẫn có tìm cách diệt địch.

“Tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh 8 cũng đứt hết mọi liên lạc - báo cáo còn nói tiếp. Cụm quân gồm hai tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh 9 bị địch phản xung phong mạnh, đến 18 giờ ngày 21 tháng Chín mới chiếm được một phần nhỏ của khu phố ở phía Đông...”

Quân địch tập trung được tới Vác-sa-va những lực lượng to lớn mới, có cả xe tăng, nên đã quyết định kết quả trận đánh. Đến hạ tuần tháng Chín, sức chiến đấu của các đơn vị quân khởi nghĩa giảm sút hẳn. Còn quân địch lại đang mở rộng tiến công bên phía Bắc, ở trung tâm, ở phía đông và ở vùng ven bờ sông phụ cận Vác-sa-va.

Không quân và pháo binh của ta thường xuyên gây cho địch thiệt hại nặng. Cá biệt có những ngày máy bay địch nói chung không thể cất cánh bay trên thành phố, nhưng ta vẫn không sao tạo nên bước ngoặt cho bộ binh ở trên mặt đất được.

Tình hình trong thành phố, nhất là ở khu vực Tséc-nhi-a-khốp thất lợi như vậy, nên các đơn

vị của Quân đội Ba Lan ở căn cứ bàn đạp lại càng gay go thêm. Các trận đánh diễn ra trong điều kiện tiếp tế rất khó khăn trên dải địa hình chật hẹp ven bờ sông, bị hoàn toàn cô lập với các khu vực khác ở Vác-sa-va, bị tách khỏi các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân Ba Lan 1.

Tất cả những tình hình trên, cộng thêm nhiều tin tức về các âm mưu chính trị của bọn cầm đầu Quân đội quốc gia, đã buộc tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, Nguyên soái Liên Xô C. C. Rô-cô-xốp-xki, kiên quyết đi tới ý kiến ngừng các hành động chiến đấu ở Vác-sa-va. Gh. C. Giu-cốp ủng hộ đề nghị đó.

“Trong các điều kiện như thế, khó có thể bám giữ bờ phía Tây sông Vi-xla, - C. C. Rô-cô-xốp-xki viết trong cuốn hồi ký “nghĩa vụ quân nhân), - tôi quyết định ngừng chiến dịch lại. Chúng tôi cho các chiến sĩ đã đổ bộ sang bên kia sông trở về bên này. Đến ngày 23 tháng Chín, các phân đội của 3 trung đoàn bộ binh thuộc tập đoàn quân Ba Lan 1 đã liên lạc được với các đơn vị của mình”.

Bộ tổng tư lệnh tối cao đồng ý với tư lệnh phương diện quân. Tập đoàn quân Ba Lan 1 được lệnh chuyển sang phòng ngự dọc theo bờ phía Đông Vi-xla.

Ngày 28 tháng Chín, bọn Hít-le mở cuộc tổng tiến công ở Vác-sa-va. Các trận đánh diễn ra hết sức quyết liệt. Trong vòng ba ngày chiến đấu, các đơn vị quân khởi nghĩa hầu như sắp bị thất bại hoàn toàn. Các sĩ quan liên lạc cuối cùng của tập đoàn quân Ba Lan 1 buộc phải rời cơ quan tham mưu của quân khởi nghĩa, vì chúng ta được tin tình báo địch đang chuẩn bị bắt giết họ.

Những ngày tiếp sau, lò lửa khởi nghĩa tắt dần trên các góc phố ở Vác-sa-va. Nhưng, các tổp quân khởi nghĩa ngay cả khi đã bị hoàn toàn vây chặt, bị phân tán, bị hỏa lực của quân Hít-le chế áp mạnh, bị đứt liên lạc với bộ chỉ huy của họ, vẫn kiên quyết không chịu hạ vũ khí.

Các trận đánh diễn ra ở Giô-li-bóc và Xri-út-mét-ti-e rất ác liệt. Các đảng viên cộng sản, những người chỉ huy Quân đội nhân dân bắt liên lạc với bộ chỉ huy tập đoàn quân Ba Lan 1, thông qua đó liên lạc với bộ tư lệnh phương diện quân, đã vạch ra kế hoạch hành động, bảo đảm cho những người khởi nghĩa rút khỏi Giô-li-bốc tới bờ sông Vi-xla, vượt sang Pra-ha dưới sự chi viện của pháo binh và không quân của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1.

Thế nhưng, kế hoạch ấy lại bị bộ chỉ huy của Quân đội quốc gia phá hỏng. 18 giờ ngày 30 tháng Chín, bọn chúng yêu cầu những người khởi nghĩa phải đầu hàng ngay. Chỉ có một tổp nhỏ do thiếu tá Sa-nhi-áp-xki chỉ huy vừa chiến đấu vừa rút ra được tới bờ sông Vi-xla và dùng thuyền của các chiến sĩ thuộc tập đoàn quân Ba Lan 1 vượt sang bên kia sông về với chúng ta. Hai ngày sau, những trận đánh ở Xri-út-mét-ti-e cũng ngừng hẳn.

Cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va kết thúc như thế đấy. Cuộc khởi nghĩa làm vẻ vang muôn đời cho nhân dân Ba Lan đã đứng lên khởi nghĩa, và cũng làm cho những kẻ trong cái gọi là “chính phủ Ba Lan” ở Luân Đôn muôn đời ô nhục.

Nhà sử học quân sự E-gi Kia-rơ-mai-e viết trong cuốn “Cuộc khởi nghĩa Vác-sa-va” đã công bằng nói rõ là, đứng về quan điểm quân sự, cuộc khởi nghĩa không có một ý nghĩa gì vào thời cơ ấy. “...Cuộc khởi nghĩa không đẩy nhanh thêm một giờ nào cho công cuộc giải phóng Vác-sa-va. - tác giả viết - Chỉ có dưới ánh sáng đó, chúng ta mới có thể hình dung ra những gánh nặng thất bại - thất bại không có căn cứ và không cần thiết”.

Tấn thảm kịch Vác-sa-va trở thành biểu tượng khủng khiếp của sự phá sản của các nhà chính trị tư sản phản động. Đồng thời, những trở ngại ở Vác-sa-va càng chứng minh trước toàn thế giới rằng Đảng công nhân Ba Lan và các lực lượng tiến bộ do Đảng lãnh đạo sẵn sàng chiến đấu đến cùng phục vụ nhân dân.

Ngày nay, ngọn lửa còn cháy sáng mãi ở Tséc-nhi-a-khốp bên bờ sông Vi-xla, gọi chúng ta nhớ đến các chiến sĩ Liên Xô và Ba Lan đã cùng đổ máu trong các trận đánh chung vì tương lai tươi sáng của nước Ba Lan nhân dân.

Chính quyền nhân dân được xây dựng trong các vùng giải phóng ở phía Đông Ba Lan, đang ra sức mau chóng phục hồi đất nước. Nhiều người Ba Lan đã đáp ứng trách nhiệm đó bằng những công việc thiết thực: các đội du kích đẩy mạnh hoạt động của mình ở vùng sau lưng địch, còn trong các vùng giải phóng, nhân dân tiến bước dưới ngọn cờ của Quân đội Ba Lan, tích cực tham gia công cuộc giải phóng các vùng đất đai của Tổ quốc còn đang bị rên siết dưới gót sắt của bọn Hít-le.

Số người tình nguyện tăng lên rất cao. Khả năng động viên lớp người tòng quân giết giặc thật dồi dào. Tình hình đó cho phép tiến tới xây dựng ở ngay trên lãnh thổ Ba Lan, chính tại khu vực Li-u-blin và Xét-lét, tập đoàn quân Ba Lan 2 trong tháng Tám 1944. Tướng Ca-rôn Xve-rơ-trép-xki được cử giữ chức tư lệnh tập đoàn quân này.

Tới ngày 1 tháng Mười, biên chế tập đoàn quân đã có khoảng 50000 người. Ngoài ra, đất nước Ba Lan đã bắt đầu thành lập quân đoàn không quân hỗn hợp và các binh đoàn, binh đội khác. Trong những trận đánh sau này, tập đoàn quân Ba Lan 2 đã tô thắm ngọn cờ của mình trong chiến dịch Béc-lin ở các vùng Ni-xa Lu-gít-cai-a, Đre-xđen, và hoàn thành chặng đường chiến đấu ở khu vực thủ đô nước Tiệp Khắc đồng minh.

Khả năng động viên trong các vùng giải phóng Ba Lan còn rất phong phú nên CRN dự định tiếp tục mở rộng thêm Quân đội Ba Lan. Tiếp sau tập đoàn quân Ba Lan 2, lại sẽ xây dựng thêm một tập đoàn quân nữa và thành lập các đơn vị đặc chủng và các đơn vị hậu cần. Vì thế cho nên Bộ tổng tham mưu được lệnh phải luôn luôn quan tâm tới vấn đề về tập đoàn quân Ba Lan thứ ba và chúng tôi cùng đã thực hiện đúng như vậy. Vả lại, chúng tôi không hề nghi ngờ gì về khả năng giải quyết vấn đề đó.

Hơn nữa, I. V. Xta-lin còn giao nhiệm vụ chuẩn bị chỉ lệnh thành lập phương diện quân Ba Lan vào ngày 15 tháng Mười một gồm 3 tập đoàn quân. Chúng tôi thảo chỉ lệnh đó và Đại bản doanh duyệt y. Ngày 3 tháng Mười tôi báo cáo việc đó cho Tổng tham mưu trưởng A. M. Va-xi-lép-xki lúc này đang làm đại diện Đại bản doanh ở Pri-ban-tích.

Thế nhưng, khi thực hiện nhiệm vụ đó, chúng ta đã vấp phải một khó khăn lớn: thiếu cán bộ chỉ huy người dân tộc. Sở dĩ như thế là do một loạt nguyên nhân: ở đây đã thể hiện rõ những hậu quả nặng nề của chính quyền địa chủ không tạo điều kiện cho nhân dân học hành, cũng như chính sách của bọn xâm lược Hít-le nhằm hủy hoại nền văn hóa Ba Lan và thẳng tay diệt trừ những đại biểu của nền văn hóa đó.

Như đã nói ở trên, phần lớn đội ngũ cán bộ chỉ huy các binh chủng kỹ thuật đã cùng ra đi với An-đéc-xơ. Bộ tổng tham mưu nghiên cứu các cách giải quyết khác nhau đối với những vấn đề được đặt ra lúc bấy giờ về cán bộ cho Quân đội Ba Lan. Cả các đồng chí Ba Lan của chúng ta

cũng nghiên cứu những vấn đề ấy.

Thời gian trôi đi mà vẫn chưa tìm ra được cách gì đáng hy vọng cả. Rốt cuộc, tình hình gay go về đội ngũ sĩ quan đã buộc ta phải từ bỏ việc thành lập phương diện quân Ba Lan và đưa các cán bộ sĩ quan đã tập trung đi bổ sung cho các đơn vị hiện có.

Quân số của quân đội Ba Lan tăng lên rất nhanh. Đến lúc chấm dứt chiến tranh với nước Đức Hít-le, trong hàng ngũ Quân đội Ba Lan có tới 446000 người; tính đến ngày 1 tháng Năm 1945, trang bị của Quân đội Ba Lan có khoảng 303000 súng trường và súng các-bin, 106500 tiểu liên, khoảng 19000 súng máy các loại, gần 5 000 súng cối các cỡ, trên 3500 pháo, 673 xe tăng và pháo tự hành, 630 máy bay các loại, khoảng 12 000 xe và nhiều trang bị, khí tài khác.

Bộ tổng tham mưu nhận được những báo cáo nói về tình trạng rối loạn đang diễn ra sâu sắc trên đất nước Ba Lan do hậu quả của nhiều năm bị nước Đức Hít-le chiếm đóng nặng nề. Tất cả những gì quý báu đều bị bộ máy cai trị của phát-xít Đức và quân đội của chúng vơ vét, cướp bóc một cách vô liêm sỉ, chở về cái Đế chế thứ ba của bọn chúng, hoặc bị phá hủy bởi những sự thù hằn mù quáng.

Tấm gương sống chúng mình cho các sự kiện trên là Vác-sa-va đang bị đau khổ ở bên kia sông Vi-xla. Thỉnh thoảng, từ bên ấy lại vọng sang những tiếng nổ đình tai. Đó là những hành động trừng phạt của bọn phát-xít Đức, đang phá hủy một cách dã man những công trình ở thủ đô Ba Lan theo kế hoạch chúng đã vạch ra.

Tính mệnh của những người dân Ba Lan lúc nào cũng bị đe dọa. Ngày nay, chúng ta đã phát hiện được chính xác rằng, số người bị chết bởi tay bọn đao phủ Hít-le trong các trại tập trung là 3 triệu 577 nghìn dân Ba Lan. Nếu kể cả số người đã hy sinh ngoài chiến trường, thì con số chung lên tới 6 triệu 28 nghìn người. Nói một cách khác, cứ mỗi ngày chiếm đóng của bọn phát-xít Đức thì cướp đi sinh mệnh của ba nghìn người dân thường Ba Lan.

Qua những kinh nghiệm của bản thân trên đất nước mình, chúng tôi thông cảm đầy đủ cánh đau thương khôn tả xiết ấy của nhân dân Ba Lan và ra sức tìm mọi cách để giảm bớt những hậu quả tội ác đó của chủ nghĩa phát-xít.

Mặc dầu các cơ quan của chính quyền nhân dân Ba Lan đang giải quyết mọi vấn đề thuộc về đời sông dân sự song tình huống chiến tranh và sự rối loạn buộc họ luôn luôn phải nhờ đến bộ chỉ huy quân sự với đủ các yêu cầu. Đó cũng là lẽ đương nhiên, và các chiến sĩ xô-viết không thể không suy nghĩ và quan tâm tới vận mệnh của nước Ba Lan mai sau.

Tướng N. C. Xu-bốt-tin, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, tướng C. Ph. Tê-lê-ghin, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, tướng C V Cray-nhi-u-cốp, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 1 thường xuyên quan tâm đến những công việc này và giải quyết gấp rút các vấn đề trong cuộc sống.

Chúng ta phải giải phóng các nhà trường để lấy chỗ học tập cho trẻ em, cho in các sách giáo khoa, tổ chức các bệnh viện và cung cấp thuốc men, không cho phép ai được làm trở ngại đến các nghi lễ, thủ tục của tôn giáo, đụng chạm đến miếu đền, nhà thờ.

Lợi dụng tình thế khó khăn do chiến tranh gây ra trong lúc này, một số phần tử phản động cũng đã len lỏi, bí mật hoạt động phá hoại, trong đó có bọn quốc xã U-crai-na. Chúng sát hại những người có trách nhiệm, cướp bóc của cải của nhân dân, phá hoại các kho chứa lương thực

và cỏ khô. Chính quyền nhân dân phải đấu tranh chống lại bọn chúng, nhưng nếu không có sự giúp sức của quân ta thì họ không thể làm nổi việc đó.

Các đơn vị của chúng ta phối hợp với chính quyền, góp phần gìn giữ trật tự xã hội ở những vùng giải phóng. Các công việc trên đều là những việc cấp bách, không thể trì hoãn và rất phức tạp. Vì các phương diện quân của ta lúc này cũng còn thiếu thốn nhiều, chưa đủ đáp ứng yêu cầu khôi phục lại cuộc sống bình thường trên những vùng đất đai đã bị đau khổ bởi chủ nghĩa phát-xít tàn bạo.

Các cán bộ quân sự và chính trị của ta phải tiến hành nhiều mặt công tác thật khó khăn. Nhưng mọi việc rồi cũng trôi chảy cả. Các chiến sĩ chúng ta nhìn thấy tận mắt công cuộc khôi phục lại đất nước của nhân dân Ba Lan anh dũng, quên mình. Chính phủ và quân đội Liên Xô tìm mọi cách chi viện cho nhân dân Ba Lan. Sự thống nhất và tình hữu nghị đó chính là điều bảo đảm cho tương lai tươi sáng của đất nước Ba Lan.

Bộ tổng tham mưu Liên Xô chỉ thị cho các đồng chí tư lệnh các đơn vị đang tác chiến phải đặc biệt chú ý đến vấn đề an ninh của nhân dân khi thi hành nhiệm vụ và áp dụng các biện pháp nhằm bảo vệ các công trình công nghiệp, các thành phố và làng mạc, các di tích của nền văn hóa dân tộc Ba Lan.

Theo đề nghị của chính phủ Ba Lan (thời gian này chính phủ còn tạm thời đặt trụ sở ở Li-ublin), các công nhân đường sắt và các đồng chí lái xe của chúng ta đã chở các loại hàng hóa đi trên “con đường xanh” tới khắp các khu vực đất nước Ba Lan. Chúng ta đã chở thuốc men và bột mì (10 nghìn tấn) vào cuối tháng Chín 1944 tới Pra-ha, đến các vùng phụ cận Vác-sa-va. Sau này, khi đất nước Ba Lan mở rộng thêm các vùng giải phóng ở phía bên kia sông Vi-xla, chúng ta lại chở 10 nghìn tấn bột mì và 5 nghìn tấn đường tới Ca-tô-vít-xe, chở 5 nghìn tấn bột và 2 nghìn tấn đường tới Cra-cốp, 2 nghìn tấn đường tới Tren-xtô-khốp và Ken-txe.

Cho tới cuối năm 1945, nông dân Ba Lan nhận được các súc vật kéo và hơn 138 nghìn tấn lúa mì của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, sau này của cụm các lực lượng Liên Xô đóng quân trên nước Đức. Chúng ta chuyển giao cho chính quyền nhân dân Ba Lan số súc vật, các kho tàng lương thực và cỏ khô của bọn địa chủ và tư sản Đức bỏ lại.

Chúng ta còn chuyển giao cả máy bay và xe cho chính quyền Ba Lan để duy trì công tác giao thông, vận tải. Bộ đội ta khôi phục được hơn 4000 ki-lô-mét đường sắt, trên 12000 ki-lô-mét thông tin liên lạc bằng đường sắt

Nói tóm lại, giữa bộ đội Liên Xô và các cơ quan chính quyền do ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan lập ra, đã hình thành nên những mối quan hệ thực sự con người, những mối quan hệ anh em của những người bạn cùng chiến đấu, và đến tháng Tư 1945 những mối quan hệ ấy lại được thể hiện rõ trong hiệp ước hữu nghị tương trợ và hợp tác sau chiến tranh giữa Liên Xô và nước Cộng hòa Ba Lan.

Mặc dầu cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va bị thất bại, song Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu vẫn tìm mọi cách tiêu diệt cụm quân địch bố trí ở Vác-sa-va. Tuyến sông Na-rép giữ một vị trí đặc biệt trong các kế hoạch tính toán của ta. Chúng ta đã nói tới kế hoạch chiến dịch tiến công từ căn cứ bàn đạp Na-rép mà cơ sở của ý định chiến dịch ấy là những đề nghị của Gh. C. Giu-cốp và C. C. Rô-cô-xốp-xki. Chúng ta đã tiến hành chuẩn bị đầy đủ cho chiến dịch và ngày 5 tháng

Mười, chiến dịch sẽ bắt đầu.

Nhưng sáng 4 tháng Mười, chúng ta được tin: quân địch mở cuộc tiến công lớn đánh vào các đơn vị của P. I. Ba-tốp tại căn cứ Xê-rôt-xcơ, thậm chí đã đánh bật được quân ta. Chúng ta chặn được mũi tiến công của xe tăng và bộ binh địch, nhưng các trận đánh quyết liệt vẫn còn tiếp diễn. Đến ngày 9 tháng Mười, cuộc tiến công của địch bị chặn đứng hẳn và bộ đội ta tổ chức phản địch. Đáng tiếc là chúng ta không làm cho địch bị thiệt hại nặng và triển vọng tới đây cũng không hứa hẹn được gì hơn. Do đó, tình hình buộc chúng ta phải điều động bố trí lại lực lượng, tích lũy binh lực, bảo đảm việc chuẩn bị vật chất cho các chiến dịch sắp tới.

Cuối tháng Mười, cả Xta-lin cũng không hy vọng có thể sớm giải phóng được Vác-sa-va. Bộ đội bên cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 thực tế đã chuyển sang phòng ngự, và ngày 12 tháng Mười một, phương diện quân nhận được chỉ lệnh của Đại bản doanh về vấn đề đó.

Công cuộc giải phóng hoàn toàn đất nước Ba Lan, trong đó có Vác-sa-va, gắn liền với cuộc tiến công mùa đông của chúng ta trong năm 1945 là năm chiến thắng trên hướng Tây. Như mọi người đều biết cuộc tiến công đó thu được thắng lợi căn bản, dẫn đến tuyến cuối cùng, kết thúc việc tiêu diệt nước Đức Hít-le, thọc thẳng vào Béc-lin - trái tim của nước Đức phát-xít.

Trong quá trình các chiến dịch mùa đông năm 1945, phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 đã phá vỡ các cứ điểm phòng ngự của địch, đánh lui các cuộc phản kích của chúng, tiến ra khu vực Đan-xích. Bộ đội của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 vượt qua nhiều phòng tuyến địch, tiến tới sông Ô-đê. Bộ đội của phương diện quân U-crai-na 1 đánh tan quân địch ở Xi-lê-di, giải phóng được khu công nghiệp quan trọng cho nhân dân Ba Lan, tiến tới Nây-xe (Nư-xa). Bộ đội của phương diện quân U-crai-na 4, bảo đảm mặt phía Nam của chiến dịch cho các phương diện quân chủ yếu, cũng đã hoạt động thắng lợi.

Vinh quang tiến vào thủ đô Ba Lan dành cho tập đoàn quân Ba Lan 1 do trung tướng X. G. Pô-pơ-láp-xki làm tư lệnh. Hoạt động chiến đấu của tập đoàn quân này dựa vào các kết quả tiến công của các lực lượng chủ yếu thuộc phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 của nguyên soái Gh. C. Giu-cốp, mà thành phần lúc đó bao gồm cả tập đoàn quân Ba Lan 1.

Các lực lượng chủ yếu của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến ra Cút-nô, Lốt-dơ, đi đầu là các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 và 2 của M. E. Ca-tu-cốp và X. I. Bô-gđa-nốp. Sau khi đã chọc thủng tuyến phòng ngự và đánh tan các đơn vị của Cụm lập đoàn quân "trung tâm", 2 tập đoàn quân xe tăng trên đã nhanh chóng tiến vào phía sau lưng cụm quân địch đóng tại Vác-sa-va. Mũi thọc sâu của 2 tập đoàn quân xe tăng đã phá vỡ hệ thống phòng ngự của địch, buộc chúng phải suy nghĩ tới việc rút chân ra khỏi thủ đô nước Ba Lan đã bị tàn phá tan hoang. Và ngày 17 tháng Giêng 1945, tập đoàn quân Ba Lan 1 lợi dụng thời cơ đó tiến vào thủ đô Ba Lan quét sạch địch ra khỏi Vác-sa-va.

Phương diện quân U-crai-na 1 của I. X. Cô-nép là đơn vị bạn bên phải, nhanh chóng bẻ gãy phòng ngự địch trong dải tiến công của mình, và từ ngày 18 tháng Giêng, cả hai phương diện quân chuyển sang truy kích ráo riết các đơn vị phát-xít Đức. Nhưng, nếu như phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến nhanh được lên phía trước, thì ở phương diện quân U-crai-na 1 tình hình lại phức tạp hơn.

Như đã nói ở phần trên, ở đây có khu công nghiệp Xi-lê-di, cần được giữ gìn cho nước Ba

Lan nhân dân, nên không được đột phá thẳng vào đây. Tình huống buộc phương diện quân phải đánh vu hồi, nhử địch vận động ra ngoài để tiêu diệt địch ở bên ngoài khu công nghiệp. Bộ tư lệnh phương diện quân đã hành động thật xuất sắc. Chiến dịch Xi-lê-di của phương diện quân U-crai-na 1 là một trong những trang sử vẻ vang đầy hứng thú và có ý nghĩa nhất của nền nghệ thuật quân sự xô-viết.

Trong dải tiến công của phương diện quân U-crai-na 1 có thành phố Cra-cốp cổ - một di tích kiến trúc lâu đời của nhân dân Ba Lan, nơi đây tập trung những công trình sáng tạo tuyệt vời của nền nghệ thuật dân tộc Ba Lan. Muốn bảo vệ thành phố khỏi bị phá hoại, pháo binh và không quân ta không được bắn phá vào thành phố.

Những dẫn chứng như vậy có rất nhiều. Nó chứng minh cho những hành động sáng suốt, biết nhìn vào mai sau, chứng minh cho tình hữu nghị anh em đã ăn sâu trong ý thức của hai dân tộc Liên Xô và Ba Lan, chứng minh cho khát vọng giúp đỡ bạn bè trong những hoàn cảnh chiến tranh phức tạp nhất.

Chúng ta cũng không thể không nói một lần nữa đến việc hiệp đồng chiến đấu giữa bộ đội ta với các lực lượng du kích to lớn của Ba Lan trên lãnh thổ Ba Lan nhất là ở vùng Ke-lép-si-na. Những người dân thường Ba Lan, nếu không thể sát cánh chiến đấu cùng bộ đội chúng ta, thì cũng đã để lại tấm lòng còn in đậm trong mỗi người chiến sĩ Liên Xô, nhiều chiến sĩ Liên Xô đã được nhân dân Ba Lan quên mình cứu giúp, thoát khỏi những mối hiểm họa tưởng chừng khó bề tránh nổi.

Kết quả các chiến dịch phối hợp giữa các phương diện quân của ta và Quân đội Ba Lan là đã hoàn toàn giải phóng được đất nước Ba Lan khỏi ách nô dịch của bọn xâm lược Hít-le, từ bờ biển Ban-tích tới dải núi Các-pát. Ngọn cờ đỏ thắm của Liên Xô và trắng đỏ của Ba Lan phấp phới trên các bờ biển Pô-mô-ri-ê, trên làn sóng nước Ô-đe, và Nư-xa - biên giới của nước Ba Lan nhân dân tự do và độc lập.

Tình đoàn kết chiến đấu của bộ đội Liên Xô và Ba Lan ngày một phát triển. Trong chiến dịch Béc-lin, chiến dịch quan trọng nhất trong các chiến dịch cuối cùng chống nước Đức phát-xít, có sự tham gia của tập đoàn quân Ba Lan 1, tập đoàn quân Ba Lan 2, và cả quân đoàn không quân 1, quân đoàn xe tăng 1, sư đoàn pháo binh 2, lữ đoàn súng cối độc lập 1 và những đơn vị khác. Các đơn vị trên đã sát cánh chiến đấu trong thành phần của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1, trong biên chế có tới 185000 chiến sĩ và sĩ quan, hơn 3000 khẩu pháo, gần 500 xe tăng, hơn 300 máy bay. Đó là sự đóng góp to lớn vào chiến thắng chung trước kẻ thù hung bạo.

Con đường đã trải qua của người chiến sĩ xô-viết chỗ nào và lúc nào cũng gặp nhiều gian truân. Con đường ấy khi tới Búc cũng còn gặp nhiều khó khăn. 600000 chiến sĩ chúng ta đã yên nghỉ trên đất nước Ba Lan. Các đài kỷ niệm những người đã ngã xuống còn nhắc nhở chúng ta về những ngày chiến tranh, về cuộc chiến đấu chung sức bên nhau của hai dân tộc Liên Xô và Ba Lan, vì tự do, độc lập và danh dự của nhà nước Ba Lan chống lại bọn chiếm đóng Hít-le. Nước Ba Lan nhân dân ghi công các chiến sĩ đã ngã xuống, khâm phục sự đóng góp to lớn của các chiến sĩ Liên Xô trong sự nghiệp tiêu diệt kẻ thù chung là chủ nghĩa phát-xít Đức.

CHƯƠNG BỐN

• Giải phóng Ru-ma-ni

- Tại ngưỡng cửa Ru-ma-ni.
- Chúng ta chuẩn bị chiến dịch.
- Hai ý kiến.
- Hội nghị trong Đại bản doanh.
- Hợp vây và tiêu diệt quân địch ở Ki-si-ni-ốp và I-át-xu.
- Mở đường vào Ru-ma-ni.
- Chế độ độc tài của I. An-tô-ne-xcu mất chỗ đứng.
- Quân ta ở Bu-ca-rét.
- Các sự kiện ở thủ đô Ru-ma-ni.
- Vua Mi-khai với vai trò chống phát-xít.
- Cuộc khởi nghĩa của nhân dân.
- Sự bất ngờ dễ chịu.
- Trên đường nắm lấy chính quyền nhân dân.
- Quân đội Ru-ma-ni là đồng minh của chúng ta.

Bộ đội Liên Xô tiến ra biên giới Liên Xô - Ru-ma-ni không những có liên quan tới việc tổ chức các chiến dịch, mà còn liên quan tới nhiều biện pháp chính trị lớn khác nữa. Chính phủ Liên Xô được biết công tước Stiéc-bây, cựu thủ tướng Ru-ma-ni, đang tiến hành những cuộc hội đàm bí mật giữa các giới cầm quyền Ru-ma-ni với các đại biểu của Mỹ và Anh về tình hình Ru-ma-ni. Khi bộ đội chúng ta tiến gần đến biên giới Ru-ma-ni, giới báo chí và các nhà ngoại giao nước ngoài tung tin rằng Chính phủ Liên Xô đề ra những điều kiện đặc biệt đối với chính phủ Ru-ma-ni.

Những hiện tượng chính trị đó biểu hiện mối lo lắng của các nhà cầm quyền phát-xít ở Ru-ma-ni. Các cơ quan chính thức của Liên Xô đã bác bỏ đích đáng những tin tức bịa đặt ấy.

Ngày 22 tháng Ba 1944, Thông tấn xã Liên Xô tuyên bố:

“Theo nguồn tin của báo chí Thụy Điển, “nhật báo Giơ-ne-vơ” của Thụy Sĩ tung tin là công tước Stiéc-bây, đại diện của Ru-ma-ni, đã nhận tại An-ca-ra “các điều kiện đình chiến của người Nga được người Anh tán thành”. Hình như các điều kiện ấy gồm bảy điểm nói về đường biên giới Liên Xô - Ru-ma-ni, việc trao trả tỉnh Tơ-ran-xin-va-ni cho Ru-ma-ni, việc Liên Xô từ chối không nhận bồi thường các phí tổn chiến tranh cùng những điểm khác.

Thông tấn xã Liên Xô được ủy nhiệm bác bỏ các tin tức trên, coi đó là những tin tức bịa đặt và tuyên bố rằng nói chung Liên Xô không hề đưa ra một điều kiện gì đối với Stiéc-bây hoặc một đại biểu nào khác của Ru-ma-ni”.

Tôi thấy cần phải nói rằng, đầu mùa xuân năm 1944, Bộ tổng tham mưu càng nhận thức rõ thêm đường lối của đoàn đại biểu Liên Xô tại Hội nghị Tê-hê-ran là rất sáng suốt (hội nghị họp

từ ngày 28 tháng Mười một đến 1 tháng Chạp 1943). Hội nghị đã thông qua quyết định mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu chứ không phải ở Ban-căng. Và, ngày nào Bộ tổng tham mưu cũng có tin về thái độ quanh co trong chính sách đối ngoại của các giới cầm quyền Ru-ma-ni, các mưu toan của họ nhích gần lại với khối Anh - Mỹ.

Các phái viên của Ru-ma-ni hoạt động lúc ở Bồ Đào Nha, lúc ở Thụy Sĩ, lúc ở Tây Ban Nha. Bọn họ còn xuất hiện ở cả Thổ Nhĩ Kỳ và Thụy Điển, thăm dò các điều kiện mà Mỹ - Anh ký kết hòa ước riêng rẽ với nước Đức phát-xít và các nước chư hầu. Các nhà cầm quyền phát-xít ở Ru-ma-ni, nhất là sau khi I-ta-li-a đầu hàng, đã chớp lấy cơ hội chạy sang khối Anh - Mỹ.

Từ mùa hè năm 1943, “phe đối lập” Ru-ma-ni do Ma-niu và Bra-ti-a-nu, những thủ lĩnh của các đảng phái có tính chất “lịch sử”, cầm đầu, đã tích cực tham gia vào các việc tìm kiếm cách ký kết các hòa ước riêng rẽ. Mọi mưu toan của họ đều nhằm mục đích sao cho quân Anh - Mỹ tiến vào Ru-ma-ni trước bộ đội Liên Xô. Các nhà cầm quyền Ru-ma-ni không tiếc lời hứa hẹn để cho quân Anh - Mỹ gấp rút vào chiếm đóng trên đất Ru-ma-ni.

Khi bộ đội chúng ta vượt qua biên giới Liên Xô - Ru-ma-ni, tại hội nghị các nhà báo ngày 2 tháng Tư 1944, Chính phủ Liên Xô đã ra bản tuyên bố mà bạn đọc đã biết và báo cho toàn thế giới biết rằng: các đơn vị của quân đội chúng ta đã vượt qua sông Prút và tiến vào lãnh thổ Ru-ma-ni, còn Bộ tổng tư lệnh tối cao thì ra lệnh cho các đơn vị đang tiến công phải truy kích địch cho tới khi hoàn toàn tiêu diệt chúng và buộc chúng phải đầu hàng.

Ngày 10 tháng Tư, Hội đồng quốc phòng Nhà nước ra Nghị quyết về thái độ của bộ đội Liên Xô trên lãnh thổ Ru-ma-ni. Hội đồng quốc phòng Nhà nước phổ biến nghị quyết đó cho Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 2 và yêu cầu phổ biến tới nhân dân Ru-ma-ni lời kêu gọi đặc biệt, giải thích rõ thực chất bản tuyên bố của Chính phủ Liên Xô ngày 2 tháng Tư.

Đồng thời, nghị quyết còn quy định cả trách nhiệm của Hội đồng quân sự trong việc tổ chức lãnh đạo chung, kiểm soát và giám sát mọi hoạt động của các cơ quan chính quyền dân sự của Ru-ma-ni. Tướng I. D. Xu-xai-cốp, ủy viên Hội đồng quân sự, chịu trách nhiệm riêng về các lĩnh vực hoạt động này.

Nghị quyết còn quy định không được phá vỡ các cơ quan chính quyền của Ru-ma-ni, bảo vệ quyền sở hữu tài sản của các công dân và các đoàn thể tư nhân. Vùng giải phóng đã thành lập ra cơ quan quân chính xô-viết. Hội đồng quân sự của các phương diện quân và tập đoàn quân căn cứ vào nghị quyết đã triển khai hoạt động tuyên truyền giải thích rộng rãi và những hoạt động thực tiễn khác.

Bè lũ chư hầu Ru-ma-ni của Hít-le vẫn lo sợ trước bản tuyên bố nhân đạo của Chính phủ Liên Xô. Chúng thấy Hồng quân chiến thắng sẽ có ảnh hưởng cách mạng hóa to lớn đến những người lao động Ru-ma-ni và tạo nên những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh chống phát-xít của những người lao động Ru-ma-ni.

Ít lâu sau, các nước đồng minh thông báo cho Liên Xô biết ý định mới của chính phủ Ru-ma-ni muốn đàm phán với các nước đồng minh. Nhưng lần này, cả Chính phủ Liên Xô cũng tham gia vào cuộc đàm phán và đề ra cho I. An-tô-ne-xcu sáu điều kiện để đình chiến: cắt đứt quan hệ với nước Đức, Ru-ma-ni sẽ cùng với các nước trong khối liên minh chống Hít-le đấu tranh chống lại nước Đức; khôi phục lại hoàn toàn đường biên giới Liên Xô với Ru-ma-ni và bồi thường cho chúng ta những thiệt hại do quân đội Ru-ma-ni gây ra; trao trả các tù binh của Liên

Xô và các nước đồng minh; giúp đỡ về mọi mặt cho bộ đội Liên Xô và các nước đồng minh tổ chức chiến dịch trên lãnh thổ Ru-ma-ni: xóa bỏ vấn đề Tơ-ran-xin-va-ni và giúp đỡ bộ đội Liên Xô giải phóng khu vực này. Chính phủ I. An-to-ne-xcu đã lắng tránh các điều kiện trên và tiếp tục chiến tranh.

Trong lúc đang tiến hành đàm phán thì chiến sự vẫn tiếp diễn và phát triển. Dự định của chúng ta tiến công ngay từ căn cứ bàn đạp bên kia sông Prút từ hồi tháng Tư không thành công. Ba phương diện quân - phương diện quân U-crai-na 1, rồi sau đó là các phương diện quân U-crai-na 2 và 3, theo lệnh của Đại bản doanh chuyển sang phòng ngự. Tuy nhiên, tình hình đó không làm ảnh hưởng đến việc chuẩn bị tiến công của ta. Bộ tổng tham mưu và các phương diện quân vẫn xúc tiến vạch kế hoạch các chiến dịch ở hướng Tây - Nam.

Hồi đó, ban lãnh đạo của Bộ tổng tham mưu và Tổng cục chính trị đã phải suy nghĩ tới rất nhiều vấn đề. Công việc giải phóng Ru-ma-ni không những rất tế nhị mà còn rất phức tạp, vì Ru-ma-ni là nước đồng minh với nước Đức Hít-le và các giới cầm quyền Ru-ma-ni lại là những tên tòng phạm với các tội lỗi của Hít-le. Đất nước chúng ta vẫn chưa tiêu tan hết mùi khói cay đắng của những đám cháy do bọn chiếm đóng để lại, trong đó có cả binh lính của Ru-ma-ni. Làng mạc tan hoang, phố xá đổ nát, biết bao nhiêu vợ góa, con cô ...

Suy nghĩ về tư cách người chiến sĩ của chúng ta hoạt động ở nước ngoài, chúng ta tin vào ý thức cách mạng, tinh thần quốc tế chủ nghĩa đã được thử thách của nhân dân Liên Xô, tin vào tài tổ chức của các cán bộ chỉ huy, tin vào hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị của chúng ta.

Chúng ta tin chắc rằng, bằng tầm gương của bản thân và lời của Đảng, các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của chúng ta sẽ biết giúp cho các chiến sĩ xô-viết kết hợp được đúng đắn lòng yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong quá trình chiến đấu. Và đó chính là điều chủ yếu bảo đảm cho mối quan hệ đúng đắn giữa đấu tranh kiên quyết nhằm hoàn toàn tiêu diệt quân thù với tình hữu nghị chân chính đối với nhân dân lao động. Ở đây, không có bóng dáng của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Các đại biểu của chế độ xô-viết tiên tiến và nhân đạo những người bảo vệ lợi ích của dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đập tan chế độ phát-xít Hít-le, đã tiến vào Ru-ma-ni.

Ngay từ cuối tháng Ba 1944, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã chuẩn bị đội ngũ các cán bộ chỉ huy cho các đơn vị của Liên Xô và các cơ quan chính trị hoạt động trên lãnh thổ Ru-ma-ni. Việc tiêu diệt địch và bộ máy mật vụ của chúng phải tiến hành theo các điều luật của thời chiến, nhưng lại không được phạm tới các quyền hợp pháp của chính quyền quốc gia trong các công việc nội chính. Chúng ta đã quy định nhiệm vụ, nội dung và các phương pháp công tác chính trị cơ bản trong bộ đội, các quy tắc và các tiêu chuẩn hành động của quân nhân Liên Xô ở nước ngoài. Tất cả đều hiểu rằng phải kiên quyết ngăn chặn bất kỳ trường hợp nào vi phạm tới luật pháp, dù là cả biệt, vô ý thức.

Chúng ta rất quan tâm đến sự hợp tác chặt chẽ với nhân dân lao động Ru-ma-ni và chỉ có sự hợp tác chặt chẽ đó mới có thể đem lại thắng lợi cho các nguyên tắc dân chủ trong nước. Nhưng, chúng ta cũng thấy còn nhiều khó khăn to lớn. Chính phủ Ru-ma-ni đã khước từ các điều kiện đình chiến nhân đạo do Chính phủ Liên Xô nêu ra ngày 12 tháng Tư 1944, và máu vẫn tiếp tục đổ. Chính phủ độc tài phản động Ru-ma-ni tìm mọi cách đe dọa nhân dân, bịa đặt

về “sự chiếm đóng khủng khiếp của Liên Xô”, “sự đầy ải ở Xi-bi-ri”, và nhiều điều khác.

Công tác tuyên truyền của bọn phát-xít đã kết hợp sự vu khống Hồng quân với âm mưu bôi nhọ danh dự của các đảng viên cộng sản và các chiến sĩ du kích Ru-ma-ni, nói xấu họ là những người ăn cướp, những tên thổ phỉ. Song, ta cần phải nói rằng nhân dân Ru-ma-ni đã sớm nhận ra ai là người chân chính đấu tranh cho hạnh phúc của mình.

Chúng ta đều biết rằng, đất nước Ru-ma-ni bị đau khổ dưới ách độc tài quân sự của An-tô-ne-xcu và trên thực tế bị nước Đức phát-xít nô dịch, các đảng viên cộng sản dần dần đã củng cố được vị trí và ảnh hưởng của mình.

Mùa xuân năm 1944, khi chế độ An-tô-ne-xcu bước vào giai đoạn khủng hoảng, Đảng cộng sản Ru-ma-ni đề ra một trong những nhiệm vụ chủ yếu của mình là đấu tranh nhằm thống nhất giai cấp công nhân. Đó là điều kiện rất quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa vũ trang sau này.

Để giải quyết nhiệm vụ đó, tháng Tư 1944, Mặt trận công nhân thống nhất Ru-ma-ni được thành lập, ra bản tuyên bố “gửi toàn thể giai cấp công nhân! Gửi nhân dân Ru-ma-ni!” nhân dịp ngày 1 tháng Năm. Tuyên ngôn kêu gọi dùng mọi phương thức để phá vỡ bộ máy quân sự của Hít-le. Đồng thời, Đảng cộng sản bắt đầu xây dựng các nhóm chiến đấu yêu nước, chuẩn bị từng bước cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Còn trên đất nước Liên Xô thì đã tổ chức ra sư đoàn bộ binh mang tên Tu-đo Vla-di-mia-re-xcu và các nhóm du kích gồm những người chống phát-xít và các tù binh trước đây. Các nhóm du kích sau này đã đổ bộ vào Ru-ma-ni. Tháng Năm 1944, Đảng cộng sản ký hiệp nghị thống nhất hành động với một trong các phái dân tộc-tự do, rồi sau đó các lãnh tụ của các đảng dân tộc-nông dân và dân tộc-tự do trực tiếp bắt liên lạc với các đảng viên cộng sản. Triễn vọng bị phá sản của nước Đức Hít-le đã đẩy họ tới những hành động ấy.

Đảng cộng sản ra sức tập hợp mọi lực lượng chống Hít-le, trong đó có cả các đảng của giai cấp tư sản; Đảng đã hành động rất mềm dẻo nhằm cô lập tập đoàn phát-xít của I. An-tô-ne-xcu và thu hút bộ phận nhân dân đang chịu ảnh hưởng của các đảng tư sản-địa chủ đấu tranh chống lại tập đoàn đó. Tuy nhiên, lúc đó tình hình chưa đưa tới chỗ hình thành nên khối liên minh chính trị chống chế độ phát-xít Ru-ma-ni.

Khi đã có chỉ thị của Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu xô viết phải chú ý đến tình thế lúc bấy giờ ở nước này hay nước khác, tính toán đến mọi vấn đề chính trị phức tạp, thậm chí còn phải, trong chừng mực nào đó, tham gia giải quyết các vấn đề đó. Đại bản doanh nhiều lần nhắc chúng tôi chú ý đến tình hình mới của bộ đội ta đang tiến công trong lúc này, và chúng tôi cũng đã nhiều lần báo trước cho R. I-a. Ma-li-nốp-xki biết nhiệm vụ chính trị của bộ đội đồng chí có một tầm quan trọng đặc biệt như thế nào, vì phương diện quân của đồng chí là lực lượng chủ yếu ở Ru-ma-ni và Hung-ga-ri.

Cụm tập đoàn quân phát-xít Đức “nam U-crai-na” phải chống đỡ với hai phương diện quân của ta là phương diện quân U-crai-na 2 và U-crai-na 3. Thành phần cụm quân của chúng có hai tập đoàn quân Đức (tập đoàn quân 8 và 6) và 2 tập đoàn quân Ru-ma-ni (tập đoàn quân 4 và 3), quân đoàn độc lập 17 (người Đức) và nhiều đơn vị bộ binh cùng nhiều đơn vị đặc chủng khác.

Quân địch khá mạnh, những trận đánh vừa qua đủ chứng minh cho tình hình đó. Chỉ huy

cụm tập đoàn quân này trong một thời gian dài là thượng tướng Séc-nơ, một trong những tên tướng chỉ huy có tài năng của nước Đức phát-xít. Sau này, y vẫn điên cuồng chống phá lại bộ đội Liên Xô sau khi nước Đức đã có lệnh đầu hàng toàn bộ.

Vào cuối tháng Bảy, tướng Phrít-xne thay thế tướng Séc-nơ. Bộ chỉ huy Đức hy vọng sự thay đổi tướng lĩnh đó sẽ có lợi cho chúng. Chúng ta được biết Phrít-xne là một tên tướng giàu kinh nghiệm và có kiến thức rộng, mặc dầu trước đây, khi chỉ huy Cụm tập đoàn quân “bắc”, y đã bị thất bại ở Pri-ban-tích.

Các công trình phòng ngự được xây dựng suốt ngày đêm trên khắp các dải chiến đấu của Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na”; cả biệt trên một số hướng, chúng còn cấu trúc các trận địa dã chiến kết hợp với các khu cứ điểm đã được tăng cường từ trước.

Khi vạch kế hoạch các chiến dịch ở Ban-căng, ngoài những yếu tố tình huống thông thường, chúng tôi còn phải chú ý tới một tình hình khác nữa là: khả năng hành động của cái gọi là “phương án Ban-căng” của các nước đồng minh của chúng ta. Phương án này quy định sẽ đồng thời mở mặt trận thứ hai và quân đội của các nước đồng minh sẽ đột nhập vào các nước trên bán đảo Ban-căng. Uyn-xton Sốc-sin đã trình bày khái quát “phương án Ban-căng” ngay từ Hội nghị Tê-hê-ran và bây giờ đòi phải thực hiện phương án đó.

Nếu thực hiện “phương án Ban-căng” thì các lực lượng vũ trang Anh - Mỹ sẽ giữ vai trò chủ yếu trên bán đảo. Liên Xô sẽ phải khắc phục nhiều khó khăn có tính chất chính trị và tiến hành nhiều mặt công tác lớn để phối hợp hành động với quân đội đồng minh. Cùng không loại trừ cả trường hợp các nước đồng minh còn tiến hành những mưu toan thỏa thuận ngầm với chính phủ Ru-ma-ni ở sau lưng chúng ta. Ít lâu sau, chúng ta được biết đúng là họ đã tiến hành một số mưu toan đó.

Cũng có nhiều khó khăn trong việc phối hợp hành động của các Lực lượng vũ trang Liên Xô. Nhìn vào bản đồ, chúng ta ai cũng thấy rõ là bộ đội Liên Xô phải hành động đồng thời ở phía Nam nhằm giải phóng Bun-ga-ri và Nam Tư, và ở phía Tây nhằm tiêu diệt quân phát-xít Đức ở Hung-ga-ri, Áo và Tiệp Khắc. Như vậy là các lực lượng chúng ta sẽ bị phân tán, thêm nữa là bộ đội ta phải chiến đấu trên một chính diện rất rộng trong điều kiện địa hình rất không thuận tiện cho bên tiến công, vì núi sông và nhiều vùng dân cư có lợi cho việc tổ chức phòng ngự của địch.

Đi đôi với việc chuẩn bị các mặt quân sự, chính trị, tinh thần cho Hồng quân làm nhiệm vụ giải phóng trên lãnh thổ các nước chư hầu của nước Đức Hít-le, chúng ta còn vận dụng cả những hoạt động ngoại giao làm rung chuyển nền tảng của khối liên minh Hít-le.

Ví dụ như, ngày 13 tháng Năm 1944, các chính phủ Liên Xô, Anh và Mỹ đã ra những bản tuyên bố gửi cho các nước Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri và Phần Lan, lên án chính sách hiện nay của chính phủ các nước đó là đã củng cố thêm cho bộ máy chiến tranh của nước Đức. Đồng thời cũng vạch rõ: các nước này có thể rút ngắn thời hạn chiến tranh ở châu Âu, giảm bớt những tổn thất của mình và góp phần thắng lợi với các nước đồng minh.

Muốn vậy, họ phải rút khỏi chiến tranh, đình chỉ ngay việc hợp tác với nước Đức có hại cho chính họ và dùng mọi phương tiện hiện có chống lại bọn Hít-le. Các nước chư hầu đều được cảnh cáo trước rằng, họ cần quyết định ngay là họ sẽ ngoan cố bám giữ lấy chính sách vô hy vọng và nguy hại hiện nay của họ hay sẽ đóng góp vào thắng lợi chung với các nước đồng minh.

và do đó sẽ tránh khỏi trách nhiệm liên lụy chiến tranh cùng với bọn Hít-le. Hành động ấy của các nước đồng minh đã thu được kết quả chính trị to lớn, nó đã củng cố thêm một bước quan trọng cho vị trí của các lực lượng kháng chiến.

Chúng ta đã nói ở phần trên là các đồng chí tư lệnh các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 ngay từ hồi tháng Năm 1944 đã nhận nhiệm vụ chuẩn bị cho chiến dịch. Công tác chuẩn bị kéo dài vì thời hạn mở chiến dịch bị hoãn và lực lượng các phương diện quân có sự thay đổi.

Trước lúc diễn ra các sự kiện quyết định, có những thay đổi về nhân sự trong thành phần các cán bộ lãnh đạo của các phương diện quân như sau: R. I-a. Ma-li-nốp-xki chuyển sang phương diện quân U-crai-na 2, Ph. I. Tôn-bu-khin thay Ma-li-nốp-xki làm tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3, I. X. Cô-nép được cử làm tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1, còn Gh. C. Giu-cốp trở về với cương vị Phó tổng tư lệnh tối cao của mình, ít lâu sau lại được cử làm đại diện Đại bản doanh ở các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 2.

Chúng ta cần nói rằng sự thay đổi nhân sự đó là rất cần thiết; ví dụ, R. I-a. Ma-li-nốp-xki và M. V. Da-kha-rốp, tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 2, hồi đầu chiến tranh đã chiến đấu tại khu vực này và thông hiểu tường tận các khu vực đó.

Đến đầu tháng Bảy, chúng ta tiến hành xong việc rút một số đơn vị trong biên chế của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 để sử dụng tại Bê-lô-ru-xi-a và trên các hướng khác. Đại bản doanh buộc phải rút tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 trong biên chế của phương diện quân U-crai-na 2 sang phối thuộc cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 của Tséc-ni-a-khốp-xki và điều tập đoàn quân xe tăng 2 sang cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 của C. C. Rô-cô-xốp-xki.

Phương diện quân U-crai-na 1 được tăng cường thêm tập đoàn quân cận vệ 5 trong thời gian chuẩn bị chiến dịch Lơ-vôp. Đại bản doanh lấy ở phương diện quân U-crai-na 3 tập đoàn quân cận vệ 8 và một số đơn vị đặc chủng để tăng cường cho cánh trái phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1.

Thời gian ấy, hướng Tây là hướng chủ yếu quyết định thắng lợi của chiến cục nên Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô kiên quyết giảm bớt lực lượng của các phương diện quân miền Nam. Các đồng chí cho rằng kết quả các chiến dịch ở Bê-lô-ru-xi-a và trên hướng Lơ-vôp sẽ cho phép giải quyết được các vấn đề nảy sinh ra sau này trên các hướng khác. Lúc này, chúng ta đã quyết định tương đối chính xác có thể sử dụng các lực lượng nào của Ma-li-nốp-xki và Tôn-bu-khin tiến công ở Tây - Nam.

Thời gian thực hiện kế hoạch chung của chiến cục đến gần. Do đó, Bộ tổng tham mưu chỉ thị cho các bộ tham mưu phương diện quân chuẩn bị các dự kiến về chiến dịch tiến công ở khu vực I-át-xư - Ki-si-ni-ốp, nhằm tiêu diệt Cụm tập đoàn quân phát-xít Đức “nam U-crai-na”.

Hồi ấy, thiếu tướng N. V. Pốt-nhi-cốp phụ trách các sĩ quan theo dõi phương diện quân U-crai-na 2 trong Bộ tổng tham mưu còn thiếu tướng C. Ph. Va-xin-tren-cô phụ trách theo dõi phương diện quân U-crai-na 3. Các đồng chí quan hệ chặt chẽ với các bộ tham mưu phương diện quân và cùng với các bộ tham mưu phương diện quân đặt kế hoạch hành động cho các đơn vị.

Công tác chuẩn bị tiến hành ở phương diện quân U-crai-na 2 được thuận lợi hơn cả. Bộ tư lệnh phương diện quân và Bộ tổng tham mưu nhanh chóng thống nhất ý kiến với nhau về ý định chiến dịch và hướng đột kích chủ yếu như sau: bộ đội của phương diện quân sẽ cắt các lực lượng chủ yếu của địch ở khu vực Un-ghe-nư, I-át-xư, Ki-si-ni-ốp ra khỏi các đường giao thông xuống phía Tây và phía Nam, hiệp đồng với đơn vị bạn ở bên trái là phương diện quân U-crai-na 3 hợp vây chúng. Do đó, mũi đột kích chủ yếu đánh vào hướng Khu-si sẽ cho phép giải quyết được mọi nhiệm vụ đã đề ra. Sau đấy, phương diện quân U-crai-na 2 hiệp đồng với phương diện quân U-crai-na 3 tiêu diệt hoàn toàn Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na” của địch.

Còn nói về nhiệm vụ và phương pháp hành động của phương diện quân U-crai-na 3 thì chúng ta có những ý kiến khác nhau. Hội đồng quân sự và bộ tham mưu phương diện quân muốn hợp vây các lực lượng chủ yếu của địch nên đòi mở mũi đột kích chủ yếu của phương diện quân vào hướng Khu-si từ căn cứ bàn đạp Ki-xcan-xki đã chiếm được ở hữu ngạn sông Đne-xtr-rơ phía Nam Ti-ra-xpôn, vì các đơn vị tiến công ở đây không bị vướng các sông ngòi lớn và các chướng ngại tự nhiên khác.

Bộ tổng tham mưu hiểu rõ điều đó nhưng lại cho rằng: nếu tiến công từ căn cứ bàn đạp, chúng ta sẽ không giành được yếu tố bất ngờ, nên đột phá sẽ gặp khó khăn vì quân địch đã chò sẵn chúng ta chính tại đây và đã chuẩn bị đối phó lại. Bộ tổng tham mưu đề nghị mở mũi đột kích chủ yếu trên hướng Ki-si-ni-ốp: chúng ta sẽ giành được yếu tố bất ngờ tại hướng ấy dễ hơn dù có phải vượt sông Đne-xtr-rơ, vì chúng ta đã có đủ các lực lượng và phương tiện. Và, nếu chúng ta giành được yếu tố bất ngờ thì vượt sông và đột phá tại đây, theo ý kiến chúng tôi, cũng vẫn dễ dàng hơn mọi nơi khác.

Công tác chuẩn bị các kế hoạch chiến dịch trong nửa cuối tháng Bảy được tiến hành rất khẩn trương và được phối hợp rất chặt chẽ. Chúng tôi đã nghiên cứu tỉ mỉ các lý lẽ của hai bên, song trong khi đang làm việc, chúng tôi còn nhận được của trình sát nhưng tin tức mới cho phép chúng tôi rút ra kết luận rằng, địch không dự kiến nổi mũi đột kích chủ yếu của chúng ta đánh từ căn cứ bàn đạp Ki-xcan-xki, mà chúng tính toán cho rằng ta sẽ đột kích chủ yếu ở khu vực Ki-si-ni-ốp. Đó là một kết luận quan trọng. Đến đây, Bộ tổng tham mưu rút lui các ý kiến của mình. Chúng tôi đồng ý với ý kiến của bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 là cần hành động từ căn cứ bàn đạp Ki-xcan-xki.

Trong khi ấy, trên các mặt trận lại xảy ra các sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với quá trình chiến tranh. Các tin tức thắng trận từ hướng Tây - từ các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, 2, 1 và từ phương diện quân U-crai-na 1 - gửi về làm nức lòng nhân dân Liên Xô.

Ở phần trên, chúng ta nói rằng các đơn vị của chúng ta đã làm cho Cụm tập đoàn quân “trung tâm” của địch bị thiệt hại nặng và đang lao nhanh tới các biên giới phía Tây của Liên Xô; trên một số khu vực, quân ta đã qua biên giới và chiếm được các căn cứ bàn đạp ở phía Tây sông Vi-xla. Phương diện quân U-crai-na 1 của I. X. Cô-nép lúc này tiến công rất mạnh, đã vượt sông Vi-xla thắng lợi tại Xan-đô-mi-a và tiếp tục phát huy chiến quả.

Đã đến lúc cũng phải bàn tới các kế hoạch hành động ở hướng Tây - Nam. Ngày 31 tháng Bảy, tại Đại bản doanh đã tiến hành một hội nghị đặc biệt nhằm xem xét các vấn đề đề chuẩn bị cho bộ đội ta mở chiến dịch I-át-xư - Ki-si-ni-ốp. Được mời về dự hội nghị có nguyên soái X.

C. Ti-mô-sen-cô, bấy giờ đang là đại diện Đại bản doanh ở các phương diện quân U-crai-na 2 và 3, tư lệnh các phương diện quân đó cùng các ủy viên Hội đồng quân sự I. D. Xu-xai-cốp và A. X. Giên-tốp.

Hội nghị chú ý tới ý nghĩa đặc biệt của chiến dịch I-át-xư Ki-si-ni-ốp đối với sự phát triển tiếp sau của các sự kiện quân sự-chính trị ở Ru-ma-ni. Các lực lượng vũ trang Liên Xô sẽ giáng một đòn cực mạnh tiêu diệt các lực lượng chủ yếu của địch và do đó sẽ phá vỡ được thành trì vững chắc của chế độ độc tài phát-xít ở Ru-ma-ni.

Đến đây, chúng ta cũng cần nói tới cái “độc đáo” của kế hoạch chiến dịch I-át-xư-Ki-si-ni-ốp. Vấn đề là ở chỗ bộ chỉ huy phát-xít Đức đặc biệt chú ý tới hướng Ki-si-ni-ốp và cho rằng bộ đội ta sẽ mở mũi đột kích chủ yếu trên hướng này. Do đó, chúng đã tập trung tại đây các lực lượng chủ yếu của các sư đoàn thiện chiến nhất của Đức. Chúng bố trí dày đặc trong vùng chiến thuật nhằm bẻ gãy mũi đột kích mạnh nhất của ta ngay trong tung thâm gần nhất. Chúng còn dự tính, khi cần thiết sẽ rút quân về các trận địa đã được chuẩn bị trong tung thâm phòng ngự. Ngoài ra, để chống đỡ lại các mũi đột kích của Hồng quân, trên hướng này chúng còn bố trí cả các lực lượng dự bị chủ yếu của chúng, tất nhiên là không mạnh lắm, gồm 2 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn xe tăng.

Các đơn vị Ru-ma-ni, được trang bị, huấn luyện và cung cấp kém hơn bọn Đức, phòng ngự ở hai bên sườn tập đoàn Ki-si-ni-ốp của địch. Theo tin tức trinh sát cho biết, tinh thần chiến đấu của chúng không cao lắm, nhiều binh lính, thậm chí cả những phân đội có tư tưởng chống đối bọn Đức. Vậy là đã tạo nên một hình thái: khâu yếu nhất trong phòng ngự của địch là hai bên sườn tập đoàn Ki-si-ni-ốp của chúng.

Đại bản doanh đi tới kết luận trong phiên họp rằng, phương án hành động tốt nhất trong trường hợp này là hợp vây và tiêu diệt trong một thời gian ngắn các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na” của địch ở vùng Ki-si-ni-ốp. Thế hợp vây của bộ đội ta lúc này cho phép đột phá vào phòng ngự quân địch ở hai bên sườn mỏng yếu của chúng, rồi sau đó tiến thẳng tới khu vực Khu-si, Va-xlui. Cô-mơ-rát, thọc sâu vào phía sau tập đoàn chủ yếu của quân Đức hợp vây và tiêu diệt chúng.

Nhiệm vụ chiến dịch-chiến lược của bộ đội Liên Xô là không đánh chiếm thủ đô của Ru-ma-ni, mà hợp vây và tiêu diệt quân Đức ở khu vực Ki-si-ni-ốp. Sau khi đánh tan quân địch, chúng ta sẽ tạo nên những điều kiện thuận lợi để đưa các phương diện quân nhanh chóng thọc sâu vào lãnh thổ Ru-ma-ni và giải quyết các nhiệm vụ tiếp sau, trong đó có nhiệm vụ đánh chiếm Bu-ca-rét và các trung tâm kinh tế, chính trị khác.

Trong trường hợp này, bộ đội ta sẽ tiến công vượt qua “cửa ngõ Phôn-sa-nư”, tức là sẽ tiến công trên một địa hình thuận lợi nhất. Sau đó, bộ đội ta sẽ tiến công trên một chính diện rộng tới Đa-nuýp và biên giới phía Đông Hung-ga-ri, tới tuyến phía Bắc Nam Tư và Bun-ga-ri. Chúng tôi hy vọng kết quả những trận đánh nói trên sẽ làm cho Ru-ma-ni sớm rút ra khỏi cuộc chiến tranh mà họ đứng về phía nước Đức.

Chúng ta đặc biệt chú ý tới những khó khăn, ví dụ: bộ đội Liên Xô liệu có kịp đánh trước, chặn không cho quân địch kịp rút hay không? Tính lô-gích của sự vật nói lên rằng, nếu bọn Phrít-xne phát giác được các ý định của ta, chúng có thể cho các lực lượng chủ yếu của chúng rút về phía sau, tránh mũi đột kích của ta và tổ chức phòng ngự trên tuyến mới. Vậy đến lúc

nào thì địch mới có thể nhận ra là bộ đội ta đang chuẩn bị mũi đột kích ấy?

Theo kinh nghiệm chiến tranh, chúng tôi cho rằng chỉ sang ngày thứ hai của chiến dịch, bộ chỉ huy Hít-le mới có thể phát hiện nổi ý định của chúng ta. Điều này rất quan trọng, vì muốn tránh khỏi bị hợp vây, quân địch chỉ phải vượt qua chặng đường có 60-80 ki-lô-mét khi rút về bến vượt sông Rút ở khu vực Khu-si.

Còn các đơn vị đang tiến công của ta muốn chặn đường rút lui của địch thì trước khi đến bến vượt đó lại phải vượt qua một chặng đường dài hơn, khoảng 100 ki-lô-mét. Vì vậy, nếu để bộ chỉ huy Hít-le kịp rút quân của chúng về trước thì kế hoạch hợp vây của chúng ta coi như bị phá sản và yêu cầu phải tiến hành một chiến dịch mới.

Do đó, điều kiện tiên quyết thắng lợi của chúng ta là phải giành bằng được tính bất ngờ và tốc độ tiến công nhanh. Chúng ta phải tiến công trong hành tiến, trong một thời hạn thật ngắn phải chiếm kỳ được các tuyến địa hình có lợi như dãy núi Ma-re, dải cứ điểm phòng ngự thứ hai của địch, không cho địch trụ lại tại đây và tiêu diệt các lực lượng dự bị của chúng mới điều ở tung thâm lên. Ngoài ra, chúng ta phải chiếm bằng được bến vượt qua sông Rút trước khi địch lợi dụng bến vượt đó để rút lui. Tính toán như vậy, chúng ta thấy bộ đội ta phải tiến công với tốc độ trên 25 ki-lô-mét trong một ngày đêm!

Từ đó, đề ra vấn đề yêu cầu bộ đội ta phải hành động có tổ chức: bộ binh phải đột phá nhanh, còn xe tăng phải phát triển đột phá mạnh vào tung thâm và vọt nhanh tới bến vượt qua sông Rút. Vì vậy, chúng ta phải giữ gìn các đơn vị xe tăng, tạo thành một quả đấm tập trung, không được sử dụng phân tán trong quá trình chiến dịch và sau khi chọc thủng phòng ngự địch, các đơn vị xe tăng phải tiến vào chiến đấu ngay. Trong quá trình chiến dịch, chúng ta phải bố trí chiến dịch có chiều sâu để có thể tăng cường được liên tục sức mạnh đột phá.

Đại bản doanh họp, đã thông qua cả quyết định về so sánh lực lượng. Ví dụ, phương diện quân U-crai-na 3 không chiếm ưu thế về lực lượng hơn địch bao nhiêu, về người là 1,2:1, về pháo dã chiến các cỡ - 1,3:1, về xe tăng và pháo tự hành - 1,4: 1, súng máy - 1:1, súng cối - 1,9:1, máy bay - 3:1, với mối tương quan như thế, rõ ràng chúng ta phải bù đắp bằng cách sử dụng lực lượng tập trung trên hướng đột kích chủ yếu.

Đại bản doanh đã quyết định rút bớt lực lượng trên khắp các khu vực thứ yếu ngoài mặt trận để giải quyết vấn đề này. Do đó mặt trận sẽ có hình thái kỳ lạ như sau: so sánh lực lượng của ta trên hướng đột kích chủ yếu về người là 6:1; pháo dã chiến các cỡ - 5,5:1; xe tăng - 5,4:1; súng máy - 4,3:1; súng cối - 6,7:1; máy bay - 3:1. Ưu thế lực, lượng như vậy đủ để đột phá phòng ngự địch và phát huy thắng lợi. Những vấn đề khác còn lại tùy thuộc vào nghệ thuật của bộ tư lệnh, bản lĩnh và lòng quả cảm của bộ đội.

Trong cuộc họp này của Đại bản doanh, Tổng tư lệnh tối cao còn nêu lại một lần nữa ý nghĩa quân sự và chính trị của chiến dịch. Như chúng tôi được biết, thì Tổng tư lệnh tối cao đã chỉ ra cho đồng chí tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 ý nghĩa chính trị của vấn đề ngay trong giai đoạn đầu khởi thảo kế hoạch chiến dịch. Còn lúc này Xta-lin lại nhấn mạnh thêm nữa khi đề cập đến mật độ pháo binh của phương diện quân của R. I-a. Ma-li-nốp-xki.

Đến khi đồng chí tư lệnh báo cáo là trong suốt 22 ki-lô-mét chính diện đột phá, có thể tập trung trên mỗi ki-lô-mét 220 khẩu pháo cỡ trên 76 ly, tức là tạo nên một mật độ pháo binh rất cao, thì I. V. Xta-lin nhận xét là ngay cả như vậy cùng vẫn còn ít, cần tăng thêm nữa. Thế nhưng,

nguồn pháo binh để tạo nên mật độ cao hơn nữa ở khu vực này không đủ, nên các đồng chí đề nghị thu hẹp khu vực đột phá còn 16 ki-lô-mét, như vậy có thể bố trí mật độ pháo binh trên một ki-lô-mét là 240 khẩu và hơn một ít.

Mật độ pháo binh cao như vậy là một trong những điều bảo đảm chắc chắn sẽ đánh bại quân địch, nhanh chóng bẻ gãy tuyến phòng ngự của chúng và phát triển thắng lợi vào tung thâm, đến các bến vượt trên sông Prút và trên hướng Phốc-sa-nư. Mũi đột kích cực mạnh như vậy vào phòng ngự của quân đồng minh với Hít-le, theo ý kiến của I. V. Xta-lin, phải làm chấn động tới chính sách của chính phủ vương quốc Ru-ma-ni, buộc Ru-ma-ni phải rút khỏi chiến tranh.

Tham dự chiến dịch của phương diện quân U-crai-na 3 còn có cả Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội Đa-nuýp là những đơn vị mới lấy lại được những căn cứ vồn có từ lâu của mình. Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội Đa-nuýp hoạt động dọc theo bờ biển, ở vũng cửa sông Đne-xtơ-rơ và sông Đa-nuýp, nhằm đánh chiếm các căn cứ và các hải cảng của địch, cho quân ta đổ bộ vào phía sau tuyến phòng ngự địch và chi viện cho tiến công. Hoạt động ấy sẽ là một nhân tố hết sức quan trọng đối với thắng lợi chung.

Được sự giúp đỡ của đồng chí đại diện Đại bản doanh, tư lệnh phương diện quân sớm thông nhất kế hoạch với đô đốc Ph. X. Ốc-chi-áp-rơ-xki, tư lệnh hạm đội, và phó đô đốc X. G. Goóc-scốp, tư lệnh Chi hạm đội (nay là Đô đốc Hải quân Liên Xô, Tổng tư lệnh Hải quân). Các đồng chí làm việc ăn ý với nhau. Ta cũng phải nói đến tướng I. T. Slê-min. tư lệnh tập đoàn quân 46 là tập đoàn quân sẽ hiệp đồng với Chi hạm đội Đa-nuýp để vượt qua vũng cửa sông Đne-xtơ-rơ.

Sau cuộc họp của Đại bản doanh, kế hoạch của các phương diện quân được bổ sung thêm một số điểm. Thực chất kế hoạch của phương diện quân U-crai-na 2 là như sau:

“Mục đích chiến dịch là tiêu diệt địch trên hướng I-át-xư và cùng với phương diện quân U-crai-na 3 hợp vây và tiêu diệt các sư đoàn Đức trong cụm quân Ki-si-ni-ốp của chúng. Sau năm ngày tiến công: phương diện quân sẽ tiến ra tuyến Ba-kê-u, Đe-le-ni, Khu-si, tiếp sau sẽ phát triển đột kích tới Phốc-sa-nư nhằm chiếm các vùng dầu mỏ ở Ru-ma-ni.

Quyết tâm: căn cứ vào tính chất phòng ngự của địch thì khu vực đột phá hợp lý hơn cả là Pô-đu - I-lô-ây, I-át-xư, ở đây không có các công trình cố thủ. Các tập đoàn quân 27, 52, tập đoàn quân xe tăng 6 và quân đoàn xe tăng 18 được dùng làm lực lượng đột kích chủ yếu sẽ từ chính diện (chiều rộng là 16 ki-lô-mét) đi vòng qua I-át-xư tiến công vào Khu-si từ phía Tây – Nam”.

Tập đoàn quân không quân 5 lúc ấy do tướng X. C. Gô-ri-u-nốp chỉ huy sẽ bảo đảm cho lực lượng chủ yếu hoạt động. Các mũi đột kích thứ yếu sẽ đánh vào ba hướng ở bên phải và bên trái tập đoàn xung kích chủ yếu của phương diện quân, mỗi mũi là một tập đoàn quân binh chủng hợp thành.

Đội dự bị của phương diện quân rất lớn, trong đó có tập đoàn quân 53, được quy định sẽ hành động trong dải tiến công, thành phần gồm các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 52. quân đoàn kỵ binh cận vệ 5, quân đoàn xe tăng 23, quân đoàn bộ binh cận vệ 57 và 27. Thành phần đội dự bị lớn như vậy là do yêu cầu nhiệm vụ cần phát huy thắng lợi trong tung thâm, đồng thời còn chú ý tới vị trí chủ đạo của phương diện quân trong chiến dịch có tính chất chiến lược này.

Thượng tướng X. G. Tơ-rô-phi-men-cô chỉ huy tập đoàn quân 27, trung tướng C. A. Cô-rô-tê-

ép chỉ huy tập đoàn quân 52, trung tướng xe tăng A. G. Cráp-tsen-cô chỉ huy tập đoàn quân xe tăng 6, thiếu tướng xe tăng V. I. Pô-lô-dơ-cốp chỉ huy quân đoàn xe tăng 18.

Ý định chiến dịch của phương diện quân U-crai-na 3, như hồi đó chúng tôi ghi trong báo cáo hoạt động chiến đấu của bộ đội Ph. I. Tôn-bu-khin, nhằm “đột phá phòng ngự bên sườn phải tập đoàn Ki-si-ni-ốp của địch (chủ yếu là diệt các đơn vị quân Ru-ma-ni) và dựa vào hành động của các đơn vị cơ động, phương diện quân sẽ nhanh chóng phát huy thắng lợi vào hướng chung tới Cô-mơ-rát, sau đó sẽ quặt sang Tây - Bắc vào khu vực Le-u-se-ni, Lô-pu-sna. Ne-grư, liên lạc với bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2 cùng nhau hợp vây và tiêu diệt tập đoàn Ki-si-ni-ốp của địch. Đồng thời, sẽ sử dụng tập đoàn quân 46 hợp vây và tiêu diệt tập đoàn Ác-ke-man của địch”.

Lực lượng chủ yếu của phương diện quân gồm có tập đoàn quân 37 của tướng M. N. Sa-rô-khin và một bộ phận lực lượng của các tập đoàn quân 57 và 46 của các tướng N. A. Ga-ghen và I. T. Slê-min. Các quân đoàn cơ giới cận vệ 7 và 4 được sử dụng để phát triển thắng lợi. Tập đoàn quân không quân 17 do tướng V. A. Xu-đết chỉ huy sẽ hoạt động trên hướng đột kích chủ yếu.

Trong biên chế của phương diện quân U-crai-na 3 có tất cả 5 tập đoàn quân, nên Ph. I. Tôn-bu-khin không thể dành ra một lực lượng dự bị lớn, chỉ để quân đoàn bộ binh cận vệ 10 làm lực lượng dự bị. Vậy là ý định và quyết tâm của các tư lệnh phương diện quân nổi lên đặc điểm sử dụng tập trung các đơn vị trên hướng đột kích chủ yếu và bảo đảm tốt cho các mũi đột kích ấy. Các đồng chí đã tập trung ở đây trung bình hơn 240 khu pháo và súng cối cỡ 76 ly và hơn 30-50 xe tăng trên một ki-lô-mét chính diện đột phá.

Ngày 2 tháng Tám, hồi 23 giờ, Đại bản doanh ký lệnh cho hai phương diện quân U-crai-na 2 và 3 chuẩn bị và tiến hành chiến dịch tiêu diệt địch ở khu vực I-át-xư, Ki-si-ni-ốp, Bên-đê-rư.

Nhận được lệnh của Đại bản doanh, các phương diện quân đã triển khai chuẩn bị thêm nhiều nữa cho chiến dịch. Các đơn vị được điều động bố trí lại, thực hành các công tác chuẩn bị chiến đấu cần thiết. Những việc làm ấy thật không dễ dàng, nhất là lại căn cứ bàn đạp nhỏ, trống trải của các đơn vị của Ph. I. Tôn-bu-khin.

Theo chỉ thị của Đại bản doanh, các đơn vị đã tiến hành các biện pháp nghi binh chiến dịch, buộc quân địch mạnh và có kinh nghiệm chỉ chờ đón cuộc tiến công của ta tại khu vực Ki-si-ni-ốp mà thôi. Và, chúng ta đã lừa được chúng, tên Phrít-xne xảo quyệt cũng đã phải tin rằng quân đội Liên Xô chỉ có thể tiến công chúng trong khu vực này. Chúng ta còn buộc địch lầm lẫn cả trong dự kiến về quy mô các chiến dịch của ta.

Song, đánh lừa được địch như vậy quả không phải chuyện dễ. Ví dụ, tập đoàn quân xung kích 5 của tướng N. E. Béc-da-rin đã làm giả việc chuẩn bị tổ chức tiến công ở khu vực Séc-pe-ni, dành riêng một số đơn vị để dùng các phương tiện vô tuyến đánh lừa địch là chúng ta đang tập trung một tập đoàn quân mới gồm một số quân đoàn và đơn vị xe tăng dành cho phương diện quân U-crai-na 3; các tập đoàn quân cận vệ 40 và 7 bên cánh phải của phương diện quân U-crai-na 2 cũng giả vờ tập trung các đơn vị trong các dải tiến công của mình.

Các đoàn xe vận động nghi binh kéo theo các rơ-môóc chở các thiết bị tự tạo gây nên những đám bụi lớn cuốn theo trên dọc đường. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 và quân đoàn cơ giới 7 nhất thiết phải để lại các xe tăng giả và pháo giả ở khu vực bố trí cũ của mình trước khi được điều động sang khu vực khác, nhằm tạo nên ấn tượng không có gì thay đổi ở đây

Các đơn vị đã bảo đảm thời hạn chuẩn bị hành động đúng như đã định. Ngày 19 tháng Tám, cả hai phương diện quân tiến hành trinh sát chiến đấu kiểm tra trên một khu vực rộng đều xác nhận rằng không cần phải bổ sung gì thêm vào kế hoạch chiến dịch sắp tới.

Quân địch tỏ ra lo lắng khi thấy ta tiến hành trinh sát chiến đấu. Nhận được tin trên, tướng Phrit-xne đã triệu tập cuộc họp gồm các tư lệnh tập đoàn quân 6, 8 và tư lệnh tập đoàn không quân 4 vào cuối ngày hôm ấy. Các viên tư lệnh Ru-ma-ni không được mời họp. Theo ý kiến chung của các viên tướng Hít-le, sang ngày hôm sau chắc thế nào cũng sẽ có cuộc tiến công lớn của bộ đội Liên Xô, và quả chúng đã không lầm.

Thế nhưng, dù có vội và điều động bố trí lại để củng cố phòng ngự trên các hướng bị uy hiếp, chúng cũng không sao cứu vãn nổi tình thế khỏi bị thất bại. Những tên chỉ huy phát-xít Đức hiểu rõ tình hình, nên ngay tối hôm ấy, “đề phòng khi bất trắc xảy ra” (như sau này chính tên tư lệnh đã viết lại) chúng đã xem xét lại kế hoạch rút lui của Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na”.

Trong khi bộ tham mưu của Phrit-xne đang tiến hành cuộc họp căng thẳng, thì Nguyên soái Liên Xô X. C. Ti-mô-sen-cô, đại diện của Đại bản doanh, R. I-a. Ma-li-nốp-xki và nguyên soái không quân X. A. Khu-đi-a-cốp ở các đơn vị đã cùng với các cán bộ tác chiến có mặt tại đài quan sát của phương diện quân U-crai-na 2 trên điểm cao đánh dấu 195 trên bản đồ. Rồi Ph. I. Tôn-bu-khin, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3, cùng với các cán bộ tác chiến của mình cùng đã tới đài quan sát của phương diện quân.

Ngày 20 tháng Tám, hồi 6 giờ 10 phút, phương diện quân U-crai-na 2 và hồi 8 giờ, phương diện quân U-crai-na 3 bắt đầu cho pháo bắn chuẩn bị. Hàng nghìn cỗ pháo gầm lên, mở toang cửa tiến vào tuyến phòng ngự của địch. Đạn pháo hất tung các trận địa địch. Chiến dịch I-át-xư - Ki-si-ni-ốp bắt đầu.

Chúng ta đều biết những hành động chiến đấu của các đơn vị trong chiến dịch này, nên tôi không kể lại chi tiết thêm mà chỉ muốn nói rõ một điều: chiến dịch thu được thắng lợi lớn, nêu lên nhiều tầm gương dũng cảm vô song, khí phách anh hùng và lòng quả cảm của các chiến sĩ xô-viết.

Mũi đột kích của các binh đoàn bộ binh tiến công rất mạnh nên đến trưa các đơn vị của tập đoàn quân 27 của X. G. Tơ-rô-phi-men-cô đã phá vỡ vùng phòng ngự chiến thuật của địch sâu tới 16 ki-lô-mét và tiến công vượt sông Ba-khơ-lui tạo điều kiện đưa tập đoàn quân xe tăng 6 của A. G. Tráp-tsen-cô tiến vào đột phá, mặc dầu theo kế hoạch thì đến ngày thứ hai của chiến dịch mới sử dụng tập đoàn quân xe tăng 6.

Trong dải của tập đoàn quân 52 của C. A. Cô-rô-tê-ép, cuộc tiến công cũng phát triển thắng lợi, đến cuối ngày, bộ đội đã tiến đến các cửa ngõ tiếp cận vào I-át-xư và đánh chiếm thành phố.

Trong dải tiến công của phương diện quân U-crai-na 3, tình hình cũng diễn ra thuận lợi. Phòng ngự của địch trên hướng đột kích chủ yếu bị phá vỡ sâu tới 10-12 ki-lô-mét.

Theo tổng kết hồi đó, trong ngày đầu chiến dịch, bộ đội ta đã tiêu diệt được 6 sư đoàn địch và tiến đến dải phòng ngự thứ ba của chúng, sâu tới 25-40 ki-lô-mét dọc theo dãy núi Ma-re.

Đến đây, bộ đội ta phải tạm dừng vì tập đoàn quân xe tăng 6 không đột phá được phòng ngự địch trong hành tiến.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã đánh giá đúng khí phách anh hùng của các đơn vị và những thắng lợi đã giành được. Song, các kết quả ngày đầu tác chiến trong tình huống đó, theo ý kiến chúng tôi, có thể còn tốt hơn, đặc biệt là đối với phương diện quân U-crai-na 2. Phương diện quân đã đưa tập đoàn quân xe tăng của A. G. Cráp-tsen-cô bước vào chiến đấu nên rất có thể tăng thêm tốc độ và chiều sâu đột kích.

Vì cuộc tiến công bị kìm lại, nên chúng tôi lo ngại rằng địch sẽ lợi dụng những điều kiện địa hình có lợi, kéo thêm được lực lượng tới khu vực quan trọng nhất và sẽ kìm được chân bộ đội ta ở đây một thời gian lâu. Nếu tình hình xảy ra như vậy, bộ đội ta sẽ không tiến kịp đến các bến vượt sông Prút và không thể hợp vây địch trên đường rút quân của chúng ở hướng Nam.

Đó là nội dung báo cáo của Bộ tổng tham mưu lên Đại bản doanh trong đêm rạng ngày 21 tháng Tám. Hồi đó, Tổng tư lệnh tối cao thấy không cần phải chỉ thị gì thêm cho các tư lệnh phương diện quân, đồng chí cho rằng buổi sáng tất sẽ khôn ngoan hơn buổi chiều. Nhưng đến sáng ngày hôm sau, tập đoàn quân xe tăng 6 cũng vẫn chưa phá vỡ nổi phòng ngự địch, và cả quân đoàn xe tăng 18 tiến công trong dải của tập đoàn quân 52 đánh vu hồi vào I-át-xư cũng chưa chọc thủng được phòng ngự địch.

Sở dĩ như thế trước hết là vì bộ chỉ huy quân địch đã sử dụng lực lượng của 3 sư đoàn, trong đó có sư đoàn xe tăng Ru-ma-ni “nước Đại Ru-ma-ni” được trang bị lại bằng vũ khí Đức, tổ chức phản kích ở các đường tiếp cận vào dải phòng ngự thứ ba. Cả không quân lẫn các phương tiện khác của phương diện quân U-crai-na 2 đều không tài nào ngăn cản được địch thực hiện cuộc phản kích, dù rằng cuộc phản kích rất cuộc đã bị đánh lui; song cuộc phản kích ấy đã khiến cho các đơn vị tiến công của ta bị kìm chân thêm một ngày nữa ở phía trước dãy núi Ma-re.

Phương diện quân của Ph. I. Tôn-bu-khin thu được thắng lợi nhiều hơn, đã bẻ gãy sức kháng cự của cụm tập đoàn quân của tướng Đu-mi-tơ-re-xcu, chủ yếu là tập đoàn quân Ru-ma-ni 3.

Bộ tổng tham mưu rất lo lắng đến tình hình trên hướng đột kích chủ yếu của phương diện quân U’crai-na 2. Trưa ngày 21 tháng Tám, như thường lệ, chúng tôi liên lạc bằng điện thoại với bộ tham mưu các phương diện quân đang tiến công và xác định lại tình hình. Lát nữa, chúng tôi sẽ phải tới điện Crem-li để báo cáo. M. V. Da-kha-rốp, tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 2 đánh giá tình huống có phần lạc quan. Đồng chí cho rằng bộ đội ta sẽ không bị kìm chân ở phía trước dãy núi Ma-re và sắp tiến nhanh được lên phía trước. Đồng chí còn báo cáo: việc chiếm I-át-xư chỉ cần trông đợi từng giờ, và đồng chí đã nói đúng.

Hồi 15 giờ, A. I. An-tô-nốp cùng với tôi có mặt tại văn phòng Tổng tư lệnh tối cao. Chúng tôi báo cáo lần lượt về tình hình các phương diện quân, đến tình hình hướng Tây - Nam thì I. V. Xta-lin chăm chú nghiên cứu bản đồ, xong yêu cầu chúng tôi nhắc các đồng chí tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 và 3 và cả đồng chí đại diện Đại bản doanh về nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội là phải sớm hợp vây được quân địch.

Đồng chí ra lệnh: “...Hiện nay nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 là nhanh chóng phối hợp với nhau khóa vòng vây địch ở khu vực Khu-si, sau đó sẽ khép chặt lại để tiêu diệt hoặc bắt cụm quân địch đóng ở Ki-si-ni-ốp làm tù binh”.

Vì việc đột phá tuyến phòng ngự quân địch ở dãy núi Ma-re dễ cuốn hút các lực lượng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 2 vào truy kích các đơn vị Ru-ma-ni theo hướng Rô-man và Phốc-sa-nư, và của phương diện quân U-crai-na 3 theo hướng Ta-ru-ti-nô và Ga-lát nên Tổng tư lệnh tối cao đã nhấn mạnh: “đại bản doanh yêu cầu phải dùng các lực lượng và phương tiện chủ yếu của cả hai phương diện quân để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu nhất đã quy định, không được phân tán lực lượng để giải quyết các nhiệm vụ khác. Tiêu diệt được cụm quân Ki-si-ni-ốp của địch sẽ mở đường cho chúng ta tiến vào các trung tâm kinh tế và chính trị chủ yếu của Ru-ma-ni.”

Chúng tôi đặc biệt quan tâm tới chỉ thị trên, vì Bộ tổng tham mưu có nhiệm vụ phải kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị của Đại bản doanh.

Sang phần kết luận, I. V. Xla-lin nói: “Khoảng 44 sư đoàn địch, trong đó có 6 sư đoàn đã bị tiêu hao nặng, đang hoạt động đối phó lại hai phương diện quân ta. Các đồng chí có 87 sư đoàn, ngoài ra lại chiếm ưu thế hơn địch về pháo binh, xe tăng và không quân. Vậy thì các đồng chí có mọi khả năng để giải quyết thắng lợi nhiệm vụ đã đề ra và phải giải quyết bằng được nhiệm vụ ấy”.

Nguyên soái Liên Xô X. C. Ti-mô-sen-cô, đại diện của Đại bản doanh, được lệnh phải theo dõi chặt chẽ việc chấp hành chỉ thị trên.

Lúc chúng tôi đang báo cáo tình hình thì nhận được tin tức mới của các phương diện quân điện về. Hồi 15 giờ, quân ta chiếm được I-át-xư - trung tâm phòng ngự mạnh của quân địch. Các đơn vị thuộc tập đoàn quân cận vệ 7 của tướng M. X. Su-mi-lốp ở bên sườn phải tập đoàn quân 27 của tướng X. C. Tơ-rô-phi-men-cô đã quặt sang phía Tây, đánh vu hồi vào cứ điểm Tura-gu - Phru-mốt.

Tập đoàn quân có nhiệm vụ phá vỡ phòng ngự của địch và bảo đảm cho các lực lượng chủ yếu của phương diện quân hoạt động ở hướng Tây. Tập đoàn quân xe tăng 6 và tập đoàn quân 27 thọc sâu vào phòng ngự địch được 49 ki-lô-mét và tiến ra vùng phòng ngự chiến dịch của địch. Lúc này, bộ đội có thể trực tiếp chặn hết các đường rút lui về phía Tây và phía Nam của địch, tiêu diệt các đơn vị đang tìm cách thoát khỏi vòng vây.

Phương diện quân U-crai-na 3 cũng tiến khá sâu lên phía trước. Quân đoàn cơ giới cận vệ 4 của tướng V. I. Giơ-đa-nốp đột phá sâu tới 50 ki-lô-mét. Phương diện quân cắt được tập đoàn quân 3 của Ru-ma-ni ra khỏi tập đoàn quân 6 của Đức.

Chỉ thị của Đại bản doanh đến rất kịp thời cho các phương diện quân tổ chức hành động. Hết ngày 21 tháng Tám, quân địch không thể giữ nổi các trận địa có lợi cho chúng ở dãy núi Ma-re. Trước sức ép của các tập đoàn quân thuộc phương diện quân U-crai-na 2, quân địch bắt đầu rút lui. Bộ đội thuộc phương diện quân của R. I-a. Ma-li-nốp-xki cùng với tập đoàn quân xe tăng 6 và quân đoàn xe tăng 18 đang đi đầu liền rượt theo ngay, liên tục truy kích suốt đêm 22 tháng Tám và cả ngày hôm sau.

Tập đoàn quân cận vệ 4 của I. V. Ga-la-nin chuyển sang tiến công càng làm tăng thêm sức mạnh đột kích của các lực lượng chủ yếu của phương diện quân. Tập đoàn quân hoạt động dọc theo tả ngạn sông Prút bảo đảm mặt phía Đông cho phương diện quân, đồng thời, từ phía Bắc tiến công xuống phía Nam đã chia cắt được dải phòng ngự của cụm quân Ki-si-ni-ốp của địch. Đến cuối ngày, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2 thọc sâu vào phòng ngự địch được 60

ki-lô-mét và mở rộng diện đột phá tới 120 ki-lô-mét.

Các tập đoàn quân của phương diện quân U-crai-na 3 từ phía Đông tiến nhanh tới các bến vượt qua sông Prút. Các đơn vị cơ động bẻ gãy sức kháng cự của các đơn vị Ru-ma-ni và Đức, đến hết ngày 22 tháng Tám đã tiến sâu được 80 ki-lô-mét. vượt qua ba phần tư chặng đường tiến tới mục tiêu của mình. Bên sườn trái, bộ đội của phương diện quân hiệp đồng với Chi hạm đội Đa-nuýp tiến công thắng lợi ở vùng cửa sông Dne-xơ-rơ.

Như vậy, đến ngày 22 tháng Tám, bộ đội ta đã tạo nên một vòng vây rộng, đó cũng là thực chất của kế hoạch chiến dịch do Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô vạch ra, nhằm tiêu diệt Cụm tập đoàn quân phát-xít Đức “nam U crai-na” ở I-át-xư và Ki-si-ni-ốp.

Đêm khuya hôm ấy, Tổng tư lệnh tối cao ký lệnh để ngày hôm sau sẽ tổ chức bắn pháo chào mừng thắng lợi và cho đài phát thanh truyền tin thắng trận ở I-át-xư và Ki-si-ni-ốp ngay hôm ấy. Theo tôi nhớ, trong suốt cuộc chiến tranh, đây là trường hợp duy nhất mà việc công bố lệnh và bắn pháo chào mừng thắng lợi chệch một ngày.

Ngày 23 tháng Tám, tất cả các tập đoàn quân của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 ở trong thế đội một, tiếp tục truy kích địch. Tập đoàn quân xung kích 5 của tướng N. E. Béc-da-rin bước vào chiến đấu cùng thu được thắng lợi. Bộ đội của tập đoàn quân tác chiến trên những hướng độc lập trong một ngày tiến quân được 24-25 ki-lô-mét. Mũi vu hồi đánh vào hai bên sườn tập đoàn quân 6 của Đức cũng phát triển thắng lợi (như đã nói ở trên, tập đoàn quân này là cơ sở cho mặt trận quân Đức ở Ru-ma-ni). Thời gian hợp vây các lực lượng chủ yếu của Phrít-xne đang nhích lại gần, nhưng trong ngày ấy, các tập đoàn quân của ta cùng vẫn chưa xiết chặt được vòng vây.

Các đơn vị phát-xít Đức và Ru-ma-ni âm mưu rút về bên kia sông Prút trên các hướng phía Tây và phía Nam. Những trận đánh quyết liệt diễn ra trên một vòng cung lớn: Va-xlui, Khu-si, Lê-ô-vô. Quyết liệt nhất là những trận đánh ở các khu vực bến vượt qua sông Prút, vì quân địch cũng gắng hết sức để thoát khỏi những chiếc giá treo cổ bọn chúng tại nơi đây.

Sự cố gắng của địch nhằm thoát khỏi diệt vong thật mạnh, thật xảo quyệt. Chưa chịu từ bỏ hy vọng đánh bại Hồng quân, bộ chỉ huy phát-xít Đức vẫn ngoan cố tung thêm nhiều lực lượng xe tăng ra tiến công, nhiều máy bay yểm hộ cho xe tăng, còn trên mặt đất, chúng tăng thêm mật độ bắn của pháo binh. Cá biệt có những nơi địch thọc sâu vào đội hình chiến đấu của các đơn vị phương diện quân U-crai-na 2, tiến vào phía sau bộ đội Liên Xô. Chiến sự diễn ra khắp nơi, nhưng các mũi đột kích của địch rồi cùng bị bẻ gãy hết.

Ngày 24 tháng Tám. các lực lượng chủ yếu của quân đội Hít-le bị hợp vây ở khu vực Đông Khu-si. Trận đánh kéo dài ngày thêm ác liệt: Phrít-xne liều mạng cố rút quân của chúng sang phía Tây. Một số đơn vị vọt được sang bên kia sông Prút, đánh vào phía sau các đơn vị phái đi trước của tập đoàn quân xe tăng 6 và tập đoàn quân 27. Tình hình ở phương diện quân U-crai-na 2 ngày một phức tạp và căng thẳng hơn.

R. I-a. Ma-li-nốp-xki lúc này thật đáng khâm phục. Trước tình huống đó, đồng chí tỏ ra rất bình tĩnh và kiên quyết kịp thời đề ra những giải pháp đúng đắn, vững vàng và tin tưởng chỉ huy hoạt động của các đơn vị đang tiến công. Tài năng chỉ huy của đồng chí lúc này biểu hiện thật xuất sắc, đó là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên chiến thắng lừng lẫy của bộ đội

Liên Xô.

Cơ sở không gì lay chuyển nổi thắng lợi của các phương diện quân của ta là lòng dũng cảm và chủ nghĩa anh hùng của các chiến sĩ Liên Xô. Trong tháng Tám 1944, hơn 18 nghìn chiến sĩ và sĩ quan đã được tặng thưởng huân chương và huy chương vì đã có thành tích chiến đấu xuất sắc ở I-át-xư và Ki-si-ni-ốp, Va-xlui và Khu-si. Nhiều đồng chí được phong danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Lòng dũng cảm và thắng lợi mà các đồng chí đã giành được là sự đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung tiêu diệt quân thù.

Trong quá trình diễn ra những trận đánh ngăn ngủi nhưng ác liệt ta đã hoàn toàn lấp kín được tất cả những chỗ quân địch đã chọc thủng. Cuối tháng Tám, phương diện quân U-crai-na 2 hiệp đồng với phương diện quân U-crai-na 3 đã kết liễu các lực lượng chủ yếu của quân địch bị hợp vây tại đây, 18 sư đoàn Đức trong số 25 sư đoàn thuộc biên chế của Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na” đã bị tiêu diệt.

Khó mà đánh giá hết ý nghĩa thắng lợi của chúng ta trong chiến dịch I-át-xư - Ki-si-ni-ốp. Các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na” bị tiêu diệt đã đem lại những kết quả quan trọng về quân sự và chính trị. Bộ đội Liên Xô mở toang cửa tiến sâu vào Ru-ma-ni, ra biên giới Bun-ga-ri, và sau đó tới cả Nam Tư. Các nhiệm vụ chiến lược sau này đều phải giải quyết tại đây.

Chiến dịch I-át-xư-Ki-si-ni-ốp tạo nên tình huống quân sự-chính trị thuận lợi để thủ tiêu chế độ độc tài của I. An-tô-ne-xcu, vì đã tiêu diệt được lực lượng quân sự của nó, mà đại biểu là các đội quân Ru-ma-ni theo bọn Hít-le và trung thành với chính phủ. Đảng cộng sản Ru-ma-ni lợi dụng các điều kiện đó đã phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Ru-ma-ni, quyết định tương lai xã hội chủ nghĩa của đất nước mình.

Trong lúc số phận các đơn vị phát-xít đã được quyết định sẵn và việc hợp vây cụm quân Ki-si-ni-ốp của địch đã trở thành hiện thực thì ở phía bên kia trận tuyến, đã xảy ra những sự kiện độc đáo và quan trọng đối với vận mệnh của đất nước Ru-ma-ni.

Rạng ngày 22 tháng Tám, trong cung vua Mi-khai có cuộc họp thường kỳ. Buổi họp hôm đó được triệu tập bí mật, không cho luôn An-tô-ne-xcu, kẻ đang cầm đầu chế độ độc tài phát-xít và chính phủ, biết. Nhà vua trẻ, các nhân vật thân cận trong hoàng gia và đại biểu của các đảng trong khối dân tộc-dân chủ: Đảng cộng sản, Đảng xã hội-dân chủ, Đảng dân tộc-nông dân và Đảng dân tộc-tự do.

Do kết quả các mặt hoạt động chuẩn bị công phu của các đảng viên cộng sản, nên đã lập ra được liên minh chống Hít-le với nhiều thành phần khác nhau như đã nói ở trên. Công tác chuẩn bị đó đã tiến hành một cách thận trọng và kiên nhẫn. Chỗ đứng của các đảng viên cộng sản dần dần được củng cố, và ngày 20 tháng Sáu 1944 đã thành lập ra khối chống phát-xít.

Đứng trước thắng lợi của Hồng quân, nhà vua đã phải bắt liên lạc với khối dân tộc-dân chủ. Tuy nhiên, ta cần nhận rõ là nhà vua liên lạc với khối dân tộc-dân chủ không phải vì ông ta quan tâm đến lợi ích của nhân dân Ru-ma-ni mà chính là để theo đuổi các mục đích của mình. Nhà vua cảm thấy ngôi vua đang lung lay, nên cần tìm phương kế bảo vệ lấy địa vị của ông ta.

Lúc này là thời cơ thuận tiện để lật đổ chế độ I. An-tô-ne-xcu. Đại biểu của các đảng đã hội

hợp với nhau để thảo luận tình hình quân sự-chính trị và quyết định các biện pháp thực tiễn thủ tiêu chính phủ phát-xít trung thành với Hít-le.

Trong cuộc hội nghị này, lực lượng của các đảng viên cộng sản không cân bằng với các đảng phái khác, mà còn chiếm được lợi thế hơn. Đó là do trong nước đã có nhiều chuyển biến to lớn về mặt chính trị khi quân đội của khối liên minh Hít-le bị thất bại trên chiến trường xô-viết. Nước Ru-ma-ni đặc biệt ngấm đòn thất bại, phải chịu nhiều gánh nặng chiến tranh, bị thiệt hại nhiều người, nhiều của.

Mâu thuẫn giữa những người lao động, mà đại biểu quyền lợi cho họ là Đảng cộng sản Ru-ma-ni, với chế độ phát-xít và bọn chiếm đóng Hít-le đã lên tới đỉnh cao. Những mâu thuẫn ấy còn nổi rõ ở các mối quan hệ bên trong các giai cấp thống trị và các giới cầm quyền. Bọn chúng tựa như những con nhện đứng trong hộp kín đang đấu đá nhau để ngoi ra chiếm lấy chỗ có ánh sáng mặt trời. Cuộc đấu tranh ấy vào lúc này càng được đẩy mạnh thêm, vì các giai cấp bóc lột không còn hy vọng nữa vào chế độ phát-xít và khối liên minh với nước Đức Hít-le.

Đảng cộng sản Ru-ma-ni từ lâu đã nhận ra những mâu thuẫn nảy sinh bên trong các giai cấp đang cầm quyền, trong đó có chính quyền nhà vua và chính phủ An-tô-ne-xcu. Đảng đã đánh giá đúng tình hình và biết lợi dụng tình hình đó để lật đổ chính quyền của bọn phát-xít, mang lại thắng lợi cho công cuộc cách mạng của nhân dân, mặc dù nổi bật trên bề mặt các sự kiện là nhà vua Ru-ma-ni và giới thân cận của ông.

Để hiểu rõ quá trình diễn biến các sự kiện lịch sử, chúng ta cần nhớ lại rằng các mối quan hệ giữa nhà vua và chính phủ An-tô-ne-xcu bắt đầu khủng hoảng từ cuối tháng Ba 1944. Cuộc khủng hoảng ấy ngày càng sâu sắc thêm khi bộ đội Liên Xô vượt qua biên giới và tiến vào lãnh thổ Ru-ma-ni.

Trong cung vua, những người trong hoàng tộc nhận ra rằng, nếu cứ tiếp tục liên minh với chủ nghĩa phát-xít, thì không hứa hẹn đem lại điều gì tốt lành. Các giới cận thần nhà vua bèn mưu tính kế hoạch cứu vãn nền quân chủ.

Lúc đầu kế hoạch ấy không dành chỗ cho các đảng viên cộng sản và nhân dân Ru-ma-ni. Nhưng, thực tiễn cuộc sống đã buộc họ phải thay đổi sách lược và tìm bắt liên lạc với các đảng viên cộng sản. Những người ủng hộ nhà vua và bản thân vua Mi-khai nhận thấy rằng, chỉ có các đảng viên cộng sản mới được quần chúng lao động ủng hộ và là lực lượng duy nhất có khả năng lật đổ chế độ phát-xít.

Các chính trị gia giàu kinh nghiệm, cận thần của nhà vua Mi-khai, trong đó có hoàng thái hậu, người giữ vị trí rất đáng kể trong các công việc chính trị, tính toán rằng: nhân dân lao động Ru-ma-ni cần cù, trải qua nhiều đau khổ, lâu ngày sống dưới ách thống trị của các giai cấp cầm quyền, bị tăm tối và dốt nát, nên hãy còn giữ niềm tin vào thiện ý của chính thể quân chủ. Họ hòng lợi dụng lòng yêu nước của những thường dân cho rằng chế độ độc tài phát-xít mới chính là kẻ gây nên bao cảnh tang tóc cho đất nước, gây nên mọi nỗi bất hạnh trong chiến tranh và tàn sát biết bao binh sĩ Ru-ma-ni.

Các giới cận thần hiểu rằng lòng căm thù của nhân dân lúc này đang trút lên đầu chính phủ thân phát-xít của An-tô-ne-xcu nên sẽ che lấp được tính chất ăn bám và bản chất giai cấp của chế độ quân chủ của họ. Vì vậy, họ hy vọng nhân dân còn tin vào nhà vua và còn muốn bảo vệ ngai vua, nếu như chính nhà vua lại cùng với họ đứng lên đấu tranh chống lại chế độ độc tài

quân sự phát-xít mà nhân dân đang căm ghét.

Các cận thần của nhà vua còn tin rằng họ sẽ được quân đội Ru-ma-ni ủng hộ, vì họ biết rằng nhiều tướng lĩnh Ru-ma-ni ở ngoài mặt trận đều có xu hướng chống Hít-le và chế độ của An-tô-ne-xcu. Đánh lá bài chính trị như vậy, họ còn trù tính lợi dụng cả những đảng phái có tính chất “lịch sử” như Đảng dân tộc-nông dân và Đảng dân tộc-tự do là những đảng đại biểu quyền lợi cho bọn tư bản và địa chủ Ru-ma-ni, có thể là chỗ dựa vững chắc và là tấm bình phong che đậy đường lối giai cấp của họ. Đồng thời, do những nguyên nhân hoàn toàn dễ hiểu nên các đảng phái này cũng tuyệt nhiên không tránh khỏi liên minh với chính thể quân chủ.

Các đảng viên cộng sản có mặt dự họp tán thành các ý kiến của triều đình đưa ra đề nghị bắt giữ I. An-tô-ne-xcu, tên độc tài đầu sỏ của chính phủ phát-xít. Các biện pháp chuẩn bị, do các cận thần của nhà vua áp dụng từ trước, đều có thông báo và được sự tham gia của Ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản Ru-ma-ni.

Những nhân vật rất thân cận với nhà vua, đặc biệt là đại tá E. I-ô-ne-xcu, sĩ quan tùy tùng của nhà vua, đã vạch ra kế hoạch bắt giữ An-tô-ne-xcu từ hồi tháng Tư. Lúc ban đầu, các giới ở cung đình mới chỉ đề cập tới việc bắt giữ tên đầu sỏ của chính phủ phát-xít. Song, trước sức ép của tình hình, họ buộc phải thay đổi những tính toán của họ.

Trong một phiên họp kín, các đảng viên cộng sản đã thuyết phục được các giới ở cung đình tán thành chương trình hành động rộng rãi hơn, là lật đổ nền chuyên chính của An-tô-ne-xcu bằng cách vũ trang khởi nghĩa, cắt đứt sự liên minh với nước Đức phát-xít, đưa Ru-ma-ni khỏi chiến tranh và chiến đấu chống lại các đơn vị phát-xít Đức và quân đội của các nước chư hầu. Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, về mặt kỹ thuật, người ta đã bầu ra ủy ban quân sự và các đảng viên cộng sản đã giữ vai trò lãnh đạo trong ủy ban đó. Nhà vua và các cận thần còn đồng ý cả thời gian bắt đầu khởi nghĩa.

Trong các buổi hội đàm kín khác giữa các đại biểu của Đảng cộng sản và nhà vua, đã thảo luận chi tiết thêm về kế hoạch khởi nghĩa, thành lập ra các bộ tham mưu và bộ chỉ huy khu Bắc và khu Nam thành phố, lập danh sách các mục tiêu cần đánh chiếm trước tiên (nhà ga, bưu điện, sở điện tín, v. v.) ở Bu-ca-rét, phát hiện các đơn vị quân Ru-ma-ni sẵn sàng ủng hộ quân khởi nghĩa.

Để thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu ở thủ đô, Đảng cộng sản có 50 chi đội yêu nước với quân số chừng 2000 chiến sĩ và dựa vào một số đơn vị chính quy của quân đội Ru-ma-ni. Tổng số lực lượng vũ trang khởi nghĩa ở Bu-ca-rét có trên 8000 người.

Các đảng viên cộng sản triển khai công tác chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa không riêng ở Bu-ca-rét mà còn ở các nơi khác trong nước. Các đồng chí đặc biệt chú ý tới vùng mỏ dầu Plô-e-sli, thành lập các chi đội và các nhóm chiến đấu gồm những người yêu nước tại đây.

Vấn đề thời cơ bắt đầu nổ ra cuộc khởi nghĩa giữ một vị trí đặc biệt. Cuộc khởi nghĩa thành công hay thất bại phụ thuộc vào sự quyết định đúng đắn thời điểm bắt đầu khởi nghĩa đó. Nếu khởi nghĩa bùng nổ sớm, dễ bị quân Đức dìm cả sự nghiệp vĩ đại vào biển máu và ứng cứu cho chế độ độc tài phát-xít của I. An-tô-ne-xcu. Tốt hơn hết là nên bắt đầu khởi nghĩa sau khi Hồng quân tiêu diệt quân đội của Hít-le, làm mất chỗ dựa về mặt quân sự của chế độ An-tô-ne-xcu, như vậy là đã tạo nên được cơ sở thuận lợi cho thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

Các sử gia Ru-ma-ni viết rằng: “Để bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi, kế hoạch quân

sự quy định sẽ phát động khởi nghĩa sau khi Hồng quân bắt đầu tiến công ở mặt trận I-át-xư - Ki-si-ni-ốp khiến bộ chỉ huy Hít-le không thể rút quân của chúng ở ngoài mặt trận về đối phó lại với các lực lượng khởi nghĩa”.

Ngày 10 tháng Tám, tức trước khi bắt đầu chiến dịch I-át xứ Ki-si-ni-ốp mười ngày. Đảng cộng sản Ru-ma-ni đã tổ chức thành công cuộc vượt ngục của G. Ghê-oóc-ghiu – Đê-giơ cùng với một số lớn các cán bộ lãnh đạo khác của đảng.

Nhưng cho phép tôi trở về với các sự kiện trong đêm 22 tháng Tám, đêm quyết định bắt I. An-tô-ne-xcu tại cung vua bằng cách cho mời tên độc tài tới tiếp kiến vua Mi-khai để báo cáo về tình hình quân sự. Đảng cộng sản đã chuẩn bị trước một phân đội lấy từ các đơn vị yêu nước được tổ chức trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang sắp tới, làm nhiệm vụ bắt giữ An-tô-ne-xcu đêm hôm ấy.

Để phòng trường hợp nhờ vì một lý do nào đấy mà phân đội không vào được trong cung vua, Đảng cộng sản đã đề nghị chuẩn bị thêm một tổ khác làm nhiệm vụ dự bị. Phân đội dự bị này do viên sĩ quan tùy tùng của nhà vua tổ chức ra, lấy trong số anh em binh lính của tiểu đoàn cảnh vệ Hoàng cung. Ngoài ra, còn chuẩn bị cả những biện pháp để tước vũ khí đội cảnh vệ đi bảo vệ cho An-tô-ne-xcu.

Thống chế I-ôn An-tô-ne-xcu, tên độc tài phát-xít vẫn không hay biết gì hết. Ngày 21 và ngày 22 tháng Tám, y đã hai lần gặp tướng Phrít-xne tại sở chỉ huy của y để thảo luận về những nguy cơ đang uy hiếp quân đội Đức và Ru-ma-ni ở ngoài mặt trận. Phrít-xne tỏ ý lo ngại rằng trong quân đội Ru-ma-ni đang có những âm mưu chính trị chống lại các đồng minh của Hít-le. An-tô-ne-xcu ra sức bác bỏ những tin đó và nói rằng y đã áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt để trừng trị những kẻ đào ngũ và hứa với Phrít-xne hết sức trung thành với nước Đức của Hít-le. Cả hai đi đến kết luận rằng cần phải cho quân rút ra khỏi khu vực I-át-xư, Ki-si-ni-ốp và tổ chức phòng ngự trên phòng tuyến Các-pát, Phốc-sa-nư, Nê-mô-lô-a-xa, Ga-lát, vùng châu thổ sông Đa-nuýp. An-tô-ne-xcu hứa sẽ gấp rút chuyển giao tất cả những lực lượng dự bị của Ru-ma-ni cho bộ chỉ huy Hít-le.

Trở về thủ đô, An-tô-ne-xcu triệu tập ngay một cuộc họp của chính phủ quyết định động viên mọi lực lượng trong nước tiếp tục chiến tranh. Họp xong y đề nghị xin được tiếp kiến nhà vua vào ngày 23 tháng Tám, hồi 16 giờ. Mặc dù đề nghị ấy thật bất ngờ đối với các giới cận thần nhà vua, nhưng lại trùng hợp với ý định bắt giữ tên đầu sỏ phát-xít. Họ bèn liên lạc ngay với những người lãnh đạo Đảng cộng sản. Các đồng chí góp ý cứ nên thực hiện kế hoạch đã cùng nhau bàn bạc, và về phía mình, các đồng chí ra lệnh sẵn sàng khởi nghĩa. Mọi việc bắt đầu được tiến hành.

Ngày hôm sau, đến giờ đã định, An-tô-ne-xcu vào cung vua. Báo cáo xong với nhà vua về tình hình ngoài mặt trận, y liền bị các chiến sĩ cận vệ của Hoàng cung bắt giữ theo phương án kế hoạch dự bị. Trước đó nửa giờ, có cuộc tiếp kiến nhà vua của bộ trưởng ngoại giao người cùng họ với An-tô-ne-xcu, tên là M. An-tô-ne-xcu. Thế là y và tên độc tài này đều cùng bị giam trong hầm bọc thép của gia đình nhà vua. Đội cảnh vệ của cả hai tên An-tô-ne-xcu đều bị tước hết vũ khí.

Sau đó, những tên bộ trưởng chiến tranh, bộ trưởng nội vụ, tổng giám binh và cục trưởng cảnh sát của thủ đô được gọi điện đến tiếp kiến nhà vua, cũng đều bị bắt giữ nốt. Còn những

thành viên khác trong chính phủ của An-tô-ne-xcu ít lâu sau cùng bị bắt hết.

Bắt giữ được An-tô-ne-xcu, các cận thần của nhà vua cảm thấy không yên lòng. Họ lo sợ thể nào rồi Hít-le cũng tổ chức đánh vào Hoàng cung để giải thoát cho đồng bọn của chúng. Nếu vậy, nhà vua và hoàng gia sẽ gặp chuyện không hay nên họ đã đề nghị với Đảng cộng sản tìm chỗ cho vua Mi-khai đi lánh nạn. Quá nửa đêm hôm ấy, nhà vua được chở đến một địa điểm an toàn ở xa thủ đô và vẫn tiếp tục làm mọi công việc bình thường của mình trong một thời gian dài ở nơi đó.

Trong ngày hôm ấy, ngày 23 tháng Tám, những biến cố lần lượt diễn ra trong cung vua. Ê-min Bôt-ne-rát - chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy trung ương các đơn vị yêu nước chiến đấu, được sự ủy nhiệm của ban lãnh đạo Đảng cộng sản, đã đến đây vào lúc sau 17 giờ ngày hôm ấy. Tám chiến sĩ yêu nước đi cùng với đồng chí đã đưa An-tô-ne-xcu tới một cơ sở bí mật của Đảng cộng sản.

Vào lúc đó ở cung vua có cuộc họp của nhiều đảng phái, trong đó có các đại biểu của Đảng cộng sản và Đảng xã hội-dân chủ, để bàn việc thành lập chính phủ mới. Đến 20 giờ thì thành lập xong chính phủ, thành phần chủ yếu gồm những người trong giới trí thức kỹ thuật và trong quân đội ủng hộ chế độ quân chủ.

Tướng Xa-na-te-xcu thân cận với nhà vua được cử làm thủ tướng chính phủ. Bốn đảng phái trong khối dân tộc-dân chủ, trong đó có Đảng cộng sản, giữ 4 ghế bộ trưởng không bộ trong chính phủ, mỗi đảng phái có một đại biểu. Vậy là, phần lớn các thành viên trong chính phủ không phải là những người sẽ thực hiện ý chí của nhân dân và bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

Bắt giữ xong An-tô-ne-xcu và các bộ trưởng của y, họ ngấm ngầm muốn kết thúc sự phát triển của cách mạng và bắt tay vào việc thực hiện các biện pháp của mình. Ví dụ, tướng Mi-kha-in, một người rất thân cận với nhà vua, được cử ra giữ chức tổng tham mưu trong Ru-ma-ni. Trước đó, ông ta che giấu các chính kiến của mình, không công khai hành động trái ngược với các đảng viên cộng sản. Các đảng viên cộng sản cũng đã thấy trước xu hướng của phần đông các thành viên trong chính phủ của Xa-na-te-xcu nên đã yêu cầu phải đưa các đại biểu của mọi đảng phái chống phát-xít vào trong thành phần của chính phủ.

Thế nhưng, chính phủ mới cũng buộc phải thừa nhận một sự thật là Hồng quân đã mở đường vào các vùng trung tâm ở Ru-ma-ni. Họ đành phải che giấu các ý định đen tối của họ và tuyên bố: mục đích trước mắt của chính phủ là đình chiến với các nước đồng minh, rút ra khỏi khối liên minh với Hít-le, khôi phục lại đất nước và đấu tranh nhằm giải phóng miền Bắc Tơ-ran-xin-va-ni. Gần tới nửa đêm, nhà vua đọc trên đài phát thanh bản tuyên ngôn đình chỉ chiến sự với các nước đồng minh, lập lại hòa bình và ký kết hòa ước, thành lập chính phủ mới.

Trong khi ấy, bộ chỉ huy quân sự Bu-ca-rét ban hành cho các lực lượng vũ trang yêu nước một mệnh lệnh do ủy ban quân sự chuẩn bị từ trước, một ủy ban mà như bạn đọc còn nhớ, Đảng cộng sản đã giành được ảnh hưởng lãnh đạo của mình ở đó.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu nổ ra ở thủ đô. Những chi đội công nhân vũ trang tiến ra các đường phố và quảng trường, các tổ chức chiến đấu chiếm lấy những cơ quan, xí nghiệp trọng yếu. Ở ngoài mặt trận, các đơn vị phát-xít Đức đang bị Hồng quân đánh cho thiệt hại nặng. Còn ở Bu-ca-rét, ngoài các phân đội phòng không, một số đơn vị lẻ và các chuyên viên, quân Đức còn lại đóng trong các đồn bót không có là bao.

Tình hình đó tạo điều kiện thuận lợi cho quân khởi nghĩa. Nhưng quân đội Ru-ma-ni, chấp hành mệnh lệnh của chính phủ Xa-na-te-xcu, không chống lại bọn Đức, mặc dầu theo kế hoạch chung, họ có nhiệm vụ phải tước vũ khí các đơn vị quân Đức. Đảng cộng sản liền phát hành cuốn “Hồng quân tiến công”, giải thích cho nhân dân những mục đích giải phóng của bộ đội Liên Xô, kêu gọi nhân dân đứng lên đấu tranh giải phóng đất nước.

Đại sứ của Hít-le lo lắng trước các sự kiện chuyển biến bất ngờ như vậy liền chạy bổ tới cung vua. Tại đây, cùng với câu trả lời về vấn đề số phận của An-tô-ne-xcu, y còn nhận được yêu cầu của nhà vua đòi rút các đơn vị quân phát-xít Đức ra khỏi Ru-ma-ni và lời tuyên bố rằng sẽ không gây trở ngại cho các đơn vị Hít-le. Rời khỏi cung vua, tên đại sứ hung hăng tuyên bố sẽ dìm cả nước Ru-ma-ni vào trong biển máu.

Tiếp theo chân tên đại sứ, các tướng lĩnh Hít-le cũng lần lượt vào cung vua. Bọn chúng thừa hiểu là tình hình rất xấu nên hứa sẽ rút các đơn vị quân Đức đang đóng tại đây ra khỏi thủ đô. Thế nhưng, sang ngày hôm sau, khi nhận được lệnh của Hít-le phải dùng sức mạnh đàn áp những kẻ Ru-ma-ni “cứng đầu”, thì các tướng lĩnh Hít-le bắt đầu cho máy bay bắn phá thành phố, tập kích vào những mục tiêu quan trọng nhất trong thành phố và cung vua. Một số lực lượng bộ binh tiến vào Bu-ca-rét.

Tình hình như vậy chẳng khác gì đã tuyên bố chiến tranh với Ru-ma-ni. Theo lời kêu gọi của các đảng viên cộng sản, nhân dân cùng với binh lính khởi nghĩa đã chặn đánh bọn Hít-le ở những vùng ven xa thành phố và tước vũ khí của các phân đội phát-xít Đức còn ở lại trong Bu-ca-rét.

Mặc dầu vua Mi-khai đã ra tuyên ngôn và chính phủ mới của Ru-ma-ni đã ban hành bản tuyên bố, Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni lại trực tiếp ra lệnh ngừng kháng cự bộ đội Liên Xô, song các đơn vị Ru-ma-ni vẫn không chịu hạ vũ khí, vẫn tiếp tục các hành động chiến đấu ở bên phía Hít-le.

Xảy ra tình hình đó là do một số nguyên nhân. Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni quả là bị mất quyền chỉ huy binh lính ở nhiều khu vực ngoài mặt trận. Nhưng chủ yếu không phải là vấn đề ấy. Những nơi vẫn giữ được sự chỉ đạo, Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni lại cho binh lính rút quân về tuyến phòng ngự Phốc-sa-nur, Nê-mô-lô-a-xa, Bra-i-lốp, cửa sông Đa-nuýp, để ngăn cản sự phát triển cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Binh lính Ru-ma-ni được lệnh trực tiếp là sẽ chống lại mọi mưu toan tước vũ khí của họ.

Như vậy là, trên thực tế, Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni đã đồng ý để cho các hoạt động chiến đấu vẫn tiếp diễn, bởi vì không một quân đội nào, kể cả Hồng quân, lại có thể cho phép để ở phía sau lưng mình những đơn vị chưa bị giải giáp vũ khí của một nước đang trong tình trạng chiến tranh với mình: lúc này chúng ta chưa nhận được tin tức gì về việc họ sẽ ký kết đình chiến.

Thêm nữa là Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni còn hứa sẽ cho phép quân đội phát-xít Đức tự do rút về phía Tây, nếu như quân Đức không làm trở ngại gì đến quân Ru-ma-ni tiến về tuyến đã quy định ở trên.

Ngoài ra, các hành động của Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni còn cực kỳ nguy hiểm ở chỗ, nó đe dọa sẽ nổ ra nội chiến ở Ru-ma-ni nếu như quân đội trong nước được đem dùng chống lại cuộc khởi nghĩa của nhân dân.

Tất cả những vấn đề trên đi ngược lại các ý định của Đảng cộng sản. Vì vậy, ngày 24 tháng Tám, Đảng cộng sản đã ra lời kêu gọi, hô hào nhân dân cầm vũ khí chiến đấu chống lại bọn Hít-le. Lời kêu gọi ấy được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ và là lợi khí để phát triển cuộc khởi nghĩa trên khắp đất nước.

Sau khi đánh giá tình hình, nắm được ý định của Bộ tổng tham mưu Ru-ma-ni là vẫn muốn bảo vệ các lực lượng của mình và rút vào sâu trong nước, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô ra lệnh cho các phương diện quân tiếp tục tiến công thật mạnh và tiêu diệt các đơn vị quân Hít-le. Còn đối với quân đội Ru-ma-ni thì sẽ tùy theo thái độ của họ mà hành động.

Nhằm giúp cho chính phủ mới và quân đội của Ru-ma-ni sớm xác định được đúng vị trí của mình trong chuỗi các sự kiện chiến tranh, ngày 25 tháng Tám, Chính phủ Liên Xô lại khẳng định một lần nữa bản tuyên bố hồi tháng Tư rằng, Liên Xô không có ý định xâm chiếm một vùng đất nào của Ru-ma-ni, cũng không thay đổi chế độ xã hội trong nước hoặc xâm phạm đến nền độc lập của đất nước này. “Trái lại, bản tuyên bố lần này nói, - Chính phủ Liên Xô thấy cần phải cùng với Ru-ma-ni (do tôi gạch dưới. X. S.) khôi phục lại nền độc lập của Ru-ma-ni bằng cách giải phóng Ru-ma-ni khỏi ách nô dịch của phát-xít Đức”.

Bản tuyên bố nói rõ: Hồng quân không tước vũ khí của quân đội Ru-ma-ni, không những bảo vệ tất cả những vũ khí của các đơn vị Ru-ma-ni mà còn giúp đỡ họ nếu họ ngừng bắn Hồng quân và cùng với Hồng quân tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng chống lại Hít-le, giành độc lập cho đất nước mình và chống lại bọn chư hầu Hung-ga-ri nhằm giải phóng Tơ-ran-xin-va-ni.

Đồng thời, Chính phủ Liên Xô còn chỉ rõ: Hồng quân chỉ có thể ngừng các hành động quân sự trên lãnh thổ Ru-ma-ni sau khi ở đây đã thủ tiêu được các đơn vị quân Đức, những kẻ áp bức và bóc lột nhân dân Ru-ma-ni. Sự giúp đỡ của quân đội Ru-ma-ni đối với Hồng quân trong trường hợp này, có thể tạo điều kiện sớm đình chỉ chiến sự trên đất nước Ru-ma-ni và ký kết được hiệp định đình chiến.

Ít lâu sau chúng tôi nhận được những tin tức chính trị và quân sự quan trọng. Đài phát thanh Ru-ma-ni công bố chính phủ Ru-ma-ni tuyên chiến với Đức, quân đội Ru-ma-ni bắt đầu xâm nhập Tơ-ran-xin-va-ni và Bu-ca-rét đã được hoàn toàn giải phóng khỏi bọn Hít-le. Chính phủ Xa-na-te-xcu đề nghị ký kết ngay hiệp định đình chiến. Như vậy có nghĩa là quân đội Ru-ma-ni trở thành bạn đồng minh với chúng ta và cùng với quân đội Liên Xô bước vào con đường đấu tranh nhằm quét sạch các đơn vị phát-xít Đức ra khỏi biên giới đất nước mình.

Chính phủ Ru-ma-ni phải quyết định như vậy do một số nguyên nhân. Bộ đội Liên Xô đang thu được những thắng lợi thật to lớn. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân đang triển khai rộng trong nước. Thêm nữa là những hy vọng hòa hoãn với bọn Hít-le không còn nữa. Vì Hít-le đã ra lệnh “đàn áp cuộc chính biến”, bắt giữ nhà vua, dựng lên một chính phủ theo đuôi nước Đức ở Ru-ma-ni cho nên tướng Xa-na-te-xcu buộc phải quay vũ khí của quân đội Ru-ma-ni chĩa vào bọn chiếm đóng. Như vậy là, bản thân cuộc sống, các quyền lợi của đất nước Ru-ma-ni dân chủ đã đòi hỏi y phải hành động ngược lại với những ý định của mình.

Thế nhưng, chúng ta cũng cần phải nhận thấy rằng phần lớn quân đội Ru-ma-ni ở ngoài mặt trận vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của mọi biến cố đã xảy ra. Họ không muốn chiến đấu cùng với quân đội Hít-le, mà muốn đầu hàng quân đội Liên Xô. Chẳng hạn ngày 26 tháng Tám, 5 sư đoàn Ru-ma-ni còn đầy đủ biên chế đã ra đầu hàng phương diện quân U-crai-na 2.

Vậy là đường vào Ru-ma-ni đã mở. Và xa hơn nữa, ở phía sau con sông Đa-nuýp là đường dẫn tới Bun-ga-ri. Còn bây giờ đây nhiệm vụ của Hồng quân là phải nhanh chóng tiến quân vào mọi khu vực quyết định trong nước Ru-ma-ni và kết thúc việc tiêu diệt tàn quân của Hít-le tại đây.

Khi bộ đội Liên Xô hoạt động trên lãnh thổ Ru-ma-ni, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã đặc biệt chú ý tới các trung tâm kinh tế, chính trị và vận tải quan trọng nhất ở Ru-ma-ni là các vùng Plô-e-sti và Bu-ca-rét.

Như chúng ta được biết, Plô-e-sti là trái tim của cả vùng, đầu hỏa khai thác ở đây rất cần thiết cho cả khối liên minh của Hít-le và đặc biệt là cho nước Đức. Plô-e-sti còn là trung tâm lớn nhất của giai cấp vô sản, chỗ dựa của Đảng cộng sản, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của cách mạng.

Bộ tổng tham mưu khi lập kế hoạch đã chú ý tới tất cả những vấn đề ấy. Ngoài ra, Plô-e-sti cách Bu-ca-rét có 60 ki-lô-mét, yểm hộ mặt Bắc cho thủ đô. Theo các tính toán của chúng ta, và những tính toán ấy rất sát với thực tế, thì địch tập trung ở đây 25 nghìn quân và gần 100 máy bay. Địch có thể sử dụng số quân trên để cố thủ Plô-e-sli và phá hoại các công trình thiết bị khai thác dầu, và cũng có thể dùng số lực lượng trên làm cụm quân xung kích hoạt động ở khu vực Bu-ca-rét.

Nhưng vấn đề không chỉ bó hẹp có như vậy, vì Plô-e-sti còn là một trung tâm giao thông lớn, ăn thông tới miền đồng bằng sông Pra-khốp, tiến sâu vào Tơ-ran-xin-va-ni. Quân Đức và Hung đang bố trí tại đây. Khi địch còn đóng quân ở Ru-ma-ni, thì địa điểm này là vị trí có lợi, dễ liên lạc với tập đoàn quân 8 của Đức và tập đoàn quân Hung-ga-ri. Còn hiện thời, quân địch đang trụ bám lấy các cứ điểm then chốt trong khu vực khai thác dầu này; binh lính chúng trực tiếp đóng ngay trong các nhà máy lọc dầu quan trọng nhất.

Khi đặt kế hoạch tiêu diệt địch ở trung tâm Ru-ma-ni, chúng ta không phải là không tính đến sự chi viện của giai cấp công nhân Ru-ma-ni đối với chúng ta. Nhưng, tất nhiên chúng ta cùng không nên quá hy vọng, bởi vì giai cấp vô sản ở Plô-e-sti sẽ phải đương đầu với các đơn vị quân đội chính quy của Hít-le được trang bị đủ các loại phương tiện kỹ thuật chiến đấu.

Plô-e-sti nằm cách Bu-ca-rét không xa lắm, cho phép chúng ta dễ phong tỏa, chặn mọi đường liên lạc, giao thông giữa hai thành phố này. Chúng tôi cho rằng, hình thức tiến công thích hợp nhất là các đơn vị cơ động của Liên Xô sẽ đồng loạt tiến công vào các khu vực của hai thành phố. Tổ chức đột kích như vậy sẽ không cho quân địch ở đây cứu viện được nhau.

Đi đôi với những biện pháp nhằm tiêu diệt địch, chúng ta còn đề ra những biện pháp bảo vệ khu công nghiệp dầu hỏa cả ở mặt đất và trên không.

Ngày 27 tháng Tám, hồi 17 giờ, R. I-a. Ma-li-nốp-xki giao nhiệm vụ cho tướng A. G. Cráp-tren-cô, tư lệnh tập đoàn quân xe tăng 6 tiến vào Bu-ca-rét và Plô-e-sti. Đồng chí quyết định dùng một quân đoàn đánh vào Plô-e-sti và 2 quân đoàn đánh vào Bu-ca-rét.

Công nhân ở khu vực dầu hỏa, theo chỉ thị của Đảng cộng sản, trong đêm rạng ngày 24 tháng Tám đã tổ chức bảo vệ các cơ sở sản xuất và phòng thủ chống lại bọn Hít-le. Quân đoàn Ru-ma-ni 5 của tướng C. Va-xi-li-u - Re-xca-nu đóng quân ở địa phương đã tới chi viện cho

công nhân. Các đơn vị quân Hít-le bị đánh lui ở ngoại vi Plô-e-sti. Tuy nhiên, trong quá trình giao chiến quyết liệt, các đơn vị quân Đức vẫn vây kín thành phố và chuẩn bị tiến công quyết định vào quân ta.

Tình huống diễn biến ở Plô-e-sti buộc bộ đội Liên Xô phải hành động nhanh và kiên quyết, không cho quân địch có thể tàn sát những người yêu nước Ru-ma-ni, chiếm thành phố và phá hoại các xí nghiệp khai thác dầu, gây tác hại lớn cho cuộc khởi nghĩa và tổn thất cho nền kinh tế Ru-ma-ni.

Sau khi tập trung lực lượng, ngày 29 tháng Tám, các chiến sĩ xe tăng của ta đã đột kích mạnh vào khu vực Plô-e-sti. Sư đoàn bộ binh 18 Ru-ma-ni được điều động ở ngoài mặt trận về đã góp phần hoạt động thắng lợi ở đây. Các đơn vị Hít-le bị đánh tan, chúng ta bảo vệ được cơ sở công nghiệp khai thác dầu ở Ru-ma-ni.

Được sự giúp đỡ của các công nhân vũ trang Ru-ma-ni, bộ đội Liên Xô đã thiết lập được trật tự và an ninh ở Plô-e-sti và các vùng ngoại vi Plô-e-sti. Bộ đội Ru-ma-ni tiếp tục kết thúc nốt việc thủ tiêu tàn quân của Hít-le còn lại ở các cứ điểm lẻ tẻ trong khu vực dầu hỏa này.

Ở Bu-ca-rét, tình hình diễn biến có khác hơn. Tối 27 tháng Tám, các quân đoàn xe tăng của tập đoàn quân xe tăng 6 dàn đội hình tiến vào thủ đô Ru-ma-ni và tiêu diệt quân địch bố trí tại những cửa ngõ tiến vào thành phố. Lúc này vua Mi-khai và thủ tướng Xa-na-te-xcu tuyên bố Ru-ma-ni đồng ý tiếp nhận mọi điều kiện đình chiến do Liên Xô đề ra ngày 12 tháng Tư.

Trong khi chờ đợi các hành động thực tiễn của Ru-ma-ni, bộ đội chúng ta vẫn tiếp tục tiến công mạnh vào sâu trong nước. Chúng ta lấy làm ngạc nhiên thấy ngày 29 và 30 tháng Tám, các đại biểu của chính phủ Ru-ma-ni lại đề nghị với các tư lệnh tập đoàn quân Liên Xô tạm dừng cuộc tiến công trên một số khu vực ngoài mặt trận ở tuyến Đông Các-pát tới Đa-nuýp. Chúng ta phải cảnh giác trước sự kiện này.

Chính sách đuôi cáo của chính phủ Xa-na-te-xcu lại lòi ra. Xem xét kỹ thực chất sự việc, chúng ta thấy rằng đề nghị đó của họ là nhằm tạo điều kiện cho tàn quân của các đơn vị Hít-le rút vào núi, tổ chức kháng cự tại đây và không cho bộ đội ta tiến sâu vào trong nước. Rõ ràng các giới tư sản của chính phủ còn nuôi hy vọng bám lấy chế độ cũ, có lợi cho họ ở trong nước.

Đồng thời, Xa-na-te-xcu còn đề nghị với bộ chỉ huy Anh - Mỹ cho quân nhảy dù đổ bộ vào thủ đô. Chúng ta đã nhận ra rằng nếu để quân Anh - Mỹ nhảy vào thủ đô thì mọi thành tựu của cuộc khởi nghĩa của các lực lượng nhân dân yêu nước Ru-ma-ni nổ ra ngày 23 tháng Tám sẽ bị đe dọa. Thế nhưng, may thay cho nhân dân Ru-ma-ni là tình hình đó lại không hề diễn ra. Bộ đội Liên Xô vẫn tiếp tục tiến công. Nhân dân Ru-ma-ni tỏ ra có ý thức chính trị cao, hành động theo những lời kêu gọi của Đảng cộng sản, mở rộng cuộc khởi nghĩa ra khắp đất nước.

Sau khi đẩy nhanh tốc độ hành quân, tập đoàn quân xe tăng 6 và tập đoàn quân 53 tiến sát tới Bu-ca-rét. Sự xuất hiện của các tập đoàn quân trên đã bảo đảm giữ gìn được các thành quả của nhân dân phá vỡ mọi kế hoạch của các nhà chính trị tư sản. Các chiến sĩ của sư đoàn tình nguyện Ru-ma-ni 1 lấy tên là sư đoàn Tu-đô Vla-di-mia-re-xcu đã cùng sát cánh chiến đấu với Hồng quân tại đây. Và, chúng ta không thể không nói tới sư đoàn này.

Sư đoàn được thành lập gồm những người tình nguyện, vốn là binh lính và sĩ quan Ru-ma-ni bị chúng ta bắt làm tù binh. Nhận thức được rằng mình cần phải chiến đấu chống lại nước Đức Hít-le, đối với họ quả không phải dễ dàng và đơn giản. Họ đã hình dung thấy bức tranh thảm

họa sắp tới của Đế chế thứ ba cùng với chế độ A. I. An-tô-ne-xcu ngay từ những ngày quân địch bị tiêu diệt ở Xta-lin-grát, nơi mà hai tập đoàn quân Ru-ma-ni cũng bị chôn vùi. Các sự kiện diễn biến tiếp sau trên mặt trận Xô - Đức đã làm cho nhiều tù binh thấy rõ sự tất yếu không tránh khỏi sụp đổ của cuộc phiêu lưu tội lỗi của Hít-le và bè lũ tay sai.

Ngày 2 tháng Hai 1943, các tù binh Ru-ma-ni đề nghị với Chính phủ Liên Xô tạo điều kiện cho họ được tình nguyện chiến đấu cùng với Hồng quân, và trong tháng Tám, Hội nghị đại biểu các tù binh Ru-ma-ni ủy nhiệm cho một số người đề nghị với I. V. Xta-lin được phép thành lập một đơn vị quân tình nguyện. Các đảng viên cộng sản Ru-ma-ni đang lưu trú ở Liên Xô ủng hộ các tù binh. Ngày 4 tháng Mười 1943, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã thông qua quyết nghị thành lập sư đoàn bộ binh tình nguyện Ru-ma-ni 1; ít lâu sau sư đoàn lấy tên một vị anh hùng dân tộc Ru-ma-ni là Tu-đo Vla-đi-mia-re-xcu.

Sư đoàn được thành lập ở các trại Xê-lét gần Ri-a-dan theo biên chế quân cận vệ. Chỉ huy những người tình nguyện ấy là đại tá Ni-cô-la-e Cam-bri-a, tham mưu trưởng là trung tá I-a-côp Te-clu. Chúng tôi theo dõi việc thành lập sư đoàn với sự giúp đỡ của đại tá G. M. Ê-rê-min, đại diện của Bộ tổng tham mưu Liên Xô. 159 sĩ quan huấn luyện viên Liên Xô tham gia huấn luyện sư đoàn, truyền đạt cho các đồng chí Ru-ma-ni mọi kinh nghiệm ưu việt của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Ngày 7 tháng Năm 1944, sư đoàn mang tên Tu-đo Vla-đi-mia-re-xcu tập trung ở phía Bắc I-am-pôn, nằm trong thành phần của phương diện quân U-crai-na 2 và làm công tác chuẩn bị chiến đấu. Sư đoàn có 9 nghìn rưỡi người, được trang bị vũ khí đầy đủ: 98 khẩu pháo, 60 súng cối các loại, gần 500 súng máy và trên 110 đại liên.

Các chiến sĩ tình nguyện Ru-ma-ni đánh trận đầu trong chiến dịch I-át-xư - Ki-si-ni-ốp. Các đồng chí đã vượt qua những thử thách khó khăn một cách vẻ vang khi giao chiến chống lại một kẻ địch mạnh đang cố sức thoát khỏi vòng vây chạy sang phía Tây. Sư đoàn bị thiệt hại, nhưng đã làm tròn nhiệm vụ, củng cố được tinh thần và do đó đã xây dựng được cơ sở vững chắc cho tình hữu nghị chiến đấu sau này giữa các chiến sĩ Liên Xô và Ru-ma-ni.

Ngày 31 tháng Tám, nhân dân Bu-ca-rét sung sướng đón mừng bộ đội Liên Xô và sư đoàn Tu-đo Vla-đi-mia-re-xcu tiến vào thủ đô Ru-ma-ni.

Việc tiêu diệt Cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na” và cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân triển khai rộng trên khắp đất nước, đã mở ra những triển vọng lịch sử to lớn cho Ru-ma-ni. Ủy ban kiểm soát của khối đồng minh được thành lập có nhiệm vụ theo dõi việc chấp hành chặt chẽ các điều kiện đình chiến.

Bộ đội Liên Xô đóng quân ở Ru-ma-ni. Sự có mặt của Hồng quân và hoạt động của Ủy ban kiểm soát đã khuyến khích hoạt động của các lực lượng dân chủ nhằm xây dựng một nhà nước kiểu mới - nhà nước dân thủ nhân dân - và giúp cho Ru-ma-ni tránh khỏi nội chiến. Cuộc nội chiến đã bị loại trừ, việc đó đã tạo điều kiện bên trong tương đối thuận lợi để đề bẹp sự kháng cự của các lực lượng phản cách mạng.

Phải nói rằng, Chính phủ Liên Xô và bộ chỉ huy quân đội rất tin cậy vào quần chúng lao động của những quốc gia mới được Hồng quân giải phóng, tất nhiên trong đó có nhân dân Ru-ma-m, một nước suốt cả một thời gian dài đã làm chur hầu cho nước Đức Hít-le. Chúng ta vô cùng tôn

trọng Đảng cộng sản Ru-ma-ni - đội quân tiên phong của nhân dân đã giữ vững đội ngũ của mình trong các điều kiện của chủ nghĩa phát-xít, tổ chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống nền độc tài của I. An-tô-ne-xcu.

Song dầu sao, trong công tác Bộ tổng tham mưu cũng cảm thấy những trận địa của bọn phản cách mạng ở Ru-ma-ni còn khá vững, các lực lượng của chế độ mới khó mà phá vỡ nổi. Bọn phản cách mạng hoạt động rất khôn khéo và xảo quyệt biểu hiện theo các cách thức khác nhau.

Khi bộ đội Liên Xô đang tiến sâu vào Ru-ma-ni, những tin tức ví dụ như thành phần, tình trạng và sự điều động quân đội của ta đều bị lọt ra nước ngoài theo các đường dây thông tin khác nhau, nhất là bằng điện thoại và điện báo. Những tin tức ấy rõ ràng là những tin tình báo. Căn cứ vào báo cáo của Bộ tổng tham mưu, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã ra một nghị quyết đặc biệt về vấn đề này và đã cử các đồng chí chuyên viên thông tin tới các đài trung tâm thông tin của Ru-ma-ni để ngăn chặn không cho các tin tức trên lọt ra nước ngoài.

Tiếp đến là những hoạt động khác có tính chất phá hoại về mặt tư tưởng. Tôi còn nhớ một trong những hoạt động phá hoại ấy. Hồi đó bỗng nhiên có những dư luận vu không, bịa đặt ám chỉ sư đoàn bộ binh tình nguyện 1 mang tên Tu-đo Via-đi-mia-re-xcu của Ru-ma-ni. Quân địch vu khống rằng, các chiến sĩ tình nguyện trong sư đoàn là những người phản bội Tổ quốc, sau chiến tranh họ sẽ bị kết án, còn nước Đức sẽ không bị thất bại trong chiến tranh.

Nhân việc này, R. I-a. Ma-li nốp-xki và I. D. Xu-xai-cốp đã gửi bức điện sau đây cho sư đoàn trưởng: “sư đoàn Ru-ma-ni là binh đoàn có khả năng chiến đấu nhất của nhân dân Ru-ma-ni và đang hoàn thành tốt các nhiệm vụ chiến đấu. Nhân dân Ru-ma-ni không cho phép một ai nói xấu các anh hùng của mình, những người con trung thành với Tổ quốc và sớm hiểu biết về sự cần thiết phải đấu tranh giành tự do và độc lập của Ru-ma-ni. Các đồng chí hãy bình tĩnh, chiến đấu trung thực và thẳng tay đánh quân thù...”

Cũng đã có những âm mưu nhằm cứu bọn gián điệp của Hít-le ở trong nước. Hồi đó, bộ trưởng nội vụ từ chối không giao các tướng lĩnh, đô đốc và các sĩ quan của phái đoàn quân sự phát-xít Đức cho bộ chỉ huy Liên Xô. Y viện có rằng các cán bộ ngoại giao Ru-ma-ni và một số lớn các sĩ quan Ru-ma-ni hiện còn ở trong nước Đức, nên nếu giao số người quốc tịch Đức này cho quân Nga thì số cán bộ trên của Ru-ma-ni có thể sẽ bị đàn áp. Rồi Bu-ca-rét có thể sẽ bị bắn phá vì những sự thù hằn đó. Họ còn viện ra những lý do không có căn cứ xác đáng khác nữa.

Tất nhiên là phái đoàn phát-xít vẫn bị bắt giữ và các báo chí xô-viết đã phổ biến rộng rãi những tin tức trên. Bộ máy gián điệp của địch ở Ru-ma-ni bị mất bộ phận cầm đầu.

Các cán bộ quân cảnh của ta hết sức ngạc nhiên khi phát hiện thấy một số bệnh viện của Ru-ma-ni điều trị... cả những binh lính Đức khỏe mạnh. Sự nguy trang đó được bóc trần khá nhanh và những “bệnh nhân” ấy phải trở về vị trí của mình trong các trại tập trung tù binh.

Các sĩ quan Liên Xô tới tòa đại sứ Hung để bắt giữ các đại biểu của Hoóc-ti là kẻ thù của chúng ta, nhưng khi bước đến ngưỡng cửa lại nhìn thấy tấm biển đề: “tòa đại sứ Thụy Điển”. Hóa ra, tấm biển nhằm cứu thoát bọn chúng cũng lại do có sự thỏa thuận với đại sứ Thụy Điển.

Các cương vị lãnh đạo ở trong các cơ quan hành chính thường do những tên ủng hộ chủ nghĩa phát-xít nắm hết, trong đó có cả bọn mật thám. Bọn chúng còn tiến hành các âm mưu

phá hoại các đoàn tàu, chống đối lại ta. Thế nhưng, mọi mưu toan thù địch ấy cùng với những hành động khác, đều bị chặn đứng.

Các điều kiện thống nhất khối liên minh chống Hít-le và tình hình phát triển trong nội bộ của Ru-ma-ni thời bấy giờ không cho phép áp dụng các phương pháp tước đoạt ngay những kẻ đi tước đoạt theo kiểu cách mạng của chúng ta. Hồi ấy, các đại biểu của giai cấp tư sản và của các giới cung đình còn cầm quyền trong một thời gian dài. Chính phủ của tướng Xa-na-te-xcu sau lại nhường chỗ cho chính phủ của một viên tướng khác là Ra-đe-xcu. Chính phủ mới của Ra-đe-xcu có lẽ còn phản động và hướng về Anh - Mỹ mạnh hơn chính phủ cũ. Thế nhưng, tình hình buộc Ra-đe-xcu phải lựa chiều và dành nhiều ghế bộ trưởng cho các đảng phái trong mặt trận dân chủ nhân dân. Riêng các đảng viên cộng sản đã giữ hai ghế bộ trưởng và một ghế thứ trưởng.

Thời gian ấy, bác sĩ Pê-tơ-ru Grô-da, thủ lĩnh của tổ chức nông dân “mặt trận nông dân”, giữ vai trò nổi bật. Trong những năm chiến tranh, tổ chức này đã hoạt động sát cánh với các đảng viên cộng sản và dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Ru-ma-ni. P. Grô-da đấu tranh tích cực và không khoan nhượng chống lại mọi âm mưu của các bộ trưởng phản động; ông thi hành một chính sách hữu nghị với nước giải phóng mình là Liên Xô, tăng cường sự đóng góp của Ru-ma-ni vào sự nghiệp chiến thắng nước Đức Hít-le và phát triển dân chủ ở trong nước. P. Grô-da đã làm nhiều việc khiến chính phủ của Ra-đe-xcu phải sụp đổ vào tháng Ba 1945. Từ đó, P. Grô-da đã lãnh đạo chính phủ Ru-ma-ni trong suốt một thời gian dài và là một trong những người nổi tiếng xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân, nước Ru-ma-ni xã hội chủ nghĩa.

Cuối tháng Tám và đầu tháng Chín 1944, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao cần phải quyết định cách xử sự của chính quyền quân sự của ta đối với nhà vua trẻ của Ru-ma-ni đang tiếp tục giữ ngôi vua. Khi báo cáo tình hình quân sự cho Đại bản doanh, A. I. An-tô-nốp cùng với tôi đã nhiều lần nhận xét rằng, cung vua rồi sẽ không tránh khỏi là nơi tụ tập những phần tử chống xô-viết ở Ru-ma-ni và chúng tôi đã đề nghị cần có những biện pháp kiên quyết đối với họ.

Giống như mọi lần, Tổng tư lệnh tối cao chăm chú nghe ý kiến báo cáo của chúng tôi, chậm rãi châm thuốc hút, lấy cán tẩu vuốt chòm ria mép ám khói thuốc rồi nói đại loại như sau: vua của nước khác không phải là việc của ta. Thái độ khoan dung đối với vua cũng sẽ có ảnh hưởng tốt tới các mối quan hệ của chúng ta với các nước đồng minh. Nhân dân Ru-ma-ni hiện nay còn tin cậy ở nhà vua vì nhà vua là người đã đối lập với chính thể độc tài phát-xít, và chúng ta hy vọng rằng nhân dân Ru-ma-ni sẽ tự hiểu rõ thực chất của chế độ quân chủ ấy. Chúng ta cũng có cơ sở để cho rằng những đảng viên cộng sản Ru-ma-ni sẽ không ngồi không, mà sẽ giúp được nhân dân mình hiểu rõ tình hình.

Vậy là chúng tôi lại được tiếp thụ thêm một bài học chính trị. Và nói cho khách quan thì nhà vua cũng tỏ ra muốn được yên ổn, thích vui chơi giải trí hơn là làm các việc quốc sự. Biết nhà vua thích chơi máy bay, chúng tôi đã thay mặt I. V. Xta-lin tặng ông ta một chiếc máy bay “Po-2” làm quà. Nhà vua bay đi săn bắn, dạo chơi, giải trí.

Thời gian trôi qua, các sự kiện tiến triển và chế độ xã hội ở Ru-ma-ni đã đi theo ý chí của Đảng cộng sản và nhân dân, ý chí đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội. Cũng không ai gây trở ngại cho nhà vua cùng với hoàng thái hậu tự lựa chọn lấy nơi trú ngụ của mình. Sau đó, nhà vua và

hoàng thái hậu đã bình an rời khỏi Ru-ma-ni.

Sau khi tiêu diệt quân địch bị hợp vây ở I-át-xư và Ki-si-ni-ôp, Bộ tổng tham mưu mới mở chiếc cặp xanh của mình. Công việc trong chiếc cặp xanh không phải là những công việc vội vã lắm, nhưng quan trọng không kém gì các công việc khác, trong đó có việc đề nghị khen thưởng và phong quân hàm. Thắng lợi rực rỡ của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 đã tạo nguyên cớ cho việc đó. Khi xem xét vấn đề này, I. V. Xta-lin nói rằng R. I-a. Ma-li-nốp-xki và Ph. I. Tôn-bu-khin xứng đáng được phong quân hàm cao nhất - nguyên soái Liên Xô.

- Thêm nữa, sau khi khôi phục đường biên giới quốc gia Liên Xô, các tư lệnh phương diện quân cần được phong cấp hàm ấy, - Tổng tư lệnh tối cao nói thêm. Đồng chí rất vui lòng trước những thắng lợi của hai phương diện quân.

Đề nghị trên được thông qua: ngày 10 tháng Chín 1944, R. I-a. Ma-li-nốp-xki, và ngày 12 tháng Chín, Ph. I. Tôn-bu-khin được phong hàm nguyên soái.

Còn có cả những trường hợp phong quân hàm, nói thẳng ra là hơi khác thường nữa. Tôi còn nhớ một trường hợp vào mùa thu năm 1943.

Câu chuyện như sau:

Ngày 16 tháng Mười một 1943, thượng tướng I. Kh. Ba-gra-mi-an, tư lệnh tập đoàn quân cận vệ 11, theo lệnh của I. V. Xta-lin được triệu tập về Mát-xcơ-va. Khi gặp A. I. An-tô-nốp, dĩ nhiên là I. Kh. Ba-gra-mi-an có hỏi về lý do được triệu tập.

- “chủ nhân” không thích nói trước ý định của mình, chúng ta cùng đi đến Đại bản doanh rồi sẽ rõ, - A. I. An-tô-nốp trả lời.

Hôm sau, đến giờ quy định báo cáo về tình hình các mặt trận cho Tổng tư lệnh tối cao, tôi cùng với An-tô-nốp và Ba-gra-mi-an tới Đại bản doanh.

Bây giờ bộ đội Liên Xô đang triển khai tiến công rộng khắp trên các mặt trận từ vịnh Phần Lan cho tới Biển Đen. Tuy nhiên ở Pri-ban-tích, thắng lợi tiến triển chậm, quân địch còn ngoan cố chống cự lại, lực lượng chúng ở đây tương đương với lực lượng bộ đội ta.

I. V. Xta-lin lúc này có một mình và sắc thái vui vẻ.

- Có gì mới không? - đồng chí hỏi An-tô-nốp.

- So với báo cáo buổi trưa, tình hình chưa có gì biến đổi quan trọng, - A. I. An-tô-nốp báo cáo.

I. V. Xta-lin gật đầu và quay sang phía Ba-gra-mi-an.

- Công việc của chúng ta ở ngoài các mặt trận Pri-ban-tích chưa có gì đặc biệt lắm, - đồng chí nói, - cuộc tiến công ở đây bị kìm lại. Không thể tiến công ở khắp mọi nơi như một số người đôi khi vẫn nghĩ.

Ngừng một lát, đồng chí nói tiếp:

- Vì vậy chúng ta hiện nay đang áp dụng một số biện pháp để uốn nắn lại tình hình. Chúng ta sẽ lấy quân của các đơn vị bạn bên phải (Phương diện quân Pri-ban-tích 2. - X S) tăng cường cho phương diện quân Pri-ban-tích 1. Nhưng như vậy có lẽ vẫn còn ít. Tập đoàn quân của đồng

chỉ là một tập đoàn quân mạnh và đã chiến đấu anh dũng. Chúng tôi nghĩ nên giao cho Ê-ri-ô-men-cô...

Đồng chí lại ngừng lại, rồi sau đó quay sang Ba-gra-mi-an, nói hết ý định của mình:

- Và chúng tôi muốn cử đồng chí làm tư lệnh phương diện quân thay thế Ê-ri-ô-men-cô. Đồng chí thấy thế nào?

I. Kh. Ba-gra-mi-an hơi bối rối, chưa nói được ngay. Rồi đồng chí nói nhỏ:

- Thưa đồng chí Xta-lin, xin cảm ơn sự tin cậy đó. Tôi hứa sẽ cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

- Tốt lắm. Và chúng tôi cũng sẽ cử Tsi-bi-xốp, một đồng chí chỉ huy giàu kinh nghiệm thay thế đồng chí làm tư lệnh tập đoàn quân. - Rồi Xta-lin lại thông thả đi tới bàn làm việc của đồng chí lấy thuốc nhồi vào tẩu.

- Người ta gọi đồng chí ấy là Ni-can-đrơ, có nghĩa là một vị “anh hùng-chiến thắng”. -A. I. An-tô-nốp nhân lúc tạm nghỉ nói về Tsi-bi-xốp.

Rít mấy hơi thuốc lúc này đang cháy, I. V. Xta-lin quay sang Ba-gra-mi-an đang im lặng.

- Tại sao đồng chí không phát biểu ý kiến? - Tổng tư lệnh tối cao hỏi. - Hoặc có gì không đồng ý cử Tsi-bi-xốp?

I. Kh. Ba-gra-mi-an càng bối rối hơn, nhưng sau đó, đồng chí trả lời: -

- Không, thưa đồng chí Xta-lin, tôi không có gì phản đối cả. Đồng chí ấy là một tư lệnh giàu kinh nghiệm. Khi đồng chí ấy là trung tướng, tôi hãy còn là đại tá. Còn bây giờ Tsi-bi-xốp là thượng tướng và Anh hùng Liên Xô. Tôi cảm thấy có điều gì không tiện đối với đồng chí ấy... Có thể cử người nào khác như trung tướng Ga-li-txki làm tư lệnh tập đoàn quân, được không?

I. V. Xta-lin chăm chú nhìn vào I. Kh. Ba-gra-mi-an.

- Đồng ý với đồng chí... Các đồng chí chuẩn bị làm quyết định cử Ba-gra-mi-an và Ga-li-txki, - đồng chí nói với chúng tôi và đi lại phía bàn làm việc ấn nút điện.

A. N. Pô-xcri-ô-bư-sép bước vào.

- Đồng chí chuẩn bị quyết định của Hội đồng bộ trưởng dân ủy phong cấp đại tướng cho Ba-gra-mi-an, - Xta-lin nói.

Pô-xcri-ô-bư-sép ghi vào sổ tay, nhưng chưa đi khỏi ngay, đồng chí nắm được phong cách của I. V. Xta-lin là không vội vã ra lệnh. I. V. Xta-lin lại im lặng, đi tới bàn châm thuốc hút.

- Còn Stê-men-cô, nếu chúng ta phong cấp thượng tướng thì liệu có làm việc được dễ dàng hơn không? - đồng chí rít tẩu thuốc và hỏi An-tô-nốp.

- Thưa đồng chí Xta-lin, nhất định là dễ dàng hơn, - An-tô-nốp trả lời, - vì đồng chí ấy thường phải tiếp xúc với các nguyên soái và lại hay ra các mặt trận.

- Theo ý kiến tôi. chúng ta cũng cần phong Gô-vô-rốp lên đại tướng. Đồng chí ấy hoạt động ở Lê-nin-grát cũng không phải là dễ dàng gì.

Chúng tôi lại im lặng.

- Đồng chí chuẩn bị làm quyết định cho cả ba đồng chí, - Tổng tư lệnh tối cao nói với Pô-xcri-ô-bư-sép.

Pô-xcri-ô-bư-sép gặt đầu và đi khỏi.

- Xin chúc mừng các đồng chí. - I. V. Xta-lin nói tiếp với tôi và Ba-gra-mi-an. - Còn bây giờ xin chia tay, tôi hiện đang bận phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước.

Sau khi đến Bộ tổng tham mưu, chúng tôi ghé lại chỗ An-tô-nốp.

- Nhân dịp này chúng ta ăn cơm thân mật với nhau một bữa cho vui, - An-tô-nốp đề nghị với chúng tôi.

Chúng tôi bước vào phòng đằng sau phòng làm việc của An-tô-nốp, nơi An-tô-nốp thường hay nghỉ lại. Đồng chí tháo ngay quân hàm đại tướng trên chiếc áo quân phục thứ hai treo ở mắc áo trong tủ ra trao cho I. Kh. Ba-gra-mi-an, còn Ba-gra-mi-an lại tháo quân hàm của mình trao cho tôi. Sửa sang quân phục cho chỉnh tề sau khi đeo quân hàm mới, chúng tôi ngồi vào bàn ăn với nhau. A. I. An-tô-nốp còn chai rượu vang dùng để tiếp khách cao cấp nước ngoài, nhưng nhân dịp đáng ghi nhớ này của hai chúng tôi, đồng chí liền mở nút chai.

Ngay sau đó, chúng tôi nhận được quyết định của Hội đồng bộ trưởng dân ủy phong cấp quân hàm cho chúng tôi, còn ngày 19 tháng Mười một, I. V. Xta-lin ký quyết định cử đại tướng I. Kh. Ba-gra-mi-an làm tư lệnh phương diện quân Pri-ban-tích 1, và C. N. Ga-li-txki làm tư lệnh tập đoàn quân cận vệ 11

Cho phép tôi lại quay trở về với các sự kiện ở Ru-ma-ni. Các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu chúng tôi tất nhiên phải đi vào giải quyết các vấn đề quân sự, như: xác định cách thức sử dụng các đơn vị Ru-ma-ni và các nhiệm vụ họ có thể hoàn thành, tổ chức phối hợp hành động trên thực tiễn với các đơn vị quân Ru-ma-ni. Tiến hành những công việc này, chúng ta dựa vào các cơ quan tham mưu của phương diện quân U-crai-na 2 và các tập đoàn quân đang chiến đấu cùng với các đơn vị Ru-ma-ni. Các đồng chí ấy hiểu rõ khả năng chiến đấu của các đồng minh mới của chúng ta.

Cùng có nhiều ý kiến nghi ngại. Ví dụ, khi còn ở trong hàng ngũ của chủ nghĩa phát-xít, quân Ru-ma-ni chưa thấy tỏ ra có gì đặc biệt. So với các đơn vị của Liên Xô, thì trang bị kỹ thuật của quân đội Ru-ma-ni thua kém, nhất là không đủ pháo binh. Vì vậy, cần giao nhiệm vụ chiến đấu sao cho phù hợp với khả năng của họ. Chúng ta lại không được bỏ qua không chú ý kiểm tra các hoạt động của đội ngũ cán bộ chỉ huy vì trong số các tướng lĩnh và sĩ quan có nhiều phần tử thân phát-xít, trước đây đã từng tham gia chiến tranh ở bên phía Đức. Bởi lẽ đó nên thậm chí còn có người cho rằng quân đội Ru-ma-ni là quân đội không có khả năng chiến đấu. Thêm nữa, hậu phương của đất nước Ru-ma-ni hãy còn những dấu vết của nền độc tài phát-xít, nên khá phức tạp.

Thời gian ấy, quân đội Ru-ma-ni được quyết định sẽ sử dụng tập trung: tập đoàn quân Ru-ma-ni 4 (11 sư đoàn) do tướng A-vra-me-xcu chỉ huy, sẽ phối thuộc về mặt chiến dịch với tư lệnh tập đoàn quân 27 của chúng ta (tướng X. G. Tơ-rô-phi-men-cô), còn tập đoàn quân Ru-ma-ni 1 do tướng Ma-tri-trơ chỉ huy, thì phối thuộc về mặt chiến dịch với tư lệnh tập đoàn quân 53 (tướng I. M. Ma-na-ga-rốp). Cách phối thuộc như vậy sẽ bảo đảm cho bộ đội Liên Xô và Ru-ma-ni hiệp đồng được chặt chẽ với nhau trên những hướng quan trọng nhất lúc bấy giờ, hướng Đê-brê-xen và Bu-đa-pét, cũng như sẽ bảo đảm khả năng chi viện cho các binh đoàn Ru-ma-ni bằng hỏa lực và sức đột phá của các khí tài kỹ thuật Liên Xô.

Ý nghĩa những hành động ở đây là nhằm tiêu diệt quân địch ở các hướng nói trên và cắt đứt các con đường rút quân của các đơn vị phát-xít Đức và Hung-ga-ri từ miền Đông Các-pát sang phía Tây. Qua đó, sẽ mở đường cho bộ đội của phương diện quân U-crai-na 4 vượt qua dải núi. Tình hình trên được nói đến chi tiết trong chương “Ở giữa châu Âu” ở đây chúng ta chỉ cần nói một điều là ngay những trận đánh hiệp đồng đầu tiên ấy đã khẳng định một chân lý vốn có từ lâu là: khi một quân đội chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa, thì quân đội ấy có thể chiến đấu gan dạ và dũng cảm. Hơn thế nữa, khi họ lại cảm thấy được rằng kẻ vai sát cánh với họ là các chiến sĩ Liên Xô. Sư đoàn bộ binh 1 mang lên Tu-đo Vla-di-mia-re-xcu mà ta nói tới ở trên đã chiến đấu đặc biệt xuất sắc trong những trận đầu ở gần Clu-giơ, sau này được nhận danh hiệu sư đoàn Đê-bre-xen và được tặng thưởng huân chương Cờ Đỏ, vì đã chiến đấu dũng cảm trong chiến dịch Đê-brê-xen.

Chặng đường chiến đấu từ Clu-giơ đến cửa ngõ tiếp cận vào Pra-ha còn in dấu cuộc chiến đấu chung của các chiến sĩ Liên Xô và Ru-ma-ni chống bọn chiếm đóng Hít-le. Tình đoàn kết chiến đấu giữa các chiến sĩ Liên Xô và quân đội của nước Ru-ma-m mới được củng cố, phát triển và mở rộng ở đây. Chúng ta đặc biệt chú ý thấy bản lĩnh chiến đấu của các cán bộ chỉ huy và các chiến sĩ Ru-ma-ni trưởng thành rất nhanh.

Tổng tư lệnh tối cao nhận được một số báo cáo về các chiến công của quân đội Ru-ma-ni. Ví dụ, R. I-a. Ma-li-nốp-xki gửi lên I. V. Xta-lin bức điện sau: “Đề nghị đồng chí cho phép tặng thưởng huân chương Cờ Đỏ cho các phi công lái máy bay tiêm kích: chuẩn úy Grê-cơ Ghê-oóc-ghi và chuẩn úy Vi-e-rơ Pa-ven trong khi chấp hành nhiệm vụ của bộ chỉ huy Liên Xô ở khu vực Đê-brê-xen ngày 10 tháng Hai năm nay, đã bắn rơi chiếc máy bay Xe-129 số 214. Chiếc máy bay đó chở những tên thủ lĩnh khét tiếng của các tổ chức phát-xít hoạt động ngầm ở Ru-ma-ni đang tìm cách bay về Đức...”

Bộ tổng tham mưu đã báo cáo bức điện trên và được phép giải quyết.

Các chiến sĩ Liên Xô và Ru-ma-ni đã cùng nhau trải qua những thử thách lửa đạn và máu xương trong cuộc chiến tranh chống Hít-le. Chúng ta cần hết sức trân trọng ghi sâu những thử thách ấy trong lòng các dân tộc chúng ta. Những hy sinh vì thắng lợi của các đồng chí chúng ta, đòi hỏi chúng ta phải như vậy.

Hơn 286 nghìn chiến sĩ Liên Xô đã bị thương trong các trận đánh nhằm giải phóng Ru-ma-ni vào mùa hè và mùa thu năm 1944, 69 nghìn chiến sĩ và sĩ quan Liên Xô đã hy sinh để nhân dân Ru-ma-ni được giải phóng khỏi gông xiềng của chế độ độc tài phát-xít, có thể hưởng tự do và hạnh phúc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình. Các truyền thống hữu nghị và giúp đỡ anh em được vun đắp trong những trận đánh chống bọn phát-xít Đức xâm lược cần được phát triển, nhân lên trên cơ sở các nguyên tắc của đường lối quốc tế vô sản của Lê-nin. Đó cũng là lời di huấn của các dũng sĩ thần kỳ đã giải phóng nhân loại thoát khỏi nạn dịch hung nô.

CHƯƠNG NĂM

• Theo con đường của các anh hùng Síp-ca^[1]

- Quyết định tiến vào Bun-ga-ri.
- Các thủ đoạn của chính phủ tư sản.
- Gh.c.Giu-cốp ở phía Nam.
- Cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Bun-ga-ri, các anh hùng của cuộc khởi nghĩa.
- Sứ mệnh của X.X.Bi-ri-u-dốp.
- Như trong truyện trinh thám: đuổi theo đoàn tàu.
- Kết liễu ổ rắn độc.
- Gh.M.Đi-mi-tơ-rốp giúp gỡ mối bất hòa.
- Máu cùng đổ.
- Bài học của phép lịch sự ngoại giao.

Sau khi tiêu diệt các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân «Nam U-crai-na» của địch, các Lực lượng vũ trang Liên Xô có nhiệm vụ phải quét nốt tàn quân địch đang vội vã rút về Hung-ga-ri, vào sâu trong đất Ru-ma-ni và Bun-ga-ri. Phải truy kích và tiêu diệt chúng.

Giống như chàng dũng sĩ trong thần thoại đứng trước ngã ba đường, vào cuối tháng Tám 1944 này, Hồng quân cũng đang đứng trước ba con đường ở trên hướng Tây - Nam: một đường tiến vào Hung-ga-ri, một đường chạy qua Ru-ma-ni, và đường thứ ba qua Bun-ga-ri. Đường nào cũng chứa đựng những khó khăn và nhiều nguy hiểm. Nhưng, nếu như chàng dũng sĩ trong thần thoại chỉ phải chọn lấy một con đường, thì các chiến sĩ Liên Xô phải tiến quân trên cả ba con đường, và nhiệm vụ Bộ tổng tham mưu trong thời gian ấy là phải vạch ra được những công việc gì cần làm để đem lại hiệu quả cao nhất.

Chúng ta nhớ rằng, địch còn có những khả năng lớn. Chúng có thể điều quân ở Nam Tư, An-ba-ni và Hy Lạp sang chống lại ta. Ở những nơi ấy, địch còn 20 sư đoàn và 7 lữ đoàn. Cũng không loại trừ khả năng địch còn có thể lấy quân ở I-ta-li-a sang. Cụm quân địch đóng ở đây cũng gần bằng cụm quân bố trí ở Ban-căng. Như vậy là chúng có tất cả hơn 50 sư đoàn và lữ đoàn. Lực lượng chúng còn đông, còn các đồng minh của chúng ta lại tiến quân rất chậm. Trong các điều kiện ấy chỉ một thiếu sót nhỏ cũng sẽ kéo theo sau nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Thời gian này, Bộ tổng tham mưu đã tính toán hết mọi tình thế phức tạp ở Bun-ga-ri. Một mặt, chúng ta hiểu rõ dân tộc Bun-ga-ri là một dân tộc không đông, nhưng có những truyền thống yêu tự do và cách mạng, xưa nay vẫn là bầu bạn và là anh em của nhân dân ta. Bun-ga-ri là đất nước của những con người đấu tranh dũng cảm, của những chiến sĩ can đảm chiến đấu chống bọn xâm lược nước ngoài và bọn tư bản trong nước, đất nước của những con người khởi nghĩa cách mạng anh hùng, tổ quốc của Khri-xtô Bô-tép, Đê-mi-tơ-rô Bla-gô-ép, Va-xi-li Cô-la-rốp, Ghê-oóc-ghi Đê-mi-tơ-rốp. Song mặt khác, chúng ta cũng lại nhìn thấy ở đây cả những bọn tay sai của chủ nghĩa phát-xít Đức đang đứng đầu một chính phủ xô đẩy Bun-ga-ri vào cuộc chiến tranh ở về phía nước Đức Hít-le, dâng đất nước cho bọn toàn quyền của Đế chế thứ ba.

Tôi phải nói rằng các sĩ quan và tướng lĩnh Liên Xô tin tưởng sâu sắc vào các lực lượng

chống Hít-le và chống phát-xít của nhân dân Bun-ga-ri, vững tin vào tình cảm của nhân dân Bun-ga-ri đối với đất nước chúng ta. Chúng ta tin không một binh sĩ Bun-ga-ri nào sẽ giơ tay chống lại Hồng quân - những người giải phóng. Niềm tin đó có cơ sở của nó, dựa vào những quan hệ hữu nghị đã có từ lâu, lòng biết ơn của nhân dân Bun-ga-ri đối với nhân dân chúng ta trước đây đã giúp đỡ Bun-ga-ri thoát khỏi ách nô dịch của Đế quốc Ôt-tô-man, và dựa vào sự hiểu biết chính xác tình hình thực tế trong nước. Người cán bộ tham mưu phải biết kiểm tra lại mệnh lệnh của trái tim bằng tiếng nói ngăn ngừa của lý trí. Chúng ta biết trong nước Bun-ga-ri đang triển khai rộng rãi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xã hội, các lực lượng yêu nước tập hợp thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc, và Đảng công nhân Bun-ga-ri dẫn đầu cuộc đấu tranh ấy.

Giữa tháng Bảy 1942, theo sáng kiến của Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp, đã đề ra khẩu hiệu thành lập Mặt trận Tổ quốc. Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp, người lãnh đạo sáng suốt và có uy tín của Đảng công nhân Bun-ga-ri trong thời gian ấy làm việc ở Mát-xcơ-va, đặt trụ sở tại ngôi nhà gần khu Triển lãm nông nghiệp ở Rô-xtô-ki-nô. Trước khi giải tán Quốc tế cộng sản (năm 1943), đồng chí đã giữ cương vị Tổng bí thư Ban chấp hành Quốc tế cộng sản trong nhiều năm. Đồng chí còn phụ trách cả Ban lãnh đạo hải ngoại của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri.

Ban lãnh đạo hải ngoại của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri soạn ra cương lĩnh của Mặt trận. Cương lĩnh đó trước hết đề ra nhiệm vụ giải phóng toàn dân tộc — cắt đứt liên minh giữa Bun-ga-ri với nước Đức Hít-le và các nước đồng minh của Hít-le, giải phóng nhân dân Bun-ga-ri thoát khỏi bọn quốc xã Đức đang thống trị trong nước, rút các đơn vị Bun-ga-ri chiếm đóng ra khỏi Nam Tư và Hy Lạp. Ngoài ra, cương lĩnh còn đề ra các yêu sách chính trị đối nội nhằm cải cách dân chủ trong nước, như: giải thoát cho những người bị truy bức vì tham gia đấu tranh chống phát-xít, khôi phục các quyền tự do chính trị đã bị vi phạm thô bạo, giải tán các tổ chức phát-xít. Nhiệm vụ trước mắt là lật đổ chính quyền thân Đức và lập ra chính phủ được sự tin cậy của nhân dân, bảo đảm tình hữu nghị và hợp tác với Liên Xô.

Hiểu rõ nội dung và các khẩu hiệu đề ra trong cương lĩnh, quảng đại quần chúng nhân dân Bun-ga-ri, các chiến sĩ tích cực của Đảng công nhân, các hội viên Nông hội, những người dân chủ-xã hội, các quân nhân, công nhân, nông dân, thợ thủ công, quan chức cấp dưới có tinh thần yêu nước và tầng lớp trí thức tiến bộ, thanh niên cách mạng, tất cả đều nhiệt tình ủng hộ Mặt trận Tổ quốc.

Còn chúng tôi, các sĩ quan và tướng lĩnh trong Bộ tổng tham mưu, khi chuẩn bị chiến dịch ở Bun-ga-ri thường sử dụng các tác phẩm của Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp, hoặc có trường hợp trực tiếp tới xin ý kiến đồng chí. Không ai biết Bun-ga-ri rõ hơn đồng chí và có thể nhận định giỏi hơn đồng chí về những con đường phát triển của nước đó. Tôi có một số dịp được may mắn tiếp xúc với đồng chí trong những buổi đồng chí tới thăm Đại bản doanh và được dự những buổi tọa đàm của đồng chí với các đồng chí lãnh đạo Liên Xô. Đối với tôi và nhiều đồng chí cán bộ trẻ tuổi khác lúc bây giờ, Ghê-oóc-ghi Đi-mi-tơ-rốp là một con người siêu phàm, là tấm gương của một người cách mạng chân chính. Sau vụ án Lai-pxích, một vụ án mà như mọi người đều biết, Ghê-oóc-ghi Đi-mi-tơ-rốp đã giành quyền chủ động trước phiên tòa, biến Gơ-rinh, Gơ-ben, và toàn bộ hệ thống của chủ nghĩa phát-xít thành những tên bị cáo, đồng chí đã chiếm được lòng tin yêu của mỗi người dân trên đất nước ta, nổi danh là một chiến sĩ thông minh và bất khuất, đấu tranh cho những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Nhân dân Liên Xô hiểu biết

và tin yêu đồng chí, coi Ghê-oóc-ghi Đi-mi-tơ-rốp là đồng chí, là anh em.

Mặc dầu Bộ tổng tham mưu hầu như không có quan hệ gì trực tiếp với vị Tổng bí thư Ban chấp hành Quốc tế cộng sản và cũng là Chủ tịch Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng công nhân Bun-ga-ri, nhưng chúng tôi, những sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu còn nhớ rằng, chỉ mấy tiếng đồng hồ sau khi thảo luận trong điện Crem-li về tình thế mới nảy sinh do nước Đức Hít-le tập kích vào Liên Xô, Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp đã triệu tập một cuộc họp của Ban bí thư Quốc tế cộng sản quyết định triển khai chiến dịch của quảng đại quần chúng nhằm chi viện cho Liên Xô, tổ chức ở châu Âu một phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ chống bọn chiếm đóng phát-xít Đức, chống lại sự phụ thuộc vào nước Đức quốc xã.

Hồi ấy, tất cả chúng tôi đều thực sự cảm thấy rằng đất nước xô-viết không đơn độc, rằng cuộc đấu tranh của nhân dân Liên Xô đã hòa chung thành một mặt trận thống nhất cùng với các dân tộc khác chiến đấu chống kẻ thù đáng ghét.

Ban chấp hành Quốc tế cộng sản đã đề nghị thành lập, rồi sau đó trên thực tế đã tổ chức ra một đơn vị quốc tế gồm các kiều dân lưu trú chính trị của nhiều nước. Trong đơn vị ấy có người Tây Ban Nha, Séc, Xi-lô-vác, Ba Lan, Bun-ga-ri, Hy Lạp, Ru-ma-ni, Đức, Áo, Anh và các đại biểu của nhiều dân tộc khác. Đơn vị này được đưa vào biên chế của Lữ đoàn bộ binh cơ giới độc lập làm nhiệm vụ đặc biệt. Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp trực tiếp lãnh đạo lữ đoàn này về mặt chính trị.

Tháng Mười 1941, theo đề nghị của Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp, đồng chí I-van Vi-na-rốp, sau này trở thành nhà hoạt động nổi tiếng của nước Bun-ga-ri nhân dân, được cử làm chỉ huy phó lữ đoàn. Việc lựa chọn ấy có cân nhắc kỹ. I. Vi-na-rốp là một nhà cách mạng Bun-ga-ri. Trước đây, đồng chí buộc phải rời bỏ Tổ quốc và lưu vong sang Liên Xô. Đồng chí đã tốt nghiệp Học viện quân sự mang tên M. V. Phrun-de và được phong quân hàm đại tá Hồng quân. Sau đó, đồng chí làm việc trong cơ quan của Quốc tế cộng sản và trong Ban lãnh đạo hải ngoại của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri. Hàng tuần, đồng chí thường đến trụ sở Quốc tế cộng sản gặp Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp báo cáo tình hình các chiến sĩ trong quân đội quốc tế và nhận chỉ thị cùng những lời chỉ bảo của Đi-mi-tơ-rốp.

Lữ đoàn tham gia trực tiếp vào việc phòng thủ Mát-xcơ-va và làm các công tác phục vụ chiến đấu trong thành phố. Tình hình không đòi hỏi phải đưa cả lữ đoàn tham gia chiến đấu, nhưng từng phân đội, kể cả phân đội các chiến sĩ quốc tế, đã tham gia những trận đánh tại những đường tiếp cận vào thủ đô. Nhiều chiến sĩ trong đơn vị quốc tế này đã tham gia các nhóm trở về nước hoạt động bí mật: tổ quốc cần tới sự giúp đỡ của họ trong cuộc đấu tranh chống bọn chiếm đóng Hít-le.

Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp đã nhìn thấy trước ngày tận số nhục nhã của bọn xâm lược phát-xít Đức, những biến đổi xã hội sâu sắc trong các nước và sự cần thiết phải xây dựng lực lượng vũ trang mới ở các nước ấy. Các đồng chí trước đây từng làm việc trong Ban bí thư Ban chấp hành Quốc tế cộng sản nhớ lại rằng, có lần đồng chí nói: «Điều rất quan trọng đối với người đảng viên cộng sản là phải nắm được, dù là những điều sơ đẳng về công tác quân sự. Chúng ta rồi sẽ trở về đất nước, và chúng ta không phải chỉ có hoạt động chính trị mà còn phải thành lập cả quân đội nữa»^[2].

Tình hình chính trị ở trong nước Bun-ga-ri phát triển cho phép Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp rút ra kết luận ngay từ tháng Sáu 1944: sẽ có một cuộc khủng hoảng sâu sắc xảy ra, mà nguyên nhân của nó là do chính sách phản bội nhân dân của chính phủ Ba-gri-a-nốp. Trong một buổi phát

thanh của thông tấn xã «Khri-xtô Bô-tép», Gh. M. Đi-mi-tơ-rôp tuyên bố rằng, chính phủ thân phát-xít đại biểu cho những quyền lợi của Hít-le và bọn tay sai của chúng ở Bun-ga-ri đang lừa bịp nhân dân. Nhưng, chính phủ ấy không thể «hành động sao cho con sói thì no nê mà con cừu không bị sây sát» được. Gh. M. Đi-mi-tơ-rôp còn báo trước rằng, tình hình trong nước, tinh thần của nhân dân và quân đội sẽ không hứa hẹn một điều gì tốt lành cho cả Ba-gri-a-nốp lẫn bọn Hít-le^[3] vì chính phủ phát-xít Bun-ga-ri đang xô đẩy đất nước vào vực thẳm của tai họa.

Bộ tổng tham mưu xô-viết chú ý nghiên cứu những kết quả hoạt động to lớn của Đảng công nhân Bun-ga-ri và biết rằng ở Bun-ga-ri đang phát triển một phong trào du kích rộng lớn và được tổ chức tốt. Năm 1944, Bun-ga-ri có Quân đội khởi nghĩa giải phóng dân tộc của Mặt trận Tổ quốc, quân số tới 18000 người. Đứng về quy mô của Bun-ga-ri thì như vậy là nhiều. Quân đội của những người khởi nghĩa đã tạo thành một mặt trận thực sự ở bên trong đất nước Bun-ga-ri trên khắp lãnh thổ, giam chân quân đội của chế độ quân chủ thân phát-xít, bọn cảnh sát và binh lính đồn trú của Hít-le. Trong các xí nghiệp, cơ quan, quân đội, ở thành phố và nông thôn, còn có cả một hệ thống các tổ chiến đấu đang hoạt động, tới 12000 chiến sĩ. Ngoài ra, lại phải tính thêm hơn 200000 dân quân đang giúp đỡ các chiến sĩ du kích. Mọi âm mưu của chính phủ thân phát-xít ở Bun-ga-ri định dùng sức mạnh của vũ khí đàn áp phong trào, đều bị các chiến sĩ du kích làm cho thất bại.

Bộ tổng tham mưu đã tính toán tất cả những vấn đề trên và coi đó là nhân tố thuận lợi của tình hình.

Cũng không thể không tính đến việc Bun-ga-ri không chính thức ở trong tình trạng chiến tranh chống Liên Xô. Nhưng chính phủ phát-xít ở Bun-ga-ri mặc dù không dám bước vào con đường nguy hiểm nói trên, nhưng lại liên minh với nước Đức phát-xít và giúp đỡ chúng mọi thứ có thể. Quân đội Hít-le đã sử dụng lãnh thổ và các phương tiện giao thông vận tải của Bun-ga-ri, quân đội Bun-ga-ri giúp quân Đức chiếm đóng các vùng đất đai ở Nam Tư và Hy Lạp, tạo điều kiện cho bộ chỉ huy Hít-le rút quân của chúng sang hoạt động trên chiến trường Xô - Đức. Bè lũ tay sai của Hít-le ở Bun-ga-ri đàn áp tàn bạo các chiến sĩ du kích và những người yêu nước khác.

Các sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu theo dõi hoạt động của phương diện quân Ư-crai-na 3 tất nhiên là chịu gánh nặng chính về việc lập kế hoạch các chiến dịch ở Bun-ga-ri. Thiếu tướng C. Ph. Va-xin-tren-cô, một người thông minh, lúc nào cũng sẵn sàng cung cấp nhiều ý kiến hay, phụ trách tổ sĩ quan trên hướng này. Một hôm, khi báo cáo với tôi về các kế hoạch chiến dịch, đồng chí nhận xét qua rằng theo ý kiến của đồng chí thì bộ chỉ huy Đức sẽ không ngờ rằng bộ đội Liên Xô sẽ quật xuống đánh vào Bun-ga-ri. Tôi đề nghị đồng chí luận chứng cho ý kiến này. Nếu như nước Đức Hít-le không ngờ chúng ta sẽ đánh vào Bun-ga-ri thì ắt chúng sẽ không tổ chức phòng ngự vững chắc tại đây. Và khi tiến công, chúng ta có thể dựa vào yếu tố bất ngờ đó cùng với những kết quả của nó.

C. Ph. Va-xin-tren-cô còn chú ý tới những thủ đoạn quanh co lén lút của chính phủ I. Ba-gri-a-nốp mà chúng tôi đã biết. Một số đại biểu trong chính phủ đó đang đi vào điều đình ngầm với Anh-Mỹ.

Tất cả những thủ đoạn lén lút đó của Ba-gri-a-nốp đều nhằm ngăn chặn Hồng quân tiến vào Bun-ga-ri, — Va-xin-tren-cô báo cáo. — Bằng chứng cho nhận xét này là bọn đầu sỏ Hít-le cho

đến nay vẫn chưa nghĩ tới việc rời khỏi Bun-ga-ri và chúng vẫn cảm thấy ở đây còn yên ổn. Có lẽ, chúng cho rằng Liên Xô sẽ không vi phạm nền trung lập giả của Ba-gri-a-nốp được củng cố bằng hòa ước riêng rẽ với các đồng minh của chúng ta.

Mọi ý kiến của đồng chí đều trùng với những suy nghĩ của riêng tôi. Nhưng, rồi sẽ báo cáo những ý kiến ấy với cấp trên ra sao? Vì nếu chỉ dựa vào sự phân tích thuần túy về mặt quân sự thì không ổn. Tuy nhiên, tôi vẫn báo cáo cho A. I. An-tô-nốp biết, và đồng chí quyết định cứ báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao.

Trong khi ấy, các sự kiện tiếp tục phát triển nhanh. Các đơn vị quân phát-xít Đức bị tiêu diệt ở I-át-xur và Ki-si-ni-ốp đã buộc Ba-gri-a-nốp phải lìa bỏ giấc mộng vẫn ấp ủ là dựa vào sự chi viện quân sự của Hít-le để cứu vãn tình thế của chế độ phát-xít ở Bun-ga-ri. Hy vọng vào sự chi viện đó là điều không tưởng. Quần chúng nhân dân Bun-ga-ri ở trong nước lại đang căm thù bọn cầm quyền đáng ghét và chế độ phát-xít. Thời gian bùng nổ cách mạng đã chín muồi. Trong khi ấy, Hồng quân đang tiến công như vũ bão trên đất Ru-ma-ni, nơi đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa của nhân dân, và đang tới gần biên giới phía Bắc Bun-ga-ri.

Ngày 26 tháng Tám 1944 Đảng công nhân Bun-ga-ri thông qua nghị quyết trực tiếp chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Bun-ga-ri. Nghị quyết ấy phù hợp với tình hình và được bảo đảm bằng những khả năng hiện thực. Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri đã ra thông tri số 4, một thông tri có ý nghĩa lịch sử, yêu cầu các đảng viên cộng sản phải phát động hết thảy các lực lượng chống phát-xít đứng lên đấu tranh kiên quyết và dũng cảm, đánh đuổi các đơn vị Hít-le, lật đổ các bộ trưởng phát-xít, thành lập chính phủ của Mặt trận Tổ quốc và chính quyền dân chủ-nhân dân.

Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp thường vẫn có sự trao đổi ý kiến với I. V. Xta-lin, ngày hôm sau đã gửi chỉ thị cho Bộ tổng tham mưu các lực lượng du kích, nhưng chính là gửi cho Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri, yêu cầu phải đoàn kết mọi lực lượng nhân dân xung quanh ủy ban dân tộc Mặt trận Tổ quốc, tước vũ khí các đơn vị quân phát-xít Đức và bọn Giét-xta-pô, kiên quyết thủ tiêu mọi hoạt động chống lại Mặt trận Tổ quốc và Hồng quân, thành lập chính phủ của Mặt trận Tổ quốc. Trong chỉ thị còn dành một điểm riêng nói rõ: «Nhân dân Bun-ga-ri và các lực lượng vũ trang của Bun-ga-ri phải kiên quyết đứng về phía Hồng quân, quân đội của những người giải phóng Bun-ga-ri thoát khỏi ách chiếm đóng của bọn Đức, và sẽ cùng với Hồng quân quét sạch bọn ăn cướp Hít-le cùng bè lũ tay sai dê hèn của chúng ra khỏi đất đai Bun-ga-ri»[\[4\]](#).

Vậy là, cương lĩnh đấu tranh cách mạng của nhân dân Bun-ga-ri cầm vũ khí chống lại chế độ phát-xít hiện hành ở trong nước đã được xác định rõ ràng. Các đảng viên cộng sản Bun-ga-ri lãnh đạo các lực lượng cách mạng, bắt tay vào thực hiện ngay tại chỗ các chỉ thị của đồng chí Đi-mi-tơ-rốp.

Mặc dầu đang đứng trước hoàn cảnh bế tắc, song chính phủ Ba-gri-a-nốp vẫn tiếp tục giữ chính sách hợp tác với bọn Hít-le và chống lại các lực lượng của Mặt trận Tổ quốc. Bộ tổng tham mưu Liên Xô có những chứng cứ xác đáng rằng, viện binh Đức đang mượn đường đi qua Bun-ga-ri tới Ru-ma-ni để ứng cứu cho các đơn vị quân phát-xít Đức. Chúng tôi báo cáo những tin tức trên cho Đại bản doanh, và ngày 30 tháng Tám, Chính phủ Liên Xô gửi thông điệp cho chính phủ Bun-ga-ri yêu cầu phải đình chỉ ngay việc cho quân Đức mượn đường tiến vào Ru-ma-ni. Ba-gri-a-nốp bị kẹt giữa hai ngọn lửa, không tìm ra lối thoát nào khác, bèn xin từ chức.

Đất nước Bun-ga-ri hai ngày không có chính phủ. Ngày 2 tháng Chín 1944, chính phủ mới

của C. Mu-ra-vi-ép được thành lập. Lên năm chính quyền, Mu-ra-vi-ép đọc bản tuyên bố của chính phủ trước đài phát thanh Xô-phi-a, công bố chấm dứt chính sách của chính phủ cũ mà nhân dân Bun-ga-ri không bao giờ tán thành. Ông ta tuyên bố khôi phục lại tất cả các quyền tự do dân chủ của nhân dân Bun-ga-ri, công bố ân xá triệt để và tuyệt đối tất cả những người trước đây bị bắt, vì lý do chống lại chế độ độc tài ở Bun-ga-ri và chống lại chính quyền liên minh với nước Đức. Mu-ra-vi-ép còn tuyên bố sẽ giải tán mọi tổ chức phát-xít và trong lĩnh vực chính sách đối ngoại sẽ thực hiện đường lối trung lập nghiêm chỉnh và tuyệt đối, tước vũ khí mọi đơn vị quân Đức đi qua lãnh thổ Bun-ga-ri cũng như những đơn vị đang đóng quân trên đất nước Bun-ga-ri. Ông ta còn hứa sẽ tiến hành đàm phán với Anh và Mỹ để tìm cách giúp Bun-ga-ri thoát khỏi chiến tranh, và đặc biệt còn nói rõ thêm rằng, một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhất của chính phủ là kiến lập những mối quan hệ tin cậy với nước Nga.

Thế nhưng, ít lâu sau đã lộ rõ những lời tuyên bố trên của chính phủ mới chỉ là lừa bịp. Bộ tổng tham mưu Liên Xô có những tin tức chính xác về các tàu chiến Đức ra vào các bến cảng ở Bun-ga-ri, hàng ngàn binh lính Hít-le còn đang ẩn nấp trong nước Bun-ga-ri, trốn tránh sự truy nã của Hồng quân. Quân địch dựa vào các tàu ngầm đậu tại các bến cảng của Bun-ga-ri, vẫn tiếp tục uy hiếp tàu bè của Liên Xô qua lại Biển Đen và uy hiếp mạnh sườn phía ven biển của quân đội Liên Xô. Tất cả những tình hình trên buộc chúng ta phải đẩy mạnh tốc độ sẵn sàng tiến quân vào lãnh thổ Bun-ga-ri.

Bộ tổng tham mưu soạn thảo kế hoạch tiến hành các chiến dịch ở Bun-ga-ri và báo cáo cho Đại bản doanh. Thực chất kế hoạch đó như sau. Các lực lượng của phương diện quân U-crai-na 3, Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội Đa-nuýp sẽ phối hợp mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch trên lãnh thổ Bun-ga-ri và trên các vùng hải phận lân cận, lấy khu vực phía Nam Đô-brút-gi làm khu vực xuất phát, còn mũi đột kích chủ yếu sẽ đánh vào Ai-tô-xơ, Bua-rơ-gát. Một số binh đoàn của cụm xung kích phương diện quân phối hợp với Hạm đội Biển Đen đánh chiếm các bến cảng rất quan trọng là Vác-na và Bua-rơ-gát — nơi đỗ các tàu chiến địch. Khi báo cáo ý định chiến dịch, A. I. An-tô-nốp không quên nhắc đến khả năng sẽ giành được yếu tố bất ngờ, nếu quân địch không dự phòng ta đánh vào Bun-ga-ri.

Không bác bỏ những dự kiến của Bộ tổng tham mưu, I. V. Xta-lin nói: chúng ta cần chuẩn xác tình hình tại chỗ và kết thúc tại đó việc bổ sung kế hoạch chiến dịch. Nhằm mục đích ấy, đồng chí lệnh cho Gh. C. Giu-cốp đến các đơn vị của phương diện quân U-crai-na 2 và 3 trực tiếp nghiên cứu kế hoạch cùng với các tư lệnh phương diện quân và nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô, đại diện của Đại bản doanh đang công tác tại các phương diện quân này. Xta-lin góp ý với Giu-cốp trước khi đi nên đến gặp và lấy ý kiến của Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp, rồi đồng chí lại trực tiếp gọi điện nói chuyện với Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp báo tin Giu-cốp sắp tới tiếp kiến. Buổi gặp gỡ diễn ra thật bổ ích.

Gh. C. Giu-cốp mỗi khi nhận nhiệm vụ thường ra đi ngay không chút chậm trễ. Vừa đến nơi, đồng chí liền bắt tay ngay vào công việc. Theo quy tắc thông thường của nghệ thuật quân sự, đồng chí bắt đầu từ việc tìm hiểu các tin tức về địch và phát hiện ra rằng, tình hình ở phía trước phương diện quân của Ph. I. Tôn-bu-khin chưa được nghiên cứu đầy đủ. Bun-ga-ri là nước nằm xa các đường lớn của chiến tranh, về hình thức không phải là kẻ thù của ta. Chúng ta lại hiểu biết về quân phát-xít Đức nhiều hơn là quân đội Bun-ga-ri. Chúng ta chỉ biết rằng bộ phận chủ yếu của các đơn vị quân Bun-ga-ri bố trí ở phía giữa và phía Tây đất nước, một phần

lớn lực lượng của Bun-ga-ri đóng quân ở Hy Lạp và Nam Tư, còn những vùng ở phía Bắc Bun-ga-ri thì cả phương diện quân, lẫn Bộ tổng tham mưu đều chưa biết một cách cặn kẽ. Tất nhiên, tình hình đó đã được nhanh chóng bổ khuyết ngay.

Chiến dịch được chuẩn bị gấp. Nếu như trước đây bộ chỉ huy Đức và chính phủ Bun-ga-ri thân Hít-le không ngờ Hồng quân sẽ tiến quân vào lãnh thổ Bun-ga-ri, thì lúc này vào đầu tháng Chín, chúng sẽ dễ dàng phát hiện thấy một cụm quân lớn của Liên Xô đang được tập trung tới đây. Vì vậy, nếu chậm trễ tức là sẽ bỏ lỡ mất yếu tố bất ngờ hành động. Nhưng, như thường xảy ra trong chiến tranh, tình huống buộc chúng ta phải chờ đợi thêm một thời gian. Cần phải cấp nhiên liệu cho các đơn vị, nếu không thì xe chiến đấu, xe tăng không thể tiến quân được. Cũng vì lý do này mà ở một tập đoàn quân, pháo binh đã bị rút lại sau. Cuối cùng, chúng ta còn cần thêm một số thời gian để tổ chức, bố trí lại lực lượng.

Đến cuối ngày 4 tháng Chín, kế hoạch hành động của các đơn vị được chuẩn bị xong và về cơ bản vẫn giữ các ý kiến đề nghị của Bộ tổng tham mưu. X. C. Ti-mô-sen-cô lúc này bị ốm, không tham gia công tác.

Bây giờ tình hình ở Bun-ga-ri ngày một phức tạp thêm. Các đơn vị của Cụm tập đoàn quân «Nam U-crai-na» của Đức bị đánh tan, vẫn ngang nhiên rút quân qua lãnh thổ Bun-ga-ri mà không gặp trở ngại gì từ phía các nhà cầm quyền Bun-ga-ri, mấy chục tàu chiến Đức còn ẩn náu tại các bến cảng Bun-ga-ri, các đơn vị quân Đức tập trung ở các vùng Xô-phi-a, Xli-vơ-nít-xa, Bre-dơ-nít. Đại sứ Đức ở Bun-ga-ri tuyên bố với chính phủ Bun-ga-ri rằng, quân Đức trong thời gian trước mắt chưa có ý định bỏ Bun-ga-ri. Bộ tổng tham mưu Xô-viết được tin rằng đến giờ chót, bọn Hít-le có thể tiến hành một cuộc đảo chính ở Bun-ga-ri và lôi kéo nước này vào chiến tranh chống lại Liên Xô.

Vì các hoạt động trên biển có tầm quan trọng to lớn đối với kết cục thắng lợi của chiến dịch mở trên lãnh thổ Bun-ga-ri nên Đại bản doanh đã cử đô đốc N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp tới trợ giúp Giu-cốp và Tôn-bu-khin. Hạm đội Biển Đen do đô đốc Ph. X. Ốc-chi-áp-rơ-xki chỉ huy và Chi hạm đội Đa-nuýp do X. G. Goóc-scốp đứng đầu, trong thời gian này được phối thuộc về mặt chiến dịch cho phương diện quân U-crai-na 3. Nhiệm vụ chủ yếu của hạm đội là không cho các tàu chiến địch chạy thoát khỏi Bun-ga-ri, phối hợp với bộ binh đánh chiếm các bến cảng Vác-na và Bua-rơ-gát. Hạm đội phải cho quân đổ bộ đường biển chiếm giữ các bến cảng của Bun-ga-ri để đón các đơn vị của Tôn-bu-khin. Chiến dịch được quy định bắt đầu vào ngày 10 tháng Chín.

Kế hoạch bổ sung về chiến dịch tại lãnh thổ Bun-ga-ri được Đại bản doanh duyệt y ngày 5 tháng Chín. Cũng trong ngày hôm ấy, Chính phủ Liên Xô gửi thông điệp cho chính quyền Bun-ga-ri, nói rằng:

«Chính phủ Liên Xô chỉ có thể coi chính sách hiện hành của Bun-ga-ri là thực sự đứng về phe Đức tiến hành chiến tranh chống lại Liên Xô, mặc dầu tình hình quân sự của nước Đức về cơ bản đã xấu hẳn, mặc dầu Bun-ga-ri lúc này hoàn toàn có khả năng cắt đứt liên hệ với nước Đức, cứu đất nước khỏi bị diệt vong»[\[5\]](#).

7 giờ tối cùng ngày hôm đó, bức thông điệp của Chính phủ Liên Xô được trao cho công sứ Bun-ga-ri ở Mát-xcơ-va và viên sứ giả này lập tức gửi ngay về nước.

Ít lâu sau khi ở Bun-ga-ri biết việc này, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri triệu tập một cuộc họp bất thường cùng với Bộ tham mưu quân khởi nghĩa. Kế hoạch tiến

hành khởi nghĩa được thông qua. Mùi tập kích chủ yếu đánh vào Xô-phi-a trong đêm rạng ngày 9 tháng Chín. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị bằng những cuộc bãi công và biểu tình lớn của nhân dân lao động thủ đô. Đồng chí Tô-đo Gíp-cốp, nhà hoạt động lỗi lạc của Đảng công nhân Bun-ga-ri, được giao nhiệm vụ lãnh đạo chính trị, chiến đấu và cả công tác bảo vệ các cuộc biểu tình. Để lãnh đạo các lực lượng vũ trang khởi nghĩa của nhân dân tại thủ đô, đảng đã thành lập bộ tác chiến của đảng do đồng chí Tô-đo Gíp-cốp lãnh đạo. Các đồng chí Xtan-cô Tô-đo-rôp, Vla-di-mia Bô-nép, I-van Bô-nép là ủy viên của bộ tác chiến. Những cuộc bãi công bắt đầu nổ ra ngay từ ngày 6 tháng Chín 1944.

Chính phủ C. Mu-ra-vi-ép hoảng hốt. Rạng ngày 6 tháng Chín các đại biểu của chính phủ Bun-ga-ri tới gặp đồng chí đại biện của Liên Xô ở Xô-phi-a, đề nghị thông báo cho Chính phủ Liên Xô biết là Bun-ga-ri cắt đứt các mối quan hệ với nước Đức và xin điều đình. Đây là một đề nghị quan trọng.

Khi Mát-xcơ-va nhận được đề nghị của chính phủ Bun-ga-ri, I. V. Xta-lin liền hội ý với các đồng chí hiện đang có mặt tại Đại bản doanh, rồi nói chuyện bằng điện thoại với Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp và gọi điện cho Giu-cốp, chỉ thị rằng trong khi chờ đợi, để tìm hiểu rõ thêm tình hình, sẽ tạm thời hạn chế cuộc tiến quân của phương diện quân U-crai-na 3 tới tuyến Đơ-giuốc-du, Ra-giơ-grát, Su-men, Đun-gô-pôn, bờ Bắc sông Ca-men. Đồng chí kể lại các sự kiện xảy ra ở Bun-ga-ri, tình hình quân khởi nghĩa, nói rằng cuộc khởi nghĩa của nhân dân sắp nổ ra và đã đến lúc chính phủ Mu-ra-vi-ép phải có những quyết định cơ bản: phải nghĩ tới mai sau.

Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 liên hệ với Quân đội khởi nghĩa giải phóng nhân dân Bun-ga-ri, với các ban chấp hành đảng bộ của Đảng công nhân Bun-ga-ri tại các vùng biên giới. Lời kêu gọi của các đảng viên cộng sản Bun-ga-ri hô hào nhân dân đứng lên phối hợp với Hồng quân quét sạch bọn cướp Hít-le ra khỏi Tổ quốc, vang vọng khắp đất nước Bun-ga-ri. Trong khi cuộc khởi nghĩa của nhân dân ở trong nước đã chín muồi, thì bộ đội Liên Xô ở biên giới phía Bắc đã sẵn sàng tiến vào lãnh thổ Bun-ga-ri.

Đứng trước tình thế không còn lối thoát nào khác, chính phủ C. Mu-ra-vi-ép ngày 7 tháng Chín đã tuyên bố chính thức cắt đứt các quan hệ với Đức và ngày 8 tháng Chín tuyên chiến với nước Đức. Lúc này, Chính phủ Liên Xô nhận sẽ xem xét đề nghị điều đình của Bun-ga-ri.

Tất cả những sự kiện trên có quan hệ trực tiếp tới công tác của Bộ tổng tham mưu. Tôi còn nhớ, hồi đó những buổi báo cáo ban đêm về tình hình các mặt trận thường có mặt nhiều đồng chí ủy viên của Đại bản doanh và Hội đồng quốc phòng Nhà nước, vì phải thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc về tình hình quân sự và chính trị.

Tiếp sau đó, chúng tôi nhận được điện trả lời của Gh. C. Giu-cốp : mệnh lệnh hạn chế cuộc tiến quân tới tuyến định trước, đã chuyển ngay cho đích thân các đồng chí Tôn-bu-khin và Oc-chi-áp-rơ-xki chấp hành. Các đơn vị phải đi trước bắt đầu hành động lúc 11 giờ ngày 8 tháng Chín: tiếp đó, các lực lượng chủ yếu bắt đầu tiến công. Giu-cốp trực tiếp đi với bộ đội của Ga-ghen và Sa-rô-khin để kiểm tra sự sẵn sàng hành động của các tập đoàn quân.

Sự thông minh của người thống soái là không bao giờ bó hẹp trong phạm vi tình huống diễn biến lúc đó, mà luôn luôn cố gắng đi sâu vào những diễn biến sau này, biết nhìn xa tới các kết quả của chiến dịch. Gh. C. Giu-cốp đương nhiên là một người thống soái như thế. Sau khi báo cáo việc thực hiện chính xác các chỉ thị của Đại bản doanh, đồng chí còn cố gắng nhìn xa lên

phía trước và đề nghị lên cấp trên những ý kiến của mình, những ý kiến dựa vào các điều kiện tình huống có thực.

«Phương diện quân U-crai-na 3, — đồng chí báo cáo,— sau khi tiến ra tuyến Ru-xúc, Ra-giơ-grát, Su-men, Vác-na nếu như không tiếp tục tiến công nữa, thì phương diện quân của Tôn-bu-khin cần mở rộng theo dọc sông Đa-nuýp tới Tuốc-nu Xe-ve-rin, để Ma-li-nốp-xki và các binh đoàn của đồng chí khỏi phải phòng ngự ở khu vực Đơ-giuốc-du, Tuốc-nu Xe-ve-rin.

Khi các đơn vị của Tôn-bu-khin tới khu vực Tuốc-nu Xe-ve-rin, Ca-la-phát thì có thể cho một tập đoàn quân tăng cường vượt sông Đa-nuýp làm nhiệm vụ cắt con đường sắt Bê-ô-grát — Xa-lô-ních và chiếm tuyến Bê-ô-grát, Pa-ra- chin, Cơ-nhi-a-de-vát, Lôm».

Bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 bố trí như vậy, theo ý kiến của nguyên soái, sẽ bảo đảm tốt cho chiến dịch của phương diện quân U-crai-na 2 đánh Hung-ga-ri, chỉ viện được cho Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư, và buộc quân Đức phải bỏ lại Hy Lạp.

Tư tưởng cơ bản của các đề nghị trên trùng hợp với những ý kiến của Bộ tổng tham mưu về sự phát triển của các sự kiện sau này. Tổng tư lệnh tối cao nắm được những ý kiến của các cán bộ Bộ tổng tham mưu, nên khi Gh. C. Giu-cốp gửi lên đồng chí các đề nghị của mình, đồng chí liền chuyển sang cho chúng tôi nghiên cứu. Các ý kiến trên đã được cân nhắc tới, khi bắt tay vào soạn thảo kế hoạch tiến hành các chiến dịch trên lãnh thổ Nam Tư.

...Ngày 8 tháng Chín, đúng 11 giờ trưa, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 tiến lên phía trước. Chi đội mô-tô cơ giới đi đầu vượt qua biên giới, và một tiếng đồng hồ sau, các sư đoàn bộ binh cũng tiến theo. Những người lính biên phòng Bun-ga-ri không kháng cự lại. Sư đoàn bộ binh Bun-ga-ri bố trí ở khu vực Đô-brích cũng không nổ một tiếng súng. Ngoài ra, binh sĩ Bun-ga-ri còn tỏ nhiều dấu hiệu thiện cảm với bộ đội Liên Xô. Nhân dân các địa phương mang bánh mì và muối ra đón tiếp các chiến sĩ và sĩ quan Liên Xô. Nhân dân xuống đường chào mừng Hồng quân đi qua. Các sĩ quan Bun-ga-ri nhanh chóng tiếp xúc với các cán bộ chỉ huy của Hồng quân. Họ cho biết rằng, họ nhận được lệnh của Bộ tổng tư lệnh Bun-ga-ri, cấm không được giao chiến với Hồng quân.

Các quân đoàn cơ giới 4 và 7 bắt đầu tiến quân lúc 18 giờ, dự kiến đến đêm sẽ vượt các đơn vị bộ binh. Hạm đội Biển Đen cho các chiến sĩ thủy quân lục chiến đổ bộ vào cảng Vác-na.

Chính phủ tư sản Bun-ga-ri buộc phải thực sự cắt đứt quan hệ với nước Đức phát-xít. Ngay sau khi Chính phủ Liên Xô nhận được những bằng chứng xác minh là Bun-ga-ri đã cắt đứt quan hệ với Đức, thì Gh. C. Giu-cốp, N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp, Ph. I. Tôn-bu-khin và Ph. X. Ốc-chi-áp-rơ-xki cũng nhận được bức điện hồi 19 giờ ngày 9 tháng Chín: «Chính phủ Bun-ga-ri cắt đứt quan hệ với Đức, tuyên bố chiến tranh với nước Đức và đề nghị Chính phủ Liên Xô bắt đầu đàm phán đình chiến, nên Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao chiếu theo các chỉ thị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước ra lệnh: đến 21 giờ ngày 9 tháng Chín sẽ kết thúc chiến dịch chiếm lĩnh các vùng dân cư quy định theo kế hoạch và từ 22 giờ ngày 9 tháng Chín sẽ đình chỉ chiến sự ở Bun-ga-ri...»

Ở Xô-phi-a và những vùng then chốt khác ở Bun-ga-ri phía bên kia tuyến đóng quân của bộ đội xô-viết, trong đêm rạng ngày 9 tháng Chín, đã xảy ra những sự kiện quyết định của cuộc khởi nghĩa nhân dân do Đảng công nhân Bun-ga-ri lãnh đạo. Như mọi người đều biết, các sự kiện ấy đã kết thúc bằng thắng lợi huy hoàng của nhân dân.

Chúng tôi nhanh chóng nhận được tin thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nhân dân Bun-ga-ri. liền theo đó là tin thành lập Hội đồng bộ trưởng mới do Ki-môn Ghê-oóc-gi-ép đứng đầu. Sáng hôm ấy, Ghê-oóc-gi-ép phát biểu trên đài phát thanh, tuyên bố thành phần của nội các mới và đọc lời kêu gọi gửi nhân dân Bun-ga-ri. Chính phủ cử ra đoàn đại biểu đi ký kết đình chiến với Liên Xô. Ở trong nước, quyền tự do chính trị được khôi phục; chính quyền mới bắt giữ các thành viên của chính phủ cũ, những kẻ đã từng tiến hành chính sách phản lại nhân dân trước đây.

Tất cả những tin tức trên đều là tin vui, đáng phấn khởi. Thế nhưng, chúng tôi vẫn chưa thể định hướng được dứt khoát, vì các tin tức về các sự kiện ở Bun-ga-ri rõ ràng vẫn chưa đủ để có thể rút ra những kết luận về quân sự. Trong lúc ấy, điều rất quan trọng là Bun-ga-ri, sau khi cắt đứt liên minh với bọn Hít-le, đã tham gia cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại chống lại nước Đức phát-xít. Đồng thời, cần phải làm vô hiệu hóa các lực lượng phản động và không cho chúng gây ra cuộc nội chiến ở trong nước. Những tin tức chúng ta nhận được lúc này chưa cho phép chúng ta xác định được hoàn toàn rõ ràng xem bộ máy nhà nước cũ ở Bun-ga-ri có bị phá vỡ hay không, lập trường của bộ chỉ huy tối cao quân đội Bun-ga-ri lúc này ra sao và sau này sẽ như thế nào, Đảng công nhân Bun-ga-ri giữ vai trò gì hiện nay và sắp tới đây trong quân đội. Chúng tôi vững tin rằng, Đảng công nhân Bun-ga-ri sẽ giữ vững tay lái lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của nhân dân và sẽ biết áp dụng những biện pháp cần thiết để bình thường hóa đời sống trong nước, xây dựng chế độ nhà nước đáp ứng các quyền lợi của nhân dân.

Thế nhưng, chúng tôi vẫn chưa thật rõ về thành phần của chính phủ Ki-môn Ghê-oóc-gi-ép. Chúng tôi chưa nắm được những chi tiết cần thiết về những hoạt động trước đây của các bộ trưởng. Còn về bản thân K. Ghê-oóc-gi-ép, trước mắt thì ông ta là một người có tinh thần chống Đức, và theo ý kiến chúng tôi, đó là một ưu điểm lớn. Thêm nữa, trước đây, vốn là người đứng đầu chính phủ sau cuộc đảo chính ngày 19 tháng Năm 1934, ông ta đã kiến lập các quan hệ ngoại giao giữa Bun-ga-ri với Liên Xô, đây cũng lại là một ưu điểm nữa. Song đồng thời, vào năm 1934, lại cũng có một chiến dịch ráo riết chống phong trào công nhân và nhất là các đảng viên cộng sản. Chính trong những năm 30 ấy, những tàn dư cuối cùng của chế độ đại nghị và dân chủ tư sản ở Bun-ga-ri đã chấm dứt và nền độc tài phát-xít quân sự được dựng lên.

Trong thành phần chính phủ lại có cả Ni-cô-la Pét-cốp giữ ghế bộ trưởng không bộ, hội viên Nông hội - một tên thực lợi cỡ bự, nổi tiếng vì có những quan điểm chính trị phản động. Con người ấy có thể sẽ gây ra ảnh hưởng hết sức nguy hại cho những thành quả dân chủ của cuộc khởi nghĩa nhân dân. Thời gian sau này càng chứng minh rằng, Pét-cốp là kẻ thù hung bạo của nước Bun-ga-ri xã hội chủ nghĩa. Nhiều cương vị quan trọng khác của nhà nước cũng nằm trong tay những kẻ chưa được công nhận là những người bạn tin cậy của nhân dân. Đại bản doanh không thể không tính toán những tình hình trên, vì các lực lượng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 3 vẫn đang ở trên lãnh thổ Bun-ga-ri, và thời gian tới đây, đất nước Bun-ga-ri sẽ là hậu phương trực tiếp của phương diện quân.

Trưa ngày 9 tháng Chín, A. I. An-tô-nốp báo cho tôi biết Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp có nói chuyện bằng điện thoại với Bộ tổng tham mưu về đoàn đại biểu của chính phủ Bun-ga-ri mới đang sửa soạn đáp máy bay tới sở chỉ huy của Tôn-bu-khin. Đi-mi-tơ-rốp hỏi việc tổ chức chuyến bay, yêu cầu bảo đảm tốt và luôn tiện thông báo rằng, trong thành phần của đoàn đại biểu có Đi-mi-tơ-rốp Ga-nép — ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri.

Đồng chí Ga-nép được ủy nhiệm trình bày cho hội đồng quân sự phương diện quân biết rõ tính chất của chính phủ và các sự kiện ở Bun-ga-ri.

Chúng tôi rất hứng thú chờ đợi các tin tức của phương diện quân gửi về. Cuối cùng, Ph. I. Tôn-bu-khin báo cáo cho Đại bản doanh là đoàn đại biểu của chính phủ Bun-ga-ri, được sự ủy nhiệm của Hội đồng bộ trưởng, ngày 10 tháng Chín đã đáp máy bay tới gặp Hội đồng quân sự phương diện quân. Thành phần của phái đoàn có giáo sư Đi-mi-tơ-rơ Mi-khan-chép — cựu công sứ Bun-ga-ri ở Mát-xcơ-va. Đi-mi-tơ-rốp Ga-nép, mà chúng ta đã biết, và một số nhân vật khác. Nhiệm vụ trước mắt của phái đoàn là tiếp xúc với đại tướng Tôn-bu-khin, tư lệnh phương diện quân, tìm hiểu các điều kiện đình chiến, thảo luận với đồng chí tất cả những vấn đề có liên quan tới việc bắt đầu đàm phán về đình chiến.

Các đại biểu sẽ phải thỏa thuận cả những điều kiện hợp tác giữa quân đội Bun-ga-ri với quân đội Liên Xô trong cuộc đấu tranh chung chống bọn Hít-le, thảo luận vấn đề khôi phục các quan hệ ngoại giao giữa Bun-ga-ri và Liên Xô. Như bạn đọc thấy, phái đoàn sẽ phải giải quyết sơ bộ những vấn đề quan trọng nhất đối với đất nước Bun-ga-ri. Lúc ấy, phía Bun-ga-ri không có con đường nào khác hơn là con đường thông qua phương diện quân để thỏa thuận với Mát-xcơ-va và cử một phái đoàn cần thiết tới đó.

Phái đoàn đàm phán với bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 bắt đầu từ vấn đề chính: chính phủ Bun-ga-ri đề nghị để Bun-ga-ri được tham gia vào cuộc đấu tranh vũ trang chung chống quân phát-xít Đức và tán thành sự phối hợp hành động giữa quân đội Liên Xô và quân đội Bun-ga-ri. Trưởng phái đoàn tuyên bố với Ph. I. Tôn-bu-khin rằng, hiện nay quân đội Bun-ga-ri rất cần phối hợp hành động với Hồng quân, vì theo lời ông ta, cả hai quân đội đều có một nhiệm vụ chung. Thay mặt Hội đồng bộ trưởng Bun-ga-ri, đoàn đại biểu đề nghị đồng chí tư lệnh cử tới Xô-phi-a một đại biểu có uy tín để phối hợp các hành động của hai quân đội Bun-ga-ri và Liên Xô.

Trong quá trình đàm phán, các đại biểu Bun-ga-ri thông báo cho Hội đồng quân sự phương diện quân biết rằng, lúc bấy giờ các đơn vị Hít-le đang tập trung những lực lượng lớn có rất nhiều xe tăng ở khu vực Ni-sơ, Be-la - Pa-lan-ca, trên lãnh thổ Nam Tư. Các đại biểu Bun-ga-ri cho rằng, việc tập trung quân phát-xít Đức ở đây là dấu hiệu rõ ràng chứng tỏ chúng đang chuẩn bị đánh vào Xô-phi-a. Các đại biểu tỏ ý lo lắng và đề nghị Liên Xô chi viện ngay cho các lực lượng Bun-ga-ri đang phòng thủ tại thủ đô Xô-phi-a, nhất là chi viện bằng không quân. Nhân dịp này, các đại biểu tường thuật về tình hình các sân bay ở khu vực Xô-phi-a, cũng như tình trạng không có nhiên liệu cho máy bay của quân đội Bun-ga-ri. Trong quá trình đàm phán, đã nảy ra một số vấn đề thiết thực về tình trạng sẵn sàng chiến đấu của quân đội Bun-ga-ri, về thông tin liên lạc giữa Vác-na và Xô-phi-a để giải quyết các vấn đề tác chiến quan trọng đối với cả hai bên.

Ph. I. Tôn-bu-khin hứa với các đại biểu Bun-ga-ri là sẽ chuyển các đề nghị của họ lên Chính phủ Liên Xô và bày tỏ sự quan tâm của mình về các phương tiện vận tải trên sông Đa-nuýp, về việc tổ chức cho bộ đội Liên Xô vượt qua con sông rộng và đầy nước này. Đồng chí tư lệnh thường rất thận trọng về các vấn đề bí mật, nhưng lần này, đồng chí lại công khai nói tới sự cần thiết phải cho bộ đội Liên Xô vượt qua lãnh thổ Bun-ga-ri tới khu vực Vi-đin. Để đáp lại, các đại biểu hứa là chính phủ và nhân dân Bun-ga-ri sẽ tìm mọi cách tạo điều kiện thuận lợi cho Hồng quân tiến quân, sẽ nhường các đường sắt và phương tiện vận tải đường thủy, kể cả những tàu

của Đức nếu chúng còn ở trên sông Đa-nuýp. Các đại biểu Bun-ga-ri còn hứa sẽ cho trục các tàu Đức bị đắm ở sông Đa-nuýp, thông báo về khả năng vận chuyển bằng đường sắt trong nước, là nơi đầu tàu vốn đã có ít, lại rất cũ nát.

Sau khi kết thúc các cuộc đàm phán chính thức, Đì-mi-tơ-rơ Ga-nép đề nghị được gặp riêng Tôn-bu-khin. Đồng chí thông báo cho bộ chỉ huy Liên Xô biết về tính chất nội các mới của Ki-môn Ghê-oóc-ghi-ép. «Chính phủ này,— đồng chí nói, — là chính phủ của Mặt trận Tổ quốc— tức khối liên minh giữa Đảng công nhân Bun-ga-ri, Nông hội, những người dân chủ-xã hội, liên minh nhân dân «Đơ-ve-nô» và những người «không phụ thuộc» (không đảng phái). Ga-nép nói rõ đặc điểm của chính phủ này là, mặc dù đảng viên cộng sản không chiếm nhiều ghế trong chính phủ, song Đảng công nhân Bun-ga-ri vẫn giữ vai trò lãnh đạo. Sau đó, đồng chí tường thuật lại chi tiết cuộc khởi nghĩa của nhân dân trong nước, các lực lượng du kích và hoạt động của các đảng viên cộng sản Bun-ga-ri.

Tất nhiên, đồng chí tư lệnh phương diện quân cũng chú ý tới tình hình quân đội chính quy của Bun-ga-ri. Đ. Ga-nép biết rõ tình hình, nên đã kể lại tỉ mỉ cả về tình trạng tinh thần của quân đội. Theo đồng chí, đội ngũ binh lính và hạ sĩ quan quân đội Bun-ga-ri sẵn sàng sát cánh chiến đấu ngay với bộ đội Liên Xô. Trong hàng ngũ sĩ quan có một số phản động, thân phát-xít, nhất là ở các đơn vị làm nhiệm vụ chiếm đóng ở các nước ngoài. Còn nhân dân Xô-phi-a thì đang nóng lòng chờ đợi Hồng quân tiến vào.

Đ. Ga-nép còn nói nhiều điều bổ ích về ban lãnh đạo quân sự của quân đội Bun-ga-ri. Đồng chí đã có nhận xét tốt về thiếu tướng I. Ma-ri-nốp, cựu bộ trưởng chiến tranh, nay giữ chức Tổng tư lệnh quân đội Bun-ga-ri trong chính phủ của Mặt trận Tổ quốc. Nhưng đồng thời, theo sự quan sát riêng của mình, đồng chí thấy Tổng tư lệnh mới xử trí chậm chạp trước những tình huống nguy hiểm mà các đơn vị Hít-le và đội ngũ sĩ quan phản động gây ra ở Bun-ga-ri, nhất là ở khu vực Xô-phi-a. Đ. Ga-nép còn nắm được cả tình hình của Bộ tổng tham mưu Bun-ga-ri. Ga-nép nói thẳng ra rằng, theo nhận xét của đồng chí, thì các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu Bun-ga-ri chưa có ý định dứt khoát kiên quyết chống lại bọn Hít-le.

Kết thúc buổi hội đàm, ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri nói lên ý kiến cho rằng, chính phủ Bun-ga-ri mới chưa bảo đảm được chắc chắn sự an ninh của mình, vì tình hình trong nước, đặc biệt là việc tập trung các đơn vị Bun-ga-ri ở khu vực Xô-phi-a, có thể bị bọn sĩ quan phản động lợi dụng để hoạt động chống lại chính phủ. Và, bộ chỉ huy Đức có thể cũng sẽ lợi dụng tình hình đó. Theo ý kiến đồng chí, hiện nay bọn phản động rất có khả năng hợp nhất được những lực lượng bên trong và bên ngoài để chống lại chính phủ của Mặt trận Tổ quốc.

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri, đồng chí Đì-mi-tơ-rơ Ga-nép bày tỏ nguyện vọng muốn không quân của Hồng quân đặt căn cứ ở gần Xô-phi-a, để bảo đảm chống lại mọi mưu toan hành động của bọn sĩ quan phản động. Ngoài ra, đồng chí đề nghị thông báo cho Đảng công nhân Bun-ga-ri biết là chính quyền mới sẽ liên lạc và làm việc như thế nào ở những vùng Hồng quân đóng quân trên lãnh thổ Bun-ga-ri.

Cuộc hội đàm với đoàn đại biểu Bun-ga-ri và những thông báo cặn kẽ của Đì-mi-tơ-rơ Ga-nép càng làm sáng tỏ thêm tình hình công việc ở Bun-ga-ri. Tổng cục chính trị lại nhận được thêm một bản báo cáo nữa, lần này của I. X. A-nô-sin, chủ nhiệm chính trị phương diện quân.

Tuy nhiên, những lời giải thích đầy đủ nhất về triển vọng tới đây của nước Bun-ga-ri vẫn là những ý kiến của Ghê-oóc-ghi Mi-khai-lô-vích Đê-mi-tơ-rốp. Thực chất sự đánh giá của đồng chí về tình hình Bun-ga-ri sau này được trình bày trong bản Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản), đọc tại Đại hội Đảng lần thứ V vào ngày 19 tháng Chạp 1948. Gh. M. Đê-mi-tơ-rốp nói trong Đại hội:

«Ngày 9 tháng Chín 1944, chính quyền trong nước chúng ta thoát khỏi bàn tay của giai cấp tư sản tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi bọn thiểu số bóc lột quân chủ-phát-xít và chuyển sang tay đại đa số nhân dân, những người lao động ở thành thị và nông thôn dưới sự lãnh đạo tích cực của giai cấp công nhân và đội tiên phong cộng sản chủ nghĩa của nó. Được sự chi viện quyết định của Quân đội Liên Xô anh hùng, cuộc khởi nghĩa ngày 9 tháng Chín thắng lợi đã mở đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Việc kết hợp cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 9 tháng Chín 1944, với cuộc tiến quân chiến thắng của Quân đội Liên Xô tại Ban-căng không những đã bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi mà còn tăng thêm sức mạnh và đã phát triển rộng lớn của nó»[\[6\]](#).

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân thu được thắng lợi, thế nhưng, đất nước Bun-ga-ri vẫn còn chứa đựng nhiều khó khăn và nguy cơ khác. Chỗ này, chỗ kia vẫn còn bất ngờ nổ ra tiếng súng, những viên đạn từ những góc phố bay ra uy hiếp đời sống của các chiến sĩ ta, các du kích và các đảng viên cộng sản Bun-ga-ri. Các đoàn tàu quân sự quan trọng chạy theo kế hoạch bỗng nhiên bị đứt quãng, toàn bộ cơ quan sứ quán Đức và phái đoàn quân sự Đức đột nhiên biến đi chẳng còn tăm tích. Các quân nhân Liên Xô và những người yêu nước Bun-ga-ri mỗi bước đều gặp phải những hoạt động phá hoại lén lút của kẻ địch. Họ phải vạch trần các âm mưu đó và đấu tranh với tất cả nghị lực cùng nhiệt tình cách mạng cho nước Bun-ga-ri mới.

Lúc này, khi các đơn vị Liên Xô đã tiêu diệt quân địch ở I-át-xư và Ki-si-ni-ôp và đang tiếp tục tiến quân, thì điều có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình tiếp sau của các sự kiện ở Ru-ma-ni là phải nhanh chóng thủ tiêu bộ máy nô dịch của Hít-le đang còn tồn tại ở trong nước Ru-ma-ni. Nhân dân Ru-ma-ni tự bắt tay vào làm việc ấy, nhưng nhà vua và các đại biểu của các giới cầm quyền cũ của nhà nước, hiện còn đang nắm chính quyền, lại vẫn còn ngại những ông chủ Đức thống trị trong nước trước đây, nhất là viên đại sứ và những đại biểu quân sự của nước Đức phát-xít. Các đơn vị Liên Xô đang tiến công thì phát hiện thấy một toán lớn quân nhân Đức, liền bắt chúng làm tù binh. Nhờ đó, bộ máy gián điệp của Hít-le bị mất những tên cầm đầu, bị phá vỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa của nhân dân phát triển ở Ru-ma-ni. Còn ở Bun-ga-ri, chúng ta chưa triệt hạ được ngay ổ rắn độc Hít-le, nên vẫn có điều đáng lo ngại.

Một tuần lễ sau khi Hồng quân đi qua lãnh thổ Bun-ga-ri được nhân dân đón tiếp nồng nhiệt... Một hôm, khi nghe chúng tôi báo cáo cho Đại bản doanh về tình hình các mặt trận, một đồng chí nào đó có mặt trong văn phòng Tổng tư lệnh tối cao chợt nhớ tới sứ quan Đức ở Bun-ga-ri liền hỏi hiện nay nó đang ở đâu. An-tô-nốp và cả tôi đều không trả lời được căn cứ câu hỏi này, vì bộ đội mới tiến vào Xô-phi-a, còn đại biểu của bộ tư lệnh Liên Xô, đồng chí X. X. Bi-ri-u-dốp, thượng tướng tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 3 thì đang dự định sáng 14 tháng Chín mới đáp máy bay tới đó. Nhiệm vụ chủ yếu của Bi-ri-u-dốp trong thời gian này hoàn toàn không phải là bắt bọn gián điệp Hít-le. Theo đề nghị của các đồng chí Bun-ga-ri,

đồng chí tới Xô-phi-a để phối hợp các hoạt động của Hồng quân và quân đội Bun-ga-ri (rồi sau này sẽ đứng đầu ủy ban kiểm soát của đồng minh). Nhưng, chiến tranh lại yêu cầu phải làm cả những gì mà tình hình đòi hỏi tới, nên lúc này A. I. An-tô-nốp và tôi, người trợ lý gần gũi nhất của đồng chí, lại nhận thêm những chỉ thị của Đại bản doanh về các lĩnh vực hoạt động mới của Bộ tổng tham mưu. Bộ tổng tham mưu được chỉ thị thay mặt Đại bản doanh gửi cho Ph. I. Tôn-bu-khin mệnh lệnh phải truy lùng và bắt giữ toàn bộ các cơ quan của sứ quán Đức và phái đoàn quân sự Đức trong thời hạn ngắn nhất.

Mệnh lệnh trên được gửi ngay cho phương diện quân và Ph. I. Tôn-bu-khin lại chỉ thị cho X. X. Bi-ri-u-dốp phải bắt tay vào việc truy lùng đó. Như đã nói ở trên, ngày 14 tháng Chín, Bi-ri-u-dốp đã lên đường tới thủ đô Bun-ga-ri cùng với tướng I. X. A-nô-sin, chủ nhiệm cơ quan chính trị của phương diện quân.

Vừa tới nơi, Bi-ri-u-dốp đã xác định ngay rằng các đại biểu ngoại giao và quân sự Đức không còn ở thủ đô nữa. Các đại biểu của chính quyền Bun-ga-ri trả lời là họ không nhận được tin gì về nơi trú ngụ hiện nay của bọn Hít-le. Vậy thì, bọn chúng ẩn nấp ở đâu? Các nhà ngoại giao trốn đi tất nhiên phải có sự giúp đỡ của bọn tòng phạm. Chắc chắn bọn chúng đang còn một mạng lưới gián điệp lớn ở Bun-ga-ri dựa vào phản động ở bên trong. Chúng ta phải tiêu diệt bằng được cái ổ trung tâm này trong một thời gian thật ngắn.

Khi báo cáo lên I. V. Xta-lin tình hình các mặt trận, A. I. An-tô-nốp cũng không quên nói tới việc đó. Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị cho chúng tôi truyền lệnh cho phương diện quân U-crai-na 3 phải tăng cường công tác truy tìm. Cuộc truy tìm sứ quán Đức đã được tổ chức một cách có kế hoạch trên đất Bun-ga-ri, sứ quán ấy lẽ nào lại có thể mất hút như cái kim rơi vào trong đồng cỏ khô được. X. X. Bi-ri-u-dốp và I. X. A-nô-sin lại gửi kiến nghị cho chính phủ Bun-ga-ri. Dần dần mới vỡ lẽ ra rằng, các nhà ngoại giao và phái đoàn quân sự Hít-le biến đi không phải là không báo trước và không có sự giúp đỡ trực tiếp của một số quan chức trong bộ máy nhà nước. Một quan chức nào đó đã giúp cho các sĩ quan và các nhà hoạt động ngoại giao Đức có một chuyến tàu riêng. Thế nhưng, bọn Đức ấy đi đâu thì không ai cho biết cả. Thế là việc tìm kiếm đoàn tàu được tổ chức ráo riết.

Cuối cùng, Bộ tổng tham mưu nhận được một bức điện cho biết bọn Đức bỏ trốn đang ở tại biên giới Thổ Nhĩ Kỳ trong khu vực thành phố Xvi-len-grát.

Tư lệnh phương diện quân và X. X. Bi-ri-u-dốp lập tức phái ngay những đội đổ bộ đường không tới địa điểm đã định theo các tuyến của mình. Đội đổ bộ của tư lệnh phương diện quân gồm 25 chiến sĩ bảo vệ tuyến sau của phương diện quân U-crai-na 3 do trung tá I. D. Cô-ten-cốp chỉ huy, đổ bộ đầu tiên xuống khu vực Xvi-len-grát, liền gấp rút vọt tới nhà ga. Nhưng, chậm mất rồi, đoàn tàu trước kia đậu ở đây, nay lại vừa mới rời đi về hướng biên giới Hy Lạp. Các công dân Bun-ga-ri cho biết rằng, những nhân viên trong sứ quán Đức đến Xvi-len-grát từ một tuần trước, bọn chúng chờ giấy nhập cảnh của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tại đây và không ra khỏi toa xe. Thế nhưng, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ lúc này lại không vồn vã với các đại biểu của Đức nữa vì lẽ nước Đức đang thua hết trận này đến trận khác ngoài mặt trận. Như chúng ta biết, ngày 2 tháng Tám, Thổ Nhĩ Kỳ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đức, do đó họ đã lần nữa, không ký giấy nhập cảnh cho bọn Đức bỏ trốn. Số lương thực dự trữ mang theo đã cạn hết, bọn chúng lại được tin hiện đang bị truy lùng ráo riết, nên bỏ chạy sang biên giới Hy Lạp.

Sau khi biết rõ tình hình, trung tá Cô-ten-cốp cùng với các chiến sĩ của mình liền đuổi theo đoàn tàu. Đồng chí sơ bộ giải thích cho các nhân viên đường sắt Bun-ga-ri và viên cảnh sát trưởng của thành phố, yêu cầu cho lệnh chặn đoàn tàu ở đoạn đường tránh nhau gần nhất. Đoàn tàu bị giữ lại ở nhà ga Ra-cốp-xcai-a. Toàn bộ số nhân viên trong sứ quán gồm 32 tên do đại sứ Đức Be-kéc-le và đại tá tùy viên quân sự phôn Khiu-li-den dẫn đầu bị bắt giữ. Trong chuyến tàu ày, còn thấy một số nhân viên sứ quán của chính phủ Mút-xô-li-ni nay không còn nữa và hai nhân viên của sứ quán Thụy Điển. Các nhà ngoại giao liền được giải ngay về Đô-brích. Ổ răn độc đã bị trừ khử. Việc bắt giữ các nhân viên trong sứ quán và phái đoàn quân sự phát-xít Đức đã góp phần vào sự phát triển thắng lợi của cuộc đấu tranh chống bọn gián điệp Hít-le tại Bun-ga-ri.

Khi bắt giữ kẻ thù công khai của nhân dân Bun-ga-ri và Hồng quân, bộ tư lệnh chúng ta đồng thời cũng quan tâm ngay đến quyền bất khả xâm phạm của các đoàn đại biểu ngoại giao khác và chấp hành nghiêm chỉnh các luật pháp đối với mọi công dân Bun-ga-ri cũng như đối với những người quốc tịch khác. Vấn đề này đã được họp bàn riêng trong Đại bản doanh, và ngày 26 tháng Chín 1944, bộ tham mưu phương diện quân U-crai-na 3 nhận được bức điện sau:

«Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao cấm tiến hành các vụ bắt bớ ở Bun-ga-ri và Ru-ma-ni. Từ nay về sau, không được phép của Đại bản doanh thì không được bắt giữ một ai. Thừa ủy nhiệm Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao—An-tô-nốp, Stê-men-cô».

Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và Bộ tổng tham mưu nóng lòng chờ tin quân đội Bun-ga-ri quay súng bắn vào kẻ thù chung là nước Đức phát-xít. Trong trường hợp này, việc tiêu diệt quân Hít-le, trước hết là ở Nam Tư, sẽ có thể có chiều hướng thuận lợi hơn.

Từ những ngày đầu chuẩn bị các chiến dịch phối hợp giữa quân đội Liên Xô, Bun-ga-ri và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư, chúng tôi đã vấp phải những hậu quả của chính sách thâm độc của vua Bô-rít. Vấn đề là, sau khi chiếm được Ban-căng, nước Đức phát-xít đã áp đặt tại đây không những một chế độ phù hợp với bọn chúng, mà còn xúi giục các dân tộc chống lẫn nhau. Nguyên tắc cũ của bọn chú nô ở đế quốc La Mã thời cổ là «chia để trị» đã được các nhà chính trị phát-xít lợi dụng một cách xảo quyệt. Kết quả là chính phủ quân chủ Bun-ga-ri, sau khi rơi vào tròng phụ thuộc nước Đức phát-xít, đã phái sang Nam Tư nhiều lực lượng để góp phần với bọn Hít-le đàn áp cuộc đấu tranh giải phóng ở đất nước này. Các đơn vị trên được chọn lọc kỹ và là những lực lượng tối phản động. Tất nhiên, nhân dân Nam Tư đã nuôi lòng căm thù sâu sắc đối với những tên tông phạm của bọn phát-xít Đức xâm lược.

Sau ngày 9 tháng Chín mới hình thành cơ sở vững chắc cho các quan hệ hữu nghị thực sự giữa các dân tộc láng giềng. Nhưng, các sự kiện đã cho thấy rằng, xác lập sự tin cậy cần thiết giữa các dân tộc để cùng phối hợp tác chiến với nhau quả không phải là việc đơn giản, không những cần có thời gian, mà còn cần có cả những hoạt động giải thích ngay trong hàng ngũ các đảng viên cộng sản. Điều đặc biệt quan trọng là phải chứng minh tính chất mới về nguyên tắc, chức năng đã thay đổi về cơ bản của quân đội Bun-ga-ri.

Đồng chí Gh. M. Đì-mi-tơ-rốp lúc này đã đem lại sự giúp đỡ cần thiết để giải quyết vấn đề quan trọng đó. Đồng chí gửi cho I. Brốt Ti-tô bức điện nói về các hành động phối hợp giữa

Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư và quân đội Bun-ga-ri chống bọn Hít-le. Đồng chí giải thích cho các đồng chí Nam Tư hiểu rõ tình hình mới ở Bun-ga-ri, giải thích cho các đảng viên cộng sản Bun-ga-ri hiểu rõ là họ phải tích cực cải thiện các quan hệ với những người anh em Nam Tư cùng giai cấp và với Đảng cộng sản Nam Tư, phải chiếm được lòng tin cậy và ký kết liên minh chiến đấu với các đồng chí Nam Tư. Chỉ trong các điều kiện ấy mới có thể tổ chức và tiến hành thắng lợi các chiến dịch phối hợp giữa các quân đội của Liên Xô, Nam Tư và Bun-ga-ri. Đường đi tới tương lai của Bun-ga-ri là trải qua cuộc chiến tranh quét sạch chủ nghĩa phát-xít.

Bức điện của Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp đã hướng sự chú ý của Đảng công nhân Bun-ga-ri vào vấn đề quan trọng đó. Các đảng viên cộng sản đã buộc chính phủ phải rút các đơn vị Bun-ga-ri ở Nam Tư về nước và vạch ra cương lĩnh cải cách triệt để quân đội Bun-ga-ri. Bọn sĩ quan có tư tưởng thân phát-xít và bộ phận binh sĩ đã làm những việc cần bậy đối với nhân dân Nam Tư đều bị loại ra khỏi quân đội và bị truy tố. Nhờ đó, trung tâm phản động và cái ung nhọt bệnh hoạn trong cơ chế của quân đội Bun-ga-ri bị thủ tiêu. Các binh đoàn được kiện toàn bằng các chiến sĩ du kích và những người tình nguyện. Bởi vậy, các đơn vị quân Bun-ga-ri sắp tới chiến đấu chống quân Đức trên đất Nam Tư sẽ không phải là những đơn vị Bun-ga-ri đã từng chiếm ở đây, mà là các lực lượng vũ trang mới ra đời ở Bun-ga-ri trong cơn bão tố cách mạng tháng Chín.

Tất cả những tình hình trên đã định trước khả năng tổ chức các chiến dịch phối hợp thắng lợi giữa quân đội Liên Xô, Bun-ga-ri anh em và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư trên đất Nam Tư mà chúng ta sẽ nói tới sau này.

Nhiệm vụ tham chiến của Bun-ga-ri chống nước Đức phát-xít và mục đích tiêu diệt đế chế của Hít-le, được tuyên bố trong cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, là phù hợp với những lợi ích cơ bản của nhân dân Bun-ga-ri và các ý định của khối liên minh chống Hít-le. Nhưng chúng ta cũng không nên quá hy vọng rằng bước ngoặt ấy sẽ diễn ra ngay tức thì mà không vấp phải khó khăn gì, vì các di hại của chủ nghĩa phát-xít còn để lại rất nặng, đòi hỏi chúng ta phải thực sự tính đến.

Chúng ta quen đánh giá tiến trình các sự kiện sắp tới qua lăng kính của lịch sử Liên Xô, nên cho rằng Bun-ga-ri có thể sẽ có những hình thức xây dựng quân đội độc đáo. Tất nhiên, việc giải quyết vấn đề về các con đường xây dựng quân đội ở Bun-ga-ri không phụ thuộc vào chúng ta. Nhưng, chúng ta phải thấy trước được việc đó; vì vậy cần phải nắm vững tình hình, thường xuyên phân tích những xu hướng phát triển của tình hình. Chúng tôi bắt tay vào việc đó một cách nghiêm túc. Các sĩ quan theo dõi khu vực mặt trận của C. Ph. Va-xin-tren-cô trong tháng Chín nhận nhiệm vụ nghiên cứu thật tỉ mỉ về quân đội Bun-ga-ri và đã hết lòng hoàn thành nhiệm vụ đó ở mức cao nhất.

Xung quanh việc Bun-ga-ri đứng về phía liên minh chống Hít-le tham gia chiến tranh, đã nổ ra một trận chiến đấu vô hình. Các lực lượng cách mạng trong nước muốn nhanh chóng đưa quân đội Bun-ga-ri và tất cả các nguồn lực lượng khác vào đấu tranh chống lại nước Đức phát-xít, đã vấp phải sự chống trả, phá hoại ngầm rất quyết liệt của kẻ thù. Những kẻ thù của nước Bun-ga-ri mới đã hiện rõ không phải chỉ trong bộ máy nhà nước, mà cả trong chính phủ của Mặt trận Tổ quốc, trong các giới lãnh đạo quân sự.

Các sự kiện phát triển như sau. Nguyên vọng của chính phủ Bun-ga-ri (được bày tỏ trong buổi gặp gỡ đầu tiên với các đại biểu của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3) muốn có sự phối hợp giữa Hồng quân và quân đội Bun-ga-ri trong cuộc đấu tranh chung chống lại bọn Hít-le, là hoàn toàn phù hợp với những đòi hỏi của tình hình quân sự. Sự cần thiết phải tiến hành các chiến dịch phối hợp giữa quân đội Liên Xô, Bun-ga-ri và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư cũng đã rõ ràng. Điều đặc biệt quan trọng là không để cho Xô-phi-a bị uy hiếp, vì chính phủ của Mặt trận Tổ quốc và Ban chấp hành Trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri bắt đầu hoạt động công khai, được bố trí tại đây.

Vì chính phủ Bun-ga-ri đề nghị chúng ta trước hết chi viện về quân sự, nên 1 quân đoàn bộ binh của tập đoàn quân 57, các lữ đoàn xe tăng và pháo tiêm kích chống tăng, các đơn vị súng cối «Ca-chiu-sa» và trung đoàn mô tô tiến vào khu vực Xô-phi-a. Sư đoàn không quân tiêm kích và cường kích của tập đoàn quân không quân 17 chuyển căn cứ tới các sân bay của thủ đô Bun-ga-ri. Đồng chí V. A. Xu-đét, tư lệnh tập đoàn quân không quân cũng rời sở chỉ huy đến đây.

Mọi đề nghị của chính phủ Bun-ga-ri về vấn đề hiệp đồng giữa các đơn vị Liên Xô và Bun-ga-ri cũng đều được giải quyết rất nhanh và đầy đủ. Ph. I. Tôn-bu-khin liền cử thượng tướng X. X. Bi-ri-u-dốp, tham mưu trưởng của mình, một nhà quân sự có tài năng, một người tổ chức giỏi và một nhà chính trị có kinh nghiệm tới Xô-phi-a. Thế nhưng, tình hình lúc bấy giờ đòi hỏi không thể chỉ bó hẹp trong phạm vi các biện pháp đó. Tình hình yêu cầu phải cấp bách chuyển giao quyền chỉ đạo tác chiến mọi lực lượng và phương tiện trên lãnh thổ Bun-ga-ri cho bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3. Chính các đồng chí Bun-ga-ri đã đề nghị như thế, vì làm như vậy mới có thể thống nhất được mọi ý chí và hành động của các lực lượng Liên Xô và Bun-ga-ri trong các chiến dịch chung.

Đại bản doanh chỉ thị cho Ph. I. Tôn-bu-khin thỏa thuận với chính phủ Bun-ga-ri về những vấn đề thiết thực nhằm đặt các lực lượng vũ trang Bun-ga-ri dưới sự chỉ đạo của phương diện quân U-crai-na 3. Biện pháp ấy cũng phù hợp với các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế, vì lúc này vẫn chưa ký kết đình chiến giữa Liên Xô, các nước đồng minh của chúng ta và Bun-ga-ri.

Thi hành chỉ thị của Đại bản doanh, ngày 16 tháng Chín, Ph. I. Tôn-bu-khin gửi thư nói về nội dung trên cho Đ. Ven-trép, bộ trưởng chiến tranh của Bun-ga-ri. Đồng chí đề nghị rằng việc thực hiện các mệnh lệnh quân sự trong phạm vi quân đội Bun-ga-ri nhất thiết phải thông qua Bộ tổng tham mưu quân đội Bun-ga-ri. Từ đó cho tới lúc kết thúc chiến tranh, bộ đội Liên Xô và Bun-ga-ri đã hợp tác chiến đấu chặt chẽ bên nhau.

Ở Xô-phi-a và trên khắp đất nước trong lúc này đang diễn ra một quá trình hình thành nước Bun-ga-ri mới, trong đó những cố gắng của bạn bè và những mưu toan của quân thù xen kẽ nhau trong một mớ bòng bong các sự kiện thường là đầy mâu thuẫn. Chúng ta đã nhanh chóng xây dựng vững chắc sự hiểu biết hoàn toàn với các đảng viên cộng sản và những người đồng chí cùng giai cấp. Còn đối với kẻ thù thì lại khác. Bọn chúng nguy trang rất kỹ, đeo bộ mặt đồng chí, nên nhận rõ những hành động của chúng thật không phải là việc dễ. Kim chỉ nam đáng tin cậy cho các đại biểu của ta ở đây là sự nhạy bén giai cấp chính xác luôn được Đảng cộng sản nuôi dưỡng trong những con người xô-viết.

Lĩnh vực đầu tiên mà kẻ thù bí mật hoạt động phá hoại chính quyền mới ở Bun-ga-ri và bộ

chỉ huy Liên Xô là vấn đề các nước đồng minh. Bộ tổng tham mưu Liên Xô nhận thức được tình hình đó ngay từ buổi đầu tiên khi Bi-ri-u-dốp tới thủ đô Bun-ga-ri ngày 17 tháng Chín. Một nhóm các sĩ quan Anh và Mỹ khi đó đã đến gặp thiếu tướng I. Ma-ri-nốp, Tổng tư lệnh quân đội Bun-ga-ri, mà không báo trước cho chúng ta. Chúng ta thấy rõ, chuyến đi thăm ấy được tổ chức và chuẩn bị từ trước do bàn tay của một kẻ mạnh đang còn nấp sau bóng tối. Các sĩ quan Anh và Mỹ yêu cầu giao quyền cho họ được sử dụng sân bay, trao cho họ các sơ đồ bãi mìn ở bờ Biển Đen; hình như thời gian tới đây tàu bè Anh được cập bến tại một cảng ở phía cực Nam Bun-ga-ri. I. Ma-ri-nốp cho chúng ta biết là người ta đã cử sĩ quan và công binh tới cảng để chuẩn bị tiếp nhận các tàu, mặc dầu chưa được sự đồng ý của Bun-ga-ri và bộ chỉ huy Liên Xô. Các sĩ quan Anh và Mỹ còn đề nghị là họ sẽ tham gia giúp đỡ về mặt quân sự tại Ban-căng, mặc dầu chính phủ Bun-ga-ri mới không yêu cầu, và họ còn tuyên bố là sẽ đợi chính phủ Bun-ga-ri trả lời vào ngày hôm sau.

Ma-ri-nốp đã tìm cách lảng tránh không hứa hẹn gì và sau khi đã đuổi khéo được các vị khách không mời mà đến ấy đi, liền gọi điện luôn cho X. X. Bi-ri-u-dốp để giải quyết vấn đề. Ông tỏ ý lo ngại rằng Anh và Mỹ còn đi tiếp những bước khác mà người ta chỉ có thể coi là những mưu toan chiếm giữ các mục tiêu quan trọng đối với Bun-ga-ri, như các sân bay chẳng hạn.

X. X. Bi-ri-u-dốp đoán chắc với tổng tư lệnh Bun-ga-ri rằng, các nước đồng minh không ngu ngốc đến mức dám ngang nhiên làm cho tình hình xấu đi ở nơi có cả một phương diện quân của Hồng quân. Đồng chí góp ý với tổng tư lệnh Bun-ga-ri nên trả lời mềm mỏng rằng: hiện nay bộ chỉ huy Liên Xô đang đóng quân ở Bun-ga-ri, và Bun-ga-ri sẽ không thể thực hiện được một yêu cầu nào, nếu như chưa có sự thỏa thuận với Liên Xô.

Chuyến đi thăm ấy của đại diện các nước đồng minh thật vô cùng xa lạ với mọi quy tắc lịch thiệp của hoạt động ngoại giao và quân sự mà mọi người đã từng biết. Tất nhiên, chuyến đi thăm ấy, cũng phản ánh đầy đủ các ý định và mục đích của cái «phương án Ban-căng» của U. Sốc-sin. Bộ tổng tham mưu và cả các đại biểu quân sự Liên Xô ở Bun-ga-ri cũng đã đánh giá như vậy về chuyến đi thăm đó của các đại biểu Anh-Mỹ. Đến khi ở Xô-phi-a có cuộc tiếp kiến lần thứ hai giữa I. Ma-ri-nốp và nhóm các sĩ quan Anh và Mỹ, thì các cán bộ chúng ta đã tuyên bố không cần đến sự giúp đỡ của các nước đồng minh. Câu trả lời ấy không mềm mỏng nhả nhận, nhưng lại hết sức rõ ràng, khiến các vị khách hiểu ra nội dung của nó liền bước ra về.

Cuộc sống và các điều kiện đặc biệt của sứ mệnh giải phóng của Hồng quân đã buộc Bộ tổng tham mưu và các phương diện quân trong quá trình các chiến dịch phải giải quyết một số vấn đề quốc tế. Phải nói trước rằng hình thức hoạt động rất độc đáo đó, hình như chưa phải là cái vốn có của một tổ chức quân sự, đã được phản ánh từ lâu trong cơ cấu tổ chức của Bộ tổng tham mưu. Ngay từ lúc bắt đầu chiến tranh, công tác ngoại giao — tất nhiên trong những giới hạn nhất định và trong khuôn khổ những vấn đề quân sự thuần túy — đã trở thành một yếu tố không thể tách rời trong hoạt động của các cán bộ Bộ tổng tham mưu.

Bức điện về các sự kiện ở Xô-phi-a tất nhiên đã được báo cáo cho V. M. Mô-lô-tốp, sau đó lại trở về Bộ tổng tham mưu cùng với những ý kiến giải quyết của đồng chí. Về thực chất thì không có ý kiến gì, nhưng về hình thức trả lời thì chúng tôi và các đại biểu của chúng tôi đều nhận được những sự gợi ý. Ở góc trên bên trái có viết: «Không nên nói chúng ta «không cần đến các nước đồng minh», mà nên nói rằng các nước đồng minh phải sơ bộ thỏa thuận về

những vấn đề ấy ở Mát-xcơ-va, do đó sẽ không hội đàm ở Bun-ga-ri và nên nói một cách lịch sự là các ngài hãy thỏa thuận ở Mát-xcơ-va».

Tôi liền chuyển ngay các ý kiến giải quyết nói trên tới bộ tham mưu phương diện quân U-crai-na 3 và thấy công tác ngoại giao quả là một công tác tế nhị: nhiều khi muốn nói toạc móng heo ra, song lại buộc phải lựa chọn cách nói cân nhắc thiệt hơn, thậm chí có khi lại phải cung kính cúi chào cho đúng mực nữa. Bộ trưởng Bộ dân ủy ngoại giao đã dạy chúng tôi phải nhã nhặn, lịch sự và từ đấy chúng tôi không còn phạm phải điều gì thiếu sót nữa.

Nhưng, câu chuyện trên đến đây chưa phải đã chấm dứt. Ngày hôm sau, A. I. An-tô-nốp và tôi tới báo cáo với I. V. Xta-lin về tình hình các mặt trận: trong phòng làm việc của đồng chí có mặt V. M. Mô-lô-tốp. I. V. Xta-lin chăm chú nghe và khi chúng tôi báo cáo đến tình hình Bun-ga-ri, đồng chí liền vớ lấy chiếc hộp «Ghéc-xô-gô-vi-na Phlo-rơ» để nhồi thuốc vào chiếc tẩu vẫn thường dùng của mình. Đồng chí quay về phía chúng tôi, từ tốn nói :

— Bộ tổng tham mưu cũng cần nắm được những nguyên tắc của công pháp quốc tế, cách thức giao thiệp khi tiếp xúc với đại biểu các nước khác.

An-tô-nốp và tôi đã đoán ra được câu chuyện, có lẽ Mô-lô-tốp đã nói cho Xta-lin biết về sự ngoại giao «tế nhị» của các nhà quân sự.

A. I. An-tô-nốp có cương vị và cấp bậc cao hơn nên thường phải trả lời trong những trường hợp như vậy. Đồng chí nói rằng Bộ tổng tham mưu có một cơ quan chuyên trách về các vấn đề trên và vẫn giữ liên lạc chặt chẽ với Bộ ngoại giao. Đó là cục phụ trách các công việc đặc biệt, đồng chí Xta-lin biết rõ cục này. Còn tất nhiên là chúng tôi nắm chắc pháp lý quân sự hơn là công pháp quốc tế.

I. V. Xta-lin đúng là không hài lòng về cách trả lời như vậy.

— Tôi thấy là đồng chí vẫn chưa hiểu vấn đề. — Xta-lin vừa nói vừa khe khẽ gõ chiếc tẩu thuốc lên nắp hộp, vẻ bực dọc. — Vấn đề không phải là ở chỗ ấy, không phải là nói về cục... Cục đó phụ trách chủ yếu về vấn đề đại biểu quân sự của các phái đoàn. Chúng tôi muốn nói về các đồng chí, những người lãnh đạo của Bộ tổng tham mưu.

Sau đó, ngừng một lát, đồng chí nói thêm :

— Và, cũng không phải chỉ có Bộ tổng tham mưu... mà cả các cán bộ quân sự đang trực tiếp hội đàm với những người nước ngoài hoặc đang tham gia những cuộc hội đàm ấy, đang biên soạn các văn kiện quân sự-ngoại giao quan trọng. Chính các đồng chí ấy cần biết làm đúng những công việc trên như thế nào, để có thể giới thiệu thật xứng đáng đất nước ta. Bây giờ các đồng chí đã hiểu ra vấn đề rồi chứ? Ngay cả trong những bữa tiệc, những buổi chiêu đãi, các đồng chí cũng vẫn cần phải biết giữ thể diện của mình... Còn về «pháp lý quân sự», mà ta cũng cần nhắc tới ở đây, thì chúng tôi đã được nghe nhiều lần rồi: nhiều đồng chí quân sự vẫn cho rằng pháp lý của họ chỉ là những lưỡi lê.

Đồng chí ngừng hẳn, rồi cuối cùng nhồi thuốc vào tẩu, khoan thai hút. Nhìn nét mặt Tổng tư lệnh tối cao, chúng tôi đoán câu chuyện đến đây là xong.

Cũng cần phải nói rằng, các yêu cầu đó đối với chúng tôi là chính đáng. Trong thời gian này, không một cuộc hội đàm lớn nào với các đại biểu các nước ngoài lại không có sự tham gia của các cán bộ quân sự, trước hết là các đại biểu của Bộ tổng tham mưu. Các hội nghị ở Tê-hê-ran,

I-an-ta và Pốt-xđam đã chứng minh rõ ràng điều đó. Bộ tổng tham mưu thường phải chuẩn bị tỉ mỉ cho các công việc trên, nên tất nhiên phải nghiên cứu các nguyên tắc của công pháp quốc tế.

Trong toàn cuộc chiến tranh, Bộ tổng tham mưu đã giữ vững liên lạc trực tiếp và thường xuyên với Bộ dân ủy ngoại giao. Mỗi liên lạc ấy càng thêm chặt chẽ vào thời gian sắp kết thúc chiến tranh và trong những năm đầu tiên sau khi chiến tranh chấm dứt, những năm mà tiếng súng ngừng nổ thì tiếng nói của các nhà ngoại giao lại vang lên mạnh mẽ. Riêng tôi thường có nhiệm vụ soạn thảo hoặc phối hợp làm các văn kiện với các nhà hoạt động ngoại giao lỗi lạc của Liên Xô như M. M. Lít-vi-nốp, I. M. Mai-xki, A. A. Grô-mư-cô và các đồng chí khác. Bản thân tôi học tập được nhiều điều bổ ích ở từng đồng chí, mặc dầu tính chất và phương pháp làm việc của mỗi đồng chí hoàn toàn khác nhau. Chúng tôi, các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu, được dịp tiếp xúc với các đồng chí và với các đại biểu khác của cơ quan ngoại giao chúng ta, rất biết ơn sự hiểu biết cũng như sự đóng góp to lớn của các đồng chí cho sự nghiệp quân sự và chính trị.

Anh và Mỹ nhiều lần muốn chen vào các công việc của Bun-ga-ri. Các nhóm sĩ quan của những nước này vẫn tiếp tục tìm cách gặp tổng tư lệnh quân đội Bun-ga-ri. Một trong những nhóm ấy trực tiếp đề nghị thông báo những tin tức về các đơn vị của Liên Xô. I. Ma-ri-nốp cảm thấy đề nghị đó có gì ẩn ý ở bên trong, liền đẩy các vị khách sang gặp X. X. Bi-ri-u-dốp. Vị tư lệnh Liên Xô chắc hiểu kỹ tình hình và sẽ đáp ứng được đầy đủ đề nghị đó. Câu chuyện này được kết thúc bằng sự kiện các vị khách không mời buộc phải lễ phép rời khỏi dải hoạt động của phương diện quân U-crai-na 3, tức là ra khỏi đất nước Bun-ga-ri.

Hồi đó, cũng bắt đầu có sự thăm dò tương tự như vậy trong các đơn vị của Bun-ga-ri trên lãnh thổ Hy Lạp. Ở đây bỗng xuất hiện một viên thiếu tá, y yêu cầu bộ chỉ huy Bun-ga-ri giao chính quyền lại cho bọn y, tức là những người Anh, chứ không giao cho Mặt trận Tổ quốc của Hy Lạp, và đề nghị nhận sự giúp đỡ của các nước đồng minh. Tóm lại, những người cùng chia sẻ trách nhiệm với chúng ta trong khối chống Hít-le đã hoạt động tình báo, nhằm củng cố trận địa các lực lượng phương Tây và làm giảm ảnh hưởng của Liên Xô ở Ban-căng.

Ít lâu sau, chúng tôi được tin xác nhận rằng các hoạt động tình báo và âm mưu của Anh - Mỹ đã được sự ủng hộ trong bộ máy quan chức thừa hưởng lại của nền quân chủ ở Bun-ga-ri, ở chính ngay bộ trưởng chiến tranh Đ. Ven-trép. Thông qua hệ thống phát thanh của chính phủ Bun-ga-ri, họ đã truyền đi công khai các tin tức làm lộ nơi đóng quân của bộ đội Liên Xô. Bộ tham mưu phương diện quân lo ngại về việc đó, nên Ph. I. Tôn-bu-khin thông qua X. X. Bi-ri-u-dốp đề nghị với chính phủ Bun-ga-ri chỉ được phát thanh những tin tức về nơi đóng quân của các đơn vị Liên Xô khi đã được chúng ta đồng ý.

Còn nói về Ven-trép, bề ngoài y vẫn cố gắng tỏ ra là một chiến sĩ của Mặt trận Tổ quốc, song thực chất y là một kẻ thù điên cuồng đối với tất cả những cái gì tiến bộ gắn liền với nước Bun-ga-ri mới. Chúng tôi nhận ra cái trò chơi hai mặt đó của y, khi nhận được bức thư của y trả lời cho Tôn-bu-khin ngày 16 tháng Chín về vấn đề phối thuộc bộ đội Bun-ga-ri. Bộ trưởng chiến tranh Bun-ga-ri viết rằng, y sẽ làm hết mọi việc để thống nhất mọi nỗ lực của quân đội Bun-ga-ri và Liên Xô, nhưng y lại hành động ngược lại với những điều y viết; y cố gắng trì hoãn không để cho quân đội Bun-ga-ri tham gia ngay chiến tranh bên phía liên minh chống Hít-le.

Ngày 19 tháng Chín, Bi-ri-u-dốp và A-nô-sin đã tiếp xúc với những người lãnh đạo chính phủ Bun-ga-ri của Mặt trận Tổ quốc và những người lãnh đạo quân đội Bun-ga-ri. Bên phía Bun-ga-ri có mặt K. Ghê-oóc-ghi-ép, I. Ma-ri-nốp, Đ. Ven-trép và viên đại tá đại biểu cho Bộ tổng tham mưu quân đội Bun-ga-ri. Cuộc hội đàm bàn về vấn đề động viên các lực lượng của nhân dân và quân đội kiên quyết chiến đấu chống quân đội Hít-le.

Ở đây, trong buổi hội đàm này, chúng ta lại xác định thêm một lần nữa đường lối phản động của Ven-trép và một số giới trong Bộ tổng tham mưu Bun-ga-ri. Nếu như Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Bun-ga-ri và tổng tư lệnh quân đội Bun-ga-ri là những người chủ trương phải nhanh chóng triển khai quân đội Bun-ga-ri chống lại nước Đức và đưa quân đội vào chiến đấu, thì bộ trưởng chiến tranh và đại biểu của Bộ tổng tham mưu Bun-ga-ri lại phát biểu chống lại việc đưa quân Bun-ga-ri ra mặt trận, lấy lý do các sư đoàn đóng quân trên lãnh thổ Nam Tư và ở ngay tại Bun-ga-ri còn chưa đủ sức chiến đấu và không đáng tin cậy.

Lý do họ đưa ra thoát nghe cũng có vẻ có căn cứ của nó. Như đã nói đến ở trên, các đơn vị Bun-ga-ri trước ngày 9 tháng Chín chiếm đóng trên lãnh thổ Nam Tư có nhiều phần tử thân phát-xít, nhất là thành phần sĩ quan. Tất nhiên, cần phải thanh lọc các phần tử thù địch với cách mạng ra khỏi quân đội, bổ sung các chiến sĩ du kích và những người tình nguyện vào quân đội rồi mới đưa các đơn vị ra chiến đấu. Quá trình thanh lọc kẻ thù của nhân dân ra khỏi quân đội đã diễn ra ngày một khẩn trương. Đảng công nhân Bun-ga-ri đã tiến hành công tác này thông qua các đại biểu của mình trong Mặt trận Tổ quốc, được sự giúp đỡ của các chiến sĩ du kích, những người hoạt động bí mật và các chiến sĩ khác đấu tranh cho thắng lợi của chế độ nhân dân. Nói toàn bộ quân đội Bun-ga-ri chưa có khả năng chiến đấu là hết sức sai lầm. Nhiệm vụ là ở chỗ không được để mất thời gian vào những cuộc tranh cãi về khả năng chiến đấu của bộ đội, mà phải đẩy mạnh quá trình chấn chỉnh bộ đội, cải tiến công tác bổ sung, lấy những lớp người mới trong hàng ngũ nhân dân, những người căm thù toàn bộ chế độ tay sai của bọn quân chủ phát-xít và Hít-le ở nước Bun-ga-ri.

X. X. Bi-ri-u-dốp sớm nhận ra ngay ý nghĩa thật trong lập trường của Đ. Ven-trép và hiểu ngay các mưu mô của y. Đồng chí đã tiến hành công việc với sự am hiểu triệt để tình hình. Và cũng cần phải nhận xét rằng, quân đội Bun-ga-ri đã nhanh chóng vượt qua thời kỳ thanh lọc, dũng cảm chiến đấu chống quân phát-xít Đức và nhờ đấu tranh quên mình đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp thắng lợi chung trước quân thù. X. X. Bi-ri-u-dốp quả đã có công lớn trong công tác này.

Bộ tổng tham mưu Liên Xô rất cảnh giác trước lập trường của Đ. Ven-trép và đồng bọn. Chúng ta lưu ý Bi-ri-u-dốp và bộ máy công tác của đồng chí về tình hình trên. Cần phải tìm hiểu thật chính xác hơn nữa trạng thái thật sự của quân đội Bun-ga-ri, nếu cần thì giúp đỡ tất cả những gì có thể để các đơn vị Bun-ga-ri tiến ra chiến đấu được ở ngoài mặt trận. Nhờ đó mà củng cố vững chắc những thành quả của cuộc khởi nghĩa nhân dân Bun-ga-ri, làm phá sản mọi mưu toan của bọn gián điệp địch cùng những kẻ muốn phục hồi chế độ cũ và làm cho thắng lợi ngày một tiền đến gần.

Sự chống đối của Ven-trép và những tên phản động trong Bộ tổng tham mưu Bun-ga-ri không lọt qua mắt Đảng công nhân Bun-ga-ri, Ban chấp hành trung ương Đảng. Đảng hết sức quan tâm đến việc củng cố quân đội và đưa các đơn vị ra mặt trận. Theo đề nghị của Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân Bun-ga-ri đã cử I-van Vi-na-rốp xuống

các đơn vị làm nhiệm vụ nắm tình hình quân đội Bun-ga-ri và giúp đỡ quân đội đứng vào đội ngũ chung chống Hít-le. Đặt chân tới Bun-ga-ri, I. Vi-na-rốp cùng với mấy đồng chí trợ lý xuống ngay các đơn vị bộ đội.

Tình hình ở đây hoàn toàn không sâu thẳm như Ven-trép và đồng bọn thường mô tả. Tổ cán bộ của Vi-na-rốp không hề thấy một binh đoàn hoặc binh đội nào không chịu phục tùng chính phủ của Mặt trận Tổ quốc. Lúc trở về Xô-phi-a, Vi-na-rốp báo cáo những kết luận của mình. Đồng chí tuyên bố rằng quân đội Bun-ga-ri «cần thêm hai tuần lễ nữa để hoàn thành việc chấn chỉnh đội ngũ; hiện nay quân đội có khả năng chiến đấu, nhưng tất nhiên sau thời hạn trên sẽ còn có sức chiến đấu cao hơn». Như vậy, vấn đề quân đội Bun-ga-ri chưa có khả năng chiến đấu là không đúng với sự thật. Sau chuyến đi của I. Vi-na-rốp, vấn đề đó nói chung không còn tồn tại nữa. Những thiếu sót còn tồn tại trong các đơn vị đã được khắc phục trong một thời gian tương đối ngắn.

Bọn phản động còn mưu toan dựa vào các cuộc hội họp bấy giờ đang sôi động trong các doanh trại quân đội ở Bun-ga-ri để xuyên tạc rằng quân đội Bun-ga-ri đang ở trong tình trạng rối loạn, tan rã. Qua kinh nghiệm cách mạng ở nước mình, bộ chỉ huy Liên Xô hiểu rõ rằng, tình hình sục sôi như vậy ở quân đội Bun-ga-ri có ý nghĩa gì. Những buổi mít tinh ồn ào đó hoàn toàn không phải là dấu hiệu bộ đội không có khả năng chiến đấu, mà chỉ là biểu hiện của những khát vọng tìm kiếm chân lý. Mỗi quân nhân đều muốn tìm hiểu ra chân lý đó trong quá trình khởi nghĩa của nhân dân, muốn xác định được vị trí của mình trong trào lưu các sự kiện chân thực của lịch sử.

Tất nhiên là không phải mọi quân nhân, mọi sĩ quan đều có thể nhận thức được tất cả những cái mới sinh ra sau khi cuộc khởi nghĩa nhân dân thắng lợi. Có quân nhân không chịu phục tùng mệnh lệnh của sĩ quan cấp trên, vì họ không hiểu chính kiến những người chỉ huy của mình. Lại cũng còn những quân nhân suy nghĩ về mảnh đất của mình đang để lại ở nông thôn nhiều hơn là suy nghĩ về chính trị. Cái mới nảy sinh bên cạnh cái cũ đang tồn tại; không phải ai cũng dễ nhận ra ngay chỗ đứng của mình mai sau, mình sẽ đi theo ai, vì tiếng nói và tấm gương của các đảng viên cộng sản chưa kịp phát huy sức mạnh ở khắp mọi nơi.

Thay đổi trong một thời gian ngắn bản chất chính trị và tinh thần của một quân đội trước đây từng phục vụ chế độ quân chủ thân phát-xít, để đưa quân đội đó tiến lên phục vụ những thành quả của cuộc Khởi nghĩa nhân dân tháng Chín là một nhiệm vụ rất khó. Bộ tổng tham mưu cũng đã nghiên cứu tới vấn đề đó và đã nhiều lần thảo luận về vấn đề các ủy ban quân nhân sinh ra trong quá trình khởi nghĩa ở các đơn vị sẽ giúp đỡ hay sẽ làm trở ngại cho việc củng cố trật tự, động viên tinh thần sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, xây dựng một quân đội Bun-ga-ri mới.

Đảng công nhân Bun-ga-ri đã sáng suốt quyết định được thời cơ, khi đội ngũ cán bộ sĩ quan lựa chọn ở những người trung thành với nhân dân được củng cố, đã làm mất tác dụng từng bước một các ủy ban quân nhân, vì nếu cứ tiếp tục để các ủy ban này tồn tại, chúng sẽ gây trở ngại cho việc củng cố kỷ luật và chế độ một người chỉ huy trong quân đội, cho việc chuẩn bị tác chiến của quân đội ở ngoài mặt trận. Các ủy ban ấy dần dần được giải thể.

Do chỗ đội ngũ cán bộ chỉ huy mới chưa phải đều đã được huấn luyện tốt về mặt quân sự, nên đã nảy sinh ý định cử các cố vấn của quân đội Liên Xô giúp đỡ quân đội Bun-ga-ri. I. X. A-

nô-sin là người nảy ra ý định đó đầu tiên trong bức điện báo cáo gửi A. X. Giên-tốp, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3.

A. X. Giên-tốp ủng hộ đề nghị ấy. Đồng chí hội ý với Ph. I. Tôn-bu-khin và chủ trương đặt vấn đề với Bộ tổng tham mưu về việc cử các đại biểu quân sự của ta. Đồng chí tư lệnh đồng ý.

Theo chỉ thị của tư lệnh phương diện quân, X. X. Bi-ri-u-dốp đem trao đổi vấn đề trên với K. Ghê-oóc-ghi-ép và Đ. Ven-trép. Họ quyết định chính thức mời Liên Xô cử các sĩ quan xô-viết vào làm đại biểu trong các đơn vị ở Bun-ga-ri, nói một cách chính xác hơn là làm huấn luyện viên về các vấn đề huấn luyện chiến đấu.

Ngày 20 tháng Chín. A. I. An-tô-nốp nhận được bức điện từ phương diện quân U-crai-na 3 của Ph. I. Tôn-bu-khin đặt vấn đề cử các cố vấn cho quân đội Bun-ga-ri theo đề nghị của chính phủ Bun-ga-ri.

Bức điện trên được báo cáo cho Đại bản doanh, sau đó ít lâu Chính phủ Liên Xô đồng ý cử các sĩ quan Hồng quân vào các binh đoàn của Bun-ga-ri, nhưng chỉ vào những binh đoàn hoạt động cùng với bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3.

Đầu tháng Mười 1944, bảy đại tá Liên Xô đến các đơn vị của Bun-ga-ri: Ta-tác-trép-xki tới sư đoàn bộ binh 4. Khê-ra-xcốp — sư đoàn 5, Ti-tốp — sư đoàn 6, Ga-li-ác-bê-rôp — sư đoàn 9, Gri-gô-ri-ép — sư đoàn 12, Sa-phô-rôt và Pô-gi-đa-ép — sư đoàn kỵ binh 1 và 2. Các cố vấn Liên Xô không chỉ huy mà chỉ đóng góp những ý kiến thiết thực khi cần thiết. Ít lâu sau, thiếu tướng A. V. Bla-gô-đa-tốp được cử làm trưởng đoàn cố vấn Liên Xô trong quân đội Bun-ga-ri.

Các chỉ huy sư đoàn và trung đoàn của Bun-ga-ri lúc bấy giờ chưa có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, nên sự giúp đỡ của các đồng chí Liên Xô là đúng lúc. Các đại biểu quân sự của ta phải thâm nhập vào mọi vấn đề tổ chức hoạt động chiến đấu, bảo đảm chiến đấu, đặc biệt là vấn đề tổ chức trinh sát và chỉ huy các đơn vị. Bản thân cuộc sống yêu cầu như vậy. Ví dụ, đại tá Ta-tác-trép-xki báo cáo về tình trạng công tác trinh sát của binh đoàn nơi đồng chí công tác: «Sư đoàn không tổ chức trinh sát, các tin tức về địch đều lấy ở nhân dân địa phương và du kích. Những tin tức ấy chưa thật đúng và chính xác», cả những vấn đề khác tiến hành cũng chưa tốt.

Các cán bộ chính trị của Liên Xô cũng đã giúp đỡ nhiều trong việc tổ chức công tác chính trị, giáo dục quân đội nhân dân Bun-ga-ri còn non trẻ. Các đồng chí Bun-ga-ri đón tiếp nồng nhiệt các sĩ quan Liên Xô, hào hứng tiếp thụ những kinh nghiệm mà họ đã thu được trong cuộc đấu tranh gian khổ chống quân đội phát-xít Đức. Sự thông cảm lẫn nhau và hợp tác tốt đẹp đã nhanh chóng hình thành và sản sinh ra tình hữu nghị chiến đấu thắm thiết lâu dài sau này.

Đảng công nhân Bun-ga-ri và Mặt trận Tổ quốc đã tiến hành thắng lợi việc cải tổ lại quân đội Bun-ga-ri, đã tiếp thêm cho nó sức mạnh cách mạng của Quân đội khởi nghĩa giải phóng nhân dân. Những người chỉ huy các đơn vị du kích giữ các cương vị chỉ huy trong các binh đoàn và đơn vị. Các chiến sĩ trong mặt trận nhân dân đấu tranh chống chế độ quân chủ-phát-xít trở thành nòng cốt của quân đội mới.

Căn cứ vào kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Nga, Đảng công nhân Bun-ga-ri và người trợ thủ gần gũi của Đảng là Đoàn thanh niên công nhân, đã công bố lời hiệu triệu những người tình nguyện. Gần 40 nghìn chiến sĩ tích cực đấu tranh cho nước Bun-ga-ri nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi đó: các chiến sĩ du kích, các tù nhân chính trị trước đây và những người bị giam giữ trong các trại tập trung, những thanh niên nhiệt tình với cách mạng.

Đó là những con người có ý chí cách mạng cao, tinh thần chiến đấu bất khuất và biết hành động thiết thực, đã đem lại bộ mặt mới cho các doanh trại quân đội Bun-ga-ri, đem lại cho các đơn vị tính kiên cường và ý chí, dầu thế nào cũng phải tiêu diệt bằng được quân địch ở ngoài chiến trường.

Những biện pháp rất táo bạo đã được áp dụng để đổi mới đội ngũ cán bộ chỉ huy. Những sĩ quan và tướng lĩnh đã là những tên đầy tớ trung thành của chế độ quân chủ-phát-xít thì bị đuổi ra khỏi quân đội.

Các đảng viên cộng sản đã từng được thử thách, trước đây đứng trong hàng ngũ Quân đội khởi nghĩa giải phóng nhân dân đấu tranh chống nhà vua và tập đoàn phát-xít, nay cùng các sĩ quan là đảng viên cộng sản, những người đã từng tiến hành hoạt động bí mật trong quân đội chính quy của nước Bun-ga-ri, đứng ra nắm quyền lãnh đạo quân đội, kể cả khâu chỉ huy quân sự ở cấp cao. Trong số đó có những người anh hùng tháng Chín 1923^[7], những kiều dân chính trị, các chính ủy và các nhà chỉ huy quân khởi nghĩa. Tên tuổi của họ đã được nhiều người biết đến, như: I-van Vi-na-rốp, Ghê-oóc-ghi Đa-mi-a-nốp, Đa-kha-ri Đa-kha-ri-ép, I-van Ki-nốp, Phéc-đi-na Cô-dốp-xki, I-van Mi-khai-lốp, Bra-ni-mia Oóc-ma-nốp, Pi-ốt Pan-trép-xki. Các đồng chí này trước đây đã công tác trong Hồng quân và tốt nghiệp các học viện quân sự ở Liên Xô. Họ đều nắm được lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cần thiết để lãnh đạo xây dựng quân đội Bun-ga-ri và chỉ đạo tác chiến.

Một số sĩ quan trước đây bị loại ra ngạch dự bị vì có tư tưởng chống phát-xít, như Vla-đi-mia Xtôi-trép, Tô-đo Tô-sép, Xtôi-i-an Tơ-ren-đa-phi-lốp, nay trở về đội ngũ để củng cố thành phần cán bộ chỉ huy. Theo thứ tự đó, các đồng chí giữ cương vị tư lệnh tập đoàn quân 1 và chỉ huy các sư đoàn bộ binh. Đại bộ phận sĩ quan cấp dưới được thay thế bằng các hạ sĩ quan có tinh thần cách mạng.

Tất cả những nguồn bổ sung cán bộ trên đã làm giảm bớt tình trạng thiếu thốn cán bộ chỉ huy trong quân đội Bun-ga-ri và tạo thêm tính chất thực sự nhân dân trong quân đội Bun-ga-ri mới.

Dựa theo kinh nghiệm lịch sử của các Lực lượng vũ trang Liên Xô, quân đội Bun-ga-ri cũng lập ra chế độ chính ủy để giúp những người chỉ huy. Những đảng viên cộng sản Bun-ga-ri nổi tiếng như Ste-ri-u A-ta-na-xốp và các đồng chí khác đã thể hiện ở đây sự sáng suốt và sự tôi luyện của Đảng.

Trong những ngày đáng ghi nhớ ấy đối với chúng tôi và đối với đất nước Bun-ga-ri nhân dân, bọn phản động đã nhiều lần thay đổi chiến thuật chống phá của chúng. Khi lý do quân đội chưa có khả năng chiến đấu mà bọn chúng đưa ra bị bác bỏ, chúng bèn tìm cách kéo dài thời gian, phá những biện pháp tổ chức các đơn vị, cố thu hẹp quân số các đơn vị tuyển mộ ra đi chiến đấu. Lúc này theo chúng, nhiệm vụ giải quyết các vấn đề nội bộ của đời sống Bun-ga-ri được đặt lên hàng đầu, còn nhiệm vụ đưa quân đội đi chiến đấu chống lại Hít-le phải đặt xuống hàng thứ hai.

Mọi mưu đồ của kẻ thù nhân dân đều bị bóc trần, sự chống phá của chúng bị đè bẹp. Nhưng để đấu tranh với bọn chúng, chúng ta cũng phải mất công sức, phải quan tâm, chú ý và phải mất thời gian. Chúng ta cũng chưa thể lột ngay được mặt nạ của kẻ thù giả vờ là «bạn dân», vì chúng còn khôn khéo che đậy dưới cái chiêu bài Mặt trận Tổ quốc chiến đấu. Bản chất phản nhân dân của những kẻ «bạn dân» này trở nên đặc biệt rõ, khi chúng câu kết với bọn lưu vong phản động Bun-ga-ri ở nước ngoài, chẳng hạn như với Txan-cốp là kẻ đã lập ra ở Đức cái gọi là

«chính phủ dân tộc Bun-ga-ri». Sự kiện trên xảy ra hồi cuối tháng Chín 1944, lúc hoàn thành cuộc động viên bộ đội Bun-ga-ri mở các chiến dịch trên lãnh thổ Nam Tư cùng với Hồng quân và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư.

Bấy giờ, Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản)^[8] kêu gọi nhân dân tích cực tham chiến và Gh. M. Đi-mi-tơ-rốp viết: «Tương lai đất nước chúng ta phụ thuộc trước hết vào sự đóng góp thiết thực của chúng ta, của nhân dân cũng như nhà nước, vào những cố gắng quân sự chung trong lúc này...»^[9].

Lời kêu gọi của các đảng viên cộng sản được nhân dân tích cực hưởng ứng. Bắt đầu từ ngày 9 tháng Chín, quá trình cách mạng dâng lên khắp đất nước. Người ta triển khai việc động viên các lực lượng đứng về phía liên minh chống Hít-le tham gia cuộc chiến tranh thần thánh chống nước Đức phát-xít, và ngay từ đầu tháng Mười 1944, các chiến sĩ Bun-ga-ri đã hiệp đồng với Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư và Hồng quân, tiến công thắng lợi trên hướng Ni-sơ.

Kẻ thù của nhân dân tạm thời giấu mặt, chúng không những vẫn tiếp tục phá hoại ngầm mà còn tăng cường hơn, nhất là sau khi ký kết hiệp nghị đình chiến với Bun-ga-ri ngày 28 tháng Mười 1944. Lợi dụng tình hình các mối quan hệ với Bun-ga-ri lúc này đã được thể chế hóa chặt chẽ, Pét-cô Xtô-i-a-nốp, bộ trưởng tài chính, và Ni-cô-la Pét-cốp, bộ trưởng không bộ, đã chống đối quyết liệt việc tiếp tục mở rộng các hoạt động của quân đội Bun-ga-ri ngoài tiền tuyến cùng với Hồng quân.

Song, tất nhiên, những hành động chống phá của một nhóm nhỏ kẻ thù không thể ngăn chặn được các sự kiện phát triển. Bun-ga-ri vẫn bắt đầu lập ra binh đoàn mới, và công việc đó đã tiến hành tốt. Binh đoàn đó lấy tên cũ là tập đoàn quân Bun-ga-ri 1, nhưng về chức năng, biên chế và tinh thần chiến đấu của bộ đội thì nó lại là con đẻ của những cải cách cách mạng. Ngày 21 tháng Mười một 1944, bộ trưởng chiến tranh Bun-ga-ri ra quyết định thành lập tập đoàn quân này, gồm có 6 sư đoàn, mỗi sư đoàn 12000 người. Như đã nói ở trên, tư lệnh tập đoàn quân là trung tướng Vla-đi-mia Xtôi-trép, đã tỏ ra xuất sắc trong các trận đánh sau này. Phó của đồng chí là tướng Ste-ri-u A-ta-na-xốp, một đảng viên cộng sản, có kiến thức rộng, giàu kinh nghiệm hoạt động chính trị và quân sự. Các sư đoàn, trung đoàn và các đội dân binh đều được bổ nhiệm những cán bộ chỉ huy cấp phó đặc biệt, lấy trong số những người đã được thử thách trong cuộc đấu tranh chống phát-xít. Các đơn vị được củng cố, bổ sung các chiến sĩ tình nguyện, những người chống phát-xít.

Đảng đã tiến hành rộng khắp trong quân đội công tác giáo dục, giải thích các nguyên nhân vì sao bộ đội Bun-ga-ri cần đứng về phía Liên Xô, sát cánh chiến đấu với các chiến sĩ giải phóng Liên Xô, tiếp tục đấu tranh chống lại quân đội Hít-le. Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản) và chính phủ của Mặt trận Tổ quốc đặc biệt chú ý giải quyết nhiệm vụ này và đem lại cho nó một phương hướng chính trị rõ rệt. Đảng và chính phủ đã ra bản tuyên ngôn đặc biệt gửi nhân dân và quân đội Bun-ga-ri, trong đó chỉ rõ: «Chiến tranh sắp kết thúc, nhưng hiện nay vẫn chưa chấm dứt. Đất nước cần có những nỗ lực và hy sinh mới để bảo đảm tự do hoàn toàn cho nhân dân Bun-ga-ri cũng như các quyền lợi sống còn của Tổ quốc ta... Chúng ta không bao giờ được quên rằng, đây là thời cơ lịch sử quyết định vị trí của đất nước ta vào những năm sau này trong hàng ngũ các dân tộc yêu chuộng tự do và tiến bộ...

Bọn phản động lại mưu đồ lợi dụng những khó khăn đang nảy sinh ở trong nước. Trong một phiên họp của Hội đồng bộ trưởng, chính những tên Xtô-i-a-nốp và Pét-cốp tuyên bố: việc gửi

các sư đoàn mới ra ngoài mặt trận sẽ làm xấu hẳn tình hình nội bộ Bun-ga-ri, có thể sẽ dẫn đến khởi nghĩa của nhân dân. Một tên nói đại ý rằng Mỹ và Anh không tán thành tăng quân số. Cả hai tên bộ trưởng đều đặt vấn đề ngò vức sự phù hợp giữa chính sách của Liên Xô với những lợi ích của nhân dân Bun-ga-ri. Pét-cốp và Ven-trép giấu giếm các bộ trưởng là đảng viên cộng sản, đưa lậu vào trong chính phủ bản «Nghị quyết số 4» nhằm bảo vệ cho bọn sĩ quan có những quan điểm thân phát-xít và đã từng có tội với nhân dân, khỏi bị trừng phạt một cách công bằng. Mọi mưu đồ đen tối của bọn phản động đều bị Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản) vạch mặt trước nhân dân. Quần chúng ủng hộ các đảng viên cộng sản, và trước áp lực của nhân dân, nghị quyết nguy hại đó đã bị bãi bỏ.

Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản), hiểu rõ ý nghĩa sự đóng góp của Bun-ga-ri vào sự nghiệp chung của các nước đồng minh, đã thuyết phục chính phủ của Mặt trận Tổ quốc bổ sung thêm các lực lượng chống lại nước Đức Hít-le. Ngày 14 tháng Chạp, bộ trưởng chiến tranh chính thức thông báo về vấn đề này. Để khỏi phải quay trở lại, tôi xin nói là đến cuối chiến tranh châu Âu, tổng số quân của tập đoàn quân Bun-ga-ri 1 hoạt động trong đội ngũ của phương diện quân U-crai-na 3 đã lên tới trên 245.000 người.

Các binh đoàn và binh đội cận vệ, được bổ sung các chiến sĩ du kích và những người tình nguyện, đã giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng quân đội và thu được những thắng lợi rực rỡ trong chiến đấu. Các đơn vị đó hợp thành đạo quân xung kích của quân đội Bun-ga-ri, nổi bật ở tinh thần chiến đấu cao và sẵn sàng hoàn thành những nhiệm vụ khó khăn nhất.

Tiền tập đoàn quân 1 ra mặt trận, nhân dân Bun-ga-ri đã chúc tập đoàn quân sớm thu được thắng lợi trước quân thù. Từng đơn vị một, căn cứ theo tình trạng sẵn sàng chiến đấu của mình, lần lượt lên đường. Trước hết là các sư đoàn bộ binh 3,8 và 11, rồi sau đó đến sư đoàn 16 có mặt ở ngoài mặt trận. Cuối tháng Chạp 1944, các sư đoàn trên đã chiến đấu tiến công ở vùng giữa hai con sông Đra-va và Xa-va, và từ đầu năm 1945 đã thực hành phòng ngự bảo đảm sườn tiếp giáp giữa phương diện quân U-crai-na 3 và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư ở phía Tây và Nam thành phố Pét (Hung-ga-ri). Sau này, các đơn vị quân đội Liên Xô, Bun-ga-ri và Nam Tư đã phối hợp với nhau, tiêu diệt các đơn vị quân địch âm mưu đột phá vượt qua sông Đra-va, tiến vào sau lưng phương diện quân U-crai-na 3.

Kết cục thắng lợi của những trận giao chiến gay go, đẫm máu ở Đra-va và khu vực Két-ke-mét chứng minh rằng, công tác tổ chức và công tác chính trị của Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản) tiến hành trong thời kỳ kiện toàn quân đội và trong quá trình chiến đấu đã thu được những kết quả chính trị và quân sự to lớn. Các chiến sĩ Bun-ga-ri đã dũng cảm và quên mình chiến đấu cho Tổ quốc cách mạng của mình và cho mục đích chung là tiêu diệt nước Đức phát-xít. Cuộc đấu tranh vũ trang của họ chống bọn chiếm đóng phát-xít đã được mọi người công nhận.

CHƯƠNG SÁU

• Ở Nam Tư

- Trước những sự kiện quyết định.
- I. Brôt Ti-tô ở Mát-xcơ-va.
- Phá bẫy.
- Chuyển bay dừng cảm.
- Sự nhất trí tốt đẹp.
- Chúng ta chuẩn bị các chiến dịch phối hợp.
- Những tính toán sai của bộ chỉ huy Hít-le.
- Con đường dừng cảm tới Bê-ô-grát.
- Chiến thắng.
- Các kế hoạch mai sau.
- Những tháng chiến tranh cuối cùng ở Nam Tư.
- Tình bạn chiến đấu.

Đầu tháng Chín 1944, bộ đội Liên Xô được nhân dân Bun-ga-ri đón tiếp nồng nhiệt, đang tiến sâu xuống phía Nam và Tây-Nam, thì Tổng tư lệnh tối cao giao nhiệm vụ cho Bộ tổng tham mưu chuẩn bị tài liệu về các công việc ở Nam Tư. Đồng chí nói: I-ô-xíp Brôt Ti-tô, Tổng tư lệnh tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư, thông qua phái đoàn quân sự của ta, đã đề nghị với Liên Xô cho Hồng quân tạm thời tiến vào lãnh thổ Nam Tư. Các sĩ quan trong Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu bắt tay vào nhiệm vụ ngay. Nhiệm vụ khá phức tạp, vì phải suy nghĩ tới nhiều vấn đề.

Vào những ngày 20 tháng Chín, nguyên soái I. Brot Ti-tô đáp máy bay tới Mát-xcơ-va. Cùng đi có tướng N. V. Coóc-nê-ép, trưởng phái đoàn quân sự của ta. Tình hình các mặt trận ở Nam Tư vào thời gian này khá hơn nhiều. Mấy chiến dịch tiến công lớn của bọn Hít-le âm mưu tiêu diệt Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư đã bị thất bại hoàn toàn. Trong khi ấy, Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư đã lớn mạnh, tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến tranh và đang tiến hành những cải cách về tổ chức. Nó không còn là một đội quân du kích nữa, mà đã trở thành một đội quân chính quy hiện đại, thật ra thì vẫn còn mang những dấu vết sống động của thời quá khứ. Biên chế nó gồm có 50 sư đoàn, nhiều lữ đoàn và chi đội, gồm 400.000 chiến sĩ, đã được tôi luyện trong đấu tranh chống quân thù. Các đơn vị đó không chỉ đơn thuần phòng ngự mà đã biết tiến công có tổ chức, quét sạch bọn xâm lược hết vùng này đến vùng khác. Đầu tháng Chín, 7 sư đoàn của Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư phối hợp với 5 sư đoàn hoạt động ở trong nước cộng hòa Xéc-bi-a, đã tiến công vào Xéc-bi-a, 12 sư đoàn đó đã tiêu diệt được các đơn vị quân địch đóng tại căn cứ này. Trong vòng 10 ngày tiến công đầu tháng Chín, Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư đã giải phóng được 98 thành phố, thị trấn và gây cho địch nhiều thiệt hại nặng. Đài phát thanh «Nam Tư tự do» loan báo: quân địch chết 24.000 tên, có 11.900 binh lính và sĩ quan bị bắt làm tù binh. Thời gian gặp gỡ giữa các đơn vị Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư và Hồng quân đã nhích lại gần...

Khi các bạn Nam Tư đặt chân tới Liên Xô, A. I. An-tô-nốp báo cho tôi biết rằng khoảng nửa đêm đồng chí sẽ đến gặp I. V. Xta-lin tại «biệt thự gần thành phố» ở Cun-xê-vô.

Sau này, An-tô-nốp kể lại: cuộc mạn đàm trong bữa cơm thân mật buổi tối đã diễn ra rất nồng nhiệt, nhưng hết sức thiết thực. Được sự ủy nhiệm của ủy ban dân tộc giải phóng Nam Tư, nguyên soái Ti-tô đề nghị với Liên Xô cho các lực lượng vũ trang tiến vào lãnh thổ miền Đông Nam Tư và đề xuất các nguyên tắc hiệp đồng giữa Hồng quân và Quân đội Nam Tư. Các bạn Nam Tư hy vọng có thể giải phóng được thủ đô Bê-ô-grát trong quá trình các hành động chiến đấu sắp tới đây. I. V. Xta-lin quay sang phía A. I. An-tô-nốp nói: Bộ tổng tham mưu chắc sẽ không phản đối chứ! Và trong buổi hội đàm ấy, hai bên đã thỏa thuận với nhau về mặt nguyên tắc cho các chiến dịch phối hợp sau này, còn những văn bản chính thức sẽ được ký kết sau. Chúng ta thông báo cho Tổng tư lệnh tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư biết các ý định sắp tới đây của chúng ta.

Chúng ta thông báo cho nguyên soái Ti-tô rằng phương diện quân U-crai-na 3 và Chi hạm đội Đa-nuýp sẽ được sử dụng để chi viện cho Nam Tư. Với các lực lượng trên, chúng ta trù tính cũng đủ để tiêu diệt quân địch ở khu vực Bê-ô-grát. Còn trên các khu vực khác thì Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư tin là có thể đánh tan được bọn chiếm đóng Hít-le bằng những lực lượng của bản thân mình. Nhân dịp này, I. V. Xta-lin nêu ý kiến là thời gian tới đây, cánh trái của phương diện quân U-crai-na 2 sẽ đi qua Nam Tư để đánh vào Hung. Nếu ủy ban giải phóng dân tộc Nam Tư cho phép bộ đội Liên Xô tạm thời tiến vào đất Nam Tư, thì thuận lợi biết bao. Đề nghị đó xuất phát từ lợi ích đấu tranh chống kẻ thù chung và đã được sự thỏa thuận của I. Brót Ti-tô, thay mặt ủy ban dân tộc giải phóng và Bộ tham mưu tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư.

Cuộc tiến công của bộ đội Liên Xô trong tháng Chín 1944 phát triển ở sườn phía Nam mặt trận Xô-Đức thu được thắng lợi triệt để. Ngày 30 tháng Chín, bộ đội ta quét sạch quân địch trên 20 vùng dân cư của Nam Tư. Vùng ta giải phóng ở Nam Tư ngày càng được mở rộng. Trong quá trình truy kích địch, các đơn vị của phương diện quân U-crai-na 2 đã tiến tới bờ phía Đông sông Đa-nuýp. Trong khi ấy, các tập đoàn quân của phương diện quân U-crai-na 3 tiến tới biên giới phía Nam và phía Tây Bun-ga-ri. Cuối tháng Chín, tập đoàn quân 57 của trung tướng N. A. Ga-ghen chiếm được một khu rất quan trọng của thành phố Vi-đin trên bờ đối diện, bờ phía Tây sông Đa-nuýp, nên đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho bộ đội ta vượt con sông rất rộng và chảy xiết ấy, đồng thời cũng hoàn toàn tránh cho một số binh đoàn khỏi phải vượt con sông này. Sông Đa-nuýp lúc này lại có lợi cho chúng ta, trở thành luồng tiếp tế quan trọng và thuận tiện cho các đơn vị. Chi hạm đội Đa-nuýp vẻ vang dưới sự chỉ huy của Xéc-gây Ghê-oóc-ghi-ê-vích Goóc-scốp, hoạt động trên con sông này.

Nhưng, trên hướng đó quân địch cũng còn nhiều lực lượng. Các đơn vị Hít-le có 270.000 người, gồm 14 sư đoàn đủ biên chế, 8 sư đoàn thiếu, nhiều trung đoàn và tiểu đoàn độc lập. Ngoài ra, ở phía Bắc Nam Tư còn 5 sư đoàn Hung-ga-ri gồm 30.000 binh lính và sĩ quan. Các đơn vị quân ngụy Nam Tư cũng còn khoảng 270.000 tên. Tính chung, chúng còn tới 570.000 binh lính và sĩ quan. Một con số đáng phải chú ý!

Các đơn vị phát-xít Đức đóng ở Đông-Nam Nam Tư thuộc quyền chỉ huy của viên thống chế tư lệnh Phôn Vai-khơ-xơ. Cả Cụm tập đoàn quân «Ph» đóng ở Khoóc-va-ti-a, Bô-xni-a và Ghéc-txơgô-vi-na, Tséc-nô-gô-ri-a và An-ba-ni cũng thuộc quyền y. Các đơn vị của Cụm tập

đoàn quân «E» do thượng tướng Lo-rơ chỉ huy, đóng quân ở Hy Lạp và trên các hòn đảo. Cụm tập đoàn quân «Xéc-bi-a» do tướng Phen-béc chỉ huy hoạt động ở Xéc-bi-a. Từ cuối tháng Tám 1944, các lực lượng địch ở Nam Tư tăng hẳn lên. Để chống đỡ các đòn tiến công của Quân đội giải phóng nhân dân, quân địch buộc phải điều động tới đây một bộ phận của Cụm tập đoàn quân «E». Quân địch ở Ru-ma-ni bị tiêu diệt, Hồng quân lúc này đang tiến sâu vào bán đảo Ban-căng đã buộc địch phải chuẩn bị cho rút các binh đoàn và đơn vị của chúng ra khỏi Hy Lạp và Ma-xê-đoan để tránh không bị nguy hiểm. Ngày 3 tháng Mười 1944, chúng được lệnh rút lui. Quân địch ở Nam Tư chiếm giữ những vùng có ý nghĩa chính trị và kinh tế chủ yếu, đóng chốt trên những con đường sắt và đường ô tô, âm mưu dựa vào các cứ điểm để hòng kiểm soát tình hình. Chúng đặc biệt chú ý tới việc phòng thủ các đường biên giới phía Đông Nam Tư, giữ vững các đường rút khỏi Hy Lạp sang Hung-ga-ri, Áo và Bắc I-ta-li-a. Các cứ điểm mạnh nhất của địch, trừ Xéc-bi-a, bố trí ở khu vực Xcôp-le, Ni-sơ, Cra-lê-vô.

Bộ chỉ huy Hít-le đã nhiều lần âm mưu thủ tiêu ban lãnh đạo của Quân đội giải phóng nhân dân. Tháng Năm 1944, quân địch mưu toan tổ chức biệt kích vào khu vực thành phố Đrva-rơ của Nam Tư, nơi bố trí Bộ tham mưu tối cao của Quân đội giải phóng nhân dân. I. Brôt Ti-tô thuật lại sự việc này trong buổi hội đàm tại «biệt thự gần thành phố».

Đrva-rơ nằm ở phía Tây Bô-xni-a, có núi non che chở. Chỉ cần bố trí một lực lượng tương đối ít Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư là có thể bảo vệ được những cửa ngõ vào Bộ tham mưu tối cao. Ở đây có một tiểu đoàn bảo vệ Đại bản doanh Nam Tư, các học viên trường sĩ quan, 2-3 xe tăng và một tiểu đoàn của lữ đoàn công binh.

Bộ chỉ huy phát-xít Đức vạch ra một kế hoạch rất xảo quyệt: tổ chức đột kích đường không kết hợp với tiến công bằng những lực lượng lớn trên bộ. Bọn Hít-le âm mưu đổ bộ bằng đường không một lực lượng mạnh xuống khu vực Đrva-rơ chiếm lấy Bộ tham mưu tối cao và bắt I-ô-xíp Brôt Ti-tô. Sau đó, quân đổ bộ sẽ chốt giữ ở tại khu vực đó cho tới khi quân đường bộ tiếp cận.

Chúng có ý định sử dụng tiểu đoàn nhảy dù SS500 và nhiều máy bay để tổ chức đổ bộ bằng đường không. Còn các đơn vị lấy trong biên chế của 3 sư đoàn bộ binh Đức cùng với một lực lượng lớn quân ngự địa phương, sẽ tiến công bằng đường bộ. Tên quân đoàn trưởng quân đoàn núi Đức 15 chỉ huy chiến dịch này.

Sáng sớm ngày 25 tháng Năm 1944, không quân địch bắn phá ác liệt vào khu vực Đrva-rơ.

— Ngày tổ chức biệt kích, — N. V. Coóc-nê-ép nhận xét, — được bọn địch lựa chọn rất quý quýt, đúng vào ngày sinh của I. Brôt Ti-tô. Chắc là Hít-le muốn tiêu diệt bộ phận đầu não của phong trào giải phóng dân tộc Nam Tư đúng vào ngày ấy.

Ngay sau khi bắn phá khu vực Đrva-rơ, quân địch dùng tàu lượn tổ chức đổ bộ đợt đầu hơn 600 tên. Đồng thời, bộ binh của chúng cũng bắt đầu xuất phát tiến vào Đrva-rơ. Trong túi áo mỗi tên lính phát-xít đều có ảnh của Tổng tư lệnh tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư, để khi gặp dễ nhận ra ngay. Bọn chúng còn được lệnh đặc biệt về phái đoàn quân sự Liên Xô, lấy ám hiệu là «Mát-xcơ-va». Bọn phát-xít tuyên bố phái đoàn quân sự Liên Xô ở đây nằm ngoài vòng pháp luật, việc đó cho phép những tên lính biệt kích khi bắt được các tướng lĩnh và sĩ quan Liên Xô sẽ giết ngay không cần xét xử.

Khi máy bay địch bắt đầu bắn phá, rồi sau đó các tàu lượn đổ bộ, bọn biệt kích bắt đầu tiến công thì I. Brốt Ti-tô đang ở trong hang núi. Hang này được cải tạo thành chỗ ở và nơi làm việc, ở độ cao trên 70 mét so với thung lũng phía dưới. Gặp trường hợp báo động, những người ở đây sẽ dùng chiếc dây thừng to, chắc chắn, để thoát khỏi hang, xuống thung lũng. Tất cả chạy tới địa điểm tập trung đã quy định trước.

Hy vọng của bọn tổ chức biệt kích không thành. Bọn chúng bị đánh trả mãnh liệt. Phát hiện thấy các tàu lượn đổ bộ có mang theo dù hãm phía sau, các chiến sĩ trong tiểu đoàn cảnh vệ nổ súng. Học viên trường sĩ quan cũng kịp thời nổ súng. Trận đánh ác liệt bắt đầu.

Quân địch cho lính nhảy dù đổ bộ xuống đợt hai (gồm 200 tên), chiếm được Đrva-rơ, nhưng I-ô-xíp Brốt Ti-tô, các ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Nam Tư, các tướng lĩnh và sĩ quan trong Bộ tham mưu tối cao, các phái đoàn quân sự của Anh-Mỹ và của Liên Xô đã rút hết sang phía Đông.

Tướng A. P. Goóc-scốp, phó trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô vừa nhận được tín hiệu báo động liền chạy tới chỗ N. V. Coóc-nê-ép. Vì Coóc-nê-ép đau răng, cả đêm không ngủ được, nên mãi đến sáng đồng chí mới thiếp đi được một lát. Chỉ mấy giây đồng hồ sau đồng chí đã vùng khỏi bao chăn và chẳng mấy chốc đã có mặt tại địa điểm tập trung.

I. Brốt Ti-tô được N. V. Coóc-nê-ép và các đồng chí khác hộ tống đi theo con đường hẻm xuyên núi tới Pô-tô-xi là địa điểm của sở chỉ huy dự bị đã chuẩn bị theo sự góp ý của phái đoàn quân sự ta. Các đồng chí đến Pô-tô-xi được an toàn, nhưng sau đó mọi con đường ra vào nơi đây cũng đều bị quân địch chặn hết lối. Quân địch mỗi lúc một dồn ép mạnh...

Đêm xuống. Nguyên soái Ti-tô triệu tập phiên họp chớp nhoáng để quyết định sẽ hành động ra sao. Mọi người tụ họp dưới vách đá nhô rộng trên con đường mòn. Nhiều ý kiến đưa ra. Một số người đề nghị phân tán thành những tổp nhỏ và tìm cách thoát khỏi vòng vây. Trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô, dựa vào kinh nghiệm các sự kiện đã xảy ra trước đây trên chiến trường Xô - Đức, đề nghị nên hành động tập trung, thống nhất bên nhau. Cuối cùng, mọi người đều đồng ý với đề nghị của N. V. Coóc-nê-ép.

Cuối cùng, tất cả thoát khỏi vòng vây, ra tới vùng núi Ve-li-ki Sa-to-rơ. Ở đây an toàn hơn, bọn Hít-le đã ở xa, còn bộ đội của quân đoàn vô sản 1 thì đã kịp tới ứng cứu. Sau đây, các đồng chí tới Cu-prê-scô Pô-le (Cu-prét) và tiến hành tổng kết tại đây. Nhận thấy rằng, địa điểm này hoàn toàn không đáp ứng được yêu cầu chỉ đạo các lực lượng vũ trang Nam Tư hoạt động, thêm nữa để I-ô-xíp Brốt Ti-tô ở xa bộ đội cũng sẽ vô cùng bất lợi, cho nên các đồng chí nghiên cứu tới hai phương án đề nghị về địa điểm, thuận lợi cho công tác chỉ đạo. Một là ở Tséc-nô-gô-ri-a, đây là vùng giải phóng có bộ đội Nam Tư chiếm giữ và hai là đảo Vít. Địa điểm thứ hai có vẻ thích hợp hơn. Nhưng trong thời gian này, muốn tới đảo Vít phải đi qua căn cứ không quân của ta ở Ba-ri, mà chúng ta lại chưa bắt liên lạc được với Ba-ri. Thêm nữa, I. B. Ti-tô lại trọng danh dự của người Tổng tư lệnh tối cao, không muốn nghĩ tới việc rời khỏi Nam Tư, dù chỉ là tạm thời. Lúc này, N. V. Coóc-nê-ép tìm mọi cách thuyết phục, nhắc tới những ngày hoạt động của Lê-nin khi buộc phải sống lâu năm ở nước ngoài, nhưng vẫn nắm chắc tay lái chỉ đạo sự hoạt động của các đảng viên cộng sản ở trong nước... Cuối cùng, nguyên soái quyết định vượt qua Ba-ri tới đảo Vít của Nam Tư trên biển A-đri-a-tích. Nhưng làm thế nào để tới được Ba-ri? Chúng ta không có máy bay, còn gọi được máy bay vào những lúc này quả là vấn đề thật

khó khăn, vì điện đài của phái đoàn đánh đi không tới được Ba-ri, mà cũng chẳng tới Mát-xcơ-va... Bãi để máy bay hạ cánh cũng không có...

Bộ tổng tham mưu Liên Xô trong những ngày ấy cũng hết sức lo lắng. An-tô-nốp báo cáo cho Tổng tư lệnh tối cao: vẫn chưa nhận được tin tức gì từ Nam Tư. Đại bản doanh giao nhiệm vụ cho Bộ tổng tham mưu phải nắm được tình hình và khi cần thiết phải chi viện ngay cho các đồng chí mình.

Ngày 2 tháng Sáu 1944, tình trạng biệt tin rồi cuộc rồi cũng chấm dứt. Chúng tôi nhận được điện báo vô tuyến của N. V. Coóc-nê-ép. Sau này, đồng chí kể lại cho biết: Đôn-gốp, trợ lý phụ trách điện đài của phái đoàn là một người thông minh và tháo vát. Đồng chí đặt điện đài lên đỉnh một ngọn núi cao nhất, dựng ăng-ten thật cao, đã đánh đi được hai bức điện, chuyển cho X. V. Xô-cô-lốp ở Ba-ri và cho Mát-xcơ-va, đề nghị gửi máy bay tới Cu-prê-scô Pô-le vào lúc 22 giờ đêm rạng ngày 4 tháng Sáu. Đồng thời, phái đoàn quân sự của Anh-Mỹ cũng đánh điện về Ba-ri cho Bộ chỉ huy Anh một bức điện với nội dung tương tự như vậy.

Các bạn Nam Tư bắt đầu chuẩn bị bãi cho máy bay hạ cánh. Xung quanh đều là núi đá, vách đứng, khe sâu thăm thẳm. Tất cả mọi người không trừ một ai đều tham gia vào việc tạo bằng được một bãi trống cho máy bay hạ cánh, p. N. I-a-ki-mốp — hoa tiêu trong tổ lái của A. X. Soóc-ni-cốp — là chuyên gia chính trong việc xây dựng bãi hạ cánh này. Đồng chí đến Đrva-rô trước khi bọn phát-xít tổ chức biệt kích, để giúp việc lựa chọn địa điểm cho máy bay hạ cánh.

...Ở Ba-ri cũng sôi động hẳn lên. Ngày 2 tháng Sáu, các đồng chí ở đây chỉ nhận được có một phần bức điện của Đôn-gốp. Nhưng dù sao cũng hiểu được rằng N. V. Coóc-nê-ép yêu cầu cho máy bay tới hạ cánh ở Cu-prê-scô Pô-le, nhưng phần cuối bức điện nói về giờ hạ cánh thì lại không nhận được vì liên lạc bị đứt. Tuy nhiên ở Ba-ri, các đồng chí vẫn đoán rằng, cần gửi máy bay tới trong thời gian gần nhất — đêm rạng ngày 4 tháng Sáu 1944. Song tình hình lại phức tạp đi vì bộ chỉ huy Anh cũng chuyển cho X. V. Xô-cô-lốp bức điện của mình, mà ngày giờ quy định trong điện chậm hẳn một ngày — đêm rạng ngày 5 tháng Sáu. Vậy thời hạn nào đúng hơn? Gặp điều kiện khác, các đồng chí sẽ hỏi lại lần nữa. Còn lúc này thì không thể nào bắt liên lạc được. Đồng chí chủ nhiệm khu căn cứ Ba-ri quyết định cho máy bay đi trinh sát vào ngày 3 tháng Sáu.

A. X. Soóc-ni-cốp, một trong những phi công dày dạn kinh nghiệm nhất ở căn cứ không quân Ba-ri, lái máy bay tới Nam Tư. Đồng chí bay ban đêm, vượt qua biển, qua núi tới bãi hạ cánh lạ, lại chưa được thiết bị, giữa những vách đá. Tài nghệ bay của đồng chí thật là điêu luyện và lòng dũng cảm của đồng chí thật là phi thường, đồng chí lại vững tin vào các bạn chiến đấu đã chuẩn bị cho mình một địa điểm hạ cánh bất thường.

Bay trong mây mù không nhìn thấy đất liền, đồng chí chao đi, nhào lại để tìm kiếm khoảng trời hé sáng trong biển mây mênh mông. Nguy cơ đâm vào núi quả là rất lớn, nhưng nỗi lo âu cho vận mệnh của các bạn hữu đang chờ đợi lại còn lớn hơn. Cuối cùng, luồng ánh sáng ấy đã xuất hiện. Phía dưới, những đồng lửa đỏ bập bùng như đang kêu gọi.

Chuyến bay đầu tiên vào đêm rạng ngày 4 tháng Sáu 1944 đã đưa I-ô-xíp Brốt Ti-tô, các trợ lý thân cận, tướng N. V. Coóc-nê-ép và một số sĩ quan khác trong các phái đoàn quân sự và trong Bộ tham mưu tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư đến Ba-ri và họ được đón tiếp nồng nhiệt tại đây. Tổ lái của Soóc-ni-cốp lại bay tới Cu-prê-scô Pô-le, tiếp theo đó là các

máy bay của Anh. Những người còn lại đều được chuyển đi hết. Mấy ngày sau, các thủy thủ Anh chở tiếp Bộ tham mưu tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư, các phái đoàn quân sự tới đảo Vít, và Đại bản doanh của Nam Tư tiếp tục làm việc tại đây.

Âm mưu của quân địch định chặt đầu Bộ tham mưu tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư đã bị thất bại như thế đấy. A. X. Soóc-ni-cốp, chỉ huy trưởng máy bay Liên Xô, B. T. Ca-lin-kin, người lái phụ và P. N. I-a-ki-mốp, người dẫn đường đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Liên Xô và Anh hùng nhân dân Nam Tư về thành tích chiến đấu của mình.

Đến cuối mùa hè năm 1944, cuộc đấu tranh chống phát-xít của nhân dân Nam Tư đã chuyển sang quy mô mới. Đội ngũ các chiến sĩ ngày càng tăng lên gấp bội. Bộ chỉ huy tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư kiên quyết lãnh đạo các lực lượng đấu tranh giải phóng. Ở Xéc-bi-a, Khoóc-va-ti-a, Xlô-ve-ni-a, Ma-xê-đoan, Vô-e-vô-di-na đã thành lập các cơ quan tham mưu địa phương có các đồng chí tư lệnh tương ứng phụ trách, như tư lệnh tập đoàn quân và chủ nhiệm. Việc bổ sung các cơ quan của bộ máy chỉ huy quân sự đó được tiến hành trực tiếp tại các khu du kích, hoặc tại đảo Vít có lắm núi mà chúng ta đã nhắc đến ở trên. Cơ quan tham mưu địa phương đã chuyển từ đảo sang địa điểm chiến sự. Chẳng hạn, các sĩ quan Liên Xô tham gia thành lập và huấn luyện bộ đội ở bộ tham mưu Xéc-bi-a do tướng Cô-tra Pô-pô-vích lãnh đạo. Vào tháng Bảy 1944, thiếu tướng Goóc-scốp cùng đi với bộ tham mưu Xéc-bi-a đến khu vực chiến sự.

Căn cứ không quân của Liên Xô ở Ba-ri giữ vai trò to lớn trong việc di chuyển bộ tham mưu. Tổ lái của phi công Liên Xô N. A. Ghi-ren-cô đi trinh sát bãi đổ bộ ở khu vực Ca-dan-trích (cách phía Nam Ni-sơ 25 ki-lô-mét), đã tổ chức cho nhóm tham mưu cùng đại diện Liên Xô có mang theo điện đài nhảy dù xuống khu vực ấy. Sau khi tổ chức được đường liên lạc. Ghi-ren-cô đã chở tất cả các cán bộ trong bộ tham mưu tới khu vực ấy, ngay trước mũi quân địch vào một đêm tối trời không trăng sao (12 tháng Bảy). Trước sự táo bạo đó, ngay các chiến sĩ du kích ở đây cũng hết sức kinh ngạc; họ đã tổ chức iên hoan với các phi công và các đồng chí trong bộ tham mưu mới đến...

Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và những người lãnh đạo quân đội được nhân dân Liên Xô, các chiến sĩ xô-viết và Bộ tổng tham mưu rất kính trọng. Họ đã biểu thị tinh thần dũng cảm, lòng trung thành với nhân dân trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống bọn xâm chiếm Hít-le. Trong cuộc đấu tranh gian khổ và kéo dài nhiều năm ấy, Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư đã trưởng thành vượt bậc. Cuộc đấu tranh ấy đã tạo nên đội ngũ cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của mình, những con người có tinh thần chiến đấu vững vàng, nắm được nghệ thuật đấu tranh, biết vận dụng trong các điều kiện hoạt động du kích, sẵn sàng xả thân vì thắng lợi. Nhưng chúng tôi nhận thấy rằng, trong một thời gian dài, vũ khí và trang bị của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư lại tương đối yếu. Họ thiếu pháo binh và súng cối, xe tăng rất ít, có thể tính trên đầu ngón tay, còn máy bay thì hầu như chưa có. Vũ khí của bộ binh là súng trường, tiểu liên, súng máy — chiến lợi phẩm đủ các kiểu của địch: của Đức, của I-ta-li-a và của các nước khác. Phần lớn là súng của Anh. Cho đến mùa thu năm 1944, vũ khí Liên Xô vẫn giữ vai trò thứ yếu, vì việc cung cấp cho quân đội Nam Tư phải vượt qua một vùng đất đai rộng do địch chiếm đóng, nên gặp rất nhiều khó khăn.

Thời gian nguyên soái I. Brốt Ti-tô ở thăm Liên Xô, hai bên đã thỏa thuận tích cực cải tiến việc cung cấp vũ khí và trang bị của Liên Xô cho Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư. Bộ đội của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 tiến đến biên giới Nam Tư đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp vũ khí cho những người anh em Nam Tư của chúng ta nhằm phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng.

Vấn đề chủ yếu trong các cuộc hội đàm giữa các bạn Nam Tư và Chính phủ Liên Xô ở Mát-xcơ-va vào mùa thu năm 1944 là tổ chức các chiến dịch phối hợp giữa Hồng quân và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư. Bộ đội Liên Xô tiến vào lãnh thổ Nam Tư đã làm thay đổi về cơ bản tình huống chiến lược ở trong nước, giúp cho quân đội Nam Tư tạo nên và bảo đảm tình thế có lợi cho việc hoàn toàn tiêu diệt quân chiếm đóng Hít-le sau này.

Việc hiệp đồng tác chiến giữa bộ đội Liên Xô và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư đã đi tới chỗ hoàn toàn nhất trí với nhau. Khu vực Xéc-bi-a được chọn làm khu vực triển khai cuộc tiến công phối hợp. Xéc-bi-a là nơi tập trung các nỗ lực chủ yếu của bộ đội Liên Xô và bộ đội Nam Tư, nơi quyết định các điều kiện của tình huống chiến lược chung trên mặt trận đấu tranh chống nước Đức Hít-le và quyết định cả tình hình của Nam Tư.

Ở Mát-xcơ-va, I. Brốt Ti-tô còn được gặp cả Gh. M. Đê-mi-tơ-rốp. Đê-mi-tơ-rốp đã thuật lại chi tiết về Mặt trận Tổ quốc, các mục tiêu mới của nước Bun-ga-ri nhân dân và quân đội Bun-ga-ri. Cuộc gặp gỡ ấy có ảnh hưởng to lớn đến sự thống nhất hành động của Hồng quân, Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và quân đội Bun-ga-ri.

Đối với Bộ tổng tham mưu, hiệp nghị được ký kết trong tháng Chín 1944 về các chiến dịch phối hợp giữa bộ đội Liên Xô và Nam Tư là một sự kiện rất quan trọng. Bộ tổng tham mưu xô-viết đã xác định điểm xuất phát của việc lập kế hoạch hành động chiến đấu, tất nhiên là phải đặc biệt chú ý tới Xéc-bi-a. Các cán bộ của Bộ tổng tham mưu xô-viết đi sâu nghiên cứu, tìm ra những chỗ yếu trong phòng ngự của Cụm tập đoàn quân «Ph» của địch và có ý định triệt để lợi dụng những điểm yếu ấy.

Chúng ta phát hiện thấy Phôn Vai-khơ-xơ đang ra sức tổ chức phòng thủ vững chắc hơn cả dọc theo những dải núi biên giới phía Đông Xéc-bi-a và Ru-ma-ni, chúng xây dựng tại đây những công sự mạnh theo chiều sâu và tăng cường cho các đơn vị Cụm tập đoàn quân «Xéc-bi-a» của chúng. Số lượng quân lính và phương tiện của địch điều động tới khu vực này khá lớn. Còn dọc theo biên giới Bun-ga-ri, nơi triển khai các lực lượng chủ yếu của phương diện quân Ph. I. Tôn-bu-khin, địch đã không bố trí một cánh quân dày đặc và một hệ thống công sự vững chắc. Bộ chỉ huy phát-xít Đức không ngờ rằng Hồng quân có thể nhanh chóng tiến quân tới đây và quá tin vào khu vực địa hình vùng núi. Vì vậy, đến khi quân ta tiến đến biên giới Nam Tư thì Phôn Vai-khơ-xơ không đủ thời gian và phương tiện để đối phó.

Tuyến phòng ngự của quân phát-xít Đức trải ra song song với sông Đa-nuýp, trở thành mục tiêu thuận lợi của các mũi đột kích đồng loạt của ta trên toàn mặt trận. Quân địch bố trí ở trên núi, nhưng bộ chỉ huy Hít-le lại không có lực lượng dự bị lớn, nên khi bị quân ta uy hiếp, chúng buộc phải điều các lực lượng của chúng đóng sâu ở trong nước ra phản kích, hoặc phải sử dụng quân lính ở các tuyến phòng thủ ra làm nhiệm vụ đó. Vì thế, nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta là phải tổ chức tiến công trên cả một tuyến dài, đồng thời do có cả bộ đội của Bun-ga-ri cùng tham gia chống nước Đức Hít-le, nên chúng ta phải thu hút cả những lực lượng mạnh của quân

đội Bun-ga-ri, hoạt động thành thạo trên địa hình rừng núi, vào chiến dịch tiến công này. Tất nhiên, các đơn vị có kinh nghiệm của phương diện quân U-crai-na 3, với khả năng chiến đấu cao và sức cơ động lớn, phải được sử dụng trên hướng đột kích chủ yếu. Các đơn vị đó có đủ sức để đột phá tuyến phòng thủ của Cụm tập đoàn quân «Ph» ở khâu mạnh nhất và nhanh chóng đánh tan cánh quân chủ yếu của địch, như thế sẽ có ảnh hưởng ngay tới thắng lợi chung của ba quân đội cùng hiệp đồng tác chiến.

Các đơn vị của Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư và quân đội Bun-ga-ri có nhiệm vụ đánh bại địch, thu hút một bộ phận quan trọng quân địch, trói tay chân chúng lại, làm cho bọn Hít-le không thể xây dựng được lực lượng dự bị. Bộ đội Nam Tư và Bun-ga-ri sẽ phải đảm nhận một nhiệm vụ hết sức khó khăn khác nữa, nếu như các lực lượng chủ yếu của địch ở Hy Lạp được lệnh rút lên phía Bắc. Khi đó các đơn vị phải đối phó với những đòn đột kích mạnh của địch, tìm chân chúng và bảo đảm cho Hồng quân hoạt động. Đó là những ý kiến của Bộ tổng tham mưu xô-viết đề ra trong thời kỳ chuẩn bị kế hoạch chiến dịch.

Vì lúc bấy giờ Hồng quân, Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và quân đội Bun-ga-ri còn phải hoạt động trên lãnh thổ Nam Tư, nên Bộ tổng tham mưu xô-viết có nhiệm vụ phải bàn bạc với Bộ chỉ huy Nam Tư và Bun-ga-ri. Những vấn đề nguyên tắc về sự phối hợp nỗ lực giữa bộ đội Liên Xô và bộ đội Nam Tư đều được giải quyết khi I. Brôt Ti-tô đang ở thăm Mát-xcơ-va. Cũng hồi ấy, I. V. Xta-lin và A. I. An-tô-nốp (thay mặt Bộ tổng tham mưu) đã đồng ý với Tổng tư lệnh tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư rằng Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô sẽ vạch ra kế hoạch chung của các chiến dịch phối hợp hoạt động ở Nam Tư xuất phát từ tình hình chung trên các mặt trận, còn các bạn Nam Tư chỉ vạch ra những phần trực tiếp liên quan đến quân đội Nam Tư. Trong lúc hội đàm, còn đề cập tới vấn đề sẽ có khả năng sử dụng trên đất Nam Tư ít ra là 2 tập đoàn quân của Bun-ga-ri. Vì không có các đồng chí Bun-ga-ri tham gia, nên chưa đi đến quyết định cuối cùng, song công việc chuẩn bị bộ đội của mình vẫn được tiến hành.

Cả bộ đội Bun-ga-ri cũng tham gia tổ chức các chiến dịch. Hồi giữa tháng Chín, theo chỉ thị của Đại bản doanh. Ph. I. Tôn-bu-khin trực tiếp đến Xô-phi-a để tiếp xúc với Bộ chỉ huy quân đội Bun-ga-ri. Ít lâu sau, Bộ chỉ huy Bun-ga-ri cũng đã vạch ra kế hoạch sơ bộ về các hành động tiến công của bộ đội Bun-ga-ri. Tôn-bu-khin nghiên cứu kế hoạch đó và báo cáo về Mát-xcơ-va. Bộ chỉ huy Bun-ga-ri cho rằng, sau khi quét sạch các phân tử độc tài thân phát-xít, bộ đội Bun-ga-ri có thể đánh chiếm các trung tâm đường bộ và đường sắt ở khu vực Cru-se-vát, Ni-sơ, Xcốp-le, Vê-lét, và cắt đường rút lui của địch từ Hy Lạp sang phía Bắc, tạo nên ít ra là ba đoạn chướng ngại. Đồng thời, những hành động đó sẽ tạo điều kiện chắc chắn cho bộ đội Liên Xô và Nam Tư khi tiến công vào Bê-ô-grát. Các đồng chí Bun-ga-ri bảo đảm bộ đội của mình sẵn sàng hành động vào cuối tháng Chín.

Ph. I. Tôn-bu-khin ủng hộ kế hoạch đó và đề nghị sử dụng không quân của phương diện quân nhằm yểm hộ cho các hành động của bộ đội Bun-ga-ri. Sau khi tính toán tình huống chung của chiến sự, Bộ chỉ huy Bun-ga-ri dự định đưa hết số lực lượng hiện có tham gia chiến đấu, gồm những sư đoàn bộ binh đủ biên chế, kể cả hai sư đoàn cận vệ, gồm các chiến sĩ du kích và những người tình nguyện, sư đoàn kỵ binh và một lữ đoàn, lữ đoàn xe bọc thép và hai lữ đoàn du kích. Điều đáng tiếc là bộ đội Bun-ga-ri còn thiếu các phương tiện tăng cường.

Vấn đề Bộ tham mưu tối cao của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư rời khỏi đảo Vít, đã được giải quyết trước khi nguyên soái Ti-tô đến Mát-xcơ-va. Biện pháp hết sức quan trọng đó, nhằm bảo đảm chỉ huy tác chiến được liên tục và vững chắc các hành động quân sự của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư. Lũ điều hâu phát-xít Đức tập kích vào Đrva-rơ chứng minh rằng ở Nam Tư khó tìm kiếm nơi nào có thể tránh được mối đe dọa tập kích như vậy, dù là ở miền rừng núi hiểm trở. Đồng thời, Bộ chỉ huy tối cao Nam Tư phải bố trí ở những nơi phù hợp với các điều kiện mới, vì các hành động chiến đấu của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư đã phát triển với quy mô rộng lớn và đòi hỏi phải có sự chỉ huy hàng ngày, liên tục từ trung ương, cần phải lãnh đạo những công tác to lớn và phức tạp khác nhằm cải tổ các đơn vị (thành lập các quân đoàn và các cụm tập đoàn quân), chỉ đạo việc động viên và xây dựng các lực lượng dự bị. Sắp tới đây, còn phải chỉ đạo các chiến dịch phối hợp có ý nghĩa quyết định với Hồng quân. Tất cả những vấn đề trên đòi hỏi cấp thiết phải lựa chọn một địa điểm làm sở chỉ huy quan trọng để chỉ đạo cuộc chiến tranh nhân dân giải phóng như Bộ tham mưu tối cao của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư. Vì vậy các bạn Nam Tư đã chấp thuận đề nghị của chúng ta: rời Bộ tham mưu tối cao của quân đội Nam Tư đến thành phố Crai-ô-va ở Ru-ma-ni, trong vùng đóng quân của bộ đội Liên Xô. Bộ tham mưu tối cao của Nam Tư tiến hành di chuyển hết sức bí mật trước khi nguyên soái Ti-tô đến Mát-xcơ-va.

Việc rời các sở chỉ huy sang khu vực khác, thường được chuẩn bị chu đáo và thực hiện hết sức bí mật. Cả lần này cũng vậy. Ngày 19 tháng Chín 1944, khi màn đêm phủ xuống đảo Vít, tướng N. V. Coóc-nê-ép triệu tập các đồng chí P. M. Mi-khai-lốp và V. Páp-lốp, phi công của căn cứ không quân ở Ba-ri, tới chỗ mình bàn về việc tổ chức chuyển bay có tầm quan trọng lớn lao ấy. Đồng chí trưởng phái đoàn quân sự nghe các hoa tiêu báo cáo về tình trạng sẵn sàng chiến đấu của không quân và chuyển cho các hoa tiêu bản đồ về chuyển bay có vạch chỉ đỏ đậm nét tới Crai-ô-va. Các hoa tiêu có trách nhiệm chở cán bộ Nam Tư và Liên Xô tới đây. Chính ai sẽ bay chuyển ấy, chúng ta không báo trước cho anh em biết. Đường bay vạch ra cũng không giống như trước, lúc đầu sẽ bay theo hướng Ba-ri nhưng sau, sẽ không bay tới căn cứ Ba-ri, mà quặt sang biển A-đri-a-tích, vượt qua Bô-xni-a và Xéc-bi-a, bay trên sông Đa-nuýp, rồi hạ cánh xuống địa điểm đã định. Chuyển bay được ấn định vào lúc 3 giờ đêm...

Tất cả những vấn đề trên phải được giữ gìn hết sức bí mật để bảo đảm an toàn cho chuyển bay. Mấy tiếng đồng hồ sau, các hoa tiêu đã lái máy bay tới Crai-ô-va, và từ ngày 19 tháng Chín, nguyên soái Ti-tô, cùng với các bạn Nam Tư khác — những hành khách trên các máy bay của Liên Xô — đã đóng căn cứ tại nơi không xa biên giới Nam Tư.

Khi Bộ tham mưu tối cao Nam Tư vừa bắt đầu hoạt động ở Crai-ô-va, thì I. Brốt Ti-tô theo sự thỏa thuận đã định trước, đáp máy bay đến Mát-xcơ-va.

Sáng sớm hôm sau. các cố vấn của phái đoàn quân sự Anh-Mỹ còn ở trên đảo Vít không thấy Tổng tư lệnh tối cao của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư, cả máy bay của Liên Xô cũng biến đâu hết. Bọn họ bỏ đi tìm kiếm, hỏi han... Các bạn Nam Tư trả lời rằng, nguyên soái Ti-tô có lẽ đi xuống các đơn vị. Tướng Ma-clin. trưởng phái đoàn quân sự gửi ngay điện khẩn hỏi thống chế không quân Anh E-li-ót, tư lệnh không quân ở vùng Anh kiểm soát tại I-ta-li-a, cho rằng ông ta nhất định phải biết vì I. Brốt Ti-tô, theo họ, nhất thiết phải bay qua căn cứ ở Ba-ri.

Nhận được điện hỏi, E-li-ót mời X. V. Xô-cô-lốp đến chỗ ông ta.

— Ngài giấu Ti-tô ở đâu?

— Tôi không thể biết được, thưa ngài thống chế,—đồng chí trả lời.

Đồng chí chủ nhiệm căn cứ không quân Liên Xô ở Ba-ri cũng là một tay cự phách về lối nói chuyện như vậy, vừa nhẹ nhàng gọn ghẽ, vừa lịch sự có thừa.

— Các ngài lợi dụng những quan hệ tốt của phía chúng tôi đối với các ngài là những nước đồng minh, — E-li-ót nói tiếp.

— Chúng tôi cảm ơn các đồng minh của chúng tôi, và cũng xin đền đáp bằng tấm lòng như vậy, — Xô-cô-lốp trả lời.

— Nhưng số máy bay trên đảo Vít này bay đi đâu?

— Thật đáng tiếc, tôi không hay biết gì hết. Ngài xem đây, thưa ngài thống chế, tôi vẫn ngồi ở đây, bên cạnh ngài.

Cuộc nói chuyện đến đây cũng chấm dứt.

Đồng minh không hỏi nữa vì Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô thông báo cho U. Sốc-sin biết là I. Brôt Ti-tô hiện đang ở Mát-xcơ-va để bàn bạc việc tổ chức hiệp đồng trong các chiến dịch sắp tới.

Khi bộ đội Liên Xô tiến đến biên giới Nam Tư và Bộ tham mưu tối cao của Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư rời sang Crai-ô-va thì sự liên lạc giữa Hồng quân và quân đội Nam Tư trở nên thuận tiện hơn. Sự chi viện của Liên Xô cho nhân dân và quân đội Nam Tư tăng lên rõ rệt. Giờ đây các máy bay vận tải của chúng ta không còn phải vượt chặng đường dài, nguy hiểm như trước kia nữa. Vũ khí, đạn dược và các phương tiện khác đến với những người yêu nước Nam Tư qua lãnh thổ của Ru-ma-ni và Bun-ga-ri.

Trong những ngày đó, phái đoàn quân sự Liên Xô bận rất nhiều công việc. Do đó rõ ràng thiếu người. Các bạn Nam Tư đề nghị chúng ta cử các sĩ quan đại diện của Liên Xô tới các bộ tham mưu địa phương ở các nước cộng hòa. Đề nghị ấy được thỏa mãn và tăng quân số trong phái đoàn của ta. Được phép của Chính phủ Liên Xô, thiếu tướng A. p. Goóc-scốp được cử đến Xéc-bi-a, nơi sẽ triển khai các sự kiện chủ yếu của chiến dịch Bê-ô-grát, đại tá P. Gh. Rắc tới Khoóc-va-ti-a, đại tá N. C. Pa-tơ-ra-khan-xép tới Xlô-ve-ni-a, thiếu tá P. M. Cô-va-len-cô tới Tséc-nô-gô-ri-a (thiếu tá Cô-va-len-cô sau này được phong danh hiệu Anh hùng Liên Xô vì chủ nghĩa anh hùng và lòng dũng cảm trong khi thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu). Cùng đi với các đồng chí ấy có một số sĩ quan, điện báo viên và nhân viên kỹ thuật.

Chế độ nhà nước của nước Nam Tư nhân dân càng củng cố thì phạm vi hoạt động của các sĩ quan và tướng lĩnh Liên Xô cũng được mở rộng thêm lên. Việc phái đoàn quân sự của ta được chính thức ủy nhiệm bên cạnh chính phủ lâm thời, tức ủy ban giải phóng dân tộc Nam Tư, không chỉ có ý nghĩa về mặt quân sự, mà còn có ý nghĩa về mặt chính trị. Điều đó, tất nhiên đã làm tăng thêm trách nhiệm của các cán bộ chúng ta. Nhất là các đồng chí còn thường phải giải quyết cả những vấn đề chính trị, tài chính phức tạp và nhiều vấn đề khác nữa. Vì vậy, trong thành phần phái đoàn quân sự có thêm các chuyên viên phụ trách công tác đối ngoại và công tác tài chính (M. Ph. Bô-đrốp, V. X. Ghê-ra-sen-cô). Nhưng hoạt động chủ yếu của phái đoàn thì vẫn như trước: giúp đỡ giải quyết các nhiệm vụ tác chiến chủ yếu.

Trong khoảng nửa cuối tháng Chín, Bộ tổng tham mưu, bộ tham mưu phương diện quân U-

crai-na 3, Bộ tham mưu tối cao của quân đội Nam Tư, bộ tham mưu địa phương của Xéc-bi-a đều tập trung vào việc xây dựng kế hoạch chiến dịch Bê-ô-grát. Tôi muốn nhấn mạnh rằng đây là một công tác to lớn, có mục đích và phối hợp chặt chẽ, mặc dầu kế hoạch ấy do nhiều bộ tham mưu của các nước khác nhau cùng xây dựng, và tiến hành ở những địa điểm cách xa nhau hàng trăm, thậm chí hàng nghìn ki-lô-mét. Sở dĩ hướng mục đích đó đạt được, chủ yếu là nhờ sự tích cực cao độ của các đồng chí A. I. An-tô-nốp và N. V. Coóc-nê-ép. Các đồng chí đó rất hiểu nhau từ hồi còn học ở Học viện Bộ tổng tham mưu. Khi Coóc-nê-ép có điều kiện liên lạc trực tiếp từ Crai-ô-va bằng điện thoại cao tần với Bộ tổng tham mưu Liên Xô thì đồng chí đã tranh thủ sử dụng ngay. A. I. An-tô-nốp đã trình bày cho đồng chí trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô ở Nam Tư biết thực chất các ý kiến của Bộ tổng tham mưu trong việc đặt kế hoạch tiêu diệt quân địch ở Bê-ô-grát, đồng thời đề nghị Coóc-nê-ép bàn bạc kế hoạch đó với Bộ tham mưu tối cao của quân đội Nam Tư, và điều đó đã được thực hiện. Bộ tham mưu tối cao của quân đội Nam Tư tán thành các ý kiến của Bộ tổng tham mưu Liên Xô, ra các mệnh lệnh cần thiết cho trung tướng Pê-cô Đáp-trê-vích, tư lệnh cụm tập đoàn quân 1 của Nam Tư, đang cùng với cơ quan tham mưu của mình, vạch kế hoạch hành động của bộ đội Nam Tư ở vùng Bê-ô-grát.

Ngày 30 tháng Chín, bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 báo cáo về Bộ tổng tham mưu các ý kiến của mình đã được thỏa thuận trước với ban lãnh đạo Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư. Mục đích của chiến dịch phối hợp Liên Xô-Nam Tư nhằm: tiêu diệt cánh quân địch ở Đông-Bắc Nam Tư, chiếm lấy các trung tâm đường sá quan trọng nhất, cắt đường rút của quân địch, không cho chúng chạy từ các vùng trung tâm và Nam lên phía Bắc, sang Hung-ga-ri, và cuối cùng là giải phóng Bê-ô-grát.

Tập đoàn quân 57 của tướng N. A. Ga-ghen và quân đoàn cơ giới cận vệ 4 do tướng V. I. Giur-đa-nốp chỉ huy, thuộc phương diện quân U-crai-na 3, được phân công giải quyết các nhiệm vụ trên. Các lực lượng của tập đoàn quân không quân 17 có nhiệm vụ bảo đảm cho chiến dịch về mặt đường không.

Bộ đội Liên Xô phải trực tiếp đối chọi với Cụm tập đoàn quân «Xéc-bi-a» của Hít-le. Ở tuyến một, chúng có 4 sư đoàn trong đó có một sư đoàn mô-tô cơ giới. Trong quá trình chiến dịch, ta dự kiến địch có thể điều động thêm 2 sư đoàn nữa lấy ở khu vực Ni-sơ và một số lực lượng lấy trong thành phần của cụm quân đóng ở Hy Lạp sang. Bộ tham mưu của Ph. I. Tôn-bu-khin cho rằng, trong dải tiến công của tập đoàn quân 57, địch có thể tập trung đến 10-11 sư đoàn. Do đó, Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 đề nghị quân đội Nam Tư sẽ hoạt động nhằm thu hút một bộ phận quân phát-xít Đức sang phía mình và chặn đường rút của địch sang phía Bắc, kìm chân quân nguy của Ne-đích và Mi-khai-lô-vích ở phía Nam và Tây-Nam Bê-ô-grát. Nếu gặp điều kiện thuận lợi, bộ đội Nam Tư sẽ đánh chiếm lấy Ni-sơ. Tất cả những ý kiến trên đều được thông báo cho Bộ tham mưu tối cao Nam Tư, thông qua N. V. Coóc-nê-ép, và Bộ tham mưu tối cao Nam Tư sẽ giao nhiệm vụ cho bộ đội của mình.

Kế hoạch tiến công vào Bê-ô-grát của Ph. I. Tôn-bu-khin dựa trên cơ sở những hiểu biết chính xác các tình huống thực tế. Đồng chí tính rằng bộ đội của tập đoàn quân 57 đã trụ lại vững chắc bên hữu ngạn sông Đa-nuýp ở khu vực thành phố Vi-đin của Bun-ga-ri, và ngày đêm chuẩn bị để vọt tiến lên phía trước. Ở phía Bắc Vi-đin, tại khúc ngoặt sông Đa-nuýp, quân đoàn bộ binh 75 đã hoàn thành thắng lợi những trận đánh phòng ngự quyết liệt, đánh lùi mọi âm mưu của địch định hất ta về phía sau. Lúc này, quân đoàn 75 được lệnh tách khỏi phương diện

quân U-crai-na 2 chuyển thuộc tập đoàn quân 57.

Do đặc điểm của địa hình rừng núi, không cho phép bộ đội Liên Xô thực hiện một mũi đột kích duy nhất, mà buộc phải tổ chức tiến công theo hướng, Ph. I. Tôn-bu-khin đã đề ra một phương án giải quyết rất độc đáo: các lực lượng chủ yếu gồm quân đoàn bộ binh 64 và quân đoàn cơ giới 4 cùng với các phương tiện tăng cường sẽ tập trung bên cánh trái của tập đoàn quân trong khu vực Vi-đin để đột kích vào hướng Da-e-tra-rơ, Bô-le-vát, Tru-pri-a, Ba-tô-tri-na, Tây Pa-lan-ca. Một số đơn vị Liên Xô có nhiệm vụ phải tiêu diệt cánh quân chủ yếu của Cụm tập đoàn quân «Xéc-bi-a» và chặn đường rút của tàn quân địch chạy về Bê-ô-grát. Đồng thời, các đơn vị khác sẽ tiến công dọc theo sông Đa-nuýp tới Bê-ô-grát (quân đoàn bộ binh 75) và ở giữa mặt trận (quân đoàn bộ binh 68) nhằm hướng Xla-ti-na, Gia-gu-bi-txa, Dơ-la-tô-vô. Các quân đoàn sẽ tổ chức chi viện cho nhau trong trường hợp có hướng nào đó bị trắc trở. Khi bộ đội Liên Xô tiến đến Mô-ra-va và sau khi vượt sông thì có thể tạo điều kiện cho các lực lượng chủ yếu của ta trực tiếp quật về hướng Bê-ô-grát, và chiếm được Bê-ô-grát có nghĩa là hoàn thành chiến dịch. Trong giai đoạn chiến dịch này, bộ đội Liên Xô cùng chiến đấu sát cánh với bộ đội Nam Tư. Còn về bộ đội Bun-ga-ri thì Ph. I. Tôn-bu-khin đề nghị sẽ hoạt động nhằm tìm chân quân địch ở phía chính diện của mình.

Bộ tổng tham mưu đồng ý với các ý kiến của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 về cơ bản là đúng. Thế nhưng, Bộ tổng tham mưu thấy cần phải thu hút cả quân đoàn cận vệ bộ binh 10 của tập đoàn quân 46 thuộc phương diện quân U-crai-na 2 tham gia chiến dịch. Tư lệnh quân đoàn là tướng I-van An-đrê-ê-vích Ru-ba-ni-úc. Quân đoàn có thể giáng cho địch thất bại ở khu vực Vra-sát và đột phá vào tuyến phòng thủ vững chắc của địch ở phía Bắc và phía Đông Bê-ô-grát. Bộ tổng tham mưu không đồng ý với Tôn-bu-khin về việc sử dụng bộ đội Bun-ga-ri theo phương án trên. Vì, như chúng ta đều biết, Tổng tư lệnh quân đội Bun-ga-ri cho rằng bộ đội Bun-ga-ri có thể tiến công được, và khi báo cáo kế hoạch hành động ở Bê-ô-grát với Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu đã đề nghị phương án không nên hạn chế nhiệm vụ của bộ đội Bun-ga-ri chỉ có phòng ngự, mà phải dự kiến là nó sẽ tiến công.

Đại bản doanh đồng ý với Bộ tổng tham mưu, nhưng đối với vấn đề bộ đội Bun-ga-ri thì Đại bản doanh đề nghị chưa nên có quyết định dứt khoát, vì lúc này chưa thảo luận được đầy đủ và toàn diện với bộ chỉ huy Nam Tư và Bun-ga-ri. Đại bản doanh ra lệnh cho Tôn-bu-khin bắt đầu tiến công vào ngày 13-14 tháng Mười, sau khi tập trung xong các đơn vị tham gia chiến dịch. Lúc này, bất cứ một sự chậm trễ nào sẽ tạo cho địch có thêm thời gian điều động những lực lượng mới đến khu vực Bê-ô-grát và củng cố phòng ngự. Trong chỉ thị của Đại bản doanh gửi cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 có nói: «Đồng chí hãy liên lạc với Ti-tô ở Crai-ô-va và báo cáo chi tiết kế hoạch chiến dịch cho đồng chí ấy biết». Tôn-bu-khin đã chấp hành ngay chỉ thị đó, và trong suốt đêm mùng 1 rạng, ngày 2 tháng Mười, các đồng chí trong Bộ tham mưu tối cao Nam Tư đã nghiên cứu kế hoạch chiến dịch. Sáng 2 tháng Mười, Bộ tổng tham mưu ở Mát-xcơ-va nhận được báo cáo về quyết tâm của nguyên soái Ti-tô. Quyết tâm đó dự định trước hết sẽ tìm chân địch ở phía Nam và Tây-Nam Bê-ô-grát, không cho địch từ đây điều động các lực lượng của chúng đi để chống lại bộ đội Liên Xô. Để làm nhiệm vụ này, sẽ sử dụng 2 quân đoàn bộ binh của Nam Tư, quân đoàn 12 và quân đoàn 1. Sau khi địch bị thất bại, lực lượng chủ yếu của bộ đội Nam Tư phải trực tiếp đánh vào cánh quân địch ở Bê-ô-grát, còn một bộ phận lực lượng sẽ chuyển sang phía Đông, hiệp đồng với Hồng quân từ khu vực Nê-gô-tin

đánh lên.

4 sư đoàn thuộc biên chế của bộ tham mưu địa phương Xéc-bi-a đảm nhiệm việc đánh chiếm thành phố Ni-sơ, đầu mối giao thông đường sắt và đường bộ quan trọng. Thượng tướng Cô-tra Pô-pô-vích, tư lệnh bộ đội khu vực Xéc-bi-a, được triệu tập về Crai-ô-va nhận nhiệm vụ vào ngày 2-3 tháng Mười. Về phía mình, nguyên soái Ti-tô đề nghị bộ chỉ huy Liên Xô dự kiến các mũi đột kích của phương diện quân U-crai-na 3 phải tiến ra hợp nhất với các đơn vị Nam Tư chia cắt địch, đang từ phía Nam tiến vào khu vực Bê-ô-grát.

Để giải quyết vấn đề tiến công của bộ đội Bun-ga-ri mới trên lãnh thổ Nam Tư và để bàn bạc thống nhất việc tổ chức hiệp đồng với nhau, chúng tôi gọi điện thông báo cho Tôn-bu-khin, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3, biết sự tế nhị và tính chất của nhiệm vụ sắp tới. Tôn-bu-khin đề nghị giao nhiệm vụ quan trọng đó cho X. X. Bi-ri-u-dốp, lúc này đang làm tư lệnh tập đoàn quân 37 đóng ở khu vực Xô-phi-a. Bi-ri-u-dốp đồng thời phụ trách Ủy ban kiểm soát của các nước đồng minh tại Bun-ga-ri. Ngày 4 tháng Mười, X. X. Bi-ri-u-dốp đến Crai-ô-va để gặp nguyên soái Ti-tô, và vào ngày hôm ấy đoàn của Bun-ga-ri cũng tới Crai-ô-va.

X. X. Bi-ri-u-dốp tiếp kiến I. Brốt Ti-tô hai lần. Lần thứ nhất, đồng chí báo cáo với Ti-tô về các đề nghị của Liên Xô trong kế hoạch chiến dịch Bê-ô-grát. Bộ chỉ huy Nam Tư rất hài lòng thông qua kế hoạch ấy. Trong biên chế của bộ đội Liên Xô, ngoài bộ binh, có 2.200 khẩu pháo và súng cối, 149 pháo phản lực, 358 xe tăng và pháo tự hành, 1.292 máy bay, còn Chi hạm đội Đa-nuýp có tới 80 tàu chiến (chủ yếu là các xuồng bọc sắt). Kế hoạch hiệp đồng tác chiến giữa phương diện quân U-crai-na 3 và Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư được nhanh chóng nhất trí với nhau.

Sau đó, đại biểu của ta báo cáo về tình hình bộ đội Bun-ga-ri X. X. Bi-ri-u-dốp nói rằng quân đội của Mặt trận Tổ quốc Bun-ga-ri theo đuổi một mục đích duy nhất là được đóng góp vào sự nghiệp tiêu diệt bọn phát-xít Đức xâm lược. Đồng chí nêu rõ là trong thành phần của đoàn đại biểu Bun-ga-ri ở Crai-ô-va có một số đảng viên cộng sản, điều đó đã chứng minh một cách hùng hồn tương lai đúng đắn và tốt đẹp. Trong cuốn hồi ký của mình, X. X. Bi-ri-u-dốp viết: «... Mọi người hiểu rằng nhân dân Bun-ga-ri không thể quên những hành động tội lỗi của chính phủ sa hoàng trước đây. Tất cả chúng tôi thông cảm và tin chắc rằng các chiến sĩ, sĩ quan và tướng lĩnh của quân đội nước Bun-ga-ri mới đều nuôi dưỡng tình cảm anh em chân thành đối với nhân dân Nam Tư». Ti-tô đồng ý với kế hoạch bộ đội Bun-ga-ri tiến công trên hướng Ni-sơ. Trong quá trình hội đàm sau này với đoàn đại biểu Bun-ga-ri, nguyên soái Ti-tô đã chính thức tuyên bố quyết định trên. Ít lâu sau, hai bên lại thỏa thuận với nhau là sau khi chiếm được Bê-ô-grát, bộ đội Bun-ga-ri sẽ mượn đường đi qua lãnh thổ Nam Tư để tiến vào Hung-ga-ri.

Công tác đó được tiến hành đồng thời với việc tập trung bộ đội và các dự trữ vật chất, với việc vạch ra các kế hoạch hành động từng phần, tổ chức chỉ huy. Về thực chất, việc chuẩn bị chiến dịch ở cấp cao đã hoàn thành. Bây giờ vấn đề là ở chỗ tổ chức thực hiện các kế hoạch đó ở dưới các đơn vị.

Đến giữa tháng Mười, mọi biện pháp chuẩn bị ở các khâu tập đoàn quân, quân đoàn và sư đoàn của bộ đội Liên Xô đều đã hoàn thành. Bộ chỉ huy Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và Tổng tư lệnh Bun-ga-ri cũng thông báo cho ta biết các đồng chí đã sẵn sàng tiến công.

...Cũng cần nói qua một chút về thời hạn bắt đầu chiến dịch Bê-ô-grát. Thời hạn đó được

định vào ngày 28 tháng Chín 1944. Ngay trước ngày X. X. Bi-ri-u-dốp tới Đại bản doanh của nguyên soái Ti-tô, các đơn vị xung kích của 3 quân đoàn Liên Xô đã đột nhập vào phía Tây Bancăng và dãy núi phía Đông Xéc-bi-a, là tiền duyên phòng ngự của các lực lượng chủ yếu thuộc Cụm tập đoàn quân «Xéc-bi-a» của phát-xít Đức. Quân đoàn bộ binh cận vệ 10 đã quét sạch địch ở tả ngạn sông Đa-nuýp, tiến công vào hướng Bê-la Tséc-va, Pan-tre-vô. Do sự chiến đấu ngoan cường nên quân đoàn bộ binh 75 của tướng A. D. A-ki-men-cô và quân đoàn 68 của tướng N. N. Scô-đu-nô-vích thuộc tập đoàn quân 57 đã đánh tan cánh quân phát-xít Đức đang bị bao vây ở khu vực Nê-gô-tin, còn quân đoàn bộ binh 64 của tướng I. C. Cráp-txốp thì bao vây được đại bộ phận lực lượng địch ở khu vực thành phố Da-e-tra-rơ. Căn cứ vào tiến trình các sự kiện đang phát triển thuận lợi, Bộ chỉ huy Liên Xô quyết định không dừng lại, tiếp tục phát huy thắng lợi tiến công và hủy bỏ thời hạn bắt đầu chiến dịch đã quy định trước đây. Đại bản doanh xô-viết ra lệnh: «Tập đoàn quân 57 tiếp tục tiến công, và chậm nhất là ngày 10-11 tháng Mười 1944 phải đưa quân đoàn cận vệ cơ giới 4 vào chiến đấu để phát huy thắng lợi». Chiến dịch phối hợp rất quan trọng đó giữa quân đội Liên Xô, Nam Tư và Bun-ga-ri đã bắt đầu như thế đấy.

Những trận đánh ác liệt với Cụm tập đoàn quân «Xéc-bi-a» tiến hành thắng lợi. Trong suốt nửa tháng chiến đấu, các binh đội và binh đoàn Liên Xô tiến được gần 130 ki-lô-met trên hướng đột kích chủ yếu. Chẳng bao lâu dãy núi Đông Xéc-bi-a đã lùi lại phía sau. Ngày 10 tháng Mười, bộ đội Liên Xô vượt sông Mô-ra-va trong hành tiến, và quân đoàn cận vệ cơ giới 4 hoàn thành thắng lợi cuộc hành quân chiến đấu phức tạp, chuyển sang bàn đạp ở khu vực Vê-li-ca Pla-na. Ngày 12 tháng Mười, các chiến sĩ xe tăng cận vệ tiến mạnh về Bê-ô-grát.

Các chiến hữu Nam tư và Bun-ga-ri của ta đã cùng với các chiến sĩ xô-viết chiến đấu dũng cảm. Bộ đội Liên Xô vừa nổ súng tiến công địch ở khu vực Nê-gô-tin thì quân đoàn 14 của bộ đội Nam Tư liền đánh vào các đường giao thông của địch, chạy ngang qua núi dẫn về phía sau.

Những trận đánh ác liệt diễn ra ở khu vực thành phố Da-e-tra-rơ. Ở đây, sư đoàn bộ binh 19 của thiếu tướng P. E. La-da-rép, thuộc quân đoàn bộ binh 64, đã bao vây khu cứ điểm của địch. Quân địch bám giữ lấy các tuyến có lợi, ngoan cố chống trả lại ta. Sư đoàn được tăng cường thêm tiểu đoàn mô-tô của quân đoàn cận vệ cơ giới 4. Đến sáng 8 tháng Mười, bộ đội Liên Xô hoàn toàn tiêu diệt quân Đức phát-xít và bắt được gần 1.600 tù binh. Đường băng qua núi đã mở.

Trên hướng Ni-sơ, bộ đội Liên Xô, Nam Tư và Bun-ga-ri hiệp đồng rất chặt chẽ. Bộ đội Bun-ga-ri đánh ép địch từ phía Đông lại, còn bộ đội Liên Xô và sư đoàn 45 của Nam Tư từ phía Bắc đánh xuống, các đơn vị thuộc sư đoàn 47 và 24 của Nam Tư từ phía Tây và phía Nam tiến công lên. Bộ đội Nam Tư đã chi viện đặc lực cho bộ đội Liên Xô khi tổ chức vượt sông Mô-ra-va gần bàn đạp Vê-li-ca Pla-na. Các binh đội và binh đoàn của quân đoàn Vô sản 1 Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư cùng tiến công ở khu vực này và đã góp phần giữ vững, củng cố bàn đạp mà quân ta đã chiếm được. Các binh đội và binh đoàn ấy còn tích cực hiệp đồng với các chiến sĩ Liên Xô trong khu vực Tô-pô-la, Mơ-la-đe-nô-vát-xư là những vùng tiếp giáp trực tiếp với trục tiến quân tới Bê-ô-grát của các lực lượng chủ yếu của bộ đội Liên Xô. Tình hữu nghị chiến đấu giữa quân đội hai nước Liên Xô và Nam Tư đã được củng cố bằng xương máu trong các trận đánh ác liệt, tiêu diệt địch ở khu vực Tô-pô-la và trong các trận giao tranh khác.

Quá trình chiến dịch Bê-ô-grát không những đã giải quyết được những nhiệm vụ quân sự

hết sức quan trọng, mà còn giải quyết được cả những vấn đề của tình hữu nghị quốc tế, tình đồng chí chiến đấu của các dân tộc cùng đấu tranh chống bọn Hít-le chiếm đóng. I. V. Xta-lin và I. Brót Ti-tô đã thỏa thuận với nhau là Hồng quân và Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư sẽ cùng phối hợp đánh chiếm Bê-ô-grát và sẽ cùng tiến vào thủ đô. Đáng tiếc là Bộ tổng tham mưu không lường hết mọi tình hình, chẳng hạn tốc độ tiến quân của xe tăng Liên Xô tiến nhanh hơn nhiều so với bộ đội Nam Tư bấy giờ chưa có xe tăng và xe ô-tô. Cả bộ tham mưu phương diện quân và các tập đoàn quân cũng không tính toán được hết những tình hình đó. Cho nên, các xe tăng của quân đoàn cận vệ cơ giới 4 vọt lên phía trước, đã bị hỏa lực của địch gây thiệt hại vì quân đoàn có tương đối ít bộ binh, còn bộ binh Nam Tư thì vẫn ở phía sau, chưa tiến theo kịp. Ngày 13 tháng Mười, N. V. Coóc-nê-ép điện lên Bộ tổng tham mưu cho biết tình hình bất lợi trên trong cuộc tiến công của bộ đội Liên Xô và Nam Tư. Bức điện ấy do một điện báo viên Nam Tư gửi đi, với nhan đề hơi khác thường: «Qua vô tuyến điện, rất khẩn». Chúng tôi báo cáo lên Đại bản doanh. Liền sau đó, phương diện quân U-crai-na 3 nhận được lệnh yêu cầu chở bộ binh Nam Tư bằng xe tăng của Liên Xô và cùng tiến nhanh vào Bê-ô-grát.

Ngay cả Ph. I. Tôn-bu-khin lúc bấy giờ cũng nhận thấy một số điểm không ăn khớp trong lúc tiến công, đã liên lạc báo cáo ngay với nguyên soái Ti-tô. Cả hai người đều muốn phá vỡ tuyến phòng thủ của địch, không cho chúng kịp rút quân. Trong phạm vi Bê-ô-grát, quân địch có thể dựa vào các công trình trong thành phố để tổ chức phòng thủ vững chắc và buộc bên tiến công phải tổ chức vây hãm thành phố. Mọi người đều biết rằng, nếu cứ để tình hình diễn ra như vậy thì không những sẽ mất thời gian và thiệt hại thêm người, mà chính thành phố rồi cùng bị phá hoại. Do đó, không riêng gì xe tăng, mà cả bộ binh cũng phải nhanh chóng tiến vào thành phố, phải tiến cùng một lúc với nhau chứ không được rời rạc, kẻ trước người sau.

Chấp hành chỉ thị của Đại bản doanh. Ph. I. Tôn-bu-khin đề nghị với Tổng tư lệnh tối cao Nam Tư cho bộ binh tiến quân bằng xe tăng và xe ô-tô của Liên Xô để cùng đánh chiếm Bê-ô-grát, đẩy mạnh tốc độ phát triển của chiến dịch. Tất nhiên, nguyên soái Ti-tô đồng ý. Ngay ngày 14 tháng Mười, những chiếc xe tăng đầu tiên của Liên Xô chở các xạ thủ Liên Xô và các chiến sĩ của quân đoàn Vô sản 1 Nam Tư, tiến đánh Bê-ô-grát.

Sách báo của ta cũng như của Nam Tư đã viết nhiều về những trận đánh diễn ra tại thủ đô Nam Tư. Trong cuốn sách này, tôi chỉ muốn nhấn mạnh thêm rằng quân địch đã điều động được đến đây một số lực lượng mới của chúng, và những trận đánh ở Bê-ô-grát diễn ra hết sức quyết liệt. Quân địch kháng cự đặc biệt mạnh ở khu vực pháo đài Ca-le-méc-đan cũ. Các sư đoàn bộ binh 1, 5, 6, 11, 16, 21, 28 và 36 của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh Liên Xô và xe tăng của quân đoàn cận vệ cơ giới 4 ở Bê-ô-grát.

Sở dĩ quân địch bị thất bại nặng là vì trong một chừng mực lớn, bộ chỉ huy của quân Đức phát-xít không thực hiện được ý đồ điều động cánh quân trên 20.000 tên ở phía Đông - Nam và phía Nam tiến vào Bê-ô-grát. Đồng thời với lúc triển khai trận đánh chiếm thủ đô Bê-ô-grát, trên những con đường phía Đông-Nam dẫn đến thành phố cũng đã diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt. Tại đây, quân đoàn bộ binh 75 của tập đoàn quân 57, quân đoàn 14 Nam Tư, các binh đội của sư đoàn xung kích 5 thuộc quân đoàn Vô sản 1 của quân đội Nam Tư, lữ đoàn bộ binh mô-tô cơ giới độc lập 5 của Liên Xô đã hiệp đồng rất chặt chẽ. Các đơn vị đó đã kịp chia cắt, chặn đường rút và mở những gọng kìm khác chặn địch nhằm tiêu diệt chúng. Lữ đoàn cận vệ cơ giới 15 do đại tá cận vệ M. A. An-đri-a-nốp chỉ huy và lữ đoàn cận vệ cơ giới 14 do đại tá

cận vệ N. A. Ni-ki-tin chỉ huy (thuộc quân đoàn cơ giới 4) đã hành động thật xuất sắc. Tướng I. X. A-nô-sin, chủ nhiệm cục chính trị phương diện quân U-crai-na 3 có mặt ở Bê-ô-grát cùng với các đơn vị tiên phong, đã báo cáo với Tổng cục chính trị về những hành động xuất sắc của các lữ đoàn trên.

Trên các con đường tiến vào thủ đô Nam Tư, quân địch đã bỏ lại khoảng 200 khẩu pháo các cỡ và 1.500 xe ô-tô chở đầy hàng. Tàn quân của bọn Đức phát-xít chạy tán loạn vào rừng ở phía Nam núi A-va-la bị các chiến sĩ Nam Tư truy kích, tóm gọn hết.

Ngày 20 tháng Mười, trung tướng xe tăng V. I. Giơ-đa-nốp, chỉ huy trưởng quân đoàn cơ giới cận vệ 4 và thượng tướng Pê-cô Đáp-trê-vích, chỉ huy trưởng quân đoàn Vô sản 1 của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư báo cáo với Bộ tư lệnh về tình hình giải phóng thủ đô Nam Tư. Ngay khi đó, ở thủ đô Nam Tư đã tổ chức cuộc mít tinh trọng thể toàn thành phố. Sau khi tiếng súng chấm dứt, những người chỉ huy quân đội anh hùng—tướng Liên Xô Giơ-đa-nốp và tướng Nam Tư Đáp-trê-vích, — đã phát biểu trước nhân dân thủ đô Bê-ô-grát với những lời đầy nhiệt tình và ôm nhau thắm thiết. Hàng ngàn người nhiệt liệt hoan nghênh tình bạn chiến đấu bất diệt. Và cũng ngay tối hôm ấy, thủ đô Mát-xcơ-va bắn đại bác chào mừng các chiến sĩ dũng cảm của phương diện quân U-crai-na 3 và bộ đội của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư.

Ngày 21 tháng Mười, nguyên soái Ti-tô gửi thư cảm ơn đến tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3.

Đồng chí viết: «Tôi đề nghị đồng chí chuyển tới bộ đội của đồng chí đang tác chiến trên hướng Bê-ô-grát bức thư sau : tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn đối với các chiến sĩ, sĩ quan và tướng lĩnh của các đơn vị Hồng quân đã phối hợp cùng với các đơn vị của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư giải phóng thủ đô Bê-ô-grát của chúng tôi.

Chủ nghĩa anh hùng và chí kiên quyết của các đồng chí thể hiện trong những trận đánh quyết liệt giải phóng Bê-ô-grát, sẽ được các dân tộc Nam Tư mãi mãi ghi nhớ, coi đó là chủ nghĩa anh hùng bất tử của Hồng quân. Máu của các đồng chí và máu của các chiến sĩ Nam Tư cùng đổ trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung sẽ làm cho tình hữu nghị giữa nhân dân Nam Tư và nhân dân Liên Xô đời đời bền vững».

Nhiều chiến sĩ Liên Xô được tặng thưởng các huân chương của Nam Tư, còn tướng V. I. Giơ-đa-nốp được phong danh hiệu Anh hùng nhân dân Nam Tư.

Khi chiến sự ở gần Bê-ô-grát đang còn tiếp diễn, các đồng chí trong Bộ tổng tham mưu Liên Xô, Bộ tham mưu tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và bộ tham mưu phương diện quân U-crai-na 3 đã nghĩ tới vấn đề sẽ phát triển chiến dịch ra sao, sau khi giải phóng thành phố. Bộ chỉ huy phát-xít Đức đang cố gắng rút đại bộ phận quân của chúng đóng ở Hy Lạp và ở phía Nam Nam Tư lên phía Bắc. Quân địch rút theo những con đường sắt và đường nhựa ở phía Bê-ô-grát và dọc theo bờ biển A-đri-a-tích. Đường rút quân thuận tiện nhất, và ngắn nhất đối với bọn chúng là đồng bằng sông Tây Mô-ra-va.

Ngày 15 tháng Mười, Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 đã đề nghị với Bộ tổng tham mưu cắt con đường rút lui của địch lên phía Bắc. Ph. I. Tôn-bu-khin, V. M. Lai-ốc và A. P. Ta-ra-xốp báo cáo: các tuyến do phương diện quân U-crai-na 3, Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và quân đội Bun-ga-ri đã chiếm được ở phía Tây sông Nam Mô-ra-va, ngay bây

giờ tạo điều kiện chiếm lấy Tra-trắc và Cra-lê-vô. Nếu chiếm được những vị trí ấy, thì sẽ chặn được đường rút của quân phát-xít Đức. Các đồng chí đề nghị rằng hiện giờ có thể sử dụng một bộ phận lực lượng của tập đoàn quân 57 mở mũi đột kích vào hướng Gô-rơ-ni - Mi-la-nô-vát, Tra-trắc, tiếp đó sẽ phát triển tiến công tới Cra-lê-vô. Đồng thời, sẽ mở một mũi đột kích khác vào Cra-gu-ê-vát.

Bộ tham mưu tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư và bản thân nguyên soái Ti-tô đã tán thành ý kiến của bộ tư lệnh phương diện quân. Các bạn Nam tư cũng cho rằng, sau khi chiếm được các thành phố Tra-trắc và Cra-lê-vô, quân địch chỉ còn lại con đường rút lui duy nhất ra khỏi An-ba-ni và Hy Lạp là đi qua Tséc-nô-gô-ri-a và Xan-giắc tới Xa-ra-ê-vô. Ngày 18 tháng Mười, nguyên soái I. Brốt Ti-tô viết cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3: «Để không cho quân địch lợi dụng cơ hội này, tôi cho rằng (cần) sử dụng các lực lượng chủ yếu trong cụm quân Bê-ô-grát của đồng chí đánh qua La-da-re-vát, Va-lê-vô, Đơ-vô-rơ-ních, Vla-xe-nít-xa và chiếm lấy Xa-ra-ê-vô... Tôi đề nghị sử dụng các đơn vị của quân đoàn cơ giới cận vệ 4, phối hợp hành động với các đơn vị của quân đoàn 3 và 5 của quân đội Nam Tư để nhanh chóng đánh chiếm Xa-ra-ê-vô». Đồng thời, đồng chí còn thông báo cho biết là đã giải phóng khỏi bọn phát-xít Đức các khu vực mà bộ đội Liên Xô và bộ đội Nam Tư cùng hiệp đồng tác chiến phải đi qua.

Thế nhưng, cả hai kế hoạch trên đều không thực hiện được. Vấn đề chặn đường rút lui của quân địch lại được giải quyết theo phương án thứ ba, tức là phương án tổ chức chiến dịch phối hợp giữa bộ đội Nam Tư và bộ đội Bun-ga-ri ở khu vực Pri-stin, nơi có con đường sắt cuối cùng địch sẽ dùng để rút các đơn vị phát-xít Đức ra khỏi Hy Lạp lên phía Bắc. Các bộ tham mưu Nam Tư và Bun-ga-ri nhanh chóng thống nhất với nhau về kế hoạch chiến dịch và tổ chức hiệp đồng, sau đó bộ đội đã tiến công thắng lợi.

Cuối tháng Mười 1944, các binh đoàn và binh đội của phương diện quân U-crai-na 3, sau khi hoàn thành nhiệm vụ trên lãnh thổ Nam Tư, lại lên đường làm nhiệm vụ mới. Còn những phi công xô-viết, những người xứng đáng kể tục các truyền thông quân sự và truyền thống quốc tế đã được củng cố trong những ngày chiến đấu vẻ vang của chiến dịch Bê-ô-grát, vẫn tiếp tục giúp đỡ các bạn Nam Tư của chúng ta. Các đồng chí không quân chúng ta có nhiệm vụ chỉ viện cho bộ đội Nam Tư trong các chiến dịch sắp tới, nhằm kết thúc việc tiêu diệt địch, vì ở Nam Tư thời gian này còn lại ít ra cũng đến 10 sư đoàn Đức và khoảng 200.000 quân nguy của Pa-ve-lích, Ne-đích, Rúp-ních và Mi-khai-lô-vích.

Tháng Mười 1944, chúng ta xác định được rõ thêm ý đồ của bộ chỉ huy phát-xít Đức ở Nam Tư. Chúng không những chỉ vội vã rút quân lên phía Bắc, mà còn tăng cường xây dựng các tuyến phòng thủ dọc theo các con sông Đra-va, Xa-va, và Đơ-ri-na. Các tuyến ấy, chắc sẽ được sử dụng để yểm hộ cho quân Đức rút khỏi I-ta-li-a và Nam Tư sang Hung-ga-ri và Áo. Trên các tuyến Tơ-ri-ét, Ma-ri-bo, Bra-ti-xla-va, bọn chúng cũng vội vã chuẩn bị các công sự mạnh, hoặc theo chính bọn Đức gọi là «các tuyến chống cự quyết liệt». Các tuyến ấy phải bảo đảm cho quân phát-xít Đức một chính diện dày đặc từ I-ta-li-a tới Hung-ga-ri. Quân địch cho rằng Bộ chỉ huy Liên Xô sẽ mở mũi đột phá vào chính diện này, và chúng chuẩn bị đối phó với tình huống ấy.

Bộ tổng tham mưu Liên Xô nhận thấy, nếu quân địch rút được về phòng ngự trên các tuyến từ Tơ-ri-ét đến Bra-ti-xla-va thì chúng sẽ bảo đảm được sự hiệp đồng chặt chẽ của các cánh

quân ở Hung-ga-ri và ở I-ta-li-a, đồng thời sẽ hình thành mặt sườn có lợi cho chúng để đối phó với bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2, lúc này đã thọc sâu lên phía Bắc. Do đó, giữa sườn trái của phương diện quân của R. I-a. Ma-li-nốp-xki và phương diện quân của Ph. I. Tôn-bu-khin sẽ bộc lộ một khoảng trống lớn, chưa được yểm hộ tốt từ Xôm-bo-rơ đến thành phố Nô-vi-xát. Muốn cho các cánh quân Đức đang bị phân tán, không hợp nhất được với nhau thành một chính diện dày đặc thì trước mùa mưa thu-đông, phương diện quân U-crai-na 3 phải chuyển sang tác chiến tích cực. Hướng tiến công chủ yếu có thể là miền đồng bằng sông Đra-va và sông Mu-ra, nơi có thể triển khai tất cả các binh chủng, đồng thời cũng là nơi địch rất sợ ta đột phá mạnh. Chính vì vậy, nên khi các quân đoàn của tập đoàn quân 57 tiến đến khu vực Xôm-bo-rơ, chúng tôi liền nhắc ngay đồng chí tư lệnh về khả năng tiến công ở hướng Tây.

Trong nửa đầu tháng Mười một, Đại bản doanh đã tiến hành tổng kết các chiến dịch trong năm 1944 và nghiên cứu ý đồ chiến cục năm 1945. Chúng ta cũng rất chú ý tới phương diện quân U-crai-na 3 là sườn trái của mặt trận Xô-Đức. Ph. I. Tôn-bu-khin cùng với các trợ lý được triệu tập về Mát-xcơ-va, và ngày 7 - 8 tháng Mười một thì làm việc với Bộ tổng tham mưu.

Đại bản doanh xem xét hai ý kiến. Ý kiến thứ nhất, được Ph. I. Tôn-bu-khin ủng hộ là nên tổ chức tiến công vào Viên. Như vậy, quân địch phòng ngự ở vùng Bu-đa-pét sẽ hoảng sợ trước mũi đột kích sâu của ta bọc lấy phía sau lưng chúng, do đó chúng tự khắc sẽ phải bỏ Hung-ga-ri mà rút chạy. Ý kiến thứ hai lại cho rằng, không nên tổ chức mũi đột kích như thế trong tình hình lúc đó. Những người ủng hộ ý kiến này trong đó có Bộ tổng tham mưu, cho rằng trước hết cần phải trực tiếp giúp đỡ phương diện quân U-crai-na 2 đánh vào Bu-đa-pét để bao vây và tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở đây. Trong trường hợp đó, chúng ta sẽ mở đường thắng lợi không những tới Viên mà còn tới cả Tséc và từ đó sẽ băng qua dãy núi Rút-nư-ê, Xu-đê-tư rồi tiến theo miền đồng bằng sông En-bơ đánh vào nước Đức. Ý kiến thứ hai được chấp nhận, Đại bản doanh cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 thêm một thời gian suy nghĩ về các ý kiến của mình trong kế hoạch đó.

Chúng ta giữ quan hệ rất chặt chẽ với Bộ tham mưu tối cao của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư. Các bạn Nam Tư cũng nghiên cứu xem làm thế nào để tiêu diệt một cách tốt nhất quân địch ở phía Bắc Nam Tư, là nơi mà nhiều đơn vị mới của địch đã được điều tới. Từ ngày 1 tháng Mười một, ở các khu vực Tra-trắc, Cra-lê-lô đã diễn ra những trận đánh đẫm máu với các lực lượng lớn quân địch đang rút lên phía Bắc. Sở dĩ những trận đánh ác liệt xảy ra ở khu vực này là vì con đường sắt ở đây vẫn nằm trong phạm vi kiểm soát của địch. Trong các trận đánh ấy, các sư đoàn bộ binh 17, 23, 25 và sư đoàn bộ binh Vô sản 2 của Quân đội Nam Tư đã chiến đấu rất xuất sắc. Các sư đoàn ấy đã đánh lui được những đợt tấn công của các lực lượng lớn bộ binh và xe tăng địch, đồng thời chuyển sang hành động tiến công, tiêu diệt chúng, phá vỡ kế hoạch rút quân của chúng.

Sau khi tiêu diệt được cánh quân địch ở Bê-ô-grát, bộ đội Nam Tư có thêm một vùng đất đai rộng lớn, có lợi về mọi mặt để lập căn cứ, và từ đây có thể phát huy ảnh hưởng quyết định tới quá trình chiến dịch ở các vùng phía Bắc và phía giữa đất nước Nam Tư, là những vùng quân địch còn chiếm đóng. Bấy giờ, Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư càng hành động tích cực hơn. Dẫn chứng tiêu biểu cho sự lớn mạnh về nghệ thuật quân sự của bộ đội Nam Tư là việc tổ chức bao vây những cánh quân lớn của địch và đã hoàn toàn tiêu diệt chúng trong một thời hạn ngắn. Ví dụ, cụm quân Ven biển của Nam Tư và sư đoàn bộ binh 3 đã bao vây rồi sau đó

tiêu diệt địch ở khu vực Đa-ni-lốp-grát, Xca-đa-rơ, Pốt-gô-ri-txa. Các chiến sĩ của quân đoàn 8 đã tạo nên chiếc lòng chảo hãm quân địch ở khu vực Cơ-nin và tiêu diệt gọn ở đây một trung đoàn bộ binh phát-xít Đức. Sư đoàn 25 của Nam Tư đã bao vây và tiêu diệt địch ở khu vực Gu-tơ.

Cuộc tiến công của các đơn vị quân đội Nam Tư ở Ghéc-xơ-gô-vi-na trong tháng Hai 1945 có một ý nghĩa lớn. Hồi đó, tình hình đặt ra cho Bộ tham mưu tối cao Nam Tư là cần phải phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở khu vực Mô-xta-rơ — thành phố chính của Ghéc-xơ-gô-vi-na. Quân địch phòng ngự ở đây đã chặn mất các con đường đi từ phía Tây - Nam đến những nơi khác, đến thành phố còn quan trọng hơn và đến các đầu mối giao thông là Xa-ra-ê-vô, để từ đó tiến đến Khoóc-va-ti-a. Từ ngày 6 cho đến ngày 15 tháng Hai, các đơn vị của quân đoàn 8 và sư đoàn 29 (quân đoàn 2) của Nam Tư đã tiến hành thắng lợi chiến dịch ở Mô-xta-rơ một cách có suy tính kỹ và có tổ chức. Lữ đoàn xe tăng Nam Tư đã tích cực tham gia cuộc tiến công này. Quân địch bị thất bại nặng nề, sư đoàn 369 của Đức bị đánh tan, hơn 1.200 binh lính và sĩ quan địch bị bắt làm tù binh. Mô-xta-rơ và đại bộ phận các vùng đất đai ở Ghéc-xơ-gô-vi-na được giải phóng. Sợ bị mất Xa-ra-ê-vô, bộ chỉ huy Hít-le phải từ bỏ kế hoạch điều động sư đoàn «Hoàng tử Ô-giê-ni» của chúng mới được bổ sung sau những trận đánh vừa qua sang Hung-ga-ri. Bộ tổng tham mưu Liên Xô đánh giá cao sự chi viện đó của các chiến hữu Nam Tư.

Từ tháng Mười một 1944 cho tới tháng Năm 1945, các phi công Liên Xô thuộc cụm không quân của tướng A. N. Vi-tơ-rúc, đã chi viện đắc lực cho bộ đội Nam Tư. Chúng ta thành lập cụm không quân này sau khi có cuộc hội đàm với Ti-tô ở Mát-xcơ-va. Hồi đó, Tổng tư lệnh tối cao Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư đề nghị với chúng ta tổ chức chi viện bằng đường không cho bộ đội Nam Tư. Sau khi thấy nghị đó hợp lý, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã quyết định chuyển giao cho nước Nam Tư nhân dân cụm không quân, gồm 2 sư đoàn không quân (sư đoàn cận vệ cường kích 10 và sư đoàn tiêm kích 236). Chúng ta còn chuyển giao cả những bộ phận cần thiết khác của căn cứ không quân (vùng 9 của căn cứ không quân) cùng những phương tiện bảo đảm kỹ thuật khác. Ngày 15 tháng Mười một 1944, hiệp ước chuyển giao các sư đoàn không quân cho bộ đội Nam Tư được ký kết tại Bê-ô-grát.

Cụm không quân của tướng Vi-tơ-rúc không những là một binh đoàn chiến đấu mạnh (244 máy bay), mà còn là trung tâm đào tạo các cán bộ, xây dựng các cơ quan chỉ huy của không quân Nam Tư.

Các phi công trong cụm không quân đã biểu thị lòng dũng cảm cao độ khi thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu, bản thân A. N. Vi-tơ-rúc cũng được phong danh hiệu Anh hùng nhân dân Nam Tư. Các đồng chí đã chiến đấu quên mình trên đất nước Nam Tư anh em cho đến ngày toàn thắng bọn chiếm đóng phát-xít.

Việc tiêu diệt quân Hít-le ở Nam Tư đã góp phần vào sự thắng lợi của lực lượng giải phóng nhân dân của nước An-ba-ni. Các phi công Liên Xô ở căn cứ không quân Ba-ri, theo chỉ thị của Mát-xcơ-va, đã nhiều lần giúp đỡ những người yêu nước An-ba-ni vũ khí, đạn dược và các dụng cụ, thuốc men. Mùa thu năm 1944, bộ đội Nam Tư tiếp xúc chặt chẽ với Quân đội nhân dân giải phóng An-ba-ni. Có trường hợp, quân đội của hai nước láng giềng đã phối hợp hành động. Ngày 17 tháng Mười một, Quân đội nhân dân giải phóng An-ba-ni đã tổng cổ quân địch ra khỏi Ti-ra-na, đuổi chúng chạy lên núi, tiêu diệt chúng tại đây hoặc buộc chúng phải rời khỏi đất nước An-ba-ni. Ngày 29 tháng Mười một, An-ba-ni hoàn toàn giải phóng khỏi bọn chiếm đóng.

Tập đoàn quân Bun-ga-ri 1 tiến công cùng với các sư đoàn bộ binh 46 và 42, lữ đoàn Cô-xô-vô 3 và 2 của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư, ngày 17 tháng Mười một 1944 đánh chiếm được đầu mối giao thông quan trọng của địch ở Pri-sti-na. Mấy ngày sau, các đơn vị của tập đoàn quân Bun-ga-ri 2 lại cùng với sư đoàn bộ binh 22 của Nam Tư giải phóng Mi-tơ-rô-vi-txa và chặn được con đường rút quân của địch tới Nô-vi - Pa-da-rơ.

Trong quá trình tác chiến ở Nam Tư, theo sự thỏa thuận của cả hai bên đồng minh, những máy bay Mỹ và Anh tại căn cứ ở I-ta-li-a cũng tham gia chiến dịch. Chúng ta đã gấp rút thỏa thuận những vấn đề trên với các nước đồng minh, và nhiệm vụ giao cho không quân Anh-Mỹ đều được thông qua Bộ tổng tham mưu Liên Xô. Trường hợp máy bay buộc phải hạ cánh ở các vùng rừng núi, thì bãi hạ cánh cần thiết trong khu vực du kích sẽ được lựa chọn và trang bị tùy theo khả năng. Kinh nghiệm của căn cứ không quân Ba-ri của Liên Xô giúp được nhiều cho công việc này. Như đã nói ở trên, các phi công ở căn cứ Ba-ri thường bay tới An-ba-ni và Tséc-nô-gô-ri-a đã sử dụng các bãi hạ cánh do nhân dân và du kích ở địa phương chuẩn bị.

Các phi công Liên Xô được nhân dân địa phương, đặc biệt là nhân dân ở Tséc-nô-gô-ri-a, đón tiếp rất nồng nhiệt. Các chiến sĩ du kích và nhân dân trong các làng mạc kể lại biết bao chuyện về nghệ thuật của những người lái các máy bay có ngôi sao đỏ! Một hôm, tại một bãi hạ cánh ở một bản làng vùng rẻo cao Nam Tư có hai máy bay hạ cánh: một của Liên Xô và một của Anh. Hai máy bay đều gắn nhãn hiệu Xi-47 nên tất nhiên là cùng kích thước và chỉ khác nhau về ký hiệu. Già trẻ ở bản làng quanh đấy tụ tập quanh hai chiếc máy bay. Khi các tổ lái hội họp, nông dân quây lại gần và bàn bạc với nhau, tranh luận xem máy bay nào tốt hơn và phi công nào bay giỏi hơn. Cuối cùng, một cụ già tiến lên, dùng bước chân đo chiều dài và sải cánh của máy bay trước mặt mọi người, vồ vồ vào thân máy bay, xong suy nghĩ một lát rồi lớn tiếng nói rằng : máy bay của Liên Xô dài hơn nửa mét. Máy bay này hạ cánh trên núi khó hơn máy bay của Anh. Cuộc tranh luận với nhau đến đây thì thông nhất ý kiến và kết thúc...

Tuy nhiên, trong các cơ quan tham mưu cấp trên đã thỏa thuận với nhau về việc sử dụng lực lượng không quân, nhưng việc tổ chức nó tại chỗ thì lại khác đi. Chúng tôi đã đoán thấy điều đó vào hồi tháng Mười một 1944, khi 27 máy bay Mỹ xuất hiện, bay trên đội hình của quân đoàn bộ binh cận vệ 6 đang hành quân qua Nam Tư. Vì nhận thấy đó là những máy bay đồng minh, nên các chiến sĩ ta hân hoan chào mừng, vẫy mxũ. Nhưng bỗng nhiên các máy bay triển khai đội hình, và ném bom dữ dội. Quân đoàn bị lâm nạn: quân đoàn trưởng trung tướng Gri-gô-ri Pê-tơ-rô-vích Cô-tốp, cùng với 31 sĩ quan và chiến sĩ bị hy sinh, 37 người khác bị thương. Do thấy thủ đoạn của máy bay có thể quay lại bắn phá lần nữa, nên 9 máy bay tiêm kích của Liên Xô lập tức lên đón đánh. Thế là trận không chiến bắt đầu. Kết quả, không kể người, Mỹ mất 3 chiếc máy bay, còn ta cũng mất 3 chiếc.

Ngày 9 tháng Mười một, trưởng phái đoàn quân sự Mỹ ở Máí-xcơ-va nhận được kiến nghị của chúng ta về trường hợp này, và đến ngày 10 tháng Chạp, một viên tướng Mỹ tới Xô-phi-a ngỏ lời đáng tiếc với Bộ chỉ huy Liên Xô. Chúng ta ghi nhận lời đáng tiếc ấy, và từ nay về sau bộ đội Liên Xô được lệnh phải thận trọng trong mọi trường hợp khi thấy có máy bay xuất hiện, còn các cơ quan tham mưu cấp trên phải kiểm tra kỹ các tín hiệu hiệp đồng.

Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu, Hội đồng quân sự và bộ tham mưu phương diện quân U-crai-na 3 đã cùng phối hợp vạch ra kế hoạch tác chiến trên lãnh thổ Hung-ga-ri. Ngày 12 tháng Mười một, Ph. I. Tôn-bu-khin gửi về Bộ tham mưu các ý kiến đề nghị của mình, Bộ tổng tham

mưu nghiên cứu trước, xong báo cáo lên Đại bản doanh và được Đại bản doanh phê chuẩn. Kế hoạch dự kiến nhiệm vụ trước mắt là đưa các lực lượng chủ yếu của phương diện quân ra khu vực Xu-bô-ti-xa, vượt sông Đa-nuýp và chiếm lĩnh bàn đạp chiến dịch ở khu vực Pét bên bờ phía Tây sông.

Đặc điểm của cuộc tiến công chống quân Hít-le trong giai đoạn sắp tới là sự hiệp đồng rộng rãi giữa quân đội Liên Xô, Bun-ga-ri và Nam Tư. Trong giai đoạn đầu tiến công của phương diện quân U-crai-na 3, khi sườn trái gắn chặt với sườn phải của bộ đội Nam Tư, thì vấn đề quan trọng là bộ đội Nam Tư cần tiếp tục hành động tích cực ở giữa hai con sông Đra-va và Xa-va. Sau này, khi các lực lượng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 3 tiến lên phía Bắc, các bên sườn của hai quân đội Liên Xô và Nam Tư không tiếp giáp với nhau nữa, thì lúc đó sẽ sử dụng tập đoàn quân Bun-ga-ri 1 do chính phủ của Mặt trận Tổ quốc thành lập, tiến công vào khoảng trống ở giữa đó.

Như vậy, kế hoạch các chiến dịch sau này dự định sẽ có sự tham gia của ba quân đội anh em, cùng chung sức giải quyết việc chia cắt các lực lượng của cánh quân địch đóng ở Hung-ga-ri và ở I-ta-li-a. Mọi vấn đề chuẩn bị và tiến hành các chiến dịch ấy đều phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa ba quân đội anh em.

Đại bản doanh lệnh cho nguyên soái Ph. I. Tôn-bu-khin phải trực tiếp thỏa thuận tất cả những vấn đề trên với I. Brót Ti-tô và Bộ chỉ huy Bun-ga-ri. Trong khoảng thời gian từ 17 đến 20 tháng Mười một, Ph. I Tôn-bu-khin đã lưu lại ở Bê-ô-grát, rồi sau đó đến Xô-phi-a. Hành động của bộ đội Nam Tư và bộ đội Bun-ga-ri đã đi đến nhất trí, hơn nữa các bạn Nam Tư lại tạo điều kiện cho quân đội Bun-ga-ri tự cung cấp cỏ khô, củi và rơm ở ngay trên đất Nam Tư, là những thứ mà bộ đội Bun-ga-ri không thể thiếu lúc đó. Do chỗ tập đoàn quân 1 của Bun-ga-ri chưa tiến kịp ra mặt trận, nên Bộ chỉ huy Nam Tư đồng ý sẽ cho bộ đội Nam Tư tiến công dọc theo sông Xa-va trên hướng chung tới Da-grép, và trước khi tập đoàn quân Bun-ga-ri bước vào hành động, các bạn Nam Tư sẽ phái ra một quân đoàn để bảo đảm sườn trái cho tập đoàn quân 57.

Trong nửa sau tháng Mười một 1944, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 đã vượt lên phía Bắc, còn bộ đội của Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư lớn mạnh và trưởng thành thì đang chuẩn bị tiến công dưới sự lãnh đạo của các đảng viên cộng sản. Nhưng đất nước Nam Tư lúc bấy giờ đang gặp những khó khăn to lớn về vật chất, nhất là về lương thực. Nhà nước Liên Xô đã giúp đỡ các bạn Nam Tư đang cùng chiến đấu bên nhau. Tháng Chạp 1944, chúng ta chuyển hơn 50 nghìn tấn lúa mì và bột mì cho Nam Tư. Ngày 10 tháng Ba, lữ đoàn xe tăng Nam Tư xây dựng trên đất nước Liên Xô (65 xe tăng T-34) đã chuyển từ Tu-la về Nam Tư bằng đường sắt. Và ngày 1 tháng Tư, ở khu vực thành phố Sít, lữ đoàn đã bước vào giao chiến với địch. Các chiến sĩ xe tăng Nam Tư tiến công trên hướng Da-grép, chiến đấu dũng cảm đến ngày toàn thắng. Từ tháng Ba 1945, chúng ta chuyển giao cho Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư hàng loạt trang bị vũ khí của Liên Xô và các trang bị vũ khí chiến lợi phẩm do bộ đội Liên Xô chiếm được. Với số vũ khí đó, các bạn Nam Tư đã trang bị đầy đủ cho 20 sư đoàn bộ binh, 3 lữ đoàn pháo binh và 2 lữ đoàn xe tăng, 2 sư đoàn không quân, một số trung đoàn thông tin liên lạc, các đơn vị công binh và cơ giới. Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã ra một nghị quyết đặc biệt về vấn đề này vào ngày 10 tháng Hai 1945. Lịch sử chứng minh rằng, vũ khí Liên Xô đã được trao cho các chiến sĩ trung kiên và dũng cảm của đất nước Nam Tư nhân dân.

...Thời gian là thước đo tốt nhất về sự vững chắc của các sự kiện đã qua. Các dân tộc Liên Xô và Nam Tư trung thành với tình hữu nghị đã được tôi luyện trong cuộc đấu tranh quên mình chống lại kẻ thù chung. Tình hữu nghị ấy được củng cố bằng máu: các chiến sĩ Liên Xô và Nam Tư đã cùng sát cánh bên nhau trên chiến trường ở Bê-ô-grát, ở hàng chục thành thị lớn nhỏ và ở các bản làng Nam Tư. 6.500 chiến sĩ Liên Xô đã yên nghỉ trên đất Nam Tư. Các đài kỷ niệm dựng trên mồ những người đã khuất, ca ngợi những chiến sĩ từ Mát-xcơ-va, từ thành phố Xta-lin-grát đổ nát, từ những vùng bị tàn phá ở Ki-ép và Min-xcơ đã băng qua lửa đạn tới đây, để ứng cứu những ngôi nhà yên lành của những người Nam Tư anh em khỏi bị thiếu cháy và tàn phá.

CHƯƠNG BẢY

• Ở giữa châu Âu

- Dầu mới Hung-ga-ri.
- Chỉ thị của Đại bản doanh.
- Sự hoảng hốt trong phe Hoóc-ti.
- Sức ép của Hít-le.
- Chuyển đi bí mật.
- Thư của các sĩ quan tù binh.
- Các thủ đoạn vụng về.
- Thượng tướng Be-la Mi-clốt.
- Trận đánh bảo vệ Bu-đa-pét.
- U. Sốc-sin và A. I-đơn ở Má-xcơ-va.
- Báo cáo của nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô.
- Sự hy sinh của những người Liên Xô cầm cờ trắng.
- Nảy nổ tình đoàn kết chiến đấu.
- Tại Ba-la-tông.
- «Không được kéo dài chiến tranh».

Thắng lợi của chiến dịch I-át-xư - Ki-si-ni-ốp đặt ra cho bộ đội Liên Xô một trong những nhiệm vụ thực tiễn là giải phóng Hung-ga-ri.

Như mọi người đều biết, về địa lý, Hung-ga-ri nằm ở giữa châu Âu, đầu mối những con đường cái chính trên lục địa. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai, bọn cầm quyền ở Hung-ga-ri, đứng đầu là nhiếp chính Hoóc-ti, trở thành những tên tay sai trung thành của Hít-le. Chúng biến Hung-ga-ri thành nước chư hầu, chỗ dựa của Đế chế thứ ba. Phát-xít Đức hút dầu hỏa của Hung-ga-ri, thứ nhiên liệu sống còn đối với các lực lượng vũ trang của Đức, sau khi chúng bị mất các nguồn dầu ở Ru-ma-ni; chúng vơ vét lúa mì, thịt và các nguyên liệu nông nghiệp. Hung-ga-ri còn cung cấp cả quân lính cho chúng.

Bộ tổng tham mưu chú ý tính toán tất cả những vấn đề trên. Nhưng không chỉ có thế. Chúng ta cần nhớ rằng Hung-ga-ri giữ một vị trí đặc biệt trong những mưu toan của khối Anh-Mỹ. Mọi người đều biết rằng các nước phương Tây đang thi hành chính sách hai mặt với Hung-ga-ri. Ví dụ, họ đã phản ứng khá «độc đáo» việc Hung-ga-ri tham gia cuộc chiến tranh với Liên Xô: vừa mới cuối năm 1941 Anh đã tuyên chiến với Hung-ga-ri, còn Mỹ thì tuyên chiến muộn hơn, vào tháng Sáu 1942. Các mối quan hệ như vậy có thể đưa đến nhiều điều bất ngờ, và như chúng ta sẽ thấy, chúng có ảnh hưởng tới các kế hoạch của hai bên.

Việc giải phóng Hung-ga-ri hứa hẹn mang lại cho chúng ta những thuận lợi rõ rệt về quân sự. Giải phóng được đất nước này, bộ đội Liên Xô sẽ tiến vào Tiệp Khắc là nước đồng minh với chúng ta, trực tiếp giáp giới với nước Đức Hít-le và có điều kiện đánh vu hồi mặt phía Nam vào nước Đức. Từ đây vào đến trung tâm hang ổ của bọn phát-xít chỉ còn có mấy trăm ki-lô-mét.

Chúng ta còn có những ý định khác nữa. Ví dụ, Hung-ga-ri được giải phóng sẽ làm thay đổi hẳn tình hình quân sự ở I-ta-li-a, Nam Tư, Hy Lạp và An-ba-ni, vì các mũi đột kích của chúng ta đe dọa phía sau lưng các cánh quân phát-xít Đức đóng tại các nước này và chặn hết mọi ngã đường rút quân của chúng về nước Đức. Tình hình đó là yếu tố mới rất quan trọng đối với tình huống chiến lược ở châu Âu.

Quân địch hiểu các khả năng sẽ phát triển sắp tới của các sự kiện quân sự, nên ngoan cố bám giữ lấy Hung-ga-ri. Và, chúng ta cũng cảm thấy ngay tình hình đó khi quân đội Liên Xô tiến gần đến Tơ-ran-xin-va-ni.

Việc tiêu diệt quân địch ở I-át-xư và Ki-si-ni-ốp đã tạo điều kiện để có một cách nhìn khác hơn trước đây chút ít đối với việc giải quyết vấn đề về cách thức phá vỡ phòng ngự của quân phát-xít Đức và của chính phủ Hoóc-ti ở Các-pát. Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh suy nghĩ: liệu ta có cần tiến vào Hung-ga-ri qua dãy núi bằng mũi đột kích vũ măt như phương diện quân U-crai-na 4 đã chuẩn bị hay không? Tiến công như vậy thường bị tổn thất nhiều cả về người lẫn phương tiện vật chất. Vậy nếu biết lợi dụng tình hình chiến dịch phát triển nhanh ở hướng Tây - Nam để các tập đoàn quân Liên Xô tiến vào các vùng phía sau núi, tức là từ phía Nam đi vòng dãy núi qua Ru-ma-ni, có tốt hơn không? Tất nhiên là nếu không tiến công vào các vùng rừng núi và không đột phá vào tuyến phòng thủ của địch ở chính diện thì không được, nhưng dù sao nhiệm vụ chủ yếu có thể hoàn thành được thuận lợi hơn, tiết kiệm hơn, và dĩ nhiên là triệt để hơn.

Bộ tổng tham mưu đã thảo luận kỹ tình huống trên, và ngày 25 tháng Tám 1944, A. I. An-tôn-ốp báo cáo với Đại bản doanh phương án dự kiến hành động của các phương diện quân U-crai-na 4 và 2. Bộ tổng tham mưu được chỉ thị lấy thêm ý kiến của I. E. Pê-tơ-rốp, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 4, rồi của R. I-a. Ma-li-nốp-xki, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 và Gh. C. Giu-cốp, Phó tổng tư lệnh tối cao lúc này đang ở Ru-ma-ni.

Chúng tôi đã trao đổi ý kiến ngay với I. E. Pê-tơ-rốp bằng đường điện thoại cao tần. Trong dải của phương diện quân đồng chí, trên khắp các nẻo đường vùng chân núi Các-pát, bộ đội và khí tài đang luồn núi xuyên rừng, nơi thì chiến đấu mở đường, nơi thì đánh giáp lá cà với quân địch, đang bò lên các điểm cao một cách chậm chạp như đàn kiến. Phương diện quân vừa tiến công, vừa chuẩn bị các điều kiện để vượt dãy núi Đông Các-pát ở phía Đông. Trong khi đó, bộ đội lại không có đủ các thiết bị và trang bị chiến đấu ở vùng rừng núi.

Các kết quả tiến công chưa hứa hẹn được nhiều. Quân địch mặc dù phải lùi tới các điểm cao và các đèo ngang dãy núi chính, nhưng vẫn chưa chịu bỏ những vị trí quyết định. Bộ đội Liên Xô bị thiệt hại khá nhiều về người và khí tài.

I. E. Pê-tơ-rốp đồng ý với những ý kiến của Bộ tổng tham mưu, nhưng có nói rằng, trước khi chờ Đại bản doanh quyết định cuối cùng, tốt hơn là nên tạm dừng cuộc tiến công của phương diện quân U-crai-na 4, vì cần để cho phương diện quân học tập thêm cách đánh ở vùng rừng núi, cải tiến việc trang bị cho bộ đội và cho bộ đội nghỉ ngơi chút ít, vì họ đã tiến công lâu rồi. Bộ tổng tham mưu không phản đối, vì tạm thời chuyển sang phòng ngự sẽ giúp cho phương diện quân chuẩn bị các chiến dịch tiến công mới được dễ dàng hơn. Chúng tôi hy vọng Tổng tư lệnh tối cao sẽ đồng ý với chúng tôi và I. E. Pê-tơ-rốp. Hơn nữa, Bộ tổng tham mưu còn nhận được một số tin tức là ở Xlô-va-ki-a đang có cuộc chuẩn bị khởi nghĩa chống Hít-le. Những tin

tức ấy tuy chưa được rõ ràng, chưa thật chắc chắn, nhưng cũng không thể bỏ qua được.

Phương diện quân U-crai-na 4 hầu như không chuyển sang phòng ngự được, song, về vấn đề này sẽ nói đến sau.

Đêm 25 rạng ngày 26 tháng Tám, các ý kiến của Bộ tổng tham mưu và của I. E. Pê-tơ-rốp được báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Chúng tôi đã chuẩn bị từ trước bản dự thảo: chỉ thị chuyển phương diện quân U-crai-na 4 sang phòng ngự. I. V. Xta-lin ký vào văn bản và ra lệnh cho phương diện quân vì lợi ích tiến công sau này, cần xây dựng những lực lượng dự bị mạnh cần thiết cho những trận đánh ở vùng rừng núi. Để nhấn mạnh thêm ý nghĩa của quyết định trên, I. V. Xta-lin chỉ thị viết tiếp: «Đồng chí hãy hoãn mở chiến dịch (mũi đột phá qua Các-pát. — T. G.), chưa có lệnh của Đại bản doanh thì chưa tiến hành». Đoạn viết thêm đó là cần thiết, vì rằng cuộc khởi nghĩa ở Xlô-va-ki-a nổ ra thì ta cần chú ý tới các hậu quả quân sự và nhất là hậu quả chính trị của sự kiện quan trọng đó. Trước mắt chúng ta còn in sâu tấm gương của những người khởi nghĩa ở Vác-sa-va, dù Hồng quân đã tìm mọi cách giúp đỡ, nhưng vẫn không thể cứu vãn khỏi tai họa.

I. E. Pê-tơ-rốp ra lệnh cho bộ đội của phương diện quân, giải thích cho các cán bộ chỉ huy trong phương diện quân biết nguyên nhân chuyển sang phòng ngự:

«Chấp hành chỉ thị của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao, bộ đội phương diện quân sẽ chuyển sang phòng ngự tích cực, đồng thời phải duy trì lực lượng dự bị mạnh.

Sở dĩ chuyển sang phòng ngự là do các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 hoạt động thắng lợi và do các khả năng mới tạo nên cho phép phương diện quân chúng ta hoàn thành nhiệm vụ bằng những phương pháp bớt khó khăn hơn và có hiệu quả nhiều hơn.

Do đó, chúng ta phải hiểu việc chuyển sang phòng ngự, là giai đoạn chuẩn bị để tiếp tục tiến công với những mục đích kiên quyết».

Ngày 4 tháng Chín, Đại bản doanh nhận được báo cáo của Gh. C. Giu-cốp và R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Các đồng chí viết : «Chúng tôi không tin là các tập đoàn quân cận vệ 40 và 7 sẽ nhanh chóng mở những mũi đột kích vào chính diện». Các tập đoàn quân đó, do các tướng Ph. Ph. Giơ-ma-tren-cô và M. X. Su-mi-lốp chỉ huy, được quy định từ phía Nam đi vòng núi Các-pát đánh vào Hung-ga-ri.

Như chúng tôi dự kiến, trong báo cáo của các đồng chí có đề nghị tiến vào Tơ-ran-xin-va-ni bằng các mũi đột kích phối hợp từ phía Đông và phía Nam, cho các tập đoàn quân 53, 27 và tập đoàn quân xe tăng 6 từ Đa-nuýp quật tới đây và đánh chiếm khu vực Clu-giơ, Ô-ra-đê-a - Ma-rê, Kha-txéc. «Chiếm được khu vực này, — Gh. C. Giu-cốp và R. I-a. Ma-li-nốp-xki viết, — chúng ta sẽ tạo được mối uy hiếp bao vây quân Đức và Hung-ga-ri đang chống lại các tập đoàn quân của Giơ-ma-tren-cô và Su-mi-lốp, sẽ giúp cho các tập đoàn quân nhanh chóng tiến ra tuyến Đe-giơ, Clu-giơ để sau đó sẽ hành động tới Xa-tu - Ma-rê hiệp đồng với phương diện quân U-crai-na 4». Như vậy ý kiến của Bộ tổng tham mưu càng được củng cố thêm.

Đại bản doanh chú ý nghiên cứu mọi ý kiến, và tôi hôm sau lệnh cho phương diện quân U-crai-na 2 sửa chữa lại kế hoạch chiến dịch trước đây của phương diện quân. Ý nghĩa của các chỉ thị như sau: đi vòng phía Nam núi Các-pát, kết hợp mở những mũi đột kích vào chính diện với những mũi đánh bọc của một số tập đoàn quân; chỉ viện cho phương diện quân của I. E. Pê-tơ-rốp; không được phân tán lực lượng.

Các tập đoàn quân của phương diện quân U-crai-na 2 đánh quét xuống đã làm phá sản mọi dự đoán và những lời đồn đại của các nước ngoài, cho rằng Liên Xô vẫn sẽ theo đuổi mục đích cũ của nước Nga sa hoàng đối với Bô-xpho và Đắc-đa-nen. Riêng Hít-le thì cho rằng, Hồng quân sẽ tung mọi lực lượng của mình ra hướng này và chỉ để lại ở Các-pát một số ít lực lượng để yểm hộ. Điều đó cũng được chứng minh trong cuốn sách «Những trận đánh thất bại» của tướng G. Phrít-xne, chỉ huy Cụm tập đoàn quân «Nam U-crai-na» đã bị bộ đội Liên Xô đánh cho tan rã. Lầm lẫn đó của quân địch rất quan trọng, nó khiến chúng phải chú ý bố trí lại các đơn vị của chúng, tăng cường cho khu vực mặt trận ở hướng Nam Các-pát, chứ không phải ở phía Tây — hướng chiến lược rất quan trọng và có hiệu lực nhất.

Tôi còn nhớ, trong chỉ thị lần đầu tiên có nói tới khu vực Ê-brê-xen — lúc này chỉ là mục tiêu hoạt động của kỵ binh; ta dự định sử dụng kỵ binh để mở rộng mũi đột kích của phương diện quân. Bộ đội Liên Xô tiến vào Ê-brê-xen có lợi cho hình thái tiến công trên mấy hướng: hướng Đông, và Đông-Bắc — tiến vào phía sau lưng tuyến phòng thủ của địch ở Các-pát; hướng Bắc — để chặn đường rút lui của quân phát-xít Đức; hướng Tây-Bắc — để chi viện cho cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra ở Xlô-va-ki-a; hướng Tây — để đột kích vào Bu-đa-pét. Mũi đột kích theo dự tính của Đại bản doanh sâu hơn là mũi đột kích theo đề nghị của tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2; nó chứa đựng nhiều khả năng để tiếp tục phát triển chiến dịch, tạo nên mối uy hiếp bao vây quân địch đang phòng ngự ở vùng U-crai-na phía sau Các-pát và Tơ-ran-xin-va-ni.

Trong chỉ thị ấy, Bộ tổng tư lệnh tối cao đề ra các nguyên tắc hiệp đồng giữa bộ đội Liên Xô và bộ đội Ru-ma-ni lúc này đã quay súng chống lại nước Đức phát-xít. Đại bản doanh đề nghị Bộ chỉ huy Ru-ma-ni tách ra 2-3 sư đoàn bộ binh để phòng thủ Đa-nuýp và trên dưới 3 sư đoàn để phòng thủ khu vực Xe-ghét, Tuốc-nu - Xê-vê-rin. Tập đoàn quân Ru-ma-ni 1 được dùng làm cơ sở cho các đơn vị nói trên. Ta đề nghị sử dụng các đơn vị của tập đoàn quân Ru-ma-ni 4 do tướng G. A-bra-me-xcu chỉ huy và các đơn vị Ru-ma-ni khác ở khu vực Bra-sốp và Tơ-ran-xin-va-ni phối hợp với Hồng quân tiến công vào Clu-giơ.

Thực hiện chỉ thị của Đại bản doanh, bộ đội sườn trái thuộc phương diện quân của R. I-a. Ma-li-nốp-xki vận động quay lên phía Bắc. Tập đoàn quân xe tăng 6 của tướng A. G. Cráp-tsen-cô có 262 xe tăng và 82 pháo tự hành tiến quân ở giữa. Ngày 14 tháng Chín, khi tiến đến khu vực Tuốc-đa, tập đoàn quân đã bước vào giao chiến quyết liệt với xe tăng và bộ binh địch tổ chức phản kích mạnh ở đây nhằm phá các chiến dịch của ta.

Sự thất bại nặng nề của Cụm tập đoàn quân «Nam U-crai-na» ở I-át-xur và Ki-si-ni-ốp đã có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị và quân sự ở Hung-ga-ri. Những tên thủ lĩnh của chế độ phát-xít trong nước cảm thấy đất bắt đầu bị rung chuyển dưới chân chúng. Mặc dầu quân phát-xít Đức đến chiếm đóng Hung-ga-ri từ tháng Ba 1944, nhưng cho đến bây giờ chúng vẫn không thể đảm bảo sự phòng thủ vững chắc của Hung-ga-ri trước sự tấn công của bộ đội Liên Xô. Chính sách của các giai cấp thống trị phản động và các chính phủ phản cách mạng, chính sách phản bội quyền lợi dân tộc và bóc lột nhân dân đã dẫn đất nước Hung-ga-ri tới thảm họa. Trong khi bọn phát-xít hò hét đến sùi bọt mép về «thắng lợi cuối cùng» và về «vũ khí kỳ diệu» của Hít-le thì ở Hung-ga-ri đã diễn ra một sự cưỡng bức đi những công nhân và chuyển những thiết bị nhà máy, dự trữ nguyên liệu, máy móc nông nghiệp và sản phẩm về nước Đức. Hung-ga-ri ngày càng phụ thuộc vào tên độc tài phát-xít Đức vì Hít-le đưa vào Hung-ga-ri máy su

đoàn Đức, nhưng lại lấy đi các lực lượng chủ yếu có khả năng chiến đấu của quân đội Hung-ga-ri.

Ngay sau khi tiêu diệt quân phát-xít Đức bị bao vây ở I-át-xư - Ki-si-ni-ốp, bộ đội Liên Xô tiến đến biên giới Hung-ga-ri, Nam Tư và Bun-ga-ri thì phe phải của Hoóc-ti mới bắt đầu vội vã tìm đường thoát khỏi thảm họa đang đe dọa chủ nghĩa phát-xít ở Hung-ga-ri. Nhưng cả lúc này, khi lòng tin mù quáng của các giới cầm quyền Hung-ga-ri vào sức mạnh của vũ khí Hít-le bị phá sản, thì Hoóc-ti và tập đoàn của y lại hoàn toàn không nghĩ tới việc đầu hàng vô điều kiện. Muốn tránh khỏi sụp đổ, bọn chúng định dựa vào Anh và Mỹ. Bọn Hoóc-ti nghĩ rằng, các cường quốc phương Tây sớm muộn rồi cũng sẽ thỏa hiệp với nước Đức phát-xít ở sau lưng Liên Xô, và Đức sẽ cho quân Anh-Mỹ tiến vào đất Hung-ga-ri trước khi bộ đội Liên Xô vượt qua được dãy núi Các-pát. Những hy vọng đó của bọn chúng là có căn cứ. «Tôi rất muốn, — Ừ. Sốc-sin nói, — chúng ta sẽ vượt trước người Nga ở một số vùng Trung Âu. Ví dụ, giới cầm quyền ở Hung-ga-ri có ý định chống lại việc tiến công của Liên Xô, nhưng nếu như quân Anh đến kịp thì họ sẽ đầu hàng quân Anh»^[10]. Bè lũ Hoóc-ti cảm thấy đầu hàng Anh-Mỹ ít nhục nhã hơn là đầu hàng Liên Xô. Bọn chúng trông mong vào sự không bền vững của khối liên minh chống Hít-le. Lúc này, điều chủ yếu mà chúng lo là làm sao kìm chân được bộ đội Liên Xô, tranh thủ thời gian, tạo điều kiện cho quân Anh-Mỹ đến trước Hồng quân và sẽ làm chủ được tình hình ở Hung-ga-ri.

Các bộ trưởng Hung-ga-ri còn biết rằng, một số tên chóp bu của nước Đức Hít-le đã đồng ý mở cửa ở mặt trận phía Tây cho quân Anh-Mỹ tiến vào để có điều kiện tập trung toàn bộ lực lượng của đế chế thứ ba chống lại Hồng quân ở phía Đông. Tình hình đó tất nhiên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quân Anh - Mỹ tiến vào Hung-ga-ri, trong khi Hồng quân còn phải đang đổ máu, từng bước phá tan tuyến phòng thủ ngoan cố của quân Đức và Hung-ga-ri. Bọn phát-xít ở Hung-ga-ri cho rằng, quân đội của các cường quốc phương Tây chiếm đóng Hung-ga-ri sẽ không bắt bọn chúng phải trả nợ những tội ác của chúng đối với nhân dân, mà sẽ còn giúp đỡ chúng tiếp tục chiến đấu chống lại Liên Xô.

Còn về các lực lượng vũ trang của Đức, với sự yểm trợ và sự có mặt của quân đội Anh-Mỹ, thì Hoóc-ti và bè lũ hy vọng sẽ giải quyết được tương đối dễ dàng.

Như vậy, mùa thu 1944, Hung-ga-ri là trung tâm của các sự kiện quân sự và chính trị ở châu Âu.

Khi Hồng quân Liên Xô chuyển sang hoạt động trên lãnh thổ các nước ngoài, thì tất nhiên chúng tôi khó giữ bí mật các hướng đột kích, vì quân địch thế nào cũng đã phát hiện thấy việc điều quân và tập trung quân của bộ đội Liên Xô. Chúng ta cũng không thể che giấu được mũi đột kích của sườn trái phương diện quân U-crai-na 2 đánh quặt lên phía Bắc. Chính phủ Hoóc-ti nhận được những tin tức trên liền báo động ngay. Chúng cho rằng, quân đội Liên Xô chiếm lĩnh vị trí xuất phát để tiến công vào Hung-ga-ri. Bu-đa-pét vội vã chuẩn bị. Tối 7 tháng Chín, cái gọi là hội đồng nhà vua họp. Tên nhiếp chính Hoóc-ti thảo luận với chính phủ và các đại biểu của Bộ tổng chỉ huy quân đội Hung-ga-ri về tình hình quân sự và chính sách đối ngoại của đất nước. Bọn chúng đánh giá tình hình lúc này là rất không lợi.

Trung tướng Tổng tham mưu trưởng I-a-nô-sơ Vi-ô-ri-ô-sơ thông báo tình hình mặt trận, tin chắc rằng Hồng quân sẽ mở những mũi đột kích mạnh, đồng loạt đánh theo hai hướng hợp điểm: phía Đông thì từ Ru-ma-ni và phía Bắc thì qua dãy núi Các-pát. Tổng tham mưu trưởng Hung-ga-ri nói toạc ra rằng, kết quả những hoạt động quân sự đó của bộ đội Liên Xô có thể là những gọng kìm khổng lồ, tách các lực lượng chủ yếu của quân đội Hung-ga-ri đang chiến đấu ở dãy núi Đông Các-pát ra khỏi trung tâm đất nước, và sẽ uy hiếp trực tiếp tới Bu-đa-pét.

Trong hội nghị này, chúng không nói một lời nào về vấn đề đầu hàng. Thế nhưng, những người tham dự cuộc họp đều thống nhất với nhau rằng, các lực lượng của bản thân Hung-ga-ri không đủ sức đối phó với Hồng quân. Do chưa liên hệ được với Anh-Mỹ, nên tình thế buộc chính phủ Hung-ga-ri phải yêu cầu sự giúp đỡ của Hít-le. Bọn chúng yêu cầu chứ không đi xin Hít-le, vì chúng biết rằng nước Đức phát-xít cũng rất quan tâm giữ lấy kẻ đồng minh cuối cùng của mình là Hung-ga-ri. Chúng còn dọa dẫm những tên chủ Đức là, nếu từ chối giúp đỡ thì Hung-ga-ri buộc phải thương lượng đình chiến với Liên Xô.

Ngày hôm sau, 8 tháng Chín, chính phủ Hung-ga-ri họp phiên đặc biệt. Hội nghị lại tiếp tục bàn bạc và tìm kiếm lối thoát, nhưng không một bộ trưởng nào có thể nêu lên được một đề nghị gì mới vì hôm trước chúng đã nói hết cả rồi. Hơn nữa tên địa chủ, bá tước Bê-la Tê-lê-ki, giáo sư trường đại học ở Clu-giơ nhận xét có lý rằng, thời cơ thuận lợi để thương lượng đình chiến với Liên Xô đã bị bỏ lỡ cách đây một tuần lễ. Như vậy, bọn chúng đi đến quyết định để quân Anh-Mỹ vào chiếm đóng Hung-ga-ri. Nguyên nhân của quyết định này là sự trả lời của chính phủ Đức: muốn tránh không để mặt trận phía Đông bị vỡ, bọn Hít-le đã sẵn sàng rút lực lượng của chúng ở mặt trận phía Tây. Ngoài ra, Grây-phen-béc, đại diện của Hít-le ở Bu-đa-pét thay mặt bộ chỉ huy phát-xít Đức hứa rằng, trong khoảng 5 ngày nữa sư đoàn xe tăng và sư đoàn cảnh sát SS từ khu vực Bê-ô-grát sẽ tới ứng cứu cho Hung-ga-ri, rồi sau đó sư đoàn bộ binh 18 SS từ Đê-ê-rơ và sư đoàn bộ binh 22 cùng với lữ đoàn xe tăng ở các khu vực khác cũng sẽ kéo đến.

Như vậy là bọn Hoóc-ti dường như thỏa mãn mọi điều mong ước, vì chính phủ Hít-le tuyên bố có khả năng sẽ mở toang cửa phía Tây, do đó quân Anh-Mỹ có thể nhanh chóng tiến vào Hung-ga-ri; quân phát-xít Đức sẽ tới. Điều đó cho phép tổ chức ở biên giới đất nước những tuyến phòng thủ mạnh, ngăn chặn Hồng quân và tranh thủ được thời gian quý báu. Còn sau đó... không một tên nào nói gì đến sự can thiệp của các nước phương Tây mà tất cả bọn chúng đều mong đợi nó. Tổng tham mưu trưởng quân đội Hung-ga-ri quá uổng công chứng minh cho chính phủ hay rằng, Hung-ga-ri phải dựa chủ yếu vào những lực lượng của bản thân. Những lời hứa hẹn của bọn Đức cuối cùng đã làm siêu lòng các bộ trưởng đi tới quyết định tiếp tục chiến tranh chống lại Liên Xô.

Như vậy là, lại mất thêm một cơ hội có thể ngăn ngừa được những tổn thất không cần thiết, nhích dần đến giờ kết thúc chiến tranh. Chính phủ Hoóc-ti không muốn nhìn thấy rằng, ngay cả những hy vọng thắng lợi hão huyền, bọn chúng cũng chẳng đào được ở đâu ra.

Bộ chỉ huy quân sự Hít-le đã đánh giá đúng tình hình ở Hung-ga-ri. Phrít-xne, tư lệnh quân đội phát-xít Đức, chạy lảng tránh giữa bộ tham mưu của y với nội các của tên nhiếp chính Hung-ga-ri và Tổng hành dinh của Hít-le. Các đơn vị mới được cấp tốc chở đến. «Bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân đã áp dụng nhiều biện pháp để bảo đảm an toàn cho vùng sau lưng của mình, nếu ở Hung-ga-ri xảy ra những biến động đột ngột về chính trị», — Phrít-xne sau này viết như vậy. Những lực lượng xe tăng lớn được tập trung ở khu vực Tuốc-đa để tổ chức phản kích: bọn Hít-le còn ngoan cố tìm mọi cách hòng phá vỡ các ý đồ của Bộ chỉ huy Liên Xô.

Ngày 13 tháng Chín, Tổng hành dinh của Hít-le mở phiên họp đặc biệt thảo luận về tình hình ở Hung-ga-ri. Cuộc họp gồm một số ít tên chỉ huy quân sự Đức và Hung-ga-ri cùng một số nhân vật cần thiết khác. Về thực chất, tướng Phrít-xne được giao toàn bộ quyền hành độc tài về quân sự. Mọi tổ chức quân sự và dân sự, không trừ một tổ chức nào, từ lúc này đều thuộc

quyền y. «Trong lĩnh vực này, tôi không đếm xỉa gì đến mọi yêu cầu của Hung-ga-ri»—chính Phrít-xe đã viết như thế. Như vậy, Bộ tổng tham mưu Hung-ga-ri trở thành cơ quan phụ của bọn phát-xít Đức dùng để chỉ huy các đơn vị Hung-ga-ri, nhưng trên thực tế nó đã mất hết quyền lực.

Cuối phiên họp người ta ra lệnh là cụm tập đoàn quân của Phrít-xe phải chiến đấu đến cùng. Sau đó, ngày 20 tháng Chín, chính phủ Hít-le gửi tôi hậu thư cho Hung-ga-ri đòi hỏi phải giữ vững trật tự hiện hành ở trong nước theo đúng ý muốn của Đức. Thế là Hung-ga-ri bị chế độ kìm kẹp trói buộc và đã gây nên cuộc chiến tranh đẫm máu ngay tại đất nước mình.

Sau khi quay lên phía Bắc theo hướng Đê-brê-xen, bộ đội phương diện quân U-crai-na 2 đã sắp xếp lại đội hình và bước vào những trận chiến đấu mới với quân địch. Bộ chỉ huy Hít-le đã đón sẵn cuộc tiến công đó. Quân đoàn cơ giới Hung-ga-ri và sư đoàn xe tăng Đức được tập trung thêm tới đây để chống lại tập đoàn quân 40, tập đoàn quân cận vệ 7 và tập đoàn quân 27 của phương diện quân U-crai-na 2. Mọi cố gắng của bộ đội Liên Xô cùng với các binh đoàn của Ru-ma-ni chiến đấu phối hợp đột phá vào tuyến phòng thủ của địch đều không thu được thắng lợi. Trận đánh diễn ra hết sức ác liệt ở khu vực Tuốc-đa. nơi như đã nói ở trên, bộ chỉ huy phát-xít Đức âm mưu tổ chức cuộc phản kích để gỡ lại thắng lợi về quân sự. Quân thù được kích động bằng mệnh lệnh buộc phải chiến đấu đến cùng, điên cuồng tập kích vào quân ta.

Các tập đoàn quân xe tăng 27 và 6 bước vào trận chiến đấu kéo dài trong nhiều ngày, cả hai bên đều không thu được kết quả rõ rệt. Bộ tổng tham mưu liền báo cáo với Đại bản doanh những ý kiến phân vân của mình là ít có khả năng giành được bước ngoặt thuận lợi cho tình hình quân sự ở khu vực Tuốc-đa.

Tình hình trong dải tiến công bên trái tập đoàn quân 53 của tướng I. M. Ma-na-ga-rốp có khá hơn. Những công sự của địch ở đây yếu hơn. Bộ đội Liên Xô đã phá được các công sự đó một cách tương đối dễ và tiến vào khu vực Tây-Bắc thành phố A-rát. Theo ý kiến của bộ tư lệnh phương diện quân, trong dải của tập đoàn quân đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho bộ đội Liên Xô dùng những lực lượng lớn đột kích vào hướng Ô-ra-đê-a -ma-re, Đê-brê-xen.

Theo như ý kiến của Bộ tổng tham mưu thì hướng Đê-brê-xen là rất có triển vọng. Ở đây, bộ đội Liên Xô có khả năng từ phía Tây đi vòng qua Tuốc-đa và vòng qua cả cánh quân địch đang đóng tại Tơ-ran-xin-va-ni — Các-pát.

Tuy nhiên, hướng này cũng có những khó khăn của nó. Các lực lượng chủ yếu đột kích vào Đê-brê-xen phải đặc biệt chú ý theo dõi hai bên sườn. Uy hiếp các sườn này có thể là những cánh quân rất lớn của địch: một cánh quân từ Các-pát và Tơ-ran-xin-va-ni tới, một cánh quân từ Nam Tư tới. Và không ai dám cam đoan rằng, các cánh quân này lại không được sử dụng theo một kế hoạch thống nhất trên hướng chung tới Bu-đa-pét. Các tuyến giao thông kéo dài, hậu phương của Ru-ma-ni vừa mới được ổn định và lực lượng cơ động của phương diện quân U-crai-na 2 còn tương đối yếu, tất cả những điều đó khiến cho tình tiết ấy trở thành nhân tố tác chiến khá quan trọng.

Bộ tổng tham mưu chú ý theo dõi cả hai cánh quân địch và khi dự tính chiến dịch Đê-brê-xen, đã có ý định sẽ tiến hành đồng thời với những đòn tiến công quân địch ở Nam Tư. Các tính toán trên chỉ ra rằng, chúng ta có thể mở các chiến dịch phối hợp giữa phương diện quân U-crai-na 3 và Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư nhằm kìm chân bọn phát-xít Đức ở Ban-

căng bằng cách triển khai các hành động quân sự vào ngày 28-29 tháng Chín 1944.

Còn cánh quân địch ở Tơ-ran-xin-va-ni và Các-pát uy hiếp trực tiếp mạn sườn bộ đội của R. I-a. Ma-li-nốp-xki đang tiến công vào Đê-brê-xen, thì sẽ trở thành mục tiêu chủ yếu trước mắt của các mũi tiến công phối hợp giữa các phương diện quân U-crai-na 4 và 2. Trong trường hợp cần thiết, chúng ta còn có thể thu hút ở đây một số lực lượng của phương diện quân U-crai-na 1 của I. X. Cô-nép tham gia các chiến dịch tiến công (việc đó đã xảy ra ở khu vực đèo ngang Đu-clip-a).

Như vậy, chiến dịch Đê-brê-xen được bảo đảm đầy đủ, nhưng yêu cầu chính đối với các bộ tư lệnh phương diện quân là phải chỉ huy bộ đội thật sáng suốt, linh hoạt và cơ động nhanh.

Mọi ý kiến trên của Bộ tổng tham mưu đều được báo cáo lên Đại bản doanh, nhưng chúng tôi lại được chỉ thị trao đổi ý kiến một lần nữa với các tư lệnh phương diện quân hữu quan. Các tư lệnh ủng hộ ý định đó. Ngày 23 tháng Chín, Bộ tổng tham mưu nhận được ý kiến trả lời của Gh. C. Giu-cốp:

«Căn cứ vào tính chất địa hình và sự tổ chức bố trí của địch ở phía trước Ma-li-nốp-xki và Pê-tơ-rốp, tôi cho rằng tập trung ngay tập đoàn quân của Cráp-tsen-cô ở phía Bắc A-rát làm nhiệm vụ đột kích vào Đê-brê-xen, tức là vào phía sau cánh quân chủ yếu của quân Hung-ga-ri thì có lợi hơn.

Chiếm được khu vực Đê-brê-xen, toàn bộ hệ thống phòng ngự chiến dịch của quân Hung-ga-ri sẽ bị sụp đổ, và chúng sẽ buộc phải nhanh chóng rút khỏi Clu-giơ và Các-pát.

Cuộc tiến công vô mặt của Ma-li-nốp-xki sẽ dẫn tới những trận đánh kéo dài và tạo điều kiện cho địch trụ lại yên ổn ở khu vực Tít-xa».

Vậy là, các ý kiến của Bộ tổng tham mưu dựa trên đề nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 2 đã được ủng hộ.

Chiến dịch Đê-brê-xen bắt đầu ngày 6 tháng Mười và kéo dài gần đến hết tháng. Đặc điểm nổi bật của chiến dịch là rất căng thẳng và phức tạp. Vì có nhiều cuốn sách đã viết về chiến dịch đó rồi cho nên tôi thấy không cần thiết phải tường thuật tỉ mỉ nữa. Tôi chỉ nhắc là trong quá trình chiến dịch, địch bị thiệt hại nặng ở các khu vực Ô-ra-đê-a, Đê-brê-xen và Xe-g hét. Bộ đội Liên Xô giải phóng được Tơ-ran-xin-va-ni, tới Tít-xa, tiến công vượt sông ở sườn bên trái mặt trận, tiến ra Đa-nuýp, tạo nên một bàn đạp rộng lớn cho chiến dịch ở bên kia sông Tít-xa dọc theo tuyến Chốp, Bai-a bờ Đông sông Đa-nuýp, kênh đào nhà vua Pi-ốt.

Mũi đột kích rất mạnh của bộ đội phương diện quân U-crai-na 2 đã làm cho tuyến phòng thủ của địch ở phía trước phương diện quân U-crai-na 4 bị suy yếu. Các tính toán của chúng tôi là chính xác. Quân địch không sao cố thủ nổi tại Các-pát, và trong tiến trình các trận đánh quyết liệt, chúng đã bị hất về phía Tây. Bộ đội của I. E. Pê-tơ-rốp chuyển sang tiến công, vọt tiến lên phía trước, vượt qua hết tuyến này sang tuyến khác, và tiến tới phía Nam Chốp thì bắt liên lạc được với bộ đội phương diện quân U-crai-na 2.

Bộ đội Liên Xô đã đến lúc bước vào một cuộc tiến công mới và mạnh, lần này đánh thẳng vào Bu-đa-pét. Trong khi chuẩn bị cho chiến dịch đánh vào Bu-đa-pét, Đại bản doanh vẫn còn hy vọng là chính phủ Hung-ga-ri nhận ra tình thế lúc bấy giờ ở các mặt trận và ở trong nước, sẽ tỏ ra khôn ngoan tìm cách rút Hung-ga-ri ra khỏi chiến tranh bằng con đường đình chiến. Ngày

29 tháng Chín 1944, I. V. Xta-lin viết cho Ph. Ru-dơ-ven một bức thư nói rằng, ngoài việc tiêu diệt địch ở Pri-ban-tích, bộ đội Liên Xô «có hai nhiệm vụ trước mắt: loại Hung-ga-ri ra khỏi chiến tranh và thăm dò phòng ngự của quân Đức trên mặt trận phía Đông bằng sự tiến công của bộ đội Liên Xô». Chúng ta không loại trừ sự chủ động hòa giải của Hung-ga-ri và cũng sẽ không bác bỏ thái độ đình chiến ấy.

Tình hình trên các mặt trận biểu thị rõ các ý định kiên quyết của Bộ chỉ huy Liên Xô, khiến chính phủ Hoóc-ti sợ hãi phải bắt đầu thăm dò lập trường của Anh và Mỹ về vấn đề chiếm đóng Hung-ga-ri.

Ngày 22 tháng Chín 1944, thượng tướng Na-đai — nhân vật tin cẩn của Hoóc-ti — bí mật trốn bọn Hít-le đáp máy bay tới khu vực Nê-a-pôn, nơi có bộ tham mưu của các nước đồng minh. Họ chọn bộ tham mưu này không phải là việc ngẫu nhiên, vì bọn phát-xít ở Hung-ga-ri mong đợi các nước đồng minh vượt qua bán đảo I-xơ-ri-a và Áo đến đây theo kế hoạch mà chúng ta đã biết, vì chính phủ Séc-sin đã không hề giấu giếm sự việc này. Thế nhưng, chuyến đi ấy không thành công. Anh và Mỹ tiến quân trên các mặt trận rất chậm và hiểu rằng một khi Hồng quân đã vào đến lãnh thổ Hung-ga-ri, sẽ không dừng lại ở nửa đường. Họ mời tướng Na-đai trở về và góp ý nên sang gặp quân Nga. Mọi mưu toan của bọn chư hầu Hung-ga-ri của Hít-le tiến hành đằng sau lưng Liên Xô đều bị phá sản.

Lúc này, bè lũ Hoóc-ti chỉ còn lối thoát duy nhất là phải trực tiếp đàm phán với Mát-xcơ-va mới có thể hy vọng hòa giải có lợi cho họ. Cuối tháng Chín 1944, phái đoàn đặc biệt của chính phủ Hung do tướng Ga-bo Pha-ra-gô, cựu tùy viên quân sự Hung-ga-ri ở Mát-xcơ-va, làm trưởng đoàn lên đường sang Liên Xô. Thành phần phái đoàn, ngoài Pha-ra-gô ra, còn có Tê-lê-ki, mà ta nói đến rồi, và Xen-tơ I-va-ni, đại biểu của Bộ ngoại giao Hung-ga-ri. Tất nhiên phái đoàn đó ra đi đã giữ bí mật không cho bọn cầm đầu nước Đức phát-xít và bộ chỉ huy quân sự của chúng biết.

Phái đoàn Pha-ra-gô, sau khi được chúng ta tiếp đón an toàn khi vượt qua tiền tuyến, đã đến Mát-xcơ-va ngày 1 tháng Mười 1944. Chúng ta thông báo cho các nước đồng minh biết và các đại biểu của họ cùng đã góp phần mình vào các cuộc đàm phán.

Thượng tướng Ph. Ph. Cu-dơ-nét-xốp phụ trách đưa phái đoàn Hung-ga-ri đến Mát-xcơ-va, tiếp đón và sơ bộ trao đổi trước với phái đoàn. Mấy ngày sau khi phái đoàn đến, đồng chí kể lại cho tôi biết là Pha-ra-gô rất băn khoăn về những đàn lợn của y chăn nuôi đầu đó ở vùng Ê-brê-xen, đề nghị với chúng ta đừng xâm phạm đến đàn lợn ấy, khi bộ đội Liên Xô chiếm được vùng này. Pha-ra-gô được trả lời rằng: bộ đội Liên Xô không những không đụng chạm đến tài sản của người khác, mà còn bảo vệ những tài sản ấy nếu chủ nhân đi vắng. Tên địa chủ lúc này mới yên lòng. Nhân đây, tôi muốn nói trước rằng khi chiếm được khu vực Ê-brê-xen, bộ đội Liên Xô không bảo vệ được đàn lợn trong ấp trại của Pha-ra-gô, vì bọn Hít-le đã chén sạch đến con lợn cuối cùng rồi.

Các thủ đoạn của chính phủ Hung-ga-ri đã khiến cho Hít-le điên tiết. Nhằm ra sức chiếm giữ Hung-ga-ri, bọn Hít-le đã đưa thêm vào đất nước này một lực lượng lớn xe tăng và bộ binh. Chúng xác lập sự kiểm soát hệ thống vô tuyến và hữu tuyến trong quân đội và chính quyền Hung-ga-ri, đặt ra các biện pháp phòng ngừa những cuộc nổi dậy có thể xảy ra nhằm chống

Hít-le.

Vì bè lũ Hoóc-ti sợ Hồng quân tiến vào đất nước Hung-ga-ri, nên chính phủ Hung-ga-ri không chống đối mạnh các biện pháp trên của bộ chỉ huy Hít-le. Thế nhưng, đại bộ phận cán bộ chỉ huy cấp trên và sĩ quan thường của quân đội Hung-ga-ri coi sự tăng cường chế độ chiếm đóng nhục nhã đó ở trong nước như là một hành động bạo ngược mới, chà đạp thô bạo chủ quyền của Hung-ga-ri. Sự phẫn nộ càng tăng lên trước tình hình đất nước bị chủ nghĩa phát-xít Đức đàn áp nặng nề cùng với sự tổn thất to lớn của quân đội Hung-ga-ri ở ngoài mặt trận, và nguy cơ quân đội sắp bị tan rã ngày càng trầm trọng.

Để chống đối các hành động trừng phạt của bộ chỉ huy Đức và sự lăng nhục tổ quốc, nhiều sĩ quan Hung-ga-ri đã chạy sang hàng ngũ bộ đội Liên Xô và công khai công kích lập trường của chính phủ họ. Các tù binh khai rằng, thượng tướng Be-la Mi-clốt, tư lệnh tập đoàn quân Hung-ga-ri 1 phòng ngự ở Các-pát cũng không tán thành chính sách hiện hành ở trong nước và rất bất bình trước những hành động của bọn Hít-le.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu thấy có thể lợi dụng sự phẫn nộ đó trong hàng ngũ sĩ quan và binh lính Hung-ga-ri để đưa đất nước Hung-ga-ri thoát khỏi cuộc chiến tranh. Cơ sở của các biện pháp này là tình cảm yêu nước và chống Hít-le của các sĩ quan Hung-ga-ri. Do đó, I. V. Xta-lin nói chuyện bằng điện thoại với I. E. Pê-tơ-rốp và L. D. Mê-khơ-li-xơ, đề nghị các đồng chí suy nghĩ xem có thể làm gì ở đây được.

Ít lâu sau, Mê-khơ-li-xơ báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao rằng có khả năng thông qua một số sĩ quan tù binh Hung-ga-ri, cảm phẫn trước tình trạng đất nước bị chiếm đóng, một bức thư tập thể cho viên tư lệnh tập đoàn quân Hung-ga-ri 1 để kêu gọi ông ta tích cực đấu tranh chống bọn chiếm đóng Hít-le và do đó góp phần bảo vệ nền độc lập của Hung-ga-ri. Nội dung bức thư đó do chính các sĩ quan tù binh gợi ý vì họ biết rõ các quan điểm chống Hít-le của Mi-clốt. I. V. Xta-lin đồng ý với đề nghị ấy.

Các sĩ quan Hung-ga-ri bắt tay vào viết thư ngay, dưới có chữ ký của bốn mươi sĩ quan. Bức thư nêu rõ rằng, nước Đức Hít-le bị thiệt hại nặng trong chiến tranh, đang bị khủng hoảng về chính trị: tất cả các nước chư hầu của Hít-le, trừ Hung-ga-ri, không những tách khỏi nước Đức mà còn cầm vũ khí chống lại quân đội phát-xít Đức. Bức thư viết tiếp rằng do hậu quả cuộc chiến tranh xâm lược của Hít-le, nên Hung-ga-ri đang ở vào tình thế nghiêm trọng chưa từng thấy trong suốt toàn bộ lịch sử hàng ngàn năm và hiện nay đang đứng trước miệng hố diệt vong.

Bức thư còn nói lên lòng tin tưởng rằng Hung-ga-ri sẽ không bị diệt vong, nhưng muốn vậy phải kiên quyết đánh đuổi bọn chiếm đóng phát-xít Đức, và muốn đánh đuổi bọn chúng thì phải hợp tác với Hồng quân. «Ngày nay, khi toàn thể giới đang đứng lên chiến đấu chống lại Hít-le, cuộc khởi nghĩa vũ trang của quân đội Hung-ga-ri dù có bị tổn thất nào đó song sẽ giành lại được nền độc lập cho Hung-ga-ri, và bằng cuộc đấu tranh của mình sẽ đưa nhân dân Hung-ga-ri vào hàng ngũ các dân tộc yêu chuộng tự do trên thế giới. Chính lúc này, — bức thư nhấn mạnh; — là thời cơ quyết định vấn đề: tồn tại hay không tồn tại! »

Sở dĩ các sĩ quan tù binh đó kêu gọi viên tư lệnh là vì họ cho rằng tập đoàn quân 1 có thể hành động có hiệu quả cho lợi ích của toàn thể nhân dân Hung-ga-ri và quốc gia Hung-ga-ri. «Bước ngoặt trong lịch sử nước ta đã điểm, — họ viết. — Nếu Ngài hiểu được những đòi hỏi

của thời đại trong giờ phút quyết định này, thì: tập đoàn quân Hung-ga-ri 1 sẽ lập tức ngừng bắn vào quân Nga, trở về với gia đình, quay súng chống lại bọn Đức. Hành động như vậy, tập đoàn quân sẽ cứu được đất nước khỏi thảm họa khó bề tránh khỏi. Tổ quốc và dân tộc đang chờ đợi Ngài và binh sĩ của Ngài».

Ba sĩ quan Hung-ga-ri — thiếu tá E-min Ga-lai, đại úy Mi-khai Đi-u-lai và thiếu úy Pan Nây-bao-e, tình nguyện đưa bức thư đó tới địa chỉ người nhận rồi quay trở về. Ngày 20 tháng Chín 1944, kế hoạch tiến hành biện pháp trên tại phương diện quân U-crai-na 4 được đồng chí đại diện của Đại bản doanh đồng ý. Hồi 6 giờ sáng ngày 24 tháng Chín 1944, trong dải của sư đoàn bộ binh 351, ba sĩ quan Hung, ga-ri cầm quốc kỳ an toàn vượt sang tới tiền duyên phòng ngự của sư đoàn bộ binh 16 của Hung-ga-ri. Tối 28 tháng Chín, đại úy Đi-u-lai trở về nơi đóng quân của bộ đội Liên Xô, Đi-u-lai mang theo bức thư của cả đoàn, nói rằng họ đã tới nơi được thuận lợi, được tiếp đón tử tế và đã trao thư tận tay người nhận. Vì các vấn đề nêu trong thư rất quan trọng, nên viên tư lệnh chưa thể trả lời ngay được, ông ta còn muốn sơ bộ liên lạc với Bu-đa-pét. Tiếp sau, bức thư nói rõ là những ngày tới đây sẽ có sự trả lời tích cực.

Cũng cần nói rằng, các cuộc đàm phán với Pha-ra-gô ở Mát-xcơ-va vào lúc này đã tiến được khá xa, mặc dù không phải không có nhiều khó khăn. Các đại biểu Hung-ga-ri chỉ được ủy nhiệm ký kết hiệp định đình chiến trong trường hợp Liên Xô thỏa thuận «cho Anh và Mỹ cùng tham gia chiếm đóng Hung-ga-ri» và «cho quân Đức được rút lui tự do».

Trong việc trả lời vấn đề này, các nước trong khối liên minh chống Hít-le kiên quyết tuyên bố rằng nền độc lập và tự quản của Hung-ga-ri chỉ có thể bảo đảm trong một điều kiện: Hung-ga-ri sẽ cắt đứt mọi quan hệ với nước Đức Hít-le, quân đội của Hung-ga-ri sẽ quay súng chống lại quân đội phát-xít Đức. Chỉ có hành động như vậy Hung-ga-ri mới có thể có những đóng góp xứng đáng vào thắng lợi chung của khối liên minh chống Hít-le trước quân thù. Ngoài ra, chính phủ Hoóc-ti phải cho rút quân đội Hung-ga-ri ra khỏi lãnh thổ các nước Ru-ma-ni, Nam Tư và Tiệp Khắc.

Rốt cuộc, phía Hung-ga-ri phải quyết định thỏa mãn tất cả những yêu cầu ấy.

Về phía mình, chính phủ Hung-ga-ri đề nghị bộ đội Liên Xô ngừng tiến công vào Bu-đa-pét, viện cớ rằng lúc này họ cần tập trung đầy đủ các lực lượng của Hung-ga-ri trong khu vực thủ đô, để chống lại các đòn đột kích có thể có của quân đội phát xít Đức ở đây. Chính phủ Liên Xô đồng ý đề nghị của Hung-ga-ri, và Bộ tổng tham mưu đã ra những chỉ thị cần thiết về vấn đề này.

Cuối thượng tuần tháng Mười, các điều kiện hòa giải sơ bộ đã được hai bên tham gia soạn thảo xong. Tin tức về quá trình đàm phán thuận lợi được gửi về Bu-đa-pét, và bộ tư lệnh tập đoàn quân Hung-ga-ri cũng nhanh chóng nắm được ngay. Thế nhưng, quân đội Hung-ga-ri vẫn tiếp tục kháng cự như trước, không thấy chúng rút khỏi các trận địa về phía sau. Bu-đa-pét cũng không thông báo gì cho chúng ta biết.

Phía Liên Xô chiếu theo điều thỏa ước với Hung-ga-ri, đã cử R. I-a. Ma-li-nốp-xki, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2, đến Xe-ghét để đàm phán về việc thực hiện các điều kiện điều đình sơ bộ với chính phủ Hung-ga-ri. Ma-li-nốp-xki hết sức ngạc nhiên khi thấy phía Hung-ga-ri chỉ cử tới Xe-ghét một đại tá và một thượng úy thực ra hoàn toàn không chuẩn bị để tiến hành đàm phán. Viên đại tá là một trưởng phòng trong Bộ tổng tham mưu Hung-ga-ri, phụ

trách các vấn đề giam giữ và vấn đề tù binh, nên không thể tiến hành đàm phán được. Y không nắm được tin tức về nơi đóng quân của quân đội Đức và Hung-ga-ri, nhưng có cho ta biết là tập đoàn quân Hung-ga-ri 1 được lệnh rút khỏi khu vực Đê-brê-xen tới vùng Mi-scôn và sau này có lẽ về Bu-đa-pét.

R. I-a. Ma-li-nốp-xki muốn tìm hiểu tại sao quân đội Hung-ga-ri không rút khỏi tuyến sông Tít-xa, nhưng y không chịu trả lời rõ ràng. Đồng chí tư lệnh nảy ra ý nghĩ «giới cầm đầu Hung-ga-ri muốn tranh thủ thời gian để rút quân đội của chúng ra khỏi cái túi ở Tơ-ran-xin-va-ni chẳng?». Đồng chí liền nói cho các đại biểu của chính phủ Hung-ga-ri biết những yêu cầu sau đây:

« 1) Phải cho rút ngay quân đội Hung-ga-ri ra khỏi sông Tít-xa về Bu-đa-pét và sử dụng một bộ phận lực lượng mở mũi đột kích vào quân Đức đang chống lại phương diện quân ở khu vực Xôn-nốc;

2) Ra lệnh ngay cho quân đội Hung-ga-ri bước vào chiến đấu chống lại quân Đức và bắt liên lạc ngay với Hồng quân;

3) Đến 8 giờ ngày 16 tháng Mười 1944, phải đem tới Xe-ghét những tin tức đầy đủ về tình hình các lực lượng của Hung-ga-ri và Đức, sau đó phải cung cấp đầy đủ tin tức các hành động quân sự và nơi đóng quân của các đơn vị trên. »

Nhận được báo cáo của R. I-a. Ma-li-nốp-xki, I. V. Xta-lin lệnh cho A. I. An-tô-nốp gửi kiến nghị cho trưởng phái đoàn quân sự Hung-ga-ri về vấn đề này và Xta-lin tự đọc văn bản kiến nghị đó. Tối 14 tháng Mười, văn bản trên được giao cho Ga-bo Pha-ra-gô. Bản kiến nghị nêu rõ:

«Đại tá U-ta-si Lô-u-ren, đại biểu của Hung-ga-ri được Bu-đa-pét cử tới Xe-ghét để đàm phán, là người hoàn toàn không am hiểu tình hình, nên không thể tiến hành đàm phán với các đại biểu của Bộ chỉ huy Liên Xô về vấn đề thực hiện các điều kiện điều đình sơ bộ của chính phủ Hung-ga-ri,

Chính phủ Hung-ga-ri đề nghị Chính phủ Liên Xô ngừng tiến công vào hướng Bu-đa-pét, để có thể cho rút một phần lực lượng của mình ra khỏi hướng này và điều về Bu-đa-pét.

Chính phủ Liên Xô thỏa mãn đề nghị đó của chính phủ Hung-ga-ri. Thế nhưng, chính phủ Hung-ga-ri không những không cho rút quân khỏi sông Tít-xa để điều về Bu-đa-pét. mà còn đẩy mạnh các hành động quân sự, nhất là ở khu vực Xôn-nốc.

Tình hình trên đây chứng minh rằng, chính phủ Hung-ga-ri không chịu thực hiện các điều kiện điều đình sơ bộ mà họ đã tiếp nhận.

Do đó, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô yêu cầu chính phủ Hung-ga-ri trong vòng 48 tiếng đồng hồ kể từ lúc nhận được kiến nghị này, phải thực hiện ngay các trách nhiệm về phần mình theo các điều kiện điều đình sơ bộ, trước hết là:

1.Cắt đứt mọi quan hệ với nước Đức và bắt đầu những hành động quân sự tích cực chống lại quân Đức.

2.Rút ngay quân đội Hung-ga-ri khỏi lãnh thổ Ru-ma-ni, Nam Tư và Tiệp Khắc.

3.Đến 8 giờ ngày 16 tháng Mười phải mang đến cho các đại biểu của Bộ chỉ huy Liên Xô tại Xe-ghét những tin tức đầy đủ về vị trí đóng quân của quân đội Đức và Hung-ga-ri, đồng thời

báo cáo cho các đại biểu của Bộ chỉ huy Liên Xô tiến trình thực hiện các điều kiện điều đình sơ bộ.

Thừa ủy quyền Bộ tổng tư lệnh tối cao quân đội Liên Xô — Phó tổng tham mưu trưởng Hồng quân, đại tướng Hồng quân An-tô-nốp. Ngày 14 tháng Mười 1944, 19 giờ 25 phút».

Ngày hôm sau, có lẽ nhận ra nếu cứ tiếp tục trì hoãn nữa thì sẽ đưa đến hậu quả không hay, nên Hoóc-ti đã ra lời kêu gọi gửi nhân dân Hung-ga-ri, trong đó nêu rõ tình trạng đất nước thực sự bị phát-xít Đức nô dịch và âm mưu thẳng tay thủ tiêu nền độc lập của Hung-ga-ri. Đồng thời, trong lời kêu gọi còn nói: «Tôi được tin đích xác rằng, các đội quân Đức đặc nhiệm mưu đồ dùng cuộc đảo chính để áp đặt chính quyền của chúng và biến đất nước Hung-ga-ri thành chiến trường phía sau của đế chế Đức».

Hoóc-ti tuyên bố quyết định bảo vệ đất nước chống lại Hít-le. «Do đó, — y viết, — tôi đã thông báo cho đại biểu của đế chế Đức ở Hung-ga-ri về việc chúng ta đã ký hiệp định đình chiến sơ bộ với đối phương của ta và Hung-ga-ri sẽ đình chỉ mọi hành động quân sự chống lại họ... Tôi đã ra các chỉ thị về những vấn đề trên cho bộ chỉ huy quân sự, vì vậy, chiếu theo lời tuyên thệ và mệnh lệnh tôi đã ban hành cho quân đội, các đơn vị có nhiệm vụ phải tuân theo những người chỉ huy tôi đã cử ra». Các chỉ thị trên gửi cho các đơn vị cùng đề ngày 15 tháng Mười 1944.

Tôi không được biết các ý định thực của Hoóc-ti, nhưng có một điều rõ ràng là y đã tổ chức việc thực hiện cắt đứt quan hệ với bọn Hít-le rất sơ sài, có thể nói là chỉ có tính chất bề ngoài. Y không tổ chức những cuộc tiếp xúc cần thiết giữa các giới chính trị và quân sự. Ngay cả những cán bộ quân sự trung thành với y cũng không được báo trước, còn các đơn vị quân đội tin cẩn của y cũng vẫn chưa rút về thủ đô.

Trong khi ấy, sư đoàn xe tăng 24 mạnh của Đức có một số lớn xe tăng kiểu «Con cọp» đang ở tại Bu-đa-pét. Lẽ đương nhiên, sư đoàn ấy mới là chủ nhân thực sự của thành phố. Vì vậy, khi Hít-le nắm được lời kêu gọi của Hoóc-ti, y liền cho áp dụng ngay các biện pháp cần thiết. Ở Bu-đa-pét xảy ra cuộc bạo động vũ trang. Tên nhiếp chính Hoóc-ti bị cách chức và tuyên bố lời kêu gọi nhân dân của y nay không còn hiệu lực nữa. Sau đó, y xin sang cư trú tại nước Đức và cùng với cả gia đình đáp chuyến tàu đặc biệt sang Đức. Xa-la-si một tên phát-xít Hung-ga-ri, đồng bọn với Hít-le, được cử ra cầm đầu nhà nước Hung-ga-ri.

«Các biện pháp chính trị ấy tiến hành ở sau lưng cụm tập đoàn quân, — G. Phrit-xne viết, — do thủ lĩnh các lực lượng cảnh sát và SS ở Bu-đa-pét thi hành theo chỉ thị trực tiếp của chính phủ Đức, được sự cộng tác của các «chuyên gia» như Xcoóc-xe-ni và Ba-khơ - Dê-lép-xki».

Quân đội Hung-ga-ri được lệnh phải kiên quyết chống lại bộ đội Liên Xô, thay cho quyết định ngừng chiến trước đây. Bộ tổng tham mưu quân đội Hung-ga-ri hoàn toàn không còn quyền chỉ đạo bộ đội tác chiến. Lúc này mọi kế hoạch và mệnh lệnh đều do bộ tham mưu Cụm tập đoàn quân «Nam» của Đức vạch ra và ban hành. Những người ủng hộ việc đình chỉ chiến sự chống lại Liên Xô và đồng minh của Liên Xô đều bị đàn áp bằng vũ lực. Chiến tranh tiếp tục hết sức khốc liệt.

Tất cả những sự biến trên đã tác động tới tư lệnh tập đoàn quân 1 của Hung-ga-ri. Ngày 16 tháng Mười, thượng tướng Be-la Mi-clốt cùng với một bộ phận cơ quan tham mưu chạy sang hàng ngũ bộ đội Liên Xô, trong dải phòng ngự của sư đoàn bộ binh 16 Hung-ga-ri do thiếu

tướng Va-sva-ri chỉ huy.

Mi-clốt tuyên bố với I. E. Pê-tơ-rốp và L. D. Me-khơ-li-xơ rằng, tương lai của Tổ quốc Hung-ga-ri đang bị đe dọa. và là một người yêu nước, ông ta không thể cam tâm để cho bọn Hít-le chiếm đóng Hung-ga-ri, cũng như không muốn để cho nhân dân Hung-ga-ri bị đổ máu vì quyền lợi của bọn chúng.

Trong một lần nói chuyện với I. E. Pê-tơ-rốp, I. V. Xta-lin có nêu ý kiến là nếu Mi-clốt ra lệnh cho tập đoàn quân của ông ta ngừng chiến với bộ đội Liên Xô và triển khai chiến đấu chống lại bọn Hít-le thì hay biết bao. Pê-tơ-rốp trao đổi vấn đề trên với Mi-clốt. Ông ta suy nghĩ: quyết định quay súng bắn lại bọn Hít-le quả không phải việc dễ. Nhưng cuối cùng, ông ta cũng đồng ý và ngày 17 tháng Mười thì trao cho I. E. Pê-tơ-rốp bản «Mệnh lệnh đình chỉ các hành động quân sự với quân đội Nga và bắt đầu chiến đấu chống lại quân đội Đức». Trong đó có nói tới những cuộc đàm phán của Ga-bo Pha-ra-gô với các chính phủ Liên Xô, Anh và Mỹ về vấn đề đình chiến nhằm «mau chóng chấm dứt cuộc chiến tranh bất hạnh này và lợi dụng được khả năng cuối cùng để bảo đảm tương lai tốt đẹp cho nhân dân, cho đất nước ta». Bản mệnh lệnh còn nói về bản dự thảo hiệp định đình chiến xác định rõ nền độc lập và tự chủ của Hung-ga-ri, hơn nữa «không một nước lớn nào được can thiệp vào công việc nội bộ của Hung-ga-ri». Tiếp đó, bản mệnh lệnh nêu rõ: «Quân đội vương quốc Hung-ga-ri hãy giữ lại vũ khí của mình, quay súng vào bọn chiếm đóng còn đang ở Hung-ga-ri và chiến đấu chống lại các đơn vị quân Đức».

Với quyền hạn của người tư lệnh, Mi-clốt ra lệnh cho quân đội Hung-ga-ri phải chấm dứt các hành động quân sự chống lại quân đội Liên Xô, chậm nhất là 6 giờ sáng ngày 19 tháng Mười, và bắt đầu từ thời gian đó sẽ cùng với Hồng quân Liên Xô chiến đấu chống bọn Hít-le. Các đơn vị đang phòng ngự được lệnh: kể từ 10 giờ cùng ngày, bắt đầu rút khỏi các trận địa của mình về các địa điểm đã định và «phải tiêu diệt tất cả những đơn vị quân Đức gặp ở dọc đường. Quân đội Nga sẽ chi viện cho chúng ta hành động. Đây là thời cơ mà vấn đề sẽ được quyết định: Tổ quốc thân yêu của chúng ta sống hay là chết. Tôi trực tiếp giao trách nhiệm lịch sử cho những ai nhận được chỉ thị này của tôi phải thực hiện mệnh lệnh nói trên».

Mười sĩ quan tù binh Hung-ga-ri mang gấp mệnh lệnh của tư lệnh tập đoàn quân 1 Hung-ga-ri, vượt qua trận tuyến sang hàng ngũ quân đội Hung-ga-ri. Đông đảo binh lính và sĩ quan quân đội Hung-ga-ri bắt đầu hoang mang. Ngày 15 tháng Mười, họ nhận được lời kêu gọi của Hoóc-ti ngừng các hành động quân sự chống bộ đội Liên Xô, nhưng sang đến ngày hôm sau, lại có lệnh khẩn cấp của bộ chỉ huy quân sự của chính phủ Xa-la-si yêu cầu dù tình huống diễn biến như thế nào cũng vẫn phải chiến đấu, và bây giờ đây lại có thêm mệnh lệnh của Mi-clốt.

Bộ tổng tham mưu kiên trì chờ đợi kết quả mệnh lệnh của Mi-clốt. Thế nhưng, mọi hy vọng đối với việc đình chiến và việc Hung-ga-ri ra khỏi chiến tranh bằng con đường hòa bình đã không đạt được. Xa-la-si đã tung hết mọi lực lượng còn lại ở trong nước ra các mặt trận. Bộ chỉ huy Hít-le tìm mọi cách giúp y. Nhằm củng cố phòng ngự thêm vững chắc, chúng cố gắng bổ sung các binh đoàn và binh đội Hung-ga-ri vào thành phần quân Đức. Một số tư lệnh sư đoàn và tư lệnh tập đoàn quân Hung-ga-ri được thay thế bằng những tên tỏ ra trung thành hơn với chế độ Hít-le. Nhiều tên sĩ quan Đức được «phái» đến các binh đoàn Hung-ga-ri để làm mật thám và giám sát ngầm về chính trị. Tình hình trên dẫn đến kết quả là phòng ngự của địch, kể cả những khu vực của các binh đoàn Hung-ga-ri, vẫn vững chắc.

Trong những ngày cuối tháng Mười, Bộ tổng tham mưu nhận được những tin tức đích xác về các biện pháp trừng phạt mà Hít-le áp dụng ở Hung-ga-ri, về sự thay thế Hoóc-ti và lệnh cho quân đội Hung-ga-ri kiên quyết chống trả bộ đội Liên Xô. Các hành động chiến đấu chứng minh rằng, quân đội Hung-ga-ri đang thực hiện mệnh lệnh của chính phủ mới của chúng.

Ngày 20 tháng Mười 1944, R. I-a. Ma-li-nốp-xki gửi thẳng lên Tổng tư lệnh tối cao bản đề nghị khẩn cấp tăng cường xe tăng cho mặt trận. Đồng chí viết: «Quân địch, có lẽ đánh giá đúng rằng phương diện quân U-crai-na 2 đang tiến ra hướng chiến dịch - chiến lược rất quan trọng, nên đã tung 8 sư đoàn xe tăng ra chiến đấu chống lại phương diện quân... Phương diện quân đang sắp bước vào những trận đánh quyết liệt. Quân địch không chịu để mất Hung-ga-ri một cách dễ dàng, vì đây là điểm yếu nhất của chúng, còn quân Hung-ga-ri vẫn tiếp tục ngoan cố chiến đấu dưới sự cầm đầu của Xa-la-si...»

Đồng chí tư lệnh còn báo cáo rằng trong những trận đánh gần đây, quân địch bị mất tới 400 xe tăng, nhưng chúng ta cũng bị thiệt hại 300 xe tăng.

Tất cả tình hình trên có nghĩa là không thể chờ đợi điều đình được nữa.

Ngày 24 tháng Mười, chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao rõ mệnh lệnh của Mi-clốt không có tác động là bao đối với quân địch và cũng trong ngày hôm đó, các phương diện quân U-crai-na 2 và 4 cũng như X. C. Ti-mô-sen-cô đều nhận được quyết định: «Vì lý do quân đội Hung-ga-ri vẫn không ngừng mọi hành động chiến đấu chống lại quân ta, vẫn tiếp tục duy trì mặt trận thống nhất với quân Đức, nên Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao ra lệnh: ở chiến trường bộ đội sẽ đánh quân Hung-ga-ri cũng như đánh quân Đức...»

Bây giờ đây, sau chiến dịch Ê-brê-xen, bộ đội của các phương diện quân trực tiếp tiến công các cánh quân phát-xít Đức và quân Hung-ga-ri đang phòng ngự tại khu vực Bu-đa-pét. Tiêu diệt được quân địch tại đây sẽ mở đường tới Viên và tạo ra các tiền đề để tổ chức các chiến dịch tiếp sau ở Tiệp Khắc và ở chính tại nước Đức.

Để tiến công ở khu vực Bu-đa-pét, chúng ta sẽ sử dụng các phương diện quân U-crai-na 4 và 2. Sau đó, sẽ tăng cường thêm phương diện quân U-crai-na 3. Với những lực lượng như vậy tưởng chừng như hơi thừa. Nhưng tình huống ở đây lại chỉ ra rằng, địch có thể điều tới đây các lực lượng dự bị lấy ở tung thâm nước Đức, ở I-ta-li-a, ở Ban-căng và cả ở phía Tây sang. Chúng tôi dự kiến quy mô các cánh quân phát-xít Đức bố trí ở đây sẽ tăng lên và Hung-ga-ri có thể sẽ trở thành chiến trường quyết liệt.

Bộ chỉ huy Hít-le và bọn Xa-la-si xây dựng ở khu vực thủ đô Hung-ga-ri các tuyến phòng thủ mạnh, thành hình nửa vòng cung rộng yểm trợ mặt phía Đông Bu-đa-pét, hai bên sườn dựa vào sông Đa-nuýp. Thành phố lớn được chuẩn bị sẽ chiến đấu trong hoàn cảnh bị vây hãm lâu dài. Bọn Hít-le tập trung ở đây các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân «Nam» và các đơn vị Hung-ga-ri, dự trữ nhiều trang bị, đạn dược, lương thực, thuốc men và những thứ khác. Chúng làm hết mọi việc nhằm kiềm chế các lực lượng Liên Xô ở đây trong một thời gian dài, không cho bộ đội Liên Xô tiến ra biên giới nước Đức và tiến sang phía Tây.

Bộ tổng tham mưu đi sâu nghiên cứu tính chất và phương pháp thực hiện các hành động sắp tới của bộ đội Liên Xô trong chiến dịch Bu-đa-pét. Thực chất các dự kiến của chúng ta là cơ động bộ đội, từ phía Bắc và phía Nam đánh vu hồi vào thành phố, chỉ để một số rất ít lực lượng

mở mũi đột kích vào chính diện. Chiến dịch đòi hỏi phải chuẩn bị tỉ mỉ và lâu dài, hơn nữa là đã đến mùa thu, có nhiều cơn mưa rào. Không quân hầu như không hoạt động. Pháo binh thường phải kéo bằng tay. Bất kể loại xe vận tải nào cũng đều bị sa lầy trên những con đường lầy lội. Cung cấp mọi thứ cần thiết trong điều kiện này cho phương diện quân rất khó khăn, việc bố trí đội hình và cơ động vu hồi lại càng khó khăn hơn.

Quân địch tìm mọi cách phá cuộc cơ động tiến quân của ta. Điều quan trọng đối với chúng là, phải hành động như thế nào để buộc ta phải tổ chức tiến công vô mặt, không những bất lợi cho chúng ta mà còn kéo theo nhiều thiệt hại, khiến chúng ta phải tiến công trong hành tiến mà không có những chuẩn bị cần thiết. Đó cũng là lô-gích của chiến tranh, khi mà hai lực lượng xung đột có những mục đích hoàn toàn đối lập nhau.

Phòng ngự quân địch yểm trợ mặt phía Đông Bu-đa-pét ở tuyến Tít-xa rất vững chắc. Ở đây có những công sự kiểu dã chiến được chuẩn bị hoàn hảo. Các lực lượng dự bị sung sức được điều tới đây. Các đơn vị quân đội của địch bị bộ đội Liên Xô đánh bật ra khỏi Da-các-pát và Tơ-ran-xin-va-ni dồn về chiếm lĩnh các trận địa tại đây. Quân địch ngoan cố bám giữ các địa hình có lợi cho phòng ngự, tổ chức các cuộc phản kích. Những trận phản kích đó diễn ra đặc biệt quyết liệt ở chỗ tiếp giáp giữa hai phương diện quân U-crai-na 4 và 2, là nơi mà tập đoàn quân 40 của tướng Ph. Ph. Giơ-ma-tren-cô và tập đoàn quân Ru-ma-ni 4 của tướng A-vra-me-xcu chỉ huy đang tổ chức tiến công. Các trận đánh diễn ra ác liệt, nhưng kết quả thu được rất ít. Các đồng chí tư lệnh và chỉ huy trưởng làm việc rất căng thẳng. Ngay như R. I-a. Ma-li-nốp-xki là một người vốn trầm tĩnh, song đôi lúc phải nổi nóng. Có lần tướng I. M. Ma-na-ga-rốp, tư lệnh tập đoàn quân 53, một người cũng rất điềm đạm, đề nghị với Ma-li-nốp-xki bổ sung xe kéo cho tập đoàn quân vì trời mưa nhiều. Tư lệnh phương diện quân liền giận dữ trả lời cộc lốc: «Lấy xe của địch ấy...»

Hy vọng có thời gian để chuẩn bị cho chiến dịch của chúng ta như vậy là không thành.

Giữa tháng Mười, Sốc-sin và I-đơn cùng các cố vấn chính trị, quân sự tới Mát-xcơ-va. Họ tiến hành hội đàm với I. V. Xta-lin, V. M. Mô-lô-tốp, A. I. An-tô-nốp. Tôi cùng các tướng lĩnh khác trong Bộ tổng tham mưu và các cán bộ của Bộ dân ủy ngoại giao được mời tham dự một số phiên họp,

A. I. An-tô-nốp được ủy nhiệm báo cáo về tình hình các mặt trận, thông thường các báo cáo đó đều do Cục tác chiến thuộc Bộ tổng tham mưu chuẩn bị. Ngoài những nhận xét chung về các chiến dịch trên mặt trận Xô - Đức, báo cáo có đề cập tới những khó khăn trong các hoạt động tiến công và nói tới các kế hoạch sau này của Bộ chỉ huy Liên Xô.

Ngay hôm trước ngày đầu đàm phán, Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu đưa xem nội dung bản báo cáo. Đồng chí nói với A. I. An-tô-nốp: «Hãy để Stê-men-cô mang đến». Tôi được lệnh lên đường tới biệt thự «gần thành phố» của I. V. Xta-lin. Chặng đường đi không xa lắm, chẳng mấy chốc đã tới con đường vòng vèo mà tôi đã quen thuộc.

Lúc này chỉ có một mình I. V. Xta-lin. Đồng chí không hỏi gì, chỉ chào và cầm báo cáo đi vào phòng làm việc. Đồng chí nhồi thuốc vào tẩu, hút, rồi khoan thai ngồi xuống ghế, đọc lướt mấy trang. Bản báo cáo được dự kiến đọc hết 25 - 30 phút, có tính cả thời gian để chứng minh một số vấn đề trên bản đồ.

Tôi ngồi gần đây với tinh thần hoàn toàn sẵn sàng, Xta-lin vừa thở nặng nhọc, vừa sửa bản báo cáo, nhưng không hỏi gì thêm.

Khi đọc đến phần cuối bản báo cáo, Tổng tư lệnh tối cao cầm bút chì đỏ chỉ vào một dòng và nói :

— Đồng chí Xtê-men-cô, về các kế hoạch của chúng ta chỗ này cần được nói mạnh hơn so với bản dự thảo báo cáo Chúng ta nói chẳng bao lâu chúng ta sẽ tiến đến biên giới nước Đức Hít-le, muốn vậy, trước hết phải diệt được quân địch ở Hung-ga-ri. Lợi ích chủ yếu của chúng ta là ở đây, ở Hung-ga-ri. Đồng chí là một trợ lý nên cần phải nắm được điều đó.

... Cuộc đàm phán với Séc-sin và I-đơn đã đi đến kết quả. Chương trình nghị sự đã thỏa thuận từ trước được thực hiện rất chính xác. Nhiều vấn đề phức tạp, kể cả vấn đề Liên Xô tham gia chiến tranh chống Nhật, đã được giải quyết. Những sự kiện ở Đông-Nam châu Âu được phân tích kỹ.

Rời Mát-xcơ-va, Séc-sin tỏ ý hài lòng về kết quả cuộc tiếp xúc đó và đã phản ứng theo cách của mình đối với đoạn bổ sung của Xta-lin vào báo cáo của An-tô-nốp về vấn đề hướng những nỗ lực chủ yếu của các Lực lượng vũ trang Liên Xô vào Hung-ga-ri. Thủ tướng Anh hy vọng quân Anh-Mỹ sớm tiến được ra Li-u-bli-a-na để vào Nam Tư.

Tất nhiên, ý kiến đó của Séc-sin đã được xem xét kỹ. Câu nói của ông ta không thể có nghĩa gì khác ngoài ý đồ muốn vượt qua Li-u-bli-a-na để tiến vào giữa châu Âu, từ phía Nam đi vòng qua dãy núi An-pơ hiểm trở, tới đất Hung-ga-ri và đất Áo trước bộ đội Liên Xô. Đó là «phương án Ban-căng» núp dưới một hình thức khác. Tổng tư lệnh tối cao liền nhận ra ngay ý đồ đó.

Cần nói rằng, ít lâu sau các nước đồng minh có kiểm tra lại những ý định của ta. Trung tướng Ga-men, đại diện của Bộ chỉ huy quân sự tối cao quân đội đồng minh trên chiến trường Địa Trung Hải, đã tới Bộ tổng tham mưu vào cuối tháng Mười. Ông ta tiếp xúc với A. I. An-tô-nốp và đề nghị nói cho ông ta biết các kế hoạch hành động sau này của bộ đội Liên Xô ở Ban-căng. Đồng thời, Ga-men còn muốn nắm được cả những tin tức về ý định của Bộ chỉ huy Quân đội giải phóng nhân dân Nam Tư, những hoạt động và lực lượng của Nam Tư ở phía Tây Bê-ô-grát.

A. I. An-tô-nốp từ chối, dứt khoát không báo cho Ga-men biết một tin gì về bộ đội Nam Tư và nói rằng: «Chúng tôi không có ý định tiến quân vào Nam Tư. Nhiệm vụ chiến đấu với quân Đức ở phía Tây Bê-ô-grát là nhiệm vụ của quân đội Nam Tư, vì vậy những tin tức ngài quan tâm, nên lấy ở chỗ nguyên soái Ti-tô thì tốt hơn».

Còn nói về các kế hoạch của Liên Xô, A. I. An-tô-nốp xác nhận tất cả những gì đã nói trong cuộc đàm phán với Séc-sin và I-đơn: «...Nhiệm vụ chủ yếu của chúng tôi là nhanh chóng rút Hung-ga-ri ra khỏi chiến tranh, nên những cố gắng chủ yếu của chúng tôi cũng sẽ hướng vào đấy».

Giống như các nước khác, trước khi tiến vào Hung-ga-ri, bộ đội Liên Xô đã phải giải quyết nhiều nhiệm vụ chính trị rất phức tạp. Trước hết, phải xác định những mối quan hệ đúng đắn và vô tư với nhân dân Hung-ga-ri. Ở đây cũng giống như ở Ru-ma-ni, yêu cầu chúng ta phải có sự phân biệt đối xử tinh tế giữa nhân dân lao động Hung-ga-ri với chính sách của các giới cầm quyền đã đẩy Hung-ga-ri vào cuộc chiến tranh tội lỗi thuộc phe cánh của nước Đức Hít-le. Bọn phát-xít ở Hung-ga-ri đe dọa nhân dân, tuyên truyền những điều bịa đặt về bộ đội Liên Xô.

Do đó, ngày 27 tháng Mười, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã thông qua một nghị quyết đặc biệt nói về phẩm chất bộ đội Liên Xô ở Hung-ga-ri, yêu cầu Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 2 cho công bố lời kêu gọi của Bộ chỉ huy Hồng quân gửi nhân dân Hung-ga-ri ở những vùng giải phóng, giải thích thực chất sứ mệnh giải phóng của các chiến sĩ Liên Xô, mục đích và nhiệm vụ các chiến dịch của bộ đội Liên Xô trên đất Hung-ga-ri. Tướng I. D. Xu-xai-cốp, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân, đã thảo ngay lời kêu gọi và phổ biến cho nhân dân Hung-ga-ri.

Lời kêu gọi nêu rõ: mục đích của Hồng quân không phải là chiếm đóng một vùng đất đai nào của Hung-ga-ri hoặc thay đổi chế độ xã hội hiện hành. Bộ đội Liên Xô tiến quân vào Hung-ga-ri là do sự cần thiết đặc biệt của chiến tranh, do quân Đức và quân Hung-ga-ri — đồng minh với nước Đức — vẫn kháng cự lại. Mục đích duy nhất của các chiến sĩ Liên Xô là tiêu diệt quân đội của nước Đức thù địch, thủ tiêu ách thống trị của nước Đức Hít-le tại các nước đang bị Hít-le nô dịch. Quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất ở Hung-ga-ri của mọi công dân không những vẫn được duy trì, mà còn được cơ quan quân quản xô-viết bảo vệ. Các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ quan tự quản dân sự địa phương vẫn tiếp tục hoạt động. Phần kết luận kêu gọi nhân dân Hung-ga-ri hợp tác với Hồng quân để sớm kết thúc cuộc chiến tranh đó.

Chỉ thị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước và lời kêu gọi của Bộ chỉ huy là những văn kiện chỉ đạo cơ bản cho các Hội đồng quân sự, các phòng chính trị và các đơn vị trong suốt cả thời kỳ chiến đấu ở Hung-ga-ri.

Tình hình đòi hỏi cuộc tiến công ở khu vực Bu-đa-pét phải triển khai nhanh hơn, phải tiến ra những tuyến có lợi cho cuộc đột kích vào trung tâm nước Đức Hít-le; ngoài ra, chiếm được thành phố sẽ có ảnh hưởng lớn tới tình hình các lực lượng chính trị ở Hung-ga-ri.

Những báo cáo lạc quan của L. D. Mê-khơ-li-xơ về tình hình tan rã và mất tinh thần đáng kể của quân đội Hung-ga-ri, là điều kiện quyết định đẩy nhanh mũi đột kích vào Bu-đa-pét. Bức điện của Mê-khơ-li-xơ gửi trực tiếp cho I. V. Xta-lin ngày 28 tháng Mười đã đổ thêm dầu vào lửa: «Chống lại phương diện quân của chúng tôi là các đơn vị của tập đoàn quân Hung-ga-ri 1 đang ở trong tình trạng tan rã và mất tinh thần. Hàng ngày, bộ đội bắt được 1.000-1.500-2.000 tù binh và hơn nữa. Ngày 25 tháng Mười 1944, tập đoàn quân 18 đã bắt được 2.500 tù binh, có cả phân đội địch nguyên vẹn ra hàng... Do các mũi tiến công vu hồi của phương diện quân, nên nhiều đơn vị quân địch tự nhiên tan vỡ, từng toán địch lang thang trong rừng, có toán mang theo vũ khí, toán không mang theo vũ khí, một số trà trộn vào nhân dân... ».

Bằng những báo cáo của mình, Mê-khơ-li-xơ đã nung nấu trí tưởng tượng của I. V. Xta-lin. Xta-lin hỏi Bộ tổng tham mưu nên tiến công vào Bu-đa-pét như thế nào cho tốt, để sớm chiếm được thành phố. Không nghi ngại gì, chúng tôi trả lời rằng sử dụng căn cứ bàn đạp rộng lớn mới chiếm được ở bên sườn trái phương diện quân U-crai-na 2, giữa hai con sông Tít-xa và Đa-nuýp, là tốt hơn hết. Ở đây, chúng ta không phải vượt sông, địch lại bố trí lực lượng ít hơn những hướng khác. Ngoài ra, lực lượng tập đoàn quân 46 mới điều tới đây còn sung sức. Sau khi đột phá, tập đoàn quân có thể quặt lên phía Bắc tuyến phòng thủ của địch ở bên kia sông Tít-xa, góp phần chi viện cho mũi đột kích trực tiếp của tập đoàn quân cận vệ 7 của Su-mi-lốp và tập đoàn quân Ru-ma-ni 1 từ phía Đông đánh vào Bu-đa-pét.

I. V. Xta-lin suy nghĩ về những ý kiến của Bộ tổng tham mưu, nói chuyện bằng điện thoại với

R. I-a. Ma-li-nốp-xki và yêu cầu phương diện quân U-crai-na 2 phải đánh chiếm ngay Bu-đa-pét. Ngay cả A. I. An-tô-nốp, trong lúc báo cáo trung thực tình hình cũng không sao chứng minh nổi cho Tổng tư lệnh tối cao biết rằng, các báo cáo của L. D. Me-khơ-li-xơ là không phù hợp với tình hình thực tế ở khu vực Bu-đa-pét.

Tôi nhắc lại tình tiết này, vì các sách báo của ta nhiều lần hay nói về phương diện quân U-crai-na 2 khi tổ chức tiến công vào Bu-đa-pét ngày 29 tháng Mười 1944 đã không chuẩn bị và tập trung lực lượng được đầy đủ. R. I-a. Ma-li-nốp-xki viết bài đầu tiên nói về tình hình trên, vì đồng chí trực tiếp nhận lệnh của I. V. Xta-lin là phải đánh chiếm lấy thủ đô Hung-ga-ri trong thời gian ngắn nhất «gần như tính từng ngày một». Đồng chí tư lệnh đề nghị cho phép lui lại 5 ngày để hoàn thành các nhiệm vụ, nhưng mệnh lệnh yêu cầu đồng chí: «Ngày mai phải chuyển ngay sang tiến công vào Bu-đa-pét».

Chúng tôi khẳng định mệnh lệnh nói miệng kể trên của Tổng tư lệnh tối cao bằng quyết định của Đại bản doanh lúc 22 giờ ngày 28 tháng Mười 1944.

14 giờ ngày hôm sau, tập đoàn quân 46 của tướng I. T. Sle-min được tăng cường quân đoàn cơ giới cận vệ 2 bắt đầu tiến công. Tiếp sau, nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô báo cáo về Đại bản doanh: quân địch tổ chức phản kích, kháng cự lại rất mạnh, khiến tập đoàn quân trong một ngày chiến đấu chỉ có thể tiến được 4-6 ki-lô-mét. R. I-a. Ma-li-nốp-xki đã làm hết sức mình để bộ đội đánh thắng. Đồng chí điều quân đoàn cơ giới cận vệ 4 của phương diện quân U-crai-na 3 sang phối thuộc tăng cường ngay cho khu vực tác chiến.

Bốn ngày sau, cuộc tiến công của tập đoàn quân 46 được đẩy mạnh hơn lên ít nhiều vì tập đoàn quân cận vệ của M. X. Su-mi-lốp và tập đoàn quân 1 của Ru-ma-ni đã được điều đến tham chiến. Nguyên soái Liên Xô X. C. Ti-mô-sen-cô, đại diện của Đại bản doanh, và nguyên soái không quân G. A. Va-rô-giây-kin đã giúp đỡ rất nhiều cho bộ tư lệnh phương diện quân và các tập đoàn quân. Các đồng chí đã khôn khéo sử dụng đại bộ phận máy bay tập trung hoạt động trong dải của tập đoàn quân 46 giữ vai chính lúc đó. Không quân của ta tập kích vào đội hình chiến đấu của địch, chế áp các hỏa điểm ở phía trước các đơn vị đang cơ động. Những máy bay có ngôi sao đỏ được sử dụng tập trung, và quân địch không kịp tổ chức chống đỡ lại. Đến hết ngày 3 tháng Mười một, các quân đoàn cơ giới cận vệ 4 và 2 của V. I. Giơ-đa-nốp và C. V. Xvi-ri-đốp bước vào chiến đấu đang ở cách Bu-đa-pét 10 -15 ki-lô-mét về phía Nam và Đông-Nam.

Cuộc tiến quân của bộ đội Liên Xô đến đây thì kết thúc. Như trình sát báo cáo cho biết, quân địch đã lợi dụng việc tạm thời hoãn ngày mở chiến dịch của phương diện quân U-crai-na 4 ở phía Tây U-giơ-gô-rốt và ở Chóp để điều động 3 sư đoàn xe tăng tới chiến đấu tại dải tiến công của tập đoàn quân 46. Chẳng bao lâu chúng ta đã cảm thấy điều đó: bộ đội Liên Xô tiến công trên một chính diện tương đối hẹp ở bên kia sông Tít-xa đã bị địch đánh trả quyết liệt. Các mũi đội kích của ta vẫn mở ra, song không thu được kết quả. Chúng ta được biết là lực lượng quân địch phòng ngự tại đây tăng lên gấp đôi và không ai dám chắc rằng lực lượng của chúng không phải không còn tăng thêm hơn nữa; vì rằng khu vực thủ đô Hung-ga-ri chưa bị cắt đứt liên lạc với các vùng trong nước và các khu vực khác của mặt trận, nên cho phép địch có thể điều các lực lượng dự bị của chúng tới đây.

Như vậy là tình hình không thuận lợi cho chúng ta. Dải tiến công tương đối hẹp của bộ đội Liên Xô tạo điều kiện cho địch chống trả lại có kết quả và hình thái chiến tuyến của ta cho phép

chúng trong những điều kiện nhất định, có thể tổ chức phản kích vào đội hình chiến đấu của các quân đoàn cơ giới và các đơn vị của tập đoàn quân 46 đang tiến về Bu-đa-pét. Tình hình đó đe dọa sẽ phá tan các biện pháp của ta, gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho bộ đội.

Bộ tổng tham mưu suy nghĩ. Tổng tư lệnh tối cao trực tiếp quyết định đánh vào bên kia sông Tít-xa, nên không ai có thể thay đổi hoặc bác bỏ được quyết định đó. Nhưng, cần phải cứu vãn tình hình.

Chúng tôi tìm ra lối thoát trước hết ở chỗ cho mở rộng chính diện và nâng cao tính tích cực tiến công của bộ đội của R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Nếu như theo quyết định của I. V. Xta-lin, cuộc tiến công phát triển chủ yếu dựa vào tập đoàn quân 46 ở bên sườn trái của phương diện quân, thì bây giờ đây, theo ý kiến của Bộ tổng tham mưu, cả các đơn vị ở giữa phương diện quân cũng phải tăng sức ép đối với địch và tiến hành đột phá vào tuyến phòng thủ của địch. Bộ tổng tham mưu cho rằng, tổ chức phòng ngự của địch trên một chính diện rộng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn là chính diện hẹp, như vậy là vẫn bám chắc thực chất quyết tâm của Tổng tư lệnh tối cao. Ngoài ra, chính diện tiến công rộng sẽ mở ra triển vọng đánh chiếm Bu-đa-pét không phải chỉ có các lực lượng ở bên sườn trái của phương diện quân (tập đoàn quân 46) đánh từ phía Tây-Nam theo ý định trước đây, mà còn có cả các lực lượng ở giữa—from phía Đông và Đông - Bắc đánh vào. Hai mũi đánh vu hồi vào thành phố trong tình huống lúc đó sẽ có hiệu lực hơn. Tăng sức ép ở giữa dải tiến công của phương diện quân U-crai-na 2 còn giúp cho các tập đoàn quân của I. E. Pê-tơ-rốp vượt qua được điểm nút ở Chốp và cải thiện được các điều kiện để tiến lên phía trước.

R. I-a. Ma-li-nốp-xki đồng ý với đề nghị của Bộ tổng tham mưu—những đề nghị ấy phù hợp với ý định của đồng chí — và nói rằng: Hội đồng quân sự phương diện quân sẽ ủng hộ chúng tôi trước Tổng tư lệnh tối cao.

Ngày 4 tháng Mười một, Bộ tổng tham mưu báo cáo những ý kiến của mình với Đại bản doanh. Khi báo cáo, chúng tôi còn dựa cả vào những đề nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 2 mới gửi đến Mát-xcơ-va.

I. V. Xta-lin chấp thuận những ý kiến đó. Đồng chí hạ lệnh ra chỉ thị và đẩy mạnh tốc độ thực hiện các biện pháp đánh vu hồi Bu-đa-pét. Trong chỉ thị có nói: «...Cuộc tiến công vào Bu-đa-pét trên một chính diện hẹp chỉ bằng các lực lượng của hai quân đoàn cơ giới và một số đơn vị bộ binh thì có thể mang lại những thiệt hại không hợp lý và khiến cho các đơn vị đang tác chiến ở hướng này có thể bị địch phản kích từ phía Đông-Bắc vào bên sườn».

Vì cuộc tiến công của các tập đoàn quân 53 và 27 cũng như của các cụm kỵ binh - cơ giới của Pli-ép và Goóc-scốp đã được bộ tư lệnh phương diện quân quy định mãi đến ngày 10 tháng Mười một mới bắt đầu, nên Đại bản doanh ra lệnh: «Nhanh chóng tung ngay cánh phải của phương diện quân (tập đoàn quân cận vệ 7, các tập đoàn quân 53, 27 và 40) sang bờ phía Tây sông Tít-xa để mở rộng chính diện tiến công, dùng cánh phải của phương diện quân đột kích từ phía Bắc và Đông-Bắc, hiệp đồng với cánh trái của phương diện quân (tập đoàn quân 46, quân đoàn cơ giới cận vệ 2 và 4) từ phía Nam tiêu diệt cụm quân địch ở Bu-đa-pét».

Cụm kỵ binh-cơ giới của Pli-ép được lệnh trước ngày 7 tháng Mười một phải đột kích từ khu vực Xôn-nốc lên phía Bắc, phá tan tuyến phòng thủ của địch ở Tít-xa, tạo điều kiện cho cánh phải của phương diện quân tiến ra phía bên kia sông Tít-xa. Mặc dầu Pli-ép không có bộ binh,

song V. Xta-lin vẫn giao cho bộ đội của đồng chí phải đảm đương nhiệm vụ trên, vì lúc này không còn có lực lượng dự bị nào khác.

Những trận đánh ác liệt lại bùng nổ ở Bu-đa-pét. Bộ đội chiến đấu rất dũng cảm, nhưng vẫn không sao giành được những kết quả quyết định. Có tình huống này không phải chỉ vì phòng ngự của địch mạnh, mà còn do một số tư lệnh binh đoàn sau khi đánh thắng địch ở Ru-ma-ni đã nảy sinh ra tư tưởng có thể nói là say sưa với thắng lợi.

Nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô, đại diện của Đại bản doanh, bám sát các đơn vị, ngày 24 tháng Mười một 1944 đồng chí đã báo cáo về Đại bản doanh như sau:

«Phương diện quân U-crai-na 2 là một trong những phương diện quân mạnh, có nhiều lực lượng để đánh tan quân địch, nhưng cho đến những ngày gần đây, vẫn chưa giành được thắng lợi.

Tôi cho rằng những nguyên nhân chủ yếu làm cho hành động kém kết quả là:

1. Với ưu thế tương đối về binh lực, bộ tư lệnh phương diện quân muốn tiêu diệt cụm quân địch ngay trên mấy hướng (Mi-scôn, Ê-ghe, Khát-van).

2. Xu hướng muốn đánh địch trên tất cả các hướng làm cho lực lượng bị phân tán và không tạo nên ưu thế cần thiết. Ví dụ, cánh quân chủ yếu của phương diện quân (các tập đoàn quân 27, 53 và cận vệ 7) có 24 sư đoàn bộ binh, 3 quân đoàn cơ giới và 1 quân đoàn xe tăng, 2 quân đoàn kỵ binh, bố trí như sau:

a) Hướng Mi-scôn: tập đoàn quân 27 với biên chế có 8 sư đoàn bộ binh trên một chính diện rộng 50 ki-lô-mét;

b) Hướng Ê-ghe: tập đoàn quân 53 với biên chế có 7 sư đoàn bộ binh trên một chính diện rộng 45 ki-lô-mét;

c) Hướng Khát-van: tập đoàn quân cận vệ 7 với biên chế có 9 sư đoàn bộ binh trên một chính diện rộng 55 ki-lô-mét, 3 quân đoàn cơ giới, 1 quân đoàn xe tăng và 2 quân đoàn kỵ binh cũng hoạt động trên hướng này.

Như vậy là các binh đoàn bộ binh, tính theo các tập đoàn quân và theo hướng, được phân bố đồng đều nhau; chỉ có tập đoàn quân cận vệ 7 tương đối ưu thế hơn về binh lực vì cụm quân của Pli-ép, các quân đoàn cơ giới 2 và 4 hành động ở trong dải này, nhưng cả Pli-ép lẫn các quân đoàn cơ giới đều đã bị tiêu hao trong các trận đánh trước đây, cho nên trên chính diện của Su-mi-lốp lại không chiếm được ưu thế về binh lực. Ngoài ra, các cụm quân cơ động nói trên, khi đột phá tuyến phòng thủ vững chắc của địch lại hành động phân tán, không đủ pháo binh chi viện và không hiệp đồng được với bộ binh.

3. Các cán bộ chỉ huy binh đoàn và các cơ quan tham mưu của họ có phần nào chủ quan với thắng lợi trước đây ở Ru-ma-ni và ở Tơ-ran-xin-va-ni, nên không bảo đảm tổ chức hiệp đồng vững chắc giữa các binh chủng.

Do đó, tôi thấy cần phải yêu cầu bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2:

l) Xem xét lại quyết định trước đây để xây dựng cánh quân có ưu thế tuyệt đối hơn địch trên hai hướng:

a) Khát-van — Ba-la-sát-đi-a-rơ-mát, được coi là hướng chủ yếu;

b) Mi-scôn, được coi là hướng phụ...»

Đại bản doanh đồng ý với ý kiến của đồng chí đại diện của mình và ngày 26 tháng Mười một đã yêu cầu tư lệnh phương diện quân phải xây dựng trên hướng chủ yếu ưu thế lực lượng quyết định hơn địch, tập trung ở đây các sư đoàn pháo binh đột phá và các binh đoàn xe tăng. Hướng hoạt động chủ yếu của phương diện quân nằm trong dải tiến công của tập đoàn quân cận vệ 7, đánh vu hồi mặt phía Bắc vào Bu-đa-pét.

Đại bản doanh ra lệnh:

«1. Để bảo đảm cho thắng lợi của cuộc tiến công mà các đồng chí dự định, trên khu vực tập đoàn quân cận vệ 7 của Su-mi-lốp phải tập trung ít nhất là 2 sư đoàn pháo binh để đột phá.

2. Đưa tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 của Cráp-tren-cô tham gia tiến công vào khu vực của Su-mi-lốp. Để tăng cường cho tập đoàn quân 46, chỉ được điều một quân đoàn cơ giới (không được lấy hai) ở khu vực của tập đoàn quân cận vệ 7.

3. Sử dụng cụm quân của Pli-ép để phát triển tiến công theo sau tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6.

4. Tăng mật độ đội hình chiến đấu bộ binh của tập đoàn quân cận vệ 7 bằng cách mở rộng dải tiến công của tập đoàn quân 53 ở phía Tây-Nam... »

Phương diện quân được lệnh phải bắt đầu tổ chức tiến công trước ngày 2-3 tháng Chạp 1944.

Lần này, các chiến dịch của phương diện quân U-crai-na 2 ở Bu-đa-pét phải được tiến hành cùng với phương diện quân U-crai-na 3 của Ph. I. Tôn-bu-khin. Tôi xin phép nhắc lại rằng, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 trong tháng Mười đã hoàn thành những nhiệm vụ giải phóng chủ yếu ở Nam Tư, giờ đây được sử dụng ở Hung-ga-ri. Hồi đầu tháng Mười một, Bộ tổng tham mưu thấy cần phải sử dụng phương diện quân này để tiêu diệt quân địch ở miền Tây Hung-ga-ri, rồi tiếp sau có thể tiến công cùng với bộ đội của R. I-a. Ma-li-nốp-xki trên hướng Viên.

Một số đồng chí tư lệnh, trong đó có Ph. I. Tôn-bu-khin, về Mát-xcơ-va dự lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười. Giống như mọi lần, trước khi báo cáo tình hình lên Đại bản doanh và đề nghị sử dụng bộ đội của phương diện quân, đồng chí tư lệnh thường trao đổi ý kiến với Bộ tổng tham mưu. Các đồng chí đã trao đổi ý kiến với nhau về ý đồ hành động chung của bộ đội Liên Xô trong khu vực Bu-đa-pét, về việc điều động phương diện quân đánh vào Hung-ga-ri và những nhiệm vụ tiếp sau của phương diện quân. A. M. Va-xi-lép-xki, A. I. An-tô-nốp và Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu chủ trương dùng lực lượng của hai phương diện quân bao vây rồi tiếp sau tiêu diệt quân địch ở khu vực Bu-đa-pét. Nguyên soái Tôn-bu-khin cương quyết ủng hộ những ý kiến của Bộ tổng tham mưu. Đại bản doanh cũng đồng ý với chúng tôi. Nhưng Ph. I. Tôn-bu-khin đề nghị bây giờ chưa nên ra chỉ thị ngay cho phương diện quân vì đồng chí muốn phân tích tình hình tại chỗ trước đã.

Trong dải của phương diện quân của Ph. I. Tôn-bu-khin có những tin tức quan trọng. Ngày 7-9 tháng Mười một, bộ đội của tập đoàn quân 57 do M. N. Sa-rô-khin làm tư lệnh, đã tổ chức tiến công vượt sông Đa-nuýp bằng các phương tiện thô sơ ở các khu vực Ba-ti-na và A-pa-tin. Cả hai bàn đạp này được nhanh chóng mở rộng và qua hai tuần lễ chiến đấu đã hợp nhất được

với nhau. Tập đoàn quân cận vệ 4 của tướng I. V. Ga-la-nin trụ lại tại bàn đạp này ở bên phải tập đoàn quân 57. Như vậy là phương diện quân U-crai-na 3 hướng tới sẽ tiến ra Đa-nuýp.

Do đó, ngày 10 tháng Chạp, Ph. I. Tôn-bu-khin báo cáo rằng, rút phương diện quân của đồng chí đánh vào miền Tây Hung-ga-ri là không nên, mà nên sử dụng nó để bao vây và tiêu diệt cánh quân địch ở Bu-đa-pét. «Trước tình hình đó, — nguyên soái nhấn mạnh, — tôi cho rằng phương diện quân sẽ đột kích vào hướng Bắc tới Cô-mác-nô, một bộ phận lực lượng tới Đì-ê-rơ là hợp lý. Mũi đột kích đó có thể phối hợp với cánh trái của phương diện quân U-crai-na 2 chia cắt cánh quân địch và tiêu diệt chúng từng bộ phận một, tiến ra vùng châu thổ sông Đa-nuýp để tiếp tục tiến công vào Viên». Đồng chí đề nghị tập đoàn quân 46 sẽ thuộc biên chế của phương diện quân U-crai-na 3, vì tập đoàn quân này đã tiến công vượt sông Đa-nuýp ở phía Đông-Nam Bu-đa-pét và bàn đạp tập đoàn quân chiếm lĩnh được ở bên bờ phía Tây sông, có thể dùng làm khu vực xuất phát tốt cho bộ đội của phương diện quân trong chiến dịch sắp tới.

Các trận đánh ác liệt diễn ra ở Bu-đa-pét trong suốt nửa đầu tháng Chạp. Bộ đội đã hoàn thiện được các tuyến xuất phát của mình, các cơ quan tham mưu của cả hai phương diện quân đều nghiên cứu kế hoạch các chiến dịch sắp tới nhằm bao vây quân địch. Ngày 15 tháng Chạp, phương diện quân U-crai-na 3, rồi hai ngày sau, phương diện quân U-crai-na 2 đã báo cáo các kế hoạch chiến dịch lên Đại bản doanh. Kế hoạch được phê chuẩn nhưng trên ra lệnh cho phương diện quân U-crai-na 3 không được để bộ đội hút vào hướng Viên.

Theo kế hoạch, các phương diện quân dùng các lực lượng chủ yếu bao vây Bu-đa-pét, tổ chức đánh vu hồi như sau: bộ đội của R. I-a. Ma-li-nốp-xki đánh mặt phía Bắc, bộ đội của Ph. I. Tôn-bu-khin đánh mặt phía Tây-Nam. Các phương diện quân siết chặt vòng vây ở Đa-nuýp trong khu vực E-xtéc-gôm, Ne-xmây. Quân đoàn bộ binh 30 của tập đoàn quân cận vệ 7, quân đoàn Ru-ma-ni 7 và quân đoàn bộ binh cận vệ độc lập 18 tiến công trực tiếp vào Bu-đa-pét. Các phương diện quân được lệnh tổ chức vòng ngoài bao vây để chặn đứng âm mưu địch phá vây cho Bu-đa-pét. Cuộc tiến công được ấn định bắt đầu vào ngày 20 tháng Chạp 1944.

Bộ tổng tham mưu đặc biệt chú ý đến việc bảo đảm pháo binh cho chiến dịch sắp tới. Sở dĩ có yêu cầu đó trước hết là do tính chất phòng ngự có tổ chức của địch — các trận địa phòng ngự của chúng có nhiều hỏa điểm được che khuất, nếu không có mật độ hỏa lực pháo binh cao thì không đột phá nó được. Ngoài ra, trong biên chế của cánh quân địch có nhiều xe tăng. Theo tin tức của trinh sát lúc bấy giờ thì ở phía trước bộ đội của Ph. I. Tôn-bu-khin có 5 sư đoàn xe tăng (3 sư đoàn Đức, 2 sư đoàn Hung-ga-ri) và 1 sư đoàn cơ giới. Đối diện với phương diện quân của R. I-a. Ma-li-nốp-xki cũng có các sư đoàn xe tăng của địch. Ở đây, theo tính toán của chúng ta hồi ấy, địch có 4 sư đoàn xe tăng và 3 sư đoàn mô-tô cơ giới. Các phương tiện chống tăng chủ yếu của chúng ta vẫn là pháo binh.

Còn nói về Bu-đa-pét, Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu tổ chức mật độ pháo binh cao hơn nữa. Khu vực đột phá trong dải của tập đoàn quân cận vệ 7 tiến công trên hướng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 2 có 224 khẩu pháo trên một ki-lô-mét chính diện, còn trên hướng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 3, mật độ pháo binh trung bình là 170 nòng súng trên một ki-lô-mét chính diện.

Ngày 20 tháng Chạp 1944, cả hai phương diện quân đều chuyển sang tiến công.

Trong quyển một hồi ký, tôi đã viết về sai lầm của bộ chỉ huy Hít-le. Bắt đầu chiến cục mùa hè năm 1944, chúng cho rằng hướng đột kích chủ yếu của Hồng quân sẽ đánh vào phía Tây-Nam. Có lẽ bây giờ đây, khi đứng trước ngưỡng cửa của năm 1945, bọn Hít-le vẫn mắc phải sai lầm ấy, thêm nữa, bộ đội Liên Xô đang phòng ngự ở hướng Tây. Vì vậy, quân địch đã tăng nhiều quân và xe tăng ở vùng bao vây bên ngoài Bu-đa-pét. Rõ ràng, bọn chúng trông chờ vào các hình thức tác chiến cơ động, không định bỏ lại các khu vực phía Tây Hung-ga-ri và nuôi ý đồ giải vây cho các đơn vị của chúng đang bị hãm trong lòng chảo. Chúng trù tính sẽ mở những đòn phản kích mạnh. Tiến công sang ngày hôm sau, ngày 21 tháng Chạp, thì bộ đội Liên Xô ở dải hoạt động của tập đoàn quân cận vệ 7 do tướng M. X. Su-mi-lốp chỉ huy và của các chiến sĩ xe tăng do A. G. Cráp-tsen-cô chỉ huy tại các khu vực Nem-xe, Xa-ca-lô-sơ, Sa-khơ-tư vấp phải những đòn phản kích đó. Quân địch ra sức chia cắt và tiêu diệt bộ đội Liên Xô ở đây, nhưng rồi chính bản thân chúng lại bị ăn đòn ở bên sườn cũng như ở phía sau lưng và bị đẩy lùi cùng với những thiệt hại nặng.

Trong dải tiến công của phương diện quân U-crai-na 3 quân địch dựa vào phòng tuyến vững chắc «Mác-ga-ri-ta» cũng chuẩn bị phản kích, nhưng chúng đã tính nhầm thời gian và mọi ý định của chúng bị phá vỡ khi chúng đang tập trung các lực lượng của cánh quân phản kích. Hai tấm bản đồ của sư đoàn xe tăng 2 Đức do phương diện quân U-crai-na 3 thu được ngày 22 tháng Chạp năm 1944 ở khu vực Xe-két-phe-khéc-va-rơ đã chứng minh cho nhận định trên. Hai tấm bản đồ đó đã cung cấp cho bộ tham mưu giàu kinh nghiệm nhiều điều bổ ích. Ph. I. Tôn-bu-khin hồi đó báo cáo về Bộ tổng tham mưu: «Tấm bản đồ thứ nhất đánh dấu nhiều vùng dân cư lớn trong phạm vi đất đai của ta ở phía Đông-Nam hồ Ba-la-tông. Tấm bản đồ thứ hai chỉ rõ vị trí bố trí của các cơ quan tham mưu quân đoàn xe tăng 3 và 57, các cơ quan tham mưu và các binh đội của các sư đoàn xe tăng 1, 3, 6 và 23 thuộc trung đoàn xe tăng 130 của lực lượng dự bị của Bộ tổng tư lệnh. Tình hình đó chứng minh một cách rõ ràng rằng, quân Đức đã chuẩn bị hành động tích cực ở phía Đông hồ Ba-la-tông». Sau này chúng ta lại biết là, ở đây còn có cả sư đoàn xe tăng 8 và các tiểu đoàn xe tăng độc lập.

Bộ tổng tham mưu đồng ý với ý kiến của Hội đồng quân sự phương diện quân. Chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Đồng chí chỉ thị thông báo cho phương diện quân phải hết sức cảnh giác và thường xuyên sẵn sàng đánh bại các biện pháp chống trả của địch. Quả vậy, quân phát-xít Đức và quân của Xa-la-si đã chuyển sang phản công nhiều lần trong một ngày. Những trận đánh diễn ra ác liệt, bộ đội Liên Xô phá vỡ được tuyến phòng thủ của địch, song phải đổ nhiều máu. Qua 6 ngày chiến đấu liên tục, các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 đã gặp nhau ở sông Đa-nuýp trong khu vực E-xtéc-gôm và vây chặt Bu-đa-pét. Gần 190.000 binh lính và sĩ quan địch bị nhốt trong vòng vây. Đồng thời khi đó cũng hình thành xong vòng vây bên ngoài, như chúng ta sẽ thấy, là rất cần thiết.

Tuy nhiên, các sự kiện chủ yếu vẫn còn ở phía trước các mũi đột kích của bộ đội Liên Xô vào Bu-đa-pét đã bị quân địch đẩy lùi. Địch tiếp tục hoàn thiện tuyến phòng thủ của chúng ở ngay trong thành phố và ở những vùng phụ cận. Ở đây, đến ngày 1 tháng Giêng 1945, địch đã tập trung 13 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn mô-tô cơ giới và 1 lữ đoàn. Theo lời của chính bọn địch thì như vậy mật độ xe tăng ở mặt trận phía Đông dày đặc chưa từng có. Các biện pháp trên tiến hành dưới sự chỉ huy của tướng Ve-le, tư lệnh mới của Cụm tập đoàn quân «Nam» thay thế tướng Phrít-xe bị cách chức.

Lúc bấy giờ không phải chỉ có hai cánh quân mạnh của hai bên đối địch xung đột ở vùng Bu-đa-pét. Quân địch đã biến thủ đô đẹp đẽ của Hung-ga-ri thành trận địa phòng ngự, không đếm xỉa gì đến các giá trị lịch sử của thành phố, các công trình văn hóa và nghệ thuật phong phú, không tính đến xương máu của nhân dân. Bộ chỉ huy Liên Xô muốn tránh cho nhân dân Hung-ga-ri khỏi bị đổ máu không cần thiết và bảo vệ cho nhân dân Hung-ga-ri tất cả những gì đã được sáng tạo nên trước đây bởi những bàn tay khéo léo của những người thợ cả danh tiếng. Ngày 29 tháng Chạp, bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 và bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 gửi tối hậu thư cho quân địch đang bị bao vây ở Bu-đa-pét, đề ra những điều kiện đầu hàng nhân đạo, ví dụ, các tướng lĩnh, sĩ quan và binh lính Hung-ga-ri được bảo đảm nhanh chóng trở về với gia đình. Nhưng đại úy M. Xtây-mét, người đại diện của phương diện quân U-crai-na 2 đi đàm phán với đối phương đã bị quân địch bắn chết, còn đại úy I. A. Ô-xta-pen-cô, người đại diện của phương diện quân U-crai-na 3 cũng bị đối phương từ chối không nhận đầu hàng, rồi lúc quay trở về đã bị quân địch bắn vào lưng. Những người đại diện của Liên Xô được cử đi đàm phán với đối phương, để cứu thoát hàng vạn con người đang bị bao vây trong thành phố, bảo vệ các công trình văn hóa của đất nước Hung-ga-ri, đã bị quân thù bắn chết một cách dễ dàng như vậy.

Đêm 1 rạng ngày 2 tháng Giêng 1945, bộ chỉ huy Hít-le bắt đầu hành động tích cực chống lại bộ đội Liên Xô ở vòng vây bên ngoài Bu-đa-pét. Các chiến sĩ Liên Xô đã đánh lui các đòn phản kích điên cuồng của các sư đoàn xe tăng Đức muốn giải thoát cho cánh quân địch đang bị bao vây ở Bu-đa-pét suốt gần một tháng trời (cho tới ngày 26 tháng Giêng). Các trận đánh diễn ra hết sức ác liệt, song các chiến sĩ Liên Xô vẫn đứng vững. Sức mạnh, lòng quả cảm và ý chí kiên cường của người chiến sĩ xô-viết bảo đảm sự đập tan ý định của bộ chỉ huy Hít-le. Trong những ngày này, các đồng chí tư lệnh, chỉ huy và tham mưu của Liên Xô đã tỏ rõ trình độ nghệ thuật quân sự cao. Họ buộc quân địch phải thất bại, mặc dầu phương diện quân U-crai-na 3 có lúc đã lâm vào tình thế nguy hiểm. Ví dụ, ngày 20 tháng Giêng, xe tăng địch đã vọt ra tới sông Đa-nuýp ở khu vực Đu-na-pen-te-le, và chia cắt được bộ đội của phương diện quân trong một thời gian. Các trung đoàn pháo tự hành được điều động từ phía Bắc và phía Nam tới khu vực trên, tổ chức mũi đột kích đón gập và đã thủ tiêu được mỗi nguy cơ đó.

Khi xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của việc ra đời nước Hung-ga-ri mới, thì đồng thời cũng là ngày tận số của cụm quân địch bị bao vây ở Bu-đa-pét. Ví dụ, Bộ tổng tham mưu Hồng quân nắm được những hoạt động của các đội du kích Hung-ga-ri ở các vùng trong nước, nhất là ở các vùng mỏ. Bộ tổng tham mưu không cường điệu ý nghĩa quân sự của các hoạt động ấy, nhưng đồng thời đã hiểu rõ ảnh hưởng to lớn của các hoạt động đó đối với nhân dân. Các đội du kích đó đã chứng tỏ rằng trong nhân dân đang nung nấu âm mưu căm phẫn đối với chế độ Hít-le. Cố nhiên, điều đáng chú ý nhất là Đảng cộng sản Hung-ga-ri là người chủ động hô hào và cổ vũ cuộc đấu tranh nhằm khôi phục nền độc lập dân tộc của đất nước trên những cơ sở dân chủ. Chúng tôi được biết rằng, ngay từ mùa hè năm 1944, theo sáng kiến của các đảng viên cộng sản Hung-ga-ri, cơ quan thống nhất trung ương của phong trào Kháng chiến — «Mặt trận Hung-ga-ri» — đã được thành lập. Tháng Chín năm ấy, Đảng cộng sản ra lời kêu gọi gửi nhân dân Hung-ga-ri về sứ mệnh giải phóng của các chiến sĩ xô-viết. Đảng cộng sản kêu gọi nhân dân nổi dậy cùng chiến đấu với Liên Xô đánh đuổi bọn đế quốc Đức và đập tan chế độ phản động ở Hung-ga-ri, đấu tranh cho hòa bình và cho nước Hung-ga-ri độc lập, tự do, dân chủ.

Tháng Mười một 1944, ủy ban giải phóng dân tộc Hung-ga-ri được thành lập và bắt đầu chuẩn bị cuộc khởi nghĩa ở Bu-đa-pét. Dưới sự chỉ đạo của ủy ban quân sự do Đảng cộng sản thành lập, các đội du kích ở Uy-pe-stơ, Kít-pe-stơ và ở các khu khác tại Bu-đa-pét đã đánh mình thắng lợi các đoàn tàu chở hàng quân sự, tiêu diệt bọn sĩ quan và binh lính quốc xã, phá hoại các đường sắt. Ngày 1 tháng Chạp 1944, rạp hát thành phố Bu-đa-pét, nơi bọn phát-xít Hung-ga-ri đang hội họp, bị nổ tung. Chúng tôi còn biết nhiều trường hợp nhân dân Hung-ga-ri đã quên mình cứu sống các chiến sĩ Liên Xô...

Khóa họp của Quốc hội lâm thời Hung-ga-ri ở vùng giải phóng Ê-brê-xen là cái mốc lớn trong lịch sử của một quốc gia bị tàn phá đã được khôi phục. Đó là kết quả hoạt động của Đảng cộng sản Hung-ga-ri. Đảng ra sức tập hợp các lực lượng dân chủ trong nước trên cơ sở «Cương lĩnh khôi phục nền dân chủ và phát triển Hung-ga-ri», do đảng vạch ra. Quốc hội họp từ ngày 21-22 tháng Chạp 1944, thành lập Chính phủ dân tộc lâm thời do thượng tướng Be-la Mi-clốt đứng đầu.

Thành phần chính phủ phản ánh tất cả những mâu thuẫn trong nước, gồm có các đại biểu của Đảng cộng sản, những người xã hội - dân chủ, đảng dân tộc - nông dân và đảng độc lập của những người tiểu nông; ngoài ra, còn có đại biểu của chế độ Hoóc-ti đã bị sụp đổ, ví dụ như tướng Ga-bo Pha-ra-gô, công tước Ge-da Tê-lê-ki và thượng tướng I-a-nốt Vi-ơ-ri-o-sơ mà chúng ta đã biết.

Quốc hội lâm thời họp quyết định những hành động sau này của chính phủ Mi-clốt. Hành động đầu tiên của chính phủ là quyết định cắt đứt quan hệ với nước Đức Hít-le và tuyên bố chiến tranh chống lại chúng. Sau đó, chính phủ gửi lời kêu gọi đình chiến với các chính phủ của các nước đồng minh mà Hung-ga-ri đang ở trong tình trạng chiến tranh với họ.

Việc ký kết hiệp định đình chiến là nhiệm vụ trung tâm của Chính phủ dân tộc lâm thời, lẽ tất nhiên, có quan hệ tới việc Hung-ga-ri sẽ tham chiến chống lại nước Đức. Lời kêu gọi của Quốc hội lâm thời gửi nhân dân Hung-ga-ri ngày 21 tháng Chạp 1944 có nói tới nước Hung-ga-ri dân chủ tương lai và công cuộc giải phóng những phần đất còn lại khỏi ách chiếm đóng của bọn Đức phát-xít. «Chúng ta không được thờ ơ ngồi xem quân đội Nga đơn phương đứng ra giải phóng cho Tổ quốc chúng ta thoát ách nô dịch của nước Đức. Chỉ khi nào chúng ta với tất cả lực lượng của mình tích cực tham gia công cuộc tự giải phóng mình, đứng lên đấu tranh chống bọn phát-xít Đức thống trị để giải phóng Tổ quốc, thì chúng ta mới xứng đáng nhận lấy quyền tự do và độc lập!»

Quốc hội lâm thời còn ra lời kêu gọi đặc biệt gửi anh em binh lính: «Hỡi những người con của đất nước Hung-ga-ri! Đối với anh em, không có một mệnh lệnh nào khác ngoài mệnh lệnh của dân tộc! Thay mặt dân tộc Hung-ga-ri, Quốc hội lâm thời ra lệnh: hãy quay súng chống lại bọn Đức thống trị, giúp đỡ Hồng quân — sứ giả giải phóng của chúng ta. đoàn kết với cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân, với các lực lượng vũ trang nhân dân mới thành lập!»

Chính phủ nước Hung-ga-ri mới đã tuyên bố đất nước sẵn sàng đứng lên, kề vai cùng các nước đồng minh trong cuộc chiến tranh chống lại nước Đức Hít-le như thế đấy.

Chính phủ Hung-ga-ri đề nghị dành cho họ một số thời gian để tìm hiểu các khả năng thành lập một quân đội mới. Sau đó, chính phủ hứa sẽ xây dựng ít nhất 8 sư đoàn. Liên Xô, Mỹ và Anh đồng ý đề nghị đó và ngày 9 tháng Giêng 1945, thượng tướng Ph. Ph. Cu-dne-txốp đã tiếp xúc

với tướng I-a-nốt Vi-o-ri-o-sơ, bộ trưởng chiến tranh của Chính phủ dân tộc lâm thời Hung-ga-ri. Thượng tướng I-a-nốt Vi-o-ri-o-sơ nguyên là tổng tham mưu trưởng quân đội Hung-ga-ri, sau vụ phiến loạn của Xa-la-si và vụ chính biến chạy sang phía ta.

Bộ trưởng chiến tranh hứa với các đại biểu Liên Xô là chính phủ Hung-ga-ri đã nhận ra sự cần thiết phải đứng về phía các nước đồng minh tích cực tham gia chiến tranh chống nước Đức Hít-le. Thế nhưng, ông ta lại nêu vấn đề là việc thành lập quân đội Hung-ga-ri phụ thuộc vào thời hạn trao trả các chiến sĩ và sĩ quan Hung-ga-ri bị quân Nga bắt làm tù binh trước đây. Vi-o-ri-o-sơ cho rằng, việc sử dụng các tù binh ấy trong quân đội Hung-ga-ri mới là có lợi hơn cả, vì các tù binh đó đã trang bị đủ thứ và theo ý kiến của ông ta, rất thuận tiện cho việc tổ chức các đơn vị.

Vi-o-ri-o-sơ cho biết, nhiều người tình nguyện sẽ gia nhập quân đội. Họ là những lực lượng dự bị cũ trước đây đã được huấn luyện quân sự và cả những lực lượng mới, trẻ, chưa qua huấn luyện. Ông ta còn thông báo là trong những ngày Quốc hội họp, ông ta nhận được tin của các đại biểu ở các địa phương rằng, nhân dân đã sẵn sàng cầm vũ khí bắt bọn chiếm đóng Hít-le phải đền các tội ác của chúng. Vi-o-ri-o-sơ đề nghị với Liên Xô giao trả càng sớm càng tốt các sĩ quan và hạ sĩ quan đang bị bắt làm tù binh, để làm nòng cốt phát triển quân đội. Ông ta nói, tình hình yêu cầu phải như vậy để thanh lọc những phần tử «phản bội» ra khỏi hàng ngũ sĩ quan, ông ta còn đề nghị Liên Xô sẽ cung cấp cho quân đội các trang bị và vũ khí thu được của Đức, vì bộ đội Hung-ga-ri đã được huấn luyện sử dụng các loại vũ khí đó. Vi-o-ri-o-sơ còn đề nghị Bộ chỉ huy Liên Xô nhận trách nhiệm cung cấp cho quân đội Hung-ga-ri, vì Liên Xô có đủ các phương tiện cần thiết và hệ thống hậu cần có tổ chức.

Ph. Ph. Cu-dne-txốp thông báo cho bộ trưởng chiến tranh Hung-ga-ri biết là Chính phủ Liên Xô đã cho phép thành lập một sư đoàn Hung-ga-ri — nguyên soái Ma-li-nốp-xki đã nhận được chỉ thị về vấn đề này, — hứa là sẽ chỉ viện quân sự cho Hung-ga-ri. Đồng chí đại biểu Liên Xô không góp ý về việc lựa chọn cơ cấu tổ chức các sư đoàn Hung-ga-ri, vì đó là công việc nội bộ của Hung-ga-ri. Ph. Ph. Cu-dne-txốp nói: «Các bạn thấy nên tổ chức như thế nào thì cứ xây dựng». Đồng chí chỉ nhấn mạnh rằng việc xây dựng quân đội phải do chính các đồng chí Hung-ga-ri làm và ở đây nhiều điều phụ thuộc vào việc thành lập sư đoàn đầu tiên một cách thắng lợi.

Vi-o-ri-o-sơ trả lời: «Tôi xin bảo đảm rằng trong quân đội sẽ thực hành chế độ dân chủ, thực hành tinh thần mới, tình hữu nghị, và sự hiệp đồng giữa quân Nga với quân Hung-ga-ri sẽ được củng cố trong chiến đấu, vì tình hữu nghị và sự hiệp đồng ấy không phải nảy nở trên mặt bàn mà ở ngoài chiến địa». Không thể không đồng ý với những điều đó. nên đồng chí đại biểu Liên Xô lần này chỉ nhấn mạnh thêm là lời nói của chúng ta phải đi đối với việc làm.

Thế nhưng, chúng ta cũng phải chú ý là, việc làm của họ đã không đi đối với những lời nói. Mi-clốt, Vi-o-ri-o-sơ và các thành viên khác của chính phủ trong phe cánh cũ của Hoóc-ti, đã tìm mọi cách phá hoại việc xây dựng quân đội của nước Hung-ga-ri mới. Bọn họ kéo dài được thời hạn thành lập các sư đoàn có khả năng chiến đấu. Cuối cùng, chỉ có một sư đoàn được cử ra mặt trận, nhưng lại không kịp tham gia các hành động quân sự.

Ngoài cái gọi là phương hướng chính thức xây dựng quân đội của nước Hung-ga-ri mới vẫn bị những phe phái cũ của Hoóc-ti khống chế và chi phối, ở ngoài chiến trường lại nảy nở ra xu

hướng thực sự dân chủ dưới hình thức hợp tác chiến đấu giữa các chiến sĩ xô-viết và các chiến sĩ tình nguyện Hung-ga-ri. Tình đoàn kết chiến đấu ấy đã xuất hiện trong quá trình chiến đấu tiêu diệt quân địch bị bao vây ở Bu-đa-pét hồi tháng Hai 1945.

Chiến tranh biết làm nhiệm vụ của mình. Các chiến sĩ Hung-ga-ri còn ở trong hàng ngũ quân đội Hít-le tại Bu-đa-pét không muốn chiến đấu cho nước Đức. Họ buộc phải tiếp tục những trận đánh phòng ngự cùng với các đơn vị phát-xít Đức vì sợ sự trừng phạt nhục hình và tòa án quân sự phát-xít. Tuy nhiên, các sĩ quan cao cấp và trung cấp Hung-ga-ri hãy còn tin vào những điều hứa hẹn của Hít-le, rằng chúng sẽ cho quân tiếp viện tới phá vòng vây cho Bu-đa-pét do Liên Xô tạo nên. Những mâu thuẫn giữa đội ngũ sĩ quan và binh sĩ Hung-ga-ri phải được giải quyết, và mâu thuẫn ấy cũng đã được thực sự giải quyết trong quá trình chiến đấu.

Ở Bu-đa-pét, các chiến sĩ Liên Xô từng bước tiến sát tới (pháo đài) Va-rơ, vùng trung tâm của Bu-đa, nơi chuyển dần trọng tâm sức kháng cự của địch. Ngày 8 tháng Hai; tướng Đức Pơ-phép-phe Vi-len-brúc, tư lệnh thành phố Bu-đa-pét ra lệnh cho các đơn vị Hung-ga-ri tập trung tại vùng Va-rơ trong mấy ngày sắp tới và tiếp tục tổ chức kháng cự ở đây. Mệnh lệnh đó được chấp hành một cách khác nhau. Các sĩ quan muốn chấp hành mệnh lệnh, nhưng binh sĩ thì lại muốn giải quyết vấn đề theo cách của mình, nhiều người đã phân tán ra khắp thành phố, không chịu tập trung về Va-rơ.

Đại bộ phận binh sĩ muốn đầu hàng làm tù binh và chấm dứt chiến tranh. Một số lại muốn kiên quyết đấu tranh, lúc này thì chống bọn Hít-le. Nhiều nguyên nhân khác nhau thúc đẩy họ chạy sang phía bộ đội Liên Xô, nhưng chủ yếu là tình thần chống Hít-le, muốn bắt bọn chiếm đóng Đức phải đền tội ác của chúng đối với nhân dân và quân đội Hung-ga-ri. Nhiều tù binh kể lại rằng, bọn Hít-le đã đối xử thô bạo với nước đồng minh của chúng, đã cướp cả mẩu bánh mì cuối cùng của các binh sĩ Hung-ga-ri.

Số tù binh Hung-ga-ri trong phương diện quân U-crai-na 2 mỗi ngày một tăng lên, có tới trên mấy ngàn người. Vì các tù binh nhiều lần bày tỏ nguyện vọng muốn chiến đấu chống bọn Hít-le, cho nên ở một số đơn vị bộ đội Liên Xô đã thành lập những nhóm chiến sĩ tình nguyện Hung-ga-ri, và họ được tạo điều kiện để tham gia chiến đấu. Kinh nghiệm chứng minh rằng: những người tình nguyện đã chiến đấu dũng cảm và khôn khéo.

Sau đó, trong các binh đoàn của bộ đội Liên Xô chiến đấu ở Bu-đa-pét đã bắt đầu thành lập các đại đội bộ binh gồm các chiến sĩ tình nguyện Hung-ga-ri. Những đại đội như vậy cũng được thành lập trong lữ đoàn thủy quân lục chiến 83, sư đoàn cận vệ 108, sư đoàn bộ binh 180, 297, 320 và các sư đoàn khác. Tiếp sau, ở một số nơi, các đại đội ấy đã tổ chức thành các chi đội. Ví dụ, toàn thể cán bộ trong chi đội Hung-ga-ri ở sư đoàn bộ binh 320 đều là những cán bộ Hung-ga-ri. Thượng úy Ve-re-bơ chỉ huy chi đội.

Cần phải nói rằng, tác phong công tác Nga đối với các chiến sĩ trong thời kỳ thành lập các phân đội rất phù hợp với người Hung-ga-ri. Như mọi người đều biết, trước hết các chiến sĩ được ăn uống, rồi được tắm rửa. Sau đó với tư thế sạch sẽ, quân phục chỉnh tề và hài lòng, người chiến sĩ đến nhận vũ khí tại kho của người chuẩn úy. Trong những trận chiến đấu, những chiến sĩ Hung-ga-ri đã chịu đựng gian khổ vì nhiều ngày không có lương thực thực phẩm, và chỉ mỉm cười khi người ta hỏi họ tắm rửa lần cuối cùng vào lúc nào. Họ lấy làm vui lòng tiếp thu nền nếp của người Nga mà nhiều lần họ đã ca ngợi.

Tình huống chiến đấu buộc phải nhanh chóng đưa các phân đội đã sẵn sàng vào chiến đấu. Nhưng bộ chỉ huy của ta lại muốn làm lễ trọng thể mừng sự kiện đó trong điều kiện cho phép, nên đã tổ chức dàn nhạc kèn tiến đưa đội quân bổ sung trong đó có các chiến sĩ tình nguyện Hung-ga-ri, ra tiến tuyến.

Những trận đánh đầu tiên của các phân đội Hung-ga-ri ngày 8 và 9 tháng Hai chứng minh rằng lời nói của các chiến sĩ tình nguyện đi đối với việc làm. Trưởng phòng chính trị sư đoàn bộ binh 320 đã báo cáo, chẳng hạn: «Chi đội tình nguyện Hung-ga-ri đầu tiên do thượng úy Vere-bơ chỉ huy, đã chiến đấu tốt trong suốt 2 ngày và đã hoàn thành các nhiệm vụ do bộ tư lệnh giao. Đại đội đã quét sạch quân Đức ra khỏi 5 khu phố, diệt 30 tên địch, bắt làm tù binh 15 tên, thu chiến lợi phẩm...». Tình chiến hữu đã nảy nở trong cuộc đấu tranh chung chống bọn Hít-le tại Bu-đa-pét hoang tàn.

Chúng tôi nhận những tin tức chiến đấu của lữ đoàn thủy quân lục chiến 83, trong đó có cả các đại đội tình nguyện Hung-ga-ri. Bộ chỉ huy lữ đoàn báo cáo rằng tuyến phòng thủ của địch hoàn toàn bị phá vỡ. 80 chiến sĩ Hung-ga-ri bị bắt làm tù binh ở đây đã gia nhập đại đội tình nguyện Hung-ga-ri để chiến đấu. Những ngày tiếp sau, chúng tôi lại tiếp tục nhận được những tin tức mới về các hoạt động thắng lợi của các phân đội Hung-ga-ri cùng với bộ đội Liên Xô chiến đấu ở Bu-đa-pét.

Ít lâu trước khi Bu-đa-pét được giải phóng, khi địch ra sức chuẩn bị một cách tuyệt vọng phá vỡ vòng vây, các đại đội tình nguyện Hung-ga-ri đã phát triển lên thành tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 4 đại đội.

Ngày 11 tháng Hai, trung tá Ô-xca Va-ri-kha-di, trung đoàn trưởng trung đoàn bộ binh 6 thuộc sư đoàn bộ binh 10 Hung-ga-ri, đã chạy sang phía các đơn vị Liên Xô mang theo cả cơ quan tham mưu cùng các đơn vị còn lại tới 300 người. Ông ta sinh ở Bu-đa-pét trong một gia đình hạ sĩ quan đã phục vụ quá thời hạn trong quân đội Áo-Hung. Mẹ ông ta làm thợ may, Va-ri-kha-di đã tham gia chiến đấu cả trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Năm 1919, ông ta đã đứng trong hàng ngũ Hồng quân của Hung-ga-ri. Sau khi nước Cộng hòa Xô-viết Hung-ga-ri bị bóp chết, Va-ri-kha-di bị loại ra khỏi các lực lượng vũ trang, mãi sau này mới lại được gọi vào quân đội.

Trong quá trình chiến tranh, Ô-xca Va-ri-kha-di học tập được rất nhiều, nhất là trên mặt trận Xô - Đức. Ông ta bị tòa án đe dọa kết án về tội chống Hít-le, song do bị ốm nên đã tránh được. Tháng Mười 1944, là chỉ huy trung đoàn bộ binh 18 của tập đoàn quân 1, Va-ri-kha-di không phục tùng chế độ Xa-la-si nên lại bị cách chức. Thế nhưng, trong thời gian chiến đấu ở Bu-đa, tình hình đòi hỏi bọn địch lại phải giao nhiệm vụ cho ông ta chỉ huy các lực lượng còn lại của trung đoàn bộ binh 6. Va-ri-kha-di đã cùng với cả trung đoàn chạy sang phía Hồng quân. Các đơn vị còn lại của trung đoàn bộ binh 6 trở thành nòng cốt để xây dựng các đơn vị tình nguyện Hung-ga-ri đủ biên chế, mà lịch sử chiến tranh còn ghi lại là «trung đoàn những người tình nguyện Bu-đa». Quân số trung đoàn lên tới 2.500 người. Trung đoàn đã chiến đấu xuất sắc chống cánh quân bị bao vây ở Bu-đa trong khu vực nhà ga I-u-giơ-nui, núi Ghê-léc-tơ và Va-ra. Các chiến sĩ Liên Xô, Ru-ma-ni và Hung-ga-ri đã phối hợp chiến đấu tại đây. Chính ở đây, tình chiến hữu đã cố kết họ lại với nhau.

Trận đột phá Bu-đa-pét kéo dài tới ngày 13 tháng Hai. Hôm ấy, quân địch phòng ngự rất

ngoan cổ tại đây đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Sau khi kết thúc những hành động quân sự ở Bu-đa-pét, trung đoàn Bu-đa có 5 tiểu đoàn với quân số 2.534 người, trong đó có khoảng 1.200 pháo thủ, khoảng 400 tay súng bộ binh, hơn 100 chiến sĩ lái xe tăng, hơn 300 chiến sĩ thông tin, và công binh cùng các binh chủng khác.

Như vậy, việc tiêu diệt quân địch ở Bu-đa-pét hình như là mở ra những triển vọng thuận lợi để tổ chức các chiến dịch tiến công trên hướng Viên. Sau khi chiếm được lãnh thổ và thủ đô nước Áo, bộ đội Liên Xô sẽ nhổ được một căn cứ công nghiệp chiến tranh quan trọng của địch và tiến đến vùng công nghiệp chiến tranh khác là Pra-ha. Những khả năng sản xuất vũ khí của địch sẽ giảm sút một cách nghiêm trọng. Ngoài ra, việc đánh chiếm vùng công nghiệp Pra-ha còn có ý nghĩa về mặt chính trị: Tiệp Khắc là nước đồng minh của chúng ta.

Cuộc tiến công trên hướng Viên còn có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc chi viện mặt phía Đông cho bộ đội đang đánh vào Béc-lin và uy hiếp quân địch ở mặt phía Nam Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu hướng mọi nỗ lực và phối hợp hành động của các phương diện quân nhằm bảo đảm cho các đòn đột kích của ta giữ được bất ngờ, buộc địch lâm vào tình thế chiến dịch khó khăn, khiến chúng phải phân tán lực lượng và áp dụng các phương pháp tác chiến bất lợi.

Tháng Hai 1945, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đặc biệt chú ý đến vấn đề hiệp đồng giữa các hướng Tây và Tây-Nam. Tôi nhắc lại là khi tiến tới sông Ô-đe, bộ đội phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 buộc phải dừng lại và tiến hành chiến dịch Đông Pô-mê-ra-ni để thanh toán mối uy hiếp mặt Bắc của quân địch. Thời gian này, cần phải đẩy mạnh tốc độ tiến công trên hướng Viên. Các chiến dịch của phương diện quân U-crai-na 4 tiến hành thắng lợi ở miền núi Các-pát thuộc nước Ba Lan và Da-các-pát đã tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi cho việc đó. Vì vậy, ngay ngày 17 tháng Hai — sau khi chiếm được Bu-đa-pét ba ngày — Đại bản doanh chỉ thị cho các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 chuẩn bị và tiến hành chiến dịch tiến công vào Viên. Phương diện quân của R. I-a. Ma-li-nốp-xki giữ vai trò chủ yếu. Các lực lượng chủ yếu của phương diện quân phải tiến công ở phía Bắc sông Đa-nuýp. Theo các tin tức trinh sát thì, ở đây địch không có xe tăng, phòng ngự của chúng chủ yếu dựa vào bộ binh. Theo tin tức trinh sát thì có 7 sư đoàn xe tăng địch đối phó với bộ đội của Ph. I. Tôn-bu-khin đang hoạt động ở phía Nam. Lúc đầu, phương diện quân chỉ có nhiệm vụ là góp phần chiến đấu với đơn vị bạn bên cánh phải là phương diện quân U-crai-na 2. Thành phần các phương diện quân có một số thay đổi do có sự di chuyển giữa các đơn vị. Tập đoàn quân cận vệ mạnh số 9 của tướng V. V. Gla-gô-lep lấy từ lực lượng dự bị của Đại bản doanh phối thuộc cho R. I-a. Ma-li-nốp-xki (ở khu vực Xôn-nốc). Tập đoàn quân Bun-ga-ri 1, phối thuộc cho Ph. I. Tôn-bu-khin, nhận nhiệm vụ bảo đảm mặt phía Nam cho chiến dịch của phương diện quân, hoạt động dọc theo bờ Bắc sông Đra-va.

Cuộc tiến công được ấn định bắt đầu vào ngày 15 tháng Ba.

Như thường xảy ra trong chiến tranh, lần này quân địch cũng muốn hướng tiến trình các trận đánh theo ý của chúng, tạo nên bước ngoặt tình huống có lợi cho mình, tiêu diệt được bộ đội Liên Xô ở Hung-ga-ri, hất ta ra khỏi Đa-nuýp và không cho đến gần biên giới phía Nam nước Đức.

Ngày mà chỉ thị của Đại bản doanh được truyền đạt tới bộ đội cũng là ngày bộ chỉ huy phát-xít Đức đưa những lực lượng lớn xe tăng vào dải tiến công của bộ đội R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Mũi

đột kích của xe tăng địch xuất phát từ Cô-mác-nô, dọc theo bờ Bắc sông Đa-nuýp là nhằm chống lại tập đoàn quân cận vệ 7 của tướng M. X. Su-mi-lốp đang chiếm lĩnh bàn đạp chiến dịch rất quan trọng ở phía Tây sông Gơ-rôn, để sắp tới sẽ tiến công vào Viên. Các chiến sĩ cận vệ kiên quyết đánh trả được mấy ngày, nhưng cuối cùng địch buộc họ phải rút về bờ phía Đông sông Gơ-rôn.

Trong quá trình trận đánh, chúng ta phát hiện thấy một quân đoàn xe tăng thuộc tập đoàn quân xe tăng 6 SS hoạt động ở Cô-mác-nô, trước đó đã chiến đấu ở phía Tây, nổi tiếng là một binh đoàn đột kích giỏi nhất của quân đội Hít-le. Đi-tơ-rích Dép — tướng thân tín của Hít-le, chỉ huy tập đoàn quân này. Tập đoàn quân được trang bị các loại xe tăng hạng nặng «con báo», «con cọp» và «vua cọp».

Tập đoàn quân xe tăng 6 SS xuất hiện ở mặt trận chúng ta là một yếu tố tình huống rất mới. Chúng ta không dự kiến tập đoàn quân này ở đây, vì các đồng minh của ta cũng thông báo riêng cho Đại bản doanh biết rằng, nó hiện đang ở mặt trận phía Tây. Rõ ràng, tập đoàn quân xe tăng 6 SS được điều động sang phía Đông có quan hệ tới một ý đồ nào đó rất quan trọng của địch. Các tin tức trinh sát của phương diện quân U-crai-na 2 gửi về cho chúng tôi hồi đó khẳng định tình hình trên, nhưng trong một thời gian nhất định chúng tôi cũng vẫn chưa tìm hiểu ra mục đích của bộ chỉ huy Hít-le.

Sử dụng một bộ phận lực lượng của tập đoàn quân xe tăng 6 SS đánh vào bộ đội của tướng M. X. Su-mi-lốp, như vậy quân địch hành động thiếu suy nghĩ. Thật ra, chúng phá được bàn đạp của ta ở bên kia sông Gơ-rôn - tuyến xuất phát có lợi để tiến công vào Viên, nhưng chúng lại mất nhân tố thắng lợi quan trọng hơn là tính bất ngờ. Chúng ta theo dõi kỹ tập đoàn quân xe tăng này và cuối cùng xác định được ý định và âm mưu của bộ chỉ huy phát-xít Đức. Trinh sát Liên Xô vận dụng mọi phương pháp, không ngừng khai thác các tin tức mới về địch.

Công tác trinh sát có mục đích rõ rệt dần dần cho phép phát hiện ra rằng, ở Tây-Nam Bu-đa-pét, trong khu vực hồ Ba-la-tông đang tập trung một cánh quân Đức rất lớn gồm người và phương tiện kỹ thuật, trong đó chủ yếu là xe tăng. Ở đây, như sau này chúng ta được biết, có 31 sư đoàn (trong đó có 11 sư đoàn xe tăng) và một số các đơn vị khác. Tổng số gồm trên 430.000 binh lính và sĩ quan, được trang bị khoảng 900 xe tăng và pháo cường kích, trên 5.600 pháo và súng cối, 850 máy bay. Địch tập trung cánh quân mạnh như vậy rõ ràng chỉ để tổ chức phản công.

Đại bản doanh lập tức chỉ thị cho Bộ tổng tham mưu thông báo cho bộ đội và chú ý theo dõi địch. Việc chuẩn bị tổ chức tiến công vào Viên không bỏ, mà vẫn tiếp tục chuẩn bị thật đầy đủ.

Ý đồ của địch dần dần cũng bị phát giác. Trên tấm bản đồ của các trinh sát viên đã vạch ra các hướng dự kiến đột kích của địch. Mũi đột kích chủ yếu — từ tuyến giữa hai Vê-lên-xe và Ba-la-tông đánh xuống Đông-Nam chia bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 và tiến ra sông Đa-nuýp bằng con đường ngắn nhất (30 ki-lô-mét). Dự đoán, các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân xe tăng 6 SS và tập đoàn quân đã chiến 6 sẽ tiến công ở đây. Đối phó với địch ở đây có tập đoàn quân 26 của tướng N. A. Ga-ghen. Các mũi đột kích thứ yếu dự kiến như sau: một mũi từ khu vực Nát-ca-ni-gia đánh về phía Đông bằng lực lượng của tập đoàn quân xe tăng 2 nhằm tiêu diệt tập đoàn quân 57 của tướng M. N. Sa-rô-khin; một mũi từ bờ Nam sông Đa-nuýp, lấy một phần lực lượng của Cụm tập đoàn quân «Ph» đánh vào tập đoàn quân Bun-ga-ri

1 của tướng V. Xtôi-trép. Các hướng phụ sẽ hợp điểm với hướng đột kích chủ yếu ở khu vực Xéc-xác-đơ.

Bây giờ, vấn đề địch có thể theo đuổi những mục tiêu gì càng lộ rõ thêm. Sau khi Bu-đa-pét bị mất, điều rõ ràng nhất là bộ chỉ huy Hít-le muốn cố thủ các vùng công nghiệp dầu lớn cuối cùng ở Hung-ga-ri và bảo vệ vùng công nghiệp Viên, vì khu công nghiệp này còn đang cung cấp trang bị các loại. Chúng ta không loại trừ cả trường hợp nước Đức phát-xít sẽ chuyển trọng tâm kháng chiến vào các vùng núi ở Áo và Tiệp Khắc. Vùng đất đai này thuận tiện nhiều cho việc tổ chức phòng ngự. Ngoài ra, nếu không thể kháng cự được nữa, thì địa điểm này còn thuận lợi cả cho việc đầu hàng quân Anh-Mỹ, chứ không đầu hàng Hồng quân. Tập đoàn quân xe tăng 6 SS được tập trung ở khu vực Ba-la-tông có thể phục vụ mọi mục tiêu trên.

Căn cứ vào tình hình trên, bộ đội phương diện quân U-crai-na 3 sẽ phải chịu nhiều thử thách lớn hơn, nên cần được chuẩn bị chu đáo. Đại bản doanh chỉ thị cần tổ chức phòng ngự có chiều sâu, đặc biệt là các trận địa chống tăng phải mạnh. Lúc địch bắt đầu hoạt động tích cực, biên chế của phương diện quân U-crai-na 3 có khoảng 400.000 chiến sĩ và sĩ quan, 400 xe tăng và pháo tự hành, gần 7.000 pháo và súng cối, khoảng 700 máy bay. Như vậy, số quân của hai bên bằng nhau, về xe tăng và pháo cường kích địch chiếm ưu thế hơn ta hai lần, nhưng lại thua ta về pháo binh. Tình hình trên cho phép Đại bản doanh tin tưởng ra quyết định tổ chức chiến dịch phòng ngự.

Ph. I. Tôn-bu-khin dành phần lớn thời gian trực tiếp ở dưới các đơn vị để kiểm tra việc chuẩn bị những trận đánh phòng ngự và các mặt công tác khác nhằm sau đó chuyển ngay sang tiến công. Đồng chí đến cả sườn trái của phương diện quân, nơi ta dự kiến hai mũi tiến công thứ yếu của địch sẽ đánh vào đấy; còn bên phía chúng ta, đây cũng lại là một đơn vị «quốc tế» gồm có bộ đội Liên Xô và Bun-ga-ri hoạt động, và ở phía Nam Đra-va là các chiến sĩ Nam Tư. Đồng chí tư lệnh phương diện quân triệu tập hội nghị tại thành phố Xi-g hét-va-rơ, họp với các tư lệnh tập đoàn quân 57 Liên Xô, tập đoàn quân 1 Bun-ga-ri và tập đoàn quân 3 Nam Tư. Hội nghị đã xem xét toàn diện các vấn đề hiệp đồng trong chiến dịch sắp tới.

Ngày 6 tháng Ba, địch bắt đầu mở cuộc phản công mà ta chờ đợi, mạnh nhất ở trên hướng chủ yếu. Các trận đánh tiếp diễn trong 9 ngày liền và mang tính chất hết sức quyết liệt. Các đơn vị Hít-le có nhiều lực lượng, song chúng vẫn không thể vọt tới sông Đa-nuýp được, mặc dù có lúc chúng đã tung ra đến 450 xe tăng trong một khu vực mặt trận.

Chiến dịch phòng ngự Ba-la-tông trở thành một tấm gương nữa về tinh thần dũng cảm cao độ, chí kiên quyết sắt đá và chủ nghĩa anh hùng của các chiến sĩ xô-viết. Trong quá trình chiến đấu, chỉ trong vòng 2 ngày — 6 và 7 tháng Ba — quân địch bị mất gần 100 xe tăng và pháo cường kích, còn trong suốt cả thời gian chiến dịch (6-15 tháng Ba) thì chúng mất gần 500 chiếc xe tăng và pháo cường kích! Chủ nghĩa anh hùng tập thể của các chiến sĩ và sĩ quan phương diện quân U-crai-na 3 đã làm tiêu tan những hy vọng cuối cùng của bộ chỉ huy Hít-le mưu toan khôi phục lại tình hình ở giữa châu Âu. Thắng lợi của chúng ta còn góp phần thuận lợi cho quân đội Anh-Mỹ ở I-ta-li-a và giúp Nam Tư hoàn thành việc tiêu diệt bọn phát-xít Đức chiếm đóng trên đất Nam Tư.

Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh vững tin rằng, cuộc phản công của quân địch ở khu vực hồ Ba-la-tông sẽ bị thất bại. Các đồng chí hình dung thấy rõ những trận đánh ác liệt đang nổ ra

ở bờ phía Tây sông Đa-nuýp và các chiến sĩ Liên Xô đã phải khắc phục biết bao nhiêu khó khăn. Trong quá trình trận đánh, Đại bản doanh đã dùng đơn vị bạn ở cánh phải để tăng cường cho phương diện quân U-crai-na 3. Nhưng Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô vẫn yêu cầu các phương diện quân phải chuyển sang kiên quyết tiến công, sau khi kết thúc chiến dịch phòng ngự. Bộ tổng tư lệnh tối cao đã có những lực lượng mới, sẵn sàng hành động.

...Chúng ta không sao quên được những ngày tháng Ba lô âu trong năm 1945. Bấy giờ, cơ quan lãnh đạo chiến lược Liên Xô đã nhiều lần cân nhắc mọi khả năng của địch trong các phương án khác nhau, dự kiến các điều kiện có thể xảy ra và kết quả của cuộc giao tranh, nhất là trường hợp phòng ngự quyết liệt bên hữu ngạn sông Đa-nuýp, nơi bộ đội Liên Xô phải bám chắc bàn đạp. Những trận đánh ở đây có thể sẽ gặp nhiều khó khăn và ác liệt. Chúng ta cũng đã thảo luận tới một phương án khác là, rút quân từ hữu ngạn sang tả ngạn sông Đa-nuýp, bỏ lại bàn đạp. Trong trường hợp này ta có thể dùng vật chướng ngại là mặt sông rộng lớn đó để bảo đảm giữ vững trận địa ở bên kia sông.

Nhưng rồi cũng không thể tránh khỏi nảy sinh vấn đề: vậy sau này ta sẽ hành động ra sao? Vì cần phải chấm dứt chiến tranh, giáng cho địch những đòn đích đáng và tiếp tục tiến công về phía Tây. Ngay lúc đó, chúng ta cũng thấy rằng, phòng ngự ở bên hữu ngạn sông Đa-nuýp vẫn thuận lợi hơn và có nhiều triển vọng hơn bên tả ngạn. Nếu không, sau này khi chuyển sang tiến công thì khó khăn lại càng tăng lên gấp bội, vì quân địch rồi cũng phải dựa vào tuyến sông. Tất nhiên, chúng ta sẽ bị mất thời gian.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu cân nhắc lợi hại, và cuối cùng đi đến quyết định thực hiện phương án thứ nhất là phòng ngự bên hữu ngạn sông Đa-nuýp, và sau khi kết thúc chiến dịch phòng ngự, thì lập tức chuyển sang phản công.

Còn phương án thứ hai có liên quan đến vấn đề này là tập đoàn quân cận vệ 9 của tướng V. V. Gla-gô-lép.

Ngày 9 tháng Ba, Ph. I. Tôn-bu-khin nói chuyện bằng điện thoại với Đại bản doanh, xin phép được sử dụng tập đoàn quân cận vệ 9 mới phối thuộc cho phương diện quân của đồng chí vào mục đích phòng ngự. Đồng chí còn hỏi là có nên đưa bộ đội của mình và trong trường hợp gay gắt nhất, đưa cả bộ tham mưu rút sang tả ngạn sông Đa-nuýp không, để khỏi phải mất sự chỉ huy.

A. I. An-tô-nốp và tôi lúc này đều có mặt trong phòng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao. I. V. Xta-lin chăm chú nghe các ý kiến của tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 rồi chậm rãi và đều giọng nói như sau:

- Đồng chí Tôn-bu-khin, nếu đồng chí nghĩ nên kéo dài thêm chiến tranh 5 - 6 tháng nữa thì tất nhiên đồng chí hãy cho rút quân sang bên kia sông Đa-nuýp. Ở đấy đúng là có bình yên hơn. Nhưng, tôi không cho rằng đồng chí lại nghĩ như thế. Vì vậy, cần tổ chức phòng ngự ở hữu ngạn sông Đa-nuýp, và đồng chí cùng với bộ tham mưu phải ở lại bên đó. Tôi tin rằng, bộ đội của đồng chí sẽ hoàn thành một cách vẻ vang những nhiệm vụ nặng nề của mình. Chỉ cần chúng ta biết chỉ đạo tốt bộ đội.

Sau đó, I. V. Xta-lin nêu rõ về sự cần thiết phải đánh bại xe tăng địch ngay trong quá trình chiến đấu phòng ngự, và đồng chí nói rằng, không được để cho quân địch có thời gian củng cố những tuyến mới chiếm lĩnh và tổ chức phòng ngự vững chắc.

- Do đó, — Tổng tư lệnh tối cao nhận xét, — khi quân địch bị chặn lại thì phải chuyển ngay sang tiến công và tiêu diệt chúng hoàn toàn. Muốn vậy, chúng ta cần có thêm nhiều lực lượng mới. Chúng ta đã có những lực lượng mới ấy, đó là tập đoàn quân của Gla-gô-lép. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 của tướng Cráp-tsen-cô cũng đang bố trí ở gần đó. Hiện nay, tập đoàn quân này trực thuộc phương diện quân của Ma-li-nốp-xki, nhưng nếu đồng chí yêu cầu, tập đoàn quân ấy có thể được chuyển thuộc cho phương diện quân của đồng chí. Do đó, đồng chí hãy rút ra những kết luận cần thiết. — Nhìn sang A. I. An-tô-nốp, I. V. Xta-lin nói thêm: — Bộ tổng tham mưu đồng ý với những ý kiến của tôi

Ph. I. Tôn-bu-khin nói đồng chí đã hiểu chỉ thị và đặt ống nghe xuống.

Bộ tổng tham mưu được lệnh viết chỉ thị xác định nhiệm vụ của các phương diện quân và chúng tôi đã làm ngay. Trong chỉ thị nêu rõ: «Trong các trận đánh phòng ngự, tư lệnh bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 có nhiệm vụ làm tiêu hao cánh quân xe tăng của địch tiến công từ khu vực Xe-két-phe-khéc-va-rơ, sau đó chậm nhất là 15-16 tháng Ba năm nay, cánh phải của phương diện quân phải chuyển sang tiến công nhằm đánh tan quân địch ở phía Bắc hồ Ba-la-tông và phát triển đột kích vào hướng chung tới Pa-pa, Sô-prôn. Không được dùng tập đoàn quân cận vệ 9 vào chiến đấu phòng ngự, mà phải dùng để phát triển đột kích và tiêu diệt hoàn toàn quân địch» (do tác giả gạch dưới).

Tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 được lệnh chuyển sang phòng ngự quyết liệt ở phía Bắc sông Đa-nuýp, dùng sườn trái, tức là nơi phương diện quân trực tiếp tiếp giáp với cánh quân xung kích của Ph. I. Tôn-bu-khin, tiến công vào Đê-ê-rơ.

Đại bản doanh vạch ra những hành động nhằm tiêu diệt các lực lượng chủ yếu của địch ở khu vực hồ Ba-la-tông đại thể là như vậy. Chiến dịch ở đây còn dự định làm cơ sở cho thắng lợi của chiến dịch Viên. Nhân tiện nói thêm rằng, chiến dịch Viên được chuẩn bị ngay trong điều kiện còn đang tiếp tục chiến đấu phòng ngự quyết liệt.

Đúng như chúng ta dự đoán, các lực lượng quân địch hoàn toàn bị kiệt quệ, và đến ngày 15 tháng Ba thì chúng buộc phải ngừng tiến công. Bây giờ thời gian đã thuộc về chúng ta. Ngày 16 tháng Ba, bộ đội của Ph. I. Tôn-bu-khin được tăng cường tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 lấy ở phương diện quân U-crai-na 2, bắt đầu tiến công. Chiến dịch tiến công vào Viên mở ra ngay sau khi kết thúc chiến dịch phòng ngự mà không có tạm dừng chiến dịch, ta thu được những kết quả rất lớn.

Một trong những kết quả đó là hoàn toàn giải phóng đất nước Hung-ga-ri khỏi bọn phát-xít Đức chiếm đóng. Từ đấy, ngày 4 tháng Tư được nhân dân Hung-ga-ri kỷ niệm là ngày hội lớn của dân tộc. Trong ngày hội vui vẻ ấy, nhân dân mang hoa đến những nấm mộ của những người anh em, nơi yên nghỉ của hơn 140.000 anh hùng thuộc các phương diện quân U-crai-na 2 và 3, đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho Độc lập và Tự do của đất nước Hung-ga-ri.

Trong ngày hôm ấy, nhân dân Hung-ga-ri không chỉ suy nghĩ tới những thắng lợi về quân sự đã giành được trên đất nước mình, mà còn nghĩ tới bước ngoặt cơ bản trong lịch sử ngàn năm của đất nước mình và những chiến công anh hùng của Hồng quân, đã góp phần tạo điều kiện cho nhân dân lao động trong nước phá bỏ ách thống trị xã hội và dân tộc, thủ tiêu chế độ bóc lột, đưa đất nước lên con đường thanh thản của cao trào dân tộc, sự phồn vinh về vật chất và tinh thần.

CHƯƠNG TÁM

• **Mấy ý kiến về các cơ quan tham mưu**

- Các cơ quan lãnh đạo chiến lược «Bộ não của quân đội».
- Các nhiệm vụ của cơ quan tham mưu
- Đặc điểm công tác.
- Con số «0» dư thừa: ai chịu trách nhiệm?
- Soạn thảo và báo cáo các văn kiện như thế nào.
- Cần phải biết thuyết phục.
- Viện khoa học pháo binh.
- Về tác phong công tác của các cơ quan tham mưu.
- Chiến sĩ báo cáo: «Bọn Đức hiện nay không phải là bọn Đức trước».
- Không tách rời khỏi cuộc sống.
- Tổng tư lệnh tối cao ở ngoài mặt trận.

Mỗi người đều cống hiến cuộc đời của mình cho một sự nghiệp nào đó. Sự nghiệp ấy được lựa chọn theo chí hướng, nhưng trên thực tế nó thường đến với chúng ta theo sự đòi hỏi cần thiết. Tôi là một cán bộ tham mưu. Toàn bộ cuộc đời có ý thức của tôi đã trôi qua giữa những người làm công tác binh nghiệp và chủ yếu là trong công tác tham mưu, có liên quan tới việc chỉ huy bộ đội trong thời chiến và thời bình. Giống như những người ở các ngành nghề khác, tôi yêu quý ngành nghề mình đang phục vụ và cống hiến cả cuộc đời mình cho ngành nghề ấy.

Tôi phân vân khá lâu xem có nên dành hẳn một chương để viết «Mấy ý kiến về các cơ quan tham mưu» này hay không. Vì thực ra, toàn bộ cuốn sách đều là những chuyện kể về các công việc của Bộ tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các phương diện quân có liên quan tới các sự kiện chiến tranh... Mặc dầu vậy, tôi quyết định tập trung suy nghĩ và cảm tưởng của mình về công tác tham mưu, cố gắng trình bày với bạn đọc một số đặc điểm và ý nghĩa của nó. Mặt khác, tôi quyết định như vậy, còn vì trong số bạn đọc sẽ có các bạn đồng nghiệp trẻ tuổi của tôi, các sĩ quan tham mưu và những người sắp bước vào con đường ấy. Chắc là, các bạn sẽ vui lòng khi được biết những ý kiến của tôi, một người đã cống hiến phần lớn cuộc đời mình cho công tác tham mưu.

Viết chương này, khiến tôi nhớ đến tập thể những con người gắn bó với nhau bằng tình yêu Tổ quốc xô-viết, trung thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đã làm rạng rỡ cho định nghĩa chính xác về khái niệm cơ quan tham mưu với tư cách là cơ quan chỉ huy bộ đội. Tuy nhiên, họ lại là những con người có tài năng, trình độ học vấn và năng khiếu khác nhau, tình đồng chí, sự giúp đỡ lẫn nhau và thái độ đối với công việc được giao, cũng thể hiện những sắc thái không giống nhau.

Nhiều lần tôi được nghe những vấn đề như: các quyền lợi chung và riêng của những con người hết sức khác nhau ấy lại trùng hợp với nhau, thống nhất chặt chẽ với nhau trong cơ quan tham mưu. Vậy những yêu cầu đặc biệt gì đã gắn bó họ trong công tác chung, và phòng thí nghiệm của công tác cơ quan tham mưu, nhất là các cơ quan tác chiến của nó với tư cách là các

cơ quan chủ đạo trong cơ quan tham mưu, đã hoạt động ra sao.

Muốn hiểu các cơ sở, chế độ công tác và tính phụ thuộc của người cán bộ tham mưu, nhất là của người cán bộ tham mưu cấp cao nhất, chúng ta cần có khái niệm về chỉ huy bộ đội và các lực lượng vũ trang nói chung. Phải nói ngay rằng, các nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đều được giải quyết dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô. Điều đó cũng dễ hiểu, vì trong những năm chiến tranh, cuộc đấu tranh không phải chỉ diễn ra trên mặt trận vũ trang, mà kết quả đấu tranh lại phụ thuộc vào sự nỗ lực chung của cả nước. Chính quyền tối cao của Nhà nước trực tiếp nắm quân đội và hải quân. Ở nước ta trong những năm nội chiến, việc chỉ huy bộ đội và sự hoạt động của cả nước thuộc về Hội đồng quốc phòng công nông do V. I. Lê-nin đứng đầu. Trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước vĩ đại, toàn bộ quyền lực tập trung trong Hội đồng quốc phòng Nhà nước, được thành lập ngày 30 tháng Sáu 1941. Hội đồng quốc phòng Nhà nước là cơ quan lãnh đạo tập thể của cả nước và quân đội, thành phần gồm các ủy viên Bộ chính trị, Chủ tịch Hội đồng là I. V. Xta-lin, Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, đồng thời là Tổng tư lệnh tối cao.

Cần nhấn mạnh rằng quyết định mọi vấn đề có tính nguyên tắc trong việc lãnh đạo đất nước và tiến hành chiến tranh đều do Ban chấp hành Trung ương Đảng—Bộ chính trị, Ban tổ chức và Ban bí thư — rồi sau đó thông qua Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô, Hội đồng bộ trưởng dân ủy, đồng thời thông qua Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao. Để giải quyết linh hoạt các vấn đề quân sự thì thường triệu tập hội nghị liên tịch gồm các ủy viên Bộ chính trị, các ủy viên Hội đồng quốc phòng Nhà nước, Bộ chính trị và Đại bản doanh; còn khi giải quyết các vấn đề quân sự quan trọng nhất thì thường đưa ra bàn bạc tập thể trong Bộ chính trị, Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Đại bản doanh.

Do đó, trong lĩnh vực chỉ đạo các hành động quân sự, nguyên tắc một người chỉ huy, nguyên tắc quan trọng nhất trong việc xây dựng quân đội và chỉ huy bộ đội trong thời bình cũng như trong thời chiến, không bị vi phạm. Chỉ có Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao mới có quyền chỉ đạo các chiến dịch của các Lực lượng vũ trang ở cấp cao nhất. Nhưng, vì một số ủy viên của Đại bản doanh lại là ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) toàn Liên bang^[11] và là những người trong Bộ tổng tư lệnh tối cao, cho nên Đại bản doanh là cơ quan tập thể của chính quyền tối cao trong quân đội.

Các quyết định của Đại bản doanh được viết thành văn kiện đều có chữ ký của hai người — Tổng tư lệnh tối cao và Tổng tham mưu trưởng; đôi khi có cả chữ ký của Phó tổng tư lệnh tối cao. Cũng có những văn kiện chỉ có chữ ký của Tổng tham mưu trưởng. Trong trường hợp này đều phải ghi là «thừa ủy quyền Đại bản doanh». Thông thường, Tổng tư lệnh tối cao không ký một mình các văn kiện tác chiến, trừ những văn kiện phê bình gắt gao các cán bộ trong ban lãnh đạo quân sự cao cấp (Đồng chí nói: Bộ tổng tham ký các văn kiện như vậy không có lợi và làm cho các mối quan hệ thêm căng thẳng, vì nếu có chuyện gì thì các đồng chí ấy chỉ bực với riêng tôi). Đồng chí chỉ một mình ký các loại mệnh lệnh khác, chủ yếu là mệnh lệnh có tính chất hành chính.

Hình thức chỉ đạo đó bảo đảm sự tập trung cần thiết việc chỉ huy mọi hành động của các Lực lượng vũ trang phù hợp với các chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng, cũng như phù hợp với tính chất chiến tranh.

Cũng như trước kia, trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, «bộ máy quân sự» đã ra sức thực hiện một cách nghiêm túc và thường xuyên chính sách của Đảng cộng sản bằng mọi

phương thức thích hợp với mình.

Tôi phải nói là Xta-lin không quyết định, và nói chung không thích tự ý quyết định các vấn đề chiến tranh quan trọng. Đồng chí hiểu rõ sự cần thiết của việc làm tập thể trong lĩnh vực phức tạp này, coi trọng uy tín của các đồng chí khác về vấn đề quân sự, biết chú ý đến ý kiến của các đồng chí đó và đánh giá đúng mỗi người. Tháng Chạp 1943, sau hội nghị Tê-hê-ran, khi tình hình đòi hỏi phải vạch các kế hoạch hành động sau này, tại hội nghị liên tịch Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên bang, Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Đại bản doanh, các đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki và A. I. An-tô-nốp đã báo cáo về tiến trình đấu tranh vũ trang trên các mặt trận và triển vọng của tình hình, đồng chí N. A. Vô-dơ-ne-xen-xki báo cáo về các vấn đề kinh tế chiến tranh, còn I. V. Xta-lin đảm nhiệm việc phân tích các vấn đề có tính chất quốc tế.

Quá trình lãnh đạo chiến lược tự nó nói lên trình độ tổ chức cao. Đó là một quá trình lãnh đạo rất nhiều mặt, song thống nhất. Sự thống nhất ấy do nhiều nhân tố hợp thành. Theo quan điểm chúng tôi, các nhân tố chủ yếu là đã xác định được tiến trình có thể xảy ra của chiến tranh và các hành động quân sự, tức là đã dự kiến được sự phát triển của tiến trình chiến tranh và các hoạt động quân sự; đề ra được các quyết định: xác định ý đồ và kế hoạch các chiến cục và chiến dịch có tính chất chiến lược, các phương thức hành động quân sự trong từng giai đoạn chiến tranh cho từng chiến trường nói riêng; bảo đảm toàn diện về vật chất và về tổ chức cho các quyết định lãnh đạo chiến lược, và cuối cùng, cần phải chỉ ra cơ sở chính trị của sự lãnh đạo chiến lược.

Nhiệm vụ tiêu diệt bọn xâm lược Hít-le xâm phạm các thành quả của chủ nghĩa xã hội, xâm phạm toàn thể loài người, đã quyết định cả mục đích chiến lược của Liên Xô trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại đang được triển khai. Sự phụ thuộc của chiến lược vào chính trị biểu hiện trực tiếp ở mục đích của các bên tham chiến, trong quá trình chiến tranh và kết thúc chiến tranh. Các mục đích chiến tranh chính nghĩa và giải phóng của khối liên minh chống Hít-le đã giữ vai trò quyết định trong việc động viên các lực lượng nhân dân đứng lên chống bọn xâm lược, tạo nên những yếu tố kích thích về đạo đức và tinh thần của các chiến sĩ—những đức tính rất quan trọng để giành chiến thắng. Đại bản doanh xô-viết, cũng như những người đang thực hiện chỉ thị của Đại bản doanh ngoài chiến trường, không cảm thấy một sự «quá tải chính trị» nào của chiến lược như một số sử gia^[12] phương Tây thường nói, họ đã hình dung một cách mơ hồ những cơ sở tiến hành chiến tranh của bất cứ nước nào.

Như đã nói ở trên, cơ quan chỉ đạo chiến lược chủ yếu là Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao (lúc đầu lấy tên là Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh), được thành lập ra để chỉ huy các hành động quân sự. Trong suốt cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, hệ thống chỉ huy tiêu biểu là Đại bản doanh — phương diện quân, hạm đội, tập đoàn quân độc lập. Nhưng Bộ tổng tư lệnh tối cao lại có thể nói chuyện bằng vô tuyến điện, điện tín và điện thoại với bất kỳ tập đoàn quân nào của phương diện quân. Vấn đề này trở thành rất đơn giản sau khi đã xây dựng được hệ thống thông tin liên lạc bằng điện thoại cao tần tới từng tập đoàn quân.

Khi tổ chức ra các Bộ tổng tư lệnh thì hệ thống chỉ huy càng trở nên phức tạp. Lúc bắt đầu chiến tranh, các Bộ tổng tư lệnh được thành lập trên ba hướng chiến lược không được bảo đảm đầy đủ các cơ quan chỉ huy và các phương tiện thông tin liên lạc. Vì vậy, các cơ quan đó không làm tròn nhiệm vụ và sau đấy phải giải thể. Nhưng đến năm 1945, vào thời kỳ tiêu diệt đạo quân Quan Đông của đế quốc Nhật, nguyên soái Liên Xô A. M. Va-xi-lép-xki giữ chức Tổng tư lệnh ở Viễn Đông, lúc đầu đã có một nhóm, sau đó là một cơ quan tham mưu không lớn lắm do

tướng X. P. I-va-nốp làm tham mưu trưởng.

Cơ quan công tác của Đại bản doanh là Bộ tổng tham mưu. Trong chương một đã nêu rõ các chức năng của nó. Còn các cơ quan khác cũng có ý nghĩa to lớn trong việc chỉ đạo chiến lược. Nhiệm vụ của các cơ quan này không cần phải giải thích thêm.

Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản đã lãnh đạo chính trị các Lực lượng vũ trang, thông qua các cơ quan của mình trong quân đội và trong hải quân là Tổng cục chính trị Hồng quân và Tổng cục chính trị Hải quân. Những cơ quan này hoạt động với tư cách là những bộ phận của Ban chấp hành Trung ương, những cục chính trị và cơ quan chính trị. Mùa hè năm 1942, theo quyết định của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng thì đồng chí A. X. Séc-ba-cốp, ủy viên dự khuyết Bộ chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng được chỉ định làm Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân.

Cục chính trị của các phương diện quân và hạm đội, ban chính trị của các tập đoàn quân, các chi hạm đội, quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn đều hướng mọi hoạt động của mình nhằm ra sức tăng cường sức mạnh chiến đấu của quân đội và hạm đội, giáo dục phẩm chất đạo đức cao cho các chiến sĩ xô-viết.

Tổng cục xây dựng và bổ sung các đơn vị của Hồng quân chủ yếu chăm lo việc xây dựng lực lượng dự bị và các nguồn bổ sung. Cơ quan tham mưu của các tư lệnh các quân chủng và binh chủng (không quân, phòng không, pháo binh, xe tăng, thiết giáp, công binh, thông tin liên lạc) chuẩn bị các kế hoạch phát triển và sử dụng các đơn vị của mình trong các chiến dịch. Việc lãnh đạo hậu cần của Hồng quân do đồng chí chủ nhiệm hậu cần và cơ quan tham mưu của đồng chí thực hiện. Bộ tham mưu trung ương, các cơ quan tham mưu phong trào du kích của các nước cộng hòa và các tỉnh điều khiển hoạt động của du kích.

Như đã nói ở trên, các đại diện của Đại bản doanh giữ một vai trò rất đặc biệt. Các đồng chí đó được phái xuống các đơn vị tùy theo sự cần thiết để phối hợp hành động giữa các phương diện quân trong các chiến dịch có tính chất chiến lược và kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Đại bản doanh. Ở đây, chúng ta cần nói đến các đại diện của Đại bản doanh về mặt binh chủng. Thông thường các đồng chí đó công tác trong cùng một nhóm với những người chỉ huy bộ đội hợp thành, nhưng có những trường hợp cá biệt, các đồng chí đó làm việc độc lập. N. N. Vô-rô-nốp, A. A. Nô-vi-cốp, Ph. I-a. Pha-la-lê-ép, N. Đ. I-a-cô-vlêp và một số nhà chỉ huy quân sự khác đã được chỉ định làm đại diện như thế.

Những hình thức chỉ đạo này là cần thiết, và có thể nói là không tránh khỏi trong điều kiện thời chiến. Hồi ấy, chúng ta phải giải quyết rất nhiều nhiệm vụ cực lớn, mà trong khuôn khổ suy nghĩ của một cá nhân không sao thực hiện nổi. Hình thức làm việc tập thể đều được tổ chức ở tất cả mọi cấp trong quân đội dưới hình thức các hội đồng quân sự của phương diện quân và tập đoàn quân, cũng như trong hệ thống phân nhánh của công tác tham mưu.

Nguyên soái Liên Xô B. M. Sa-pô-sni-cốp đã định nghĩa một cách có hình ảnh và chính xác vai trò của các cơ quan tham mưu trong tác phẩm cơ bản của đồng chí: «Bộ não của quân đội». Các cơ quan tham mưu đã bổ sung được những gì mà một người chỉ huy không thể thực hiện được, nói cho đúng hơn là đã chuẩn bị cơ sở cho người chỉ huy ra quyết định. Sau đó, căn cứ vào quyết định đã được thông qua, cơ quan tham mưu sẽ lập kế hoạch, thống nhất và phối hợp mọi cố gắng của tất cả những người cần thiết cho thắng lợi của trận đánh, của trận chiến đấu

và chiến dịch. Bộ chỉ huy sẽ sử dụng các kiến thức và hoạt động tổ chức của những người ấy để phục vụ cho việc giải quyết nhiệm vụ được giao phó. Cơ quan tham mưu tổ chức và thực hiện mọi biện pháp cần thiết nhằm triệt để thực hiện quyết định của người chỉ huy.

Từ thời xa xưa đã có quân đội và chiến tranh, nhưng lúc đó chưa có cơ quan tham mưu. Cơ quan tham mưu chỉ ra đời khi nghệ thuật quân sự đã phát triển tới một trình độ nhất định, mà vị thống soái không thể một mình làm trọn nhiệm vụ chỉ huy bộ đội được.

Năm 1857, Ăng-ghe-ni viết: «Để tạo khả năng cho người tư lệnh các tập đoàn quân và quân đoàn và cho các sư đoàn trưởng chỉ huy các đơn vị được giao phó, trong phạm vi quyền hạn của mình ... người ta đã thành lập ra một cơ quan đặc biệt chỉ gồm có các sĩ quan, và gọi nó là cơ quan tham mưu»^[13].

Mãi về sau này mới xuất hiện sự cần thiết phải có cơ quan tham mưu phức tạp. Cách đây hai trăm năm không cần có những cơ quan tham mưu phức tạp như vậy, vì chưa có những đạo quân đông và kết cục chiến tranh được giải quyết bằng một trận chiến đấu lớn, trong điều kiện vị thống soái có thể quan sát được toàn bộ chiến trường. Việc cung cấp cho quân đội được tiến hành bằng những phương tiện vận chuyển thô sơ và chỉ bó hẹp ở những vật phẩm tiêu dùng tối thiểu. Các hình thức thông tin phức tạp chưa có, các sĩ quan tùy tùng và cần vụ đi ngựa cũng đủ bảo đảm cho việc chỉ huy trận đánh. Trong điều kiện đó, các cơ quan tham mưu chưa giữ vai trò như trong điều kiện hiện nay, mà chủ yếu chỉ thực hiện các chức năng hành chính. Không phải ngẫu nhiên mà lịch sử đã không ghi lại tên tuổi nhiều tham mưu trưởng bên cạnh những nhà cầm quân vĩ đại. Có lẽ, chỉ có các chuyên gia nghiên cứu mới biết rằng, tham mưu trưởng của Na-pô-lê-ông là thống chế Béc-chi-ê, một người có năng lực làm việc kỳ lạ, có trí nhớ diệu kỳ, và biệt tài biến các chỉ thị chung của Na-pô-lê-ông thành những đoạn văn mệnh lệnh chính xác. Na-pô-lê-ông đã nói đến con người ấy là: Béc-chi-ê có tài «trình bày những biến động phức tạp nhất của quân đội thành các báo cáo rõ ràng và đơn giản». Mà phải chăng đã có nhiều người biết đến tướng Ben-ních-xen, tham mưu trưởng của M. I. Cu-tu-dốp? Ông cũng là một con người kiệt xuất. Thật vậy, ngày nay người ta còn biết về vị giám đốc nhiều hơn là người kỹ sư trưởng. Nhưng đó lại là vấn đề khác.

Nhiều năm đã trôi qua, nội dung và hình thức tiến hành chiến đấu và chiến tranh nói chung đã thay đổi, quân đội đông quân số hơn. Do sự phát triển của vũ khí và trang bị, do sự thay đổi quân số nên chiến thuật và chiến lược cũng thay đổi, xuất hiện nghệ thuật chiến dịch. Vai trò và ý nghĩa của các cơ quan tham mưu cũng thay đổi theo: các cơ quan tham mưu từ chỗ là cơ quan hành chính dần dần biến thành cơ quan thực sự tổ chức và chỉ huy các hành động chiến đấu của bộ đội trên mọi quy mô. Tất cả các quân đội hiện đại trên thế giới từ lâu đã có một tổ chức hoàn chỉnh của các cơ quan tham mưu và công tác tham mưu do những người có trình độ nghiệp vụ cao thực hiện, tức là những quân nhân chuyên nghiệp.

Ngày nay, cơ quan tham mưu tiến hành công tác cần thiết nhằm chuẩn bị và tổ chức trận đánh, chiến đấu, chiến dịch và chiến tranh nói chung. Cơ quan tham mưu thu thập các tin tức về địch, ta, địa hình, lập các bảng tính thời gian, tính toán quân số, trang bị và khí tài kỹ thuật, phân tích các tin tức nhận được, từ đấy rút ra các kết luận, báo cáo với tư lệnh (người chỉ huy) và dựa vào sự phân tích tình hình mà đề ra phương án giải quyết. Trên cơ sở quyết định đã được tư lệnh thông qua, cơ quan tham mưu lập kế hoạch trận đánh và chiến dịch, soạn thảo mọi văn kiện cần thiết (mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch, v. v.), đệ trình phê chuẩn các văn kiện ấy,

sau đó truyền đạt cho những đơn vị chấp hành, rồi sau đó kiểm tra việc chấp hành các quyết định đã được tư lệnh thông qua. Như vậy là, trong điều kiện hiện nay, nếu không có cơ quan tham mưu thì cũng sẽ không có cả vị thống soái mà tính tích cực sáng tạo của người đó sẽ bị những công việc vụn vặt hàng ngày lôi cuốn đi.

Một số người coi cơ quan tham mưu như là trung tâm máy tính, hoặc như là một tổ chức giống như phòng kế toán. Không có gì phải tranh cãi cả, cơ quan tham mưu làm ra nhiều con tính mà không một ai có thể làm được, dù thông minh đến đâu đi nữa. Nhưng đấy lại không phải là công việc máy móc, mà là một thứ lao động đòi hỏi trí thông minh và có định hướng mà máy móc không thể nào làm nổi. Quả vậy ngày nay máy móc đang giúp cho con người làm các con tính, nhưng lại không thể suy nghĩ thay cho con người được. Trừ những trường hợp hiếm có, mỗi con tính đều làm sáng tỏ một sự tìm kiếm, một phán đoán, một giả thuyết; nó được tiến hành nhằm mục đích phát hiện, chứng minh hoặc bác bỏ một cái gì đó và phải do một tập thể lớn những con người giàu kinh nghiệm, có trình độ hiểu biết chung và trình độ chuyên môn khá, mới hoàn thành một cách tốt đẹp được. Chỉ có sự suy nghĩ chung của tập thể, liên hệ thường xuyên và mật thiết với hoàn cảnh chiến tranh mới có thể rút ra một cách có tổ chức, từ các nguồn thông tin, tất cả những gì là bổ ích và cần thiết cho việc hình thành quyết định đúng đắn của nhà cầm quân.

Chúng ta hãy nói đến các nhiệm vụ cụ thể của cơ quan tham mưu. Các nhiệm vụ ấy chủ yếu có quan hệ tới việc phải cung cấp thường xuyên cho trí tuệ của nhà cầm quân các tài liệu cần thiết để ra quyết định. Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ nhận, hay như các nhà quân sự thường nói là thu thập các tài liệu ấy, xử lý và báo cáo cho nhà cầm quân. Tất nhiên, muốn làm được công việc đó, cần có các cơ quan tổ chức thu thập, xử lý các số liệu và báo cáo cho người chỉ huy quân sự. Trong mỗi bộ tham mưu đều có các cơ quan như thế. Các cơ quan đó tiến hành các công việc hàng ngày, tỉ mỉ, có lúc là những công việc bình thường, «cảnh nguyệt quế» thì chưa thấy đâu, song hàng ngày chỉ có thể gặp những điều khó chịu mà thôi.

Có thể nói rằng, trong chiến tranh không việc gì là không có liên quan tới cơ quan tham mưu. Một số loại công tác có tính chất bắt buộc và là loại hoạt động tham mưu hết sức quan trọng. Trước hết phải kể đến công tác trinh sát, một trong những chức năng hàng đầu và quan trọng nhất của các cơ quan tham mưu. Công tác trinh sát phải tiến hành liên tục từ khi bắt đầu chiến tranh cho đến khi kết thúc chiến tranh, phải tiến hành thường xuyên và ở khắp mọi nơi — trong chiến đấu, trong hành quân và trong lúc nghỉ ngơi, trên mặt đất, trên không và trên biển, ở hậu phương gần và hậu phương xa; phải tiến hành bằng mọi biện pháp, mọi phương tiện có thể có — bằng quan sát, bằng phái đi các tổ đặc biệt và tình báo viên, bằng rình nghe, bằng xác định phác họa tọa độ các mục tiêu của địch, bằng các phương tiện vô tuyến điện tử và các phương tiện khác, bằng chụp ảnh và cuối cùng, bằng chiến đấu. Không phải vô cớ mà những yêu cầu chủ yếu đối với trinh sát là phải tiến hành trinh sát liên tục, kịp thời và chính xác. Công tác trinh sát được tổ chức và tiến hành tùy thuộc vào khả năng của cơ quan tham mưu. Cơ quan tham mưu càng cao thì càng có nhiều lực lượng và phương tiện, càng tiến hành trinh sát bằng nhiều phương pháp khác nhau. Cơ quan tham mưu cao nhất tổ chức và tiến hành trinh sát bằng mọi lực lượng và phương tiện của mình.

Công tác trinh sát đã được tổ chức và hoạt động như thế nào. Các báo cáo của cơ quan trinh sát không được có thiếu sót. Nhưng tất cả những báo cáo ấy thường có chung một đặc điểm là

đường như chúng đã chụp ảnh các sự kiện; trinh sát viên báo cáo những gì mình trông thấy, nghe thấy và khai thác được. Còn cơ quan tham mưu tiến hành trinh sát phải rút ra kết luận là những tiến trình gì ẩn náu sau các bức ảnh đó, các sự kiện ấy nói lên cái gì và tại sao lại phản ánh trong đó, dịch mưu toan hành động những gì và như thế nào. Thế nhưng, các kết luận ấy thật không đơn giản! Trước hết, các tin tức trinh sát nhận được thường mâu thuẫn, có lúc được thổi phồng lên hoặc bị bóp bẹp quá mức, có lúc lại không đúng sự thật. Sau khi sàng lọc tỉ mỉ, nghiên cứu và phân tích cẩn thận, chúng ta mới chọn được trong cả mớ tin tức trinh sát hỗn độn ấy tất cả những cái gì quý giá xác thực, để trên cơ sở đó mà rút ra kết luận.

Ví dụ, trong thời kỳ diễn ra trận đánh bảo vệ Mát-xcơ-va, chúng ta đã biết dịch khá rõ để có thể xác định đúng ý đồ, tính chất và hướng hành động của chúng. Chúng ta nắm được mức độ cố gắng của quân địch trên tất cả các mặt trận tiến công của chúng. Vì vậy, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô mới ra quyết định chuyển sang phản công ở ngoại vi Mát-xcơ-va vào thời cơ thích hợp nhất. Trận đánh ở Xta-lin-grát, tình hình cũng diễn ra như vậy.

Ở Vòng cung Cuốc-xcơ thì tình hình diễn biến có khác đôi chút. Tháng Năm 1943, căn cứ vào toàn bộ tin tức trinh sát, chúng ta đi tới kết luận là ở khu vực này, sẽ có trận giao chiến rất lớn, quyết định nhiều vấn đề trong tiến trình chiến tranh. Bộ tổng tham mưu làm việc căng thẳng suốt ngày đêm để phân tích các báo cáo của cơ quan trinh sát. Cũng giống như mọi lần, các tin tức ấy không thống nhất với nhau, nhưng dần dần cũng đi tới một ý kiến chín muồi là địch có thể chuyển sang tiến công ở khu vực Cuốc-xcơ trên mặt trận Xô-Đức vào khoảng từ ngày 10-12 tháng Năm. Chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao kết luận ấy vào ngày 8 tháng Năm, và cũng ngay trong ngày hôm ấy, chúng tôi đã báo trước cho bộ đội biết. Lúc đó không một ai nghi ngờ gì về tính chính xác của kết luận đó. Thế nhưng... địch không tiến công.

Trong khi ấy, trinh sát vẫn tiếp tục hoạt động, thu thập các tin tức về cuộc tiến công mà quân phát-xít Đức đang chuẩn bị ở Cuốc-xcơ. Bộ tổng tham mưu lại kết luận là địch sẽ chuyển sang tiến công từ ngày 19-26 tháng Năm. Lần thứ hai, chúng tôi lại báo trước cho các phương diện quân biết, thế nhưng cuộc tiến công của địch vẫn không xảy ra! Chúng tôi tiến hành kiểm tra lại hết tất cả, rồi lại rút ra kết luận về cuộc tiến công sắp tới của quân địch; lần này vào khoảng từ ngày 3-6 tháng Bảy. Bộ đội đều được báo trước về thời hạn địch có thể chuyển sang hành động tích cực. Cuối cùng tiến trình thực tế các sự kiện diễn biến đã khẳng định kết luận đó: như chúng ta đều biết, sáng 5 tháng Bảy, địch đã bắt đầu tiến công.

Phải nói rằng, trong trường hợp này, Bộ tổng tham mưu Liên Xô không lần nào phạm sai lầm khi phân tích các tin tức. Quân địch đã thật sự sẵn sàng chuyển sang tiến công và chỉ chờ đợi hiệu lệnh. Nhưng Hít-le, kẻ phát hiệu lệnh, không dám cho quân lính của hắn tiến lên trong phương án một và phương án hai. Mãi tới phút cuối cùng của thời hạn tiến công đã định, địch mới bắt đầu tiến công.

Đôi khi, việc so sánh các tin tức trinh sát đã thu được lại có thể cung cấp cho ta một bức tranh hoàn toàn mới về sự bố trí lực lượng của địch, do đó phát hiện ra các ý định của địch. Tôi xin dẫn sự kiện xảy ra hồi tháng Ba 1945, khi chúng ta phát hiện tập đoàn quân xe tăng 6 SS được điều động tới khu vực Bu-đa-pét. Trước đó ít lâu, các nước đồng minh thông báo cho chúng ta biết quả đấm xung kích mạnh của địch hoàn toàn nhằm vào địa điểm khác, chứ không phải vào Bu-đa-pét. Căn cứ vào các tin tức trinh sát ta thu được, Bộ chỉ huy Liên Xô đã rút ra kết luận đúng đắn về ý định tích cực và âm mưu của địch trong khu vực thủ đô Hung-ga-ri và

đề ra những biện pháp cần thiết. Kết quả là các kế hoạch của Bộ chỉ huy phát-xít Đức đã bị phá sản.

Những dẫn chứng như trên có thể còn nhiều, và qua đó rõ ràng là cơ quan tham mưu quả có khó khăn khi phân tích các hành động sắp tới của địch, mà đó lại là nhiệm vụ hết sức quan trọng; nếu cơ quan tham mưu báo cáo với bộ chỉ huy các kết luận không chính xác về địch và âm mưu của chúng thì cũng rất dễ làm cho bộ chỉ huy lầm lẫn.

Khi phân tích các tin tức trinh sát, chúng ta có thể mắc sai lầm là lấy điều mình mong muốn coi như là sự thật. Khả năng này cũng dễ xảy ra, nếu như chúng ta ít nắm được các dấu hiệu về ý đồ của địch. Điều đó được chứng minh bằng sự thất bại của quân đoàn xe tăng 11 của tướng Rút-kin ở Cô-ven, do không đánh giá đúng các hành động của địch; hoặc sự tính toán sai lầm nghiêm trọng của bộ tư lệnh phương diện quân Tây-Nam vào mùa đông năm 1943, về ý định của địch. Thật ra, không phải địch đã bỏ chạy đến sông Đni-ép-rơ như chúng ta phán đoán, mà chúng được bố trí lại để chiến đấu phòng ngự, rồi sau sẽ chuyển sang phản công. Các kết luận về hành động của địch hồi ấy chỉ dựa vào mỗi một dấu hiệu là thấy quân lính địch vội vã rút chạy về hướng Tây. Như bạn đọc đã thấy, muốn có kết luận đúng đắn mà chỉ dựa vào độc một dấu hiệu thì chưa đủ.

Trong công tác trinh sát, các dấu hiệu mới thoát nhìn tuy rất nhỏ, song đôi khi lại có ý nghĩa rất lớn. Ví dụ, trong thời kỳ chuẩn bị trận đánh ở Cuốc-xơ, chúng ta rất băn khoăn khi được tin có một bộ phận của cánh quân Oóc-lốp của địch đang chiến đấu với bộ đội của các phương diện quân Tây và Bri-an-xơ. Bộ phận của cánh quân này có thể là nguồn bổ sung trước mắt cho các lực lượng của Hít-le để tiến công Cuốc-xơ. Trước đó, chúng ta không thấy có một dấu hiệu thay đổi nào trong sự bố trí của địch, nhưng bất chợt tướng M. M. Pô-pốp lúc được chỉ định làm tư lệnh phương diện quân Bri-an-xơ lại báo cáo bằng điện thoại về Bộ tổng tham mưu rằng, hình như địch đang bố trí lại lực lượng thế nào ấy. Và lúc này, đồng chí cũng chưa được biết chi tiết gì hơn.

Việc quân địch bố trí lại là do một chiến sĩ đã từng trải của chúng ta nhận xét thấy. Khi đồng chí tư lệnh ra ngoài tiền duyên để tìm hiểu địa hình dải phòng ngự của phương diện quân, có hỏi một chiến sĩ rằng: «Đối diện với các đồng chí là kẻ địch nào», thì chiến sĩ ấy đã báo cáo một cách tin tưởng là hiện nay quân Đức đang có sự thay phiên.

Đồng chí tư lệnh quan tâm tới nhận xét ấy và đồng thời có sự cảnh giác: cơ quan trinh sát không hề báo cáo gì về sự thay phiên đó. M. M. Pô-pốp hỏi người chiến sĩ: «Căn cứ vào đâu mà đồng chí phán đoán như vậy?»

- Thừa đồng chí đại tướng, bọn Đức hiện nay không phải là bọn Đức trước, — người chiến sĩ trả lời. — Trước đây, bọn lính cũ đi thẳng người, thường hay bắn vào những khu vực đã định, lúc bảy giờ sáng và một giờ trưa thì bọn chúng ngừng tiếng súng. Hình như lúc ấy bọn chúng ăn bữa sáng và ăn bữa trưa. Ngày ngày vẫn diễn ra đúng như vậy. Còn bọn mới đến thì ai cũng nhận thấy là chúng bắn lẻ tẻ, đi lại cúi lom khom, lúc thì chạy, lúc thì bò, tìm mọi cách ẩn nấp. Chúng lại nghỉ ăn bữa sáng và ăn bữa trưa vào thời gian khác...

Đồng chí tư lệnh cảm ơn người chiến sĩ, rồi sau đó tổ chức đội trinh sát mạnh bám riết khu vực đó. Đội trinh sát bắt được một cái «lưỡi» của một binh đoàn địch vừa được điều động tới tiền duyên. Lần trinh sát đó và một lần trinh sát tiếp sau giúp ta có thể xác định rằng địch đã

cho thay thế một phần các sư đoàn đã bị suy yếu nhiều trong các trận đánh trước đây, rút chúng về phía sau gần nhất để bổ sung và nghỉ ngơi.

Trường hợp phát hiện được tuy nhỏ như vậy, nhưng lại là một bằng chứng để xác minh thêm rằng, bộ chỉ huy Đức không có ý định lấy quân của chúng ở đây để tăng cường cho hướng Cuốc-xơ.

Một trong những điều tối kỵ trong công tác của bất kỳ người sĩ quan tham mưu nào, đặc biệt đối với người chiến sĩ trinh sát, là cố «đoán» những suy nghĩ của người chỉ huy, dùng báo cáo của mình để «chứng minh» những suy nghĩ đó và nguy hiểm nhất là bản báo cáo lại trái với những suy nghĩ đó. Trên thực tế, tình hình ấy thường dẫn đến chỗ đánh giá không đúng các sự kiện, bóp méo thực tế một cách tùy tiện. Hậu quả sẽ là quyết định sai, đánh không thắng, hơn nữa chiến đấu thất bại. Dám dùng cảm báo cáo sự thật cay đắng và có ý kiến riêng của mình trước khi người chỉ huy hoặc người tư lệnh ra quyết định: đó là những phẩm chất chân chính của người sĩ quan tham mưu tốt. Tất nhiên, báo cáo những sự thật không hài lòng cũng không phải là việc dễ, vì người báo cáo có thể sẽ là người đầu tiên chịu sự nóng giận hoặc bất bình của người thủ trưởng. Nhưng phải tôn trọng chân lý. Chỉ muốn gây những cảm giác dễ chịu cho thủ trưởng thôi thì thường không có lợi cho công tác.

Thu thập tin tức về tình hình bộ đội ta cũng là một nhiệm vụ quan trọng của cơ quan tham mưu. Tất nhiên, việc này dễ làm hơn là rút ra những kết luận về địch. Thế nhưng, đó không phải là một công tác có tính chất kỹ thuật, thêm nữa nó là một công việc tốn rất nhiều công sức. Ở đây cũng có những đặc điểm riêng của nó.

Vấn đề là ở chỗ, người chỉ huy và cơ quan tham mưu đánh giá tình huống và hoàn cảnh của bộ đội ta xuất phát từ những quan điểm ít nhiều chật hẹp và cục bộ. Những quan điểm đó bị hạn chế bởi khu vực hoặc dải hoạt động của mình, nên các kết luận về các sự kiện thường không tính đến tình huống mà cấp trên đã biết. Ngoài ra, người chỉ huy vì chịu trách nhiệm về những hoạt động của binh đội hoặc binh đoàn của mình, nên tất nhiên đều muốn làm cho hoạt động của mình có vẻ tốt. Vì vậy, dù muốn hay không, họ cũng có xu hướng tô đậm thêm thực tế. Cơ quan tham mưu cần phải phân tích kỹ toàn bộ tính chất phức tạp của các vấn đề khách quan và chủ quan đó và phải tìm ra chân lý. Như tôi đã viết là có đồng chí tham mưu trưởng đã bị mang vạ do không báo cáo với Bộ tổng tham mưu về một điểm dân cư lớn đã bị địch chiếm đóng, vì quá tin vào lời hứa của những người chỉ huy cấp dưới của mình là «chúng tôi sẽ chiến đấu chiếm lại ngay trong ngày hôm nay». Thế nhưng, điểm dân cư ấy vẫn bị địch chiếm và đồng chí tham mưu trưởng đã bị cách chức.

Trong những năm chiến tranh, những trợ lý của Bộ tổng tham mưu chúng tôi có biệt tài bắt mạch được các báo cáo ở ngoài mặt trận gửi về. Ví dụ, khi báo cáo là địch «đã ít nhiều xâm nhập được vào tuyến phòng ngự của ta», hoặc xấu hơn là địch «đã phần nào đánh bật được một bộ phận bộ đội ta», thì chúng tôi hiểu ngay rằng nhất định phải kiểm tra những lời diễn đạt như thế và phải tìm mọi cách để xác định ý nghĩa chính xác của chúng. Trong thực tế đã có trường hợp: sau khi nhận báo cáo được một ngày thì địch đã tiến sâu, cách tiền duyên trong tung thâm tuyến phòng ngự của ta 10-20 ki-lô-mét và hơn một tí. Đấy, các đồng chí thử hình dung xem địch «đã phần nào đánh bật được một bộ phận» ra sao? Tóm lại, cơ quan tham mưu

không nên chỉ thu thập một cách không suy nghĩ những báo cáo gửi đến, mà phải đi sâu phân tích mỗi dòng trong báo cáo và rút ra kết luận.

Ví dụ dưới đây là hậu quả việc làm cầu thả của một cán bộ tham mưu. Có một lần, báo cáo tổng kết chiến đấu trong ngày của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ gửi về có đoạn viết là bộ đội ta đã phản công thắng lợi và chiếm được 100 khẩu pháo của địch. Đồng chí chủ nhiệm khu vực mặt trận đã nhận báo cáo này bằng điện báo, sau đó cho đánh máy, chứng thực và gửi lên Đại bản doanh như vẫn thường làm. Sớm hôm sau, I. V. Xta-lin gọi điện thoại hỏi tôi:

- Chúng ta chiếm được cả đạn pháo nữa chứ?

Tôi không rõ. I. V. Xta-lin nói:

- Đồng chí hãy hỏi xem và báo cáo cho tôi biết.

Tôi lập tức liên hệ với tham mưu trưởng phương diện quân. Đồng chí này cũng không biết và hứa sẽ cho tìm hiểu ngay rồi gọi điện thoại cho tôi. Thời gian trôi qua. Chừng hai tiếng đồng hồ sau, Tổng tư lệnh tối cao lại gọi điện thoại và nói thêm:

- Nếu có đạn thì với số pháo phương diện quân đã thu được chúng ta có thể tổ chức ít ra là 20 khẩu đội pháo. Phải thế không?

Tôi trả lời khẳng định: đúng như vậy. Rồi đồng chí lại hỏi:

- Đã nắm được tình hình chưa, bao nhiêu đạn?

- Vẫn chưa nắm được, — tôi trả lời.

I. V. Xta-lin đặt ống nghe xuống, tôi cảm thấy rõ ràng là đồng chí rất không hài lòng.

Tôi lại liên hệ với tham mưu trưởng phương diện quân. Lần này, tôi được biết là không phải chúng ta đã chiếm được 100 khẩu pháo, mà tất cả chỉ có 10 khẩu, trong đó, 6 khẩu đã bị phá hủy, chỉ có 4 khẩu là còn dùng được; còn ai đã báo cáo và tại sao lại xảy ra như vậy thì bộ tham mưu phương diện quân đang phân tích.

Rắc rối to rồi. Tôi đi ngay tới chỗ A. I. An-tô-nốp và báo cáo với đồng chí câu chuyện vừa mới nhận được của tham mưu trưởng phương diện quân.

- Đúng, đồng tổ sắp đến nơi, — A. I. An-tô-nốp nói.— Chúng ta chưa nên gọi điện báo cáo với Xta-lin, tốt hơn hết là chúng ta sẽ trực tiếp báo cáo vào buổi tối. Còn nếu đồng chí hỏi đến, chúng ta đành phải báo cáo đúng như vậy thôi...

Đến tối, chuông điện thoại không thấy reo, và trong buổi báo cáo thường kỳ ở điện Crem-li, Tổng tư lệnh tối cao lại nhắc đến các khẩu pháo bất hạnh đó. Đúng như chúng tôi dự kiến, đồng tổ nổi lên: chúng tôi phải nghe những lời lẽ rất gay gắt phê phán chúng tôi và các ban tham mưu nói chung, nào là thiếu trách nhiệm, lơ là trong công tác, khờ khạo, tắc trách, thiếu kiểm tra... Cuối cùng, A. I. An-tô-nốp được lệnh phải trực tiếp điều tra việc này và báo cáo tên người đã phạm sai lầm ấy.

Qua điều tra, chúng tôi được biết Hội đồng quân sự phương diện quân viết trong báo cáo là 10 khẩu pháo, song khi truyền qua máy «Bô-đô», các điện báo viên đã ghi nhầm con số và truyền đi là 100. A. I. An-tô-nốp báo cáo về vấn đề này và nói rằng, Bộ tổng tham mưu đã áp dụng những biện pháp kiểm tra thật nghiêm ngặt, để từ nay về sau không mắc phải những sai lầm như vậy nữa. Đồng chí không báo cáo tên người phạm sai lầm.

Xta-lin rít mạnh tẩu thuốc, đi lại dọc theo cái bàn trải bản đồ và nói:

- Tất nhiên là cần phải nhắc nhở các cô điện báo viên phải chú ý... Nhưng bắt lỗi họ làm sao: vì họ không hiểu được nội dung bức điện. Mà chính đồng chí trợ lý nào nhận báo cáo đáng lẽ phải có trách nhiệm kiểm tra tính chất chính xác của các con số. Vì đây không phải là 2 khẩu pháo, và cũng không phải ngày nào chúng ta cũng chiếm được một số lượng pháo như vậy, mà có lẽ, đây là lần đầu tiên kể từ ngày bắt đầu chiến tranh...

Đồng chí còn nói hồi lâu về vấn đề này, sau đó hỏi tôi:

- Đồng chí trợ lý nào nhận báo cáo?

Tôi trả lời là đồng chí chủ nhiệm hướng trực tiếp nhận ở máy.

- Phải cách chức đồng chí ấy! Cử đồng chí ấy làm công việc gì ít quan trọng hơn và không để trong Bộ tổng tham mưu nữa...

Trên đây, chúng ta mới chỉ nói đến một mặt hoạt động của tham mưu là thu thập tin tức về tình hình các đơn vị bộ đội. Nhưng ngoài ra, còn cần phải biết chính xác tình trạng, khả năng chiến đấu của các đơn vị ấy, tức là số lượng các phân đội, binh đội, binh đoàn, số lượng trang bị và khí tài kỹ thuật; việc bảo đảm các phương tiện vật chất khác; sự hiện có và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ chỉ huy, tình trạng chính trị tinh thần và trình độ huấn luyện của các đơn vị. Đó cũng là một công việc rất quan trọng. Chúng ta không những phải thu thập tất cả những tài liệu ấy, mà còn phải biết phân tích tỉ mỉ những tài liệu ấy.

Các yếu tố có liên quan đến việc đánh giá tình hình đều được phân tích trong tất cả các cấp của tổ chức quân sự, từ trung đoàn cho đến Bộ tổng tham mưu. Đồng thời, Bộ tổng tham mưu còn đánh giá cả những nhân tố khác, chỉ có ở các cơ quan tham mưu cấp trên. Trước hết, đó là tình hình chính trị-quân sự của địch, của các nước đồng minh và của bản thân nước ta. Tất nhiên, không phải cứ mỗi một chiến dịch đều tiến hành đánh giá tình hình quân sự-chính trị. Trừ trường hợp ngoại lệ hiếm có, còn tình hình quân sự-chính trị thường hay thay đổi dần dần, và chúng ta thường phân tích nó theo từng thời kỳ. Bộ tổng tham mưu rút ra những tài liệu cần thiết cho mình từ những kết luận đánh giá tình hình chung của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Sự đánh giá đầu tiên về tình hình quân sự-chính trị là báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng nhân dịp kỷ niệm lần thứ 24 ngày Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, và trong diễn văn của Tổng tư lệnh tối cao đọc tại Quảng trường Đỏ ngày 7 tháng Mười một 1941. Tình hình được xác định là trầm trọng và đang đe dọa đất nước ta. Sau này, trong cả quá trình cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, chúng ta bao giờ cũng phân tích tình hình vào trước ngày 1 tháng Năm — dựa theo kết quả chiến cục mùa đông, và trước ngày 7 tháng Mười một về kết quả chiến cục mùa hè. Trường hợp cá biệt, chúng ta còn tiến hành tổng kết các chiến dịch có ý nghĩa quyết định của một số phương diện quân, chẳng hạn như sau khi đánh lui cuộc tiến công của quân Đức tại Vòng cung Cuốc-xơ. Các bài phát biểu và nghị quyết của Tổng tư lệnh tối cao cùng với các văn kiện khác thường nói rõ những sự đánh giá ấy.

Trong từng giai đoạn chiến tranh lại có những vấn đề quân sự-chính trị riêng và có ý nghĩa đặc biệt, chẳng hạn vấn đề mở mặt trận thứ hai. Trong báo cáo nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã dành hẳn một phần để nói về vấn đề này. Những vấn đề có quan hệ chặt chẽ tới việc mở mặt trận thứ hai là vấn đề thực tiễn lập kế hoạch

các chiến dịch của chúng ta. Chẳng hạn trong năm 1942, chúng ta phải quyết định một vấn đề: có tính hoặc không tính đến những lời hứa của Anh và Mỹ về việc mở mặt trận thứ hai trong năm nay?

Trong mọi dịp phân tích tình hình quân sự-chính trị, chúng ta đều có đánh giá chung và riêng về mặt quân sự những kết quả của hai bên. Trong báo cáo nói trên của I. V. Xta-lin kết quả cuộc tiến công của quân phát-xít Đức vào mùa hè năm 1942 đã bị coi là thất bại, vì không thực hiện được các kế hoạch chiến lược của chúng. Đồng thời còn rút ra kết luận về khối liên minh chống Hít-le và về sự tất yếu sẽ chiến thắng quân thù.

Bạn đọc thấy là, chúng ta rất chú ý đến tình hình chính trị bên trong những nước có các Lực lượng vũ trang Liên Xô hoạt động trên lãnh thổ của họ. Khi lập kế hoạch các chiến dịch, Bộ tổng tham mưu chú ý đến tình hình đó, và có thể nói thẳng ra là, ở đây chúng ta thực hiện những biện pháp không hoàn toàn bình thường.

Khi lập kế hoạch hành động quân sự trước mắt và sắp tới, Bộ tổng tham mưu không những phải tính toán đến các dự trữ hiện có về trang bị, kỹ thuật, nhiên liệu và các loại cung cấp vật chất khác, mà còn phải nắm được khả năng công nghiệp sản xuất các sản phẩm quân sự và căn cứ vào đó để lập kế hoạch bảo đảm cho bộ đội hoạt động, dự kiến tình hình các nguồn dự trữ cho cả một thời gian sau, ví dụ như cho đến hết chiến dịch. Muốn vậy, Bộ tổng tham mưu phải nắm khá chi tiết tình hình của nền kinh tế. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể vạch ra triển vọng tiêu diệt địch, vạch ra một tiến trình có căn cứ và xác định mức triển khai các lực lượng tiến công quân địch, xây dựng các kế hoạch tác chiến thực tế. Trong chiến tranh, mọi chiến cục đều được lập kế hoạch như thế cả, với sự cân nhắc đầy đủ các khả năng kinh tế của đất nước.

Chúng ta còn cần phải chú ý theo dõi cả các nguồn dự trữ của địch. Công việc này càng khó khăn hơn, vì ở Liên Xô chúng ta không có những số liệu tương đối chính xác về các khả năng sản xuất của chúng. Do đó, trong từng trường hợp cá biệt cũng có những sai sót. Chẳng hạn như trong tháng Mười một 1941, Tổng tư lệnh tối cao nói: «Chắc chắn là nước Đức sẽ không thể chịu đựng nổi sự căng thẳng kéo dài. Chỉ độ vài tháng nữa, nửa năm, hoặc cũng có thể đến một năm, nước Đức Hít-le nhất định phá sản do tội lỗi trầm trọng của chúng». Nhưng quân địch nhờ huy động được nền công nghiệp và nền nông nghiệp của các nước châu Âu bị chúng chinh phục phục vụ cho quyền lợi của chúng, nên chúng chỉ «phá sản» khi các quốc gia bị chúng chiếm đóng được giải phóng và đuổi chúng về hang ổ của chúng.

Việc cung cấp phương tiện vật chất cho các phương diện quân lúc bắt đầu và trong quá trình chiến dịch đòi hỏi chúng ta phải làm rất nhiều bảng tính. Đây là những bài tính phức tạp với những con số rất lớn. Chúng ta phải làm việc hết sức cẩn thận với các số liệu về vận tải, vì hoàn cảnh chiến tranh khiến cho điều kiện vận tải hết sức phức tạp. Trọng tải chủ yếu là dựa vào đường sắt, mà đường sắt trong phạm vi hậu phương của các phương diện quân lại bị hư hỏng nặng, một số đoạn còn bị địch phá hủy. Chúng ta phải mất nhiều công sức và thời gian để khôi phục đường sá, cầu cống và các nhà ga. Vì vậy, các bảng tính về vận chuyển không những thường xuyên phải chỉnh lý và khắc phục những khó khăn mới nảy sinh, mà có lúc phải làm lại.

Ví dụ như các bảng tính về vận chuyển làm hồi trước chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a đã chỉ rõ rằng đường sắt có thể hoàn thành các nhiệm vụ của mình. Nhưng thực tiễn đã chỉnh lý các bảng tính ấy, do đó việc cung cấp các phương tiện vật chất và bổ sung quân cho các phương diện quân bị

gián đoạn. Các tư lệnh phương diện quân và đại diện của Đại bản doanh tại các phương diện quân đều lo lắng. Tại phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, khi đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki đang có mặt ở đó thì tình hình đặc biệt xấu. Đồng chí báo cáo với Mát-xcơ-va về tình hình vận chuyển và nói rõ với Tổng tư lệnh tối cao rằng, tất cả mọi việc đều phụ thuộc vào đường sắt. An-tô-nốp ủng hộ Va-xi-lép-xki bằng những con tính khiến cho I. V. Xta-lin thấy cần phải thúc giục Bộ dân ủy giao thông. Việc đó đã làm xong, nhưng chiến dịch bắt đầu hơi chậm một chút so với thời gian đã định.

Cuối cùng, Bộ tổng tham mưu lúc nào cũng phải tính tới khả năng tổn thất về sinh lực, trang bị và khí tài; phải dự kiến trước cách bổ sung, nguồn bổ sung và thời gian bổ sung. Không thể tiếp tục chiến đấu nếu số thiệt hại không được bù đắp kịp, không làm được như vậy thì phương diện quân tập đoàn quân đến cuối chiến dịch sẽ bị suy yếu, không đủ sức giữ vững các thành quả của mình. Trong chiến tranh cũng đã xảy ra những trường hợp như thế. Ví dụ như vào mùa đông năm 1943, phương diện quân Tây-Nam của N. Ph. Va-tu-tin đã vọt tiến đến sông Đni-ép-rơ, song lại phải rút về phía sau sông Bắc Đô-ne-txơ; và lúc đó phương diện quân Trung tâm cũng tiến công ở khu vực Đơ-mi-tơ-rốp-xcơ. Oóc-lốp-xki...

Cùng với các bảng tính về các yếu tố của tình hình quân sự lúc bắt đầu những chiến dịch lớn hoặc trong quá trình phát triển chiến dịch, Bộ tổng tham mưu còn nhất thiết phải báo cáo lên Đại bản doanh cả những dự đoán về sau này. Phải nói rằng Tổng tư lệnh tối cao (có lẽ do kinh nghiệm nhận định sai lầm của bản thân về thời gian nước Đức Hít-le tập kích vào Liên Xô và những dự kiến chưa đúng về khả năng các nguồn dự trữ chiến tranh của nước Đức phát-xít sẽ bị kiệt quệ) lúc đầu có ý hoài nghi những ý kiến của các cán bộ Bộ tổng tham mưu về khả năng phát triển của các sự kiện. Thế nhưng, cùng với việc tích lũy các lực lượng và phương tiện mà nhờ đó ban lãnh đạo chiến lược xô-viết đã có ảnh hưởng tích cực tới các hành động quân sự, nên thái độ không tin đối với những dự kiến của Bộ tổng tham mưu đã được A. M. Va-xi-lép-xki lập luận một cách toàn diện, dần dần cũng tiêu tan và sau đó biến mất hẳn.

Cần phải nhận thấy là trong mọi trường hợp, Bộ tổng tham mưu đều đã đánh giá tình huống rất linh hoạt, đã xem xét mỗi yếu tố tình huống trong tổng thể của mọi điều kiện khác đang tồn tại ở chiến trường. Tôi nhắc lại trường hợp chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh là tập đoàn quân tăng cận vệ 6 của tướng A. G. Cráp-tsen-cô thuộc thê đội một của phương diện quân, đã băng qua dãy núi Hưng An tiến vào Mãn Châu Lý. Trong tất cả các điều kiện tình huống khác, có lẽ không thể tiến hành nổi phương án hành động như vậy. Song ở đây, nó lại là phương án đúng đắn hơn hết.

Các kết luận dựa trên cơ sở phân tích toàn diện và đánh giá tình huống của Bộ tổng tham mưu đều được báo cáo lên Đại bản doanh, hoặc thường được trực tiếp báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Báo cáo của Bộ tổng tham mưu là cơ sở đề ra quyết định. Tất nhiên, quyết định mở chiến dịch của phương diện quân, hoặc của cụm phương diện quân sau khi có báo cáo của Bộ tổng tham mưu cũng vẫn chưa được coi là quyết định cuối cùng. Ngoài Bộ tổng tham mưu, để thảo luận quyết định đó, Đại bản doanh còn triệu tập các hội đồng quân sự và cơ quan tham mưu phương diện quân, các tướng lĩnh và sĩ quan trong các cục trung ương của Bộ dân ủy quốc phòng, cố nhiên là chỉ gồm những người có quan hệ tới việc lập kế hoạch chiến dịch. Mọi chiến dịch lớn đều được chuẩn bị như vậy. Gh. C. Giu-cốp hoặc A. M. Va-xi-lép-xki thường ở ngoài mặt trận, đều có đề nghị của mình về các quyết định ấy. Cả các hội đồng quân sự phương diện

quân cũng làm như vậy, đồng thời Đại bản doanh luôn luôn chú ý lắng nghe đề nghị của các đồng chí đó.

Trình tự làm việc thường không giống nhau. Có trường hợp, phương án quyết định mở chiến dịch do Bộ tổng tham mưu đề nghị, được sơ bộ thỏa thuận trên những nét chủ yếu với cơ quan tham mưu và tư lệnh phương diện quân. Có trường hợp lại chỉ giao nhiệm vụ chung cho phương diện quân, rồi phương diện quân căn cứ vào đó mà chuẩn bị kế hoạch chiến dịch và trình lên Đại bản doanh phê chuẩn. Trường hợp kế hoạch chiến dịch có quan hệ tới một số phương diện quân, thì các đồng chí tư lệnh các phương diện quân đó cùng với tham mưu trưởng phương diện quân hoặc cục trưởng cục tác chiến phương diện quân được triệu tập về Bộ tổng tham mưu, để cùng nhau nghiên cứu các phương án quyết định và dự thảo các chỉ thị, rồi sau đó cùng báo cáo lên Đại bản doanh những đề nghị chung của mình.

Trước những thời kỳ có tính chất bước ngoặt trong quá trình chiến tranh, Đại bản doanh đều tổ chức hội nghị, thành phần gồm có Bộ tổng tham mưu, các đại diện Đại bản doanh ở các phương diện quân, các tư lệnh bộ đội và các ủy viên hội đồng quân sự. Có thể nói, mọi đề nghị về quyết định thảo ra đều là công sức lao động sáng tạo của tập thể Bộ tổng tham mưu và các cán bộ lãnh đạo các phương diện quân. Để giữ được bí mật, thường chỉ có hai hoặc ba người ở các phương diện quân và hai hoặc ba người trong Bộ tổng tham mưu tham gia soạn thảo kế hoạch các chiến dịch. Phương án quyết định báo cáo lên Đại bản doanh được thể hiện trên bản đồ, và trong mọi trường hợp đều phải có luận cứ tỉ mỉ, kèm theo các loại bảng tính, và sau đó được thảo luận kỹ. Nếu có những sửa đổi lớn hoặc từng vấn đề cá biệt báo cáo chưa thật rõ ràng hoặc đầy đủ, thì sẽ dành thêm thời gian cho Bộ tổng tham mưu và đại diện của các phương diện quân nghiên cứu thêm các quyết định đó. Cuối cùng, Tổng tư lệnh tối cao mới phê chuẩn quyết định.

Khi soạn thảo quyết định, trước hết phải xác định mục đích hành động của bộ đội và nhiệm vụ của họ trong chiến dịch, cần và có thể vận dụng hình thức cơ động nào để giành thắng lợi lớn nhất mà tổn thất ít nhất, trong thời hạn ngắn nhất. Sự lựa chọn đó thật không đơn giản, nó phụ thuộc vào lực lượng và tình hình địch — hình thái mặt trận của địch, sự bố trí lực lượng dự bị trong vùng chiến thuật và tung thâm chiến dịch, khả năng chiến đấu của bộ đội, tương quan giữa các lực lượng và phương tiện, địa hình, thời gian và nhiều điều kiện tình huống khác mà bạn đọc đã biết.

Trong trường hợp có lợi, ta sẽ tập trung hết mọi lực lượng có thể, tổ chức đột kích trên một hướng nhằm chia cắt chính diện quân địch và nhanh chóng thọc sâu vào tung thâm của chúng. Ví dụ như trường hợp đã diễn ra vào mùa xuân năm 1944 trên hướng Tây-Nam, nơi các phương diện quân U-crai-na (1, 2 và 3) đã chọc thủng tuyến phòng ngự của quân phát-xít Đức và tiến tới chân núi Các-pát. Mùa thu năm ấy, phương diện quân Pri-ban-tích 1 đã tung tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 làm mũi nhọn tấn công, mở mũi đột kích từ khu vực Si-a-u-lai tới hướng Clai-pê-đa rồi tiến thẳng ra biển. Bản thân mũi đột kích chưa thật sâu lắm. Song, nó đã chia cắt tuyến phòng ngự của cụm tập đoàn quân «Bắc» và tạo khả năng cô lập các lực lượng lớn của địch ở Cuốc-li-an-đi-a, mà lúc đó quân địch rất cần những lực lượng ấy ở các khu vực khác của mặt trận Xô - Đức. Tháng Giêng 1945, Đại bản doanh đã điều các phương diện quân U-crai-na 1 và Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến lên phía trước, mở chiến dịch Vi-xla - Ô-đe, và trong vòng 16 ngày chiến đấu đã tiến vào các con đường dài dẫn đến Béc-lin.

Trong trường hợp khác, tốt hơn cả là nên mở hai mũi đột kích hợp điểm, để bao vây rồi sau tiêu diệt chúng. Đó là những chiến dịch theo kiểu cổ điển như Xta-lin-grát, «tiểu Xta-lin-grát» ở Coóc-xun - Sép-tsen-côp-xki, các chiến dịch bao vây lòng chảo ở gần Min-xcơ, I-át-xư, Ki-si-ni-ốp và nhiều chiến dịch khác nhỏ hơn, bao vây bằng cách đánh bọc địch.

Trong trường hợp thứ ba, chúng ta mở hai mũi đột kích hoặc hơn, trong đó có một mũi chính, còn các mũi khác là mũi hỗ trợ, nhằm thu hút lực lượng địch càng nhiều càng tốt để tạo điều kiện cho mũi chính thu được thắng lợi. Điển hình cho phương pháp hành động này trong kế hoạch chiến lược là chiến cục năm 1944. Ở đây, khu vực đột kích chủ yếu và khu vực đột kích phụ của nó đã khác nhau do phụ thuộc vào tình huống.

Sau khi quyết định đã được thông qua, cơ quan tham mưu viết quyết định đó thành mệnh lệnh hoặc chỉ lệnh. Chúng ta đều biết rằng, các văn kiện rất quan trọng ấy thường được viết căn cứ vào bản đồ-quyết định, cho nên bản đồ-quyết định đó phải được nghiên cứu hết sức cẩn thận và tỉ mỉ. Ví dụ như ở Bộ tổng tham mưu, các bản đồ đó trước hết vẽ các tuyến ranh giới của mặt trận, vị trí xuất phát của các đơn vị bao gồm từ cấp sư đoàn, các lực lượng dự bị và thê đội hai. Nếu nói về tiến công thì nhất thiết phải về hướng mũi đột kích chủ yếu và các mũi khác, khu vực đột phá, nhiệm vụ trước mắt và sau này của các đơn vị và thời gian phải hoàn thành các nhiệm vụ ấy, các tuyến và thời gian đưa thê đội hai vào chiến đấu. Ngoài ra, còn ghi những nét chính về những hành động của các đơn vị bạn và các tài liệu cần thiết về địch—tuyến chính diện của địch, lực lượng các đơn vị, các đội dự bị và các cơ quan tham mưu. Phần chú thích trên bản đồ có ghi thời gian chiến dịch, quy mô của nó (chiều sâu, chiều rộng, tốc độ tiến công trung bình), so sánh lực lượng trên hướng đột kích chủ yếu theo các giai đoạn của chiến dịch.

Căn cứ vào bản đồ ấy, chúng ta viết chỉ lệnh sẽ dễ dàng. Thật ra muốn làm được như vậy thì phải có kiến thức, kinh nghiệm và năng lực nhất định. Không phải người nào cũng đều có thể làm tốt việc ấy được. Vì thế, chúng ta để một số người chuyên viết các chỉ lệnh. Ví dụ như ở Bộ tổng tham mưu, chỉ cục trưởng và các cục phó Cục tác chiến mới được phân công viết các văn kiện đó. Các chỉ lệnh phải ngắn gọn (nhưng trình bày phải rõ và chính xác), không được có những câu văn làm người ta có thể hiểu thành hai nghĩa, lại không có gì thừa. Tóm lại, như ta thường nói là: lời phải chặt chẽ, ý phải sáng. Chỉ lệnh (mệnh lệnh) không phải là chứng minh và luận chứng cho quyết định, vì như vậy sẽ làm giảm hiệu lực của nó. Chỉ lệnh phải được tuyệt đối chấp hành, không phải để đưa ra thảo luận.

Tất nhiên trong chỉ lệnh không nên viết thật chi tiết hết mọi điểm; làm thế sẽ hạn chế tính chủ động của những người chấp hành. Song, lại không được viết dưới dạng quá chung chung, chẳng nói là sẽ làm gì, làm ra sao và trong thời hạn nào, nói một cách khác, như người ta thường nói là buông trôi chiến dịch để nó tự phát. Cần có lối viết vừa phải, đúng mực, người trợ lý có kinh nghiệm bao giờ cũng tìm được lối viết như vậy. Thông thường, trong chỉ lệnh của Đại bản doanh (ngoài những điểm đã ghi trên bản đồ) có nói rõ là sẽ vận dụng hình thức cơ động nào (bao vây, đột kích chia cắt, v. v.), tiến công trong đội hình chiến dịch như thế nào (số lượng các tập đoàn quân ở thê đội một và thê đội hai, lực lượng dự bị), quy định sẽ sử dụng các tập đoàn quân xe tăng ra sao. Điểm cuối cùng nhất thiết phải chỉ rõ chế độ bảo đảm vật chất cho các đơn vị.

Ngoài các chỉ lệnh và mệnh lệnh, cơ quan tham mưu trước kia và ngày nay còn phải soạn

thảo rất nhiều văn kiện khác như: thông cáo, bản tin, báo cáo, các kế hoạch chung và kế hoạch từng phần về các chiến dịch và về việc tiến hành các loại hoạt động khác nhau, báo cáo, biểu đồ, v. v.. Nguyên tắc đầu tiên trong việc soạn thảo văn kiện là càng ít văn kiện càng tốt, nhất là trong điều kiện hiện đại có rất nhiều các nguồn tin tức, nếu không biết cách thu thập, sàng lọc, lựa chọn thì nó có thể tràn ngập cả cơ quan tham mưu. Vì vậy, tham mưu trưởng phải quy định xem ai và lúc nào phải soạn thảo các văn kiện kế hoạch, văn kiện thông tin và văn kiện mệnh lệnh. Trong thời gian chiến tranh, Bộ tổng tham mưu đã lập một bản danh mục cụ thể các văn kiện như thế, nghiêm chỉnh làm theo danh mục các văn kiện ấy và không soạn ra một văn bản nào thừa cả.

Quy định thứ hai, không viết thành văn, nhưng lại rất nghiêm, được chấp hành triệt để trong Bộ tổng tham mưu là: chỉ giao cho một người, trường hợp hãn hữu mới giao cho hai người sơ thảo văn kiện. Còn khi văn kiện đã soạn xong thì lại là việc khác. Lúc đó có thể triệu tập một số người, tùy theo mức độ cần thiết, tham gia thảo luận và phát triển các điều trong văn kiện. Ví dụ, các dự kiến trong Cục tác chiến của Bộ tổng tham mưu đã được soạn thảo theo quy định như vậy, sau đó đưa ra thảo luận trong các cục khác, và cuối cùng đưa ra thảo luận ở Đại bản doanh, mời những đồng chí có liên quan tới dự. Văn kiện sơ thảo được sửa đổi và bổ sung thêm. Đây là một công trình sáng tạo của tập thể. Ví dụ điển hình về việc này là việc xây dựng kế hoạch hành động của bộ đội xô-viết trong chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a. Đồng chí A. A. Grư-dơ-lốp, cục phó Cục tác chiến và cả tôi đã tham gia soạn thảo kế hoạch ấy, sau đó A. I. An-tô-nốp góp ý kiến. Cuối cùng mới báo cáo kế hoạch lên Đại bản doanh và được lệnh tổ chức phiên họp đặc biệt mời các hội đồng quân sự phương diện quân tham gia nghiên cứu. Trong phiên họp, kế hoạch được bổ sung về cơ bản, và chỉ sau đó Đại bản doanh mới phê chuẩn.

Việc soạn thảo một văn kiện quan trọng, chẳng hạn như ý đồ chiến dịch hoặc chiến cục, là một công việc sáng tạo. Người soạn thảo trước khi cầm cây bút chì phải suy nghĩ kỹ. Khi nào ý định đã thật chín thì mới nảy sinh ra mô hình chiến dịch và mới hình dung trong đầu toàn bộ tiến trình các sự kiện chủ yếu sắp tới. Nếu làm khác đi, sẽ không thể có được ý định tốt. Thông thường, việc soạn thảo ý định được bắt đầu từ... điểm cuối, tức là từ mục đích cuối cùng của chiến dịch đã dự tính, ví dụ như việc giải vây Lê-nin-grát, việc tiêu diệt địch ở Bê-lô-ru-xi-a, v.v.. Mục đích cuối cùng chiến dịch, như đã nói, thường do Đại bản doanh chỉ thị hoặc Bộ tổng tham mưu đề nghị, có một số trường hợp là do đề nghị của bộ tư lệnh phương diện quân. Sau khi tìm hiểu mục đích chiến dịch, cần nghiên cứu, suy nghĩ để hình dung xem ta sẽ đạt mục đích đó như thế nào — đây là một việc hết sức khó khăn và lúc bắt đầu soạn thảo lại không rõ ràng. Chỉ sau đó, mới có thể bắt tay vào «làm hỏng lần đầu tấm bản đồ». Trong quá trình của công việc sáng tạo ấy trước khi xuất hiện tấm bản đồ chính thức, thì không phải chỉ làm «hỏng» có một tấm bản đồ!..

Muốn làm sơ thảo, phác họa bức tranh trận đánh sắp tới, chúng ta cần phải hiểu biết chi tiết tình huống trong phạm vi chiến dịch dự tính. Đồng thời, cần phải nắm chắc các cơ sở tình huống chiến dịch trong óc, chứ không phải trên tài liệu. Nếu không thì sự suy nghĩ của chúng ta sẽ không thanh thoát, không nghĩ rộng ra được các sự kiện sắp tới. Người nào còn bị giấy tờ trói buộc, thì khó có thể hoàn thành công việc ấy có kết quả. Được phục vụ trong Bộ tổng tham mưu và các cơ quan tham mưu lớn khác hơn 30 năm (gần 7 năm là trong thời chiến), tôi có thể nói với đầy đủ trách nhiệm của mình rằng, một trong những phẩm chất chủ yếu của người sĩ

quan tham mưu là phải có trí nhớ. Tôi nói về đặc tính ghi nhớ, giữ vững và tích lũy trong trí nhớ những tin tức thiết thực, cần thiết, chứ không phải những giai thoại. Thật là dở, nếu khi báo cáo, người sĩ quan tham mưu cứ bị lệ thuộc vào các tài liệu hoặc sổ công tác. Chúng ta có thể rèn luyện được trí nhớ, hơn nữa biết rèn luyện có chọn lọc. Không phải tôi chỉ dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chứng minh cho điều này (trong thời kỳ chiến tranh, tôi có thể nhớ các sự kiện đã xảy ra trên từng mặt trận tới cấp sư đoàn, nhớ phiên hiệu của sư đoàn, mà sư đoàn thì tất cả có tới trên 300). Trong Bộ tổng tham mưu đã có tới hàng chục người có trí nhớ tuyệt vời.

Có lẽ, tôi không cần phải kể ra các văn kiện tham mưu và cách thức chuẩn bị các văn kiện ấy, vì trong các cuốn sách phổ thông và giáo lệnh dành cho các cán bộ chuyên môn đã nói kỹ. Ở đây, tôi chỉ muốn nhắc lại một lần nữa rằng việc soạn thảo các văn kiện tham mưu là một công tác sáng tạo, đòi hỏi trí thông minh, kinh nghiệm nghiệp vụ, kiến thức quân sự, kỹ năng và kỹ xảo.

Cuối cùng, sau khi thảo xong văn kiện, cơ quan tham mưu còn phải biết báo cáo nữa. Điều khó khăn trong khi báo cáo là ở chỗ phải biết chứng minh một cách xác đáng tính đúng đắn của điều đã viết và phải bảo vệ văn kiện. Việc này cũng không phải đơn giản. Đôi khi viết văn kiện còn dễ hơn là báo cáo văn kiện. Vấn đề là ở chỗ mỗi đồng chí thủ trưởng dù thống nhất về quan điểm chung đối với các sự kiện, song vẫn có những đặc điểm chủ quan của mình, tùy theo tính cách của con người và sự thụ cảm của người đó đối với các sự kiện đang xảy ra. Người báo cáo phải nắm vững đối tượng báo cáo, vững tin vào lẽ phải của mình và phải có can đảm, nếu có thể nói như vậy, để bảo vệ và chứng minh một cách khoa học quan điểm của cơ quan tham mưu trước thủ trưởng cấp trên. Tất nhiên, phải bảo vệ quan điểm của mình trong phạm vi hợp lý và phải nhớ đến chế độ một người chỉ huy.

Có trường hợp, bản báo cáo dường như đã được chuẩn bị rất tốt, phân tích có căn cứ sâu sắc và những người trợ lý tin chắc ở sự đúng đắn của nó, nhưng khi thủ trưởng cấp trên nghe báo cáo, đặt câu hỏi về vấn đề này, không đồng ý về vấn đề khác, phát biểu quan điểm của mình về một vấn đề nào đó, thì từ chỗ là một bản báo cáo tốt (dù là về kế hoạch chiến dịch, đánh giá các sự kiện hoặc về một vấn đề quan trọng nào khác) lại đi đến chỗ chẳng còn ra một cái gì nữa. Trường hợp này thường có hai nguyên nhân: một là, hoặc chưa phân tích được đầy đủ, tỉ mỉ mọi khía cạnh của vấn đề, người thủ trưởng nhận thấy những thiếu sót, liền bác bỏ bản báo cáo không xây dựng trên cơ sở vững chắc; hai là, người báo cáo hoàn toàn không biết chứng minh quan điểm đúng đắn của cơ quan tham mưu.

Đối với bản báo cáo của các cán bộ chuyên môn thường có những điều khá phức tạp. Những người này say mê binh chủng của mình nên thường hay mắc phải tật bảo vệ quan điểm của mình một cách tương đối phiến diện. Cơ quan tham mưu phải biết chú ý tới cái tật đó và báo cáo cho người tư lệnh hoặc người lãnh đạo khác tình hình chân thực của sự việc. Đôi lúc, phải tốn khá nhiều công sức mới thuyết phục được họ.

Về chuyện này, tôi còn nhớ đến một quyết định được thông qua hồi năm 1946. Sau lễ duyệt binh ngày 1 tháng Năm mà như mọi người đều biết, là dịp trưng bày các vũ khí kỹ thuật. N. N. Vô-rô-nốp, nguyên soái tư lệnh pháo binh gặp riêng I. V. Xta-lin và đã thuyết phục được Xta-lin về sự cần thiết phải thành lập một cơ quan khoa học đặc biệt là Viện khoa học pháo binh. Xta-lin vốn yêu thích pháo binh, thường gọi pháo binh là «Thần chiến tranh», nên đồng chí đã đồng

ý, không hỏi thêm ý kiến một ai về tính chất hợp lý của tổ chức đó. Bộ tổng tham mưu là người có trách nhiệm xây dựng Viện đã kiên quyết phản đối, vì cho rằng tổ chức cũ không hề cản trở sự phát triển của tư tưởng pháo binh và mối quan hệ gần gũi giữa các trung tâm khoa học — các học viện quân sự, Tổng cục pháo binh và các cơ quan khác — với các đơn vị đang tạo điều kiện cho việc hoàn thiện kỹ thuật pháo binh và phát triển các nguyên lý vận dụng pháo binh trong chiến đấu. Chúng tôi không hiểu tại sao bỗng nhiên lại cần phải thành lập ra Viện khoa học pháo binh, mà không phải là khoa học xe tăng hoặc khoa học không quân, chẳng hạn. Mà xe tăng và không quân lại giữ vai trò không phải nhỏ trong chiến tranh, kỹ thuật của nó lại phức tạp hơn pháo binh. Thế nhưng, không ai có thể chứng minh để I. V. Xta-lin thấy rõ tính chất không xác đáng của chủ trương đó. Và nói cho đúng, cũng không ai nêu ra được những bằng chứng gì quan trọng. Viện khoa học pháo binh được thành lập vào tháng Chín, để ra một biên chế lớn có chủ tịch, phó chủ tịch và những người giữ các chức trách khác. Người ta chuyển giao một số cơ quan nghiên cứu khoa học cho nó và thành lập thêm một số cơ quan mới. Các tổ chức đó bắt đầu hoạt động... Thời gian trôi qua, đủ để tiến hành tổng kết lần thứ nhất các mặt hoạt động, thì Viện được giải thể.

Những người làm công tác văn kiện thường có những bí quyết nho nhỏ của mình. Ví dụ, nếu như thời gian cho phép, họ sẽ không báo cáo ngay văn kiện khi vừa viết xong. Họ thường để lại vài tiếng đồng hồ, tốt nhất là để sang ngày hôm sau nếu chưa thật gấp. Khi đọc lại văn kiện lúc đầu óc tỉnh táo, hầu như chúng ta thấy nhất thiết cần có sự sửa đổi, thường đó lại là những sửa đổi quan trọng, có khi (đã xảy ra những trường hợp như vậy) buộc phải viết lại văn kiện.

Trong thời gian chiến tranh, chúng tôi chỉ gửi lên Đại bản doanh và Tổng tư lệnh tối cao những văn kiện có tính chất thông tin: báo cáo, thông cáo, bản đồ tình huống. Những văn kiện cần phải lấy chữ ký hoặc phê chuẩn thì bao giờ chúng tôi cũng phải báo cáo trực tiếp, còn những văn kiện ít quan trọng hơn thì chúng tôi báo cáo với Xta-lin bằng điện thoại đặc biệt, do Tổng tham mưu trưởng ký. Kinh nghiệm chỉ ra rằng, chế độ phê chuẩn các văn kiện chủ yếu làm như vậy là đúng đắn hơn cả. Khi báo cáo miệng, chúng tôi có thể giải thích thêm (vì không thể viết hết cả trong văn kiện), có thể trả lời những vấn đề mới nảy sinh. Cuối cùng, nếu văn kiện chưa đạt mức để được ký thì khi báo cáo trực tiếp, chúng tôi cũng có thể thấy rõ được là sẽ phải viết lại ra sao. Ngoài ra, làm như vậy sẽ tiết kiệm được thời gian của thủ trưởng và người báo cáo — thủ trưởng không cần phải chỉ dẫn dài dòng về văn kiện, còn người báo cáo có thể bắt tay sửa chữa ngay vào báo cáo, không chờ đến khi phải gửi trả lại bản báo cáo cho mình. Tất nhiên, vấn đề ở đây là nói về cơ quan tham mưu. Còn đối với các cơ quan khác, nhất là cơ quan dân sự, thì chế độ đó có lẽ không phải bao giờ cũng thích hợp. Ở đấy, các văn kiện được xem xét trong các cuộc họp riêng, nói chung chế độ đó không thích dụng, vì các văn kiện đều được biên soạn và chuẩn bị từ trước.

Cuối cùng, văn kiện được phê chuẩn. «Đã ký — thế là khỏi có điều gì bận tâm nữa» ư? Không, câu tục ngữ đó không thích hợp với chúng tôi. Vì văn kiện còn cần được phổ biến cho những người chấp hành trong một thời hạn ngắn nhất và phải tuân thủ mọi biện pháp giữ bí mật. Ngoài ra, lại còn phải làm cho mọi vấn đề trình bày trong đó đều được hiểu đúng và được chấp hành chính xác. Tất cả những việc trên đều thuộc chức trách của cơ quan tham mưu...

Tổ chức các bộ tổng tham mưu ở tất cả các nước, kể cả ở Liên Xô, đã hình thành từ lâu rồi.

Cho tới gần đây, việc tự động hóa các quá trình chỉ huy vẫn chưa được tiến hành nên chỉ có một tập thể lớn các tướng lĩnh, sĩ quan và nhân viên phục vụ mới có thể thực hiện nổi khối lượng công tác lớn lao với nhiều chức năng hết sức đa dạng. Hiệu quả công tác của bộ máy phức tạp ấy phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân trước hết là phụ thuộc vào sự thành thạo của các cán bộ và tác phong công tác của họ.

Ở mỗi người, tùy thuộc vào kiến thức, kinh nghiệm đặc điểm vốn có của họ mà hình thành nên tác phong công tác, tức là một hệ thống nhất định các phương pháp, biện pháp và chế độ làm việc giúp cho họ có thể hoàn thành công việc với chất lượng cao nhất và trong thời gian ngắn nhất. Ở bất kỳ cơ quan chỉ huy nào, kể cả cơ quan tham mưu, đều phải có tác phong công tác đó. Cơ sở của nó phải là tác phong công tác của Lê-nin được vận dụng một cách sáng tạo trong công tác quân sự, đặc biệt là trong công tác chỉ huy bộ đội. Trong những năm chiến tranh, các yêu cầu đối với tác phong công tác của cơ quan tham mưu được đặt ra một cách rất nghiêm khắc.

Kinh nghiệm công tác cho phép tôi nói rằng, các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu xô-viết đã xóa bỏ tình trạng vô tổ chức, tệ quan liêu, thói bàn giấy và các biểu hiện xấu khác trong công tác. Vị trí hàng đầu ở các đồng chí đó là lập trường chính trị, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, trình độ học vấn chung, sâu rộng của mỗi cán bộ tham mưu và của cả tập thể nói chung. Chính các phẩm chất ấy đã quyết định tác phong công tác của họ. Vững tin vào các chính sách đúng đắn của Đảng, trung thành với lý tưởng của Đảng, lòng yêu Tổ quốc xô-viết là cơ sở quyết định phong thái của người chỉ huy đó, của mọi sĩ quan trong quân đội chúng ta. Các cơ sở ấy đã và đang là cái đảm bảo cho mỗi người có thể cống hiến sức lực, tài năng của mình, và nếu cần, cả cuộc đời mình cho sự nghiệp mà họ đang phục vụ.

Các sĩ quan tham mưu, hơn nữa các sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu, là những người được tin cậy giao cho giải quyết các nhiệm vụ quan trọng. Họ đang thực hiện một công tác quan trọng, mà nhiều vấn đề lại phụ thuộc vào đặc điểm chính trị và tư chất đạo đức của họ. Tôi nghĩ rằng, không cần phải giải thích là tại sao trong cơ quan tham mưu lại không có đất dung thân cho những con người hay than thở, hay ba hoa, những người đặt tình cảm trên lý trí, những người thích rượu và thích phụ nữ của người khác. Tất nhiên điều đó không có nghĩa là trong công tác tham mưu chỉ có thể có những người khổ hạnh, tách rời cuộc sống. Nhưng tình yêu cuộc sống và sự phóng dăng là những khái niệm khác nhau.

Thực tiễn chứng minh rằng, công tác trong cơ quan tham mưu trước đây và hiện nay đặt ra một số yêu cầu đặc biệt đối với con người. Ví dụ như, những người được lựa chọn vào cơ quan tham mưu không những chỉ nắm vững công tác quân sự — như thế vẫn chưa đủ — mà còn phải có kiến thức uyên bác, đồng thời lại còn có tư duy biết phân tích. Tất nhiên, những người chỉ huy của chúng ta đều vốn có các phẩm chất ấy và đã trở thành những cán bộ tham mưu xuất sắc. Song, chúng ta cũng có thể đưa ra nhiều dẫn chứng khác: có những đồng chí chỉ huy trung đoàn hoặc sư đoàn buộc phải làm công tác tham mưu, và họ đã không chịu ngồi yên một chỗ. Một số đồng chí thiếu kiên trì và nhẫn nại, mà đó lại là những đức tính quan trọng của người cán bộ tham mưu và tính năng động của anh ta trước hết lại là ở sự suy nghĩ. Khó mà thay các trường bắn, bãi huấn luyện xe tăng và thao trường của những cán bộ ấy bằng cái bàn, bằng giấy tờ và bản đồ. Tóm lại, chúng ta phải biết chú ý tới đặc trưng của công tác tham mưu.

Chúng ta, những con người xô-viết, hơn nữa lại là những người cộng sản, chúng ta đều biết

rằng một trong những biểu hiện hết sức quan trọng của tác phong công tác đúng đắn là nguyên tắc cao của Đảng, tức là khi giải quyết bất kỳ một vấn đề nào, chúng ta cùng phải biết và phải có khả năng thực hiện theo đúng chính sách của Đảng, phải xuất phát từ lợi ích của sự nghiệp chung.

Tính nguyên tắc còn có nghĩa là biết nắm lấy điều chủ yếu, biết nhìn vào bản chất của vấn đề, không bị sa đà vào những việc vụn vặt, không lao vào những công việc sự vụ hàng ngày, mà phải biết nhằm vào cái mới, không theo đuôi các sự kiện. Người sĩ quan có nguyên tắc là người bao giờ cũng có quan điểm vững vàng. Khi giải quyết bất kỳ một vấn đề nào, đồng chí đó cùng chỉ xuất phát từ lợi ích của công việc. Đó là người sĩ quan có tinh thần tự phê bình và công bằng, không nhân nhượng các thiếu sót và thái độ dễ dãi. Người sĩ quan-chuyên gia không được hủ ý hoặc vô tình thổi phồng ý nghĩa của binh chủng mình, còn người phụ trách khu vực mặt trận thì không được thổi phồng về các đơn vị mình theo dõi. Thông thường, người sĩ quan như vậy không thể rút ra những kết luận khách quan; cử người ấy làm công tác kiểm tra thì thật là nguy hiểm, vì anh ta không thể nào nhìn nhận các sự việc một cách đúng đắn. Chắc không cần nói cũng rõ rằng, những người cán bộ như vậy không ở lại lâu trong cơ quan tham mưu. Trong tập I, tôi đã có nói đến các sĩ quan của Bộ tổng tham mưu từ cấp sư đoàn trở lên ở ngoài mặt trận. Xét cho cùng thì đó là những người có nguyên tắc. Nhưng, khi hình thành nên tập thể những con người như vậy, thì cũng có một số người bị loại khỏi cái tập thể ấy, chủ yếu vì họ nhìn nhận các sự kiện và sự việc bằng những con mắt khác, họ đánh giá các sự kiện ấy như thế nào để không có gì trái với ý kiến của bộ chỉ huy địa phương. Hoặc tồi tệ hơn nữa là họ đã cư xử theo cách «gió chiều nào, che chiều ấy»

May thay, những con người như vậy không nhiều. Trong những năm chiến tranh, các sĩ quan của Bộ tổng tham mưu đã được mọi người quý trọng. Tôi xin dẫn thêm một ví dụ, trung tá N. V. Re-dơ-nhi-cốp không sợ báo cáo một cách trung thực với Bộ tổng tham mưu về những hành động không đúng của trung tướng V. N. Goóc-đốp, tư lệnh tập đoàn quân. Căn cứ vào bản báo cáo của Re-dơ-nhi-cốp, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã cử một tiểu ban đặc biệt đến phương diện quân Tây và tác giả của bản báo cáo đó cũng là một thành viên của tiểu ban. Bản báo cáo của Re-dơ-nhi-cốp không những được xác nhận, mà còn giúp phát hiện ra nhiều khuyết điểm khác nữa. Căn cứ vào kết quả công tác của tiểu ban, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã ra một nghị quyết riêng đánh giá hoạt động của bộ đội phương diện quân Tây và có những kết luận nghiêm khắc về tổ chức.

Chất lượng công tác cao luôn luôn là thước đo trình độ của người cán bộ Bộ tổng tham mưu, mặc dầu như chúng ta đều biết là trong lĩnh vực này không có và không thể có những tiêu chuẩn chính xác. Vì rằng, người sĩ quan tham mưu không tạo ra của cải vật chất là những thứ có tiêu chuẩn và dung sai được quy định rõ ràng. Họ cũng không sáng tạo ra những giá trị kỹ thuật hoặc tinh thần, như phát minh sáng chế, công trình kỹ thuật hoặc tác phẩm văn học... Đại bộ phận (nếu không phải là đại đa số) các sĩ quan trong cơ quan tham mưu cấp cao cũng không sáng tạo ra cho bộ chỉ huy những thành phẩm, mà họ chỉ tham gia vào quá trình biên soạn các văn kiện, hơn nữa họ chỉ làm việc đó theo chuyên môn của mình. Ngoài ra, kết quả cuối cùng của công tác này được tổng kết bởi các trận đánh, các trận chiến đấu và các công việc thực tế mà người ta đã giải quyết căn cứ vào những văn kiện do cơ quan tham mưu biên soạn. Kinh

nghiệm của nhiều năm công tác cho phép tôi khẳng định rằng người sĩ quan tham mưu chỉ có thể đạt được chất lượng công tác cao trong điều kiện thực hiện được toàn bộ các yêu cầu. Vậy đó là những yêu cầu gì?

Trong những năm chiến tranh, vấn đề quan trọng hàng đầu ở Bộ tổng tham mưu là người cán bộ phải biết nắm chắc xu hướng phát triển của các hiện tượng hoặc sự kiện, hiểu rõ thực chất của nó, biết dự kiến sự phát triển đó sẽ có thể dẫn tới đâu. Dự kiến là một trong những đức tính quan trọng không những của vị thống soái mà còn của những người sĩ quan tham mưu nữa. Nếu không làm được như vậy thì rõ ràng chỉ có thể là người ghi chép các sự kiện một cách máy móc và lạc hậu với sự phát triển của các sự kiện đó. Những tháng chiến tranh đầu tiên trong năm 1941, khi các sự kiện đang phát triển rất nhanh và bất lợi cho chúng ta, nhiều mệnh lệnh và chỉ thị đã trở nên lạc hậu với tiến trình các sự kiện, khiến các đơn vị không thể thực hiện nổi. Tình hình đó xảy ra không phải do các cán bộ của Bộ tổng tham mưu kém cỏi về mặt quân sự, mà là do chúng ta không nắm được các tin tức chính xác về tình hình của bộ đội ta và của địch, và trong thời kỳ đầu chiến tranh, chúng ta cũng không thể buộc mình phải tin tưởng, để từ đó mà dự kiến được rằng các sự kiện sẽ phát triển bất lợi cho ta đến như vậy. Chúng ta phải mất mấy tháng cay đắng mới có được kinh nghiệm, nắm chắc được các sự kiện, rồi sau này Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao và bộ máy của nó là Bộ tổng tham mưu thường đã kịp thời phân tích được tình hình, đã đề xuất và thông qua được đúng lúc các quyết định.

Nhân tố quan trọng tiếp sau, quyết định chất lượng công tác của người sĩ quan tham mưu là tính hiện thực của các kết luận, đề nghị và ý kiến báo cáo lên bộ tư lệnh. Các trợ lý là những người nhớ rất kỹ các vấn đề này: ai khác không biết, chứ họ thì biết rất rõ là các mũi tên đẹp trên bản đồ tự nó sẽ không có giá trị gì hết, nếu như các ý đồ không chứa đựng nội dung có căn cứ vật chất hiện thực, nếu các ý đồ ấy không được củng cố vững chắc cả về mặt tổ chức.

Trong thời gian chiến tranh, có tới hàng trăm kiến nghị của những quân nhân và người dân gửi tới Bộ tổng tham mưu, nói về vấn đề giải vây Lê-nin-grát, bảo vệ Xê-va-xtô-pôn, tiêu diệt quân Đức ở Mát-xcơ-va, Xta-lin-grát và nhiều vấn đề khác có liên quan tới chiến tranh. Tất cả những kiến nghị ấy đều rất chân thành, quan tâm sâu sắc tới vận mệnh của Tổ quốc, muốn mau chóng tiêu diệt quân thù. Nhưng phần lớn các kiến nghị ấy lại không thực tế, vì các tác giả không nắm được tình hình xác thực về các nguồn dự trữ, không nắm được hoàn cảnh và tình hình các đơn vị. Song, cũng có những kiến nghị được chấp nhận đầy đủ hoặc chấp nhận một phần, chủ yếu đó là những kiến nghị về các vấn đề kỹ thuật.

Các đề nghị của phương diện quân và tập đoàn quân, tuy không thường xuyên lắm, nhưng có lúc cũng bị bác bỏ. Các đề nghị ấy không phải do đầu óc ảo tưởng đẻ ra. Trái lại các đồng chí tư lệnh và các cơ quan tham mưu đều có tính toán khá tỉ mỉ. Nhưng các đồng chí đó đã phạm sai lầm, chẳng hạn như đã đánh giá quá cao khả năng của Đại bản doanh. Năm 1944, các trợ lý của Bộ tổng tham mưu đúng là hết sức kinh ngạc trước vẻ đẹp của chiến dịch có quy mô lớn, hiếm có về hình thức và tính chất độc đáo của ý đồ mà C. C. Rô-cô-xốp-xki và cơ quan tham mưu phương diện quân đã đề nghị nhằm tiêu diệt quân địch ở Bê-lô-ru-xi-a. Nhà cầm quân xô-viết xuất sắc đó đã dự tính đánh vu hồi từ phía Tây vào các lực lượng chủ yếu của cụm tập đoàn quân «Trung tâm» của địch, đóng ở phía Đông Min-xcơ. Để thực hiện điều đó, đồng chí đề nghị tiến công ở phía Nam từ sau vùng Pô-lê-xi-ê, để thọc sâu vào sau lưng quân phát-xít Đức

tới tuyến Cô-brin, Xlô-nim, Xtôn-bơ-txu, rồi sau đó đồng thời mở các mũi đột kích hợp điểm để tiêu diệt chúng. Bạn đọc chắc sẽ đồng ý là nếu thực hiện được ý định này, sẽ đem lại cho ta những thắng lợi lớn về chiến lược. Các trợ lý của Bộ tổng tham mưu khi nhận được đề nghị của Rô-cô-xốp-xki, đã tính toán tỉ mỉ lực lượng và phương tiện cần phải dành ra để sử dụng vào mục đích này. Các bảng tính chỉ rõ rằng, đất nước chúng ta hồi ấy chưa thể cung cấp nổi các lực lượng theo yêu cầu. A. I. An-tô-nốp báo cáo tình hình đó cho Đại bản doanh, và phải làm lại kế hoạch.

Trong những năm chiến tranh, cả công việc soạn thảo văn kiện tham mưu mẫu mực cũng thường làm nổi bật các cơ quan tham mưu làm việc tốt. Văn kiện ấy giống như tấm gương, phản chiếu bộ mặt của người tư lệnh và những thủ trưởng khác tổ chức và thực hiện việc chỉ huy các đơn vị. Các trợ lý của Bộ tổng tham mưu chỉ cần nhìn bề ngoài cũng đủ xác định được là văn kiện ấy từ đâu gửi đến. Nhưng tất nhiên, điều quan trọng hơn hết vẫn là nội dung của nó. Đã đặt ra những yêu cầu nhất thiết phải có đối với một văn kiện. Mỗi văn kiện mà cơ quan tham mưu gửi cho bất kể cấp nào đều phải có sức thuyết phục, có bằng chứng xác đáng, lời văn rõ ràng, không để cho người ta có thể giải thích theo một cách nào khác và để hiểu được nó thì không cần bất cứ tài liệu nào khác. Nói tóm lại, điều quan trọng là ý tứ trong văn kiện phải thật rõ. Thông thường, nếu văn kiện không đáp ứng được các yêu cầu nói trên thì phải giải thích thêm và phải gửi thêm những văn bản thuyết minh, sửa đổi. Văn kiện đó sẽ không được tôn trọng và thường được chấp hành kém kết quả.

Mọi người đều rõ là văn kiện ngắn gọn vẫn quý hơn văn kiện dài dòng. Vì vậy, mỗi sĩ quan tham mưu đều phải học tập cách soạn thảo văn kiện như thế. Song thực hiện được tốt yêu cầu này cũng không phải chuyện dễ dàng. Viết dài thường dễ hơn viết ngắn. Nhưng trong công tác quân sự lại cần ngắn gọn. Nếu chú ý tới các mệnh lệnh, chỉ thị của Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh, chúng ta có thể thấy được rằng tất cả các văn kiện ấy, trừ trường hợp rất đặc biệt, đều chỉ viết trong một-hai trang giấy.

Tất nhiên, trong các cơ quan tham mưu không phải không cần có những văn kiện dài. Đó là các kế hoạch khác nhau, các thông báo tác chiến và trinh sát, các loại tài liệu tra cứu. Vấn đề ở đây không phải là nói đến loại văn kiện ấy, mà muốn nói đến các văn kiện chấp hành, song các văn kiện này cũng phải tuân theo các yêu cầu nói trên.

Trong công tác thực tiễn ở các cơ quan tham mưu cấp cao, kể cả Bộ tổng tham mưu, trong những năm chiến tranh đã quy định là mọi văn kiện quan trọng đều do chính tham mưu trưởng viết. Chúng tôi bỏ lối giao cho các sĩ quan cấp dưới viết, rồi sau đó chuyển lên cấp trên, vì làm như vậy mất rất nhiều thời gian, đôi khi còn làm sai lạc cả ý nghĩa của biện pháp đã định. Kết quả là nếu tham mưu trưởng tự tay viết văn kiện thì đỡ tốn thời gian hơn là để cho cấp dưới viết, rồi phải sửa chữa các thiếu sót hoặc những chỗ sai lạc ý định. Tham mưu trưởng tự mình viết văn kiện còn có lợi ở chỗ là làm như vậy sẽ buộc họ phải suy nghĩ độc lập và sáng tạo. Nhưng, tất nhiên, nói vậy không có nghĩa là tham mưu trưởng cứ phải tự mình viết hết mọi văn kiện, vì làm như thế lại trở thành một việc quá cực đoan. Nhiệm vụ chủ yếu của tham mưu trưởng là tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra mọi công việc. Tại các hội nghị đảng, chúng tôi còn nhớ rất rõ lời nói của V. I. Lê-nin: «Cho đến nay, những người cộng sản ở nước ta chưa hiểu rõ nhiệm vụ lãnh đạo thực sự của mình là như thế nào: không nên «tự mình» làm «tất cả», làm quá sức mà vẫn không kịp, làm một lúc cả hàng hai chục việc mà không được một việc nào ra trò, mà phải kiểm tra công việc của hàng chục, hàng trăm người phụ giúp...»[\[14\]](#).

Điều kiện chiến tranh lại càng nhấn mạnh thêm đặc điểm nổi bật và không thể thiếu trong

tác phong công tác của mọi cơ quan tham mưu là tính đòi hỏi cao đối với chính mình và đối với các cán bộ cấp dưới. Tính đòi hỏi cao ấy bao giờ cũng dựa trên cơ sở nghiêm túc và nhất thiết phải chấp hành các mệnh lệnh, chỉ thị, hiểu sâu các vấn đề mà người sĩ quan tham mưu phụ trách, biết làm việc và có những kỹ năng nghiệp vụ tới mức thật hoàn hảo. Chúng ta không thể nói đến vấn đề tính đòi hỏi cao, nếu như nó không vì lợi ích của công việc, nếu như người sĩ quan chỉ xuất phát từ quy tắc «tôi muốn thế», mà không cân nhắc đến tính lô-gích và lẽ phải. Người nào mà bản thân không hoàn thành các mệnh lệnh, thì về mặt tinh thần, người đó cũng không có quyền đòi hỏi người khác được.

Tình hình chiến tranh có liên quan tới nhiều bước ngoặt, có lúc lại là những bước ngoặt mang tính chất cực đoan. Hơn nữa, điều quan trọng là phải làm sao cho tính đòi hỏi cao không được đồng nhất với tính thô bạo. Những lời nói nặng nề là điều không thể chấp nhận được trong cơ quan tham mưu. Ở đây, cần làm việc bằng trí não chứ không phải bằng cổ họng. Người chỉ huy được kính trọng hơn hết là người chỉ huy nghiêm khắc nhưng công bằng, không cho phép mình quát mắng cấp dưới, lăng nhục họ, không tôn trọng ý kiến họ. Trong những năm chiến tranh, tôi có dịp gặp gỡ hoặc tiếp xúc với nhiều cán bộ tham mưu. Các đồng chí phần lớn là những người chỉ huy như thế đó, trước hết phải kể đến những nhà chỉ huy quân sự nổi tiếng như A. M. Va-xi-lép-xki, Ph. I. Tôn-bu-khin, A. I. An-tô-nốp, Gh. C. Ma-lan-đin và nhiều người khác. Các đồng chí đó đã kết hợp tính đòi hỏi cao với tình thân ái, tôn trọng cấp dưới và quan tâm đến họ.

Tại các hội nghị đảng, hội nghị công tác ở Bộ tổng tham mưu và các cơ quan tham mưu các cấp khác, chúng ta đặc biệt chú ý tới tính thiết thực trong công tác của các sĩ quan và các tập thể tham mưu. Tính thiết thực được coi là một điểm thiết yếu trong tác phong công tác của Lê-nin. Chúng ta đều biết, V. I. Lê-nin đánh giá cao những suy nghĩ mạnh dạn, biết kết hợp khí thế cách mạng với công tác tổ chức tỉ mỉ của các cán bộ đảng, cán bộ chính quyền và cán bộ quân sự.

Tính thiết thực là một khái niệm rất hàm súc, rất rộng. Nó vừa là sự hiểu biết công việc và vừa là tính cụ thể trong công tác, tính chấp hành và nhiều đức tính khác. Nói về tính thiết thực của người sĩ quan tham mưu, tôi muốn nêu bật trước hết khả năng linh hoạt ra quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể. Trong chiến tranh, nếu không có quyết định thì không được, vì quyết định là cơ sở để chỉ huy các đơn vị. Trong điều kiện cơ quan tham mưu, ngoài việc trực tiếp chỉ huy chiến đấu hoặc chiến dịch, còn cần ra quyết định cả về các văn kiện chiến đấu được biên soạn cho việc đó. Người nào vì có gì đó muốn lảng tránh việc ra quyết định thì tình hình sẽ rất xấu. Trong trường hợp đó, văn kiện giống như quả bóng, sẽ được chuyền hết người chấp hành này sang người chấp hành khác, đầy những tài liệu tra cứu, những nghị quyết. Tác phong công tác như vậy không thể gọi là thiết thực, còn bộ máy đó thì chỉ làm ra được những việc vô bổ.

Cung cách làm việc một cách thiết thực đòi hỏi phải có thái độ khoa học, biết đi sâu vào thực chất của các hiện tượng chiến đấu hoặc chiến dịch, biết dự kiến khả năng phát triển của chúng, xác định các phương thức có thể lái sự phát triển đi đúng hướng cần thiết. Vì vậy, tính thiết thực không dung thứ sự hời hợt, làm việc theo «may rủi», không nắm được và không biết khéo sử dụng các quy luật của cuộc đấu tranh vũ trang, các kết luận và chỉ dẫn của khoa học quân sự và các khoa học khác, thiếu một nhãn quan bao quát của con người.

Người sĩ quan có thể phán xét rộng rãi hết thảy mọi vấn đề, nhưng hiểu biết trách nhiệm

của mình một cách nông cạn và chấp hành không đến nơi đến chốn thì người đó sẽ ít có tác dụng. Đồng thời, nếu các quyết định không được thực hiện trong công tác thực tiễn sinh động thì nó vẫn chỉ là những ý định tốt mà thôi. Do đó, tính thiết thực đòi hỏi phải thống nhất lời nói với việc làm, thống nhất lý thuyết với thực hành. Con người thiết thực phải là người biết kiên trì đấu tranh hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đề ra.

Tôi nghĩ là không cần thiết phải giải thích ý nghĩa của tính kế hoạch và kế hoạch hóa. Vì không phải chỉ những sĩ quan tham mưu mới hiểu biết và nhận thức rất rõ rằng, nếu không có kế hoạch thì không thể hoàn thành thắng lợi bất cứ một công việc to lớn nào. Ở cơ quan tham mưu, kế hoạch không cho phép sa vào những công việc sự vụ, xóa bỏ tình trạng chông chéo lẫn nhau trong công tác của các sĩ quan, các phòng, cục. Kế hoạch sẽ cho phép chúng ta phân phối một cách đúng đắn các lực lượng và phương tiện.

Cuối cùng, tính thiết thực luôn luôn đòi hỏi phải có tính tổ chức, sử dụng tốt thời gian của công tác tham mưu. La cà trong giờ làm việc, nói chuyện điện thoại không cần thiết, đi lại hỏi han lẫn nhau luôn, không phải là những chỉ tiêu của tính thiết thực trong công tác; chúng ta phải tìm mọi cách chấm dứt tình trạng đó. Biết quý trọng thời gian, quý trọng lao động của các đồng chí và của chính mình, tuân thủ nghiêm túc chế độ công tác đã quy định, làm mọi việc đúng thời hạn, không lạc hậu với tiến trình các sự kiện mà biết đón trước các sự kiện, đó là những chỉ tiêu công tác thiết thực của các sĩ quan tham mưu, mà chúng ta phải ra sức duy trì. Các đồng chí trong Cục tác chiến và các cục khác thuộc Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh, đã nêu lên cho tôi tấm gương về tính thiết thực thật sự, về tinh thần hết lòng hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc xô-viết.

Trong thực tiễn cuộc sống, người ta thường coi người có chức vụ lớn là người có trách nhiệm. Điều đó xuất phát từ sự tôn trọng những người biết suy nghĩ, lao động và đấu tranh vì lợi ích của nhân dân, được cử giữ những chức vụ cao của nhà nước hoặc của quân đội. Nhưng, khái niệm trách nhiệm lại được áp dụng đối với toàn bộ nhóm người đang hoạt động hữu ích và liên hệ với nhau một cách hợp quy luật trong một hệ thống các mối quan hệ phức tạp nhưng lại cần thiết. Tinh thần trách nhiệm cao trong việc hoàn thành công việc được giao là yếu tố quan trọng trong tác phong công tác của mỗi người, và đặc biệt là của người sĩ quan trong cơ quan tham mưu là nơi mà mọi chức trách đã được phân công chặt chẽ.

Bất kỳ cơ quan tham mưu cấp cao nào cũng đều tiến hành nhiều công việc chỉ huy các hành động quân sự, làm nhiều văn kiện, chủ yếu là phân tích, sửa đổi, tính toán, so sánh lập bảng tổng hợp quân số, trang bị và khí tài khác... mà ngoài người trực tiếp chấp hành ra thì không có ai kiểm tra cả và không một ai có khả năng làm việc đó. Một sơ suất nhỏ, một con số không đúng, đều có thể gây ra những sai lầm khó sửa chữa được trong quyết định, vì ra quyết định phải dựa vào báo cáo và các văn kiện mà các cán bộ đó biên soạn ra. Chính vì vậy nên người sĩ quan tham mưu có tinh thần trách nhiệm cao là người biết chủ động tự mình nhiều lần kiểm tra công việc đang làm mà không cần có ai nhắc nhở thúc giục, biết phối hợp các hành động và giải pháp của mình với những người có trách nhiệm không tính toán đến thời gian riêng của mình. Những người thiếu tinh thần trách nhiệm không được ở lâu trong Bộ tổng tham mưu. Chỉ vài ba khuyết điểm của họ cũng đủ buộc người thủ trưởng không dám giao cho họ những công việc quan trọng và cuối cùng buộc phải từ biệt họ.

Đối với những «người quá ư dè dặt», chúng tôi cũng liệt họ vào hạng người thiếu tinh thần

trách nhiệm. Do muốn lấy lòng người khác hoặc muốn tránh mọi điều khó chịu, nên họ có thể làm cho người thủ trưởng mất hướng trước tình hình và làm cho đồng chí đó khó đề ra quyết định đúng đắn. Trong thời gian chiến tranh, tôi đã gặp phải một trong số những người như vậy. Hồi đó, các cơ quan hậu cần có xu hướng phình ra, và Đại bản doanh bắt phải thu gọn lại, hoặc như hồi đó người ta thường nói là phải «gọt bớt» nó đi. Căn cứ vào chỉ thị thường lệ của Đại bản doanh về việc «gọt bớt» đó, một sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu lãnh đạo một nhóm phụ trách việc tổ chức các cơ quan hậu cần (phải nói thêm: người đó biết thạo việc của mình) được giao nhiệm vụ nghiên cứu chỉ thị là sẽ giải thể và thu gọn những bộ phận gì và ở những khâu nào. Sau một thời gian khá dài đi công tác ngoài mặt trận, đồng chí sĩ quan ấy cùng với nhóm của mình có lẽ như muốn lấy lòng ai đó, đã đưa ra bản đề nghị thu gọn có ảnh hưởng phá hoại tới khả năng chiến đấu của các đơn vị hậu cần chúng ta. Tổng tham mưu trưởng coi cách làm việc đó là biểu hiện của tinh thần vô trách nhiệm và người sĩ quan ấy buộc phải rời khỏi Bộ tổng tham mưu.

Chúng tôi đã nói là người sĩ quan của cơ quan tham mưu, nhất là của Bộ tổng tham mưu, không thể chỉ là người ghi chép các sự kiện, đơn thuần thu thập các tin tức, chấp hành các chỉ thị. Mà người sĩ quan tham mưu còn cần phải có năng khiếu sáng tạo. Các điều lệnh của chúng ta đã đề ra và đòi hỏi người chiến sĩ phải có tính chủ động. Điều đó có nghĩa là người sĩ quan phải là người có óc sáng tạo, tinh thông công việc của mình, bất kỳ việc lớn hay nhỏ, đều phải đem hết kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình để tìm tòi cái mới. Tất nhiên, đó là việc làm không đơn giản và không phải trong mỗi công việc đều có thể tìm ra và đề xuất được những cái gì mới. Như đã nói trong điều lệnh, chúng ta cần phải biểu thị tính chủ động một cách thông minh và sáng tạo, chứ không phải là «tối tạo». Sở dĩ tôi nhắc đến điều này là vì thực tế chiến tranh có rất nhiều hình nhiều vẻ; chiến tranh tạo ra cả một môi trường hoạt động rộng lớn cho từng người sĩ quan thông minh và năng động.

Trong những ngày chiến tranh, người trợ lý, người tổ chức và bất kỳ người sĩ quan tham mưu nào cũng đều phải tìm ra trong mỗi công việc quan trọng, nhất là trong các dự kiến tiến hành các chiến dịch, «cái độc đáo» của mình, đòi hỏi phải xem xét nó trong mối liên hệ chung với các sự kiện khác, và ở đó sẽ phải phát huy cái gì, rồi tiếp sau sẽ sử dụng như thế nào trong thực tế. Trong chiến dịch Ki-ép vào mùa thu năm 1943, các sĩ quan tham mưu của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3, do tướng p. X. Rư-ban-cô chỉ huy, đã đề nghị một điều tưởng chừng như trái với tự nhiên: tấn công tuyến phòng thủ của quân địch bằng xe tăng vào ban đêm chứ không phải ban ngày, hơn nữa lại bật hết các đèn pha chiếu sáng và bóp còi inh tai. Đề nghị ấy tưởng chừng mâu thuẫn với điều lệnh nhưng kỳ thực thì nó lại rất phù hợp với tinh thần của yêu cầu điều lệnh về tính chủ động và không hề rập khuôn cứng nhắc, vì các sĩ quan đã biết dựa vào sự hiểu biết chính xác tình hình khu vực của tập đoàn quân và đã hành động đúng. Cuộc tấn công thắng lợi. Thêm một dẫn chứng nữa về thái độ sáng tạo đối với công việc là việc chọn hướng đột kích chủ yếu của tập đoàn quân 65, do tướng P. I. Ba-tốp chỉ huy trong chiến dịch «Ba-gra-ti-on» trên địa hình ao hồ sinh lầy. Quyết định ấy đã được thông qua có tính toán đến yếu tố bất ngờ, và nó rất có hiệu quả.

Chúng ta còn có thể đưa ra nhiều dẫn chứng về những người chỉ huy và cơ quan tham mưu biết thể hiện tính sáng tạo, chủ động và đã giành được thắng lợi. Có thể có ý kiến không đồng ý

với tôi, cho rằng ở các cơ quan tham mưu cấp cao có nhiều công việc lớn, nên mới có nhiều điều kiện để sáng tạo, còn người sĩ quan ở cơ quan tham mưu bình thường thì «sáng tạo» cái gì? Tôi tin chắc rằng, ngay những công việc bình thường của cơ quan tham mưu cũng có địa bàn hoạt động rộng lớn cho sự sáng tạo và chủ động. Trong các công việc tác chiến, nếu không có thái độ sáng tạo, thì không thể giải quyết tốt bất cứ một vấn đề gì, dù đó là việc đề ra ý đồ hoặc vạch kế hoạch chiến dịch, việc nghiên cứu nhiệm vụ nguy trang chiến dịch, tính toán về so sánh lực lượng, lợi dụng địa hình, — ở bất cứ chỗ nào cũng mở ra cho người trợ lý những khả năng tạo nên ưu thế cho bộ đội mình hơn địch. Thế còn vấn đề trình sát? Ở đây cũng vậy, chỉ có tính sáng tạo và chủ động mới có thể khai thác được những tin tức cần thiết, còn máy móc và rập khuôn thì chỉ có thể dẫn đến thất bại. Vậy lẽ nào các sĩ quan của các cơ quan tổ chức lại ít có khả năng biểu hiện tính chủ động, chẳng hạn như khi họ nghiên cứu một cơ cấu tổ chức mới, hoặc sửa đổi tổ chức cũ nhân việc sử dụng các vũ khí và khí tài hiện đại hơn? Tôi xin đưa ra đây một dẫn chứng qua thực tế bản thân, có quan hệ tới việc xuất hiện vũ khí mới, mà thoạt nhìn thì xem ra có vẻ như đã thành lập nên một cơ cấu tổ chức tốt. Thế nhưng, sau khi thứ vũ khí mới ấy được nghiên cứu tỉ mỉ và kiểm tra trong thực tiễn thì thấy rằng, có thể tăng số vũ khí lên gấp ba lần ở các phân đội mà biên chế vẫn không cần tăng thêm một người nào. Nói tóm lại, trong bất kỳ tình huống nào cũng như trong bất kỳ công tác tham mưu nào cũng đều có đất để phát huy tính sáng tạo và chủ động.

Trong những năm chiến tranh, ở Bộ tổng tham mưu, công việc hết sức dồn dập cả ngày đêm, hơn nữa chúng lại đòi hỏi phải giải quyết hết sức nhanh. Và chúng tôi cũng sớm nhận ra rằng, nhanh và vội trong công tác không đồng nghĩa với nhau. Hơn nữa, đó lại là những khái niệm không giống nhau. Nhanh là bạn còn vội là thù của công tác tham mưu. Đức tính nhanh được tạo nên và có được là nhờ thực tiễn, được củng cố nhờ rèn luyện. Người làm việc nhanh là người biết tập trung mọi suy nghĩ vào công việc mình đang phụ trách, không hề phân tán sang công việc khác, nhanh chóng suy nghĩ để có mọi thứ cần thiết trong tay. Tiện đây, cần nói thêm rằng, người làm việc nhanh nhạy là người biết tập trung tư tưởng, hăng say công tác, không nghe những chuyện phiếm của những người bên cạnh, không bị những ồn ào ngoại cảnh chi phối; họ toàn tâm đi sâu vào công việc. Còn vội: đó là thiếu sót. Tính vội vàng thường xuất hiện ở những người thiếu đầu óc tổ chức, lười suy nghĩ. Những người như thế thì mọi thứ đều làm phienne họ, những người ấy mất nhiều thời gian một cách vô ích, nên họ không kịp làm các công việc đúng hạn, rồi sinh vội. Họ không chịu kiên nhẫn thâm nhập vào thực chất các sự kiện, họ vớ lấy những phỏng đoán ban đầu mà họ cho là đúng. Họ phạm sai lầm, nhầm lẫn và rút ra những kết luận nông nổi. Tôi cho rằng nhà văn Nga vĩ đại Mác-xim Goóc-ki đã từng nói về chính những con người ấy như sau: «...Anh ta suy nghĩ và lập luận không phải để nghiên cứu các hiện tượng trong cuộc sống, mà để vội tìm ra chốn nương náu yên hàn cho sự suy nghĩ của mình, vội xác nhận những sự thật hiển nhiên khác nhau». Chúng ta thường nói với nhau là trong các cơ quan tham mưu, chúng ta làm việc không cần vội, mà cần nhanh hơn.

Kết quả công tác của người sĩ quan tham mưu phụ thuộc trực tiếp vào mối liên hệ của họ với cuộc sống, với bộ đội. Trong những năm chiến tranh, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và ban lãnh đạo Bộ tổng tham mưu chú ý theo dõi giúp cho các cán bộ của Bộ tổng tham mưu nắm vững thực tế chiến tranh. Theo thường lệ, mọi sĩ quan giữ các trách nhiệm

công tác trong Bộ tổng tham mưu đều nhất thiết phải có mặt ở ngoài mặt trận. Còn các chủ nhiệm khu vực mặt trận một nửa số thời gian là ở các cơ quan tham mưu và các đơn vị thuộc mặt trận mình theo dõi. Cá biệt có những sĩ quan trong số đó có cả tác giả những dòng chữ này, thỉnh thoảng phải đi công tác thường kỳ và chỉ ở Bộ Tổng tham mưu có vài ngày thôi. Thậm chí có một số người suy nghĩ: vậy thì nói chung họ cần gì phải ở Bộ tổng tham mưu, sao không «thả» họ ra mặt trận? Những ý kiến ấy đã từng có và tất nhiên là không đúng. Tổng tư lệnh tối cao có ý kiến riêng của mình về vấn đề này. Đồng chí coi trọng ý nghĩa và tác dụng của mối liên hệ giữa các cơ quan tham mưu với các đơn vị, muốn bồi dưỡng thực tế của các đơn vị cho các cán bộ tham mưu có trình độ lý luận; đồng chí thường hay hỏi: các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu có hay ra mặt trận không?

Bản thân I. V. Xta-lin chỉ tới đầu tháng Tám 1943 mới ra mặt trận. Hồi đó, các phương diện quân Ca-li-nin và Tây đang chuẩn bị chiến dịch tiến công Xmô-len-xcơ. Các phương diện quân ấy có nhiệm vụ giải phóng một bộ phận quan trọng ở vùng cao Trung Nga và tiêu diệt quân địch ở khu vực Xmô-len-xcơ. Qua đó, chúng ta có thể bảo đảm mặt phía Bắc của sườn phải các lực lượng chủ yếu của ta (4 phương diện quân) đang tiến công từ vòng cung Cuốc-xcơ. Ngày 3 tháng Tám, khi các đơn vị của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và phương diện quân Thảo Nguyên đang hiệp đồng với cánh phải của phương diện quân Tây-Nam chuyển sang tiến công trên hướng Bê-lơ-gô-rốt - Khác-cốp, thì Tổng tư lệnh tối cao đã đến chỗ tướng V. Đ. Xô-cô-lốp-xki tại sở chỉ huy của phương diện quân Tây, ở khu vực I-u-khơ-nốp. Đồng chí nghe tư lệnh phương diện quân báo cáo tình hình, xem xét các vấn đề đặt kế hoạch và chuẩn bị cho chiến dịch. Đồng chí nghiên cứu tỉ mỉ nhiệm vụ của các tập đoàn quân, pháo binh và xe tăng.

Sáng ngày 5 tháng Tám, I. V. Xta-lin tới làng Khô-rô-se-vô ở gần Rơ-giép, gặp tướng A. I. Ê-ri-ô-men-cô, tư lệnh phương diện quân tại sở chỉ huy của phương diện quân Ca-li-nin. Ở đây, đồng chí cũng nghiên cứu tình hình, kế hoạch chiến dịch của cả hai phương diện quân, nhất là phương diện quân Ca-li-nin, và các vấn đề bảo đảm vật chất cho chiến dịch. Chẳng hạn, đồng chí đã quyết định đưa mật độ pháo binh ở khu vực mũi đột kích chủ yếu lên tới 170 khẩu trên một ki-lô-mét chính diện đột phá, bằng cách cơ động pháo ở các hướng phụ sang, bổ sung thêm lực lượng cho phương diện quân Ca-li-nin (quân đoàn kỵ binh cận vệ 3 của tướng N. X. Ô-xli-cốp-xki và một số đơn vị không quân).

Ngày hôm ấy, chúng ta giải phóng được Ô-ri-ôn và Bê-lơ-gô-rốt. Xta-lin từ mặt trận gọi điện về Bộ tổng tham mưu đúng vào lúc tôi nhận điện. Đồng chí lệnh cho chúng tôi chuẩn bị nhật lệnh biểu dương. «Bao giờ tôi trở về, — đồng chí nói, — thì đồng chí cùng với An-tô-nốp đến ngay Đại bản doanh để giải quyết việc tổ chức mừng chiến thắng này».

Theo quan điểm chúng tôi, Tổng tư lệnh tối cao không thể thường xuyên ra mặt trận. Vì nếu vắng mặt trong việc chỉ đạo chung để đi vào giải quyết nhiệm vụ riêng cho một mặt trận nào đó, thì lại là một sự khinh suất không thể tha thứ được.

Tổng tư lệnh tối cao còn đi dự các hội nghị ở Tê-hê-ran, I-an-ta và Pốt-xđam. Nhưng dù đi dự các hội nghị ấy, Tổng tư lệnh tối cao vẫn trực tiếp nắm quyền chỉ đạo mọi hành động chiến đấu ở các phương diện quân. Chúng tôi cho rằng trong điều kiện chiến tranh quyết liệt thì đó quả là một quyết định đúng đắn; Tổng tư lệnh tối cao bao giờ cũng giữ vững mối liên hệ chặt chẽ với thực tế cuộc chiến tranh. Cung cấp cho đồng chí những thực tế sinh động là những người mà Tổng tư lệnh tối cao đã nghiêm khắc đòi hỏi và không để cho ngồi lâu ở Mát-xcơ-va.

Đồng thời, I. V. Xta-lin cho rằng, phải thường xuyên bổ sung các cán bộ tham mưu có trình độ lý luận cho đội ngũ các cán bộ thực hành. Nhiều sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu đã được cử giữ các chức vụ tham mưu trưởng các phương diện quân, tập đoàn quân, và chính bản thân các cơ quan tham mưu cũng được tín nhiệm lớn. Mọi đồng chí tham mưu trưởng đều là người phó tư lệnh thứ nhất hoặc cán bộ chỉ huy. Ngay các nhật lệnh chào mừng chiến thắng của Đại bản doanh cũng gửi cho hai người: tư lệnh và tham mưu trưởng. Chúng tôi thiết nghĩ, đó là việc làm đúng, vì không ai ngoài tham mưu trưởng, lại có thể nắm được hết mọi công việc, bởi lẽ bất kì người thủ trưởng nào khác cũng chỉ nắm được một ngành công tác thôi. Trước đây và hiện nay chỉ có tham mưu trưởng mới có quyền thay mặt người chỉ huy hạ các mệnh lệnh.

Trong thời bình và nhất là trong thời chiến, đặc điểm nổi bật lên trong tác phong công tác của các cán bộ tham mưu mọi cấp là ý thức cảnh giác, biết giữ gìn bí mật. Yêu cầu tất yếu đối với họ là không được tò mò, biết những điều được phép biết và chỉ mình biết, không được lộ cho người khác biết, bảo vệ các văn kiện như bảo vệ con người của mắt mình, không được đem những chuyện trong nội bộ cơ quan tham mưu nói ra ngoài. Các cán bộ tham mưu cần nhớ rằng trong những điều kiện nhất định, sự am hiểu những điều không cần thiết có thể gây nên nguy hại. Vì vậy, chúng tôi chỉ cho phép mình nói chuyện về công tác ở trong cơ quan tham mưu, không được bạ chỗ nào cũng nói và nói với tất cả mọi người. Không được sa đà vào những chỗ quen biết đáng nghi ngại. Trong các buổi họp, không được nói chuyện với nhau những điều bí mật. Những khi sử dụng điện đài và điện thoại, phải luôn luôn nhớ rằng: tất cả đều có thể bị nghe trộm ở trong khoảng không và trên những đường dây ấy.

Mọi sĩ quan đều hiểu biết những điều sơ đẳng ấy. Vi phạm những điều ấy, nhất là ở trong cơ quan tham mưu cấp cao, đều có thể mang lại những hậu quả nghiêm trọng. Một số người nhận thức chưa đầy đủ còn quan niệm một cách sai lầm rằng, tình báo của kẻ địch chỉ chú ý tới những tin tức quan trọng trong các văn kiện chúng đánh cắp được và tới bọn gián điệp bí mật chui sâu vào cơ quan tham mưu. Tình hình lại không hẳn như thế. Đánh cắp được tài liệu, hơn nữa chui sâu vào cơ quan tham mưu là một công việc cực khó. Trong suốt quá trình lịch sử, chỉ có một số người cá biệt mới làm được việc này. Phần lớn tin tức cơ quan tình báo địch thu lượm được trước đây cũng như hiện nay là ở nguồn tài liệu lấy trong báo chí, trong những lúc trò chuyện, ba hoa của những người có chức trách, trong các bữa tiệc, ở những người am hiểu mà hay khoe khoang trên các chuyến tàu, trên máy bay, ô-tô, rạp hát, rạp chiếu bóng, v.v.. Tình báo của chúng thu lượm những tin tức lẻ tẻ, rời rạc, rồi chắp lại với nhau, phân tích, so sánh và lấy đó làm căn cứ cho những kết luận đúng đắn. Chúng ta không cần kể chi tiết về vấn đề này, vì trong sách báo đã nói nhiều đến các trường hợp như thế.

Cuối cùng, chúng ta cần thấy rằng không một sự nghiệp nào lại có thể thành công, nếu như không có công tác kiểm tra và kiểm soát sự chấp hành. Về mặt này, mọi người chúng ta đều đã biết tới các nguyên tắc của Lê-nin, thiết tưởng ở đây không cần phải giảng giải gì thêm. Tôi chỉ nói đến một điều là, Bộ tổng tham mưu đặt vấn đề kiểm tra việc chấp hành các quyết định và chỉ thị của Đại bản doanh thật hết sức gắt gao ngay từ lúc mới bắt đầu chiến tranh. Điều kiện tác chiến hồi đó rất khó khăn, chúng ta đã thấy rõ là nhiều mệnh lệnh của Bộ tổng tư lệnh tối cao không thể thực hiện được hoặc chỉ thực hiện được một phần, và sở dĩ có tình hình đó tuyệt

nhiên không phải là do cá biệt người nào hoặc đơn vị nào có gì ác ý. Sau này, chúng ta đã tổ chức kiểm tra không ngừng, kiểm tra và lại kiểm tra mọi diễn biến thực sự của tình hình các công việc ngoài mặt trận, đó là một nguyên tắc bất di bất dịch trong công tác của Bộ tổng tư lệnh tối cao và của Bộ tổng tham mưu Liên Xô. Công tác kiểm tra đã bảo đảm thống nhất được mọi cố gắng mà nghệ thuật quân sự đòi hỏi phải làm như vậy. Đồng thời, nhờ có kiểm tra, chúng ta mới phát hiện được những nhu cầu cấp bách của các đơn vị, tính chất và quy mô của sự chi viện cần thiết.

Các mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch và các văn kiện khác đã được vạch ra đúng đắn thì cần phải được thực hiện chính xác và đúng thời hạn; ngược lại, nếu không thực hiện được như thế thì tất cả đều chỉ là vô dụng. Xét đến cùng, bất kỳ văn kiện nào được biên soạn ra cũng chỉ là mới bắt đầu công việc, còn điều chủ yếu là ở chỗ quyết định ghi trong văn kiện phải được thực hiện. Song, đáng tiếc là trong quá trình chiến tranh, các chiến dịch được lập kế hoạch khá tốt, đúng như đã quy định, nhưng chỉ vì thực hiện hết sức tồi nên đã chuốc lấy thất bại thảm hại. Đó là do nhiều nguyên nhân chủ yếu là do tổ chức kém và không tiến hành kiểm tra tại chỗ.

Không thể chỉ có kiểm tra ở «bên ngoài», tức là ở các địa điểm, các đơn vị, các cơ quan chấp hành mệnh lệnh kế hoạch, mà nhất thiết phải tiến hành kiểm tra cả ở «bên trong», tức là quy định ngay ở trong cơ quan tham mưu thời hạn chấp hành mệnh lệnh, văn kiện, giúp đỡ những người soạn thảo kế hoạch hành động hoặc kế hoạch chiến dịch, kiểm tra quá trình biên soạn các văn kiện. Không tiến hành kiểm tra như vậy thì không thể nào hành động có hiệu quả được. Mỗi tập thể, dù là một tập thể đoàn kết và có trình độ nghiệp vụ, hoặc một người chấp hành dù là thành thạo nhất, có kỷ luật nhất cũng đều cần phải có sự kiểm tra từ trên. Nếu không như vậy thì sẽ có nguy cơ sinh ra thiếu sót về thời gian và chất lượng công tác.

Tất cả những điều trình bày ở trên là tác phong và phương pháp công tác của các cơ quan tham mưu, là những yêu cầu đối với vấn đề chỉ huy bộ đội, là sự đào tạo về mặt nghiệp vụ của các cán bộ tham mưu, và theo quan điểm chúng tôi, đó cũng là khái niệm về trình độ công tác tham mưu cao.

Một số vấn đề công tác tham mưu nói trên là cả cuộc đời và sự nghiệp của chúng tôi, đã làm chúng tôi lo lắng trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, nên tôi thấy cần phải trình bày trong chương này. Đối với chúng tôi, Bộ tổng tham mưu là cả một trường học to lớn trong công tác và đời sống. Các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu đã học tập được sự sáng suốt trong chiến tranh của Đại bản doanh và Hội đồng quốc phòng Nhà nước, nơi tập trung trí tuệ của Nhà nước và của quân đội trong thời gian ấy.

Tổ chức ra những thắng lợi vẻ vang của bộ đội xô-viết vì sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội là một công tác khó khăn và quan trọng; công tác ấy đã diễn ra cả ở Bộ tổng tham mưu — cơ quan tham mưu ở đỉnh thang cao nhất và ở mọi cơ quan tham mưu khác.

CHƯƠNG CHÍN

• Vượt dãy Các-pát tiến Xlô-va-ki-a

- Núi Các-pát ở phía trước, vượt qua như thế nào?
- Tiền thân của Quân đội nhân dân Tiệp Khắc.
- Lút-vích Xvô-bô-đa.
- Tình hình ở Xlô-va-ki-a.
- Kế hoạch của Bê-nét: đường lối đảo chính bằng quân đội.
- Quyết định của Đại bản doanh về việc chi viện cho cuộc khởi nghĩa ở Xlô-va-ki-a.
- I. X. Cô-nép và I. E. Pê-tơ-rốp hành động.
- Băng qua lửa đạn tới Đu-cli-a.
- Bên kia dãy núi.
- Các anh hùng và kẻ thù của nhân dân.
- Đột phá.

Năm 1944 được ghi vào lịch sử là năm mở nhiều chiến dịch có tính chất chiến lược của Hồng quân, đã thu được những thắng lợi quyết định chống chủ nghĩa phát xít, và do đó nhiều dân tộc ở châu Âu bước gần đến ngày giải phóng đất nước mình. Tôi còn nhớ hồi đầu năm, khi bộ đội ta trên khắp các mặt trận đang tiến lên phía trước, thì A. I. An-tô-nốp, Phó tổng tham mưu trưởng quân đội Liên Xô, triệu tập tôi đến chỗ đồng chí. Như thường lệ, tôi cầm vội chiếc cặp đựng tài liệu báo cáo sang ngay phòng làm việc của đồng chí. Nhưng, tôi không phải báo cáo gì hết, mà chỉ nghe A. I. An-tô-nốp nói. Như thường lệ, đồng chí ít nói và giải thích vắn tắt rằng chính phủ tư sản Bê-nét của Tiệp Khắc thông báo cho chúng ta về khả năng sẽ có cuộc vũ trang nổi dậy chống bọn Đức ở Xlô-va-ki-a. Cuộc khởi nghĩa cần được chi viện và họ đề nghị chúng ta giúp đỡ.

Chính phủ Tiệp Khắc đề nghị chúng ta giúp đỡ thì cũng là điều hợp quy luật, vì Tiệp Khắc là đồng minh của Liên Xô, phái đoàn quân sự Tiệp Khắc do tướng Pi-ca đứng đầu vẫn đang làm việc ở Mát-xcơ-va. Song, dầu sao thì đề nghị ấy cũng nói lên một hiện tượng nào đó hết sức mới, vì chính phủ Bê-nét có lẽ là lần đầu tiên nói về khả năng có cuộc vũ trang nổi dậy chống nền độc tài phát-xít Đức ở Xlô-va-ki-a. Trước đó, chúng ta chưa hề thấy ý ấy trong những cuộc hội đàm với các nhà chức trách Tiệp Khắc ở Luân Đôn, lẫn trong các thư từ trao đổi với phái đoàn quân sự của tướng Pi-ca ở Mát-xcơ-va (Pi-ca thì nhiều lần viết thư đến Bộ tổng tham mưu về nhiều vấn đề khác nhau). Trước đây, tất cả các đại biểu của chính phủ Bê-nét ngấm ngầm không muốn mở rộng phong trào chống phát-xít ở Tiệp Khắc. Bê-nét và các thành viên trong chính phủ của ông ta là những người biết nhìn xa và có kinh nghiệm, họ hiểu rất rõ rằng nếu để cho các lực lượng nhân dân hoạt động mạnh, thì sẽ chứa đựng mối nguy cơ có tính chất giai cấp như thế nào đối với nước cộng hòa tư sản. Các nhà chính trị tư sản cố gắng giải quyết các nhiệm vụ giải phóng đất nước bằng cách không cho quần chúng tham gia rộng rãi vào cuộc khởi nghĩa vũ trang để khỏi khơi dậy sự căm phẫn của nhân dân. Vậy trong trường hợp này, họ sẽ trông cậy vào ai?

Đường như để trả lời câu hỏi trên, A. I. An-tô-nốp nói: chính phủ Bê-nét coi quân đội Xô-va-ki-a là cơ sở chủ yếu của cuộc kháng chiến vũ trang ở Xô-va-ki-a, và chắc là họ không có ý định phát động quần chúng nhân dân đứng lên chống bọn Hít-le. Có lẽ họ sợ rằng, nhân dân khi đã cầm chắc vũ khí trong tay thì sẽ nổi lên tự giải phóng mình. Nếu tình hình diễn ra như vậy thì, các bộ trưởng tư sản sẽ bị mất vị trí lãnh đạo chính trị của họ và sẽ bị rút lại sau công cuộc đấu tranh giải phóng Tổ quốc. Trong khi đó những người ủng hộ Bê-nét đã hy vọng rằng sẽ thỏa thuận được dễ dàng với các sĩ quan cao cấp của quân đội Xô-va-ki-a.

Thế nhưng, biên chế trong các sư đoàn của quân đội Xô-va-ki-a còn thiếu, hơn nữa trang bị lại tồi. Rõ ràng một quân đội như vậy sẽ không thể chống lại nổi quân của Hít-le. Vì vậy, chính phủ Tiệp Khắc mới đề nghị Liên Xô giúp đỡ về trang bị và quân lính. An-tô-nốp nói với tôi, họ đề nghị gửi sang Xô-va-ki-a lúc bắt đầu khởi nghĩa 50.000 cơ sở vũ khí bộ binh, một lữ đoàn nhảy dù đổ bộ người Tiệp Khắc đang được thành lập tại Liên Xô, ngoài ra là hai sư đoàn bộ binh Liên Xô.

Chính phủ Bê-nét không nhắc đến các đơn vị khác của Tiệp Khắc đã được thành lập tại Liên Xô và đã hoạt động cùng với bộ đội xô-viết chống bọn phát-xít Đức chiếm đóng Tchécoslovaquia đến tháng Giêng 1944, các đơn vị Tiệp Khắc này đã trải qua một chặng đường đấu tranh dài, đầy vẻ vang. Lúc đầu mới thành lập một tiểu đoàn Tiệp Khắc. Tiểu đoàn này đánh trận đầu rất gay go ở Khá-cốp, gần làng Xô-cô-lô-vô hồi tháng Ba 1943. Đồng chí Lút-vích Xvô-bô-đa, một trong những người sáng lập ra tiểu đoàn đó, nay là Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, đã chỉ huy tiểu đoàn. Tới mùa thu năm ấy, L. Xvô-bô-đa được giao nhiệm vụ chỉ huy lữ đoàn bộ binh Tiệp Khắc. Lữ đoàn được thành lập trên cơ sở của tiểu đoàn nói trên. Các chiến sĩ trong lữ đoàn hoạt động rất xuất sắc khi chiến đấu giải phóng Ki-ép, đã được tặng thưởng huân chương Xu-vô-rốp hạng hai. Sau này, khuôn khổ lữ đoàn lại trở nên chật hẹp, vì có nhiều người yêu nước Tiệp Khắc muốn cầm vũ khí tham gia giải phóng Tổ quốc chống bọn phát-xít. Nói trước đi một ít, thì ngày 10 tháng Tư 1944 bắt đầu thành lập tại Liên Xô quân đoàn bộ binh Tiệp Khắc 1 ở khu vực Tséc-nốp-xư. L. Xvô-bô-đa, quân hàm cấp tướng, đã chỉ huy một lữ đoàn thuộc quân đoàn. Các binh đội và binh đoàn chiến đấu đầu tiên ấy của Tiệp Khắc đã trở thành yếu tố rất quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên Tổ quốc mình và là cơ sở xây dựng Quân đội nhân dân Tiệp Khắc sau này.

Tuy nhiên, chính phủ Bê-nét hồi đó cũng có kế hoạch hành động riêng ở Xô-va-ki-a: kế hoạch đó dự tính sau khi các sư đoàn Xô-va-ki-a nổi dậy chống bọn Hít-le thì tổ chức tuyến phòng ngự ở các đèo phía Bắc, theo các đường biên giới quốc gia chạy qua Ta-tơ-ra và ở đây, Bộ chỉ huy Tiệp Khắc đặt hy vọng chủ yếu vào địa hình hiểm trở để phòng ngự. Mặt phòng ngự ở phía Tây của đất nước thì họ dự tính sẽ dựa vào những phòng tuyến tự nhiên thuận lợi như sông Mô-ra-va, rừng núi và các điểm cao dọc hai bờ sông Vác và Gơ-rôn. Còn phần biên giới giáp ranh với Hung-ga-ri, địa hình thuận lợi cho việc xâm nhập của quân địch, thì các viên tướng Tiệp Khắc ở Luân Đôn cho rằng sẽ dựa vào máy bay Mỹ và Anh ném bom, bắn phá ngăn chặn quân địch không cho chúng tiến vào Xô-va-ki-a. Căn cứ vào kinh nghiệm ba năm chiến tranh vừa qua, An-tô-nốp và tôi đều thấy rất rõ rằng quân địch sẽ không để cho bộ chỉ huy Tiệp Khắc thực hiện được kế hoạch đó.

Thế nhưng, A. I. An-tô-nốp vẫn chỉ thị:

— Đồng chí hãy cứ suy nghĩ thêm về những đề nghị chi viện của chính phủ Tiệp Khắc. Đồng

chỉ cứ phác thảo trên giấy các khả năng hiện thực, và chủ yếu là đồng chí hãy tìm ra những biện pháp chi viện thiết thực là tốt nhất. Đồng chí thử nghiên cứu kế hoạch hành động mà họ đã đề nghị. Chúng ta có nhiệm vụ phải trả lời một cách thẳng thắn và có sức thuyết phục, thậm chí nếu như chúng ta thấy không thể tin tưởng vào các đồng minh của chúng ta rằng kế hoạch này sẽ thành công...

Nhất định chúng ta phải có nghĩa vụ giúp đỡ và với quy mô to lớn nước Tiệp Khắc đồng minh của chúng ta, điều đó thì không còn nghi ngờ gì cả. Về mặt này đã có quyết định có tính nguyên tắc của Chính phủ Liên Xô, và Tổng tư lệnh tối cao I. V. Xta-lin đã ra lệnh trả lời cho những người Tiệp Khắc rằng, chúng ta đồng ý và sẽ thực hiện bằng được sự chi viện ấy. Lúc này, tôi và tướng A. A. Grur-dơ-lốp bắt tay vào phân tích những đề nghị và kế hoạch hành động của những người Tiệp Khắc. Các kết luận chúng tôi rút ra không được lạc quan lắm. Các tính toán chỉ ra rằng, sai lầm của chính phủ Tiệp Khắc là ở ý định sử dụng các lực lượng hiện có của quân đội Xlô-va-ki-a để cố giữ phần lãnh thổ chủ yếu của Xlô-va-ki-a. Còn việc ngăn chặn quân Đức ở những đường biên giới quốc gia thì không quân Anh - Mỹ có ném bom cũng không sao chặn nổi, và thậm chí trong điều kiện đã có thêm cả hai sư đoàn bộ binh Hồng quân ném vào đấy nữa cũng chẳng ăn thua. Nghiên cứu tình hình thực tế, chúng ta thấy một số lượng lớn quân Đức có khả năng sẽ xâm nhập vào Xlô-va-ki-a trên cả một chiều dài rộng lớn của đường biên giới Hung-ga-ri.

Việc hai sư đoàn bộ binh Liên Xô đổ bộ bằng đường không xuống Xlô-va-ki-a cũng không phải là việc đơn giản. Chúng ta có thể sử dụng được không quá 170 máy bay vận tải. Mỗi máy bay chỉ chở được 20 chiến sĩ có mang theo trang bị. Như vậy là, tất cả số máy bay đó mỗi chiếc phải bay tới 5-6 chuyến mới chở hết số quân có mang theo trang bị cá nhân của hai sư đoàn, chưa nói đến pháo binh và các đồ hậu cần khác. Hồi đó, việc chuyên chở bằng máy bay các loại trang bị nặng trên 2 tấn nói chung chưa thực hiện được.

Ngoài ra lại còn những khó khăn khác nữa. Ví dụ như muốn cho số máy bay nói trên hoạt động được bình thường thì phải cần đến 5 sân bay với đủ số nhiên liệu dự trữ cho cả lượt bay về, được yểm hộ chắc chắn cả về mặt đường không. Nhưng ở Xlô-va-ki-a không có các điều kiện ấy.

Không những thế, nếu chuyến bay đầu thành công, thì địch cũng sẽ phát hiện ra ý định của ta và sẽ tổ chức tập kích mạnh bằng đường không. Chúng ta sẽ không tránh khỏi sự thiệt hại nặng nề, do đó cần phải có máy bay tiêm kích bay theo để yểm hộ máy bay vận tải trên cả một chặng đường dài, ngay từ lãnh thổ chúng ta.

Tình hình trên mặt đất cũng có thể xảy ra những sự việc phức tạp. Hai sư đoàn được chở tới Xlô-va-ki-a tất nhiên cũng phải được thường xuyên bảo đảm mọi nhu cầu cần thiết cho sinh hoạt và chiến đấu. Như vậy có nghĩa là, sau khi bộ đội đã tập trung thì cũng phải cung cấp cho họ bằng đường không, nên sẽ thu hút một số lớn máy bay vận tải để làm nhiệm vụ đó.

Nhưng điều chủ yếu nhất là chính phủ Tiệp Khắc dường như không tính đến vấn đề là ngay lúc này bộ đội Liên Xô chưa thể trực tiếp tiến vào Các-pát được. Hơn nữa còn cần phải đi qua một đoạn đường mới đến núi. Quân địch đã xây dựng tuyến phòng ngự mạnh trên những con đường từ phía Đông dẫn tới dãy núi chính Các-pát, chặn các ngã đường tiến quân của ta. Chúng ta cần phải phá vỡ hệ thống phòng ngự ấy. Hồi đó, bộ đội ta chỉ có thể tiến công vượt qua các

đều mới vào được Xô-va-ki-a. Ở Các-pát, quân địch không thua kém ta về quân số và các khí tài trang bị. Phòng tuyến Ác-pát dày đặc những hỏa điểm kiên cố và nhiều loại chướng ngại đứng án ngữ trên tất cả các hướng đặc biệt quan trọng.

Như vậy là, số học và lô-gích học chỉ ra rằng kế hoạch của các viên tướng của Bê-nét chủ yếu chỉ xuất phát từ nguyện vọng, chứ không phải xuất phát từ chỗ có thể thực hiện được trong thực tế hay không. Không có nhân dân tham gia và cố tránh họ thì không thể hy vọng thu được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống bọn Hít-le ở bên trong Xô-va-ki-a. Thấy cần phải thẳng thắn nói hết với các đồng minh, vì vậy ở Bộ tổng tham mưu chúng tôi đề nghị với A. I. An-tô-nốp coi các công việc ở Xô-va-ki-a mới chỉ là khả năng xây dựng một căn cứ lớn đấu tranh du kích tích cực trên lãnh thổ Xô-va-ki-a. A. I. An-tô-nốp hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

Thế nhưng, xét về mặt chính trị, Bộ tổng tham mưu cũng không loại trừ khả năng những đề nghị của các bạn Tiệp Khắc thế nào cũng sẽ được chấp nhận và bộ đội xô-viết rồi cũng sẽ được lệnh đi chi viện cho Xô-va-ki-a trước khi chuẩn bị tiến công vượt qua dãy núi Các-pát. Trong trường hợp đó, Bộ tổng tham mưu đề nghị cho đổ bộ vào Xô-va-ki-a một lữ đoàn nhảy dù Tiệp Khắc và một lữ đoàn nhảy dù Liên Xô, chở tới đây các vũ khí của bộ binh và các phương tiện vật chất cần thiết khác cho cuộc khởi nghĩa. Việc vận chuyển bộ đội và các khí tài vật chất cũng sẽ có khó khăn, cần đến nhiều máy bay vận tải. Làm trọn được công việc đó không tránh khỏi bị nhiều tổn thất. Thực ra thì trong trường hợp này chúng ta cần ít sân bay hơn. Đồng thời với lúc ta chở quân và các khí tài vật chất tới Xô-va-ki-a thì bộ đội xô-viết trên các mặt trận sẽ phải tiến hành các chiến dịch ở những nơi có lợi tùy theo các điều kiện tình hình.

Còn nói về các phương pháp hành động chống lại quân phát-xít Đức ở Xô-va-ki-a, thì các trợ lý trong Bộ tổng tham mưu cho rằng, phòng ngự vững chắc từng khu vực trên khắp đất nước, nhất là trong giai đoạn đầu các chiến dịch, là điều hợp lý. Để tổ chức phòng ngự như vậy thì ta có rất ít lực lượng và phương tiện, hơn nữa quân địch sẽ sử dụng nhiều đường tiếp cận, nhất là từ phía Nam, để đột phá vào dải phòng ngự của ta. Ngoài ra, quân địch đang chiếm ưu thế về không quân. Trong tình hình đó, tốt hơn hết là ta sẽ sử dụng các lữ đoàn nhảy dù nói trên làm hạt nhân để phát triển phong trào du kích mạnh mẽ trong cả nước nhờ vào việc động viên và vũ trang nhân dân. Với những điều kiện lúc ấy, phương pháp đấu tranh này là có triển vọng hơn cả.

Vào cuối tháng Ba đầu tháng Tư 1944, cuộc tiến công của bộ đội xô-viết ở Hữu ngạn U-crai-na đã hoàn thành. Cánh quân xung kích của phương diện quân U-crai-na 1 đã giải phóng Cô-lô-mui-a. Bản thân sự kiện đánh chiếm một thị trấn bình thường ở vùng xa trung tâm không có gì là đặc sắc lắm, nhưng ngày 29 tháng Ba, Mát-xcơ-va đã bắn súng chào mừng các đơn vị chiến thắng, vì phương diện quân đã thu được một kết quả có tầm chiến lược quan trọng, vì các tập đoàn quân của chúng ta tiến tới đây đã chia cắt được Cụm tập đoàn quân «Nam» của địch, và lúc này, chúng ta đang đuổi sát một bộ phận của chúng chạy về phía Tây, còn một bộ phận khác chạy xuống phía Nam do những mũi đột kích của bộ đội phương diện quân U-crai-na 2 đang trên những con đường dẫn tới Khô-tin. Tiếp sau đó, tập đoàn quân 40 của tướng Ph. Ph. Giơ-ma-tren-cô ở sườn phải phương diện quân U-crai-na 2 tiến được tới chân núi Các-pát ở phía Tây Bô-tô-sa-nhi. Lúc này, các cánh quân chiến lược của địch ở hướng Tây và Tây-Nam rất khó hiệp đồng với nhau, vì dãy núi Các-pát rộng lớn ngăn cách hai cánh quân chiến lược ấy.

Mặc dầu hồi đó cái lòng chảo Coóc-xun — Sép-tsen-cốp-xki thứ hai tổ chức ở Đne-x-tơ-ro không thành công, song những kết quả mà Hồng quân thu được trong cuộc tiến công mùa xuân thật là to lớn: nhiều khu vực quan trọng ở nước ta được giải phóng khỏi ách quân xâm lược, hàng triệu người dân xô-viết thoát khỏi tình trạng nô dịch. Trong quá trình tiến công, kể cả cuộc tiến công ở Crum, quân địch bị thiệt hại nặng: 18 sư đoàn và 1 lữ đoàn bị tiêu diệt, 68 sư đoàn bị thiệt hại đến một nửa và trên một nửa quân số. Chuẩn thống chế Man-stai-nơ, tư lệnh Cụm tập đoàn quân «Nam» mãi sau này mới hiểu được ý đồ của ta, và dù cố gắng cho rút quân để tránh đòn đột kích, song cũng không tránh được, nhất là đối với tập đoàn quân xe tăng 1 của Đức.

Những thắng lợi ở sườn phía Nam mặt trận Xô-Đức đã làm thay đổi hẳn tình hình có lợi cho ta.

Man-stai-nơ buộc phải thôi chức tư lệnh cụm tập đoàn quân. Viên thuộc huyền chức cay đắng thực ra đã được tắm ngọt: viên bại tướng được nhận phần thưởng — thanh kiếm và huân chương Chữ thập hiệp sĩ. Khi nhận thưởng, Man-stai-nơ còn được nghe những lời thú nhận chán ngán của quốc trưởng, rằng thời kỳ những chiến dịch quy mô lớn ở phía Đông rất thích hợp với Man-stai-nơ đã qua rồi. «Ở đây, điều quan trọng lúc này là chỉ có cách kiên quyết giữ lấy các trận địa. Mở đầu phương pháp mới chỉ huy bộ đội phải gắn liền với tên tuổi mới và phương châm mới»...[\[15\]](#).

Sở dĩ, chiến dịch của chúng ta lúc đó không phát triển được thêm nữa, chủ yếu vì bộ đội phải chiến đấu tiến công dài ngày trong điều kiện thời tiết mùa xuân băng tan, đường sá khó đi lại và cũng còn do địch kháng cự ngày càng mạnh. Các chiến sĩ xô-viết của phương diện quân U-crai-na 1 từ giữa tháng Tư và của phương diện quân U-crai-na 2 từ đầu tháng Năm đã chuyển sang phòng ngự cho tới mùa thu năm ấy.

Vào thời gian này, Bộ chỉ huy Liên Xô không định mở mũi đột kích trực tiếp để vượt qua dãy núi Các-pát. Tiến công chính diện như vậy có thể phải trả giá rất đắt. Cần phải tổ chức đánh vòng qua núi. Tư tưởng đó là cơ sở hình thành nên ý đồ các chiến dịch sau này ở Các-pát, chúng ta dự kiến sẽ sử dụng những lực lượng không lớn lắm. Ngày 30 tháng Bảy 1944, phương diện quân U-crai-na 4 được thành lập lại do thượng tướng I. E. Pê-tơ-rốp làm tư lệnh. Phương diện quân này chỉ gồm có hai tập đoàn quân — tập đoàn quân cận vệ 1 của thượng tướng A. A. Grê-xcô và tập đoàn quân 18 của trung tướng E. P. Giu-ráp-li-ốp. Về sau, phương diện quân này còn tiếp nhận thêm quân đoàn bộ binh cận vệ 17 của thiếu tướng A. I. Ga-xti-lô-vích. Người và đạn không nhiều. Biên chế của hai tập đoàn quân có 18 sư đoàn. Quân số mỗi sư đoàn không quá 4.500 người. Đạn được chỉ có tất cả từ 0,2-0,3 cơ số chiến đấu.

So sánh lực lượng lúc này có lợi cho địch. Trinh sát báo cáo: 10 sư đoàn bộ binh Đức trong biên chế của tập đoàn quân xe tăng 1 và 11 sư đoàn của tập đoàn quân 1 Hung-ga-ri đang phòng ngự trên một dải gần 400 ki-lô-mét ở phía trước phương diện quân. Các lực lượng chủ yếu của địch chiếm giữ các trận địa đã được củng cố vững chắc, trong đó có phòng tuyến Ác-pát dọc theo đường phân thủy của dãy núi chính Các-pát ở phía Đông, chặn các đường qua đèo và đường hẻm trong núi. Tuyến phòng thủ của địch không còn chỗ nào hở.

Thế nhưng, Đại bản doanh vẫn tin rằng, tập đoàn quân xe tăng 1 của Đức đã bị suy yếu bởi thất bại trước đây, nên khó có thể cố thủ ở trong núi và ra lệnh cho bộ đội của phương diện quân mới vẫn tiếp tục tiến công chiếm lấy các đèo trên hướng Gu-men-ne, U-giơ-gô-rốt, Mu-ca-tre-vô và sau đó tiến ra thung lũng Hung-ga-ri. Nhưng các mũi đột kích đều bị đánh lui.

Đến tháng Tám 1944, ở Xlô-va-ki-a xảy ra những vụ biến động lớn. Không còn nghi ngờ gì nữa, những thắng lợi của bộ đội Liên Xô tất yếu sẽ dẫn tới việc kết thúc chiến tranh có lợi cho ta. Tình hình đó càng đẩy mạnh thêm cuộc đấu tranh bí mật của nhân dân Xlô-va-ki-a chống lại chủ nghĩa phát-xít.

Hội đồng dân tộc Xlô-va-ki-a, là mặt trận nhân dân đấu tranh chống bọn quốc xã Hít-le và bè lũ tay sai ở trong nước, đã lãnh đạo các lực lượng của Phong trào kháng chiến. Người tổ chức ra mặt trận là Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a thứ năm, hoạt động bất hợp pháp, do các đồng chí K. Smít-ke, G. Hu-xắc và L. Nô-vô-me-xki lãnh đạo. Hội đồng dân tộc Xlô-va-ki-a bắt đầu chuẩn bị cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Các hoạt động của phong trào du kích vào mùa thu năm 1944 càng góp phần đẩy mạnh tình hình đó. Các nhóm và các đội chiến đấu ngày càng tăng lên, quân số cũng phát triển, các hoạt động ngày càng có tổ chức hơn. Nhiều đội du kích phát triển thành lữ đoàn. Liên Xô tăng thêm chi viện. Bộ tham mưu phong trào du kích ở U-crai-na do T. A. Xơ-rô-cát chỉ huy, trực tiếp phụ trách các mặt hoạt động này. Trong Bộ tham mưu có đồng chí A. Sram, đại diện thường trực của Đảng cộng sản Tiệp Khắc. Một nhóm lớn gồm những người tổ chức phong trào du kích là công dân Tiệp Khắc đang được huấn luyện trong các khóa học đặc biệt ngắn ngày trên lãnh thổ Liên Xô. Trong số đó có những người chỉ huy du kích nổi tiếng như các đồng chí L. Ca-li-na, I-a. U-si-ác, T. Pô-la, A. Sa-gát, S. Ca-sơ-tsắc và những đồng chí khác. Các chuyên gia Liên Xô gồm các cán bộ tham mưu, điện báo viên và các cán bộ đánh mìn được cử ra giúp đỡ họ.

Các nhóm cán bộ tổ chức phong trào du kích được thành lập theo kinh nghiệm hoạt động du kích của Liên Xô có ý nghĩa to lớn. Đối với Xlô-va-ki-a thì quân số của mỗi nhóm gồm khoảng hai chục người. Các nhóm ấy do những cán bộ chỉ huy Liên Xô P. A. Vê-lít-cô, E. P. Vô-li-an-xki, I.I. Đi-bớt, C. C. Pô-pốp, A. X. E-gô-rốp, Đ. B. Mu-rơ-din, v. v. điều khiển. Chỉ riêng trong 6 tháng cuối năm 1944 đã có tới 53 nhóm như vậy được tung vào hoạt động ở Xlô-va-ki-a.

Các nhóm ấy bí mật nhảy dù xuống Xlô-va-ki-a, làm hạt nhân cho các tổ chức du kích nhanh chóng phát triển quân số lấy từ dân địa phương, đã giữ vai trò to lớn trong cuộc kháng chiến chống phát-xít. Ví dụ như đã thành lập lữ đoàn Tiệp Khắc 1 mang tên M. Stê-pha-ních, lữ đoàn Tiệp Khắc 2 «Vì tự do cho những người Xla-vơ» và lữ đoàn mang tên I-an Gi-giơ-ka chủ yếu gồm những người Xlô-va-ki-a. Các binh đoàn và đội du kích Liên Xô của các đồng chí L. E. Be-ren-stai-nơ, V. A. Ca-ra-xép, V. A. Cơ-vi-tin-xki, M. I. Su-ca-ép và của một số đồng chí khác, cũng đã chuyển sang hoạt động trên lãnh thổ Xlô-va-ki-a.

Tuy nhiên, tôi thấy cần phải nói rằng, Bộ tổng tham mưu không có được những tin tức khách quan và khá chính xác về tình hình ở Xlô-va-ki-a. Những báo cáo của các chiến sĩ du kích gửi cho chúng tôi chủ yếu chỉ nói về các hoạt động chiến đấu của họ. Chúng tôi chưa nhận được những tin tức cụ thể, đáng tin cậy nào về việc chuẩn bị khởi nghĩa của nhân dân. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a hoạt động bí mật chuẩn bị cuộc khởi nghĩa đã giữ gìn hết sức bí mật, có thể nói rằng không lọt một tin tức nào tới Luân Đôn và cả Mát-xcơ-va. Còn những tin tức chúng tôi nhận được của phái đoàn quân sự Tiệp Khắc lại không đúng với tình hình các sự việc. Chính phủ đóng ở Luân Đôn đặc biệt chú ý tới hành động vô hy vọng của họ trong việc tiến hành sử dụng các lực lượng yếu ớt của quân đội Xlô-va-ki-a. Hành động ấy, giống như màn đầu của cuộc đảo chính bằng quân sự ở trong nước. Trong khi đó thì phái đoàn quân sự Tiệp Khắc ở Mát-xcơ-va ra sức hoạt động ráo riết về vấn đề này. Cứ cách một ngày (có

khi chưa đầy một ngày) thì chúng tôi nhận được thư của Pi-ca, nói nhiều tới bộ đội Xlô-va-ki-a, sự sẵn sàng của quân đội đó để tiến hành chiến dịch mà không thấy nói một lời nào đến Hội đồng dân tộc Xlô-va-ki-a và các lực lượng kháng chiến của nhân dân. Hơn nữa, trưởng phái đoàn lại thường nhấn mạnh rằng, các hành động của bộ đội Xlô-va-ki-a chống phát-xít Đức phải đặt dưới sự chỉ đạo của «Bộ chỉ huy Tiệp Khắc ở nước ngoài». Xét tình hình trên, Bộ tổng tham mưu Liên Xô phải rút ra kết luận về ảnh hưởng độc tôn của những người ủng hộ Bê-nét trong quân đội. Thay mặt Bộ quốc phòng Tiệp Khắc, Pi-ca đề nghị định ra thời hạn có thể tính trước để phối hợp hành động giữa các sư đoàn Xlô-va-ki-a với bộ đội Liên Xô.

Tất cả các vấn đề trên đều được chúng tôi báo cáo lên Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao. Trong báo cáo nói rõ: chính phủ E. Bê-nét tin tưởng quân đội Xlô-va-ki-a sẽ sẵn sàng nổi dậy, đánh chiếm các đèo ở Các-pát trên tuyến Mét-di-la-bác-xe, Bác-đe-va trong một dải dài chừng 40-50 ki-lô-mét, đồng thời chúng tôi nêu rõ là chính phủ ấy coi việc giải phóng Xlô-va-ki-a chỉ là việc riêng của quân đội, quảng đại quần chúng nhân dân không tham gia, thậm chí, họ cũng chẳng hề đả động gì tới lực lượng của quần chúng. Đề nghị về thời hạn phối hợp hành động của họ làm chúng tôi phải cảnh giác. Đề nghị ấy tựa tựa như là sự thăm dò các ý đồ của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô. Bộ đội ta đang phải đương đầu với tuyến phòng ngự mạnh của địch, đến lúc này vẫn chưa có thể hứa hẹn tiến công nhanh, vượt qua dãy núi Các-pát được. Cả Pi-ca lẫn những nhà chính trị Tiệp Khắc ở Luân Đôn hẳn biết rõ tình hình ấy.

Cuối mùa hè năm 1944 lại xuất hiện thêm một nhân vật rắc rối giữ vai trò điều khiển vận mệnh của Xlô-va-ki-a. Đó là tướng Trát-lốt — bộ trưởng quốc phòng của chính phủ ngụy thân phát-xít ở Xlô-va-ki-a lúc bấy giờ. Thấy trước cái Đế chế thứ ba của quốc xã Đức sắp sụp đổ, tướng Trát-lốt quyết định sẽ thiết lập quan hệ riêng rẽ với Liên Xô và đề nghị chúng ta cùng phối hợp hành động chống lại bọn Đức. Tướng ấy âm mưu thành lập ở Xlô-va-ki-a nền độc tài quân sự, do ông ta đứng đầu. Ông ta dự định sẽ dùng máy bay gửi thư mật riêng cho Liên Xô, bỏ rơi các chính khách ở Luân Đôn...

Thế nhưng, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a hoạt động bí mật và các tình báo viên của chính phủ Bê-nét ở Luân Đôn đều nắm được ý định đó của Trát-lốt. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a quyết định: vì lợi ích của cuộc khởi nghĩa nên sẽ lợi dụng Trát-lốt làm nhân vật hiện đang có thể lực về mặt quân sự. Trong những ngày ấy, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a tìm mọi khả năng gấp rút liên lạc với Chính phủ Liên Xô và Bộ chỉ huy quân sự Liên Xô để thông báo cho Mát-xcơ-va biết về việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Xlô-va-ki-a, về tình hình của Hội đồng dân tộc Xlô-va-ki-a và Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a. Chiếc máy bay của Trát-lốt đang chuẩn bị cất cánh đã giúp cho Đảng cộng sản Xlô-va-ki-a điều kiện để thực hiện khả năng liên lạc đó...

Bọn tình báo viên của chính phủ Bê-nét ở Xlô-va-ki-a nhốn nháo hẳn lên. Chúng báo cáo với «cấp trên» ở Luân Đôn về Trát-lốt, kèm theo những ý kiến nhận xét: «Trát-lốt có thể làm hỏng kế hoạch của ta».

Luân Đôn náo động hẳn lên. Phái đoàn quân sự Tiệp Khắc ở Mát-xcơ-va cũng nhận được điện nói về điều đó. Pi-ca liền thông báo cho các cơ quan quân sự của Liên Xô về chuyến máy bay trên và rào đón trước rằng cần tổ chức đón chiếc máy bay đó và lợi dụng uy tín của Trát-lốt để dễ bề phát động cuộc khởi nghĩa của quân đội, nhưng sau đó họ lại gạt bỏ Trát-lốt đi...

Chiếc máy bay của bộ trưởng quốc phòng Xô-va-ki-a đến Liên Xô ngày 4 tháng Tám 1944. Nhưng, cùng đi với thiếu tá phi công Li-xít-xki — người được Trát-lốt ủy nhiệm tiến hành đàm phán và trao thư mật cho Bộ chỉ huy Liên Xô — Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xô-va-ki-a và Hội đồng dân tộc Xô-va-ki-a đã cử một phái đoàn chính thức của mình, thành phần gồm đồng chí K. Smit-ke. Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Xô-va-ki-a hoạt động bí mật và trung tá M. Phê-ren-chích, đại diện của trung tâm quân sự trực thuộc Hội đồng dân tộc Xô-va-ki-a.

I. V. Xta-lin được báo cáo về chiếc máy bay của Trát-lốt. Đồng chí ra lệnh cho bay vào và sẽ hạ cánh ở khu vực Lơ-vốp. Bộ tổng tham mưu nhận được các văn kiện của Hội đồng dân tộc Xô-va-ki-a và thông báo của K. Smit-ke cung cấp đầy đủ tình hình mọi mặt ở Xô-va-ki-a. Bây giờ chúng tôi mới rõ là ở trong nước những lực lượng rộng rãi chống phát-xít đang hoạt động và cuộc khởi nghĩa của nhân dân đang chín muồi. Vấn đề trở nên rõ ràng là tại sao các chính khách ở Luân Đôn lại chỉ muốn phát động quân đội tiến hành giải phóng Xô-va-ki-a, mà không muốn để các lực lượng kháng chiến ở trong nước cùng tham gia.

I-an Gô-li-an, tham mưu trưởng lục quân Xô-va-ki-a, người hợp tác với Hội đồng dân tộc, đã gửi thư cho biết chi tiết về tình hình quân sự ở trong nước, vị trí đóng quân của quân đội Xô-va-ki-a, tình hình vũ khí, trang bị và cả những tin tức về tuyến phòng thủ vững chắc Ác-pát, về quân đội của Hung-ga-ri. Ông ta cho biết là quân đội ở Xô-va-ki-a có tinh thần ủng hộ Liên Xô và chống lại phát-xít Đức, đại bộ phận sĩ quan, mặc dù biết các kế hoạch hành động, nhưng lại sẽ chấp hành chỉ thị của những người lãnh đạo khởi nghĩa. Người ta trù tính là sẽ làm cho bọn thân Đức không gây hại được. Người ta hy vọng là Trát-lốt sẽ có thể giúp vào thời điểm cuối, và như vậy thì cuộc khởi nghĩa và cuộc tiến quân của bộ đội Liên Xô sẽ diễn ra êm đẹp, không gặp phải sức kháng cự và không bị cản trở.

Sau đó, Gô-li-an trình bày kế hoạch của mình về sự tiến công của Hồng quân vào Xô-va-ki-a. Không đi sâu vào chi tiết, chúng tôi thấy rằng kế hoạch đó là không hiện thực. Ông ta không tính đến các biện pháp chống trả có thể xảy ra của bọn Hít-le. Và điều chủ yếu nhất là kế hoạch không tính cả tới những hệ thống phòng thủ mạnh của địch trên những con đường dẫn đến Các-pát. Kế hoạch dự kiến là bộ đội Liên Xô sẽ sử dụng các đèo mà bộ đội Xô-va-ki-a đang chiếm đóng, và chỉ trong vòng một đêm sẽ chiếm được phần lớn đất nước. Ông ta còn rút ra những kết luận khá ngây thơ rằng: «Hồng quân có thể bất ngờ đột nhập vào phía Đông Xô-va-ki-a mà không đụng phải một sự chống cự nhỏ nào, hơn nữa, trong vòng một đêm sẽ có thể tiến rất xa trước lúc bộ chỉ huy Đức và Hung-ga-ri biết được những tin tức ấy». Trong kế hoạch lại cũng không nói gì đến cuộc khởi nghĩa của nhân dân!

Các văn kiện từ Xô-va-ki-a gửi đến cũng không thay đổi được tình hình. Bộ đội Liên Xô còn cách các đèo của dãy núi Các-pát tới 50-60 ki-lô-mét, và không còn cách nào khác để giúp những người dân Xô-va-ki-a ngoài việc tiêu diệt địch ở những vị trí phòng thủ kiên cố của chúng. Mà đó lại là thực chất của vấn đề.

Trong khi ấy, phái đoàn của Hội đồng dân tộc Xô-va-ki-a được các cơ quan nhà nước và quân đội Liên Xô đón tiếp, được tiếp xúc với các nhân viên của phái đoàn quân sự Tiệp Khắc, với các đại diện của Bộ trưởng chiến tranh Tiệp Khắc hồi đó có mặt khá đông ở Mát-xcơ-va.

Chính phủ E. Bê-nét khẳng định một lần nữa yêu cầu trước đây của họ là tất cả mọi việc, từ

việc hiệp đồng giữa Hồng quân với các binh đoàn Xô-va-ki-a cho tới mọi ý đồ của các nhà hoạt động chính trị Xô-va-ki-a muốn tiến hành đàm phán với Liên Xô, đều phải trình bày để giải quyết ở Luân Đôn.

Ngày 20 tháng Tám 1944, bộ đội của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 bắt đầu tiến công quyết liệt quân địch ở I-át-xư-ki-si-ni-ốp. Thắng lợi thu được làm cho ta tin rằng có thể đi qua lãnh thổ Ru-ma-ni đánh vu hồi tuyến phòng thủ của địch ở Các-pát. Chúng ta hy vọng rằng sau đó sẽ mở những mũi đột kích vào phía sau lưng quân địch ở Các-pát, rồi hoặc sẽ tiêu diệt, hoặc sẽ buộc chúng phải rút lui. Do đó, theo lệnh của Tổng tư lệnh tối cao ngày 26 tháng Tám bộ đội của phương diện quân U-crai-na 4 đã chuyển sang phòng ngự. Trong khi ấy, tình hình ở phía Bắc Các-pát trong dải của phương diện quân U-crai-na 1 cũng tương đối ổn định. Bộ đội phương diện quân đó đã chiếm được bàn đạp gần Xan-đô-mia ở tả ngạn sông Vi-xla.

Bấy giờ Hít-le liền quyết định phải chiếm vội lấy Xô-va-ki-a. Chúng ta đã biết được kế hoạch chiếm đóng của chúng. Ngày 27 tháng Tám 1944, Pi-ca thông báo: trong thời gian tới, 3 sư đoàn SS Đức sẽ đột nhập Xô-va-ki-a. Thời gian đột nhập có thể là vào ngày 27 tháng Tám.

Tình hình trở nên rất xấu, vì quân địch bắt đầu chiếm Xô-va-ki-a, cuộc khởi nghĩa của nhân dân có thể bùng nổ ở đây, mà chỉ mới một ngày đêm trước chúng ta lại ra lệnh cho I. E. Pê-tơ-rốp phải phòng ngự. Bộ đội chưa có đủ phương tiện vật chất để tiến công. Các lực lượng bên cánh trái phương diện quân U-crai-na 1 của I. X. Cô-nép (tập đoàn quân 38) cũng ở trong tình trạng tương tự như vậy. Do đó, nếu cuộc khởi nghĩa bùng nổ, chúng ta khó có thể ủng hộ có hiệu quả được.

Các sự kiện phát triển rất nhanh, tựa như tuyết tan vậy. Ngày 30 tháng Tám, khi tôi đang báo cáo ở chỗ A. I. An-tô-nốp thì phương diện quân U-crai-na 4 gọi điện thoại. Các đồng chí báo cáo là, đội du kích của Mác-tư-nốp ở Xô-va-ki-a đề nghị chỉ đường bay và địa điểm hạ cánh một chiếc máy bay chở ba đại biểu của Xô-va-ki-a. Các đồng chí bạn có ý định bắt liên lạc với tư lệnh quân đội Liên Xô, và chưa thấy nói gì thêm về những tin tức chi tiết khác.

A. I. An-tô-nốp hạ lệnh chỉ đường bay cho họ.

— Có phải là khởi nghĩa không? — An-tô-nốp hỏi vặn tắt.

Chúng tôi gọi điện cho I. E. Pê-tơ-rốp, nhưng đồng chí cũng chưa cho biết được tin gì mới hơn. Phải đợi, tuy cũng không lâu là bao. Đồng chí đại biểu của Hội đồng dân ủy phụ trách về việc các đơn vị quân sự nước ngoài báo tin cho Bộ tổng tham mưu là đã có cuộc gặp mặt với Pi-ca theo yêu cầu của ông ta. Pi-ca thông báo rằng, đêm 29 rạng ngày 30 tháng Tám 1944, chính phủ Tiệp Khắc đã kêu gọi nhân dân và quân đội ở Xô-va-ki-a vũ trang khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa đã bắt đầu. Quân khởi nghĩa hiện đang làm chủ bốn thành phố, trong đó có Ru-giôm-be-rốc, các sân bay «Thánh Pê-te» và «Ba cây sồi» (ở vùng Dơ-vô-len). Pi-ca đề nghị xúc tiến gấp việc cho đổ bộ xuống Xô-va-ki-a lữ đoàn đổ bộ đường không Tiệp Khắc 2 và chở các trang bị, đạn dược bằng đường không cho quân khởi nghĩa.

Đêm có nhiều sự kiện nóng hổi đang đến. Ở Ru-ma-ni, bộ đội Liên Xô đã tiêu diệt được quân địch bị vây ở ngoại vi I-át-xư và Ki-si-ni-ốp. Các đồng chí trong Bộ tổng tham mưu đang nghiên cứu các kế hoạch hành động ở Tơ-ran-xin-va-ni, là nơi có khu vực phòng ngự phía Nam của quân Đức ở Các-pát. Thắng lợi chúng ta giành được ở đây, như đã nói, sẽ có thể ảnh hưởng quyết định tới tình hình ổn định của quân địch trước các đơn vị của I. X. Cô-nép và I. E. Pê-tơ-

rốp. Thế nhưng, phòng ngự của địch ở Tư-ran-xin-va-ni còn rất mạnh, và chúng ta vẫn chưa đột phá được.

Chính tình hình đó khiến chúng tôi lo lắng, vì nếu cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Xlô-va-ki-a, thì rõ ràng là những người khởi nghĩa nhất định cần ngay sự giúp đỡ thiết thực. Nhưng, chúng tôi vẫn chưa được tin bộ chỉ huy phát-xít Đức thực tế đã hành động những gì ở Xlô-va-ki-a. Chúng đã đưa quân vào trong nước chưa? Đưa bao nhiêu và những lực lượng gì? Cuộc kháng chiến đang diễn biến ra sao? Nắm được những tin trên là điều tối quan trọng.

6 giờ sáng ngày 31 tháng Tám, phương diện quân U-crai-na 4 báo cáo: ba chiếc máy bay chở các sĩ quan và binh sĩ quân đội Xlô-va-ki-a đã hạ cánh. Sau đó chúng tôi nhận được cả báo cáo của I. X. Cô-nép: ở chỗ đồng chí cũng có những máy bay của Xlô-va-ki-a chở các sĩ quan và binh sĩ tới và đã hạ cánh. Tất cả các máy bay trên đều cất cánh ở sân bay tại Prê-sốp. Tại sao họ lại bay đến, bấy giờ không ai biết gì hơn.

Cuối cùng, tướng Ph. C. Coóc-giê-ni-ê-vích, tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 4, gọi điện thoại báo cáo về Bộ tổng tham mưu. Báo cáo của đồng chí có phần nào cụ thể hơn: các sĩ quan Xlô-va-ki-a trên các máy bay tường thuật việc các đơn vị quân Đức bắt đầu xâm chiếm Xlô-va-ki-a. Quân địch dùng 4 sư đoàn tiến công: một sư đoàn từ khu vực Cô-si-xe đánh lên phía Bắc, hai sư đoàn từ khu vực Cra-cốp đánh xuống phía Nam, và một sư đoàn từ khu vực Brơ-nô đánh vào phía Đông-Nam. Các binh đội của quân đội Xlô-va-ki-a, các đội khởi nghĩa và du kích tổ chức kháng cự lại quân địch và chiếm được nhiều cứ điểm then chốt.

Chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu nghiên cứu tỉ mỉ những tin tức ấy. Rõ ràng, quân địch đã tạo được ưu thế lực lượng có lợi cho chúng, nhưng liệu chúng có thể đàn áp được lực lượng của nhân dân hay không?

Cũng trong ngày hôm ấy, phái đoàn quân sự Tiệp Khắc đã thông báo cho Bộ chỉ huy của ta là, các sư đoàn Xlô-va-ki-a vẫn giữ được các con đường băng qua dãy núi chính ở Các-pát, và hiện đang chuẩn bị đón Hồng quân. Đòn đột kích bất ngờ của họ trước các đơn vị của I. X. Cô-nép và của I. E. Pê-tơ-rốp đánh vào sau lưng tuyến phòng thủ của địch vào lúc này, có thể sẽ tạo nên những điều kiện quyết định đối với thắng lợi chung.

Nắm được tình hình đó, Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh cho Bộ tổng tham mưu giúp đỡ những người khởi nghĩa và chỉ thị cho bộ đội mở chiến dịch tiến công.

Tổng tư lệnh tối cao nói:

— Đồng chí chuẩn bị mệnh lệnh gửi cho đồng chí Cô-nép. Phương diện quân của Cô-nép đã thu được thắng lợi lớn ở Xan-đô-mia và củng cố tình hình của mình. Đồng chí ấy có nhiều kinh nghiệm tiến công. Còn bây giờ thì bộ đội của Pê-tơ-rốp hãy chờ và quan sát cẩn thận.

I. V. Xta-lin trực tiếp nói chuyện bằng điện thoại với I. X. Cô-nép và nói rằng trong những ngày tới đây hãy báo cáo cho đồng chí biết ý kiến về việc sử dụng các lực lượng của phương diện quân U-crai-na 1 để chi viện cho nhân dân Xlô-va-ki-a.

Nhưng hôm sau, ngày 1 tháng Chín 1944, những tin tức báo cáo về lại khác hẳn những tin trước đây. Cũng vẫn theo tin tức của phái đoàn quân sự Tiệp Khắc, thì những người khởi nghĩa đang phải chiến đấu quyết liệt với quân phát-xít Đức, còn địch đã chiếm được Prê-sốp, nơi đóng quân của Bộ tham mưu các đơn vị Xlô-va-ki-a tham gia khởi nghĩa. Liên lạc với sư đoàn

Xiô-va-ki-a 2 bị đứt, còn sư đoàn Xiô-va-ki-a 1 được lệnh phải xuyên qua dãy Các-pát về miền Trung Xiô-va-ki-a để phối hợp với những người khởi nghĩa.

Tình hình lúc này rất đáng lo ngại. Các đèo và đường băng qua núi Các-pát đã bị địch chiếm, chắc rằng bộ đội Liên Xô sẽ không thể khai thông được, còn lực lượng chủ yếu của quân khởi nghĩa tập trung tại miền Trung Xiô-va-ki-a sẽ không thể mở mũi đột kích vào sau lưng tuyến phòng thủ của địch ở phía trước bộ đội của chúng ta.

Tình hình diễn biến như vậy, nên các đơn vị Hồng quân sắp tới đây phải đánh những trận quyết chiến để giành giật từng mét đường vượt qua dãy núi Các-pát, nhất là ở những đèo. Và, ngay ở Xiô-va-ki-a cũng sẽ nổ ra những trận chiến đấu quyết liệt để hợp nhất với đội quân khởi nghĩa. Nói tóm lại, con đường phía trước còn dài và đầy khó khăn.

Trong khi ấy, ở phương diện quân U-crai-na 1, I. X. Cô-nép tiếp xúc với đại tá V. Tan-xki — phó tư lệnh cụm tập đoàn quân của quân đội Xiô-va-ki-a. Đồng chí vượt ra khỏi chiến tuyến trên một chiếc máy bay để, theo như lời đồng chí, nhận chỉ thị về hành động của các đơn vị Xiô-va-ki-a.

I. X. Cô-nép báo cáo bằng điện thoại cho Tổng tư lệnh tối cao về cuộc gặp gỡ ấy và những ý kiến của mình về chiến dịch tiến công chi viện cho cuộc khởi nghĩa ở Xiô-va-ki-a. Đồng chí tư lệnh đề nghị phải bảy ngày sau mới bắt đầu chiến dịch, vì khó có thể tập trung được các đơn vị và các phương tiện vật chất cần thiết trước thời hạn đó.

Đêm 1 rạng ngày 2 tháng Chín, khi Bộ tổng tham mưu báo cáo lên Đại bản doanh tình hình các mặt trận diễn ra trong một ngày đêm, thì hướng Tây-Nam và Các-pát được đặc biệt quan tâm tới. Nghe báo cáo xong, Tổng tư lệnh tối cao đi đi lại lại bên bàn mà một số đồng chí ủy viên Bộ chính trị và Hội đồng quốc phòng Nhà nước đang ngồi. Các đồng chí trao đổi ngắn gọn với nhau về việc chi viện cho cuộc khởi nghĩa ở Xiô-va-ki-a. Sự chi viện này không chỉ là nhiệm vụ quân sự, mà nó còn thực hiện nghĩa vụ đồng minh đối với nhân dân Tiệp Khắc, thể hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản và sự đoàn kết quốc tế giữa nhân dân lao động của các nước chúng ta. Tôi không ghi lại được chính xác mọi ý kiến của các đồng chí thể hiện đầy đủ lập trường của mình, nhưng ý nghĩa chung là phải làm sao chi viện cho cuộc khởi nghĩa càng sớm càng tốt. Đồng thời, chúng tôi cũng thấy rõ là khó có thể giành thắng lợi nhanh ở Các-pát được, cho nên tổ chức đột phá tuyến phòng thủ của địch sẽ bị tổn thất lớn. Thế nhưng sau khi cân nhắc tất cả những vấn đề trên, Tổng tư lệnh tối cao vẫn ra lệnh ngay cho Bộ tổng tham mưu tổ chức cung cấp trang bị, đạn dược cho quân khởi nghĩa, và chuẩn bị chỉ lệnh gửi cho phương diện quân U-crai-na 1 tiến hành chiến dịch tiến công ở Các-pát có chú ý tới các ý kiến của I. X. Cô-nép.

Ngay trong ngày hôm ấy, tướng N. I. Trét-vê-ri-cốp, cục trưởng Cục tổ chức của Bộ tổng tham mưu đã cùng với trưởng phái đoàn quân sự Tiệp Khắc xem xét các yêu cầu chi viện vũ khí và các phương tiện vật chất khác cho Xiô-va-ki-a. Còn chúng tôi soạn ngay bản dự thảo chỉ thị gửi cho phương diện quân U-crai-na 1 rồi đọc cho I. V. Xta-lin nghe qua điện thoại. Xong, đồng chí giao cho A. I. An-tô-nốp ký vào văn bản chỉ thị đó. Nội dung như sau:

«Nhân tình hình phong trào du kích ở Xiô-va-ki-a đang hoạt động mạnh và cuộc đấu tranh vũ trang của một số binh đội và binh đoàn chính quy của quân đội Xiô-va-ki-a đã triển khai chống lại bọn xâm lược Đức, Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh:

1. Chuẩn bị và tiến hành chiến dịch ở nơi tiếp giáp giữa hai phương diện quân U-crai-na 1

và 4 để từ khu vực Crô-xnô, Xa-nốc đột kích vào hướng chung tới Prê-sốp tiến đến biên giới Xlô-va-ki-a và hợp nhất với các đơn vị ở Xlô-va-ki-a.

2. Khi tiến hành chiến dịch, cho phép thu hút cả quân đoàn Tiệp Khắc và sử dụng các đơn vị ở Xlô-va-ki-a đang bố trí ở Đông-Bắc Prê-sốp. Cần thỏa thuận trước với các đơn vị trên về điều đó.

3. Trách nhiệm tổ chức chiến dịch giao cho đồng chí tư lệnh phương diện quân, trường hợp cần thiết, tuyển phân giới với phương diện quân U-crai-na 4 có thể thay đổi».

Vì tình hình lúc này gấp rút lắm rồi, song trên thực tế I. X. Cô-nép đã nghiên cứu kế hoạch chiến dịch, nên thời hạn trình bày ý kiến của đồng chí ấy được quy định vào ngày 3 tháng Chín. Bộ tổng tham mưu cũng ở trong tình trạng khó xử. Chỉ thị mở chiến dịch ở Các-pát theo lệnh của I. V. Xta-lin lại chỉ giao cho phương diện quân U-crai-na 1, nên phương diện quân này có thể rơi vào tình thế khó khăn, vì trong khi tiến lên phía trước, thì sườn phía Nam của nó bị hở, do đó, để bảo đảm sườn phía Nam, cần phải dùng nhiều lực lượng và phương tiện hơn, nhưng phương diện quân lại không có đủ. Tình hình đó trực tiếp vi phạm các quy tắc đã được quy định trong quân đội chúng ta nhằm bảo đảm những nơi tiếp giáp và các sườn của các đơn vị trong chiến dịch. Bởi vậy, rõ ràng là sau khi nhận được chỉ thị, I. X. Cô-nép đã gọi điện ngay cho A. I. An-tô-nốp và nói về mối nguy cơ ở sườn trái của phương diện quân. Đồng chí nói thẳng về «sự không thông minh lắm» của chúng tôi. A. I. An-tô-nốp phải giải thích cho đồng chí rõ tính chất tế nhị của tình hình lúc đó. I. X. Cô-nép hiểu ra, nên khi báo cáo lên I. V. Xta-lin kế hoạch chiến dịch Các-pát, đồng chí đã đề nghị một cách khéo léo như sau: «Xét thấy tính chất có lợi của hướng chiến dịch đối với mũi tiến công tiếp sau của phương diện quân U-crai-na 4 đánh vào Mi-scôn, Bu-đa-pét nên rất cần thu hút vào chiến dịch cả sườn phải của phương diện quân U-crai-na 4 với quân số dù chỉ có 4 sư đoàn từ khu vực Xa-nốc hoặc chuyển cho phương diện quân chúng tôi 4 sư đoàn bộ binh của phương diện quân U-crai-na 4».

Để đột phá tuyến phòng thủ của địch ở Các-pát, I. X. Cô-nép thành lập cánh quân ở khu vực Crô-xnô. Mũi đột kích chủ yếu sẽ đánh vào hướng Đu-cli-a, Tư-li-a-va, Prê-sốp. Vấn đề chính là cần đột phá nhanh vào tuyến phòng thủ của địch. Đồng chí dự kiến là đến ngày thứ ba của chiến dịch sẽ thu hút các sư đoàn Xlô-va-ki-a và du kích tiến công theo hướng gặp bộ đội ta.

Bộ tổng tham mưu báo cáo ngay các ý kiến của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 1 lên Đại bản doanh. I. V. Xta-lin phê chuẩn kế hoạch hành động và lệnh cho A. I. An-tô-nốp ra chỉ thị cho cả bộ đội của phương diện quân U-crai-na 4 cũng tiến công.

Ngày trong ngày hôm ấy, hồi 22 giờ 30 phút, I. E. Pê. tơ-rốp đã gửi bản quyết định của mình về Đại bản doanh. Để tiến công, đồng chí sử dụng quân đoàn bộ binh 107 ở sườn phải của tập đoàn quân cận vệ 1 do tướng A. A. Grê-xcô chỉ huy. Quân đoàn này được tăng cường các phương tiện pháo binh cần thiết và các đơn vị đặc chủng.

Thời gian không chờ đợi. Phương diện quân chỉ vùn vụt có mấy ngày đêm để chuẩn bị chiến dịch. Nhiệm vụ lại rất phức tạp. Tính chất địa hình cho phép địch sử dụng những lực lượng tương đối nhỏ cũng có thể ngăn chặn được từng bước tiến quân của quân ta, hơn nữa các con đường dẫn đến tuyến phòng thủ của địch cũng rất ít. Cơ động — cơ sở của chiến tranh ở vùng rừng núi — trong các điều kiện nói trên bị hạn chế rất nhiều, và trong một số trường hợp nó lại hoàn toàn không có tác dụng. Bộ đội ta thiếu các trang bị đặc biệt và thiếu kinh nghiệm tác

chiến ở địa hình rừng núi nên tình hình càng thêm phức tạp. Chiến dịch được chuẩn bị theo phương án rất sơ lược. Khi cần thiết, chiến dịch sẽ mang hình thức tiến công chính diện, đánh vỗ mặt, và như đã nói ở trên là hình thức này có nguy cơ biến thành những trận đánh giằng co đẫm máu, để giành lấy từng vị trí của quân phát-xít Đức. Nhưng đồng thời, nếu như chúng ta hành động trước quân địch thì sẽ lại giành được tính bất ngờ và giữ được thế cơ động, đòn đột kích chính diện có thể nhanh chóng đạt tới mục đích hơn cả.

Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh khẩn trương nghiên cứu mọi cách để làm giảm bớt những ảnh hưởng không thuận lợi của mũi đột kích chính diện, và làm cho các lực lượng trên những hướng khác có thể góp phần vào thắng lợi của bộ đội ta ở Các-pát. Trong vài ngày ấy, Cục tác chiến đã đề ra nhiều phương án tổ chức hiệp đồng. Tôi nhắc lại để bạn đọc nhớ rằng, chúng ta không thể chi viện ở phía Bắc được, vì các lực lượng chủ yếu của phương diện quân của I. X. Cô-nép đang chiến đấu quyết liệt ở căn cứ Xan-đô-mia. Phương diện quân đã hoàn thành nhiệm vụ tưởng chừng không thể làm trọn. Còn ở phía Nam, từ Ru-ma-ni, chúng ta có thể tổ chức chi viện được. Do đó, ngày 5 tháng Chín sau khi hội ý với Gh. C. Giu-cốp và R. I-a. Ma-li-nốp-xki Đại bản doanh quyết định cho các lực lượng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 2 quật sang khu vực Ê-ê-brê-xen để uy hiếp quân địch ở Các-pát và cắt rời chúng khỏi Hung-ga-ri và Đức. Tình hình đó sẽ giúp cho phương diện quân U-crai-na 4 khắc phục được tuyến phòng thủ của địch tại địa hình rừng núi này.

Đó là ý nghĩa của việc phương diện quân U-crai-na 2 phối hợp với chiến dịch của tập đoàn quân 38 và bộ đội của I. E. Pê-tơ-rốp. Tất nhiên, tình hình đó đã nâng cao được khả năng thắng lợi của mũi đột kích vượt qua Các-pát, để chi viện cho nhân dân Xô-va-ki-a đã nổi dậy khởi nghĩa.

Bạn đọc đã hiểu khá đầy đủ về cách tổ chức chiến dịch và kết quả chiến dịch ở Các-pát được nêu ra trong nhiều cuốn sách, vì vậy cho phép tôi chỉ kể lại quá trình diễn biến của chiến sự.

Tướng C. X. Mô-xca-len-cô, tư lệnh lập đoàn quân 38 dự định đột phá tuyến phòng thủ của quân phát-xít Đức bằng mũi đột kích chính diện từ khu vực Bắc và Tây-Bắc Crô-xnô vào hướng thị trấn Đu-clip-a, Prê-sốp. Các binh đoàn cơ động sẽ phát huy thắng lợi đánh chiếm lấy đèo Đu-clip-a và phối hợp với quân khởi nghĩa trên lãnh thổ Xô-va-ki-a. Tập đoàn quân 38 (các quân đoàn bộ binh 52, 67 và 101) được tăng cường quân đoàn kỵ binh cận vệ 1 của trung tướng V. C. Ba-ra-nốp và quân đoàn xe tăng 25 của thiếu tướng Ph. Gh. A-nhi-cu-skin. Thành phần của tập đoàn quân 38 còn có quân đoàn bộ binh Tiếp Khắc 1 do tướng I-a. Cra-tốc-vin chỉ huy. Lút-vích Xvô-bô-đa là lữ đoàn trưởng lữ đoàn 1. Như I. X. Cô-nép nhấn mạnh, điểm chủ yếu là phải bảo đảm được tính bất ngờ và hành động của bộ đội phải rất nhanh.

Ý đồ đột phá vào tung thâm tuyến phòng thủ của địch bằng mũi đột kích chính diện cũng là cơ sở chiến dịch của tập đoàn quân cận vệ 1 thuộc phương diện quân U-crai-na 4 do thượng tướng A. A. Grê-xcô chỉ huy. Hướng đột kích chủ yếu của tập đoàn quân ở sát bên trái hướng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 1 trong dải của tập đoàn quân 38 và tiến tới Bu-cốp-xcô, Cô-man-tra.

Tập đoàn quân 38 bắt đầu tiến công vào ngày 8 tháng Chín, tập đoàn quân cận vệ 1 bắt đầu vào ngày 9 tháng Chín. Mặc dầu mưa gió, đường sá lầy lội và tầm nhìn xa bị hạn chế, song bộ đội Liên Xô vẫn tiến lên thắng lợi và mở mũi đột kích quyết liệt vào quân địch trên các con

đường dẫn tới dãy núi chính của Đông Các-pát. Nhưng, quân địch hành động cũng rất xảo quyệt và ngoan cố. Nắm được tình hình chuẩn bị của ta, địch đã trù tính là ta sẽ mở những chiến dịch mạnh, và ngay trong những ngày đầu tiến công, chúng đã bố trí lại các lực lượng trên hướng mũi đột kích chủ yếu, tăng cường thêm một số lớn pháo binh và xe tăng để dùng hỏa lực và phản công nhằm chặn các đường tiến quân của bộ đội Liên Xô.

Từ những bước tiến công đầu, Bộ tổng tham mưu lo lắng chờ đợi các tin tức ở Các-pát gửi về. Tình hình mà chúng tôi nhận được còn chưa rõ ràng, cả hai sư đoàn Xlô-va-ki-a hiện đang ở đâu, làm gì? Nếu tin vào phái đoàn quân sự Tiệp Khắc thì cả hai sư đoàn ấy dường như đang chiến đấu thắng lợi. Tiệp thể nói thêm rằng điều đó cho thấy rõ là tại sao trong chỉ lệnh của Đại bản doanh đã cho phép các phương diện quân sử dụng các đơn vị Xlô-va-ki-a.

Thế nhưng, chẳng bao lâu chúng tôi lại nhận được tin rằng cả hai sư đoàn Xlô-va-ki-a đều không tham chiến và đã bị quân địch giải giáp, sở dĩ có tình hình đó là do tướng Ma-la-rơ, tư lệnh quân đoàn Xlô-va-ki-a, đã trắng trợn phản bội. Y đã cung cấp cho địch kế hoạch đánh chiếm các đèo ở Các-pát và chạy sang hàng ngũ quân Đức. Bộ đội mất người chỉ huy, không tổ chức kháng cự lại và đã hạ vũ khí, chỉ có một số binh đội chuyển sang hoạt động chiến đấu du kích.

Kết quả là bọn Hít-le đã điều động được những lực lượng lớn tới tất cả những hướng quan trọng, giữ được các đèo và hoàn toàn tự do cơ động từ tung thâm. Khi bộ đội ta tiến quân tới các đèo thì sức chiến đấu của quân địch đã tăng lên rất nhiều, còn tốc độ tiến công của các tập đoàn quân 38 và tập đoàn quân cận vệ 1 thì chậm hẳn lại.

Mọi hy vọng trông cậy vào quân đội Xlô-va-ki-a của chính phủ Tiệp Khắc ở Luân Đôn đã bị sụp đổ như vậy đấy. Tình hình này gây khó khăn cho chúng ta vì những điều kiện hoạt động của bộ đội Liên Xô càng thêm gay go và phức tạp. Còn các nhiệm vụ thì vẫn không thay đổi: nhân dân đã khởi nghĩa và phải được chi viện. Mọi suy nghĩ của Đại bản doanh Liên Xô, của Bộ tổng tham mưu và các hội đồng quân sự phương diện quân đều tập trung vào vấn đề đó.

Bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1 và tập đoàn quân 38 cố tạo nên bước ngoặt trong quá trình đấu tranh bằng cách tung quân đoàn xe tăng 25, quân đoàn kỵ binh cận vệ 1 và quân đoàn bộ binh Tiệp Khắc 1 vào chiến đấu. Nhưng, cả kỵ binh lẫn xe tăng đều không thể vượt lên trước bộ binh trong điều kiện địa hình rừng núi. Kỵ binh và xe tăng cùng với bộ binh làm thành hàng dài trên một con đường, nên không sao cơ động nổi. Đội hình đã bị kéo dài và bị hỏa lực địch bắn mạnh vào sườn. Trong điều kiện tình huống phức tạp ấy, không một người chỉ huy nào có thể phát triển tiến công nhanh được.

Mặc dù vậy, những trận đánh ác liệt ngày 10 và 11 tháng Chín cũng đưa lại một vài hy vọng: trong những ngày ấy, bộ đội ta không những chọc thủng được tuyến phòng thủ thứ nhất của địch, mà trên một hướng tiến công còn phá vỡ được cả một phần tuyến phòng thủ thứ hai. Cửa đột phá được thực hiện ở một khu vực hẹp trên một chính diện rộng không quá 1,5-2 ki-lô-mét. Bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1 và tập đoàn quân 38 quyết định lợi dụng ngay cửa đột phá đó, để không cho chiến dịch biến thành những trận đánh có tính chất giằng co từng vị trí phòng thủ của địch. Kỵ binh của V. C. Ba-ra-nốp được tung vào cửa đột phá.

Lúc đó, phải rất táo bạo mới có thể ra quyết định đó. Các tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân nhất thiết phải tìm ra, dù là một khả năng nhỏ bé, để xông tới chi viện cho nhân dân

Xi-lô-va-ki-a đã nổi dậy khởi nghĩa. Các chiến sĩ kỵ binh phải tiến quân vào hành lang rực lửa đạn. Vì không đủ thời gian và vấp phải những khó khăn trong việc điều động pháo binh và súng cối đi trên các con đường rừng núi hẹp, nên pháo binh của ta không đủ bảo đảm chế áp được chắc chắn các phương tiện hỏa lực của quân phát-xít Đức ở hai bên sườn hành lang: đại bộ phận các phương tiện hỏa lực của địch chắc chắn có thể tiếp tục hoạt động có hiệu quả lớn. Chúng ta cũng không thể trông cậy vào không quân để có thể buộc các phương tiện hỏa lực của địch phải câm họng. Không quân của ta chưa có nhiều. Các mục tiêu của địch lại được che giấu trong các nếp uốn của địa hình. Lẽ ra, phải mở những mũi đột kích liên tục và tập trung, song không quân của ta lại buộc phải hành động thành từng nhóm nhỏ, nên không thể chi viện một cách thật sự nhanh chóng được. Hơn nữa, ta lại thiếu nhiên liệu. Nhưng cũng không thể lựa chọn cách nào khác.

Lúc đó, cũng như trong những giờ phút khó khăn, ác liệt, các đảng viên cộng sản luôn luôn đứng ở hàng đầu. Người ta nhìn vào họ và noi gương họ. Các cán bộ chính trị của phương diện quân và tập đoàn quân — các tướng C. V. Cray-nhi-u-cốp, A. A. Ê-pi-sép, X. X. Sa-ti-lốp, và nhiều đồng chí khác ngày đêm có mặt ở các đơn vị, động viên, giúp đỡ và phân bố lực lượng đảng viên. Công tác chính trị được tổ chức tốt là sức mạnh của chúng ta nhằm bảo đảm cho các chiến sĩ xô-viết hăng hái tiến công. Trong những ngày chiến đấu nóng bỏng mùa thu năm 1944, trong bản báo cáo từ mặt trận gửi về, thiếu tướng L. I. Brê-giơ-nép, trưởng phòng chính trị tập đoàn quân 18 tiến công ở Các-pát, đã viết: «Chiến dịch Các-pát là thử thách quan trọng đối với toàn thể tập đoàn quân — từ người binh nhì đến người tướng. Chúng ta đã vượt qua thử thách ấy một cách thắng lợi».

Để giảm bớt tác dụng của hỏa lực địch, quân đoàn V. C. Ba-ra-nốp đã tiến công vào ban đêm. Đêm tối trở thành bạn đồng minh của chúng ta, vì nó không cho địch phát huy được hỏa lực và tạo điều kiện giúp ta giành thắng lợi. Nhưng đêm tối cũng làm ta khó định hướng chính xác và hạn chế tốc độ vận động của kỵ binh. Trong một ngày đêm, quân đoàn chỉ tiến được có 20 ki-lô-mét. Các chiến sĩ cận vệ không dừng lại mà đã tiến thêm được chừng ấy ki-lô-mét nữa, và một số đơn vị trinh sát đã đến được lãnh thổ Xi-lô-va-ki-a.

Còn quân địch thì tức điên lên. Những trận đánh quyết liệt đã diễn ra ở hai bên sườn hành lang. Ngày 14 tháng Chín quân địch bị đập được hành lang và tách được quân đoàn khỏi các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 38. Mọi biện pháp nhằm khôi phục liên lạc sinh động với quân đoàn đều không thành công. Trong khi đó thì các chiến sĩ cận vệ đã sử dụng hết một phần dự trữ đạn dược, lương thực và cỏ khô. Ngựa bị mệt, quân đoàn không còn đủ sức cơ động. Quân địch lợi dụng ngay tình hình đó, bịt hết các đèo và các ngã đường, dần dần bao vây một số đơn vị kỵ binh. Bộ tổng tham mưu phải tổ chức tiếp tế bằng đường không cho kỵ binh. Riêng tôi rất lo lắng cho quân đoàn kỵ binh 1 trong những ngày chiến đấu ở hậu phương địch. Tôi biết rõ nhiều chiến sĩ kỵ binh và rất thông cảm với tình hình kỵ binh buộc phải chiến đấu trong vòng vây ở trên núi. Các trận đánh diễn ra suốt ngày đêm trong những điều kiện rất khó khăn. Ở một số nơi, kỵ binh phải chuyển sang đánh giáp lá cà...

Trong vòng một tuần lễ tiến công, các chiến sĩ của tập đoàn quân C. X. Mô-xca-len-cô đã đột phá tuyến phòng thủ địch trên một chính diện dài 22 ki-lô-mét và tiến vào tung thâm cũng khoảng chừng ấy ki-lô-mét. Hoạt động của tập đoàn quân đã thu hút được những lực lượng lớn quân địch. Tư lệnh phương diện quân tăng cường cho tập đoàn quân 38 và tung quân đoàn xe

tăng cận vệ 4 của tướng P. P. Pô-lu-bô-i-a-rốp vào chiến đấu, tiếp đó là quân đoàn xe tăng 31 của tướng V. E. Gri-gô-ri-ép. Thật ra các quân đoàn không có gì mạnh lắm. Ví dụ như, trong biên chế của quân đoàn Pô-lu-bô-i-a-rốp chỉ có tất cả 59 xe tăng và 9 cỗ pháo tự hành. Nhưng, lúc bấy giờ thì đó cũng là sự chi viện lớn cho tập đoàn quân 38 đang tiến công.

Các chiến sĩ xe tăng của P. P. Pô-lu-bô-i-a-rốp tiến vào chiến đấu ở bên sườn trái tập đoàn quân, gần nơi tiếp giáp với phương diện quân U-crai-na 4. Theo đánh giá của bộ tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân thì đây là nơi yếu nhất trong tuyến phòng thủ của địch. Ngoài ra, ở sườn trái của tập đoàn quân còn có khả năng nhất định để cơ động đánh vào các sườn cánh quân chủ yếu của phát-xít Đức. Các chiến sĩ xe tăng tiến công kiên quyết, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị và tiến công từ phía Bắc trên hướng chủ yếu. Qua hai ngày chiến đấu quyết liệt, quân đoàn xe tăng cận vệ 4 đột nhập được vào thị trấn Đu-cli-a, trong khi đó từ phía khác, các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân, trong đó có cả các đơn vị của quân đoàn bộ binh Tiệp Khắc 1 cũng tiến tới đây. Các chiến sĩ Tiệp Khắc là những người bạn chiến đấu cùng với chúng ta. Ngay trong những trận chiến đấu đầu tiên ở Các-pát, các chiến sĩ đã tỏ ra là những người bạn chiến đấu trung thành và kiên quyết. Quân đoàn bộ binh Tiệp Khắc 1 tiến công trong các điều kiện cũng khó khăn giống như bộ đội chúng ta...

Trước khi tiếp tục kể tiếp những trận đột phá vượt qua dãy núi Các-pát, cho phép tôi đi rộng hơn một chút để nói tới những sự kiện có liên quan.

Mùa thu năm 1971, tôi đi nghỉ phép ở Các-lô-vi Va-ri. Tôi ở tại «Bri-xtôn» và gặp nguyên soái I. X. Cô-nép cũng đang dưỡng sức tại đây. Hai chúng tôi nhận được thiệp mời của Lút-vích Xvô-bô-đa, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, đến dự bữa cơm thân mật tại lâu đài săn bắn cổ La-nư ở ngoại thành Pra-ha. Từ lâu, nơi đây được dành làm nhà nghỉ ngơi và tiếp đón bạn bè của Chủ tịch Tiệp Khắc.

Chúng tôi đến, nhưng thấy hãy còn sớm. I X. Cô-nép, một người rất cẩn thận, quyết định phải giữ đúng thời gian theo phép quân đội, nên khi gần tới nơi đồng chí cho xe chạy chậm lại và sau đó thì đậu hẳn xe lại dưới bóng cây ven đường.

Xe chúng tôi vào đến cổng lâu đài vừa đúng 12 giờ thì vừa gặp xe của Chủ tịch Tiệp Khắc chạy tới. Đồng chí cũng là người giữ đúng lời hẹn, nên cũng đã cho xe dừng lại dọc đường giống như chúng tôi. Chào hỏi và bông đùa thân mật kiểu quân nhân với nhau xong, Cô-nép sang xe Li-mu-din của L. Xvô-bô-đa, và hai xe chúng tôi lại tiếp tục lăn bánh.

Hàng cây yên tĩnh, hương tỏa ra từ hoa thơm, cỏ lạ. Chủ nhân mời chúng tôi đi thăm khu vườn trong tòa lâu đài, những đàn hươu chạy tung tăng giữa những cây sồi cổ thụ. Đi hết khu vườn, xe chúng tôi tới một ngôi nhà nhỏ của người đi săn. Theo tập quán, người Tiệp ăn trưa vào 13 giờ. Chủ tịch mời chúng tôi vào bàn.

Những lúc bạn bè chiến đấu gặp nhau thì không phân biệt cấp bậc, câu chuyện thật là tự nhiên và thoải mái. Bao giờ cũng có điều gì đó để nhớ lại, nhắc đến những lời nói tốt đẹp hoặc có lúc im lặng để rồi sau đó chuyện trò lại rôm rả. Và bây giờ cũng vậy...

- I. X. Cô-nép, anh còn nhớ lúc anh nổi nóng với tôi, hỏi tôi còn là quân đoàn trưởng chứ?— Chủ tịch nói với nguyên soái Cô-nép.

- Sao lại không nhớ, thời đó thì thật là khó quên. Các chiến sĩ Tiệp Khắc hồi đó đang lâm vào tình thế rất khó khăn. Đơn vị tiến về Đu-cli-a. Địch bắn mạnh chặn đường tiến của quân ta, xe tăng chúng lại thường tập kích, thế mà quân đoàn thì hầu như không có chỉ huy. Tướng Cra-tốc-vin, quân đoàn trưởng ở cách xa quân đoàn những 25 ki-lô-mét. Thế thì chỉ huy làm sao cơ chứ...

Tôi chăm chú lắng nghe: câu chuyện xung quanh bàn ăn, dường như theo một kế hoạch đã nghĩ trước, rất hợp với những trang của tập hồi ký mà tôi đang viết phần cuối ở đây, ở tại Các-lô-vi Va-ri. Tất nhiên, tôi đã được biết nhiều qua các văn kiện và báo cáo của I. X. Cô-nép gửi về Đại bản doanh. Nhưng báo cáo là một việc, còn bằng chứng của chính những người — hơn nữa đó là những người chủ chốt! — đã từng tham gia các sự kiện thì lại là một việc khác.

Qua câu chuyện giữa Cô-nép và Xvô-bô-đa, tôi được biết: theo yêu cầu của chính phủ Bê-nét, tướng Cra-tốc-vin, được chỉ định làm quân đoàn trưởng quân đoàn bộ binh Tiệp Khắc 1, nhưng ông ta đã không làm tròn nhiệm vụ của mình: ông ta thường ngồi ở phía sau để thưởng thức rượu ứt-xki của Anh, trong khi các chiến sĩ và sĩ quan của quân đoàn đang bị tổn thất nặng nề do tấn công vào tuyến phòng thủ ở Các-pát của quân địch khá mạnh và ngoan cố. Vì thế lúc đó, Cô-nép đã cách chức Cra-tốc-vin và cử tướng Xvô-bô-đa làm quân đoàn trưởng, sau đó báo cáo với I. V. Xta-lin. Tổng tư lệnh tối cao tán thành quyết định của tư lệnh phương diện quân, nhưng có nói là vấn đề cách chức Cra-tốc-vin liên quan tới một người nước ngoài, một người chỉ huy bộ đội của nước khác, dù là nước đồng minh của chúng ta, vì vậy việc cách chức Cra-tốc-vin và bổ nhiệm L. Xvô-bô-đa phải làm theo đúng thủ tục pháp lý. Sau khi trao đổi với chính phủ Tiệp Khắc, đề nghị trên được thực hiện.

Nhờ những hoạt động của nguyên soái Cô-nép nên tình hình trong quân đoàn bộ binh Tiệp Khắc trở nên tốt hơn. Tướng X. X. Sa-ti-lốp báo cáo về Tổng cục chính trị cho A. X. Séc-ba-cốp: «Sau khi cách chức Cra-tốc-vin và cử tướng Xvô-bô-đa làm quân đoàn trưởng, các công việc tiến triển rõ rệt. Xvô-bô-đa đã đề cao được tính nghiêm khắc và ý thức kỷ luật. Lúc này, quân đoàn ngày càng có nền nếp hơn».

Bấy giờ các chiến sĩ Tiệp Khắc cùng sát cánh với các chiến sĩ Liên Xô tiến công đến biên giới Xlô-va-ki-a. Ngày 20 tháng Chín 1944, quân đoàn hiệp đồng với các chiến sĩ xe tăng của Pô-lu-bô-i-a-rốp và A-nhi-cu-skin, đã chiếm được thị trấn Đu-cli-a. Một ngày sau, quân đoàn tiến quân đánh tới biên giới Tiệp Khắc. Đây là thắng lợi vẻ vang của những người yêu nước Tiệp Khắc! Nhưng vì sao Cô-nép lại nổi nóng với Xvô-bô-đa hồi đồng chí làm quân đoàn trưởng? Vị Chủ tịch Tiệp Khắc tóc đã bạc trắng nhớ lại câu chuyện đó như sau:

- Hồi đó, — Lút-vích Xvô-bô-đa nói,—tôi muốn tận mắt quan sát chiến trường của quân đoàn. Tôi không thể hiểu được rằng rồi tôi sẽ chỉ huy bộ đội như thế nào nếu tôi không nắm được địa hình trong dải tiến công. Nên tôi xuống thẳng các binh đội tiên phong trong cuộc tiến công. Tôi thấy cần phải trực tiếp động viên các chiến sĩ, và nêu gương cá nhân trong chiến đấu. Lúc đó thì anh (I. X. Cô-nép) gọi tôi đến nói chuyện bằng điện thoại đã chiến....

- Còn phần tôi — Cô-nép mỉm cười nói, — tôi cần nắm được chính xác tình hình ở đèo Đu-cli-a. Mát-xcơ-va đang yêu cầu. Tôi tìm anh, song các cán bộ trả lời là quân đoàn trưởng đang ở tiền duyên. Tôi hỏi đồng chí ấy hiện đang ở đâu? Mãi rồi mới thấy anh đến. Lúc bấy giờ, tôi thành thật nói rằng: thưa ngài chủ tướng, tôi cảm ngại không được làm một chiến binh, ở đây

chúng ta cần một quân đoàn trưởng chứ không phải một chiến binh!

- Tôi thấy bực mình lúc nghe thấy anh gọi tôi là «thưa ngài chủ tướng», — vị chủ nhân mến khách của chúng ta nói, — và tôi hỏi tại sao anh lại không gọi tôi là «đồng chí»?

- Tôi nhớ, đúng thế. Khi gặp được anh, tôi đã nguôi nguôi, và đáp lại: đồng chí Xvô-bô-đa, đồng chí cần nhớ rằng chúng tôi rất quý mến đồng chí, không được liêu mình như thế, hơn nữa đó không phải là việc làm của quân đoàn trưởng. Và, câu chuyện cũng kết thúc tại đây...

Trong ngày hôm ấy hai đồng chí đã nhớ lại nhiều điều lý thú. Nhưng trong số các câu chuyện đó, bây giờ tôi muốn nói rõ những tình tiết ở Đu-cli-a mà Xvô-bô-đa và Cô-nép còn nhớ mãi đến nay vì theo tôi, trường hợp ấy không chỉ nói lên lòng quả cảm của bản thân quân đoàn trưởng Tiệp Khắc, mà còn chứng minh rằng khi diễn ra tiến công của Liên Xô vào Các-pát, mọi người tham gia cuộc tiến công, từ chiến sĩ đến tướng tá đều ở trong tình thế vô cùng khó khăn và nguy cấp. Xvô-bô-đa đi ra tiền duyên cũng không phải là việc làm khinh xuất. Trong thời gian ấy, nhiều sĩ quan cấp trên cũng đã hành động như thế. Các đồng chí đã hết sức cố gắng để sao cho cuộc đột phá gay go của chúng ta vượt qua dãy núi Các-pát vào Xlô-va-ki-a giành được thắng lợi.

Hồi 6 giờ ngày 6 tháng Mười 1944, bộ đội của tướng Xvô-bô-đa cùng với quân đoàn bộ binh 67 của Hồng quân do tướng I. X. Smư-gô chỉ huy, tấn công chiếm được đèo ngang Đu-cli-a. Các chiến sĩ Tiệp Khắc tiến về quê hương mình và bắt đầu cuộc giải phóng Tổ quốc.

Để kỷ niệm những sự kiện vẻ vang ấy, ngày 6 tháng Mười được chọn làm Ngày Quân đội nhân dân Tiệp Khắc. Trên chặng đường chiến đấu gay go tiến vào đèo Đu-cli-a, đã nảy sinh một trong những khẩu hiệu chính trong đời sống chính trị của Tiệp Khắc hiện nay là: «Mãi mãi sát cánh với Liên Xô!».

...Ngày nay, do chức trách công tác, ở dinh chủ tịch Gra-đơ tại Pra-ha, tôi thường có dịp được gặp gỡ người bạn chiến đấu trung thực trong những năm chiến tranh — Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, đồng chí Lút-vích Xvô-bô-đa. Mỗi lần gặp gỡ đều mang lại cho tôi niềm vui sướng và những dấu hiệu mới của tình hữu nghị gắn bó. Lần nào cũng vậy, chúng tôi đều nhớ lại thời ấy khi tình hữu nghị ấy đã nảy sinh và trưởng thành trên chiến trường mà tiểu đoàn bộ binh Tiệp Khắc đầu tiên đã tham gia. Tiểu đoàn ấy được thành lập trên lãnh thổ Liên Xô do sự cố gắng chung của trung tá tiểu đoàn trưởng L. Xvô-bô-đa, chính trị viên, đảng viên cộng sản, đại úy I-a-rô-xláp Prô-kha-dơ-ca và các thiếu úy Ô-ta-ca-rơ Rư-tiéc-giơ, Ô-ta-ca-rơ I-a-rô-sơ cùng nhiều chiến sĩ yêu nước Tiệp Khắc khác.

Lúc bây giờ, những người lãnh đạo Liên Xô rất quan tâm đến các bạn hữu Tiệp Khắc, đã giải quyết vấn đề sẽ sử dụng như thế nào các đơn vị Tiệp Khắc còn non trẻ và thiếu kinh nghiệm.

Mọi người đều mong muốn tiểu đoàn được an toàn qua các trận đánh ác liệt, mang được ngọn cờ tự do vẻ vang của mình về đến Tổ quốc. Như tôi được biết, Tổng tư lệnh tối cao đánh giá rất cao ý nghĩa chính trị của tiểu đoàn. Tại các phiên họp của Đại bản doanh, đồng chí đã nhiều lần phát biểu ý kiến về vấn đề này khi thảo luận về tình hình mặt trận. Đồng chí yêu cầu không được đưa tiểu đoàn Tiệp Khắc vào những trận đánh phải đương đầu với các đơn vị phát-xít Đức giàu kinh nghiệm và được trang bị tốt, vì như vậy sẽ làm cho tiểu đoàn bị tổn thất nặng nề.

Vấn đề trên đã được giải quyết trong cuộc nói chuyện giữa Tổng tư lệnh tối cao với tiểu đoàn trưởng L. Xvô-bô-đa. I. V. Xta-lin thẳng thắn trình bày quan điểm và những mối lo ngại của mình với trung tá tiểu đoàn trưởng. Và, đồng chí tiểu đoàn trưởng cũng thẳng thắn và chân thành nói lên những ý kiến của mình. Đồng chí nói: bọn xâm lược phát-xít Đức là kẻ thù chủ yếu của Tổ quốc Tiệp Khắc, vì vậy, đồng chí và các bạn chiến đấu cho rằng các đồng chí phải kiên quyết chống lại bọn chiếm đóng Hít-le. Đó là trách nhiệm của các đồng chí đối với Tổ quốc. Sau cuộc nói chuyện đó, đơn vị Tiệp Khắc đầu tiên ấy đã lên đường ra mặt trận...

Sau các trận đánh ở U-crai-na thì trận tấn công Các-pát và chiếm đèo Đu-cli-a là thắng lợi mà các đồng chí Tiệp Khắc nóng lòng chờ đợi từ lâu. Nhưng, thói thường lại có những chuyện ngược đời: có những chuyện không hay xảy ra với Lút-vích Xvô-bô-đa ngay trong chiến dịch đánh thắng ở Đu-cli-a này. Hồi ấy, tổng thống Bê-nét đã nghiêm khắc trách cứ người quân đoàn trưởng vì đã để cho quân đoàn bị thiệt hại nặng nề. Sự trách cứ ấy có tính chất buộc tội, mặc dù với cương vị của mình, Bê-nét đáng lẽ phải biết đầy đủ hơn về các điều kiện tiến công hết sức khó khăn của quân đoàn và của bộ đội Liên Xô nói chung. Lút-vích Xvô-bô-đa đã bác bỏ những điều công kích có tính chất xúc phạm và không đúng của người đứng đầu chính phủ Tiệp Khắc đối với đồng chí và chứng minh rằng ông ta sai.

Thế nhưng, hồi đó bộ trưởng chiến tranh Tiệp Khắc In-gơ và nhiều quan chức khác, cả dân sự và quân sự, kể cả viên tướng đã bị cách chức là Cra-tốc-vin đều có âm mưu chung đối với việc này. Tướng Pi-ca nhận được chỉ thị từ Luân Đôn gửi cho phái đoàn quân sự Tiệp Khắc ở Mát-xcơ-va đòi giải thể quân đoàn, vì, theo như người ta nói, nó không còn khả năng để bổ sung được nữa! L. Xvô-bô-đa cũng nhận được bức điện tương tự như vậy. In-gơ dự định không bổ sung cho quân đoàn, mà lấy trong số các đơn vị còn lại của quân đoàn ấy 3-4 tiểu đoàn bộ binh, để lập thành một lữ đoàn độc lập. Trung đoàn pháo binh và lữ đoàn xe tăng cũng phải giải thể. Nói tóm lại, họ định thủ tiêu cả hạt nhân của binh đoàn. In-gơ không hỏi ý kiến L. Xvô-bô-đa mà chỉ ra lệnh và yêu cầu. Theo thủ tục đã quy định, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô cũng nhận được thông báo tình hình đó. Nhưng, đường lối đó của chính phủ Tiệp Khắc ở Luân Đôn không được ủng hộ. Bộ tổng tư lệnh tối cao các Lực lượng vũ trang Liên Xô liên lạc ngay với tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1 và hỏi ý kiến đồng chí đó về việc bổ sung quân số và các phương tiện vật chất cho quân đoàn. Hội đồng quân sự phương diện quân trả lời rằng, quân đoàn còn đủ cơ sở để bổ sung và tiếp tục phát triển, vì các đơn vị của ta đã đánh vào Xlô-va-ki-a, nên có rất nhiều người tình nguyện. Tương lai gần đây, khi giải phóng được vùng Da-các-pát, nơi có nhiều người thuộc dân tộc Xlô-va-ki-a, thì cơ sở để bổ sung càng rộng rãi thêm. Hội đồng quân sự kiên quyết bác bỏ ý kiến giải thể quân đoàn.

Đại bản doanh đồng ý với đề nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 1 là vẫn duy trì quân đoàn Tiệp Khắc và tuyển mộ những người tình nguyện để bổ sung cho quân đoàn, còn trang bị và khí tài vật chất khác sẽ lấy ở nguồn dự trữ của Liên Xô. Hồi đó chúng ta đã làm như vậy.

Được phép của Chính phủ Liên Xô hồi cuối tháng Mười, L. Xvô-bô-đa đã cử một nhóm nhỏ cán bộ đi vào vùng U-crai-na thuộc Da-các-pát đã được giải phóng để làm công tác tuyển lựa, bổ sung cho quân đoàn. Nhóm cán bộ đó công tác rất tích cực, đồng thời đã giúp đỡ tổ chức ra các ủy ban nhân dân ở các địa phương.

Quân đoàn Tiệp Khắc 1, binh đoàn chiến đấu vẻ vang của những người yêu nước Tiệp Khắc,

cơ sở để xây dựng các lực lượng vũ trang của nước Tiệp Khắc xã hội chủ nghĩa, đã được giữ vững như vậy đấy.

Tập đoàn quân cận vệ 1 của thượng tướng A. A. Grê-xcô, thuộc phương diện quân U-crai-na 4 tiến công ở bên trái tập đoàn quân 38. Ở đây, cũng chính các nhân tố khó khăn ấy của tình hình tác chiến đã có ảnh hưởng đến tốc độ tiến công: như tính chất địa hình rừng núi, sự kháng cự quyết liệt của quân địch đã tạo ra một phòng tuyến mạnh. Phương pháp hành động của bộ chỉ huy Đức đã vận dụng ở đây cũng giống như đối với bộ đội của C. X. Mô-xca-len-cô: nó trải dài và tăng thêm lực lượng chủ yếu trên hướng có các con đường và lối đi trên núi. Thế nhưng, quân địch vẫn không ngăn chặn được cuộc tiến công của tập đoàn quân. Tư lệnh tập đoàn quân đề ra những biện pháp rất kiên quyết, thường xuyên có mặt ở những khu vực chiến đấu quan trọng nhất, và buộc tất cả các đồng chí chỉ huy phải đưa sở chỉ huy của mình lên sát với bộ đội, và tình hình đã biến chuyển tốt.

Trong vòng 5 ngày chiến đấu tích cực, chính diện đột phá phòng tuyến địch đã rộng tới 30 ki-lô-mét và sâu 10-12 ki-lô-mét. Nhưng điều quan trọng nhất lại không phải ở kết quả đó, mà là ở chỗ tập đoàn quân cận vệ 1 đã trở thành lực lượng nòng cốt có thể mở đường đánh chiếm Các-pát. Bọn địch đã cố hết sức, và như vậy là đã tới lúc phòng tuyến của chúng phải bị phá vỡ. Mạch đập của chiến dịch chỉ ra rằng tình hình đó có thể xảy ra trước hết ở trong dải của bộ đội A. A. Grê-xcô, và cần phải lợi dụng tình huống đó.

Cả quân địch lẫn tư lệnh phương diện quân U-crai-na 4 là I. E. Pê-tơ-rốp đều đã nắm được thực chất của vấn đề. Thế nhưng, trước sự phát triển của tình huống, mỗi bên lại xử trí theo phương án của mình. Bộ chỉ huy phát-xít Đức buộc phải rút một bộ phận lực lượng của chúng từ những hướng khác thuộc phòng tuyến của chúng đối diện với phương diện quân U-crai-na 4, và gấp rút điều bộ phận lực lượng ấy trước hết tới dải hoạt động của tập đoàn quân cận vệ 1. Tư lệnh I. E. Pê-tơ-rốp đã nhận thấy tình hình đó, liền điều động tập đoàn quân 18 và quân đoàn bộ binh cận vệ 17 tiến lên. Lúc này, tất cả lực lượng của phương diện quân đều tiến công.

Bộ tổng tham mưu chú ý phân tích từng quyết định của các tư lệnh phương diện quân, kể cả quyết định của tư lệnh phương diện quân U-crai-na 4. Đồng thời, Bộ tổng tham mưu nhận thấy rằng I. E. Pê-tơ-rốp định đi vòng qua dãy núi, không dùng lực lượng của mình đánh vào hướng Cô-man-tra như Đại bản doanh đã quy định. Tình hình đó đã làm đảo lộn kế hoạch hiệp đồng với tập đoàn quân 38 đang tiến công trong những điều kiện khó khăn. Tình huống đòi hỏi không được phân tán, mà phải hiệp đồng, hỗ trợ chặt chẽ lẫn nhau giữa tất cả các lực lượng tham gia chiến dịch.

Căn cứ vào báo cáo của Bộ tổng tham mưu, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô lúc đó đã lưu ý I. E. Pê-tơ-rốp về sự cần thiết phải xác định rõ quyết định của mình, và ra lệnh rằng hướng tiến công chủ yếu của phương diện quân là hướng Cô-man-tra, Gu-men-ne, Mi-kha-lốp-xe.

Tổng tư lệnh tối cao muốn dùng mọi phương tiện có thể để đẩy nhanh tốc độ tiến quân của bộ đội ta ở Các-pát. Đồng chí cử Phó tổng tư lệnh tối cao là nguyên soái Gh. C. Giu-cốp, lúc này đang ở chỗ phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 của C. C. Rô-cô-xốp-xki, phải tới chỗ I. X. Cô-nép và I. E. Pê-tơ-rốp để trực tiếp phân tích tình hình và suy nghĩ xem có thể đẩy mạnh tốc độ tiến công của bộ đội ta lên được không. Đồng chí giao cho nguyên soái quyền hạn nếu cần có thể

thay mặt đồng chí trực tiếp ra lệnh.

Ngày 19 tháng Chín, Giu-cốp đáp máy bay tới phương diện quân U-crai-na 1 và thấy rõ rằng tình huống khó khăn ở đây đúng như I. X. Cô-nép đã báo cáo về Đại bản doanh. Phó tổng tư lệnh tối cao còn nhận thấy, lực lượng địch ở đây còn rất mạnh, và với số phương tiện có hạn hiện nay của phương diện quân, phá vỡ được phòng tuyến của địch ở địa hình rừng núi như thế này không phải là công việc đơn giản. Hồi đó, Gh. C. Giu-cốp báo cáo: «Mô-xca-len-cô có ít sư đoàn bộ binh, còn những sư đoàn đang hoạt động thì đã bị suy yếu và thiếu quân số».

Ngày hôm sau, Gh. C. Giu-cốp tới phương diện quân U-crai-na 4, ở chỗ I. E. Pê-tơ-rốp. Phó tổng tư lệnh tối cao phân tích chi tiết tình hình ở đây và báo cáo cho I. V. Xta-lin: «Sau khi nghiên cứu tình hình bố trí lực lượng và phương tiện của các tập đoàn quân của Pê-tơ-rốp, tôi cho rằng các lực lượng và phương tiện đã được tổ chức đúng. Riêng Pê-tơ-rốp hiểu đúng tình hình bờ trí chiến dịch và nắm khá vững công việc của mình». Đồng thời, nguyên soái cũng nhận thấy một số thiếu sót trong thực hiện tác chiến, và thay mặt Tổng tư lệnh tối cao, đồng chí yêu cầu đưa ngay quân đoàn bộ binh miền núi số 3, quân đoàn bộ binh 11 vào chiến đấu tại khu vực của A. A. Grê-xcô, và 4 sư đoàn của tập đoàn quân 18 chuyển ngay sang tiến công, hiệp đồng chặt chẽ với tập đoàn quân cận vệ 1. Như vậy là ở bên cánh phải của phương diện quân U-crai-na 4, với số lực lượng trên, có thể tiến công bảo đảm đẩy mạnh được tốc độ đột phá tới Prê-sốp và Cô-man-tra. Đồng chí cũng đề ra những biện pháp hành động tích cực tương tự như vậy, ở cả bên cánh trái phương diện quân U-crai-na 4 là nơi bộ đội của I. E. Pê-tơ-rốp đã hiệp đồng với phương diện quân U-crai-na 2.

Trong phần kết luận, đồng chí đại diện Đại bản doanh báo cáo: «I. E. Pê-tơ-rốp làm việc ăn ý với Mê-khơ-li-xơ và Pê-tơ-rốp không có gì phàn nàn về Mê-khơ-li-xơ»^[16]. Đoạn trích báo cáo trên của nguyên soái là bằng chứng nói lên phẩm chất cá nhân cao đẹp và lòng độ lượng của I-van E-phi-mô-vích Pê-tơ-rốp. Đồng chí hiểu rõ Mê-khơ-li-xơ, và có thể nói được rằng, đồng chí còn nắm vững cả những đặc điểm tính cách của Mê-khơ-li-xơ cũng như đã xác định được cho mình sức mạnh cộng tác với đồng chí ấy, là một nghĩa vụ và lương tâm của một đảng viên cộng sản đang đòi hỏi.

Chuyển đi công tác của đại diện Đại bản doanh ra trận chiến trường là một yếu tố tổ chức quan trọng, đẩy mạnh được tốc độ tiến công tích cực của bộ đội Liên Xô ở Các-pát. Nó đã đem lại ngay những kết quả: ngày 20 tháng Chín, tập đoàn quân cận vệ 1 vượt qua biên giới Tiệp Khắc và ngày 25 tháng Chín, tập đoàn quân 38 của phương diện quân U-crai-na 1 hất địch lui tới dãy núi chính Các-pát, đánh để giành các đèo. Còn tập đoàn quân 18 của tướng E. P. Giu-ráp-li-ốp, quân đoàn bộ binh cận vệ 17 của tướng A. I. Ga-xti-lô-vích cũng thu được thắng lợi đáng kể trên những khu vực khác của phương diện quân U-crai-na 4. Tập đoàn quân của Giu-ráp-li-ốp tiến ra U-giơ-gô-rốt, còn quân đoàn của Ga-xti-lô-vích — tới Mu-ca-tre-vô, và ít lâu sau đã chiếm được những trung tâm hành chính quan trọng ở Da-các-pát. Bây giờ đây, dãy núi chính đã lùi lại phía sau! Nhưng tới được khu vực khởi nghĩa chống phát-xít ở Xlô-va-ki-a thì hầy còn xa...

Suốt cả tháng Mười 1944, ngày và đêm ở Các-pát không lúc nào im tiếng súng... Trong lúc bộ đội Liên Xô và quân đoàn của Xvô-bô-đa đang phá vỡ tuyến phòng thủ của bọn Hít-le thì Bộ chỉ huy Liên Xô vẫn quan tâm đến việc cung cấp vũ khí, đạn dược, thuốc men cho Xlô-va-ki-a khởi nghĩa. Khi điều kiện thời tiết thuận lợi, máy bay của ta đêm nào cũng chở vũ khí tới Xlô-

va-ki-a. Tính chung trong năm 1944, chúng ta đã cung cấp cho quân khởi nghĩa hơn 10.000 súng trường, tiểu liên và súng ngắn, gần một nghìn súng máy, hàng trăm súng chống tăng và mấy triệu viên đạn.

Lữ đoàn đổ bộ đường không độc lập Tiệp Khắc 2, trung đoàn không quân tiêm kích Tiệp Khắc 1, nhiều huấn luyện viên và các cán bộ chỉ huy du kích đã được chở bằng đường không tới chi viện cho cuộc khởi nghĩa. Lữ đoàn được thành lập chủ yếu gồm những người Xô-va-ki-a đã chạy sang hàng ngũ ta hồi mùa thu năm 1943, ở khu vực Mê-li-tô-pôn. Quân số lữ đoàn tới gần 3 nghìn người. Một bộ phận của lữ đoàn đã từng tham chiến ở gần Ki-ép và ở Bê-lai-a Txéc-cốp. Một số chiến sĩ được tặng thưởng huân chương và huy chương vì đã lập chiến công. Huấn luyện cơ bản xong, ngày 23 tháng Tư 1944, lữ đoàn nhận cờ, các chiến sĩ tuyên thệ. Thời gian này, lữ đoàn phải thực hiện những nhiệm vụ khó khăn ở sau lưng quân địch, và đã làm tròn các nhiệm vụ ấy một cách tốt đẹp. Các chiến sĩ lái máy bay tiêm kích của trung đoàn không quân Tiệp Khắc 1 cũng tỏ ra rất dũng cảm.

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Xô-va-ki-a kéo dài cho đến cuối mùa thu năm 1944. Cuộc khởi nghĩa ấy là sự kiện chính trị và quân sự hết sức đặc biệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Tiệp Khắc, nó giữ một vị trí vẻ vang trong lịch sử phong trào Kháng chiến ở châu Âu. Trong những giờ phút gay go nhất, những người khởi nghĩa, đặc biệt là các đảng viên cộng sản đã dũng cảm xông vào nguy hiểm và tiếp tục cuộc chiến đấu đầy gian khổ. Họ hiểu rằng Hồng quân đang gấp rút đến giúp họ vì thế họ cố gắng giữ vững cho đến người cuối cùng. Thế nhưng, những ngày tồn tại của cuộc khởi nghĩa chỉ có thể tính được trên đầu ngón tay. Vì quân Xô-va-ki-a bị bọn phát-xít đánh cho tan tác và bị tổn thất không lấy gì bù lại được. Chính phủ Bê-nét một lần nữa lại bộc lộ tính chất bất lực của mình, cho nên các anh hùng khởi nghĩa đã phải trả bằng máu. Các sư đoàn SS đã kẹp quân khởi nghĩa trong vòng vây sắt thép và đàn áp tàn bạo những người chống phát-xít. Hàng ngàn chiến sĩ Liên Xô gấp rút ứng cứu cho Xô-va-ki-a và tấn công trực diện vào Các-pát đã bị hy sinh trong các trận đánh ác liệt. Trải qua nửa năm chiến đấu nữa, các chiến sĩ Liên Xô cùng với các chiến hữu của mình trong quân đoàn Tiệp Khắc mới hoàn thành cuộc hành trình giải phóng thẳng lợi tiến vào Pra-ha trong sự hân hoan đón mừng của họ.

CHƯƠNG MƯỜI

• Tới Viên

- Từ phòng ngự chuyển sang tiến công.
- Các Ren-ne đề nghị góp phần của mình.
- Tuyên bố của Chính phủ Liên Xô.
- Những người quân sự bí mật ở Viên.
- Trước lúc công phá.
- Cuộc khởi nghĩa không thành công.
- Bóng đen của A-len Đa-lét.
- Thư của Các Ren-ne gửi Crem-li.
- Bắt đầu sự hợp tác hòa bình.
- Thị trưởng Áo và tư lệnh quân quản.

Do kết quả trận chiến đấu phòng ngự ở Ba-la-tông, các lực lượng Liên Xô đã được phân bố trên hướng Viên sao cho cánh quân chủ yếu lúc này có mặt trên dải của phương diện quân U-crai-na 3 là phương diện quân sẽ phải giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu nhằm tiêu diệt địch trong chiến dịch tiến công sắp tới. Phải nói rằng chúng ta không có đủ thời giờ để tiến hành các biện pháp chuẩn bị lâu dài, vì ngoài mặt trận báo cáo về là quân địch đang tìm cách cố thủ, không được chần chừ mà cần phải tiến công ngay, để cho chúng không thể củng cố được.

Phương diện quân U-crai-na 3 dự kiến sẽ tiến công ở sườn phải, ở chỗ nhô ra phía Bắc do tuyến phòng thủ của địch ở phía Nam và Tây-Nam Xe-két-phe-khéc-va-rơ tạo thành. Đơn vị xe tăng chủ yếu còn lại của tập đoàn quân xe tăng SS 6 bố trí ở chỗ nhô ra đó. Tiêu diệt được tập đoàn quân ấy, có nghĩa là chúng ta hất được tấm lá chắn bọc thép của bộ chỉ huy phát-xít Đức và thanh toán được bộ phận lực lượng chủ yếu trên tuyến phòng thủ của địch. Qua đó, chúng ta sẽ mở đường tiến vào các khu vực phía Tây Hung-ga-ri và tiến sâu vào nước Áo tới Viên.

Quyết định của Ph. I. Tôn-bu-khin là sẽ dùng lực lượng của các tập đoàn quân cận vệ 9 và 4 mở mũi đột kích chủ yếu ở sườn phải của phương diện quân, từ khu vực Gan-tơ, hồ Vê-lên-xê tới Vét-prem để chọc thủng tuyến phòng thủ của địch, bao vây và tiêu diệt cánh quân xe tăng chủ yếu của chúng. Địa hình trong dải đột kích chủ yếu là rừng và đồi nhưng Ph. I. Tôn-bu-khin cam đoan với Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh rằng, địa hình đó sẽ không làm trở ngại cho phương diện quân bao vây địch, hơn nữa quân địch bị bắt buộc phải hành động trong dải tương đối hẹp giữa hồ Vê-lên-xê và hồ Ba-la-tông.

Tôn-bu-khin lo lắng đến vấn đề khác: chưa đủ pháo binh để xây dựng mật độ hơn 180 khẩu pháo trên một ki-lô-mét chính diện, thiếu những lực lượng xe tăng lớn, chẳng hạn như tập đoàn quân cận vệ 9 và 4 mới có tất cả 197 xe tăng và pháo tự hành. So sánh lực lượng về xe tăng trên hướng đột kích chủ yếu của phương diện quân như vậy là mới cân bằng... Thế nhưng tập đoàn quân không quân 17 do tướng V. A. Xu-đét làm tư lệnh có thể sử dụng trên 500 máy bay cho hướng đột kích chủ yếu.

Trong khi ấy, trinh sát báo cáo là các xe tăng Đức hoạt động rất khẩn trương, đang đặt ngầm

các xe tăng dưới đất. Trước mắt bộ đội ta hình thành hàng loạt cứ điểm, diệt các cứ điểm ấy mỗi ngày sẽ một khó hơn. Lối thoát duy nhất lúc này là phải gấp rút chuyển cho Ph. I. Tôn-bu-khin tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 đang sung sức của A. G. Cráp-tsen-cô (hơn 400 xe tăng) lấy trong biên chế của phương diện quân U-crai-na 2, và Bộ tổng tham mưu đã báo cáo cho Đại bản doanh như vậy. Thế nhưng, Tổng tư lệnh tối cao lúc này chưa tin là địch sẽ từ bỏ các âm mưu tiến công của chúng, nên chưa chuẩn y việc chuyển tập đoàn quân xe tăng 6 cho phương diện quân U-crai-na 3 và ra lệnh là cần chờ thêm một chút.

Để thực hiện chỉ thị của Đại bản doanh về việc bắt đầu tiến công trước ngày 16 tháng Ba, Ph. I. Tôn-bu-khin buộc phải cho đội tiến lên phía trước không có tập đoàn quân xe tăng. Việc bắn pháo chuẩn bị và chi viện cho bộ binh đã làm đúng theo quy định hồi ấy, lực lượng xe tăng của đội hình bộ đội tiến công thì yếu, cộng thêm mật độ hỏa lực pháo chưa đủ, nên sức đột kích vào tuyến phòng thủ của địch cũng yếu, khiến tốc độ tiến công của phương diện quân U-crai-na 3 chưa cao.

Quân địch kháng cự lại quyết liệt. Đến cuối ngày, bộ đội Liên Xô mới thọc sâu vào tuyến phòng thủ của địch được tất cả 3-7 ki-lô-mét. Tính bất ngờ lúc này đã bị mất. Muốn thực hiện ý định bao vây tập đoàn quân xe tăng SS của địch, cần phải nâng tốc độ tiến công lên nhiều nữa, trước hết là phải tung tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 vào chiến đấu và phải tăng cường sức tác động hỏa lực của không quân và pháo binh. Nếu không làm được như vậy thì có nghĩa là chúng ta sẽ tạo cho bộ chỉ huy phát-xít Đức khả năng và thời gian để chống đỡ cuộc tiến công của ta và rút quân ra khỏi những khu vực nguy hiểm.

Sau ngày đầu tiến công, tối 16 tháng Ba, A. I. An-tô-nốp báo cáo chi tiết tình hình ở phương diện quân U-crai-na 3 cho Tổng tư lệnh tối cao. Tôi có mặt trong buổi báo cáo này. Nghe báo cáo xong, lần này Tổng tư lệnh tối cao đồng ý cho đưa ngay tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 vào chiến đấu. Đồng chí trực tiếp gọi điện thoại nói chuyện với R. I-a. Ma-li-nốp-xki khi đó đang ở sở chỉ huy tiền duyên và giải thích lý do vì sao cần chuyển giao xe tăng cho Ph. I. Tôn-bu-khin và ra lệnh cho Ma-li-nốp-xki phải trực tiếp giao nhiệm vụ cho các đồng chí xe tăng, rồi chuyển tập đoàn quân trên sang đơn vị bạn trong hành tiến. R. I-a. Ma-li-nốp-xki tỏ ý buồn phiền trước quyết định trên của Đại bản doanh, nhưng khi hiểu ra sự cần thiết của biện pháp này đồng chí đã nhanh chóng thi hành mệnh lệnh. Các đơn vị của A. G. Cráp-tsen-cô được chuyển sang phương diện quân U-crai-na 3 với toàn bộ biên chế và có đủ cơ sở dự trữ để phát triển mũi đột kích bên cánh phải của phương diện quân và tiêu diệt cụm xe tăng địch.

Nhưng mãi tới ngày 19 tháng Ba, Ph. I. Tôn-bu-khin mới đưa được tập đoàn quân xe tăng vào chiến đấu, vì phải mất hai ngày đêm để chuyển tập đoàn quân ấy đến gần mặt trận và tạo các điều kiện cần thiết tối thiểu để triển khai và hành động. Các trận đánh kéo dài hết sức căng thẳng, nên không thể sử dụng liều lĩnh các xe tăng được. Đáng tiếc là trong lúc này mỗi phút chậm trễ của ta — bây giờ là do tình hình quyết định — đều bị địch lợi dụng để tăng cường các tuyến phòng thủ và rút các đơn vị của chúng.

Trong trận đánh này, chúng ta không thực hiện được ý định hãm tập đoàn quân xe tăng SS của địch vào lòng chảo rồi tiêu diệt chúng như đã dự kiến. Quân địch tạo được những tấm lá chắn mạnh bằng xe tăng ở phía Bắc và phía Đông, lợi dụng rừng núi và các kênh đào trong vùng này để rút các đơn vị của chúng. Tối 22 tháng Ba, chúng băng được qua hành lang lửa đạn dài đến 2 ki-lô-mét ở bờ phía Bắc Ba-la-tông và chạy thoát.

Ngày 22 tháng Ba, Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 báo cáo lên Đại bản doanh quyết định diệt địch ở phía Bắc hồ Ba-la-tông, tiến ra biên giới hai nước Áo — Hung-ga-ri và chuẩn bị tiếp tục tiến công tới Viên. Mũi đột kích chủ yếu sẽ đánh vào Xôm-bát-khây (Xôm-ba-tên) theo con đường ngắn nhất, nhưng là đường núi đi tới biên giới nước Áo. Theo ý kiến của Bộ tổng tham mưu, hướng đột kích chủ yếu của phương diện quân đánh vào Xôm-ba-tên chưa phải là phương án tốt nhất. Địa hình rừng núi sẽ làm cho việc cơ động bị tê liệt (nhất là xe tăng). Ngoài ra, khu vực công nghiệp Viên và ngay bản thân thành phố Viên, thành phố rất quan trọng về mọi mặt, lại không nằm trong hướng đột kích chủ yếu ấy. Bộ tổng tham mưu đề nghị với Tổng tư lệnh tối cao là mũi đột kích chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 3 nên đánh vào hướng Sô-prôn, Pa-pa, hướng ngắn nhất tới Viên. Hơn nữa địa hình ở đây lại thuận lợi cho việc sử dụng toàn bộ sức mạnh của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6. I. V. Xta-lin đồng ý và phương diện quân tiến đánh Viên. Ngày 29 tháng Ba, bộ đội Liên Xô chiếm được các thành phố Xôm-ba-tên và Ki-o-xéc ở Hung-ga-ri, tiến ra biên giới nước Áo.

Trong dải của phương diện quân U-crai-na 2 địch không có cánh quân xe tăng mạnh và dày đặc, song tuyến phòng thủ của chúng cũng rất vững chắc. Do đó, các đơn vị của R. I-a. Ma-li-nốp-xki có thể tiến công trên một chính diện rộng, dùng các lực lượng của tập đoàn quân 46 do tướng A. V. Pê-tơ-ru-sép-xki chỉ huy và quân đoàn cơ giới cận vệ 2 của tướng C. V. Xvi-ri-đốp mở mũi đột kích chủ yếu vào phía Nam sông Đa-nuýp. Ngày 17 tháng Ba, cuộc tiến công bắt đầu.

Bộ đội phương diện quân U-crai-na 2 tiến quân thu được thắng lợi. Đến trưa ngày 20 tháng Ba, tập đoàn quân 46 chọc thủng được tuyến phòng thủ của địch, tiến ra sông Đa-nuýp ở khu vực Cô-mác-nô, bao vây cánh quân địch gồm 20.000 tên ở khu vực E-xtéc-gôm (gọi là cánh quân Tô-va-rốt-xcơ — E-xtéc-gôm) và hiệp đồng với các đơn vị của Chi hạm đội Đa-nuýp tiêu diệt quân địch đang bị bao vây. Một bộ phận lực lượng phát triển thắng lợi tới Đì-e-rơ.

Các phương diện quân hoạt động trên các hướng chủ yếu thu được thắng lợi, đã có ảnh hưởng tốt tới tình hình hai bên sườn. Các tập đoàn quân bên sườn phải của phương diện quân U-crai-na 2 tiến ra Bra-ti-xla-va, đến ngày 4 tháng Tư đã tấn công giải phóng được Bra-ti-xla-va và 60 điểm dân cư khác khỏi bọn chiếm đóng Đức. Bên sườn trái của phương diện quân U-crai-na 3, tập đoàn quân 57 và tập đoàn quân Bun-ga-ri 1 của tướng Xtôi-trép ngày 2 tháng Tư đánh chiếm trung tâm khu vực mỏ dầu của Hung-ga-ri là thành phố Nát-ca-ni-gia, nơi mà công nhân đã cố gắng bảo vệ các thiết bị khai thác dầu để khỏi bị địch phá hoại.

Quân đội các nước đồng minh từ phía Tây tiến vào gặp quân đội Liên Xô. Trong những ngày ấy, quân đội các nước đồng minh đã vượt qua sông Ranh tiến về phía Đông, chiếm được Phran-phuốc trên sông Mai-nơ và nhiều khu vực trong vùng công nghiệp Rua của nước Đức.

Vào một hôm báo cáo như lệ thường, Tổng tư lệnh tối cao bỗng hỏi, như đồng chí vấn thường hỏi, mà không trực tiếp nói với ai hết:

— Các Ren-ne, một đảng viên đảng xã hội-dân chủ, học trò của Cau-xki, hiện nay ở đâu? Ông ta đã cầm đầu đảng xã hội-dân chủ Áo trong nhiều năm, và hình như đã đứng đầu cái nghị viện cuối cùng của Áo?..

Chúng tôi không ai trả lời, vì không dự kiến trước câu hỏi ấy.

— Không được coi thường các thế lực trong mặt trận chống phát-xít, — Xta-lin tiếp tục. — Có lẽ, chế độ độc tài Hít-le cũng đã dạy cho những người xã hội-dân chủ bài học nào đó...

Ngay đấy, chúng tôi được lệnh phải tìm hiểu Ren-ne, nếu ông ta còn sống thì phải biết được chỗ ở của ông ta. Chúng tôi chuyển lệnh trên bằng điện thoại cho phương diện quân U-crai-na 3.

Chúng tôi ít được biết về tình hình bên trong nước Áo. Hồi đó, chúng tôi được biết là vào tháng Sáu 1944, các cán bộ lãnh đạo của Đảng cộng sản Áo ra lời kêu gọi nhân dân Áo đứng lên đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít. Tháng Mười, chúng tôi nhận được tin các chiến sĩ du kích Áo đang tiến hành những trận đánh có tính chất địa phương nhưng quan trọng, chống lại quân Hít-le. Một tháng sau, tiểu đoàn tự do số 1, gồm các chiến sĩ du kích và các tù binh người Áo được thành lập trên đất Nam Tư, đã tham gia chiến đấu quyết liệt chống bọn phát-xít. Đầu năm 1945 được đánh dấu bằng những trận đánh mới của du kích ở vùng An-pơ và thành lập thêm tiểu đoàn 2, tiếp đó có thêm 3 tiểu đoàn tự do nữa. Chúng tôi không nhận được tin tức đấu tranh chống phát-xít của các nhà hoạt động tư sản Áo. Và cả những tin tức về Các Ren-ne cũng không có.

Đến ngày 4 tháng Tư, Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 gửi báo cáo về cho biết Các Ren-ne tự đến cơ quan tham mưu sư đoàn bộ binh cận vệ 103. Sau này, các đồng chí thuật lại cho tôi biết tình hình như sau. Một người dong dỏng cao, đầu bạc, y phục đen được dẫn tới gian phòng làm việc của các sĩ quan tham mưu và xưng danh bằng tiếng Đức. Thoạt đầu, không ai chú ý tới ông ta. Thế nhưng, sau đó một cán bộ chính trị nhận ra, liền báo cáo ngay cho thủ trưởng.

Ren-ne là một người dễ giao thiệp. Ông ta cởi mở kể chuyện cho các sĩ quan nghe về cuộc đời từng trải của mình. Ren-ne là đảng viên đảng xã hội-dân chủ từ năm 1894, tới năm 1907 là nghị sĩ, và từ năm 1930 là chủ tịch nghị viện của Áo, ông ta đã giữ cương vị này được gần mười năm. Rồi sau khi nước Áo bị cưỡng bức nhập vào Đức, Ren-ne lui về ẩn dật tại miền Hạ Áo, không tham gia các hoạt động chính trị nữa. Các sĩ quan ta hỏi Các Ren-ne sau này ông ta định sống như thế nào. Ông ta nói ông ta già rồi, nhưng vẫn sẵn sàng góp phần xây dựng chế độ dân chủ ở nước Áo «bằng lương tâm và hành động». Ren-ne nói: «Bây giờ đây, các đảng viên cộng sản và các đảng viên xã hội-dân chủ chỉ có một nhiệm vụ là tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít». Ông già sành sỏi, đã gần tròn 80 tuổi, rất thông hiểu tình hình nước Áo, đánh giá đúng vai trò mình là người lãnh đạo cuối cùng của cái nghị viện nước Áo trước khi Hít-le chiếm đóng. Ông ta đề nghị được góp phần xây dựng chính phủ lâm thời của nước Áo trong thời chiến, và tuyên bố trước rằng: «Tôi sẽ loại trừ các phần tử quốc xã ra khỏi nghị viện».

Cuộc nói chuyện kéo dài khá lâu. Điều quan trọng đối với chúng tôi là biết được dân tình ở thành phố Viên, vì trinh sát đã báo cáo về các hoạt động chuẩn bị chiến đấu ở thủ đô Áo. Rõ ràng, bọn cầm đầu quốc xã đang chuẩn bị cho thành phố này giống như số phận của Bu-đa-pét. Chúng tôi còn nhận được cả những tin rất mập mờ về sự phản kháng dường như đang xảy ra bên trong quân đồn trú ở Viên.

C. Ren-ne cho rằng, 90 phần trăm dân số ở Viên muốn chống lại bọn quốc xã, nhưng các cuộc khủng bố phát-xít và các vụ ném bom bắn phá của Anh - Mỹ làm cho nhân dân Viên lo sợ, họ cảm thấy bị yếu thế nên chưa dám hành động tích cực. Còn những người xã hội-dân chủ lại

chưa có những biện pháp để động viên nhân dân đứng lên đấu tranh chống bọn Hít-le.

Tối 4 tháng Tư, Mát-xcơ-va nhận được tin báo cáo về buổi gặp gỡ Các Ren-ne. Tôi và An-tôn-ốp hiểu rằng, sẽ có những quyết định mới nào đấy về vấn đề này. Thông thường nếu như ở các mặt trận mọi việc đều tốt đẹp thì I. V. Xta-lin, các ủy viên Bộ chính trị, ủy viên Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Chính phủ họp ở phòng làm việc tại điện Crem-li, sẽ không hỏi gì đặc biệt thêm. Nhưng lần này, lúc báo cáo về tình hình ở phương diện quân U-crai-na 3, I. V. Xta-lin nheo mắt dừng lại và nhìn lâu vào «Bộ tổng tham mưu». Biết được chúng tôi hiểu những ý nghĩ và tâm trạng của đồng chí nhân việc nhận được bức điện nói về Ren-ne, đồng chí có vẻ bằng lòng đi lại trên tấm thảm trải dài trong phòng, trao đổi với các ủy viên Bộ chính trị, rồi đọc cho chúng tôi ghi bức điện của Đại bản doanh gửi Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3.

Bức điện viết: 1) Phải tỏ ra tin cậy ở Các Ren-ne ; 2) Báo cho ông ta biết là Bộ chỉ huy Liên Xô sẽ ủng hộ ông ta trong việc phục hồi chế độ dân chủ ở Áo; 3) Giải thích cho Ren-ne là, bộ đội Liên Xô tiến vào đất Áo không phải để chiếm lãnh thổ nước Áo, mà là để quét sạch bọn chiếm đóng phát-xít. I. V. Xta-lin và A. I. An-tôn-ốp ký bức điện trên. Tôi mang ngay bức điện ấy ra máy, truyền cho Ph. I. Tôn-bu-khin.

Buổi họp này còn quyết định là thay mặt đồng chí tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3, sẽ kêu gọi nhân dân Viên đứng lên kháng chiến chống bọn Hít-le, không để cho chúng phá hoại thành phố. Chính phủ Liên Xô sẽ ra tuyên bố về nước Áo. Và chúng tôi được lệnh chuẩn bị ngày hôm sau báo cáo những ý kiến của mình về việc sử dụng lực lượng của hai phương diện quân U-crai-na 2 và 3 để đẩy mạnh tốc độ đánh chiếm Viên.

Bản Tuyên bố của Chính phủ Liên Xô và lời kêu gọi của đồng chí tư lệnh đều mang một ý nghĩa chung. Bản tuyên bố nói như sau: «Chính phủ Liên Xô không theo đuổi mục đích chiếm cứ một bộ phận nào trên lãnh thổ nước Áo, hoặc thay đổi chế độ xã hội của Áo. Chính phủ Liên Xô đứng trên quan điểm bản tuyên bố Mát-xcơ-va của các nước đồng minh về nền độc lập của nước Áo. Chính phủ Liên Xô sẽ thực hiện bản tuyên bố ấy. Chính phủ Liên Xô sẽ góp phần thủ tiêu chế độ của bọn chiếm đóng phát-xít Đức, khôi phục trật tự và các thiết chế dân chủ ở Áo»[\[17\]](#).

Lời kêu gọi của nguyên soái Ph. I. Tôn-bu-khin gửi nhân dân Viên ngày 6 tháng Tư 1945 viết:

«Hồng quân tiến vào nước Áo không phải để chiếm lãnh thổ Áo, mà chính là để tiêu diệt các đơn vị phát-xít Đức thù địch và giải phóng Áo khỏi sự phụ thuộc của Đức...

Hồng quân chiến đấu chống bọn chiếm đóng Đức chứ không chống nhân dân Áo; nhân dân Áo có thể yên tâm lao động hòa bình»[\[18\]](#).

Tiếp đó, đồng chí tư lệnh vạch rõ: giờ giải phóng Viên đã điểm, nhưng quân địch đang rút lui muốn biến thủ đô Áo thành bãi chiến trường và đe dọa bằng cách tàn phá ghê gớm và gây ra những điều khủng khiếp của chiến tranh đối với thành phố Viên và nhân dân Viên. Để báo về thủ đô Áo và các di tích lịch sử, văn hóa của nước Áo, đồng chí đề nghị nhân dân sẽ ở lại tại chỗ và đấu tranh không để cho địch phá hoại thành phố. «Các công dân Viên! — Tư lệnh phương diện quân kêu gọi. — Hãy giúp đỡ Hồng quân giải phóng thủ đô Viên của nước Áo và góp phần mình vào sự nghiệp giải phóng nước Áo khỏi ách nô dịch của phát-xít Đức»[\[19\]](#).

Ngày ra lời kêu gọi của đồng chí tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 gửi nhân dân Viên là ngày bộ đội Liên Xô đột nhập vào phần Tây-Nam, rồi sau đó vào phần Đông-Nam thành phố. Những trận đánh quyết liệt cũng đã diễn ra tại đây. Thời cơ lịch sử quan trọng nhất để giải phóng thủ đô nước Áo đã đến.

Đến đây, bạn đọc cho phép tôi đi ra ngoài đề đôi chút vì câu chuyện có liên quan tới phong trào Kháng chiến của nước Áo. Vấn đề là cùng với bản báo cáo của Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 3 nói về Các Ren-ne, Bộ tổng tham mưu lại cũng nhận được một bức điện khác báo cáo về sự việc ngày 2 tháng Tư 1945, những người quân sự trong các đơn vị quân địch ở Viên ra tiếp xúc với ta.

Bản thân sự việc những người quân sự ra tiếp xúc với ta vào lúc này không có gì đặc biệt lắm. Nếu như trước kia, khi quân địch đang ào ạt tiến công và thu được thắng lợi, những tên chỉ huy Hít-le không nghĩ tới việc rút ra khỏi chiến tranh, thì hiện nay, sau khi bị những thất bại nặng nề, nhiều tên trong bọn chúng đã suy nghĩ tới điều đó. Năm 1945 này quả không còn là điều hiềm hoi nữa khi thấy xuất hiện ở phía trước các chiến hào của bộ đội ta những người cầm cờ trắng của bên đối phương. Sự việc ấy bây giờ cũng lại diễn ra trong dải tiến công của tập đoàn quân cận vệ 9, nơi mà thượng sĩ Ph. Cốt, phụ trách văn thư, và binh nhất lái xe I. Rai-phơ đã vượt qua trận tuyến sang phía ta. Họ xưng danh là đại biểu của bộ tham mưu «quân đoàn động viên người Áo» số 17 đang đóng quân ở Viên và chuẩn bị lực lượng dự bị cho mặt trận.

Những người quân sự báo cáo rằng: cuộc khởi nghĩa chống Hít-le đang được chuẩn bị ở Viên. Theo lời họ, thì lực lượng khởi nghĩa gồm những quân nhân có tinh thần chống phát-xít và một bộ phận nhân dân ở thủ đô nước Áo. Ngoài 2 tiểu đoàn bộ binh dự bị và 1 đại đội pháo binh, còn có chừng 1.200 chiến sĩ người Áo thuộc các đơn vị khác cũng sẵn sàng tham gia khởi nghĩa. Họ cho rằng, có thể còn tới 20.000 dân Viên sẽ cùng tham gia cuộc khởi nghĩa.

Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là một sĩ quan tham mưu trong quân đoàn — thiếu tá Các Xô-côn, trưởng phòng động viên. Chính Xô-côn đã cử những người quân sự ra bắt liên lạc với Bộ chỉ huy Liên Xô.

Những tin tức trên rất quan trọng. Bộ tư lệnh tập đoàn quân 9 và bộ tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 lắng nghe các ý kiến của những người quân sự. Những người khởi nghĩa có nhiệm vụ chiếm giữ trong phạm vi thành phố Viên các đầu cầu qua sông Đa-nuýp và các chi nhánh của nó, kiểm soát các khu vực ấy, phá các cơ quan tham mưu của các đơn vị Hít-le, các cơ quan của đảng quốc xã và cơ quan cảnh sát bố trí trong thành phố, chiếm các đầu mối thông tin liên lạc then chốt, các phương tiện giao thông, các mục tiêu công cộng khác của thủ đô Áo và các mục tiêu phòng thủ của địch.

Thông qua những người quân sự, chúng ta đặt liên lạc bằng vô tuyến với ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Ít lâu sau, đích thân C. Xô-côn, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đang được chuẩn bị cũng vượt sang bên trận tuyến chúng ta. Xô-côn cho biết anh là người đứng đầu của một tổ chức bí mật «Nước Áo, hãy thức dậy». Bộ tham mưu phương diện quân đã thỏa thuận với anh mọi vấn đề cần thiết, kể cả những tín hiệu khởi nghĩa.

Ngay trước ngày bộ đội Liên Xô bắt đầu tấn công vào Viên, và khi bộ tham mưu phương diện quân U-crai-na 3 đã làm xong mọi công việc chuẩn bị cuối cùng để cho phát thanh lời kêu gọi của đồng chí tư lệnh phương diện quân gửi nhân dân Viên, thì đó chính là thời cơ thuận lợi nhất để phát tín hiệu khởi nghĩa trong thủ đô nước Áo. Cuộc khởi nghĩa bùng nổ vào lúc này sẽ phá hoại công cuộc phòng thủ của quân địch và giúp cho bộ đội của Ph. I. Tôn-bu-khin giải

quyết các nhiệm vụ được dễ dàng thêm nhiều.

Tín hiệu được phát đi bằng vô tuyến điện và máy bay như đã thỏa thuận trước với những người yêu nước Áo trong «quân đoàn động viên» số 17. Thời gian phát động khởi nghĩa quy định vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 6 tháng Tư. Tín hiệu phát đi đã nhận được...

Ngày 6 tháng Tư, bộ đội Liên Xô bắt đầu công phá thành phố Viên. Trận đánh diễn ra trong từng ngôi nhà, tranh chấp từng khu phố ở những nơi có các điểm phòng thủ kiên cố của bọn Hít-le. Các chiến sĩ cận vệ của các tập đoàn quân 4, 9 và tập đoàn quân xe tăng 6, các phi công của tập đoàn quân không quân 17 và các thủy thủ của Chi hạm đội Đa-nuýp, các chiến sĩ của các binh đội và binh đoàn đều đã dần dần đánh bật quân địch ra khỏi các công sự. Mỗi trận giao chiến với quân địch đều đòi hỏi tinh thần dũng cảm vô song và bản lĩnh cao của những chiến sĩ xô-viết.

Còn cuộc khởi nghĩa thì ra sao? Sau này chúng tôi mới được biết, bọn Hít-le đã đánh hơi được tổ chức yêu nước của Các Xô-côn. Những tên phản bội đã mật báo cho địch biết những người lãnh đạo đang chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Sáng sớm 6 tháng Tư, nhiều người đã bị bắt và bị xử tử hình ngay. Cuộc khởi nghĩa không có người lãnh đạo, nên không thành...

Sau khi thọc sâu vào các khu phố, từ phía Nam và phía Tây tiến vào đánh chiếm được thành phố, các chiến sĩ xe tăng và bộ binh của Liên Xô đã cắt đứt được mọi đường dây thông tin liên lạc của địch với nước Đức trên các hướng này. Nhưng ở mặt Bắc, quân ta vẫn chưa cô lập được khu vực này, ở đây địch có thể điều các lực lượng dự bị đến tăng cường cho quân Đức phát-xít. Khi Bộ tổng tham mưu chúng tôi nghiên cứu làm thế nào để đẩy mạnh được tốc độ đánh chiếm Viên, thực hiện chỉ thị của Đại bản doanh, thì chúng tôi có chú ý tới tình hình đó. Chúng tôi lập luận rằng quân địch chắc sẽ từ bỏ ý định cố thủ trong điều kiện thành phố đã bị hoàn toàn bao vây và sẽ tìm cách rút quân ra khỏi nơi đây lên phía Bắc khi có một sự uy hiếp nhỏ nhất đối với các con đường của chúng. Do đó, chúng ta phải tiến công vào Viên không riêng mặt phía Nam, mà cả mặt phía Bắc sông Đa-nuýp, nơi mà quân địch chưa bị ta đụng tới. Trong thực tế, chúng ta có thể tổ chức mũi đột kích này bằng cách tung tập đoàn quân 46 thuộc phương diện quân U-crai-na 2 và các đơn vị tăng cường cho nó từ bờ Nam sông Đa-nuýp, để từ mặt phía Bắc đánh vu hồi vào Viên.

Ngoài ra còn một nguyên nhân nữa nhất thiết đòi hỏi phương diện quân U-crai-na 2 phải mở mũi đột kích. Nguyên nhân này có liên quan tới nền kinh tế của nước Đức Hít-le. Sự việc là ở chỗ, vào đầu mùa xuân năm 1945, sự phá sản của bọn xâm lược không những về chính trị mà cả về kinh tế đã quá rõ ràng. Quân địch thiếu nhiên liệu. Số lượng dự trữ của chúng gần như đã cạn, nước Đức không có dầu dự trữ, còn mọi nguồn cung cấp dầu chủ yếu của địch đều bị ta chiếm giữ. Trong tay quân địch lúc này chỉ còn một khu vực khai thác dầu lớn của nước Áo là vùng Xít-téc-đoóc-phơ, nằm ở Đông-Bắc Viên.

Vì thế hiện nay phương diện quân U-crai-na 2 cần phải mở mũi đột kích vào hướng đó. Các văn kiện chứng minh rằng, hồi đó chúng tôi đã lập luận đúng. Hít-le hết sức lo lắng về tình hình ở vùng mỏ dầu, ra lệnh điều quân bổ sung tới đây, trong số đó có cả sư đoàn xe tăng thuộc cụm tập đoàn quân «Vi-xla». Đại bản doanh đồng ý với ý kiến đề nghị của Bộ tổng tham mưu.

Ngay ngày hôm sau, I. V. Xta-lin đã hỏi về kết quả tổ chức mũi đột kích của phương diện quân U-crai-na 2, nhưng việc chuyển cả một số quân đông như thế qua sông Đa-nuýp không

phải là một việc dễ dàng. Ngoài các phương tiện công binh ra, cả Chi hạm đội Đa-nuýp cũng được sử dụng và nó đã giữ một vai trò to lớn trong việc tổ chức vượt sông. Quân đoàn cơ giới cận vệ 2 và quân đoàn xe tăng 23 có những xe chiến đấu hạng nặng đã gặp khó khăn hơn cả trong khi vượt sông.

Hai ngày sau, Tổng tư lệnh tối cao tỏ ý rất bất bình vì cho rằng địch có thể thoát được đòn tiến công của bộ đội R. I-a. Ma-li-nốp-xki, và phương diện quân của Ph. I. Tôn-bu-khin lúc này phải đánh chiếm Viên một cách đơn phương nên sẽ gặp khó khăn. Đồng chí ra lệnh chậm nhất là đến ngày 10 tháng Tư phải «cắt đứt mọi đường rút lui của địch ra khỏi Viên lên phía Bắc». Ít lâu sau, quân địch bị chao đảo và bị đánh bật ra khỏi Viên. Để khỏi bị bao vây, chúng bỏ chạy qua những con đường chúng còn chiếm giữ được để lên phía Bắc. Bộ đội ta chiếm lĩnh hoàn toàn thành phố Viên vào ngày 13 tháng Tư.

Sau khi đánh chiếm được Viên, phương diện quân U-crai-na 3 tiến quân xuống phía Tây thành phố tới tuyến San-tơ Pon-ten, nhận nhiệm vụ chốt lại ở khu vực này. Quân đội đồng minh cũng đang tiến sát tới đó; tàn quân địch bị ta đánh, rút chạy sang đầu hàng quân đồng minh.

Việc trước mắt phải giải quyết ở Áo là các vấn đề về một giải pháp chính trị hòa bình.

Khi còn đang diễn ra những trận đánh chiếm thành Viên, chúng ta chưa có điều kiện để phân tích các nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa chống phát-xít đã được chuẩn bị trong thành phố, nhưng sau khi giải phóng thủ đô nước Áo thì vấn đề đó lại được đặt ra. Chúng ta được biết là ngày 15 tháng Tư, tức hai ngày sau khi giải phóng thủ đô Viên, có hai nhân vật tự xưng danh, một là chủ tịch và một là ủy viên ban chấp hành trung ương của phong trào Kháng chiến ở Áo — tổ chức «Nước Áo, hãy thức dậy» — tới gặp đồng chí tư lệnh quân quản thành phố. Họ tuyên bố rằng, trước đây họ là các sĩ quan trong quân đội Áo - Hung và hình như đã bị ngồi tù lâu ở các trại tập trung Đa-khau và Bu-khen-van của bọn phát-xít Đức, nhưng rồi họ đều nhờ chính tay bọn Hít-le mà thoát khỏi các trại tập trung. Theo lời kể của họ thì tổ chức này có công lớn trong cuộc đấu tranh chống bọn quốc xã.

Việc xuất hiện các nhân vật trên nhắc nhở chúng ta cần phải kiểm tra hoạt động của tổ chức đó. Chúng ta được biết, tổ chức này đặt trụ sở trong một ngôi nhà lớn ở Viên, trước mặt căn nhà có biển ghi cho biết đây là bộ tham mưu của các lực lượng Kháng chiến Áo. Tổ chức này cấp cho các hội viên những giấy chứng chỉ có đóng dấu.

Chủ nhân của ngôi nhà là một thành viên trong bộ tham mưu, có hàm nam tước, phục vụ trong quân đội Hít-le. Nhưng theo lời kể của y, thì y đã năm lần ngồi trong nhà tù của bọn Giét-xta-pô và cũng đã năm lần thoát khỏi nhà tù. Một thành viên khác trong bộ tham mưu là một hoàng thân, cũng đã từng phục vụ trong quân đội phát-xít Đức với quân hàm trung úy. Còn lại lịch quá khứ của nhiều nhân vật khác cũng đều có tính chất lập lờ như vậy. Chúng ta còn phát hiện thấy rằng, không một ai trong bọn họ có liên lạc với các nhóm Kháng chiến trong các xí nghiệp hoặc với phong trào khởi nghĩa. Chúng ta còn thấy rằng những kẻ cầm đầu tổ chức này không được nhân dân ủng hộ, tuy thế họ đã có những mưu toan từ trước, một khi Viên được giải phóng thì họ sẽ cướp lấy chính quyền. Chúng ta còn xác định được cả một số kẻ trong bọn họ đã tung ra những lời đồn đại, vu khống các chiến sĩ Liên Xô nhằm phá hoại uy tín của Hồng

quân trong nhân dân.

Về sau này, chúng ta lại phát hiện thêm những tin tức còn quan trọng hơn là; tổ chức nói trên khi được thành lập đã được tình báo Mỹ A-len Đa-lét biết trước và giúp đỡ. Những kẻ cầm đầu tổ chức được Đa-lét ủng hộ, nhằm mục đích sẽ đứng ra cầm đầu các nhóm dân chủ ở các địa phương và nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào Kháng chiến khi Viên được Hồng quân giải phóng. Còn sau này, để phục vụ các quyền lợi của Mỹ, bọn họ sẽ củng cố lập trường của các nhóm bảo thủ ở Áo và đảm bảo cho họ điều kiện để tiến tới điều khiển nước Áo. Những kẻ chủ mưu đó còn có ý định tách những đảng viên cộng sản ra khỏi phong trào Kháng chiến...

Những người hoạt động của tổ chức đó tiếp xúc với các giới trong chính phủ Pháp và Anh, đề nghị Pháp và Anh công nhận họ là «đại biểu duy nhất của mọi đảng phái, mọi nhóm Kháng chiến ở Áo và nói chung là của nhân dân Áo»[\[20\]](#).

Những kẻ cầm đầu của nhóm nói trên đến gặp đồng chí tư lệnh quân quản thành phố Viên là để làm theo nguyên tắc: rèn thép khi còn nóng, đòi chúng ta thừa nhận công lao của họ, nói một cách khác là tính chất hợp pháp của các yêu sách của họ về địa vị lãnh đạo ở thủ đô nước Áo và trong cả nước nói chung. Để thực hiện điều đó, họ còn tự mệnh danh là ban chấp hành trung ương của phong trào Kháng chiến của Áo. Dù công việc lúc này phải nói là đang ngập tới tận cổ, nhưng đồng chí tư lệnh quân quản thành phố cũng đã tìm hiểu được thực chất của vấn đề.

Những người nêu trên còn cho biết là trong tổ chức của họ còn có một nhóm quân sự do thiếu tá Các Xô-côn đứng đầu. Họ đề cập tới cả vấn đề khởi nghĩa bị «thất bại» (theo như họ nói) trước đây.

Sau buổi nói chuyện đó, chúng ta được rõ là vì sao những người chống phát-xít đã hy sinh thân mình vượt qua lửa đạn đến đặt quan hệ với chúng ta, lại không thể phát động được cuộc khởi nghĩa ở Viên. Họ đã trở thành nạn nhân của lòng tin đối với những kẻ cầm đầu nhóm này. Những kẻ cầm đầu đang theo đuổi mục đích trái ngược với quyền lợi của những người Kháng chiến.

Vào nửa cuối tháng Tư 1945, khi sắp bắt đầu mở cuộc tiến công quyết định vào Béc-lin, đặc điểm các sự kiện diễn ra ở nước Áo bấy giờ là đang bình thường hóa đời sống trong nước. Trong những ngày ấy, Bộ tổng tham mưu chúng tôi không chỉ nhận được những văn kiện có tính chất tác chiến-quân sự, mà còn cả những văn kiện có tính chất chính trị nữa. Cùng với việc giải phóng Viên, ở đây cũng đã xây dựng được những cơ sở hoạt động vững chắc hơn của các tổ chức dân chủ ở Áo. Các Ren-ne đã bắt đầu thực hiện các biện pháp thiết thực để thành lập Chính phủ lâm thời. Ông ta tỏ ra rất khéo léo về mặt chính trị, biết lợi dụng các đặc điểm của tình hình chiến tranh và không tiếc lời hứa hẹn trang trọng về tương lai. Nổi bật về mặt này là bức thư của C. Ren-ne gửi cho I. V. Xta-lin ngày 15 tháng Tư.

Đọc những dòng đầu của bức thư ấy, chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu không nhịn được cười: Ren-ne ra sức nhấn mạnh việc mình trước đây tham gia phong trào cách mạng, trước hết là báo tin mình có những chỗ quen biết cá nhân «với nhiều chiến sĩ cách mạng tiên tiến Nga». Các mối quan hệ của ông ta cũng có những nét đặc sắc của nó, là nếu như chỉ có một lần ông ta được gặp V. I. Lê-nin trong một cuộc họp, thì với Tơ-rốt-xki và Ri-a-da-nốp, ông ta lại đã có quan hệ lâu dài. «Thế nhưng, cho đến nay, tôi vẫn chưa được dịp làm quen với cá nhân Ngài, đồng chí thân mến», — Ren-ne đã sử dụng danh từ «đồng chí» hết sức thân thiết với chúng ta

và do đó có ý nói tới sự «gần gũi» về mặt tư tưởng với Xta-lin, mặc dầu lúc đương thời, trong cuốn «Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc» Xta-lin đã đập toại bởi các quan điểm của Ren-ne về vấn đề dân tộc.

Tuy vậy, quả thật trong bức thư của Ren-ne khó mà phân biệt được đâu là sự chân thành khâm phục sứ mệnh giải phóng của Hồng quân và đâu là sự xu nịnh vụ lợi. Chúng ta hãy xem hồi đó ông ta đã viết:

«Tôi và gia đình tôi được gặp Hồng quân tại nơi trú ngụ của mình ở Glô-gơ-nít (gần Vi-ne Nây-stát), nơi mà tôi và các đồng chí trong đảng tràn đầy lòng tin chờ đợi cái ngày đó. Bộ chỉ huy địa phương đối xử với tôi rất mực tôn trọng, đặt ngay tôi vào phạm vi được bộ chỉ huy bảo vệ, và trao lại cho tôi quyền được tự do hoạt động mà tôi buộc phải đau lòng từ bỏ nó trong thời kỳ chủ nghĩa phát-xít của Đôn-phút và Hít-le. Tôi hết lòng cảm kích được nhân danh cá nhân mình và thay mặt giai cấp công nhân Áo, chân thành ngỏ lời cảm ơn Hồng quân và cảm ơn Ngài, Ngài Tổng tư lệnh tối cao đây quang vinh».

Tiếp theo, Ren-ne khá thẳng thắn đề nghị giao cho ông ta quyền lãnh đạo đất nước. «Số phận đã run rủi, — ông ta viết, — cho tôi là người đầu tiên trong số những ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng xã hội - dân chủ còn ở lại trong nước, được nhận lại quyền tự do hoạt động. Đồng thời tôi còn có một hoàn cảnh may mắn khác nữa là với tư cách một vị chủ tịch cuối cùng của quốc hội nhân dân tự do, tôi có thể tự cho mình có quyền phát biểu thay mặt nhân dân Áo. Lại còn một lợi thế nữa của tôi là với tư cách thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Áo, tôi được ủy quyền tiến hành cải cách các cơ sở nhà nước trong việc tổ chức quản lý xã hội, do đó có thể tin cậy tôi trong việc khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp thức tỉnh nước Áo».

Nhận được những sự giúp đỡ cần thiết từ bộ đội của Tôn-bu-khin, Các Ren-ne viết: «Không có sự giúp đỡ của Hồng quân thì tôi không thể làm nên việc gì hết. Vì vậy, không riêng tôi mà cả «nền Cộng hòa Áo thứ hai» mai sau và giai cấp công nhân của nó phải mãi mãi biết ơn Ngài, thừa Ngài Nguyên soái, và biết ơn quân đội chiến thắng của Ngài».

Phần tiếp sau bức thư đề ngày 15 tháng Tư 1945 của Ren-ne là các ý kiến đề nghị. Ví dụ như, ông ta viết: «Chế độ Hít-le đã hãm chúng tôi vào tình trạng vô cùng hèn yếu. Chúng tôi sẽ bất lực đứng ở ngưỡng cửa các cường quốc lớn, khi mà châu Âu đang thực hiện những công cuộc cải cách. Hôm nay đây, tôi đề nghị Ngài tại hội nghị của những nước lớn, hãy rộng lòng quan tâm đến nước Áo, và nếu như lại có hoàn cảnh bi thảm nào xảy tới thì mong Ngài lại hãy đặt chúng tôi dưới sự bảo vệ hùng cường của Ngài. Ngày nay, nạn đói và nạn dịch đang đe dọa chúng tôi, nạn mất đất những khi có cuộc đàm phán với các nước láng giềng cũng đang đe dọa chúng tôi. Ở dãy núi An-pơ sỏi đá này, hiện chúng tôi có rất ít đất đai canh tác, đất đai ấy chỉ cung cấp cho chúng tôi một ít thức ăn hàng ngày. Nếu lại mất đi một phần đất nữa thì chúng tôi không thể sống nổi».

Nói tiếp những suy nghĩ của mình, Các Ren-ne đùng tới các nước đồng minh của chúng ta: «Những người chiến thắng không thể có ý định để chúng tôi sống bất lực. Thế nhưng phương Tây, như năm 1919 đã chứng minh, lại đã tỏ ra thiếu quan tâm đến việc bảo đảm cho chúng tôi những tiền đề tự chủ».

Cuối thư, là lời tuyên bố chính trị: «...Nhờ có sự phát triển hùng hậu của nước Nga mà nhân dân chúng tôi mới thấu hiểu tính chất lừa bịp của hai chục năm tuyên truyền của bọn quốc xã

và vô cùng kinh ngạc trước những thành tựu to lớn của Liên Xô. Đặc biệt là giai cấp công nhân Áo tin tưởng hết lòng đối với các nước Cộng hòa xô-viết. Những người xã hội - dân chủ Áo sẽ hợp tác anh em với Đảng cộng sản và sẽ cùng nhau làm việc trên quyền bình đẳng để phục hồi nền Cộng hòa».

Nói về mối quan hệ của giai cấp công nhân Áo và tuyệt đại đa số nhân dân Áo với Liên Xô, Ren-ne rõ ràng là đã phản ánh đúng tinh thần hồi đó ở nước Áo.

I. V. Xta-lin trả lời C. Ren-ne: «Xin cảm ơn Ngài, đồng chí rất kính mến, về bức thư của Ngài gửi cho tôi ngày 15 tháng Tư. Ngài có thể tin chắc rằng, sự quan tâm của Ngài đến nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và sự phồn vinh của nước Áo cũng chính là sự quan tâm của tôi». Đồng chí hứa sẽ sẵn sàng chi viện cho Áo mọi thứ tùy theo sức và theo khả năng.

Cuối tháng Tư, ở Áo đã thành lập Chính phủ lâm thời do Các Ren-ne đứng đầu, thành phần chính phủ có cả các đảng viên cộng sản. Được sự giúp đỡ của Liên Xô, ngày 15 tháng Năm 1955, ở Viên đã ký kết Hiệp ước quốc gia, củng cố nền trung lập và độc lập của nước Áo.

Ngay sau khi giải phóng Viên, việc đặt ra cần phải giải quyết là vấn đề quản lý thành phố. Tưởng chừng như đây không phải là công việc của Bộ tổng tham mưu, nhưng trong thời kỳ ấy, Bộ tổng tham mưu lại phải phụ trách. Chúng tôi biết rằng trong số 7 triệu dân Áo thì có tới 1 triệu rưỡi tập trung ở Viên. Trong thời gian đầu, chính quyền quân sự của ta lại phải quan tâm giải quyết vấn đề thức ăn và các nhu cầu khác.

Bộ tổng tham mưu cho rằng chính quyền quân sự, đặc biệt là đồng chí tư lệnh quân quản thành phố có thể giải quyết các nhiệm vụ quản lý Viên. Chúng tôi đề cử tướng A. V. Bla-gô-đa-tốp, phó tư lệnh tập đoàn quân 57 đảm nhiệm chức vụ này. Chúng tôi nói chuyện bằng điện thoại với Ph. I. Tôn-bu-khin, đồng chí tán thành ý kiến đó, rồi sau đây lập thành văn kiện để đệ trình lên Đại bản doanh. Nhưng Bộ tổng tư lệnh tối cao lại không đồng ý với các ý kiến của Bộ tổng tham mưu và bộ tư lệnh phương diện quân. Các đồng chí giải thích rằng, đề nghị của chúng tôi gửi lên chưa cần nhắc kỹ tới việc các vấn đề sinh hoạt trong nội bộ nước Áo, kể cả Viên, phải do chính người Áo giải quyết. Nếu như ở thủ đô nước Áo lại chỉ có chính quyền quân sự của Liên Xô thì như vậy sẽ trái với chính sách của Liên Xô cũng như những lời tuyên bố của Chính phủ Liên Xô về vấn đề nước Áo. Hơn nữa, chính quyền quân sự không thể phát huy được tính chủ động của nhân dân nhằm khôi phục các điều kiện sinh hoạt bình thường của thành phố ở mức độ mà một tòa thị chính Áo có uy tín, nắm vững mọi chi tiết về các điều kiện ở địa phương mình, có thể đảm đương được. Đó cũng chính là thực chất chính sách của Liên Xô đối với nước Áo đã được giải phóng: phải phát huy được tính chủ động và bình thường hóa sinh hoạt của nhân dân.

Chính vì lẽ đó mà các thành viên của Chính phủ Liên Xô và của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao đã triệu tập phiên họp thường kỳ ở điện Crem-li chủ trương kiên quyết đề cử người Áo ra đảm nhiệm việc lãnh đạo Viên. Nhưng vì Tôn-bu-khin và cả C. Ren-ne lúc này đã bắt đầu thành lập Chính phủ lâm thời ở Áo, vẫn chưa đề cử người đứng ra làm thị trưởng thành phố Viên, nên Đại bản doanh có gửi cho Tôn-bu-khin bức điện sau: «Không thể để Viên không có thị trưởng. Cứ để cho những người có uy tín ở Áo thỏa thuận với nhau để đề cử người làm thị trưởng, còn đồng chí chỉ thông qua mà thôi». Vấn đề Viên tự quản và sự tham gia của chính

quyền Áo trong việc lựa chọn thị trưởng Viên đã được giải quyết như thế đấy. Một thời gian sau, tướng Áo Kéc-ne ra làm thị trưởng Viên. Các tầng lớp nhân dân Áo đều tán thành việc đề cử ông ta làm thị trưởng. Kéc-ne là đảng viên đảng xã hội-dân chủ và trước đây, ông không thừa nhận chính quyền độc tài của bọn Đức quốc xã. Ông ta công khai phát biểu ý kiến về điều đó, nên đã bị bọn Hít-le bắt giam. Trước khi bộ đội Liên Xô tiến vào giải phóng Viên, ông ta còn đang bị ngồi tù. Ngay khi ở trong tù, ông ta vẫn tỏ ra là người yêu nước Áo và chống phát-xít. Ông ta là người ưa hoạt động, không phải chỉ am hiểu lĩnh vực quân sự, mà am hiểu cả những vấn đề chính trị phức tạp khác. Ông ta có uy tín lớn ở Viên. Tướng A. V. Bla-gô-đa-tốp, tư lệnh quân quản thành phố Viên, sau này làm việc có quan hệ chặt chẽ với thị trưởng Viên, đã báo cáo về ông ta là «một con người có tiếng là trung thực».

Thượng tướng A. I. Se-bu-nin, phó của Tôn-bu-khin, phụ trách về hậu cần, đã cộng tác tích cực với thị trưởng Viên. Se-bu-nin là một đảng viên cộng sản lâu năm, đã trải qua trường đời và trường quân sự, là người tổ chức giỏi về công tác hậu cần, nên rất thích hợp với công tác ở Viên. Se-bu-nin giải quyết tốt việc cung cấp lương thực cho nhân dân Viên, còn Kéc-ne cũng là một nhà hoạt động kinh tế xuất sắc, nên đã tìm mọi cách giúp đỡ các bạn đồng nghiệp Liên Xô.

Trong thời kỳ đầu ở thành phố Viên được giải phóng, chúng ta đã xây dựng chế độ làm việc: các bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời Áo thường xuyên trao đổi với bộ tư lệnh và Hội đồng quân sự phương diện quân, để tìm mọi cách giải quyết tốt nhất các công việc khẩn cấp. Tất nhiên, những người Áo đưa ra nhiều đề nghị, và thông thường các đề nghị ấy đều có căn cứ và được thỏa mãn. Mọi công việc phục hồi được triển khai ở Viên và trong cả nước. Trong những năm chiến tranh những người xây dựng phải tạm gác nghề của mình, nay lại bắt tay vào công việc xây dựng. Ở Viên, đồng chí tư lệnh quân quản Liên Xô thường hay đến thăm các công trường xây dựng, nói chuyện với công nhân, giúp đỡ xe vận tải cho chính quyền địa phương, một số nơi còn được giúp cả sức lao động nữa.

Tướng Se-bu-nin còn phải giải quyết cả những vấn đề thật rắc rối. Nhưng, đồng chí là người am hiểu về lĩnh vực này, nên ít khi phạm phải thiếu sót. Song dẫu sao thì một đôi lần Kéc-ne cũng thấy ở Se-bu-nin có những thiếu sót. Đó là vấn đề cung cấp muối cho nhân dân thành phố. Se-bu-nin đã tính toán đủ số muối cần thiết cho nhân dân Viên và ra lệnh chở tới Viên. Nhưng ít lâu sau, Kéc-ne lại đề nghị xin thêm muối. Se-bu-nin băn khoăn hỏi lại thị trưởng Viên để tìm hiểu sự việc, và buộc phải thừa nhận thiếu sót của mình: hóa ra là đồng chí chưa tính đến số muối cần thiết cho việc làm bánh mì. Sự việc tuy nhỏ, nhưng nó chứng tỏ mối quan hệ thiết thực tốt đẹp giữa các đại biểu của Bộ chỉ huy Liên Xô với chính quyền Áo ở thành phố Viên vừa được giải phóng...

Bộ chỉ huy Liên Xô đã làm nhiều việc để khôi phục cuộc sống bình thường của nhân dân Áo đã được giải thoát khỏi ách thống trị phát-xít Hít-le. Để kết luận, tôi muốn nhấn mạnh một điều là tất cả những sự việc trên đã diễn ra khi mà những người dân Liên Xô phải chịu đựng thiếu thốn, sống bằng khẩu phần rất ít ỏi của mình, bởi vì các khu vực kinh tế ở phía Tây Liên Xô đã bị kẻ thù phá hoại nặng.

Việc bình thường hóa sinh hoạt của các nước đã được giải phóng khỏi bọn chiếm đóng Hít-le tiến hành đồng thời với việc chỉ đạo các hành động chiến đấu là một việc không đơn giản. Nó đòi hỏi những người có trách nhiệm phải thường xuyên ra sức giải quyết. Ph. I. Tôn-bu-khin, A. X. Giên-tốp và các cán bộ lãnh đạo khác của phương diện quân phải có một hệ thần kinh vững

vàng và phải hết sức chú ý để nắm vững những vấn đề rất tế nhị, phức tạp ở địa phương. Điều đặc biệt khó khăn là lúc đó Ph. I. Tôn-bu-khin không được khỏe. Hầu như mỗi lần Bộ tổng tham mưu báo cáo về tình hình ngoài mặt trận, khi nói đến phương diện quân U-crai-na 3, thì I. V. Xta-lin hoặc đồng chí nào đó trong Đại bản doanh lại ân cần hỏi thăm sức khỏe của đồng chí tư lệnh. Nhiều nguyên soái, tướng lĩnh khác của chúng ta, những người hồi đó phải gánh vác nhiều công việc quá sức mình, cũng đều bị yếu sức. Nhưng trong những năm chiến tranh, các đồng chí đó đều rất ít nghĩ tới bản thân mình.

Khi kết thúc chiến tranh, bộ đội phương diện quân U-crai-na 3 vẫn tiến hành chiến đấu trên lãnh thổ Áo, chống các đơn vị Hít-le còn trụ lại ở các vùng rừng núi phía Tây nước Áo. Tại đây có một cánh quân địch với khoảng 450.000 tên, về mặt quân số đứng hàng thứ hai sau cụm tập đoàn quân «Trung tâm». Trên các tuyến đó, giờ chiến thắng mong đợi bấy lâu nay đã đến với người chiến sĩ xô-viết. Song, đã có tới trên 26.000 chiến sĩ và sĩ quan Liên Xô không được sống tới ngày tươi sáng ấy, họ phải trả giá bằng sinh mạng của mình ngay trước ngày nước Áo hoàn toàn được giải phóng...

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

• Hướng thứ yếu

- Hướng thứ yếu nghĩa là thế nào.
- Phần Lan đề nghị và từ chối đình chiến.
- C. A. Mê-rét-xcốp tại phương diện quân Ca-rê-li-a.
- Những cuộc hội đàm không chính thức ở Mát-xcơ-va.
- Chúng ta chuẩn bị tiến công.
- Tiêu diệt.
- Những cuộc hội đàm chính thức.
- Giải phóng Da-pô-li-a-ri-ê và miền Bắc Na Uy.
- Đảo Bô-ri-khôm.

Những người làm công tác quân sự thường có khái niệm về hướng đột kích chủ yếu. Những nhiệm vụ chủ yếu của chiến tranh, chiến dịch hoặc chiến đấu đều được giải quyết ở đây; các lực lượng và phương tiện, hơn nữa lại là những thứ tốt nhất, đều được tập trung vào đây nhiều hơn, đồng thời đó cũng là hướng được đặc biệt chú ý đến. Bất kỳ người chiến sĩ, sĩ quan hoặc cán bộ chỉ huy nào cũng đều muốn chiến đấu trên hướng chủ yếu. Còn trên hướng thứ yếu, nhiệm vụ ít quan trọng hơn, lực lượng và phương tiện ít hơn, và cũng ít được chú ý hơn. Nhưng chiến đấu ở đây thật không dễ dàng, thậm chí còn có thể khó khăn hơn.

Sườn phía Bắc của mặt trận Xô-Đức, kéo dài gần 1.600 ki-lô-mét, lại chính là hướng thứ yếu đó. Vòng Cực vô hình chung chia vùng này ra làm hai phần không cân bằng và không giống nhau. Ca-rê-li-a là miền có những buổi bình minh êm ả, rừng cây cổ thụ và những hồ nước trong xanh. Còn Da-pô-li-a-ri-ê là miền đài nguyên, cao nguyên cằn cỗi, lởm chởm đá cùng với những đồi núi lạnh lùng, những hồ rộng và sông chảy xiết thông ra biển. Đêm dài thăm thẳm chuyển sang ngày dài đằng đẵng. Thiên nhiên khắc nghiệt, thậm chí đến mặt trời cũng không thể nung chảy được lớp băng vĩnh cửu. Nhưng bờ biển Muốc-man-xcơ, có dòng hải lưu nóng, lại nhộn nhịp suốt năm, đưa tàu đi và đón tàu về.

Hai miền láng giềng này không giống nhau, mỗi miền lại có những cửa cái phong phú riêng như: gỗ, cá, kim loại...

Bộ chỉ huy Hít-le đã tính toán đến tầm quan trọng về mặt kinh tế và ý nghĩa chiến lược to lớn của chiến trường này đối với đất nước chúng ta trong các kế hoạch chiến tranh của chúng. Chúng đã đánh giá đúng vai trò giao thông đường biển và đường sắt của chúng ta chạy tới Muốc-man-xcơ. Vì vậy, ngay khi mới bắt đầu chiến tranh, vào cuối tháng Bảy 1941, quân địch đã triển khai tiến công lớn trên mọi khu vực tại hướng này ở bên sườn phía Bắc mặt trận Xô - Đức.

Tập đoàn quân 20, gọi là tập đoàn quân Láp-lan-đi của Đức, được huấn luyện tác chiến đặc biệt trong các điều kiện phức tạp ở phía Bắc, đã tiến tới miền duyên hải không đóng băng của biển Ba-ren, tới Muốc-man-xcơ và Bê-lô-mô-ri-e. Các đơn vị Phần Lan tiến công dọc theo những con đường hẹp bất lợi ở Ca-rê-li-a. Quân địch vọt lên phía trước, hy vọng chiếm được

Da-pô-li-a-ri-ê và các đường sắt dẫn đến đó.

Ưu thế lực lượng trên khu vực đường bộ của mặt trận phía Bắc hồi đó thuộc về quân địch. Sau những trận đánh quyết liệt, mặc dù bị thiệt hại nặng, song, quân Đức và quân Phần Lan vẫn tiến được tới U-khơ-ta, Ru-gô-de-rơ, chiếm được Mét-ve-gie-gô-rơ-xcơ và Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ, vượt sông Xvia và xây dựng được căn cứ bàn đạp bên bờ Nam con sông này. Cuộc tiến công của địch đến tuyến này thì bị chặn lại. Từ đó cho mãi tới tháng Sáu 1944, tướng M. A. Cra-xcô-vét, chủ nhiệm hướng của phương diện quân ngày nào cũng xác định rằng tuyến tiền duyên của bộ đội Liên Xô ở đây hầu như không có gì thay đổi.

Mặt trận ổn định hoàn toàn không có nghĩa là cuộc sống thanh bình, êm ả. Ở Mặt trận Ca-rê-li-a cũng như ở khu vực của tập đoàn quân độc lập 7 giữa hai hồ Ô-ne-giơ và La-đô-ga, tại eo đất Ca-rê-li-a, nơi bộ đội của phương diện quân Lê-nin-grát đang phòng thủ thành phố trên sông Nê-va là Lê-nin-grát, thường xuyên xảy ra những trận đánh có ý nghĩa địa phương, những trận này luôn luôn gây căng thẳng cho quân địch, không cho chúng có thể rút bớt các lực lượng ở đây để sử dụng vào hướng chủ yếu.

Các tàu của Hạm đội Bắc ngày đêm rẽ sóng trên biển Ba-ren chuyên chở hàng của các nước đồng minh, bảo đảm phòng thủ các tuyến phía Bắc của đất nước về mặt đường biển và về mặt đường không bằng không quân. Các chi hạm đội của ta hoạt động trên hai hồ La-đô-ga và Ô-ne-giơ.

Khoảng không gian rộng lớn và không thuận lợi cho con người dường như đã ngốn vào đây biết bao nhân lực và khí tài. Các khái niệm tác chiến thông thường về mật độ bố trí bộ đội ngoài mặt trận, được tính bằng số lượng ki-lô-mét cho một sư đoàn và bằng số lượng xe tăng, pháo và súng cối trên một ki-lô-mét chính diện, được thể hiện bằng công thức trong đó con số ban đầu nhiều khi đã vượt quá 100, còn số lượng pháo và xe tăng trên một ki-lô-mét được tính bằng những con số đơn. Ví dụ, vào thời kỳ thuận lợi nhất, trên 1.600 ki-lô-mét chính diện cũng chỉ có tất cả 22 sư đoàn (mỗi sư đoàn trên 73 ki-lô-mét). Nhiều vùng hoang vắng khác chỉ có những chi đội độc lập và các đội tuần tiễu.

Xe tăng ở đây không có đất để triển khai, nên ít được sử dụng, trừ một số hướng địa hình cho phép cũng chỉ được sử dụng có hạn, nhưng lại phải bảo đảm khá phức tạp về kỹ thuật và công trình.

Việc phòng thủ ở sườn Bắc thực hiện theo nguyên tắc hoạt động trên một chính diện rộng. Phương diện quân Ca-rê-li-a có ít lực lượng và phương tiện, nên phải cố xoay xở lấy, thường đề nghị Đại bản doanh chi viện. Tổng tư lệnh tối cao gọi phương diện quân là «người lúc nào cũng hay xin». Đồng chí hiểu các điều kiện chiến đấu, thông cảm với tình hình của phương diện quân, nhưng không cho thêm quân. Vì còn phải nghĩ đến các hướng khác, hướng chủ yếu của chiến tranh.

Các đơn vị ở đây bố trí thành các ổ đề kháng trên từng hướng, thường không tiếp giáp được với nhau. Thông thường là tiểu đoàn, đại đội, có khi là trung đội, bị tách rời khỏi các đơn vị khác, chốt một thời gian dài ở những điểm cao, đường qua rừng, đầm lầy và núi hoặc những mục tiêu quan trọng khác. Các đơn vị trên lại hoạt động trong những điều kiện rét buốt của những ngày đông giá lạnh, trong những đêm trường Bắc Cực, tuyết phủ miền Ca-re-li-a và núi đá miền Bắc, đầm lầy, muỗi rừng rất độc. Các đơn vị này đã khéo léo dựa vào những khoảng đất

khô giữa các vũng lầy và các ghềnh chảy xiết để bắn và đánh giáp lá cà tiện hơn. Việc cung cấp cho bộ đội ở đây khó khăn và phức tạp hơn gấp bội so với các nơi khác.

Sau khi chắc chắn ngăn chặn được cuộc tiến công của địch ở sườn Bắc mặt trận Xô - Đức năm 1941, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu không chú ý nhiều lắm tới chiến trường này nữa. Mọi suy nghĩ của các đồng chí đều tập trung vào việc tiêu diệt quân địch trên các hướng chiến lược chủ yếu, nơi quyết định kết cục cuộc chiến tranh thế giới thứ hai và là trận địa then chốt để thọc vào hang ổ của con thú phát-xít. Chúng ta cần phải tiêu diệt quân đội Đức, lực lượng chủ yếu của chủ nghĩa phát-xít. Hồi đó, Đại bản doanh cho rằng Phần Lan cũng giống như những nước chư hầu khác của nước Đức phát-xít, khi cây đã bị lìa khỏi gốc, ắt là cành cũng bị héo khô.

Cuối năm 1943, không ai còn ngờ vực đến vấn đề bước ngoặt của chiến tranh nữa. Mọi tính toán nhằm giành lại quyền chủ động đã mất của bộ chỉ huy Hít-le bị sụp đổ tan tành ở Cuộc-xơ. Chiến lược tiến công của phát-xít Đức bị phá sản hoàn toàn.

Những thắng lợi của các Lực lượng vũ trang Liên Xô mở mắt cho các nhà chính trị và chỉ huy quân sự của nhiều nước về triển vọng sắp tới của chiến tranh. Các đồng minh của chúng ta hoạt động tích cực hơn, cho quân đổ bộ lên bán đảo A-pen-nin. Nước I-ta-li-a ở bên phía phát-xít Đức đã rút ra khỏi chiến tranh. Phong trào Kháng chiến phát triển rộng khắp ở nhiều nước châu Âu bị quân xâm lược phát-xít Đức chiếm đóng. Thời gian này, chủ yếu là các lực lượng của khối liên minh chống Hít-le giữ quyền chủ động tiến công trên đất liền và ở ngoài biển.

Hội nghị Tê-hê-ran của «Tam cường» (từ ngữ hồi đó chỉ Ph. Ru-dơ-ven, I. V. Xta-lin và U. Sớc-sin, đại biểu cho ba đại cường quốc đồng minh) đã thông qua những quyết định rất quan trọng về việc mở mặt trận thứ hai và các chiến dịch sau này.

Đầu năm 1944, Hồng quân gặp nhiều thuận lợi. Trong chiến cục mùa đông, Hồng quân đã phá vỡ tuyến phòng thủ của quân Hít-le ở Lê-nin-grát, ở Hũu ngạn U-crai-na và ở Crưm. Chiến thắng vẻ vang của các chiến sĩ sao đỏ không phải chỉ tự bản thân nó có ý nghĩa quan trọng, mà lần này, những chiến thắng ấy còn có ý nghĩa làm phá sản chiến lược phòng ngự của quân đội Hít-le trên mặt trận Xô-Đức và mở ra thời kỳ mới trong quá trình chiến tranh. Giờ đây mọi người biết suy nghĩ đều thấy rằng Liên Xô có thể đánh tan địch ngay trên lãnh thổ mình bằng những lực lượng của chính mình, giải phóng các dân tộc đang bị chiếm đóng ở châu Âu và hoàn toàn tiêu diệt nước Đức.

Thế nhưng, viễn cảnh đang làm nức lòng các dân tộc trên toàn thế giới ấy lại khiến các đồng minh của chúng ta và kẻ thù phải sợ hãi. Các giới cầm quyền Mỹ và Anh sợ mất uy tín về mặt tinh thần và chính trị nên buộc phải thực sự chuẩn bị mở mặt trận thứ hai.

Phe cánh của nước Đức phát-xít dần dần bị suy yếu nghiêm trọng thêm: Phần Lan dao động.

Bộ tổng tham mưu nhận thấy sự rối loạn trong hàng ngũ bọn tay sai Phần Lan của Hít-le hồi giữa tháng Hai 1944, khi phương diện quân Lê-nin-grát và Vôn-khốp đánh cho tập đoàn quân 18 của địch đại bại. Tập đoàn quân này vây hãm Lê-nin-grát từ năm 1941. Bộ đội Liên Xô giải phóng được Nốp-gô-rốt và Lu-ga. Các chiến sĩ của phương diện quân Lê-nin-grát tiến ra phía sông Nác-va, ở đây có thành phố cùng tên Nác-va là khâu phòng thủ mạnh của phát-xít Đức. Các chiến sĩ của phương diện quân Vôn-khốp, sau này là của phương diện quân Pri-ban-tích 3, đánh ra Pơ-xcốp và Ô-xtơ-rốp.

Chính phủ Phần Lan hiểu rằng, sau khi tiêu diệt các đơn vị phát-xít Đức ở Lê-nin-grát và Nốp-gô-rốt, Hồng quân sẽ tiến đánh Phần Lan. Phần Lan không đủ lực lượng để chống cự lại cuộc tấn công này, còn các đơn vị Hít-le thì bị thiệt hại nặng trên các hướng chủ yếu, nên cũng không thể chi viện nhiều được. Do đó, hồi giữa tháng Hai 1944, Phần Lan bắt đầu tìm cách tiếp xúc với A. M. Cô-lôn-tai, đại sứ của ta ở Thụy Điển. Mục đích của những buổi tiếp xúc này nhằm tìm cách rút ra khỏi chiến tranh và rút ra khỏi khối liên minh với Hít-le. Chính phủ Phần Lan cử I-u. C. Pa-a-xi-ki-vi, một nhà hoạt động nổi tiếng và có những quan điểm tiến bộ của Phần Lan, sang Thụy Điển. Là đại biểu của Phần Lan, ông ta có nhiệm vụ tìm hiểu các điều kiện đình chiến của Chính phủ Liên Xô.

Tuy vậy, các nhà cầm quyền ở Phần Lan vẫn nuôi hy vọng sẽ cứu vãn được tình thế, nên họ cử I-u. C. Pa-a-xi-ki-vi sang Thụy Điển còn nhằm mục đích trì hoãn thời gian bắt buộc phải đầu hàng sau này.

Cũng hồi đó, vào đầu tháng Hai, Đại bản doanh Liên Xô đã quyết định: khi phương diện quân Vôn-khốp tiến tới các con đường dẫn tới Pơ-xcốp và Ô-xtơ-rốp thì bộ đội của phương diện quân sẽ chuyển sang các phương diện quân Lê-nin-grát và Pri-ban-tích 2, còn bộ tham mưu và các cơ quan chỉ huy khác thì sang phương diện quân Ca-rê-li-a và sẽ chỉ huy phương diện quân này. Biện pháp đó là rất cần thiết. Bộ tham mưu của phương diện quân Vôn-khốp là một tập thể đoàn kết chặt chẽ, nắm vững các điều kiện chiến tranh ở phía Bắc, có kinh nghiệm lãnh đạo các chiến dịch tiến công lớn hơn là bộ tham mưu của phương diện quân Ca-rê-li-a trước đây.

Ngày 13 tháng Hai, phương diện quân Vôn-khốp được giải thể; tướng K. A. Mê-rét-xcốp, tư lệnh phương diện quân, được triệu tập về Đại bản doanh. I. V. Xta-lin đề nghị đồng chí làm tư lệnh phương diện quân Ca-rê-li-a. Sau cuộc nói chuyện, K. A. Mê-rét-xcốp tỏ ra cũng giống như mọi người khác, ai cũng đều mong ước được chiến đấu trên hướng đột kích chủ yếu. Tuy nhiên, khi hiểu ra, K. A. Mê-rét-xcốp đã đồng ý giữ cương vị này. Tổng tư lệnh tối cao trình bày ngắn gọn tình hình chính trị ở Phần Lan và nhận xét rằng, bản thân đồng chí không tin Phần Lan sẽ sớm rút khỏi chiến tranh. Xta-lin chỉ thị cho Mê-rét-xcốp cần sớm trở về phương diện quân và đặc biệt lưu ý tới vấn đề trinh sát địch. Đồng chí còn góp thêm một ý kiến riêng: Phần Lan bắt đầu đàm phán hòa bình, nên I. V. Xta-lin yêu cầu trước hết cần đánh vào các đơn vị của Hít-le.

Đi đôi với việc tiến hành các biện pháp tổ chức trên, chúng ta còn áp dụng một số biện pháp khác như: gây sức ép về tâm lý đối với Phần Lan, thúc họ bước vào đàm phán.

Khoảng nửa đêm ngày 14 tháng Hai, I. V. Xta-lin chỉ thị cho Bộ tổng tham mưu truyền lệnh cho tướng L. A. Gô-vô-rốp, tư lệnh phương diện quân Lê-nin-grát, phải chiếm được thành phố Nác-va trước ngày 17 tháng Hai. «Tình hình quân sự và chính trị đòi hỏi như vậy, — Xta-lin nhấn mạnh. — Hiện nay đó là vấn đề chủ yếu nhất. Tôi yêu cầu đồng chí tìm mọi biện pháp cần thiết để giải phóng Nác-va, không được chậm quá thời hạn quy định».

Nội dung bức điện đã nói rõ là giải phóng bờ Nam vịnh Phần Lan khỏi quân đội Đức sẽ tạo thêm nhân tố không thuận lợi đối với tình hình quân sự của Phần Lan. Và ta còn phải thấy rằng, bọn phát-xít Đức cũng hiểu rất rõ ý nghĩa của Nác-va nên chúng ngoan cố bám giữ lấy nó.

Các điều kiện đình chiến do phía Liên Xô đề ra cho Phần Lan là những điều kiện tối thiểu.

Nó quy định phải cắt đứt quan hệ với nước Đức và giam chân quân Đức ở lại Phần Lan. Nếu việc giam chân quân Đức trên lãnh thổ Phần Lan là một nhiệm vụ khó khăn đối với Phần Lan, thì Liên Xô sẽ giúp đỡ thực hiện vấn đề này. Một trong những yêu cầu của Liên Xô là quân đội Phần Lan phải rút về biên giới của mình đã được quy định năm 1940 và khôi phục lại đường biên giới ấy, phải trao trả ngay các tù binh của Liên Xô và tù binh của quân đội các nước đồng minh. Tất cả những vấn đề khác sẽ để lại giải quyết trong cuộc hội đàm ở Mát-xcơ-va.

Trong lúc đang tiến hành các cuộc đàm phán ngoại giao phức tạp, K. A. Mê-rét-xcốp, tiếp theo là bộ tham mưu của đồng chí, đến Bê-lô-mô-rơ-xcơ, nơi đặt sở chỉ huy của phương diện quân Ca-rê-li-a. Đồng chí tư lệnh mới là người rất cởi mở và ham hoạt động, đã bắt tay ngay vào việc một cách thoải mái. Thượng tướng V. A. Phơ-rô-lốp, trước đây là tư lệnh phương diện quân, vui vẻ làm phó cho Mê-rét-xcốp, nhanh chóng giới thiệu cho Mê-rét-xcốp nắm vững tình hình và những đặc điểm hoạt động của bộ đội.

Trung tướng T. Ph. Stur-cốp, một trong những cán bộ chính trị giàu kinh nghiệm nhất, làm ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân, mới đến phương diện quân này vừa một tháng rưỡi. Đồng chí cũng đang tìm hiểu tình hình và rất hăng hái đi cùng với đồng chí tư lệnh xuống các đơn vị để nắm tình hình. Trung tướng B. A. Pi-ga-rê-vích là người đã đứng tuổi, làm tham mưu trưởng phương diện quân. Đồng chí am hiểu công tác tham mưu, nhưng tiếc là chưa nắm vững kinh nghiệm tổ chức và chỉ huy các chiến dịch tiến công lớn trong điều kiện phức tạp như ở phương diện quân Ca-rê-li-a này. Về sau đồng chí phải bàn giao chức tham mưu trưởng phương diện quân cho tướng A. N. Cru-chi-cốp, một người giàu nghị lực hơn và có trình độ tốt về mọi mặt. Trước đó, Cru-chi-cốp đã chỉ huy thắng lợi tập đoàn quân độc lập 7 là tập đoàn quân thuộc biên chế của phương diện quân Ca-rê-li-a từ mùa xuân năm 1944.

Giữa K. A. Mê-rét-xcốp và các tư lệnh tập đoàn quân có những mối quan hệ tốt đẹp. Trung tướng V. I. Séc-ba-cốp chỉ huy tập đoàn quân 14 ở phía Bắc, trung tướng G. C. Cô-dơ-lốp chỉ huy tập đoàn quân 19; thiếu tướng L. X. Xcơ-vi-rơ-xki chỉ huy tập đoàn quân 26; trung tướng Ph. Đ. Gô-rê-len-cô chỉ huy tập đoàn quân 32 và từ tháng Chín 1944, trung tướng V. A. Glu-dơ-dốp-xki chỉ huy tập đoàn quân 7.

K. A. Mê-rét-xcốp còn tới cả Hạm đội Bắc là hạm đội hiệp đồng với phương diện quân tại những khu vực ven biển khá dài. Chỉ huy Hạm đội Bắc trong thời gian ấy là phó đô đốc Ấc-xê-nhi Gri-gô-ri-ê-vích Gô-lốp-cô, một người giàu năng khiếu, giàu lòng vị tha đối với những người xung quanh, thông minh và nhiệt tình. Tháng Bảy 1940, đồng chí được cử giữ chức tư lệnh Hạm đội Bắc. Khi 34 tuổi, đồng chí đã thành một cán bộ hải quân xuất sắc, biết đánh giá tình huống và ra những quyết định có căn cứ trong những giờ phút hiểm nghèo. Những ai đã từng chiến đấu và làm việc với đồng chí đều yêu mến và kính trọng đồng chí vì sự thông minh, lòng nhiệt tình và nhân từ của đồng chí.

Nghiên cứu mặt trận, K. A. Mê-rét-xcốp nhớ đến nhiệm vụ của Tổng tư lệnh tối cao trực tiếp giao cho về công tác trinh sát. I. V. Xta-lin không ưa báo cáo chậm trễ hoặc trì hoãn, mọi người cần phải nhớ đến điều đó. Tổng tư lệnh tối cao lại hay đặt những câu hỏi đột ngột, nên đây cũng là một việc thật khó khăn. Trong tháng Ba, hoạt động trinh sát của phương diện quân Ca-rê-li-a thu được những kết quả quan trọng. Các tù binh khai rằng, tập đoàn quân Láp-lan-đi của Đức gồm có quân đoàn «Na Uy», quân đoàn bộ binh 36 và quân đoàn miền núi 18 đã chuyển về hướng mới, hướng U-khơ-ta, do việc mở rộng dải phòng ngự của quân đoàn miền núi 18. Một

số sư đoàn Phần Lan được đưa về phía sau, có lẽ để làm lực lượng dự bị.

Công tác trinh sát được tăng cường, nên đã có thể phát hiện ra những chỗ yếu trong tuyến phòng thủ của địch, và có thể mở những mũi đột kích đánh trúng vào những nơi ấy. Ví dụ, ngày 20 tháng Ba, trung đoàn trưởng trung đoàn bộ binh 94 thuộc sư đoàn bộ binh 21 trên hướng Can-đa-lắc-sa, phát hiện thấy ở phía trước có chừng một tiểu đoàn Đức vừa mới xây dựng xong các công sự bằng tuyết. Trung đoàn trưởng quyết định tiêu diệt địch ngay khi chúng chưa kịp trụ bám vững chắc. Sư đoàn trưởng chuẩn y quyết định đó. Ngay trong ngày hôm ấy, trung đoàn đã mở mũi đột kích nhanh, mạnh vào tiểu đoàn này, bao vây và tiêu diệt chúng. Các tù binh khai rằng, tiểu đoàn được lấy từ lực lượng dự bị, có nhiệm vụ ngăn cản không cho quân Nga mở đường tiến vào hướng A-la-cuốc-ti.

Những tin tức trinh sát nhận được khiến chúng ta phải suy nghĩ. Quân địch rõ ràng đang chờ đợi và chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công của ta. Bọn Đức bảo hộ cho các nhà chính trị Phần Lan có lẽ không còn tin cậy vào họ như trước kia nữa. Sự kiện trung đoàn 94 tiêu diệt tiểu đoàn Đức nói trên đủ chứng minh cho vấn đề này. Có thể cho rằng Phần Lan chưa có ý định chấm dứt chiến tranh, nếu như các sư đoàn của họ rút về sau làm lực lượng dự bị.

Tuy nhiên, họ vẫn cử đoàn đại biểu gồm có I-u. Pa-a-xi-ki-vi, K. En-ke-li và Ô. En-ke-li tới đàm phán ở Mát-xcơ-va để tiếp nhận sự giải thích cụ thể của Liên Xô về các điều kiện đình chiến. V. M. Mô-lô-tốp tiến hành các cuộc hội đàm. Ngày hôm trước, đồng chí triệu tập tôi đến, thông báo cho biết tôi sẽ dự các cuộc hội đàm ấy và cần chuẩn bị đầy đủ để sáng mai, lúc 10 giờ sẽ tới văn phòng của đồng chí, không mặc quân phục.

Mọi việc có thể tốt đẹp, vì tôi đã nhớ kỹ tình hình của cả hai bên ngoài mặt trận, nắm được đầy đủ một số vấn đề quân sự có thể có liên quan tới quá trình công tác. Nhưng có một điều là... tôi không có quần áo thường phục! Bạn đọc ngày nay chắc hẳn ngạc nhiên lắm, nhưng quả thật hồi trước chiến tranh chúng tôi không nghĩ tới loại quần áo ấy, vì ngoài công tác, chúng tôi cũng không mặc thường phục. Hồi trẻ, ngay cả khi đi xem hát chúng tôi cũng đeo súng lục và gươm bên hông và rất lấy làm hãnh diện. Cố nhiên, trong thời gian chiến tranh mà nghĩ đến bộ thường phục thì thật là một điều đại bất kính. Nhưng bây giờ, lại cần đến nó... Đồng chí bộ trưởng Bộ dân ủy ngoại giao giúp đỡ tôi, ra lệnh phải gấp rút may cho tôi một bộ thường phục màu đen. Thế là một người đàn ông chừng chạc đến chỗ tôi với dáng điệu một ông phù thủy, ông ta đo người tôi từ đầu đến chân, và chỉ trong một đêm, bộ quần áo đã được may xong, và tôi không cần phải thử...

Phía Phần Lan nhận được những điều giải thích chi tiết về các điều kiện đình chiến. Cuối tháng Ba, phái đoàn Phần Lan trở về nước. Nhưng ngày tháng trôi qua, tin tức trả lời vẫn bặt tăm...

Sau khi tìm hiểu bộ đội và cơ quan tham mưu của phương diện quân Ca-rê-li-a, K. A. Mê-rét-xcốp thấy cần phải huấn luyện thêm các phương pháp hiện đại về tiến hành tác chiến và chiến đấu tiến công.

Bộ tổng tham mưu rất lo lắng đến các cơ quan chỉ huy bộ đội, vì vấn đề chỉ đạo tiến công vững chắc và liên tục trên một chính diện rộng trong điều kiện ở Da-pô-î-a-ri-ê hoặc ở Ca-rê-li-a là một vấn đề rất khó khăn. Khi K. A. Mê-rét-xcốp tới Mát-xcơ-va, chúng tôi nói thẳng cho

đồng chí biết điều đó. Mê-rét-xcốp cũng nhớ điều đó và trong tháng Tư năm 1944, phương diện quân đã triển khai rộng rãi việc huấn luyện tiến hành tiến công cho bộ đội. Tất cả mọi người đều tham gia — từ người chiến sĩ đến cán bộ chỉ huy các cấp, bắt đầu từ cấp trung đội và kết thúc ở khâu toàn thể phương diện quân.

Chúng ta có thể nói nhiều lời tốt đẹp về K. A. Mê-rét-xcốp và các bạn chiến đấu của đồng chí, những người đã tỏ ra rất kiên trì trong công tác huấn luyện bộ đội. Tổ chức huấn luyện như vậy trong lúc bấy giờ là một công việc khá phức tạp và khó khăn, nhưng tiết kiệm cho chúng ta được nhiều xương máu trong các trận đánh sau này. Ngày 19 tháng Tư, chính phủ Phần Lan trả lời không thể tiếp nhận các điều kiện đình chiến do Liên Xô đưa ra. Các phần tử phản động trong chính phủ lên nắm quyền bính ở Phần Lan — Ri-u-ti, Ta-ne và những tên đầu sỏ khác cầu cứu các đại biểu của nước Đức phát-xít.

Do chính phủ Phần Lan từ chối các điều kiện đình chiến, nên Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu buộc phải xem xét lại vấn đề, trước hết là nên tiêu diệt quân Đức hay quân Phần Lan. Trong lần báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh về các mặt trận, khi đề cập tới vấn đề này, A. I. An-tô-nốp nói rằng: bây giờ sau khi Phần Lan đã từ chối các điều kiện đình chiến, có lẽ nên bắt đầu tiến công vào quân đội Phần Lan là quân đội yếu hơn, chứ không nên bắt đầu tiến công vào quân phát-xít Đức. Tổng tư lệnh tối cao đồng ý với ý kiến đó. Song, đồng chí chỉ thị nên tạo ra tình huống khiến quân địch cho rằng, bộ chỉ huy Liên Xô đang theo đuổi mục đích đánh chiếm khu vực Pét-xa-mô. Hành động như vậy, theo ý kiến I. V. Xta-lin, có thể làm cho Phần Lan mất cảnh giác, không chuẩn bị tích cực đối phó lại các đòn tiến công của bộ đội Liên Xô ở khu vực Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ và ở Lê-nin-grát.

Bộ tổng tham mưu vạch ra kế hoạch khá đơn giản để đánh lạc hướng địch. Kế hoạch ấy dự định biểu dương lực lượng chuẩn bị tiến công của bộ đội Liên Xô tại khu vực Pét-xa-mô, kết hợp với Hạm đội Bắc cho quân đổ bộ lên khu vực bờ biển tiếp giáp với Na Uy. Ngày 20 tháng Tư, mọi chỉ thị cần thiết nhằm đánh lạc hướng địch đã gửi cho tư lệnh phương diện quân Ca-rê-li-a và Hạm đội Bắc. Còn trong thực tế, mọi ý định của ta lại nhằm đánh vào khu vực ở sườn phía Bắc của phương diện quân, nơi đóng quân của Phần Lan.

Ri-u-ti, Ta-ne và đồng bọn, những chính khách phản động của Phần Lan, không chịu tiếp nhận các điều kiện nhân đạo đình chiến của Liên Xô, phải chịu trách nhiệm trước sinh mạng hàng ngàn binh sĩ Phần Lan và Liên Xô đã hy sinh trong các trận đánh vào mùa hè năm 1944.

Tư tưởng kiên quyết tiến công tiêu diệt địch là cơ sở của ý đồ các chiến dịch ở sườn phía Bắc mặt trận Xô - Đức. Ngày 20 tháng Tư, các mũi đột kích đầu tiên của bộ đội Liên Xô phải giáng vào quân đội Phần Lan. Bộ tổng tham mưu cho rằng quân đội Phần Lan được trang bị và huấn luyện kém hơn quân Đức nên sẽ sớm bị thất bại.

Theo tính toán của chúng ta, sau khi tiêu diệt quân đội Phần Lan, tập đoàn quân miền núi 20 của Đức đóng ở Da-pô-li-a-ri-ê sẽ bị suy yếu nặng. Sườn phía Nam khu vực phòng thủ của quân Đức sẽ bị sơ hở tạo nên nhiều khả năng cho bộ đội ta mở những mũi đột kích tiếp sau. Tình hình đó sẽ mở ra triển vọng cô lập các lực lượng chủ yếu của địch, cắt đường rút quân của chúng tới những bến cảng ở phía Tây Phần Lan và rút sâu vào lãnh thổ Na Uy.

Thứ tự hành động như vậy xuất phát từ tình hình diễn biến trong thời gian ấy. Các trung tâm quan trọng chủ yếu của Phần Lan có thể bị trực tiếp uy hiếp, vì khoảng cách tới đây cũng

chẳng còn bao xa. Các lực lượng chủ yếu của quân Phần Lan đóng giữ tại đây. Tiêu diệt được các lực lượng này sẽ dẫn tới chỗ làm sụp đổ toàn bộ hệ thống phòng thủ của Phần Lan. Hai phương diện quân Lê-nin-grát và Ca-rê-li-a, Hạm đội Ban-tích và các chi hạm đội cùng với số lớn không quân sẽ tham gia các chiến dịch tiến công này.

Thật vậy, các công sự của địch ở đây rất quan trọng. Đó là những công trình kiên cố của phòng tuyến Man-néc-hem khét tiếng trên eo đất Ca-rê-li-a và nhiều chướng ngại đủ loại được xây dựng rất khéo léo. Ở cả khu vực Xvia cũng có những công sự mạnh. Bộ đội chúng ta phải đột phá vào phòng tuyến ấy, nhưng trong tay Bộ chỉ huy Liên Xô cũng đã có đầy đủ các lực lượng và phương tiện.

Cuối cùng, Đại bản doanh quyết định như sau: phương diện quân Lê-nin-grát hiệp đồng với Hạm đội Ban-tích và không quân hoạt động tầm xa sẽ mở chiến dịch trên eo đất Ca-rê-li-a, còn phương diện quân Ca-rê-li-a được phối thuộc thêm chi hạm đội trên các hồ sẽ tiến công ở khu vực Xvia - Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ.

Phương diện quân Lê-nin-grát sẽ giáng đòn đột kích đầu tiên vào các lực lượng chủ yếu của địch. Nhiệm vụ của phương diện quân là đột phá tuyến phòng thủ của Phần Lan trên hướng Vư-boóc-gơ và tạo ra sự uy hiếp của quân đội Liên Xô thọc sâu vào nội địa Phần Lan tới các trung tâm kinh tế, chính trị chủ yếu, kể cả thủ đô Hen-xin-ki. Phương diện quân sẽ sử dụng một bộ phận lực lượng trên hướng thứ yếu tiến ra Xoóc-ta-va-la và dọc theo bờ Bắc hồ La-đô-ga tiến vào phía sau quân địch đang phòng ngự ở Ca-rê-li-a. Để tiến hành chiến dịch, tập đoàn quân 21, lấy từ lực lượng dự bị của Đại bản doanh, (từ cuối tháng Tư, tư lệnh tập đoàn quân là thượng tướng Đ. N. Gu-xép, cựu tham mưu trưởng phương diện quân Lê-nin-grát) được chuyển sang phương diện quân Lê-nin-grát.

Thấy bộ đội Liên Xô ở phía sau, quân Phần Lan đối diện với phương diện quân Ca-rê-li-a rất khó mà yên lòng được. Đến lúc ấy, cuộc tiến công của bộ đội K. A. Mê-rét-xcốp phải bắt đầu.

Đến lượt mình, kế hoạch chiến dịch của phương diện quân Ca-rê-li-a dự định sẽ mở mũi đột kích chủ yếu vào khu vực Xvia. Theo tính toán của chúng tôi, tập đoàn quân 7 cùng với số lớn phương tiện tăng cường tập trung ở đây, cho phép vượt sông Xvia đầy nước trong hành tiến. Đòn đột phá ở phía Bắc dọc theo bờ Đông hồ La-đô-ga sẽ bảo đảm tình hình có lợi ở bên sườn của khu vực Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ cho bộ đội Liên Xô tiến công ở đây, để sau này có thể tiến vào sau lưng quân Phần Lan. Các ý kiến nêu lên được cân nhắc cẩn thận, kế hoạch được xây dựng trong suốt tháng Tư và sang đến tháng Năm, có các tư lệnh phương diện quân cùng tham gia.

Cuối tháng Ba năm 1944, khi Bộ tổng tham mưu triển khai công tác xây dựng kế hoạch các chiến dịch ở sườn phía Bắc mặt trận Xô - Đức, thì ở Mát-xcơ-va đang là những ngày xuân đẹp trời. Song đối với chúng tôi, những cán bộ trong Bộ tổng tham mưu, thời gian ấy phải nói là khá nóng bức. Hồi đó, các phương diện quân U-crai-na 1 và 2 đang tiêu diệt hai cụm tập đoàn quân địch «Bắc U-crai-na» và «Nam» ở hữu ngạn sông Đni-ép-rơ và đuổi chúng chạy sang bên kia sông Prút và Xê-rét. Phương diện quân U-crai-na 3 tiến ra Ô-đét-xa. Công việc ngập đến tận cổ, thật thà mà nói, chúng tôi không được hít thở đầy lồng ngực mình cái không khí trong lành mùa xuân ấy. Tôi còn được may mắn hơn các đồng chí khác, vì hàng ngày còn được ngồi xe với A. I. An-tô-nốp đi báo cáo ở điện Crem-li, hoặc xa hơn chút nữa, tới biệt thự «gần thành phố»

của I. V. Xta-lin ở Cun-xê-vô.

Cũng có lần tôi đi báo cáo một mình ở chỗ Tổng tư lệnh tối cao, vì I. V. Xta-lin thường hay hỏi tình hình một chiến dịch nào đó, hoặc yêu cầu thay gấp tấm bản đồ theo dõi tình hình các mặt trận đặt trên bàn của đồng chí. Cuối tháng Ba này cũng đã có hôm như vậy. A. I. An-tô-nốp truyền lệnh của I. V. Xta-lin yêu cầu tôi ba tiếng đồng hồ sau có mặt ở biệt thự «gần thành phố» của Xta-lin, đồng chí nói thêm: «Chủ nhân muốn xem lại lần nữa bản đồ ý đồ các chiến dịch ở sườn phía Bắc, anh nhớ mang theo những bản đồ ấy». Tôi thu thập các tài liệu cần thiết, chăm chú xem lại và đến giờ đã định lên xe tới Cun-xê-vô. Dọc đường đi, tôi nghĩ lại một lần nữa về các ý định của Bộ tổng tham mưu đã được Tổng tư lệnh tối cao tán thành về cơ bản.

...Ở bên trái con đường cái Min-xcơ xe chạy ồn ào suốt ngày, là con đường rải nhựa không rộng lắm, dẫn tới biệt thự của I. V. Xta-lin. Đường đi vòng gấp khúc, lúc đầu qua khoảnh bìa rừng, rồi tới cây hỗn hợp êm ả, cuối cùng tới hàng giậu bằng gỗ sơn xanh có cổng ra vào rộng cũng bằng gỗ sơn xanh. Qua cổng lại đến rừng cây. Bên phải là những hàng cây thông to, bên trái là rừng bạch dương mềm mại, phía sau lại là hàng thông. Những cây vân sam trải bóng râm ở đôi nơi. Suốt chặng đường dài vòng vèo cho tới lối vào biệt thự của I. V. Xta-lin, không ai thấy vệ binh đứng gác. Ngay tại biệt thự của đồng chí cũng không thấy vệ binh. Chỉ có một vọng gác ở ngoài cổng, còn ở trong rừng vây quanh biệt thự thì việc bảo vệ được tiến hành rất khéo léo và kín đáo.

Xe đi trong khu biệt thự, tôi say mê ngắm nhìn cảnh đẹp thiên nhiên thanh bình ở ngoại ô Mát-xcơ-va này. Nưng đoạn đường đi quá ngắn, thành thử những khoái cảm nhẹ nhàng cũng không được bao lâu.

Ngôi nhà biệt thự hai tầng không cao lắm, với mái đôi, ẩn kín trong rừng cây. Khi xe lượn vòng vượt ra khỏi rừng cây tới cổng chính thì thấy ngay biệt thự, cũng màu xanh. Ở đây có chiếc bể đá nho nhỏ trên đặt đài phun nước vào mùa hè. Còn xung quanh vẫn là rừng thông...

Tôi xuống xe và xách cặp đựng bản đồ bước vào nhà. Đồng chí đội trưởng cảnh vệ gặp tôi ở ngưỡng cửa, vì biết mặt tôi nên mời tôi cởi áo khoác ngoài.

...Bước qua ngưỡng cửa, đi qua hiên vào gian phòng ngoài. Khách có thể cởi áo khoác, chỉnh đốn trang phục và chuẩn bị những gì cần cho cuộc nói chuyện sắp tới. Ở bên phải, những mắc áo bằng gỗ và chùng vải chực móc treo áo mạ đặt sát bên tường. Một chiếc gương to, bộ bàn chải quần áo và chải giày dành cho khách. Nền nhà trải thảm len, đường vân hoa sặc sỡ nhiều màu. Điểm đầu tiên đập vào mắt những ai bước chân vào đây là hai tấm bản đồ lớn căng trên tường: một tấm bản đồ giới tuyến các mặt trận, tấm bản đồ thứ hai đánh dấu những công trình vĩ đại của chủ nghĩa xã hội. Từ gian phòng ngoài này, khách không cần báo trước có thể đến thẳng chỗ làm việc của Xta-lin.

Có ba cửa lớn đi vào trong, cửa chính giữa vào phòng ăn, qua phòng ăn bên trái là phòng ngủ của I. V. Xta-lin. Bên phải phòng ăn là hành lang dài, không rộng lắm, phía bên phải hành lang có hai phòng ở. Một phòng trước đây là phòng cho trẻ con, sau thiết bị lại thành phòng làm việc của I. V. Xta-lin. Phòng thứ hai kích thước cũng rộng như thế nhưng hơi tối hơn, để khách nghỉ lại. Phía bên kia hành lang là mái hiên không có tường vây chạy dài theo hành lang. Ngoài hành lang không bày biện đồ đạc gì hết ngoài chiếc mắc áo xách tay dành cho khách, có thể đem ra đặt ở phòng ngoài những hôm đông khách, không đủ mắc áo treo. Một ghế đi-văng

thấp và rộng, kê ở ngoài hiên.

I. V. Xta-lin thường làm việc trong gian phòng lớn và sáng ở bên trái gian phòng ngoài. Ở đây kê một cái bàn to rộng, thuận tiện cho việc trải những tấm bản đồ quân sự, một ghế đi-văng giống như trong các gian phòng khác.

Đọc theo bức tường ngăn của biệt thự là hàng hiên, nền trải thảm rộng, kê chiếc ghế đi-văng rộng, màu xanh xám dịu mát. Ở một góc hiên, bên trái lối ra vào có cái xéng, cán bằng gỗ nhẵn bóng và một chiếc tủ con đựng các dụng cụ làm vườn của I. V. Xta-lin. Đồng chí thích chăm sóc những cây hoa hồng, cây táo trồng ở ven ao, chanh và cả... dưa hấu.

Phòng ăn to, rộng, dùng làm nơi đón tiếp long trọng. Từ phòng ngoài có thể đi thẳng vào phòng ăn. Ở đây cũng không thấy trang trí gì hơn. Giữa hai cửa sổ treo hai bức chân dung lớn của V. I. Lê-nin và A. M. Goóc-ki.

Ở giữa kê một chiếc bàn rộng, nhẵn bóng, dài đến ba phần tư gian phòng. Gần cửa ra vào đặt chiếc dương cầm nhỏ bằng gỗ đỏ. Như bạn đọc đã biết, năm 1945 ở cạnh chiếc dương cầm có đặt chiếc máy quay đĩa tự động, quà tặng của nhân dân Mỹ. Trong phòng còn đặt thêm hai ghế đi-văng: ghế nhỏ có gương soi ở lưng tựa, ghế lớn cũng một kiểu và đồng màu với các đi-văng trong biệt thự này. Ngày 5 tháng Ba 1953, I. V. Xta-lin đã trút hơi thở cuối cùng trên chiếc ghế đi-văng này, trong phòng ăn của mình.

Chủ nhân thường ít lên gác. Trên đó có hai phòng rộng rãi và sáng sủa. Một phòng dùng làm nơi tiếp khách và một phòng làm buồng ngủ. Tháng Tám 1942, U. Sốc-sin đã nghỉ lại trong các phòng ấy lần đầu tiên đến thăm Mát-xcơ-va. Trong cuốn hồi ký của mình, ông ta gọi ngôi nhà riêng này là ngôi nhà quốc gia số 7 và rất vừa lòng khi nhớ lại những ngày lưu lại nơi đây.

Trong biệt thự còn có một nhà bếp rộng. Có lẽ, nếu nhà bếp ấy không nói lên những đặc điểm sinh hoạt và thói quen của chủ nhân thì ta cũng chẳng cần phải nhắc đến. Ngoài cái lò thông thường dùng để nấu các món ăn đơn giản và bổ, trong bếp còn có cái lò đặc biệt để nướng chả. Điều đáng chú ý nhất là chiếc bếp lò to nướng bánh mì của người Nga, xây ở phía sau tấm vách ngăn. Ngoài ra, theo các anh em làm việc ở đây kể lại thì, những khi đau lưng, I. V. Xta-lin thường vào bếp, cởi quần áo, đặt tấm ván rộng lên trên những viên gạch nóng, vừa rên khừ khừ, vừa trèo lên tấm ván ấy để «chữa bệnh».

...Phòng ngoài vắng vẻ. Xung quanh yên lặng. Tôi mở cửa vào phòng ăn. Không có ai... Tôi dừng lại, lên tiếng để người trong nhà biết. Song, vẫn không thấy có ai... Lẽ nào mình được trực tiếp đến báo cáo lại như thế này. Vì chưa có trường hợp nào I. V. Xta-lin triệu tập đến mà lại không tiếp.

Bổng của phía bên phải trông ra hành lang mở ra, xuất hiện một người mặc áo da lông cừu cổ đứng trùm khắp người. Mũi đôi ủng đen khâu bằng nỉ thấp thoáng dưới vạt áo.

Hương cây cỏ còn thấm đượm trên áo, người ấy dập dập cánh tay áo, và vọng lên tiếng nói của I. V. Xta-lin: «Chờ một lát đồng chí Stê-men-cô nhé, đồng chí cứ vào phòng làm việc, tôi sẽ đến ngay...»

Bây giờ thì mọi sự đã rõ: những ngày mùa đông, Xta-lin có thói quen nghỉ ở ngoài hiên. Đồng chí nằm ở đấy chân đi ủng da, đầu đội mũ lông, quần mình trong áo lông cừu rộng. Té ra là tôi đã đến đúng lúc ấy.

Một lát sau, Tổng tư lệnh tối cao mặc bộ quân phục thường ngày màu xám, đi ủng mềm, tay vẫn cầm tẩu thuốc nghe tôi báo cáo. Nhìn vào bản đồ, đồng chí nêu ra một số câu hỏi về các điều kiện cơ động của bộ đội và các phương tiện vật chất ở bên sườn Bắc của mặt trận Xô - Đức. Tôi trả lời, đồng thời cũng không quên rằng I. V. Xta-lin nắm rất vững chiến trường này, từ khi xảy ra chiến tranh Liên Xô-Phản Lan.

Tổng tư lệnh tối cao chăm chú nghe, không ngắt lời sau đó đi lại trong phòng, phát biểu những ý kiến của mình về trình tự các chiến dịch của bộ đội Liên Xô. Tôi ghi vào sổ công tác nội dung những ý kiến của đồng chí, chủ yếu là nếu phương diện quân Lê-nin-grát tiến hành đồng loạt một số chiến dịch trên eo đất Ca-rê-li-a, thì phương diện quân Ca-rê-li-a phải tiến hành trên địa bàn rộng lớn ở phía Bắc hai chiến dịch theo thứ tự trước sau, chiến dịch đầu đánh quân Phần Lan và chiến dịch sau đánh quân phát-xít Đức.

I. V. Xta-lin đi đến bên lò sưởi, ném mấy thanh củi vào lò sưởi lửa sắp tắt. Sau đó, đồng chí nói: trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta cũng không được làm suy yếu khu vực phía Bắc của phương diện quân Ca-rê-li-a chống lại tập đoàn quân Láp-lan-đi 20 của Đức. Bộ đội ta ở đây phải sẵn sàng chiến đấu tiến công được ngay, không cho địch rút quân xuống phía Nam. Trong giai đoạn chiến tranh hiện nay, Bộ tổng tư lệnh tối cao có thể dự trữ được các lực lượng như vậy. Chúng ta có thể tập trung bộ đội và các phương tiện vật chất cần thiết để giành thắng lợi trong chiến dịch đánh quân Phần Lan bằng những cách khác. Thế nhưng, cần chú ý là với điều kiện địa hình phía Bắc không có đường sá này thì bất cứ một sự cơ động nào cũng gặp khó khăn. Đồng thời quân Phần Lan hiện nay không còn giống như trước kia, chúng đã bị thiệt hại về mọi mặt và đang tìm kiếm hòa bình.

Tôi nhớ tới sự kiện này vì sau đó, khi soạn thảo kế hoạch các chiến dịch của phương diện quân Ca-rê-li-a, chúng tôi đều phải chú ý tới các ý kiến của Tổng tư lệnh tối cao. Đồng chí nhắc lại những ý kiến ấy với K. A. Mê-rét-xcốp hồi cuối tháng Năm 1944, khi Mê-rét-xcốp được triệu tập về họp ở Đại bản doanh. K. A. Mê-rét-xcốp được lệnh là trong bất cứ trường hợp nào cũng không được làm suy yếu các lực lượng đang ở trước mặt quân Đức, cần nhớ rằng, bất cứ lúc nào lực lượng này cũng có thể được sử dụng để tiêu diệt quân địch đang bố trí đối diện.

— Còn Bộ tổng tham mưu, — Tổng tư lệnh tối cao nói, — phải nhắc đồng chí Mê-rét-xcốp yêu cầu đó của tôi và chú ý theo dõi việc thực hiện yêu cầu đó.

Bây giờ, chúng ta cũng đang tiến hành việc lập kế hoạch chiến dịch cho phương diện quân Lê-nin-grát là phương diện quân sẽ chuyển sang tiến công trước tiên. Lúc bắt đầu tiến công quân Phần Lan, quân số của phương diện quân có nhiều thay đổi lớn. Như đã nói ở trên, sau khi giải thể phương diện quân Vôn-khốp, nhiều tập đoàn quân được chuyển cho L. A. Gô-vô-rốp. Do đó dải tiến công của phương diện quân Lê-nin-grát tăng lên nhiều, các tập đoàn quân bên sườn trái trên hướng Pơ-xcốp - Ô-xtơ-rốp có nhiệm vụ đột phá vào phòng tuyến của địch. Thế nhưng, đột phá không thu được thắng lợi. Ngày 15 tháng Tư 1944, tư lệnh phương diện quân Lê-nin-grát vốn trực tính đã báo cáo thẳng tình hình đó lên Đại bản doanh, nói rõ sở dĩ chiến dịch không thu được thắng lợi vì thiếu lực lượng và phương tiện. Đại bản doanh thấy cần thiết phải phân chia phương diện quân Lê-nin-grát, rút các tập đoàn quân 42, 67 và 54 thành lập ra phương diện quân Pri-ban-tích độc lập 3 do thượng tướng I. I. Ma-xlen-ni-cốp chỉ huy.

Như vậy là L. A. Gô-vô-rốp và bộ tham mưu của phương diện quân, kể từ ngày 28 tháng Tư do tướng M. M. Pô-pốp làm tham mưu trưởng, có thể hoàn toàn tập trung vào các chiến dịch đánh quân Phần Lan. Chúng ta cần nói rõ thêm là những cuộc tiến công ở Nác-va hồi đó vẫn chưa giải phóng được thành phố.

Tháng Năm, tại cơ quan tham mưu phương diện quân Lê-nin-grát, công tác rất khẩn trương. Các đồng chí tiến hành chuẩn xác lại các kế hoạch hành động, phối hợp với hạm đội, tập trung bộ đội và các phương tiện vật chất. Đồng chí tư lệnh đến Mát-xcơ-va, Đại bản doanh đã xem xét phê chuẩn kế hoạch chiến dịch. Nhờ đức tính kiên quyết, thận trọng của L. A. Gô-vô-rốp và tính chủ động của M. M. Pô-pốp, người tham mưu trưởng mới của phương diện quân rất thông thạo tình hình ở khu vực mở các chiến dịch, nên mọi hoạt động của phương diện quân tiến hành rất thuận lợi.

Đầu tháng Sáu, Đại bản doanh phê chuẩn cả kế hoạch chiến dịch của phương diện quân Ca-rê-li-a. Tôi không được tham dự buổi họp thông qua này, vì được lệnh đi công tác tại phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, để kiểm tra việc chuẩn bị chiến dịch chủ yếu trong năm 1944 ở Bê-lô-ru-xi-a. Ngày 10 tháng Sáu, đạn pháo đã nổ trên eo đất Ca-rê-li-a, báo hiệu phương diện quân Lê-nin-grát bắt đầu tiến công.

Điều kiện địa lý phức tạp trên eo đất Ca-rê-li-a và ba dải phòng ngự mạnh gồm nhiều trận địa của địch, đã làm hạn chế nghiêm trọng khả năng cơ động lực lượng và phương tiện của phương diện quân Lê-nin-grát trong quá trình tiến công. Do đó, ý đồ chiến dịch dự định mở mũi đột kích chính diện nhằm đột phá tuyến phòng thủ của địch ở bên sườn ven biển, có sự hiệp đồng chặt chẽ giữa bộ binh với Hạm đội Ban-tích trong suốt quá trình tiến công. Phương diện quân bố trí đội hình thành những thê đội có chiều sâu và nhiều đội dự bị lớn để phát triển chiến dịch vào tung thâm, quy định đến ngày thứ chín hoặc thứ mười của chiến dịch sẽ chiếm Vư-boóc-gơ.

Trong chiến dịch này, phương diện quân Lê-nin-grát đang tiến công có ưu thế lực lượng và phương tiện hơn hẳn địch đang phòng ngự. So sánh lực lượng chung có lợi cho chúng ta: bộ binh gấp hai lần, pháo binh và xe tăng gấp sáu lần, không quân gấp ba lần. Trong dải của tập đoàn quân 21 — là đơn vị sẽ mở mũi đột kích chủ yếu — tập trung phần lớn bộ đội và các khí tài chiến đấu ở trên eo đất Ca-rê-li-a. Ngoài ra, còn có cả tập đoàn quân 23 cũng tiến công ở đây. Khu vực đột phá rộng tới 12 ki-lô-mét rưỡi, so sánh lực lượng cũng hơn hẳn, nhất là về pháo binh.

Chiến dịch của phương diện quân Lê-nin-grát đã diễn ra theo kế hoạch, duy có điều là bộ đội và các cơ quan tham mưu phải hoạt động rất căng thẳng. Các chiến sĩ tỏ ra rất anh dũng và mưu trí, đến 19 giờ ngày 20 tháng Sáu thì chiếm được thành phố Nga cổ kính Vư-boóc-gơ, đúng như kế hoạch đã định. Cũng trong ngày hôm ấy, tập đoàn quân 23 thuộc phương diện quân Lê-nin-grát tiến công ở nửa phần phía Đông bán đảo Ca-rê-li-a, tiến đến hệ thống dẫn nước ở Vuốc-xa. Các tập đoàn quân của ta sắp đột nhập vào lãnh thổ Phần Lan ở phía sau Vư-boóc-gơ và theo bờ Tây hồ La-đô-ga tiến vào sau lưng địch đang phòng ngự ở Ca-rê-li-a.

Quân địch tìm mọi cách ngăn chặn cuộc tiến công của phương diện quân Lê-nin-grát, cố thủ từng trận địa, từng công sự. Thế nhưng tuyến phòng thủ của địch rốt cuộc vẫn cứ bị phá vỡ. Cuộc tiến công của bộ đội Liên Xô phát triển đến ngày thứ 9 thì bộ chỉ huy quân đội Phần Lan

buộc phải báo cáo với chính phủ của họ về mối tai họa chiến tranh đang uy hiếp vận mệnh đất nước họ. Chính phủ ủy nhiệm cho tướng Kha-in-rích, tổng tham mưu trưởng, gấp rút đi cầu cứu Hít-le gửi ngay cho 6 sư đoàn Đức. Hít-le hứa sẽ chi viện, song đưa ra yêu cầu phải tăng cường sự kháng cự ở Vuốc-xa. Phần Lan buộc phải vơ vét lực lượng dự bị ở khắp mọi nơi, lấy được mấy sư đoàn ở Nam Ca-rê-li-a điều sang hoạt động trên hướng Vư-boóc-gơ, làm cho tuyến phòng thủ của chúng đối diện với phương diện quân Ca-rê-li-a bị suy yếu hẳn. Tuy vậy, Hít-le cũng chỉ chi viện 1 sư đoàn bộ binh duy nhất và một số đơn vị tăng cường. Tình hình đã rõ ràng là từ nay trở đi, Phần Lan chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của mình.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu chú ý theo dõi sự phát triển của các sự kiện. Tối 18 tháng Sáu, khi nghe báo cáo tình hình trên các mặt trận, I. V. Xta-lin nhận xét rằng, thời gian tiến công của bộ đội Mê-rét-xcốp đã tới gần. Đồng chí chỉ thị cho A. I. An-tô-nốp cần nhắc nhở một lần nữa cho Hội đồng quân sự của phương diện quân Ca-rê-li-a chú ý bảo vệ lực lượng và phương tiện của mình để tiến đánh tập đoàn quân Láp-lan-đi 20. Hồi 18 giờ 45, A. I. An-tô-nốp gửi phương diện quân Ca-rê-li-a một bức điện đặc biệt, trong đó nói: «Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị nhắc đồng chí không được làm suy yếu các lực lượng ở bên cánh phải và ở phía giữa phương diện quân; nếu chưa được phép của Đại bản doanh thì không được rút bớt lực lượng và phương tiện ra khỏi đây sang khu vực khác, ngoài số lực lượng và phương tiện đã được Đại bản doanh quy định trước đây».

Tôi được biết, I. V. Xta-lin cũng chú ý tới vấn đề này ngày hôm sau khi bộ đội ta nổ súng đánh chiếm Vư-boóc-gơ. Đồng chí đã nhìn xa thấy trước toàn bộ các hành động sẽ diễn biến tổng hợp như sau: địch sẽ phải điều quân tới eo đất Ca-rê-li-a, nên quân đội Phần Lan ở phía trước phương diện quân Ca-rê-li-a sẽ bị suy yếu, còn phương diện quân Ca-rê-li-a sẽ tiến ra hai bên sườn cánh quân chủ yếu của Phần Lan, và chiến dịch diễn biến tại đây sẽ hoàn toàn đánh tan tập đoàn quân Phần Lan, rồi sau đó, sẽ diệt nốt các đơn vị phát xít Đức đã lâm vào tình thế gần như bị cô lập.

Bên phía địch tình trạng lúng túng ngày càng tăng. Chúng tiến hành động viên cả lớp quân dự bị đã lớn tuổi, và điều thêm quân bổ sung lấy ở các khu vực khác đến eo đất Ca-rê-li-a.

Ngày 21 tháng Sáu, lúc địch đang ra sức thực hiện các biện pháp trên thì các tập đoàn quân thuộc phương diện quân của K. A. Mê-rét-xcốp bắt đầu tiến quân tiêu diệt bọn chiếm đóng ở Ca-rê-li-a.

Theo kế hoạch chiến dịch, bộ đội Liên Xô ở đây cũng chiếm ưu thế so với địch về lực lượng và phương tiện. Tập đoàn quân 7 mở mũi đột kích chủ yếu trên hướng Pít-ki-a-ran-ta; nó hơn địch về bộ binh gấp hai lần, pháo binh và xe tăng gấp sáu lần, không quân gấp bốn lần rưỡi. Do các đơn vị địch đóng ở đây bị bắt buộc phải rút bớt một số sang eo đất Ca-rê-li-a, nên ưu thế chung của bộ đội Liên Xô càng tăng thêm nhiều.

Thấy khó tránh khỏi thất bại, quân Phần Lan tìm mọi cách hòng cố thủ các trận địa của chúng, ngăn chặn cuộc tiến công của bộ đội Liên Xô. Trước khi bộ đội Liên Xô mở màn các chiến dịch ở Ca-rê-li-a, địch đã điều các đơn vị đang phòng ngự tại căn cứ bàn đạp ở Xvia rút sang phía bên kia sông, để thu hẹp chính diện phòng ngự lại và dùng con sông này làm chướng ngại lớn. Bọn chúng đã ngoan cố chiến đấu trên từng công sự vững chắc và suốt cả khu vực Ô-lô-nét, với những công sự và hỏa lực mạnh yểm hộ. Khâu yếu nhất là các trận địa địch trong các

khu vực Mét-ve-gie-gô-rơ-xơ và Pê-tơ-rô-vốt-xơ. Các sư đoàn của tập đoàn quân 32 tiến công ở đây.

Phương diện quân Ca-rê-li-a hoạt động thu được những kết quả lớn. Ngày 23 tháng Sáu, Mét-ve-gie-gô-rơ-xơ được giải phóng. Ngày hôm sau, toàn bộ sông Xvia đã lùi lại phía sau các chiến sĩ của tập đoàn quân 7 do tướng A. N. Cru-chi-cốp, chỉ huy. Bộ đội Liên Xô đã chọc thủng tuyến phòng thủ của địch, tiến vào khu vực vững chắc Ô-lô-nét và giải phóng thành phố Ô-lô-nét.

Các tàu chiến của các chi hạm đội La-đô-ga và Ô-ne-ga đã chi viện tích cực cho các đơn vị tiến công. Ngày 28 tháng Sáu, bộ đội Liên Xô lấy lại được Pê-tơ-rô-da-vốt-xơ — thủ phủ của Ca-rê-li-a. Mát-xcơ-va bắn súng chào mừng chiến công ấy.

Song, dầu sao thì Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu cũng đã nhiều lần tỏ ý chưa hài lòng về các hành động của phương diện quân Ca-rê-li-a. Công tác chỉ huy bộ đội có nhiều thiếu sót. Sở chỉ huy thứ yếu ở trong dải của tập đoàn quân 7 chưa làm tròn các nhiệm vụ của mình. Các cán bộ chỉ đạo tham mưu còn thiếu kinh nghiệm, chưa bảo đảm chỉ đạo một cách liên tục, vững chắc và linh hoạt các hành động tác chiến của hai tập đoàn quân, không quân và việc hiệp đồng với các chi hạm đội. Kết quả là đã để địch kịp chạy thoát khỏi các đòn tiến công của ta. Như thế là chúng ta đuổi địch, chứ không phải tiêu diệt chúng, để chúng chạy thoát và vẫn bảo tồn được sinh lực.

Bộ tổng tham mưu phát hiện thấy các thiếu sót trong công tác chỉ huy bộ đội ngay trong những ngày đầu tiến công và có ý kiến nhắc nhở phương diện quân, nhưng rồi công việc vẫn chưa được cải thiện. Ngoài ra, khi bộ đội của phương diện quân tiến đến biên giới quốc gia ở khu vực Cu-ô-li-xma, thì hai sư đoàn bị lâm vào tình thế khó khăn. Quân Phần Lan hoạt động phân tán thành những tốp nhỏ trên địa hình mấp mô phức tạp này, cá biệt có những vùng chúng đã xâm nhập được vào đội hình chiến đấu của ta. Một sư đoàn bị chúng cắt mất đường tiếp tế, khiến chúng ta phải dùng đến không quân để chi viện lương thực và đạn dược cho bộ đội trong một thời gian.

Những điều chưa đạt được nêu trên thật là đáng tiếc, nói chung các chiến dịch mở ra nhằm tiêu diệt bè lũ tay sai Phần Lan của bọn Hít-le đều đã diễn ra một cách tốt đẹp. Hồi đó, Đại bản doanh đã chỉ thị cho Hội đồng quân sự phương diện quân rằng «chiến dịch cuối cùng của cánh trái phương diện quân Ca-rê-li-a kết thúc không có kết quả, phần lớn do khâu tổ chức chỉ đạo và chỉ huy bộ đội kém. Đồng thời, Đại bản doanh còn nhận xét tính chất công tác luộm thuộm của những người không có năng lực trong bộ máy chỉ đạo của phương diện quân». Đại bản doanh yêu cầu Hội đồng quân sự phương diện quân Ca-rê-li-a phải tích cực sửa chữa ngay những thiếu sót trên. Một số cán bộ chỉ đạo được điều động đi nơi khác. Như đã nói trên, chẳng hạn, trung tướng A. N. Cru-ti-cốp từ ngày 2 tháng Chín 1944 được chỉ định làm tham mưu trưởng phương diện quân Ca-rê-li-a.

Các sự kiện phát triển hết sức nguy ngập ngoài mặt trận khiến chính phủ Phần Lan phải thay đổi chính sách của mình. Đứng trước nguy cơ sắp bị thất bại về quân sự, họ buộc phải tìm lối thoát ra khỏi chiến tranh. Do tình hình ép buộc, tổng thống Ri-u-ti và chính phủ cũ phải từ chức. Man-néc-hem được cử làm tổng thống mới.

Lúc này, Hít-le cũng đã cảm thấy lo sợ về triển vọng đen tối của quân phát-xít Đức đang

đóng ở Phần Lan. Cây-ten liền được cử tới Hen-xin-ki để tìm hiểu tình hình tại chỗ và gây sức ép đối với Phần Lan. Ngày 17 tháng Tám, tổng thống mới tuyên bố với Cây-ten rằng, ông ta không có gì ràng buộc với chính phủ Đức và không thừa nhận hiệp nghị cũ do tổng thống Ri-ut-ki ký kết trước đây.

Một tuần lễ sau, A. M. Cô-lôn-tai, đại sứ Liên Xô tại Thụy Điển, một phụ nữ Liên Xô tuyệt vời, nhận được của chính phủ Phần Lan bản tuyên bố đề nghị Chính phủ Liên Xô tiếp nhận đoàn đại biểu để thỏa thuận về việc đình chiến và ký kết hòa bình. Nội dung ta trả lời như sau: Liên Xô sẽ tiếp nhận đoàn đại biểu Phần Lan, nếu Phần Lan đồng ý thực hiện các điều kiện sơ bộ sau đây: công khai tuyên bố cắt đứt quan hệ với nước Đức, yêu cầu các lực lượng vũ trang Đức phải rút khỏi Phần Lan trong vòng hai tuần lễ, nhưng không được muộn quá ngày 15 tháng Chín; nếu nước Đức không thực hiện yêu cầu về rút quân thì sẽ tước vũ khí các lực lượng vũ trang của Đức và trao cho các nước đồng minh làm tù binh.

Các điều kiện sơ bộ đó đã được thỏa thuận giữa Liên Xô với các chính phủ Mỹ và Anh.

Trong khi chờ đợi chính phủ Phần Lan trả lời, Đại bản doanh ra lệnh cho các tập đoàn quân 7 và 32 của phương diện quân Ca-rê-li-a tạm dừng tiến công và chuyển sang phòng ngự trên các tuyến đang chiếm lĩnh. Mệnh lệnh ghi rõ: «...Chưa được phép của Đại bản doanh thì không được tiến công».

...Cuối tháng Tám 1944 ít có những ngày đẹp trời như thế. I. V. Xta-lin cũng giống như chúng tôi, có phần mệt mỏi vì những ngày làm việc căng thẳng trong chiến tranh, nên thích làm việc tại biệt thự của đồng chí. Chúng tôi báo cáo tình hình và xin chữ ký vào các văn kiện tại đây. Các thành viên của Chính phủ cũng thường hội họp ở đây.

Trong những lúc nghỉ giải lao chốc lát, chủ nhân rất mực niềm nở và thích giới thiệu khu biệt thự với những người có mặt. Một hôm, I. V. Xta-lin chỉ vào miếng đất nho nhỏ thoáng bóng cây và nói: sau chiến tranh sẽ có dừa hấu mọc lên trên mảnh đất này. An-tô-nốp và tôi liếc nhìn nhau, thầm nghĩ: Cun-xê-vô chứ không phải là Cu-ban... Nhưng, sau chiến tranh ít lâu chúng tôi lại được nhắc đến những quả dừa hấu. Do thời tiết xấu, lễ duyệt binh của không quân ta ở Tu-si-nô phải hoãn lại mất mấy lần, cuối cùng được thực hiện. Duyệt binh xong, I. V. Xta-lin mời các ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên bang và ban lãnh đạo Bộ chiến tranh (hồi đó gọi tên là như vậy) về nhà cùng ăn cơm thân mật với nhau. Các bàn ăn kê dọc ngay ở lối đi giữa hai hàng bạch dương trong khu biệt thự «gần thành phố». Thời tiết tuyệt đẹp, khí sắc mọi người đều vui vẻ. Ăn cơm xong, I. V. Xta-lin dẫn chúng tôi đến gò đất nhỏ, ở đó quả thật có tới mấy chục cây dừa hấu sum suê lá! Xta-lin thông thả chọn quả dừa hấu khá to mang về đặt lên bàn, rồi lấy dao bổ làm đôi. Dừa đỏ thắm, ăn khá ngọt. Ai nấy đều tỏ ý kinh ngạc, vì không ngờ trên mảnh đất ngoại ô Mát-cơ-va này, lại thu hoạch được những quả dừa hấu như thế...

Ngày 2 tháng Chín 1944, phó tổng thống ở Hen-xin-ki gửi đi hai bức thông điệp với nội dung khác nhau: một gửi tới Béc-lin cho Hít-le, một gửi tới Xtốc-khôm cho đại sứ Nga, để chuyển giao cho Chính phủ Liên Xô. Bức thông điệp thứ nhất thông báo nước Phần Lan buộc phải rút khỏi chiến tranh và cảm tạ nước đồng minh của mình, tức là cảm tạ quân đội Đức. Bức thông điệp thứ hai trả lời về các điều kiện sơ bộ của Liên Xô - Mỹ - Anh, và nói rõ rằng Phần

Lan sẽ thực hiện cho quân Đức tình nguyện rút quân, hoặc sẽ cầm giữ các đơn vị của chúng ở miền Nam lãnh thổ Phần Lan. Ngoài ra, sẽ chấm dứt ngay các hành động quân sự và rút quân về đường biên giới Liên Xô - Phần Lan quy định trong năm 1940.

Tổng thống Phần Lan còn nêu rõ: Phần Lan sẵn sàng tham gia tước vũ khí quân Đức ở miền Bắc Phần Lan, nhưng muốn được sự thỏa thuận với Bộ chỉ huy Liên Xô ở Mát-xcơ-va về tiến trình phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc này.

Đêm 2 rạng ngày 3 tháng Chín, đài phát thanh Phần Lan truyền đi bài diễn văn của thủ tướng Hắc-xen. Ông ta tường thuật lại tình hình mọi việc, về sự liên minh «trung thành» của Phần Lan với nước Đức phát-xít, về việc Phần Lan phải rút ra khỏi chiến tranh do sức ép của tình hình, nhưng lại không nói gì tới các yêu cầu của Chính phủ Liên Xô đòi tước vũ khí quân Hít-le, chấm dứt mọi quan hệ với nước Đức, không nói tới việc Phần Lan sẽ cắt đứt các quan hệ ấy.

Chính phủ Liên Xô buộc phải ra tuyên bố kiên quyết: đòi Phần Lan phải nhận các điều kiện sơ bộ và nói trước rằng chỉ sau việc đó mới có thể tiến hành các cuộc đàm phán về việc đình chiến và lập lại hòa bình.

Bản tuyên bố của Liên Xô có hiệu lực ngay. Đêm hôm sau, đài phát thanh Phần Lan lại truyền tin rằng chính phủ Phần Lan nhận hết mọi điều kiện sơ bộ, thêm nữa còn tuyên bố đình chỉ các hành động quân sự của quân đội Phần Lan. Ngay sau đó, Bộ tổng tham mưu được lệnh của Đại bản doanh ngừng bắn vào quân đội Phần Lan.

Sau khi chấm dứt hành động quân sự với quân Phần Lan, bộ tư lệnh phương diện quân Ca-rê-li-a ra lệnh cho bộ đội sẵn sàng tiến công vào tập đoàn quân Láp-lan-đi 20 của Đức. Nhiệm vụ của phương diện quân là tiêu diệt địch, đánh chiếm Pét-xa-mô và Xan-mi-i-ác-vi, chặn đường bọn Hít-le không cho chúng rút về các hải cảng Phần Lan và Na Uy.

Ngày 8 tháng Chín, Hội đồng quân sự phương diện quân Ca-rê-li-a báo cáo về Mát-xcơ-va rằng địch đang cho rút quân từng phần trên các hướng Can-đa-lắc-sa, Ke-xten-ga và U-khơ-ta tới bèn cảng Phần Lan O-u-lu và tới miền Bắc Na Uy. Trong thời gian này, phương diện quân đã điều động một số đơn vị và binh đoàn bằng đường sắt từ sườn phía Nam đến Da-pô-li-a-ri-ê để tiếp tục tiến công.

Bộ tổng tham mưu chú ý phân tích tình hình ở sườn phía Bắc mặt trận Xô-Đức. Điều kiện thuận lợi có nhiều, song khó khăn thì cũng không phải ít. Mặt trận Phần Lan đã ngừng tiếng súng, nhưng thái độ quân đội Phần Lan chưa rõ ràng. Quân phát-xít Đức sẽ rút hay bị cầm giữ tại chỗ. Bọn chúng đã bắt đầu cho rút từng phần ở bên sườn phải của chúng và không gặp trở ngại gì.

Phần Lan tỏ ý sẵn sàng tham gia tước vũ khí quân Đức ở Bắc Phần Lan. Nhưng về mặt này, giữa hai quân đội Liên Xô và Phần Lan vẫn chưa có sự phối hợp thống nhất với nhau. Phần Lan muốn thỏa thuận về tất cả những vấn đề trên ở Mát-xcơ-va. Nhưng khi nào?

Theo lý luận quân sự xô-viết và thực tiễn chiến tranh, nếu như quân địch bắt đầu rút quân ra khỏi các trận địa đang chiếm lĩnh thì chúng ta phải chuyển ngay sang kiên quyết truy kích. Vậy trước tình huống đó, bộ đội Liên Xô sẽ phải hành động như thế nào, vì sẽ khó tránh khỏi vi

phạm tới đường biên giới giữa Liên Xô và Phần Lan mà đã thỏa thuận là không được vượt qua? Nếu truy kích thì sẽ tổ chức thế nào cho tốt trong trường hợp chưa có các đơn vị xung kích cần thiết để giành lấy thắng lợi triệt để? Phương diện quân mặc dù vẫn giữ gìn lực lượng của mình để tiến công khu vực phòng ngự của quân Đức, nhưng chỉ mới bắt đầu bố trí lại các lực lượng và phương tiện để giải quyết các nhiệm vụ tiến công, và cũng phải nói rằng việc đó tiến hành không được nhanh lắm.

Còn một vấn đề chưa rõ ràng nữa là bộ tư lệnh phương diện quân Ca-rê-li-a trong tương lai gần đây sẽ định hành động theo kế hoạch nào.

Tôi báo cáo những ý kiến còn nghi ngại của mình với A. I. An-tô-nốp. Đồng chí cho biết phái đoàn chính phủ Phần Lan hiện đã tới Mát-xcơ-va để tiến hành các cuộc đàm phán hòa bình, và đồng ý gửi cho K. A. Mê-rét-xcốp một bức điện ngắn yêu cầu trả lời mọi vấn đề còn chưa rõ ràng, như vậy sẽ làm rõ được cả việc định hướng sau này.

Nội dung bức điện gửi cho phương diện quân Ca-rê-li-a hồi 1 giờ 30 phút ngày 10 tháng Chín 1944 như sau:

«Việc bố trí lại và hành động của phương diện quân tiến hành rất chậm, không một hướng nào thành lập được các cụm xung kích để tiêu diệt quân Đức đang bắt đầu rút lui ở một số khu vực.

Trên các hướng Can-đa-lắc-sa và Ke-xten-ga, bộ đội của chúng ta bị thu hút vào những trận đánh vô mặt với các đơn vị cảnh vệ của địch, nên đã tạo điều kiện cho chúng rút lui không gặp trở ngại, đáng lẽ các đơn vị của đồng chí cần cắt đường rút quân và tiêu diệt chúng.

Để báo cáo lên Đại bản doanh, chúng tôi đề nghị ngày 10 tháng Chín, các đồng chí gửi về Bộ tổng tham mưu kế hoạch hành động cụ thể của bộ đội bên cánh phải phương diện quân, có nói rõ cánh quân, thứ tự hành động, tuyến và thời hạn trên từng hướng một. An-tô-nốp».

Theo nội dung điện trả lời thì bộ tư lệnh phương diện quân đang chuẩn bị tổ chức một chiến dịch quyết định bằng những mũi vu hồi sâu và khó, đánh vào quân phát-xít Đức đang rút quân ra khỏi lãnh thổ Phần Lan. Và Bộ tổng tham mưu cũng đã báo cáo như vậy lên Đại bản doanh.

Tổng tư lệnh tối cao thông cảm với ý định của Hội đồng quân sự phương diện quân, song không đồng ý với kế hoạch đó. Bộ trưởng dân ủy ngoại giao ủng hộ đồng chí. Bộ trưởng dân ủy ngoại giao đã tiến hành trao đổi sơ bộ với các đại biểu của chính phủ Phần Lan về vấn đề đình chiến. Các cuộc hội đàm đều hết sức tôn trọng chủ quyền của Phần Lan. Tư tưởng cơ bản trong các buổi hội đàm ấy là những người Phần Lan, chủ nhân của đất nước mình, sẽ quyết định lấy vận mệnh của quân Hít-le đang đóng trên lãnh thổ của Phần Lan, chứ không phải là chúng ta. Nếu Phần Lan yêu cầu giúp đỡ và đề nghị giúp đỡ, chúng ta sẽ chi viện. Thế nhưng, dù bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng vẫn phải giữ gìn các lực lượng của mình để tiêu diệt tập đoàn quân Láp-lan-đi 20 của Đức hãy còn đóng trên đất Liên Xô và quét bọn chiếm đóng ra khỏi Da-pô-li-a-ri-e.

Sau cuộc trao đổi ngắn gọn các ý kiến đưa ra, Đại bản doanh gửi cho phương diện quân Ca-rê-li-a chỉ thị bác bỏ quyết định của bộ tư lệnh phương diện quân, coi đó là một quyết định sai. Chỉ thị nêu rõ: «Căn cứ vào tinh thần và nội dung các cuộc hội đàm với các đại biểu Phần Lan, việc quét bọn Đức ra khỏi lãnh thổ Phần Lan phải do chính những người Phần Lan thực hiện,

còn bộ đội ta trong phạm vi này chỉ có nhiệm vụ chi viện».

Căn cứ vào đó, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao cấm phương diện quân tự mình tổ chức các chiến dịch tiến công quân Đức. «Trường hợp quân Đức rút lui, phải rượt theo chúng, không được sa đà vào những trận đánh lớn với địch, không được tiêu hao bộ đội trong các trận đánh và trong các mũi vu hồi sâu để giữ gìn lực lượng của mình cho thật tốt».

Tất nhiên là quyết định đó thật khác thường, nhưng lại hoàn toàn đáp ứng các điều kiện tình huống và đường lối chính trị.

Trong phiên họp của Đại bản doanh nảy sinh vấn đề sau đây: K. A. Mê-rét-xcốp là một người táo bạo, mặc dầu đã có chỉ thị rất rõ ràng, cụ thể của Bộ tổng tư lệnh tối cao, nhưng vẫn cứ xông lên truy kích quân địch thì sao? Đại bản doanh cũng đã dự tính cả điều đó. Trong chỉ thị viết: «Đại bản doanh yêu cầu đồng chí phải chấp hành đúng chỉ thị trên, và một lần nữa báo trước rằng, nếu không thực hiện đúng các chỉ thị của Đại bản doanh thì những ý định đốt cháy giai đoạn sẽ đưa lại hậu quả là phải bãi chức tư lệnh phương diện quân của đồng chí».

Lần nào cũng vậy, chỉ thị được kết thúc bằng câu: «Phải báo cáo về các mệnh lệnh của đồng chí». Trong trường hợp này câu đó có ý nghĩa đặc biệt.

Chúng ta phải nói rằng, ngay cả Bộ tổng tham mưu cũng muốn sớm tiêu diệt quân Đức. Và cũng không có gì phải giấu giếm, hồi đó chúng tôi cũng đã có nhiều ý kiến bằng miệng và bằng cả công văn thúc giục tư lệnh phương diện quân tiến lên. Cho nên chỉ thị này không chỉ giải thích cho K. A. Mê-rét-xcốp, mà cho cả Bộ tổng tham mưu, mặc dầu chính Bộ tổng tham mưu đã viết nó.

Ngày 14 tháng Chín, ở Mát-xcơ-va bắt đầu những cuộc đàm phán về việc Phần Lan rút ra khỏi chiến tranh. Ngay trước các phiên họp, tôi được thông báo rằng tôi sẽ là thành viên của đoàn đại biểu Liên Xô do Bộ trưởng dân ủy ngoại giao đứng đầu. Thành phần đoàn đại biểu còn có C. E. Vô-rô-si-lốp, A. A. Giơ-đa-nốp, M. M. Lít-vi-nốp, phó đô đốc A. P. A-lếch-xan-đrốp. Đại diện cho nước Anh tham dự đàm phán là đại sứ Ke-rơ và tham tán - công sứ Ban-phua. Các thành viên Liên Xô và Anh trong đoàn đại biểu đã hoạt động thay mặt tất cả các nước trong khối liên minh chống Hít-le. Phần Lan cử đoàn đại biểu gồm có: K. En-ke-li — bộ trưởng ngoại giao, tướng R. Van-đen — bộ trưởng chiến tranh, tướng E. Hen-rích — tổng tham mưu trưởng và tướng Ô. En-ken-li.

Tuyến phòng thủ của địch ở Ca-rê-li-a nằm trên lãnh thổ của Liên Xô có một vài nơi cách khá xa biên giới. Quân Phần Lan chiếm giữ tất cả những con đường dẫn đến tiền duyên, các trận địa và các điểm tựa trong tung thâm tuyến phòng thủ có hình dáng nhiều lớp và phức tạp với cấu trúc kỹ thuật khác nhau và các vật chướng ngại. Ngoài các dây hào và ụ chống tăng, còn có những bãi mìn, bộc phá, dây thép gai dẫn điện và dây thép gai thường, các hào lũy, các bẫy và những vật chướng ngại khác. Các vật chướng ngại đó đặt ở khắp nơi, trên những khu vực địa hình có thể đi lại được, trên các đường sá và những con đường mòn mà người và xe cộ có thể đi lại được. Sông, hồ, vịnh Phần Lan dày đặc thủy lôi và các vật chướng ngại khác đặt ở dưới nước. Cuối cùng, tất cả các vùng dân cư, các công trình bưu điện và vận tải bằng đường sắt, các công trình công nghiệp và các công trình phục vụ công cộng khác đều được chuẩn bị phá hoại, còn các kho dự trữ các phương tiện vật chất thì được chuẩn bị phá hủy.

Chúng tôi, những cán bộ quân sự, phải đặt ra các yêu cầu đòi Phần Lan phải bảo đảm an

toàn cho các đơn vị trong lúc tiến tới biên giới, bảo vệ các kho dự trữ và các công trình. Ngoài ra, còn phải vạch cả chế độ tháo gỡ các vật chướng ngại trên đất và dưới nước, các mục tiêu trên địa hình, bảo vệ các công trình kinh tế và các công trình khác. Lại còn phải suy nghĩ cả tới những vấn đề bảo đảm quyền không bị xâm phạm cho những người dân ở trên lãnh thổ Liên Xô còn tạm thời thuộc quyền Phần Lan, để họ không bị xua đuổi chạy ra nước ngoài.

Công tác thật không dễ dàng, nhưng ý thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ đã làm tăng thêm sức mạnh. Cường độ và tốc độ làm việc thật lớn. Người đứng đầu đoàn đại biểu Liên Xô trao đổi ý kiến với chúng tôi trước lúc bắt đầu phiên họp và khi cần, cả trong quá trình diễn biến của phiên họp, bằng cách viết thư ngắn chuyển qua bàn họp, nêu lên các vấn đề hoặc quan điểm của mình thật gọn và phải trả lời ngay để tiến trình đàm phán không bị đứt quãng.

Các buổi đàm phán tiến hành hàng ngày mất độ mấy tiếng đồng hồ. Số thời gian còn lại dành cho việc chuẩn bị phiên họp sau. Đối với tôi, số thời gian này rất quan trọng, vì tôi vẫn phải phụ trách công việc trọng yếu trong chức trách của mình. Chúng tôi phải tranh thủ từng phút một để chuẩn bị và báo cáo các mệnh lệnh cần thiết về các vấn đề của chúng tôi ở ngoài mặt trận. Quân Phần Lan được quy định bắt đầu rút từ 9 giờ ngày 21 tháng Chín 1944.

Vấn đề tước vũ khí các lực lượng vũ trang của Đức trên mặt đất, trên biển và trên không còn ở Phần Lan sau ngày 15 tháng Chín, — giữ một vị trí đặc biệt trong các buổi đàm phán. Phần Lan có nhiệm vụ tước vũ khí quân Đức và giao nộp binh lính Đức cho Bộ chỉ huy Liên Xô giữ làm tù binh, còn Chính phủ Liên Xô sẽ giúp đỡ quân đội Phần Lan. Ngoài ra, trong bản phụ lục điều 2 của hiệp nghị về đình chiến còn nói rõ là Bộ chỉ huy quân đội Phần Lan sẽ chuyển cho chúng ta tất cả những tin tức nhận được về các lực lượng vũ trang của Đức, cũng như các kế hoạch chiến dịch chống lại Liên Xô và các nước khác trong khối liên minh chống Hít-le.

Khi thảo luận về vấn đề tước vũ khí thì không gặp khó khăn gì lớn, vì như bạn đọc còn nhớ, nó đã được đặt ra từ trước khi bắt đầu những cuộc đàm phán chính thức và các đại biểu Phần Lan lúc tới Mát-xcơ-va đã có sự chuẩn bị sẽ thực hiện nhiệm vụ này, đồng thời với các nhiệm vụ hết sức cấp bách khác. Liên Xô và các nước đồng minh đòi phải tuyệt đối chấp hành điều này, vì cho rằng nếu để quân phát-xít Đức đóng trên đất Phần Lan kéo dài trong một thời gian lâu như vậy thì có nghĩa là lại nhóm lên lò lửa nguy cơ chiến tranh mới trên đất Phần Lan.

Điểm thứ ba của hiệp định đề cập tới vấn đề không quân. Theo yêu cầu của Bộ chỉ huy Liên Xô (như các bạn đọc đều biết, chúng ta thay mặt cho tất cả các nước đồng minh) Phần Lan sẽ nhượng lại một số sân bay ở bờ biển phía Nam và Tây-Nam đất nước họ. Các sân bay ấy cần thiết đối với không quân chúng ta, nhằm bảo đảm chiến dịch cho các Lực lượng vũ trang Liên Xô ở E-xtô-ni-a và chống lại hạm đội Đức ở phần phía Bắc biển Ban-tích. Phụ lục của điều khoản này còn nói đến việc các chiến hạm của đồng minh được quyền sử dụng các hải phận, hải cảng, bến tàu và các nơi đỗ tàu của Phần Lan. Chính phủ Phần Lan có nhiệm vụ góp phần phục vụ về mặt vật chất kỹ thuật cho các chiến hạm.

Hiệp định còn quy định cả việc sử dụng các đường sắt, đường bộ khác dẫn tới các khu vực sân bay, các trạm thông tin khí tượng và các hình thức bảo đảm cần thiết khác cho không quân, hạm đội và các phương tiện chiến đấu khác hoạt động ở Phần Lan.

Cuối cùng, hiệp định quy định chế độ chuyển quân đội Phần Lan sang hoàn cảnh thời bình trong vòng hai tháng rưỡi, kể từ ngày ký kết hiệp định, vì không mong chờ gì quân đội Phần

Lan tham gia các chiến dịch sau này nhằm tiêu diệt quân phát-xít Đức ở Da-pô-li-a-ri-ê.

Thực tế đúng là như vậy. Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu phải dựa vào các lực lượng của Hồng quân và Hải quân của mình, những lực lượng đã hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ tiêu diệt quân chiếm đóng ở phía Bắc.

Các điểm nêu trên về cơ bản là đã khai thác hết các mặt quân sự-kỹ thuật của những cuộc đàm phán. Ngoài ra còn những vấn đề khác cần có sự góp ý của quân đội. Ví dụ như, chúng tôi đã từ bỏ quyền thuê bán đảo Khan-cô và tiếp thu lãnh thổ cùng hải phận để thành lập căn cứ hải quân trong khu vực Poóc-ca-la - Út. Và dù thế nào thì các đại biểu của Bộ tổng tham mưu cũng phải được tham gia rộng rãi trong các buổi hội đàm.

Ngày 19 tháng Chín, hồi 12 giờ, A. A. Giơ-đa-nốp, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân Lê-nin-grát, chủ tịch Ủy ban kiểm soát ở Phần Lan sau này, đã thay mặt các nước đồng minh ký kết hiệp định đình chiến với Phần Lan và các văn bản phụ lục của hiệp định này.

Chỉ thị về việc không để bộ đội bị tiêu hao và chưa tham gia các trận chiến đấu được chấp hành một cách nghiêm túc. K. A. Mê-rét-xcốp đã ra những mệnh lệnh thích hợp cho các tập đoàn quân. Thế nhưng, ít lâu sau lại xảy ra vấn đề khá rắc rối. Theo hiệp định đình chiến quy định thì quân Phần Lan sẽ rút về phía bên kia đường biên giới quốc gia, còn bộ đội Liên Xô lại hành động theo các cách khác nhau: những nơi nào có quân đội Phần Lan thì bộ đội Liên Xô chỉ tiến đến biên giới, còn những nơi nào có quân đội Đức rút lui thì tiến sát theo sau rồi vượt sang lãnh thổ của Phần Lan.

Tập đoàn quân 19 có nhiệm vụ chiếm lĩnh Cu-ô-lai-ác-vi và tiến vào khu vực Rô-va-ni-e-mi rất quan trọng — đầu mối giao thông chủ yếu ở miền Bắc Phần Lan. Vị trí đó của tập đoàn quân sẽ cho phép khi cần thiết có thể chi viện có hiệu lực cho quân đội Phần Lan, khi quân Đức buộc phải rút hết ra khỏi đất nước Phần Lan.

Các đơn vị của tập đoàn quân Láp-lan-đi 20 không thể xây dựng được mặt trận mới trên lãnh thổ Phần Lan. Chúng buộc phải rút dần về phía Tây, tới các bến cảng biển Ban-tích để sau này rút bằng đường biển, và rút lên phía Bắc tới khu vực Pét-xa-mô, nơi chúng có ý định sẽ tổ chức phòng thủ vững chắc.

Từ sáng ngày 25 tháng Chín, các đơn vị hậu vệ của địch bắt đầu rút. K. A. Mê-rét-xcốp báo cáo về Bộ tổng tham mưu như vậy. Các tập đoàn quân 19 và 26 đang tiến lên phía trước.

Quân Phần Lan cùng tiến theo sau bọn Đức, nhưng rất chậm và cách xa quân Đức. Trinh sát của phương diện quân Ca-rê-li-a báo cáo: quân Phần Lan không bám được quân Đức, nên đã tạo điều kiện cho chúng rút quân vô sự ra khỏi khu vực Cu-ô-lai-ác-vi và Rô-va-ni-e-mi.

Thời gian ấy, trong dải của bộ đội phương diện quân Ca-rê-li-a đã nảy sinh một tình thế phức tạp, kéo theo những hậu quả đột ngột. K. A. Mê-rét-xcốp nhận xét: tập đoàn quân 19 của G. C. Cô-dơ-lốp đang tiến theo sau bọn Đức có thể bị kẹt vào giữa quân Đức và quân Phần Lan ở cách xa quân Đức. «Vậy, trong trường hợp này sẽ hành động như thế nào, — Mê-rét-xcốp hỏi Bộ tổng tham mưu, — nếu quân Phần Lan quả thực rút lại sau quân Đức quá xa, còn chúng tôi thì phải rượt theo, bám sát quân Đức, như vậy là quân Phần Lan sẽ phải ở lại phía sau các đơn vị của tập đoàn quân 19». Đồng chí đề nghị được thông báo về tình hình quân Phần Lan được giao nhiệm vụ tước vũ khí quân Đức, để điều chỉnh các hoạt động của đơn vị mình.

Bộ tổng tham mưu đã tiến hành kiểm tra lại cẩn thận khả năng để ra cái tình thế không mong muốn ấy. Kết quả là Mê-rét-xcốp đúng. Ngày 26 tháng Chín, chúng tôi báo cáo tình hình lên Đại bản doanh và nhận xét rằng: bộ đội Liên Xô có thể bước vào giao chiến trước. Tình hình đó mâu thuẫn với tinh thần của hiệp định, còn quân Phần Lan thì sẽ đứng ngoài cuộc. Hơn nữa chúng ta có thể sẽ bị phản đối, vì theo hiệp định, bộ đội Liên Xô chỉ được tiến hành chiến dịch trên lãnh thổ Phần Lan khi Phần Lan yêu cầu.

Đại bản doanh chú ý xem xét tình hình ở sườn phía Bắc mặt trận Xô - Đức, đồng ý với ý kiến của Bộ tổng tham mưu và bộ tư lệnh phương diện quân rằng bước vào giao chiến với quân Đức mà để quân đội Phần Lan ở lại phía sau là điều hoàn toàn không nên.

Lúc đó, Đại bản doanh đã quyết định như sau: bộ đội của tập đoàn quân 19 không được tiến sâu vào Phần Lan mà chiếm lĩnh lấy vùng biên giới phía Tây Cu-ô-lai-ác-vi, dừng lại ở đây và để cho quân Phần Lan tiến lên phía Bắc. Bộ đội Liên Xô chiếm lĩnh được khu vực này có thể hoạt động ở phía Tây-Bắc để chi viện cho quân Phần Lan khi gặp trường hợp cần thiết. Bộ đội của tướng Cô-dơ-lốp chỉ được tiếp tục tiến quân khi có lệnh của Đại bản doanh. Đồng thời, Đại bản doanh còn giao nhiệm vụ cho phương diện quân Ca-rê-li-a chuẩn bị chiến dịch tiến công bằng lực lượng của tập đoàn quân 14 và các phương tiện tăng cường của phương diện quân, nhằm quét sạch địch ra khỏi khu vực Pét-xa-mô. Giai đoạn kết thúc cuộc đấu tranh chống lại bọn chiếm đóng ở đất Da-pô-li-a-ri-ê của Liên Xô, đã bắt đầu.

Chúng tôi đã nói là các điều kiện tác chiến ở Da-pô-li-a-ri-ê rất khó khăn và có nhiều đặc điểm riêng của nó. Cuộc đấu tranh quyết liệt đã diễn ra trên mảnh đất khắc nghiệt này. Bộ đội Liên Xô dũng cảm đánh lui cuộc tấn công mãnh liệt của địch trong năm 1941, và từ đó đến nay đã không cho chúng tiến thêm được một bước nào. Cuộc phòng thủ Da-pô-li-a-ri-ê được ghi vào trang sử vàng trong cuốn biên niên chiến tranh, cùng với những chiến dịch vẻ vang khác vì danh dự và độc lập của Tổ quốc xô-viết. Để kỷ niệm tinh thần anh dũng và lòng dũng cảm của các chiến sĩ xô-viết, Nhà nước đã đặt ra loại huy chương đặc biệt «Phòng thủ Da-pô-li-a-ri-ê xô-viết» làm biểu tượng nói lên lòng biết ơn của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đối với các anh hùng của vĩ độ nửa năm là đêm.

Từ lâu K. A. Mê-rét-xcốp vẫn chờ đợi chỉ thị của Đại bản doanh về việc chuẩn bị và tiến hành chiến dịch ở Da-pô-li-a-ri-ê, nên khi nhận được chỉ thị, đồng chí liền gửi ngay về Mát-xcơ-va kế hoạch hành động ở khu vực Pét-xa-mô.

Đối diện với tập đoàn quân 14 của phương diện quân Ca-rê-li-a là quân đoàn miền núi 19 «Na Uy» thuộc tập đoàn quân Láp-lan-đi 20 của Đức được tăng cường thêm các đơn vị tinh nhuệ và nhiều đơn vị khác. Quân địch phòng ngự ở đây đã được ba năm, đã xây dựng các trận địa có chiều sâu và vững chắc với những công sự bằng bê tông cốt sắt trên từng khu vực một. Bộ chỉ huy Hít-le ra lệnh cho quân lính của chúng không được lùi bước và phải bám chắc lấy khu vực khai thác mỏ kền. Khoảng không gian mênh mông hoang vắng tại Da-pô-li-a-ri-ê này không cho phép quân chiếm đóng tổ chức tuyến phòng thủ vòng tròn dày đặc. Sườn phía Nam phòng tuyến vững chắc của địch ở biên giới Phần Lan bị đứt quãng ở phía Đông ngọn núi Ma-te. Địch tổ chức tuyến phòng thủ mạnh nhất trên những con đường dẫn đến Pét-xa-mô, Lu-ô-xta-ri và Ni-ken. Ở đây, bộ chỉ huy phát-xít Đức lợi dụng những con sông mà tàu thuyền khó đi lại như sông Bôn-sai-a Li-xa, Ti-tốp-ca, Pe-chen-ga, nhiều hồ và các sườn đồi dựng đứng để tổ chức chiến đấu.

Sư đoàn bộ binh miền núi 2 của Đức chiếm lĩnh công sự vững chắc hơn cả ở trung tâm tuyến phòng thủ của địch. Nó cố thủ tại hướng tiến vào Lu-ô-xta-ri, Pét-xa-mô. Sư đoàn này là chỗ dựa cho tất cả các lực lượng phòng ngự khác của địch, cho nên nếu tiêu diệt được nó thì chúng ta sẽ mở toang cửa tiến vào các vùng dân cư này.

K. A. Mê-rét-xcốp sau khi đánh giá đúng vai trò của sư đoàn bộ binh miền núi 2 của địch, đã quyết định mở mũi đột kích chủ yếu vào đây, chọc thủng tuyến phòng thủ của địch trên một khu vực hẹp của mặt trận phía Nam hồ Tra-pơ-rơ, phát huy thắng lợi vào tung thâm đội hình tác chiến của địch và chiếm Pét-xa-mô. Đồng thời sẽ sử dụng sư đoàn bộ binh 45 và lữ đoàn bộ binh cơ giới 3 đã bị yếu để phòng ngự ở những khu vực khác của mặt trận trong thời kỳ đột phá. Đồng chí tư lệnh còn dành hai quân đoàn bộ binh nhẹ 126 và 127 để đánh vu hồi vào sườn phía Nam bỏ hở tại tuyến phòng thủ của địch. Quân đoàn 127 nhận nhiệm vụ tiến ra khu vực Xan-mi-i-ác-vi (cách khá xa các lực lượng chủ yếu) để cắt đường rút lui về Na Uy của quân Đức đóng ở vùng Ni-ken. Sau đó, đồng chí tư lệnh dự kiến sẽ phải tổ chức yểm trợ vùng Xan-mi-i-ác-vi là nơi địch có thể tổ chức phản kích, còn các lực lượng chủ yếu sẽ quay về Đông - Bắc và phá tuyến phòng thủ của quân phát-xít Đức dọc sông Ti-tốp-ca. Vào lúc này, bộ đội của sư đoàn bộ binh 45 và lữ đoàn bộ binh cơ giới 3 trước đây đang làm nhiệm vụ phòng thủ sẽ chuyển sang tiến công và mũi đột kích chính diện vào tuyến phòng thủ của địch. Mật độ pháo binh ở khu vực đột phá là 160 -170 khẩu pháo và súng cối trên một ki-lô-mét chính diện, còn không quân ta cũng chiếm ưu thế hơn.

Đại bản doanh xem xét các đề nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân Ca-rê-li-a, về cơ bản đã đồng ý với kế hoạch đó. Tuy nhiên, Đại bản doanh cũng có những ý kiến bổ sung quan trọng, trước hết là vấn đề hiệp đồng giữa tập đoàn quân 14 và Hạm đội Bắc. Trong thời kỳ đột phá tuyến phòng thủ của địch, Hạm đội Bắc có thể sử dụng các lực lượng và phương tiện để đổ bộ tiến công vào bán đảo Xrét-nhi cũng như để hoạt động ở các cứ điểm khác dọc theo bờ biển trong quá trình chiến dịch. Cho nên chúng ta không thể không sử dụng các khả năng ấy.

Đô đốc A. G. Gô-lốp-cô, tư lệnh Hạm đội Bắc được lệnh tổ chức các lữ đoàn thủy quân lực chiến tiến công vào phía Nam từ bán đảo nói trên. Hải quân sẽ đánh thẳng vào phía sau tuyến phòng thủ của bọn Hít-le dọc theo sông Ti-tốp-ca và hiệp đồng với các mũi đột kích ở chính diện của một số lực lượng thuộc tập đoàn quân 14 để phá vỡ đội hình phòng ngự của địch.

Kế hoạch tiến công vào Ti-tốp-ca của tư lệnh phương diện quân đề ra trước đây khá phức tạp. Hơn nữa nay đã có lực lượng hải quân của Hạm đội Bắc đánh vào bán đảo Xrét-nhi đảm nhiệm, nên kế hoạch trên không còn cần thiết nữa.

Đại bản doanh chỉ thị cho phương diện quân: «Không được phân tán lực lượng sang hoạt động ở Đông - Bắc dọc sông Ti-tốp-ca» và yêu cầu phương diện quân phải hướng các cố gắng chủ yếu vào việc đánh chiếm thật nhanh Pet-xa-mô. Phương diện quân được lệnh không được tung quân đoàn bộ binh nhẹ 127 mạo hiểm đánh ra quá xa tới Xan-mi-i-ác-vi, dễ bị cắt đứt khỏi các lực lượng chủ yếu, mà phải tiến theo đội hình dạng nêm theo sau sườn trái của cụm bộ đội đang tiến công.

Đầu tháng Mười 1944, các quân đoàn bộ binh 131 và 99 chuyển vận xong các phương tiện vật chất lên phía trước, đã tập trung ở khu vực đột phá phía Nam hồ Tra-pơ-rơ. Hạm đội Bắc

cũng đã sẵn sàng. Ngày 7 tháng Mười, các đơn vị của tập đoàn quân 14 của tướng V. I. Séc-ba-cốp chuyển sang tiến công. Tập đoàn quân thu được thắng lợi lớn: phòng ngự của địch bị phá vỡ, còn quân đoàn bộ binh nhẹ 126 khôn khéo đánh vu hồi vào sườn hỏ của quân Đức ở phía Nam, và đến hết ngày tiến công thứ ba thì tiến được ra phía Tây Lu-ô-xta-ri. Mũi đột kích trên chính diện kết hợp với mũi vu hồi của bộ đội Liên Xô đã làm suy yếu sức kháng cự của địch ở các trận địa phía Đông Pét-xa-mô. Lữ đoàn thủy quân lục chiến tiến công từ bán đảo Xrét-nhi trong đêm 9 rạng ngày 10 và sáng ngày 11 tháng Mười, cũng tạo thêm điều kiện cho việc trên. Lực lượng hải quân đã bẻ gãy sức kháng cự của địch tại dãy núi Mu-xta - Tun-tu-ri rồi rẽ sang phía Tây.

Ngày 12 tháng Mười, bộ đội Liên Xô chiếm được Lu-ô-xta-ri, và sang ngày hôm sau tiến ra các con đường dẫn đến Pét-xa-mô. Các trận đánh diễn ra rất quyết liệt. Sư đoàn bộ binh 368 do thiếu tướng V. C. Xô-pen-cô chỉ huy, trong một ngày đêm đã đánh lui 16 đợt phản công của địch. Không quân của phương diện quân bắn rơi 66 máy bay địch trong các trận không chiến.

Ngày 15 tháng Mười, các binh đoàn của cánh quân xung kích thuộc phương diện quân Ca-rê-li-a phối hợp với các đơn vị của Hạm đội Bắc, vượt sông Pét-xa-mô-I-ô-ki và chiếm thành phố Pét-xa-mô. Hải quân anh hùng của Hạm đội Bắc tiến công mãnh liệt, đánh chiếm được cảng Li-na-kha-ma-ri, yểm trợ Pét-xa-mô ở phía Bắc.

Việc tiêu diệt quân phát-xít ở Da-pô-li-a-ri-ê đã trở thành sự thật. Trong thông báo tác chiến viết hồi 7 giờ ngày 16 tháng Mười, bộ tham mưu phương diện quân Ca-rê-li-a báo cáo về Bộ tổng tham mưu: «Tàn quân địch ở khu vực Pét-xa-mô rút chạy dọc theo đường cái ở hướng Tây-Bắc trên lãnh thổ Na Uy...»

Hội đồng quân sự phương diện quân Ca-rê-li-a xây dựng ngay kế hoạch hành động tiếp sau, nhằm quét sạch quân địch trong toàn khu vực ở phía Tây-Bắc từ Pét-xa-mô tới biển Ba-ren, và ở phía Tây tới biên giới quốc gia Na Uy, chiếm vùng mỏ kền. Đồng chí tư lệnh đề nghị cho phép phương diện quân truy kích tàn quân địch đã bị đánh bại trên lãnh thổ Na Uy và vượt qua biên giới quốc gia.

Đại bản doanh cho phép bộ đội vượt qua biên giới Na Uy và phát triển tiến công tới Kia-ki-nét, căn cứ chủ yếu của địch tại khu vực này. Phương diện quân Ca-rê-li-a phải mở các mũi đột kích trên lãnh thổ Phần Lan ở Tây-Nam dọc biên giới Phần Lan-Na Uy trên hướng Ni-ken và Na-út-xi. Hai điểm này là trung tâm các mỏ kền và là con đường chủ yếu để từ Láp-lan-đi tiến sâu vào Phần Lan và Na Uy. Nhiệm vụ tiêu diệt quân Đức ở khu vực đó giao cho quân đoàn bộ binh 31 và quân đoàn bộ binh nhẹ 127. Lúc bắt đầu chiến dịch, cả hai binh đoàn trên đều nằm trong thê đội 2 của tập đoàn quân 14 và tiến theo sau các đơn vị tiến công của thê đội 1. Nhưng sang ngày 18 tháng Mười 1944, khi tới tuyến Lu-ô-xta-ri, thì các binh đoàn trên tách sang bên trái mũi đột kích chủ yếu của bộ đội Liên Xô, tiến công vào Ni-ken dọc theo con đường cái duy nhất hồi đó.

Như chúng ta đều biết từ thời đại của Ê-pa-mi-nôn-đơ, nghệ thuật quân sự đã đòi hỏi phải tập trung các lực lượng bộ đội chủ yếu trên hướng đột kích chủ yếu. Nhưng trong giai đoạn đấu tranh hiện nay nhằm giải phóng Da-pô-li-a-ri-ê khỏi sự chiếm đóng của Đức lại không đòi hỏi phải làm như vậy. Các lực lượng chủ yếu của địch đã bị đè bẹp, và địch cũng không có cánh quân tập trung. Vì vậy, bộ tư lệnh phương diện quân có thể chia bộ đội ra hoạt động ở các

hướng khác nhau. Đó là biện pháp đấu tranh thích hợp đối với điều kiện lúc bấy giờ. Ngày 22 tháng Mười, ta chiếm Ni-ken, và ít lâu sau quân đoàn bộ binh 31 và quân đoàn bộ binh nhẹ 127 tiến vào Na-út-xi.

Ngày 25 tháng Mười, các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 14 giải phóng Kia-ki-nét. Đồng thời, quân đoàn bộ binh nhẹ 126 tiến từ vùng Ác-ma-lắc-ti trên đất Na Uy tới Nây-đen. Các đơn vị quân Đức bị đánh tan tác bỏ chạy vào sâu trong đất Na Uy. Ở đây chúng vấp phải những ổ đề kháng của các chiến sĩ trong phong trào Kháng chiến Na Uy.

Đêm 29 tháng Mười 1944, khi bộ đội Liên Xô vượt qua điểm dân cư nhỏ Nây-đen của Na Uy thì Hội đồng quân sự phương diện quân Ca-rê-li-a báo cáo với I. V. Xta-lin rằng phía trước phương diện quân không còn địch nữa. Nhiệm vụ quét sạch quân chiếm đóng Hít-le ra khỏi phía Bắc Liên Xô đã hoàn thành.

Ngày 25 tháng Mười 1944, Mát-xcơ-va đã vang lên hai đợt pháo chào mừng thắng lợi. Một đợt chào mừng thắng lợi của các đơn vị phương diện quân Ca-rê-li-a đã hiệp đồng với Hạm đội Bắc giải phóng Kia-ki-nét. Hôm ấy, bộ đội Liên Xô đã vượt qua biên giới một nước đầu tiên chịu ách nô dịch của bọn xâm lược Hít-le. Ngoài Kia-ki-nét, bộ đội Liên Xô còn giải phóng các điểm dân cư Xtước-búc, I-a-cốp-xne-xơ, En-ve-nét, Béc-khây, Xan-nét, Béc-ne-van, Lông-phoóc-bốt, Ni-go-rơ, Phốt-xgo-rơ, Lan-gli, Xvan-vích.

Chính phủ Na Uy gửi thông điệp cho Mát-xcơ-va nói rằng, nhân dân miền Bắc Na Uy sẽ tiếp đón bộ đội Liên Xô như những người giải phóng mình. Thật vậy, nhân dân Na Uy không những là bạn hữu của chúng ta, mà còn là những chiến sĩ đấu tranh vì thắng lợi trước kẻ thù chung đáng ghét.

...Ở mặt phía Đông, nước giá lạnh của vùng I-a-rơ Phi-oóc-đơ đã gây trở ngại cho chúng ta khi tiến đến Kia-ki-nét. Cầu treo ở đây đã bị phá hủy. Tổ chức tiến công vượt qua vịnh sâu và rộng với những vách dựng đứng, bờ bên kia là quân địch mạnh và nham hiểm đang phòng ngự, quả là một công việc hết sức khó khăn và phức tạp. Lúc đó, bộ tư lệnh phương diện quân đã dùng xe lội nước phối thuộc cho các đơn vị. Song, những xe lội nước nhẹ ấy bơi giữa làn mưa đạn đại bác của địch, bị sóng mạnh vỗ vào mạn thành nên không phải xe nào cũng cập bờ được. Xe chòng chành, chìm xuống kéo theo các chiến sĩ và vũ khí nặng xuống vực thẳm. Trận chiến đấu tới giờ phút gay go nhất thì thấy xuất hiện các thuyền đánh cá vững chãi của ngư dân Na Uy. Chủ những chiếc thuyền ấy là những người địa phương, thông thạo từng tảng đá ở vùng bờ biển khắc nghiệt trong vịnh Phi-oóc-đơ này. Dưới làn mưa đạn đại bác và súng máy của địch, ngư dân Na Uy đã cứu các chiến sĩ Liên Xô đang lâm vào cảnh khó khăn, và theo chỉ thị của các cán bộ chỉ huy của chúng ta, họ đã chở các phân đội cập bờ bên kia. M. Gan-xen, một chiến sĩ yêu nước Na Uy, đã chở trên chiếc thuyền của mình cả một tiểu đoàn quân Liên Xô. Các ngư dân T. Ba-lơ, X. Mác-ten-xen, Ô. Gan-xen và P. Gan-xen cũng chở được nhiều chiến sĩ Liên Xô. Nhiều người yêu nước dũng cảm Na Uy còn làm những công việc khác ở trên bờ như: dập tắt các đám cháy trong thành phố, gấp rút khôi phục lại các cầu để bộ đội Liên Xô và khí tài qua được. Nổi bật lên ở đây là các bạn Na Uy A. Mác-ten-xen, U. Khôn-xten-xen. Riêng U. Khôn-xten-xen còn tham gia gỡ mìn ở một nhà máy điện, bảo vệ được nhà máy chờ tới khi bộ đội Liên Xô vào tiếp quản.

Ta còn thấy những hành động tương tự như trên ở sâu trong lãnh thổ Na Uy, khi phương

diện quân Ca-rê-li-a vượt sông Nây-đen - En-vơ. Những người dân Na Uy để râu lại lạng lẽ nhiều lần chở bộ đội Liên Xô sang sông dưới làn mưa đạn của địch. E. Cay-cu-nen đã chở được 135 chiến sĩ Liên Xô, A. La-ba-khu chở được 115, L. Xi-rin và U. La-đa-gô mỗi người chở được 95, P. Khen-đơ-rích-xen chở được 76. Và còn nhiều anh hùng khác nữa, song đáng tiếc là tên tuổi của họ chúng ta không biết hết được. Mục đích chung và hành động của các chiến sĩ Liên Xô nhằm giúp đỡ nhân dân Na Uy trong những giờ phút khó khăn, đã làm cho tình hữu nghị cổ truyền giữa hai dân tộc Liên Xô và Na Uy càng thêm củng cố.

Phương diện quân Ca-rê-li-a tiến vào đất Na Uy, đã tạo những khả năng thuận lợi cho các mặt hoạt động theo kế hoạch của phong trào Kháng chiến Na Uy. Liên Xô hiểu rõ và đánh giá cao ý nghĩa cùng những khó khăn của cuộc đấu tranh mà những người yêu nước Na Uy tiến hành trong những năm đen tối dưới ách của bọn chiếm đóng Hít-le. Chính phủ Liên Xô và Bộ chỉ huy quân sự tìm mọi cách giúp đỡ cuộc đấu tranh đó. Phái đoàn quân sự của Na Uy do đại tá Đa-ni làm trưởng đoàn tại Mát-xcơ-va, thực hiện các nhiệm vụ giống như nhiệm vụ của các phái đoàn quân sự các nước khác. Đặc biệt, nhờ có sự giúp đỡ của phái đoàn, nên Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã hiệp đồng được với Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang Na Uy. Lúc phương diện quân Ca-rê-li-a tiến ra biên giới quốc gia của Na Uy thì Bộ tổng tham mưu được tin chính phủ Na Uy đang chuẩn bị trên lãnh thổ nước ngoài những đội quân đặc biệt, có chừng vài trăm người để thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu ở trong nước. Ngoài ra, các đội quân ấy rồi đây sẽ làm hạt nhân của các lực lượng vũ trang Na Uy. Lúc này là thời cơ các đội quân Na Uy có thể trở về miền Bắc đất nước mình. Các cuộc đàm phán đã bàn tới vấn đề này, cảng Muốc-man-xcơ được chỉ định sử dụng để vận chuyển các chiến sĩ.

Thế nhưng, cuộc sống không đứng nguyên một chỗ. Trước khi về tới lãnh thổ đã được giải phóng, bộ đội Na Uy còn phải tiến hành các công tác nhằm khắc phục những hậu quả do bọn chiếm đóng gây ra. Thông qua phái đoàn quân sự của mình tại Liên Xô, chính phủ Vương quốc Na Uy bày tỏ rằng sẽ rất biết ơn Hồng quân nếu như khi tiến vào lãnh thổ Na Uy, Hồng quân sẽ góp phần giúp đỡ chính quyền địa phương và các lực lượng Kháng chiến của Na Uy.

Bộ đội Na Uy đến nơi bị chậm, vì con đường tới Muốc-man-xcơ gặp khó khăn và nguy hiểm. Vì vậy, bộ tư lệnh tập đoàn quân 14 phải nắm lấy các công tác tổ chức ban đầu để chuẩn bị cho sự hợp tác giữa bộ đội Liên Xô và các lực lượng chiến đấu Na Uy trên lãnh thổ của Na Uy đã được phương diện quân Ca-rê-li-a giải phóng. Thực hiện các nhiệm vụ này, bộ tư lệnh tập đoàn quân 14 dựa vào bức thông điệp của chính phủ Na Uy gửi Chính phủ Liên Xô, dựa vào lời kêu gọi của nhà vua Khô-côn gửi nhân dân Na Uy và dựa vào hiệp định về chính quyền dân sự trên lãnh thổ Na Uy được ký kết ngày 17 tháng Năm 1944 giữa các chính phủ Liên Xô, Mỹ và Anh với chính phủ Na Uy. Theo hiệp định này, trong thời gian có chiến sự, người tư lệnh quân đồng minh sẽ có quyền hạn của chính quyền tối cao đối với chính quyền dân sự.

Sử dụng quyền hạn đó, thiếu tướng A. I-a. Xéc-gây-ép, ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân 14, ngày 3 tháng Mười một 1944 đã triệu tập các thành viên cơ quan tự quản địa phương của Na Uy, đề nghị tổ chức ra các đội chiến đấu chống phát-xít Đức. Theo ý kiến của phái đoàn quân sự Na Uy, trong vùng giải phóng có chừng 20.000 đến 22.000 dân, nên dự kiến sẽ thành lập hai đội, mỗi đội có chừng 400 người.

Những người lãnh đạo cơ quan tự quản địa phương hứa sẽ mang hết sức mình để thành lập các chi đội. Họ quyết định thành lập các chi đội ấy trong đường hầm của những mỏ quặng sắt ở

thị trấn Béc-ne-van, vì trong vùng bị địch phá hoại này không còn nơi nào thích hợp hơn với loại công việc đó. Thời gian không chờ đợi. Những người Na Uy bắt tay vào việc phòng thủ đất nước mình càng sớm càng tốt. Các đại biểu của chính quyền địa phương hứa sẽ làm việc không quản ngày đêm. Khó khăn có nhiều. Nhân dân sống trong các ấp trại hoặc các thị trấn cách xa nhau đến một trăm ki-lô-mét, đường sá không có, vận tải và thông tin cũng không. Tình hình lương thực hết sức tồi. Quân phục cần thiết thì thiếu. Giày hoàn toàn không có. Trước đây, nhân dân không một ai được huấn luyện quân sự, và không thể lựa chọn được đội ngũ cán bộ chỉ huy.

Thế nhưng, các đại biểu của cơ quan tự quản vẫn tin rằng sẽ thực hiện được nhiệm vụ thành lập các đội. Họ đề nghị vị tướng Liên Xô yêu cầu chính phủ Na Uy sẽ gấp rút cử đại biểu của họ để giải quyết các vấn đề cấp bách về sinh hoạt trong nước, và công khai tuyên bố rằng nhân dân miền Bắc Na Uy sẽ tổ chức ra các đội chiến đấu chống bọn phát-xít Đức; các đội này cũng sẽ là bộ phận hợp thành của quân đội Na Uy. Họ còn đưa ra những đề nghị khác với Bộ chỉ huy Liên Xô như: giúp đỡ các phương tiện vật chất, cung cấp lương thực và quân phục cho các đội, cung cấp phương tiện vận tải để báo tin cho nhân dân.

Hội đồng quân sự tập đoàn quân 14 đã đáp ứng các nhu cầu của những người yêu nước Na Uy, cung cấp lương thực và quân phục cho họ. Những ô-tô để báo tin về việc thành lập các đội tự vệ cũng được cung cấp.

Sau này, chúng ta còn tiếp tục giúp đỡ cho nhân dân địa phương. Tại vùng giải phóng của Na Uy còn thành lập cả những cơ sở y tế cần thiết để chống các bệnh truyền nhiễm trong nhân dân, đặt các trạm thông tin bưu điện. Các chiến sĩ xô-viết còn giúp đỡ khôi phục các công trình kinh tế; đôi khi còn giúp nhân dân Na Uy cả những thứ mà chính bản thân quân đội Liên Xô cũng còn thiếu.

Sau ngày hội Cách mạng tháng Mười, các đại biểu của phái đoàn quân sự Na Uy tại Liên Xô và đội chiến đấu đầu tiên đã trở về Na Uy.

Tất nhiên, các lực lượng tự vệ Na Uy chưa đủ sức để bảo đảm an toàn thực sự cho vùng giải phóng của Na Uy. Vì vậy, Đại bản doanh ra lệnh cho phương diện quân Ca-rê-li-a (ngày 9 tháng Mười một 1944) chuyển sang phòng ngự trên tuyến biên giới quốc gia Na Uy, còn trên tuyến Nây-dên, Voóc-ta-niê-mi mà bộ đội của phương diện quân đã tới đó, thì để lại các đội cảnh vệ và các đơn vị trinh sát. Bộ đội bước vào tập bài huấn luyện theo kế hoạch.

Ngày 15 tháng Mười một, phương diện quân Ca-rê-li-a được giải thể. Tập đoàn quân 14 trở thành tập đoàn quân độc lập trực thuộc Đại bản doanh. Vào tháng Giêng 1945, K. A. Mê-rét-xcốp cùng bộ tham mưu tới I-a-rô-xláp, họ được cử sang Viễn Đông để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp mới.

Việc tiêu diệt quân địch ở sườn phía Bắc mặt trận Xô - Đức có ý nghĩa chính trị và quân sự to lớn. Hàng ngàn binh lính tinh nhuệ của quân phát-xít Đức bị chôn vùi trước các đòn tiến công của bộ đội Liên Xô trong các khu rừng ở Ca-rê-li-a và trong vùng đài nguyên Da-pô-li-a-ri-ê. Quân địch bị mất một căn cứ bàn đạp rộng lớn mà trước đây nó vẫn uy hiếp các khu vực quan trọng của Liên Xô. Mặt trận Liên Xô được củng cố vững chắc dọc biên giới quốc gia. Các điều kiện hoạt động chiến đấu của Hạm đội Bắc, Hạm đội Ban-tích và cả các phương diện quân của Liên Xô ở Pri-ban-tích được thuận lợi thêm nhiều. Mỗi nguy cơ uy hiếp sự an toàn của Lê-

nin-grát giảm đi hẳn.

Cách Đan Mạch 135 ki-lô-mét, ở vùng biển xám Ban-tích có hòn đảo Bô-rơ-nơ-khôm. Các từ điển bách khoa thường giải thích ngắn gọn như sau: diện tích đảo 587 ki-lô-mét vuông, dân số 47.000. Không phải ngẫu nhiên mà bọn chiếm đóng Đức đặt chân lên hòn đảo. Năm 1940, sau khi chiếm được Đan Mạch, chúng vội vã tung quân chiếm đóng đảo Bô-rơ-nơ-khôm, kiểm soát phần phía Tây-Nam biển Ban-tích. Nhân dân sống trên đảo bị tách khỏi Tổ quốc. Tên giám binh Hít-le nay trở thành chúa đảo, chi phối vận mệnh của họ.

Cuối cuộc chiến tranh, binh lính phát-xít Đức ở đất liền chạy về tràn ngập đảo. Chúng bỏ chạy hòng lẩn trốn sự trừng trị của các chiến sĩ Liên Xô và Ba Lan. Bọn Hít-le vẫn không chịu hạ vũ khí, chẳng bao lâu chúng ăn hết lương thực của nhân dân trên đảo. Trên đảo không còn lấy một giọt sữa, một hạt thóc. Bò sữa trên đảo bị binh lính Đức vắt kiệt hết. Nhân dân trên đảo bị chết đói. Bóng ma chết đói cũng lớn vờn đến cả binh lính Đức.

Nguyện vọng nhân đạo muốn cứu nhân dân đảo Bô-rơ-nơ-khôm thoát khỏi bị tiêu diệt và thoát ách bạo lực của bọn chiếm đóng phát-xít Đức đã thúc đẩy Đại bản doanh ra quyết định chiếm hòn đảo và bắt bọn binh lính Hít-le có vũ trang làm tù binh. Theo chỉ thị của Bộ tổng tư lệnh tối cao, Bộ tổng tham mưu thông báo cho các nước đồng minh biết quyết định trên. Ngày 11 tháng Năm 1945, quân đoàn bộ binh 132 thuộc tập đoàn quân 19 do thiếu tướng Ph. Ph. Cô-rốt-cốp chỉ huy đã đổ bộ lên đảo trên các hạm tàu của Hạm đội Ban-tích. 12.000 binh lính và sĩ quan địch buộc phải hạ vũ khí.

Cuộc sống trên đảo cần được ổn định ngay. Các chiến sĩ Liên Xô cùng với nhân dân trên đảo ra đồng ruộng sản xuất, giúp đỡ nhân dân khôi phục giao thông liên lạc, phục hồi nghề đánh cá. Sức dân hồi lại dần dần sau những ngày dài đen tối dưới ách chiếm đóng của phát-xít Đức. Nông nghiệp và thủ công nghiệp được phục hồi. Số bộ đội Liên Xô đóng trên đảo giảm xuống còn một sư đoàn, và năm sau, đến tháng Tư 1946, đảo Bô-rơ-nơ-khôm được long trọng chuyển giao cho chính quyền Đan Mạch. Bộ đội Liên Xô trở về Tổ quốc mình.

Từ lâu các dân tộc Liên Xô và các dân tộc Na Uy, Đan Mạch cùng chung sống trong tình hữu nghị và tôn trọng lẫn nhau. Trong quá khứ của các dân tộc ấy không có những năm đen tối của những cuộc xung đột quân sự và tàn sát đẫm máu. Ngược lại, chỉ có cuộc đấu tranh chung nhằm chống kẻ thù chung là bọn chiếm đóng phát-xít Đức. Cuộc đấu tranh ấy làm gắn bó thêm tình anh em và trở thành trang sử vẻ vang sống mãi.

Những sự hy sinh trong cuộc đấu tranh giải phóng Na Uy thật là to lớn. Gần 2.900 chiến sĩ Liên Xô đã yên nghỉ bên các anh hùng của cuộc Kháng chiến Na Uy. Chiến công của những người đã hy sinh nhắc nhở chúng ta nhớ đến những khó khăn và các bài học trong cuộc chiến tranh chống bọn xâm lược Hít-le, kêu gọi chúng ta vươn tới giành lấy những thành tựu mới vì sự nghiệp hòa bình và tiến bộ.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

• Trên các tuyến cuối cùng ở châu Âu

- Phe địch rối loạn.
- Âm mưu thâm độc sau lưng chúng ta.
- Phản kháng của chính phủ Liên Xô.
- Những dự đoán của Bộ tổng tham mưu.
- Các cuộc hội đàm ở Rem-xơ.
- Nên ký hay không?
- Phải xé toang chiếc mạng nhện.
- Béc-lin thất thủ.
- Hít-le ở đâu?
- Những con chuột cống chạy khỏi chiếc tàu đắm.
- Tới Pra-ha!
- Các sự kiện ở thủ đô Tiệp Khắc.
- Đầu hàng không điều kiện.
- Séc-nơ «phủ tay».
- Kết liễu bọn phản bội.

Từ lâu, những tên đầu sỏ phát-xít Đức đã nghĩ đến việc rút quân ở mặt trận phía Tây để tung sang phía Đông và sẽ dùng mọi lực lượng ở đây chống lại Hồng quân. Nhưng muốn làm được những việc ấy, chúng chỉ có cách phải đơn phương đầu hàng các nước đồng minh hoặc thỏa ước riêng với họ. Nhân đây xin nói thêm là như đã nêu trên, bọn tay sai Ru-ma-ni và Hung-ga-ri của Hít-le đã từng âm mưu hành động như vậy sau lưng chúng ta. Còn bây giờ, khi chúng ta bắt đầu mở những chiến dịch lớn trên hướng Tây, thì nhất định sẽ có những âm mưu mới nhằm chia rẽ sự thống nhất của ba nước lớn.

Dự đoán trên của chúng ta là đúng, và kể cũng nên nhắc lại một số sự kiện mà Bộ tổng tham mưu đã phải giải quyết trong thời gian ấy. Ví dụ như trong cuốn «Lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai», C. Típ-pen-xkiéc đã chứng minh rằng khi lập kế hoạch chiến dịch Ác-đen, Bộ chỉ huy phát-xít Đức không phải chỉ theo đuổi có một mục đích quân sự. Chúng hy vọng rằng nếu thắng lợi thì sẽ tạo ra được những bất đồng nghiêm trọng giữa Ru-dơ-ven và Séc-sin^[21]. Hồi đó, chúng ta đã giúp đỡ các nước đồng minh bằng cách mở sớm trước hạn định chiến dịch Vi-xla - Ô-đe. Cuộc tiến công như vũ bão của chúng ta trong tháng Giêng 1945 từ Vi-xla đến Ô-đe buộc một số kẻ cầm đầu quân sự của nước Đức phát-xít, chẳng hạn H. Gu-đê-ri-an, phải lo lắng và chuẩn bị để rút nước Đức ra khỏi chiến tranh. Một số tên cầm đầu có thể lực của bộ máy Ríp-ben-tơ-rốp cũng có quan điểm như thế. Âm mưu cứu vớt con tàu nhà nước phát-xít đang bị đắm, được bọn chúng coi là «một hành động nhân đạo», nhằm cứu nhân dân Đức và châu Âu khỏi «mối uy hiếp của chủ nghĩa bôn-sê-vích». Nhớ lại buổi gặp gỡ ngày 23 tháng Giêng 1945 với một quan chức của Bộ ngoại giao Đức, chuyên liên hệ với Bộ tổng tham mưu trong quân đội, H. Gu-đê-ri-an viết rằng cả hai đều muốn đi tới ký kết «dù là hiệp định đình chiến đơn phương». Hơn nữa, bọn Hít-le còn cho rằng việc bỏ ngổ mặt trận phía trước quân Anh - Mỹ là một nhiệm vụ thực tiễn. Bộ trưởng ngoại giao Đức cũng quan niệm Anh và Mỹ phải trở thành đồng minh của Hít-le chống lại Liên Xô, nhưng vào lúc này y lại chưa định ủng hộ quan điểm

của Tổng tham mưu trưởng trước mặt Hít-le. Gu-đê-ri-an vẫn hy vọng có thể tìm kiếm sự ủng hộ các quan điểm của mình trong các giới phát-xít chớp bu, y tìm gặp Him-le. Him-le trả lời: «Ngài thương tướng thân mến, còn sớm quá!» Rồi liền ngay tối hôm ấy, Hít-le cho Gu-đê-ri-an nghỉ phép bốn tuần lễ để «hồi phục sức khỏe».

Việc thăm dò khả năng ký kết hiệp định đơn phương với các nước đồng minh còn trực tiếp diễn ra ở những nước trung lập. Tướng K. Vôn-phơ phụ trách các đơn vị SS và cảnh sát ở mặt trận I-ta-li-a đã gặp A-len Đa-lét ngày 8 tháng Ba ở Thụy Sĩ. Chưa chắc Vôn-phơ đã tự mình đi làm công việc này. Rõ ràng là y làm theo lời khuyên bảo của cấp trên. Vậy ai làm việc đó, chúng ta chưa biết, nhưng điều đó không có ý nghĩa gì đặc biệt lắm. Bộ tổng tham mưu Liên Xô đã nắm được những tin tức về cuộc gặp gỡ ấy do cơ quan tình báo cho biết, và nội dung cuộc đàm phán cũng không có gì khó đoán được. Chúng ta còn nhận cả những tin, tuy chưa được xác minh, về âm mưu giành giật quyền lãnh đạo ở ngay trong nước Đức phát-xít.

Phải nói rằng, việc giải thích khái niệm «đầu hàng» theo quan điểm của các nước đồng minh có lợi cho các tướng lĩnh Hít-le. Các nước đồng minh tuy có yêu cầu Đức phải đầu hàng không điều kiện các Nước liên minh trong phạm vi toàn bộ cuộc chiến tranh, nhưng đồng thời lại đề ra ngoại lệ rất đặc biệt, cho phép những người chỉ huy quân sự của mình tiếp nhận sự đầu hàng của quân địch trên chiến trường, ngoại lệ đó được hiểu rất rộng đến mức có thể chấm dứt những hoạt động quân sự trên các mặt trận riêng biệt. Đánh hơi được «ngoại lệ» ấy, bọn Đức hiểu rất rõ rằng, các nước đồng minh đang dành cho chúng nhiều lối thoát thuận tiện. Sau khi đầu hàng «trên chiến trường» chúng có thể mời các đồng minh của chúng ta vào nước Đức, mở toang cửa cho quân Anh - Mỹ tràn sâu vào trong nước, chiếm lĩnh các vùng đất đai của Đức, khiến Hồng quân không thể tới đây được nữa. Ngoài ra, đầu hàng như vậy sẽ không còn là đầu hàng không điều kiện nữa, mà có thể nói là đã tạo điều kiện cho quân phát-xít Đức rút về nước chúng một cách hợp pháp, giữ được lực lượng khỏi bị tiêu diệt. Và cũng dễ hiểu là quân Anh - Mỹ tràn sâu vào nước Đức thì chúng sẽ giữ được các cơ sở công nghiệp của nước Đức quốc xã và quân đội quốc xã, giữ được cả những vùng đất đai cần thiết để tiếp tục chiến tranh chống lại Liên Xô. Chúng ta còn được biết các đồng minh của chúng ta vẫn thường có thái độ dễ dàng với các cơ quan của nhà nước phát-xít, nên cũng tạo thêm điều kiện cho chúng hy vọng vào mai sau.

Chúng ta được biết ngày 19 tháng Ba lại có cuộc gặp gỡ thứ hai giữa K. Vôn-phơ và A. Đa-lét. Lần gặp gỡ này còn có cả các tham mưu trưởng quân Anh và Mỹ hoạt động trên chiến trường I-ta-li-a bí mật tới Thụy Sĩ cùng tham dự.

Các cuộc đàm phán tiến hành ở Thụy Sĩ kéo dài gần nửa tháng, nhưng các nước đồng minh không hề thông báo cho Chính phủ Liên Xô biết điều gì. Mãi đến ngày 21 tháng Ba, A. I-đơn, bộ trưởng ngoại giao Anh mới ra lệnh thông báo cho Chính phủ Liên Xô về cuộc đàm phán, và lúc ấy mới chính thức làm như vậy.

Chính phủ Liên Xô đấu tranh cho sự thống nhất của các nước đồng minh, không cho địch có thể cứu vãn được quân đội và nhà nước của chúng tránh khỏi thất bại, đã kịch liệt phản kháng những cuộc đàm phán ở sau lưng Liên Xô. Nếu như tin vào những hồi ký của Sốc-sin, thì ông ta đã «phẫn nộ» trước sự phản kháng đó của Liên Xô, nhưng lại không muốn làm cho các mối quan hệ trở nên gay gắt.

Hồi ấy, những người tham gia đàm phán ở Thụy Sĩ chưa thỏa thuận được với nhau một điều

khoản gì cả. Những đòi hỏi của các tướng lĩnh Hít-le thì rất nhiều. Và sự phản kháng quyết liệt của Chính phủ Liên Xô cũng đưa lại kết quả cần thiết: Anh và Mỹ buộc phải cung cấp đều đặn cho Liên Xô các tin tức đàm phán trên mặt trận I-ta-li-a. Ngày 22 tháng Tư 1945, Tổng tham mưu trưởng Hồng quân nhận được thư của các trưởng phái đoàn quân sự Anh và Mỹ ở Liên Xô. Họ báo cho chúng ta biết rằng, Tổng tư lệnh quân Đức ở I-ta-li-a hiện nay không có ý định đầu hàng cùng với quân đội của chúng «theo các điều kiện mà chúng ta có thể chấp nhận được» (do tôi nhấn mạnh — X. S.), vì vậy chiếu theo chỉ thị của các tham mưu trưởng liên quân, sẽ đình chỉ mọi cuộc đàm phán, và vấn đề này đến đây là hết. Thế nhưng, cách năm ngày sau, họ lại nổi lại những cuộc đàm phán, song lần này không cho các tướng lĩnh phát-xít Đức đặt ra điều kiện nào cả; những cuộc đàm phán ấy không tiến hành ở Thụy Sĩ như trước, mà ở ngay Bộ tham mưu của tư lệnh bộ đội Anh A-lếch-xan-đe-rơ.

Cũng trong ngày hôm ấy, các trưởng phái đoàn quân sự còn gửi cho Bộ tổng tham mưu Liên Xô một bức thư khác nói rằng có thể có cuộc đàm phán của quân phát-xít Đức xin đầu hàng ở Đan Mạch. Bọn quốc xã ở đây thông qua những người trung gian, liên lạc với Hội đồng tự do của Đan Mạch, nhưng lại «quên» không tính các đơn vị SS và cảnh sát, những bọn đao phủ chính, vào thành phần các đơn vị đầu hàng. Tuy nhiên, bản thân những sự kiện như thế cũng đã làm cho chúng ta vui mừng, vì rằng những con quái vật phát-xít chiếm đóng Đan Mạch đã đến ngày tận số, và các nước đồng minh đã phải nhanh chóng thông báo cho Bộ tổng tham mưu biết ngay về khả năng sắp có cuộc đàm phán với các đại biểu của quân địch. Ít lâu sau, ngày 27 tháng Tư, chúng ta lại nhận được một bức thư nữa cho biết: địch có khả năng xin đầu hàng ở Hà Lan.

Bộ tổng tham mưu chú ý nghiên cứu tất cả các tình hình trên và tình huống trên các mặt trận, yêu cầu các nước đồng minh không được để cho quân Đức rút các lực lượng của chúng ở mặt trận phía Tây sang tăng cường cho phía Đông. Ai-xen-hao, Tổng tư lệnh quân đội đồng minh, hứa nghiêm chỉnh thực hiện đề nghị chính đáng đó của Liên Xô.

Song, dầu sao thì chúng ta cũng vẫn không loại trừ khả năng có những đơn vị phát-xít Đức được rút ở mặt trận phía Tây đưa sang mặt trận chúng ta. Do đó, cơ quan tình báo Liên Xô và các trợ lý nhận thêm những nhiệm vụ mới: các trinh sát viên có nhiệm vụ phải báo cáo kịp thời lên Bộ tổng tư lệnh tối cao về các âm mưu của địch, còn các trợ lý phải đề xuất biện pháp tiêu diệt các lực lượng quân địch đang được điều động tới mặt trận phía Đông.

Chúng ta còn biết cả những tin tức khác nữa: bọn quốc xã sẽ ra sức giữ gìn các lực lượng của chúng để khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn ở mặt trận phía Đông bằng cách dựa vào các tuyến địa hình hiểm trở ở vùng Nam và Tây - Nam nước Đức Hít-le. Những tuyến ấy là các dải núi ở phía Bắc và Tây-Bắc Tiệp Khắc, dãy núi An-pơ trên lãnh thổ Áo. Gặp khi cần thiết, bọn Hít-le có thể từ đó chạy sang mặt trận quân Anh và Mỹ đang vội vã tiến quân từ phía Tây lại. Do đó, nhiệm vụ của chúng ta là không cho địch tổ chức phòng ngự vững chắc tại đây hoặc chạy sang khu vực đóng quân của các nước đồng minh.

Chẳng bao lâu các sự kiện diễn ra đã khẳng định những kết luận của chúng ta là đúng. Cuối tháng Ba, chúng ta được tin của người Anh là đại bộ phận các bộ trong chính phủ Đức đã di chuyển xuống phía Nam. Sau đó, người Mỹ cho biết ngày 7 tháng Tư 1945, Ríp-ben-tơ-rốp đã triệu tập đại sứ Ô-xi-ma của Nhật và thông báo cho ông ta biết những diễn biến trong tình hình quân sự có thể dẫn đến «sự cần thiết phải tạm thời rời chính phủ Đức xuống miền Nam

nước Đức». Chúng ta được tin đích xác rằng Hít-le đang xây dựng «Pháo đài An-pơ». Tướng Pica, trưởng phái đoàn quân sự Tiệp Khắc, thông báo hàng ngày cho chúng ta những tin tức về tình hình ở Tiệp Khắc, và từ cuối tháng Ba, ông ta thường xuyên báo cho biết: quân phát-xít Đức đang tập trung không ngừng các lực lượng và phương tiện của chúng trong các vùng núi. Các đoàn tàu và đoàn xe chở xi-măng và các vật liệu xây dựng khác, các xưởng sửa chữa các loại, các trang bị của bộ tham mưu và các đội công nhân được chở tới đây. Rõ ràng địch đang tranh thủ thời gian, dồn các phương tiện vật chất lại để trang bị các sở chỉ huy, xây dựng kho tàng, hệ thống các trận địa dùng cho các loại vũ khí, địa điểm bố trí và khu phòng thủ các đơn vị. Mọi biện pháp nguy trang được chúng tiến hành rất cẩn thận.

Địa điểm của «Pháo đài An-pơ» tại nơi tiếp giáp giữa Đức và Áo (vùng Mui-ních, In-xbuc, Dan-xbuc) — hoàn toàn phù hợp với các kết luận của chúng ta. Tình hình đó làm chúng ta thêm cảnh giác, hơn nữa Séc-sin vội nói thẳng với Bộ chỉ huy liên quân Anh-Mỹ rằng chính họ phải chiếm Béc-lin và không để cho quân Nga vào vì lý do thuần túy về chính trị. Trong thư gửi Ai-xen-hao ngày 31 tháng Ba 1945, ông ta khuyên nên tiến công vượt qua sông En-bơ và tiến xa hơn nữa đến tận thủ đô của nước Đức.

Hồi đó, Chính phủ Liên Xô đã kịp ngăn chặn tình hình phức tạp có thể xảy ra trong quan hệ giữa các nước đồng minh. Bộ đội Liên Xô ngày đêm kiên quyết tiến công địch, cho đó là biện pháp tốt nhất để tiến gần đến giờ thắng lợi. Bộ đội của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 2 đã đánh thắng quân địch ở Pô-mê-ra-ni. Một cụm quân lớn của phát-xít Đức bị tiêu diệt tại đây. Các chiến dịch của ta trên hướng Béc-lin lúc này được bảo đảm chắc chắn về mọi mặt.

Trong tháng Tư 1945, bọn quốc xã còn triển khai một mạng lưới chính trị rộng rãi hơn nữa. Ngày 16 tháng Tư, sau khi ba phương diện quân Liên Xô tiến công vào thủ đô nước Đức phát-xít thì nguyên soái Gh. C. Giu-cốp, tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, nắm được tin qua lời khai của tù binh địch rằng, chúng nhận nhiệm vụ phải chiến đấu kiên quyết không chịu lùi một bước trước quân Nga và sẽ chiến đấu đến người cuối cùng, dù cho quân đội Mỹ có tiến vào phía sau lưng quân Đức. Đồng chí tư lệnh báo cáo bằng điện cho I. V. Xta-lin những tin tức khác thường ấy. Tất nhiên rồi Bộ tổng tham mưu cũng biết được ngay những tin trên.

Trong thời gian ấy, tại điện Crem-li mỗi ngày có đến mấy lần báo cáo về tình hình chiến dịch Béc-lin. Chẳng hạn, ngày 17 tháng Tư, tôi và A. I. An-tô-nốp đến Đại bản doanh, mang theo những tin mới tiến công thắng lợi vào điểm cao Dê-e-lốp. Trong quá trình làm việc, chúng tôi có nói đến cả thông báo của tư lệnh phương diện quân.

— Cần phải trả lời cho đồng chí Giu-cốp, — I. V. Xta-lin nói, — đồng chí ấy có thể chưa biết được hết những cuộc đàm phán của Hít-le với các nước đồng minh...

Ngừng một lát, thấy An-tô-nốp và tôi chuẩn bị ghi, đồng chí đọc bức điện ngắn cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Sau khi nói đã nhận được điện của Giu-cốp, Tổng tư lệnh tối cao đọc tiếp: «Đồng chí đừng lưu tâm đến những lời khai của tù binh Đức. Hít-le đang căng chiếc mạng nhện ở khu vực Béc-lin, để gây nên những mối bất hòa giữa người Nga và các nước đồng minh. Chúng ta cần xé toang chiếc mạng nhện ấy, bằng cách bộ đội Liên Xô phải chiếm lấy Béc-lin. Chúng ta có thể làm được và chúng ta phải làm bằng được công việc ấy».

Ngày 20 tháng Tư, pháo binh Liên Xô bắt đầu nã vào Béc-lin, và sang ngày hôm sau thì các chiến sĩ Liên Xô đột nhập vào thành phố. Súng nổ không những đã chôn vùi cái ngày sinh nhật

vốn đã buồn tẻ của Hít-le, mà còn buộc Hít-le phải ra lệnh phái ngay đội tiên phong đi đến Dan-xbuốc, tới «Pháo đài An-pơ», vì thời gian không chờ đợi nữa rồi.

Như chúng ta đều biết, Hít-le chưa thể dời sang địa điểm mới vì nhiều nguyên nhân: chẳng hạn «Pháo đài» chưa chuẩn bị xong mà quân Mỹ đã tiến sát đến đấy. Nhưng chủ yếu có lẽ là đến giờ phút cuối cùng, Hít-le vẫn còn hy vọng rằng trước khi Béc-lin thất thủ sẽ diễn ra sự tranh chấp giữa các nước đồng minh.

Những hành động của Hồng quân ở khu vực Béc-lin đã uy hiếp địch, không những sẽ bị mất thành phố, do vị trí của thành phố đó, nên phần lớn nhân dân Đức còn giữ ấn tượng về tính chất vững vàng của nhà nước phát-xít, mà còn đe dọa sẽ đánh vu hồi thành phố tới sông En-bơ. Đến đây, bộ đội Liên Xô sẽ gặp quân đội của các nước đồng minh, như vậy có nghĩa là sẽ chia cắt toàn bộ mặt trận địch và sẽ gây thêm biết bao khó khăn khác nữa cho chúng.

Tình hình uy hiếp đó lại càng thôi thúc bọn quốc xã. Ngày 19 và 21 tháng Tư 1945, Him-le đề nghị với Anh và Mỹ là quân Đức xin đầu hàng ở phía Tây. Đề nghị của Him-le diễn ra ở Xtốc-khôm, nói miệng qua bá tước Béc-na-đốt là phó chủ tịch hội Chữ thập đỏ Thụy Điển. Các nước đồng minh không bác bỏ đề nghị ấy, nhưng tỏ ý rằng họ chỉ chấp nhận sự đầu hàng đó khi quân Đức cũng phải đầu hàng cả với Liên Xô.

Cùng trong ngày 21 tháng Tư ấy, các phái đoàn quân sự Anh và Mỹ đã thông báo cho Bộ tổng tham mưu Liên Xô rằng: tới đây có thể sẽ có sự đầu hàng không điều kiện của những lực lượng lớn quân địch trên bất kỳ khu vực mặt trận chủ yếu nào. Họ viết: «Các tham mưu trưởng liên quân cho rằng mỗi cường quốc chủ yếu trong các nước đồng minh, nếu họ muốn, thì phải có khả năng cử các đại biểu của mình đến dự những cuộc đàm phán về bất cứ sự đầu hàng nào. Thế nhưng, không được từ chối một đề nghị đầu hàng nào, nếu chỉ vì vắng mặt đại biểu của một trong ba nước đồng minh...»

Chúng ta đồng ý như vậy, mặc dầu giọng văn bức thư không lịch thiệp lắm, nó toát lên tinh thần: muốn hay không chúng tôi vẫn tiếp nhận sự đầu hàng trong bất cứ hoàn cảnh nào thậm chí sự đầu hàng ấy thực chất là chống đối lại các ngài — nước đồng minh của chúng tôi.

Do nắm được ý đồ của Anh và Mỹ trong cuộc đàm phán, nên tối 21 tháng Tư, bộ chỉ huy Đức ra lệnh cho quân đội của chúng rút hết lực lượng ở các khu vực mà quân Mỹ ở phía Tây hoạt động, và điều động sang mặt trận phía Đông. Kết quả những cuộc đàm phán của các nước đồng minh với Hít-le là chĩa mũi nhọn chống lại Liên Xô.

Ngày 22 tháng Tư, trong căn nhà hầm của văn phòng để chế, tại buổi họp cuối cùng bàn về tác chiến, I-ốt nêu lên ý kiến mà hồi đó chưa ai dám chính thức nói, rằng sẽ rút hết quân đội ở mặt trận chống quân Anh-Mỹ và tiến về chiến đấu giữ lấy Béc-lin. Hít-le thông qua đề nghị ấy và tự đảm nhiệm chỉ đạo chiến dịch đó. Ngày 24 tháng Tư, Hít-le đã ra chỉ thị đặc biệt gửi cho tư lệnh các cụm tập đoàn quân, yêu cầu dốc hết mọi sức lực hiện có để chống lại «kẻ thù không đội trời chung, chống lại chủ nghĩa bôn-sê-vích». Trong chỉ thị còn nói rõ: không cần quan tâm đến vấn đề quân Anh - Mỹ có thể chiếm được phần lớn đất đai trong nước. Chỉ thị đó gửi đi cho mọi tư lệnh cụm các tập đoàn quân phát-xít Đức ở châu Âu. Cũng trong ngày hôm ấy, tập đoàn quân 12 Đức của tướng Ven-cơ được điều về Béc-lin chống lại bộ đội Liên Xô.

Thời gian này, bộ đội Liên Xô đã bao vây Béc-lin và đang liên tục tiến công vào các khu phố, các pháo đài, từ nhiều ngả đánh về phía nhà quốc hội. Ở phía Tây Béc-lin, Bộ đội Liên Xô tiến

ra sông En-bơ và ngày 25 tháng Tư đã gặp quân Mỹ ở khu vực Xơ-rên-la, Toóc-gau.

Lúc này, Gơ-rinh — kẻ đang trực tiếp gần gũi mặt trận quân Mỹ, đã mạnh dạn gửi cho Hít-le bức điện đề ngày 25 tháng Tư, nói rằng thuận theo ý chí của quốc trưởng, chính y — Gơ-rinh — sẽ là người kế nghiệp của quốc trưởng. Và, thực tế cũng đã đến lúc phải thực hiện cái sự nghiệp đó. Gơ-rinh thông báo rằng y sẽ nắm quyền lãnh đạo nhà nước, vì Hít-le đang ở trong vòng vây Béc-lin không thể chỉ đạo hết mọi công việc. Và y — Gơ-rinh — là người có đủ mọi quyền hành cần thiết có thể đứng ra đàm phán trực tiếp với Anh - Mỹ.

Hít-le nổi xung, vì kẻ trước đây rất thân cận với y, nay lại dám coi y chỉ còn là cái thây ma chính trị, và y gọi người «thừa kế» của mình là kẻ đê hèn và phản bội, lập tức truất Gơ-rinh khỏi chức tư lệnh không quân. Hai ngày sau biến cố về bức điện của Gơ-rinh, một trong các quan chức cao cấp của ngành thông tấn báo cáo cho Hít-le biết: hãng thông tấn Anh Roi-tơ loan tin rằng Him-le đề nghị với chính phủ Mỹ và Anh ký kết hòa ước riêng rẽ. Viên quan chức nọ báo cáo rằng Him-le đã thông báo cho hai chính phủ biết về tình trạng bệnh hoạn của Hít-le, dường như Hít-le đang sắp tới ngày tận số, mà có sống sót thêm nữa cũng chẳng được bao ngày. Hít-le càng thêm phần uất. Y cố sức chứng minh rằng y vẫn đang còn quyền hạn ảnh hưởng tới các sự kiện. Y đặt hy vọng cuối cùng vào tập đoàn quân 12 của Ven-cơ là tập đoàn quân có thể sẽ là bằng chứng quan trọng trên chiến trường. Có lẽ, vì có sự thúc ép của Hít-le nên mới có bức thư gửi cho tư lệnh tập đoàn quân Đức 12 do Boóc-man và Crếp ký ngày 29 tháng Tư. Bức thư viết: «Tướng Ven-cơ thân mến! Như Ngài được biết trong thông báo, Ngài thủ lĩnh SS Him-le đã đề nghị với Anh - Mỹ trao không điều kiện thành phố của chúng ta cho bọn bịp bợm. Chỉ có quốc trưởng, riêng quốc trưởng mới quyết định được bước ngoặt như vậy! Điều kiện cấp bách hiện nay là quân đội của Ngài phải bắt liên lạc được ngay với chúng tôi, để tạo điều kiện cho quốc trưởng có thể dễ dàng hoạt động chính trị đối nội và đối ngoại lúc tiến hành các việc đàm phán...»

Thế nhưng, các sự kiện phát triển lại không lợi cho Hít-le và bè lũ tay sai của y. Những trận đánh ở Béc-lin đang tiến sát đến nhà quốc hội và văn phòng đế chế. May ngày gần đây, hỏa lực của bộ binh và pháo binh Liên Xô liên tục bắn phá quyết liệt vào đây. Nhận thấy đã đến bước đường cùng, Hít-le mới giở trò hề làm lễ cưới E-va Brao, và ngày 30 tháng Tư, Hít-le cùng với vợ tự sát.

Sau khi tên đầu sỏ phát-xít chết, những người kế tục của y còn lớn tiếng kêu gào quân đội của chúng trên khắp các mặt trận phải siết chặt hàng ngũ, dù tình hình có xấu đến mức nào cũng phải cố thủ các trận địa của mình, không cho bộ đội Liên Xô chiếm được nhiều đất đai của Đức. Chúng vẫn tiếp tục hy vọng vào «lá bài chính trị»: sự chia rẽ giữa Liên Xô và các nước đồng minh. Đô đốc Đe-nít, thủ lĩnh mới của «chính phủ» phát-xít gọi hành động tự sát của Hít-le là «một cái chết anh hùng» và tất cả những ai nghĩ tới đình chiến đều là những kẻ nhát gan và phản bội. Trước sự đe dọa của những biện pháp trừng trị tàn bạo, binh lính Đức ở mặt trận phía Đông vẫn ngoan cố chống cự.

Tôi nhắc lại những sự kiện mà ai nấy đều biết, để một lần nữa chứng minh rằng bọn cầm đầu phát-xít cho đến lúc thấy cuộc chiến tranh của chúng đã trở thành vô nghĩa, vẫn bắt nhân dân Đức phải đổ máu vì những mục đích viển vông và tội lỗi của chúng!

Béc-lin thất thủ ngày 2 tháng Năm 1945, đúng vào ngày bọn quốc xã đang thực hiện những

âm mưu mới, muốn thoát ra khỏi chiến tranh ở phía Tây. Cũng ngày hôm đó, lúc 12 giờ trưa thì ở Ý cũng chấm dứt chiến sự. Bộ chỉ huy quân Đức có ghi trong nhật ký: «Kể từ ngày hôm nay nguyên tắc của đường lối hành động chủ yếu của Bộ chỉ huy tối cao là cứu vãn binh lính Đức khỏi bị làm tù binh của Liên Xô càng nhiều càng tốt và tiến hành đàm phán với các đồng minh phương Tây».

Sau ngày quân Đức đầu hàng ở Ý, Đe-nít ủy nhiệm cho chuẩn thống chế Ke-xen-rinh, tư lệnh quân đội Đức ở phía Tây ký kết hiệp định đình chiến với Mỹ. Viên chuẩn thống chế này còn được lệnh không những tìm hiểu ý định của Anh-Mỹ về việc điều quân sang phía Đông, mà còn tạo nên những tiền đề để thương lượng nhằm cứu vãn binh lính của chúng thuộc Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» của Séc-nơ, Cụm tập đoàn quân «Áo» của Ren-đu-lích, Cụm «Đông-Nam» của Lo-rơ. Quân lính của những viên tướng ấy còn bị giam hãm ở Tiệp Khắc, miền Tây nước Áo và ở Nam Tư. Ngày 4 tháng Năm, các cụm tập đoàn quân nói trên đặt dưới quyền của Ke-xen-rinh nhằm những âm mưu lâu dài là mọi lực lượng Đức còn lại sẽ thông qua kế hoạch chung đình chiến ở phía Tây để thoát khỏi các đòn tiến công của bộ đội Liên Xô.

Đồng thời, bọn chúng giải quyết vấn đề chuyển các cơ quan cầm đầu nước Đức và ra lệnh chuẩn bị ở Pra-ha tòa nhà dành cho 200 người. Nhưng bộ đội Liên Xô đã không cho phép bọn phát-xít giải quyết nhiệm vụ chính trị đó cùng với số phận các tập đoàn quân của Séc-nơ, Ren-đu-lích và Lo-rơ.

Đối với chúng tôi, những cán bộ trong Bộ tổng tham mưu, tuần lễ cuối cùng của tháng Tư và đầu tháng Năm 1945 là thời gian làm việc rất căng, rất nhiều và cũng rất vui sướng. Mỗi người đều cố gắng đem hết sức mình để giải quyết thật nhanh khối lượng công việc tham mưu không sao tính xuể hồi đó. Bộ đội Liên Xô hoạt động trong thời gian này đang thu được những thắng lợi lớn. Còn tổng hành dinh của Hít-le, mặc dầu đã thành lập những bộ chỉ huy độc lập, ở phía Bắc do Cây-ten đứng đầu và ở phía Nam do Ke-xen-rinh chỉ huy, vẫn không sao ổn định được việc chỉ đạo các lực lượng vũ trang của chúng. Thắng lợi đang tiến lại gần.

Nắm được tình hình bộ đội Liên Xô đang tiến tới sông En-bơ, Tổng tư lệnh tối cao nói rằng thời cơ tiến công vào Pra-ha đã đến. Hôm sau, sau khi bộ đội Liên Xô gặp gỡ quân Mỹ, đồng chí trực tiếp gọi điện cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1, nguyên soái Liên Xô I. X. Cô-nép, đi ngay vào vấn đề: ai sẽ đánh chiếm Pra-ha?

Đối với I. X. Cô-nép, câu trả lời vấn đề này không có gì khó khăn, vì tình hình lúc này đối với phương diện quân U-crai-na 1 là thuận lợi hơn cả so với các phương diện quân khác. Phương diện quân sẽ từ phía Bắc và Tây-Bắc theo con đường ngắn nhất mở mũi đột kích vào Pra-ha, cắt đường rút quân về phía Tây của cánh quân địch ở Pra-ha. Hồi ấy, Cô-nép được lệnh báo cáo những ý kiến của mình về chiến dịch Pra-ha, còn Bộ tổng tham mưu thì có nhiệm vụ phải chuẩn bị những đề nghị của mình.

Thủ đô nước Tiệp Khắc hữu nghị với chúng ta chiếm một vị trí hết sức nổi bật trong kế hoạch của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô. Ban lãnh đạo chiến lược của chúng ta tìm mọi cách để bảo vệ thành phố cổ kính, đẹp đẽ, có nhiều di tích văn hóa, không bị phá hoại. Trước hết, cần phải giữ gìn cho Pra-ha không bị máy bay Mỹ ném bom, vì các đồng minh của chúng ta thường liệt kê thành phố vào trong danh mục các đối tượng ném bom. Do khu vực thành phố nằm trong dải hoạt động của bộ đội Liên Xô và các mục tiêu bắn phá của không quân cần có sự

phối hợp với nhau, nên Bộ tổng tham mưu Liên Xô kiên quyết loại trừ thành phố Pra-ha khỏi danh mục các đối tượng bị bắn phá.

Đến hết ngày 30 tháng Tư, sức kháng cự cơ bản của địch ở Béc-lin bị đè bẹp. Thủ đô của nhà nước phát-xít sắp đến ngày phải đầu hàng. Tình hình cho phép chúng ta hy vọng rằng, chỉ riêng những lực lượng của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 cũng đủ để hoàn toàn tiêu diệt địch ở Béc-lin, dù tập đoàn quân 31 của phương diện quân có chuyển cho phương diện quân U-crai-na 1. Còn phương diện quân U-crai-na 1 lúc này có thể tiến vào Đre-xđen, rồi sau đó đánh vào Cụm tập đoàn quân «Trung tâm». Trong dải của phương diện quân U-crai-na 4, bộ đội Liên Xô tiến công chiếm được trung tâm công nghiệp lớn và điểm tựa phòng ngự mạnh của quân Đức ở Tiệp Khắc là thành phố Mô-ráp-xca Ô-xtơ-ra-va. Đồng thời, phương diện quân còn chiếm được cả thành phố Gi-lin, đầu mối giao thông quan trọng ở miền Tây Các-pát. Nổi bật lên trong những trận đánh trên hướng này là bộ đội của thượng tướng A. A. Grê-xcô, C. X. Mô-xca-len-cô, P. A. Cu-rốt-kin, của trung tướng A. I. Ga-xti-lô-vích và nhiều đồng chí khác.

Cũng giống như trên kia, quân đoàn Tiệp Khắc 1 do thiếu tướng K. Cla-pa-lếch chỉ huy, lúc bấy giờ vẫn là đơn vị bạn chiến đấu với chúng ta trong các trận đánh tại những miền núi đá vách đứng ở Các-pát này.

Lút-vích Xvô-bô-đa được cử làm Bộ trưởng quốc phòng nước Cộng hòa Tiệp Khắc. Bức thư đồng chí gửi cho Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 4 khi đồng chí được cử giữ chức vụ mới cao quý là một bức thư đầy cảm động:

«Tôi rất lấy làm vinh dự là đã chỉ huy đơn vị Tiệp Khắc được thành lập và huấn luyện trên đất Liên Xô, và cùng với Hồng quân anh dũng chiến đấu trên mặt trận chống kẻ thù chung của chúng ta. Chúng tôi lại được cùng sát cánh chiến đấu với bộ đội dũng cảm của phương diện quân U-crai-na 4 trong sự nghiệp giải phóng Tổ quốc thân yêu của mình.

Tôi đề nghị các đồng chí hãy nhận lấy lòng biết ơn chân thành của chúng tôi về những sự giúp đỡ anh em và chân tình mà bộ tư lệnh và Hội đồng quân sự phương diện quân U-crai-na 4 đã dành cho chúng tôi trong thời kỳ chiến đấu chung của chúng ta.

Nhiệm vụ chủ yếu của toàn thể nhân dân Tiệp Khắc lúc này là phải đẩy mạnh hơn nữa sự giúp đỡ toàn diện và to lớn đối với Hồng quân — người giải phóng của chúng tôi, nâng các nỗ lực quân sự của chúng tôi lên đến mức cao nhất và đẩy mạnh tốc độ tiếp tục xây dựng quân đội Tiệp Khắc dân chủ mới».

Quân đoàn Tiệp Khắc — đơn vị cùng tiến công với phương diện quân U-crai-na 4 — cùng được Tổng tư lệnh tối cao biểu dương về việc chiếm được thành phố Mô-ráp-xca Ô-xtơ-ra-va và Gi-li-na. Mát-xcơ-va đã bắn hai mươi loạt đại bác chào mừng chiến thắng của phương diện quân.

Bị mất Mô-ráp-xca Ô-xtơ-ra-va, quân địch không còn những tuyến có lợi trong tung thâm gần nhất để tổ chức phòng ngự. Hơn nữa, bộ đội Liên Xô lại đánh vu hồi sâu vào hai bên sườn của địch dọc theo biên giới phía Bắc và phía Nam Tiệp Khắc. Quân địch không còn cách nào khác là phải rút về Ô-lô-mô-út, làm thay đổi hẳn tình hình trong dải của phương diện quân U-crai-na 2 của R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Lúc này, điều quan trọng hơn hết là phương diện quân phải sử dụng các lực lượng chủ yếu của mình nhanh chóng tiến về Pra-ha, như vậy là đã tạo nên mặt phía Nam của vòng vây sắp tới đối với Cụm tập đoàn quân «Trung tâm». Trong trường hợp

này, các tập đoàn quân của phương diện quân U-crai-na 3 của Ph. I. Tôn-bu-khin sẽ bảo đảm được chắc chắn chiến dịch có tính chất chiến lược ở miền Tây nước Áo. Ở đây, vẫn còn cụm quân phát-xít Đức tới nửa triệu người do tướng Ren-đu-lích chỉ huy.

Trong buổi báo cáo tình hình vào buổi tối, I. V. Xta-lin ra lệnh chỉ thị cho R. I-a. Ma-li-nốp-xki và đại diện Đại bản doanh X. C. Ti-mô-sen-cô nhân khi quân địch ở phía trước phương diện quân U-crai-na 4 đang rút lui. Chỉ thị nêu rõ: «Các lực lượng chủ yếu của phương diện quân triển khai sang phía Tây và mở mũi đột kích vào hướng chung tới I-gla-va, Pra-ha, có nhiệm vụ trước ngày 12-14 tháng Năm phải chiếm được tuyến I-gla-va, U-la-bin-trơ, Go-rơ-n, và tiếp sau tiến ra sông Vơ-lơ-ta-va và chiếm lấy Pra-ha». Riêng một bộ phận lực lượng của phương diện quân U-crai-na 2 phải tiến công vào hướng Ô-lô-mô-út. Quân địch còn tiếp tục kháng cự ở đây.

Như bạn đọc đã thấy trong đoạn trích chỉ thị trên đây, hồi ấy chúng tôi cho rằng chiến dịch phải kéo dài ít ra là hai tuần lễ vì phía trước các phương diện quân của ta là Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» rất mạnh của địch.

Các sự kiện diễn biến ngoài mặt trận đã được sự hưởng ứng ở ngay hậu phương quân Đức trên lãnh thổ Séc. Ngọn lửa đấu tranh chống phát-xít ngày càng cháy sáng tại đây. Những người yêu nước tích cực vũ trang, từng vùng đã nổi dậy nắm lấy chính quyền. Các sự kiện quyết định vận mệnh của các dân tộc Tiệp Khắc sắp bắt đầu. Bộ tổng tham mưu chú ý theo dõi các sự biến ở khu vực Pra-ha. Các cụm quân lớn của phát-xít Đức rút lui tới đây. Vành đai phòng ngự của cụm tập đoàn quân của Séc-nơ tại vùng miền núi kéo tới phía Đông Pra-ha. Theo ý của Bộ tổng tham mưu, các sự biến quan trọng rồi sẽ diễn ra ở nơi đây.

Đêm 30 rạng ngày 1 tháng Năm 1945, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao chỉ thị lấy các tập đoàn quân bên cánh trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 thay phiên cho bộ đội của phương diện quân U-crai-na 1 đang ở Béc-lin trước ngày 4 tháng Năm. I. X. Cô-nép được lệnh phải kết thúc việc tiêu diệt cánh quân Đức đang bị bao vây ở phía Đông Lúc-ken-van-đe trước ngày 3 tháng Năm, và sau khi thay phiên, bộ đội đã được rảnh tay bên cánh phải của phương diện quân phải tiến công mãnh liệt vào hướng chung tới Pra-ha. Từ ngày 6 tháng Năm, tuyến phân giới giữa các phương diện quân vẫn tới Li-u-ben như cũ, còn đối với phương diện quân U-crai-na 1 thì tiến sâu hơn nữa tới Vi-ten-béc.

Đó là cơ sở ý đồ chiến dịch Pra-ha của ba phương diện quân Liên Xô, trong đó phương diện quân U-crai-na 1 là lực lượng chủ yếu. Phương diện quân phải cắt đường rút của địch sang phía Tây và Tây-Nam, tạo nên mặt phía Bắc và phía Tây vòng vây các đơn vị của Séc-nơ đang bị giam hãm ở các vùng núi Rút-nư-ê và Xu-đê-tư. Phương diện quân U-crai-na 4 của A. I. Ê-ri-ô-men-cô tiến quân ở giữa tới Ô-lô-mô-út. Phương diện quân U-crai-na 2 của R. I-a. Ma-li-nốp-xki mở những mũi đột kích ở phía Nam. Sau khi bao vây địch, các phương diện quân ấy phải chia cắt và mở những mũi đột kích đồng loạt, liên tục ở mặt đất và trên không, tiêu diệt cánh quân địch đã bị bao vây. Quân đội của các nước đồng minh của chúng ta tiến vào miền Tây Tiệp Khắc.

Kế hoạch chiến dịch Pra-ha — chiến dịch lớn cuối cùng của các Lực lượng vũ trang Liên Xô ở châu Âu — đến ngày 4 tháng Năm 1945 thì xây dựng xong. Trong ngày hôm ấy, hồi 1 giờ 10 phút, phương diện quân U-crai-na 1 nhận được chỉ thị tác chiến như sau: «Các tập đoàn quân bên cánh phải của phương diện quân chuyển sang tiến công mãnh liệt dọc hai bên bờ sông En-

bơ, vào hướng chung tới Pra-ha nhằm tiêu diệt cụm quân địch ở Dre-xđen - Ghe-rơ-lít, còn các tập đoàn quân xe tăng thì đến ngày thứ sáu của chiến dịch phải chiếm được thành phố Pra-ha, thủ đô của Tiệp Khắc». Tướng N. P. Pu-khốp, tư lệnh tập đoàn quân 13, được lệnh đột phá qua đèo vào vùng núi Rút-nư-ê và sang đến ngày thứ bảy của chiến dịch phải tiến tới tuyến Bê-rô-un (cách Tây-Nam Pra-ha 30 ki-lô-mét). Bộ đội của tập đoàn quân có nhiệm vụ bảo đảm chiến dịch của phương diện quân để phòng mũi đột kích bất ngờ của địch ở phía Tây, ngăn chặn không cho quân của Séc-nơ rút ra khỏi khu vực Pra-ha về phía Tây và liên lạc trực tiếp với quân đội của các nước đồng minh ở tuyến sông Mun-đa và dọc theo giới tuyến. Quân đoàn xe tăng 25 của tướng E. I. Phô-mi-nưc được phối thuộc cho tập đoàn quân, tiến công ở tuyến đầu các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân.

Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 4 của tướng Đ. Đ. Lê-liu-sen-cô chuyển sang tiến công trong khu vực của tập đoàn quân 13. Tập đoàn quân có nhiệm vụ đột phá qua đèo tới Pra-ha, mở những mũi đột kích từ phía Tây và Tây-Bắc; như trên đã nói, đến ngày thứ sáu của chiến dịch thì hiệp đồng với quả đấm bọc thép khác là tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 của P. X. Rư-ban-cô chiếm lấy thành phố. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 phải tiến công song song với bộ đội của Lê-liu-sen-cô từ khu vực Dre-xđen và từ phía Đông và Đông-Bắc đột nhập vào Pra-ha. Vì chúng ta dự tính là cánh quân của Séc-nơ sẽ rút về phía Tây, nên bộ đội của tập đoàn quân Rư-ban-cô không những có nhiệm vụ tiêu diệt quân địch đang kháng cự và giải phóng Pra-ha, mà còn phải làm tấm bình phong ngăn chặn giữa các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» với thành phố. Các tập đoàn quân cận vệ 3 và 5 của các tướng V. N. Goóc-đốp và A. X. Gia-đốp cùng như tất cả các đơn vị trước đây nằm trong thành phần cánh quân chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 1 phải đi theo sau xe tăng tiến vào Pra-ha.

Tập đoàn quân 2 của Quân đội Ba Lan do tướng Ca-rôn Xve-rơ-trép-xki chỉ huy, tiến công vào hướng Piếc-na ở phía Đông các lực lượng chủ yếu của phương diện quân. Các lực lượng còn lại của phương diện quân, như tập đoàn quân 28 của tướng A. A. Lu-trin-xki và tập đoàn quân 52 của tướng C. A. Cô-rô-tê-ép, triển khai tiến công ở phía Nam, sau tập đoàn quân 2 Ba Lan thành hình cánh quạt xòe rộng. Từ ngày 6 tháng Năm, 2 sư đoàn thuộc tập đoàn quân 31 của tướng P. G. Sa-phra-nốp cũng bắt đầu hoạt động.

Cánh quân xung kích của phương diện quân U-crai-na 2 gồm có tập đoàn quân 53 của tướng I. M. Ma-na-ga-rốp, tập đoàn quân cận vệ 7 của tướng M. X. Su-mi-lốp, cụm kỵ binh-cơ giới của Pli-ép và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 của tướng A. G. Cráp-tsen-cô tiến công từ phía Đông-Nam vào Pra-ha. Sườn phải của phương diện quân gồm tập đoàn 40 của tướng Ph. Ph. Giơ-ma-tren-cô và tập đoàn quân Ru-ma-ni 4 do tướng N. Đét-xke-le-xcu chỉ huy tiếp tục đột kích vào hướng Ô-lô-mô-út.

Như đã nói ở trên, phương diện quân U-crai-na 4 tiến công từ phía Đông lại và đánh chiếm Ô-lô-mô-út.

Trước ngày bộ đội Liên Xô chuyển sang tiến công vào Pra-ha, nguyên soái I. X. Cô-nép đã gặp tướng Ô. Brét-li, tư lệnh cụm tập đoàn quân 12 của Mỹ, cùng với các sĩ quan đi theo ông ta. Cuộc gặp mặt đã diễn ra trong bầu không khí hữu nghị. Theo báo cáo của tư lệnh phương diện quân lên Đại bản doanh thì cuộc gặp gỡ ấy không đề cập tới các nhiệm vụ của chiến dịch. Tuy nhiên, người Mỹ có đề nghị giúp đỡ chúng ta tiêu diệt cánh quân Đức đóng ở Tiệp Khắc.

Cũng cần nói thêm rằng, lúc bấy giờ giữa bộ tham mưu của Ai-xen-hao và Bộ tổng tham mưu Liên Xô, đã thỏa thuận với nhau về tuyến phân giới, khi bộ đội Liên Xô và Mỹ tiến ra tới tuyến phân giới ấy thì không được vi phạm tới nó. Tuyến phân giới ấy nằm theo tuyến sông Mun-đa, Khem-nít Các-xbát, Plo-r-den, Cla-tô-vi. Đề nghị của Brét-li có nghĩa là đã vi phạm tới tuyến phân giới tuy là quy ước, nhưng quan trọng, do đó vi phạm tới sự thỏa thuận của các cơ quan lãnh đạo chiến lược tối cao. Ngoài ra, tư lệnh phương diện quân còn hiểu rằng bọn Đức rất xảo quyệt, nhất định chúng sẽ lợi dụng việc quân Mỹ tiến công ở phía trước để rút các đơn vị hậu cần và bộ đội của chúng thoát khỏi đòn đột kích của Hồng quân, nên I. X. Cô-nép đã cảm ơn người Mỹ về những đề nghị ấy, và dựa vào tuyến đã phân giới, đồng chí bảo đảm với Brét-li rằng cánh quân Đức nhất định sẽ bị các lực lượng của Liên Xô đánh tan và điều đó chẳng bao lâu đã xảy ra.

Trưa ngày 5 tháng Năm 1945, Pra-ha phát động cuộc khởi nghĩa chống lại những tên bạo chúa phát-xít Đức. Chúng tôi nắm được các tin tức trên vào hồi 4 giờ sáng ngày hôm sau, do phái đoàn quân sự Tiệp Khắc thông báo bằng điện thoại cho biết. Tướng Pi-ca thông báo ngắn rằng: ngày 5 tháng Năm, hồi 12 giờ trưa ở Pra-ha bắt đầu nổ ra khởi nghĩa chống lại bọn chiếm đóng Đức. Những người yêu nước đã chiếm đài phát thanh và kêu gọi binh lính Tiệp Khắc, cảnh sát và nhân dân trong thành phố đứng dậy vũ trang khởi nghĩa. Hồi 12 giờ 30 phút, cờ của Tiệp Khắc, Liên Xô và các nước đồng minh phấp phới tung bay ở Pra-ha. Các tấm biển áp-phích của bọn Đức đều bị xé hết. Những người yêu nước chiếm được vũ khí, súng máy và mấy khẩu đại bác của Đức. Mọi đường ra vào Pra-ha đều bị ngăn chặn.

Pi-ca còn thông báo cuộc khởi nghĩa do Ra-đa nhân dân của Séc lãnh đạo. Ra-đa đã truyền thanh lời kêu gọi gửi nhân dân Tiệp Khắc, sau đó là bản tối hậu thư gửi binh lính Đức yêu cầu phải đầu hàng. Trong tối hậu thư có nói «nền bảo hộ» không còn nữa, đại bộ phận đất Séc ở trong tay quân đội Séc và những người yêu nước. Các đơn vị quân Đức phải đầu hàng và sẽ được đối xử theo công ước quốc tế. Theo tin tức của Pi-ca thì bọn Đức đóng trong các đồn bốt ở Pra-ha tuy đã bị bao vây, nhưng vẫn chiến đấu chống lại những người khởi nghĩa.

Đêm mùng 5 rạng ngày 6 tháng Năm, đài phát thanh Pra-ha tiếp tục kêu gọi chiến đấu và ra chỉ thị cho những chuyên gia sản xuất vũ khí, những người lái xe tăng v. v. phải đến đâu. Thành phố tiếp tục xây dựng các ụ chướng ngại. Cũng trong đêm hôm ấy, đài phát thanh còn truyền đi lời kêu gọi của Ra-đa nhân dân gửi cho các nước đồng minh yêu cầu chi viện: «Thành phố Pra-ha kêu gọi quân đội của tất cả các nước đồng minh. Quân đội Đức từ khắp mọi phía đang tiến công vào Pra-ha. Xe tăng, pháo binh và bộ binh Đức đang hoạt động. Pra-ha cần được chi viện khẩn cấp. Các bạn hãy gửi máy bay, xe tăng và vũ khí, hãy giúp đỡ, giúp đỡ, giúp đỡ thật nhanh!» Ngày 6 tháng Năm, hồi 5 giờ sáng, trên không trung còn vang lên lời đề nghị bằng tiếng Nga: «Gửi Liên Xô, phương diện quân U-crai-na 4... Đề nghị các bạn gấp rút thả dù chi viện. Đổ bộ xuống Pra-ha, 12, Vi-nô-gra-đư — nghĩa trang Ôn-san-xcô-ê. Tín hiệu — hình tam giác. Các bạn hãy gửi vũ khí và máy bay». Sau đó, do khí quyển bị nhiễm nên không bắt được tiếp những tin truyền thanh của đài phát thanh Pra-ha. Về phía mình, trưởng phái đoàn quân sự Tiệp Khắc cũng đề nghị Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô giúp đỡ cuộc khởi nghĩa và gửi vũ khí cho quân khởi nghĩa. Pi-ca cho ta biết sóng điện của đài phát thanh quân khởi nghĩa và còn thông báo rằng ông ta đã nhận được tin từ Luân Đôn là đã bắt đầu có các cuộc đàm phán của bộ chỉ huy Đức với Ra-đa nhân dân của Séc.

Đó là những tin tức chúng ta nhận được sáng ngày 6 tháng Năm. Chúng tôi báo cáo ngay bằng điện thoại những tin tức trên với I. V. Xta-lin, và ngay lúc đó đồng chí hỏi A. I. An-tô-nốp là liệu Cô-nép có thể bắt đầu tiến công ngay vào Pra-ha, không chờ đến ngày 7 tháng Năm như đã định trong kế hoạch không? A. I. An-tô-nốp trả lời ngay rằng được vì thời hạn sẵn sàng của cánh quân xung kích của phương diện quân được xác định vào ngày 6 tháng Năm. Sau đó, chúng tôi được lệnh của đồng chí chỉ thị cho I. X. Cô-nép chuyển sang tiến công vào ngày 6 tháng Năm 1945. Từ 12 giờ ngày hôm ấy, các đội tiên phong của nhiều tập đoàn quân bắt đầu tiến công, và đến 14 giờ thì các lực lượng chủ yếu của cánh quân xung kích phương diện quân tiến được lên phía trước.

Bấy giờ, các đơn vị quân Đức cùng với xe tăng đã vây Pra-ha. Những trận đánh ác liệt nổ ra. Quân khởi nghĩa bị tổn thất nặng, nhưng vẫn kiên trì giữ vững...

Để nắm chắc quá trình diễn biến của các sự kiện, chúng ta hãy nhìn qua sang phía địch. Phía địch vẫn chưa có gì thay đổi quan trọng. Sau khi Hít-le tự sát và Béc-lin đầu hàng, bọn phát-xít vẫn động viên mọi khả năng bên trong của chúng để chống cự lại ở phía Nam. Ph. Séc-nơ được cử giữ chức tổng tư lệnh lực lượng quân vào những ngày cuối cùng của Đế chế thứ ba. Chúng ta nắm được đầy đủ về tên chỉ huy quân sự này của nước Đức phát-xít. Y là kẻ trung thành với Hít-le và được Hít-le tin cậy do sự đặc lực và sự tàn bạo của y đối với binh lính Đức, nhất là đối với tù binh và nhân dân ở các vùng bị chiếm đóng. Đã có thời kỳ Hít-le cử Séc-nơ cầm đầu bộ tham mưu giáo dục quốc xã cho quân đội. Nhưng, trước những thắng lợi to lớn của Hồng quân, bộ chỉ huy tối cao Đức buộc phải điều động Séc-nơ ra chỉ huy ở khu vực quan trọng nhất trên mặt trận phía Đông. Y được phong hàm cấp chuẩn thống chế. Trong những ngày cuối đời mình, Hít-le còn phong cấp hàm này cho một tên phát-xít gian ác nhất là Ri-ta Phôn Grê-im. Y được cử ra thay thế Gơ-rinh «đã phản bội» chỉ huy các lực lượng không quân. Nhưng còn có thể thay đổi được những gì nữa? Khi con tàu bị đắm đã phải thả chiếc xuống xuống nước thì người đô đốc tài ba đến mấy cũng khó mà cứu vớt nổi con tàu!..

Ngày 2-4 tháng Năm, Tổng hành dinh của Đe-nít mở phiên họp ban chỉ đạo chiến tranh tối cao của nước Đức phát-xít. Phiên họp có mặt Đe-nít, Cây-ten, I-ốt và những tên khác. Vấn đề được đặt ra là sẽ đầu hàng quân Anh - Mỹ và tiếp tục chiến đấu chống lại Hồng quân. Ngày 5 tháng Năm, bộ chỉ huy Đức kết thúc các cuộc đàm phán ở phía Tây về vấn đề đình chiến trên nhiều mặt trận. Đe-nít mở rộng hiệu lực của một số hiệp định đến các vùng ở phía Bắc. Chúng ta nhận được đều đặn các tin tức về các cuộc đàm phán và kết quả của nó do các phái đoàn của chúng ta ở ngoài nước, nhất là những tin tức chi tiết mà tướng I. A. Xu-xlô-pa-rốp cho biết.

Ít lâu sau, thượng tướng I-ốt vội tới tổng hành dinh của Ai-xen-hao ở Rem-xơ. Tên trọng phạm chiến tranh xảo quyệt ấy không được ủy nhiệm quyền hạn ký lệnh đầu hàng của toàn bộ quân đội phát-xít Đức trên khắp các mặt trận. Y chỉ được chỉ thị ký kết đình chiến để hồng tranh thủ càng nhiều thời gian càng tốt nhằm cứu vãn binh lính Đức thoát khỏi mặt trận phía Đông. Ở mặt trận của Liên Xô, các trận đánh vẫn diễn ra ác liệt, và trong hàng ngũ quân địch vẫn chưa thấy có dấu hiệu đình chỉ chiến sự ở trên gởi xuống. Chiều 6 tháng Năm, I-ốt bắt đầu đàm phán và công khai tuyên bố với các nước đồng minh của chúng ta về ý đồ «giữ gìn cho dân tộc Đức càng nhiều người Đức càng tốt và cứu họ thoát khỏi chủ nghĩa bôn-sê-vích». Ngoài ra, y nói rằng không gì có thể ràng buộc binh lính của các tướng Lo-rơ và Ren-đu-lích, của chuẩn thống chế Séc-nơ chấp hành lệnh đầu hàng trong khi chúng còn có thể thoát ra tới các khu vực

quân Mỹ chiếm đóng. Nói một cách khác, I-ốt từ chối không chịu để quân đội Đức đầu hàng ở phía Đông. Thế nhưng, mọi lời tuyên bố của I-ốt đều bị bác bỏ, vì y không được ủy nhiệm ký kết đầu hàng của quân đội phát-xít Đức. Người ta nói cho y biết là các cuộc đàm phán rồi sẽ bị gián đoạn. I-ốt bắt buộc phải xin sự ủy nhiệm cần thiết...

Tối 6 tháng Năm, viên sĩ quan tùy tùng của Đ. Ai-xen-hao đáp máy bay tới gặp tướng Xu-xlô-pa-rốp, trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô. Hắn đưa thiệp của Tổng tư lệnh mời Xu-xlô-pa-rốp tới ngay Bộ tham mưu của Ai-xen-hao. Đ. Ai-xen-hao đón tiếp I. A. Xu-xlô-pa-rốp tại dinh thự của mình. Ai-xen-hao mỉm cười nói về việc tướng I-ốt của Hít-le tới đề nghị xin đầu hàng quân Anh-Mỹ và chiến đấu chống lại Liên Xô.

— Thừa tướng quân, ngài có ý kiến gì về việc này, — Đ. Ai-xen-hao hỏi.

I. A. Xu-xlô-pa-rốp cũng mỉm cười. Có nghĩa là cuộc chiến tranh với nước Đức sắp kết thúc, mặc dầu địch còn quanh co nhằm làm cho các nước đồng minh bối rối. Xu-xlô-pa-rốp cũng biết rằng viên đô đốc Đức Phri-đe-bua đã ngồi ở Bộ tham mưu của Ai-xen-hao mấy ngày rồi nhưng vẫn chưa làm cho Đ. Ai-xen-hao tán thành hiệp nghị riêng rẽ. Trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô trả lời cho người đứng đầu Bộ chỉ huy Anh-Mỹ rằng các thành viên của khối liên minh chống Hít-le đã cùng cam kết với nhau về sự đầu hàng không điều kiện của địch trên tất cả các mặt trận, tất nhiên kể cả mặt trận phía Đông.

Đ. Ai-xen-hao vội vàng thông báo là ông ta đã yêu cầu I-ốt rằng, nước Đức phải đầu hàng hoàn toàn chứ không chấp nhận một loại đầu hàng nào khác cả. Bọn Đức buộc phải đồng ý với điều đó. Sau đó, Tổng tư lệnh đề nghị Xu-xlô-pa-rốp thông báo về Mát-xcơ-va văn bản đầu hàng, để Mát-xcơ-va tán thành và thay mặt Liên Xô ký vào văn bản đó. Theo lời ông ta, văn bản đầu hàng sẽ được ký vào lúc 2 giờ 30 phút ngày 7 tháng Năm 1945 tại phòng tác chiến của Bộ tham mưu Tổng tư lệnh liên quân.

Trong bản dự thảo văn bản đầu hàng nhận được ngay lúc ấy có nói tất cả các lực lượng lục quân, hải quân và không quân dưới sự kiểm soát của Đức trong thời gian ấy phải đầu hàng không điều kiện. Bộ chỉ huy Đức có trách nhiệm ra lệnh đình chỉ chiến sự vào lúc 00 giờ 01 phút (theo giờ Mát-xcơ-va) ngày 9 tháng Năm. Tất cả quân Đức phải ở tại các trận địa đang chiếm lĩnh. Cấm không được phá hủy các vũ khí và các phương tiện đấu tranh vũ trang khác. Bộ chỉ huy Đức bảo đảm chấp hành mọi mệnh lệnh của Tổng tư lệnh các lực lượng viễn chinh đồng minh và của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô.

Trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô còn rất ít thời gian để nhận chỉ thị của chính phủ mình. Đồng chí chuyển ngay về Mát-xcơ-va bức điện về việc ký kết đầu hàng sắp tới và biên bản, đồng thời xin chỉ thị. Bức điện của I. A. Xu-xlô-pa-rốp gửi đi, tới được địa chỉ người nhận phải mất đến mấy tiếng đồng hồ. Lúc này ở Rem-xơ đã quá nửa đêm, sắp đến thời gian ký kết đầu hàng. Thế nhưng, Mát-xcơ-va vẫn chưa có chỉ thị gửi tới. Đồng chí trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô ở vào tình thế rất khó khăn. Lúc này, tất cả chỉ còn trông vào chính mình, sẽ thay mặt Nhà nước Liên Xô ký vào đấy hay sẽ từ chối?

I. A. Xu-xlô-pa-rốp hiểu rõ rằng những tên đầu sỏ Hít-le cuối cùng này rất có thể sẽ lèo lá về vấn đề đầu hàng trước các nước đồng minh, nếu đồng chí có một sơ suất nhỏ nào đó thì sẽ gây ra hậu quả to lớn. Đồng chí đọc đi đọc lại văn bản đầu hàng và chưa tìm thấy một ác ý nào ẩn núp trong đó. Đồng thời, trước mặt vị tướng hiện lên toàn cảnh cuộc chiến tranh, mà mỗi phút

đồng hồ đã cướp đi bao sinh mệnh con người. Trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô quyết định ký vào văn kiện đầu hàng. Đồng thời, để bảo đảm cho Chính phủ Liên Xô có khả năng ảnh hưởng trở lại khi cần thiết đến tiến trình tiếp sau của các sự kiện, đồng chí đã ghi chú thêm vào văn kiện. Phần ghi chú có viết: biên bản đầu hàng chiến tranh này không loại trừ sau này có thể ký kết một định ước khác hoàn hảo hơn ghi nhận sự đầu hàng của nước Đức, nếu một chính phủ nào đó bên phía đồng minh yêu cầu.

Đ. Ai-xen-hao và đại biểu của các nước khác trong Bộ tham mưu của ông ta đồng ý với phần ghi chú đó của I. A. Xu-xlô-pa-rốp. Hồi 2 giờ 41 phút ngày 7 tháng Năm, trong phòng làm việc của các trợ lý của Tổng tư lệnh liên quân Anh-Mỹ, đã làm lễ ký kết văn bản đầu hàng của nước Đức.

Đ. Ai-xen-hao chúc mừng I. A. Xu-xlô-pa-rốp nhân dịp ký kết văn bản. I. A. Xu-xlô-pa-rốp gửi báo cáo về Mát-xcơ-va. Trong khi ấy thì từ Mát-xcơ-va có điện trả lời: không được ký kết một văn kiện nào cả!..

Trên mặt trận phía Đông, các trận đánh vẫn tiếp diễn. Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» chiếm lĩnh tuyến Xu-đê-tur và dải núi Rút-nư-ê, dựa vào các trận địa vững chắc với những công sự được trang bị chu đáo, đã chuẩn bị tiếp tục chiến đấu tại đây. Quân phát-xít Đức ở miền Nam Tiệp Khắc, Áo, Khoóc-va-ti-a vẫn tiếp tục chống cự. Séc-nơ cho rằng, có thể ngăn chặn được Hồng quân trên các tuyến đã được củng cố ấy, và sẽ cố thủ tại đây ít ra cũng được 3 tuần lễ, đủ thời gian cho quân đội Mỹ tiếp cận đến. Song Đe-nít lại suy nghĩ khác. Y nhận được một số tin về cuộc khủng hoảng đang chín muồi ở Pra-ha và cho rằng sắp tới đây, sẽ có cuộc tổng khởi nghĩa của dân tộc Séc. Trong các điều kiện ấy, y không có ý định cố thủ Xu-đê-tur. Vì vậy, sau khi nghe ý kiến của các thành viên trong «chính phủ» của y và các nhà chỉ huy quân sự, ngày 3 tháng Năm 1945, y quyết định cho rút quân càng sớm càng tốt tới mặt trận của quân Mỹ. Thế nhưng quyết định đó của Đe-nít không thực hiện được, vì những người khởi nghĩa ở Tiệp Khắc, rồi sau đó là các chiến sĩ Hồng quân, đã chặn mất đường rút quân về phía Tây của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm».

Trong khi ấy, ngay tại Pra-ha tình hình càng thêm căng thẳng. Tướng Đức Tu-xen, tư lệnh thành phố, báo cáo về bộ tham mưu ban chỉ đạo tác chiến của quân đội Đức rằng: «Tình hình chung hết sức căng thẳng... » Y còn báo cáo tiếp là mọi người chờ đợi một sự giải quyết về chính trị ngay tức thời. Thế nhưng, viên tư lệnh vẫn không bị mất tinh thần và cho rằng trong vòng 24 tiếng đồng hồ hẳn sẽ lập lại được trật tự. Nhưng, những người khởi nghĩa lại đã hành động theo cách của mình: họ triển khai cuộc khởi nghĩa rộng khắp và phá hỏng con đường sắt chạy về phía Tây ở ngoại vi thành phố Pra-ha. Tình hình đó buộc quân phát-xít Đức khi rút ra khỏi giới tuyến phải hành quân bộ, nên càng làm cho tình hình của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» phức tạp thêm.

Những phát súng đầu tiên của những người khởi nghĩa ở Pra-ha đã buộc bọn Hít-le phải từ bỏ ý định bố trí các cơ quan chính phủ của chúng ở khu vực Pra-ha, mặc dầu tướng I-ốt đã ra lệnh chuẩn bị những ngôi nhà ở đây dành cho Bộ chỉ huy tối cao quân đội Đức và chính phủ. 1.600 chiến lũy và 30.000 người bảo vệ chúng dù là chưa được vũ trang đầy đủ nhưng cũng là một lực lượng đáng kể. Một số sư đoàn có xe tăng yểm hộ trong thành phần của Cụm tập đoàn

quân «Trung tâm» và cả số binh lính đóng trong các đồn bốt ở thành phố đã tiến đánh những người khởi nghĩa. Trong hàng ngũ binh lính địch có nhiều đơn vị SS. Những trận đánh ngoan cường đã nổ ra ở Pra-ha.

Ngày 6 tháng Năm là ngày nóng bỏng cả ở tổng hành dinh Hít-le. Hồi 14 giờ 12 phút, Cýt-ten yêu cầu phải rút thật nhanh quân lính của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm», «Áo» và «Đông-Nam» về dải hoạt động của quân Mỹ. Báo cáo từ mặt trận gửi về buộc chúng phải hành động như vậy. Các báo cáo đó còn cho biết, Hồng quân đã chuyển sang tiến công ở hướng Pra-ha. Tướng Ke-xen-rinh được lệnh phải mở cửa cho quân Mỹ tiến về phía Đông vào xứ «bảo hộ» (bọn Hít-le gọi Tiệp Khắc như vậy).

Bạn đọc hẳn còn nhớ, cũng trong ngày hôm ấy ở Rem-xơ bắt đầu những cuộc đàm phán của tướng I-ốt về sự đầu hàng của quân Đức ở mặt trận phía Tây. Khi chưa rõ là Anh và Mỹ có thái độ như thế nào đối với đề nghị của bọn Hít-le, bọn chỉ huy phát-xít Đức ở Pra-ha đã cố dùng sức mạnh đàn áp cuộc khởi nghĩa. Còn khi chúng được tin quân Đức sẽ đầu hàng quân Anh - Mỹ ở phía Tây thì bọn quốc xã ở Pra-ha liền thay đổi chiến thuật. Ngày 7 tháng Năm, Đe-nít ra lệnh cho quân phát-xít Đức rút khỏi mặt trận phía Đông để đầu hàng quân đồng minh của chúng ta.

Lúc này, bọn quốc xã mưu tính thực hiện nhiệm vụ mới, nên không thể tiếp tục mở rộng hơn nữa cuộc chiến đấu trên các đường phố Pra-ha, mà thuận lợi hơn cả là làm suy yếu cuộc khởi nghĩa, và nếu có thể thì thỏa thuận với những người khởi nghĩa. Tướng Tu-xen đứng ra đảm nhận việc này. Y đã đàm phán được với Hội đồng dân tộc Séc (Ra-đa nhân dân của Séc). Cuộc đàm phán bắt đầu hồi 10 giờ ngày 7 tháng Năm, khi ở Rem-xơ đã ký kết văn bản đầu hàng, và Hồng quân đang tiến công trên khắp các mặt trận. Quá trình đàm phán chứng minh rằng phần lớn các đại biểu hội đồng là những nhà hoạt động của giai cấp tư sản, nên họ nhìn nhận ý nghĩa hành động của những người khởi nghĩa rất hạn chế. Giáo sư An-be Pra-giắc của trường đại học Pra-ha đứng đầu Hội đồng dân tộc Séc sau này có nói rằng: «Mục đích của cuộc khởi nghĩa là cứu thành phố khỏi sự phá hoại đã được tính toán trước, vì bọn Đức không định bỏ lại thành phố mà không chiến đấu. Từng giờ từng phút, chúng tôi chờ đợi quân đồng minh đến». I. Xmơ-rơ-cốp, phó chủ tịch Hội đồng, hồi đó là người của đảng cộng sản, đã không thể thay đổi quan điểm thỏa hiệp đó của đa số tư sản trong Hội đồng dân tộc Séc.

Do tình hình như vậy, Tu-xen nhanh chóng xác định được chỗ yếu trong ban lãnh đạo những người khởi nghĩa, và hồi 16 giờ ngày 8 tháng Năm (theo văn kiện ký kết ở Rem-xơ là thời gian đầu hàng của quân Đức), đến lượt mình cũng đã ký với Hội đồng dân tộc Séc một hiệp định rất có lợi cho bộ chỉ huy phát-xít Đức. Hiệp định ấy bảo đảm cho quân Hít-le rút lui an toàn sang phía quân Mỹ. Hồi 19 giờ 15 phút ngày 8 tháng Năm 1945, Hội chữ thập đỏ quốc tế truyền đi trên đài phát thanh Pra-ha bằng tiếng Tiệp và tiếng Đức bản thông cáo sau đây: «Theo hiệp định ký kết với Ra-đa nhân dân Séc, chiến sự ở Pra-ha và các vùng ngoại vi phải chấm dứt. Các binh đoàn và công dân Séc cũng đã nhận được mệnh lệnh đó. Ai không chấp hành mệnh lệnh này sẽ bị truy tố trước tòa án. Tư lệnh bộ đội Đức ở Séc và Mô-ra-vi-a đã ký. Pra-ha. Đài phát thanh Tiệp Khắc».

Trong hiệp định có những điều khoản như:

«5. Việc giao nộp vũ khí tiến hành theo trình tự sau: vũ khí nặng giao ở các vùng ngoại vi thành phố cho các đơn vị quân đội Tiệp Khắc, máy bay để lại các sân bay ở Ru-din và Gơ-ben-li.

6. Các thứ vũ khí khác sẽ tiến hành giao nộp tại giới tuyến của Mỹ cho các đơn vị Quân đội nhân dân Tiệp Khắc. Mọi vũ khí giao nộp phải kèm theo các đồ quân dụng chưa bị hư hỏng».

Như vậy là quân phát-xít Đức còn giữ lại vũ khí nhẹ của bộ binh cho tới lúc chúng thoát khỏi vùng có nguy cơ bị bộ đội Liên Xô và quân khởi nghĩa Tiệp Khắc tập kích. Theo hiệp định, trong khi rút quân, binh lính của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» có quyền lấy số lương thực cần thiết ở các kho.

Trên thực tế không có chuyện quân Đức đầu hàng ở Pra-ha và vùng của thành phố. Khi bộ đội Liên Xô tiến vào thành phố và đánh tan quân Hít-le, bản thân Pra-giắc đã đánh giá hành động ký kết trên là «thủ đoạn của bọn Đức». Như vậy là đa số phần tử tư sản trong hội đồng đã rơi vào quỷ kế của địch. Chúng ta phải nhận xét thêm rằng, nhân dân trong thành phố nổi dậy khởi nghĩa đã phải trả giá đắt cho con đường giành lấy tự do của mình. Cũng vẫn chính người lãnh đạo hội đồng đó đã nói về các chiến sĩ trong các lữ đoàn ở Pra-ha rằng: «Các đảng viên cộng sản hoạt động bí mật đã giữ vai trò chủ yếu trong cuộc khởi nghĩa. Nhân dân tỏ ra dũng cảm, gan dạ, căm thù sôi sục quân Đức... Trong thời gian khởi nghĩa, chúng ta bị thiệt hại 3.000 người chết và 10.000 người bị thương... »

Sự đầu hàng của quân Đức đồn trú ở Béc-lin đã mang lại cho chúng tôi những niềm vui sướng và những công việc bận rộn mới. Đó là việc truy lùng những tên tội phạm chiến tranh chủ chốt. Chúng tôi biết rằng nhiều thủ lĩnh của nhà nước phát-xít và đảng quốc xã, trong đó có Hít-le, vẫn còn ở lại trong thành phố bị bao vây. Mọi người đều có trách nhiệm tìm kiếm; nhưng ngoài ra, tất cả các quân đoàn Liên Xô tiến công ở Béc-lin đều cử những tổ trinh sát đặc biệt đảm nhiệm công việc tìm kiếm này. Các cán bộ giàu kinh nghiệm lãnh đạo các tổ trinh sát ấy. Mỗi tổ đều có danh sách những tên tội phạm chiến tranh và đều biết áng chừng nơi chúng có thể ẩn nấp. Cố nhiên, nơi mà chúng ta đặc biệt chú ý đến là khu vực các cơ quan chính phủ Đức đóng, và trong đó có ngôi nhà màu sẫm — văn phòng để chế. Một số binh đoàn đã lao tới đây, vì mọi người đều muốn tiến công cái dinh lũy cuối cùng của chủ nghĩa phát-xít ở Béc-lin! Ngày 30 tháng Tư, tổ trinh sát do I. I. Cli-men-cô chỉ huy thuộc quân đoàn bộ binh 79, tập đoàn quân xung kích 3, đã cùng với các phân đội tiến công tiến vào căn phòng tham mưu của Hít-le. Dưới đây chúng ta sẽ nói đến kết quả hành động của tổ trinh sát ấy.

Trong lúc trận đánh còn ở xa trung tâm thành phố, chúng ta chưa hy vọng có tin tức gì đặc biệt. Nhưng giờ đây, khi chiến sự đã chuyển hẳn vào khu vực các cơ quan chính phủ thì có thể lại có nhiều tin tức bất ngờ. Thậm chí đến A. I. An-tô-nốp, một người bình tĩnh, điềm đạm mà lúc này cũng đã bắt đầu sốt ruột.

Chúng tôi nhận được tin đầu tiên về cái chết của Hít-le ngày 1 tháng Năm 1945 sau khi V. Đ. Xô-cô-lốp-xki và V. I. Tsui-cốp gặp tướng Đức là Crếp (trong hồi ký của Gh. C. Giu-cốp và V. I. Tsui-cốp đã viết chi tiết về cuộc hội đàm này). Nhưng cũng khó mà tin được tin tức ấy, vì vẫn chưa tìm thấy xác Hít-le. Cả tin tức về số phận của Gơ-ben, theo lời Crếp, người chủ yếu còn lại trong căn hầm dưới tòa nhà văn phòng để chế, cũng không có... Ngày ngày trôi qua, Béc-lin thất thủ, quân phát-xít Đức bắt đầu đầu hàng, nhưng Bộ tổng tham mưu vẫn chưa nhận được tin tức gì mới về những tên thủ lĩnh của nhà nước Hít-le. Chúng tôi hỏi thì người ta trả lời bằng điện thoại chỉ một điều là: chúng tôi đang tìm... Và đến sáng ngày 3 tháng Năm, câu trả lời có

hơi khác một ít: chúng tôi đã tìm thấy cái gì giống như xác của Hít-le.

Đêm 3 rạng ngày 4 tháng Năm, khi A. I. An-tô-nốp và tôi đến văn phòng của Tổng tư lệnh tối cao báo cáo thường kỳ về tình hình trong ngày qua thì Xta-lin đưa cho chúng tôi xem bức điện của Gh. C. Giu-cốp và C. Ph. Tê-lê-ghin. Bức điện viết:

«Ngày 2 tháng Năm 1945, ở thành phố Béc-lin trong khu văn phòng để chế của nhà quốc hội bọ Đức quốc xã tại Đại lộ Vin-hem, nơi đặt tổng hành dinh của Hít-le trong thời gian gần đây đã phát hiện thấy hai xác chết bị cháy thui, nhận ra đó là xác hai vợ chồng tiến sĩ Gơ-ben, bộ trưởng bộ tuyên truyền của nước Đức.

Ngày 3 tháng Năm, cùng trên khu vực bộ tham mưu của Gơ-ben... người ta phát hiện và lấy ra xác 6 đứa con của Gơ-ben. Căn cứ vào các dấu hiệu trên xác chết của chúng, có thể phán đoán rằng chúng đã bị chết vì liều thuốc độc mạnh.

Trung tướng Va-đi-xơ, cục trưởng Cục phản gián của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 trực tiếp đưa các xác chết đã được phát hiện cho đô đốc tư lệnh Đe-nít, đã từng ở trong tổng hành dinh của Hít-le, phó đô đốc Phô-xơ, Snây-đe, đội trưởng nhà xe văn phòng để chế, Lan-ghe, người nấu bếp, và Xi-en, chủ nhiệm các cơ quan kỹ thuật văn phòng để chế, hiện đang bị bắt giữ, trực tiếp nhận dạng. Họ đã nhận ra Gơ-ben, vợ và các con y».

Tiếp đó, bức điện của Gh. C. Giu-cốp và C. Ph. Tê-lê-ghin còn nói về các thứ tìm thấy khi khám xét các di vật còn lại trong gia đình tên cựu bộ trưởng phát-xít, rồi báo tin rằng trong khu vực văn phòng để chế còn tìm thấy một xác chết nữa mà Phô-xơ đã nhận ra là xác của trung tướng Crếp, tổng tham mưu trưởng lục quân Đức, vừa mới hội đàm không thu được kết quả gì với V. Đ. Xô-cô-lốp-xki và V. I. Tsui-cốp về vấn đề Béc-lin đầu hàng.

Bức điện cũng không nói gì tới việc Hít-le còn sống hay đã chết.

— Đồng chí Giu-cốp cũng có ngờ vực về cái chết của Hít-le, — Xta-lin nói và đi tới bàn làm việc lấy thuốc lá nhồi vào tẩu. — Không bao giờ được tin vào những tên phát-xít xảo quyệt. Cần phải phân tích xem tên đầu sỏ của nhà nước Hit-le có đúng là đã chết rồi không. Phải kiểm tra lại tất cả...

Sau đó, đồng chí cầm lấy ống nói, gọi điện cho một chính ủy của Cục an ninh quốc gia, ra lệnh cử tới Béc-lin một cán bộ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, và bên cạnh các nhiệm vụ khác, còn có nhiệm vụ phải xác minh cái chết của Hít-le.

Trong khi ấy ở Béc-lin, C. Ph. Tê-lê-ghin và Cục phản gián của phương diện quân đang triển khai các hoạt động cần thiết. Các chuyên viên quân y làm các khám nghiệm tỉ mỉ về giải phẫu bệnh lý các xác của gia đình Gơ-ben và Crếp. Các đồng chí đã xác định tuyệt đối chính xác rằng chúng bị chết bởi hợp chất xi-a-nua rất mạnh. Rồi sau đó, các đồng chí khám nghiệm những xác khác: một xác đàn ông, một xác đàn bà và hai con chó, do tổ trinh sát của Cli-men-cô sục sạo tìm thấy trong một cái hốc ở trong vườn của văn phòng để chế gần cửa sau nhà hầm chính phủ. Những xác đó được phủ một lớp đất mỏng, bị cháy thui, khó mà nhận dạng nổi, nên cần phải dùng những thủ thuật giám định đặc biệt chính xác. Các chuyên viên khoa răng miệng đã từng làm răng giả cho Hít-le và tình nhân của y đã giúp đỡ chúng ta: họ đã nhận ra những đặc điểm của chiếc răng giả vốn chỉ có trong sản phẩm của họ, nói rõ một số đặc điểm về việc giải phẫu khoang miệng những người bệnh cách đây không lâu của họ. Đến lượt mình, các nhà giải phẫu bệnh lý xác nhận những nhận xét của các chuyên viên là đúng. Sau đó thì không ai còn

ngờ vực nữa: hai xác chết bị cháy thui không nhận ra chẳng phải là ai khác mà chính là Hít-le và E-va Brao, người cùng chia sẻ số phận với y. Các xét nghiệm còn xác nhận được cả nguyên nhân cái chết, cũng giống như gia đình Gơ-ben, là bị đầu độc bởi hợp chất xi-a-nua rất mạnh.

Xác của những con chó nằm cùng hốc với Hít-le được các tù binh đã từng hầu hạ trong văn phòng để chế nhạo nên cũng dễ nhận ra, đó là những con chó riêng của Hít-le, cũng bị chết bởi chất độc ka-li xi-a-nua. Như chúng ta đều rõ, người ta đã sơ bộ kiểm tra tác dụng của chất độc đối với những con chó đó.

Sau ngày nước Đức ký kết đầu hàng không điều kiện thì các chuyên viên cũng làm xong các công tác xét nghiệm. Cùng với việc hỏi cung những tù binh có quan hệ với văn phòng để chế còn hỏi cả những công dân Đức có khả năng phát hiện thêm những tia sáng về những ngày cuối cùng của một số tên tội phạm Hít-le. Tôi thấy cần phải nói thật rằng hồi đó chúng tôi — những cán bộ trong Bộ tổng tham mưu Liên Xô — giống như nhiều người khác không có thì giờ đọc ngay cả những tài liệu thú vị, như các tài liệu hỏi cung các nhân chứng đã chứng kiến sự phá sản của cái Đế chế thứ ba. Nhiều công việc cấp bách khác, những công việc phải làm vì sự sống trên trái đất, đang thôi thúc chúng tôi. Nói riêng, mãi sau này tôi mới đọc tới những lời cung khai của bác sĩ Khen-mút Cun-xơ phụ trách y tế ở văn phòng để chế. Ngày 27 tháng Tư 1945, Mác-đa Gơ-ben tới gặp ông ta. Mụ thay mặt chồng và nhân danh cá nhân đề nghị Cun-xơ giúp đỡ mụ đầu độc các con mình. Bác sĩ nhận lời. Tối 1 tháng Năm, vợ Gơ-ben trực tiếp giao tận tay ông ta ống thuốc moóc-phin để tiêm cho những đứa trẻ làm cho chúng ngủ thiếp đi. Thế nhưng, Cun-xơ không đủ tinh thần tiếp tục thực hiện những hành động tội lỗi của mình cho đến cùng, nên mẹ của những đứa trẻ phải đi cầu cứu bác sĩ riêng của Hít-le giúp mụ ta đổ các ống thuốc độc vào miệng từng đứa con một...

Đó là những con người mà các chiến sĩ Liên Xô đang đấu tranh chống lại chúng. Chúng thích làm những việc tàn bạo của bày thú vật: đào những «hang sói» cho tổng hành dinh của bộ chỉ huy tối cao Hít-le; mưu toan tạo nên cuộc vận động của «đàn sói» để thu hút nhân dân vào cuộc đấu tranh vũ trang chống lại bộ đội Liên Xô; hành động của chúng cũng thật là lang sói ngay cả đối với những đứa trẻ thơ chúng dứt ruột đẻ ra.

Nhận được thông báo về các sự kiện (phát-xít Đức đầu hàng) ở Rem-xơ, A. I. An-tô-nốp triệu tập tôi đến chỗ đồng chí và ra lệnh viết dự thảo chỉ thị của Đại bản doanh về vấn đề đầu hàng. Đồng chí đưa cho tôi một văn kiện và chỉ nói: đồng chí hãy xem. Trong tay tôi là bức thư mới nhận được của Đin — trưởng phái đoàn quân sự Mỹ. Tôi đọc lướt nhanh trang giấy, và quả thật không thể hiểu ngay được ý nghĩa ẩn giấu trong đó. Nội dung thư nêu rõ:

«...Trưa hôm nay, tôi nhận được thông điệp khẩn của Tổng thống đề nghị Nguyên soái Xta-lin đồng ý tuyên bố về việc đầu hàng của nước Đức vào ngày hôm nay, hồi 19 giờ theo giờ Mát-xcơ-va.

Qua Bộ dân ủy ngoại giao, chúng tôi được biết là không thể làm như vậy, vì Chính phủ Liên Xô chưa được các đại biểu của mình hiện đang công tác tại Bộ tham mưu của Ai-xen-hao, báo cho biết về sự đầu hàng của Đức.

Tôi báo cáo tình hình trên cho tổng thống Tơ-ru-man và nhận được điện trả lời rằng, tổng thống cũng chưa thông báo chính thức trước 9 giờ sáng, theo giờ Oa-sinh-ton, ngày 8 tháng

Năm, hoặc 16 giờ, theo giờ Mát-xcơ-va, nếu như Nguyên soái Xta-lin chưa tỏ ra đồng ý về giờ sớm hơn... »

Tiếp sau là đề nghị báo cho Đin biết thời gian nhận thông báo của các đại biểu.

Tôi nhìn A. I. An-tô-nốp có ý dò hỏi:

— Các nước đồng minh đang ép ta, — đồng chí giải thích. — Họ muốn toàn thế giới biết quân đội phát-xít Đức đầu hàng họ chứ không phải Liên Xô.

Một lát sau, chúng tôi được triệu tập đến điện Crem-li... Trong phòng làm việc của I. V. Xta-lin, chúng tôi còn gặp các thành viên trong chính phủ. Tổng tư lệnh tối cao thường vẫn hay đi lại dọc theo chiếc thảm dài. Dáng bộ của đồng chí tỏ ra rất bất bình. Những người khác có mặt ở đây cũng vậy. Mọi người đang bàn về việc đầu hàng ở Rem-xơ. Tổng tư lệnh tối cao tổng kết, nói thành lời. Đồng chí nhận xét là các nước đồng minh đang tổ chức hiệp định đơn phương với chính phủ Đe-nít. Hiệp định đó đúng là một sự thỏa thuận ngầm với nhau. Ngoài tướng I. A. Xu-xlô-pa-rốp ra, không một đại biểu nào của Nhà nước Liên Xô có mặt ở Rem-xơ. Như vậy là không phải bọn phát-xít đầu hàng trước đất nước chúng ta, trong khi đó chính chúng ta lại chịu nhiều tổn thất hơn cả vì sự xâm lược của Hít-le và đóng góp nhiều nhất vào sự nghiệp thắng lợi, bẻ gãy đầu con thú phát-xít. Sự «đầu hàng» như vậy chỉ đem lại những hậu quả xấu.

Bây giờ đây, ý nghĩa bức thư của Đin càng bộc lộ rõ ràng hơn: té ra là đầu hàng không điều kiện cũng vẫn có thể kiểm soát chính trị được...

— Hiệp ước các nước đồng minh ký kết ở Rem-xơ, — V. Xta-lin tiếp tục, — ta không thể bác bỏ, nhưng cũng không thể công nhận. Việc đầu hàng phải là một sự kiện lịch sử rất quan trọng và được tiếp nhận ở ngay trên lãnh thổ của bọn phát-xít xâm lược, chứ không phải ở trên lãnh thổ của những người chiến thắng, phải ở Béc-lin, không được tổ chức đơn phương, mà nhất thiết phải có mặt các bộ chỉ huy tối cao của tất cả các nước trong khối liên minh chống Hít-le.

Tên đầu sỏ nào của nhà nước phát-xít cũ hay cả nhóm quốc xã, chịu trách nhiệm về tất cả những tội ác của chúng trước loài người, sẽ phải ký vào biên bản đầu hàng ấy.

Nói xong, I. V. Xta-lin quay sang hỏi chúng tôi: đồng chí Giu-cốp liệu có thể tìm ra ngôi nhà nào thích hợp, để làm lễ ký kết long trọng định ước đầu hàng không điều kiện của nước Đức phát-xít ở Béc-lin không?

A. I. An-tô-nốp trả lời là thành phố bị phá hoại nặng, nhưng ở các vùng phụ cận, nhiều nơi còn giữ gìn được và có thể dễ dàng tìm được ngôi nhà cần thiết ấy.

Sau đó, các đồng chí đi vào thảo luận các vấn đề có liên quan tới các cuộc hội đàm với các nước đồng minh. Trong lúc thảo luận. An-tô-nốp và tôi hiểu rõ rằng I. V. Xta-lin và V. M. Mô-lô-tốp đã thỏa thuận với đại biểu của các nước đồng minh thừa nhận thủ tục đầu hàng ở Rem-xơ là sơ bộ. Các nước đồng minh cũng đồng ý là không nên trì hoãn công việc và định ngày 8 tháng Năm là ngày ký kết chính thức định ước đầu hàng tại Béc-lin.

Nhân đó, các đồng chí đã quyết định ủy nhiệm Gh. C. Giu-cốp, Phó tổng tư lệnh tối cao, sẽ thay mặt Liên Xô ký biên bản đầu hàng không điều kiện của nước Đức. và cử đồng chí sau này làm Tổng tư lệnh vùng chiếm đóng của Liên Xô ở Đức. Đồng chí A. I. a. Vir-sin-xki lúc này đang dự họp ở Đại bản doanh được cử làm phó cho Giu-cốp phụ trách về các mặt chính trị; quy định sáng 8 tháng Năm đồng chí sẽ đáp máy bay tới Béc-lin, mang theo mọi tài liệu cần thiết về việc

đầu hàng.

Sau đó, Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu nói chuyện bằng điện thoại với Béc-lin, trực tiếp báo tin cho Gh. C. Giu-cốp biết đồng chí được ủy nhiệm thay mặt Liên Xô tiếp nhận sự đầu hàng của nước Đức phát-xít. Liền sau đó, chúng tôi biên soạn ngay tại đây và gửi đi Béc-lin một bức điện ngắn về vấn đề đó.

— Chiến tranh chưa chấm dứt, — Tổng tư lệnh tối cao nói và ra lệnh chuẩn bị một chỉ thị có liên quan gửi các phương diện quân.

Chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao bản dự thảo chỉ thị đó; sau khi sửa chữa ít nhiều, đồng chí đã ký vào văn bản. Chỉ thị nói về việc đầu hàng ở Rem-xơ và ra lệnh:

«1. Phương diện quân cho in lời kêu gọi gửi các binh lính Đức và bộ chỉ huy các đơn vị trình bày việc Đức ký kết định ước đầu hàng chiến tranh và phổ biến lời kêu gọi đó vào tối 8 tháng Năm trên các đài phát thanh và các truyền đơn buộc địch hạ vũ khí.

2. Sau 23 giờ ngày 8 tháng Năm, tức sáng 9 tháng Năm, buộc bộ chỉ huy các đơn vị quân Đức đang chống cự phải đình chỉ chiến sự, hạ vũ khí và đầu hàng làm tù binh.

3. Đơn vị quân Đức nào không chịu thi hành yêu cầu của các đồng chí, không hạ vũ khí, không đầu hàng làm tù binh, thì các đồng chí sẽ dùng toàn bộ sức mạnh kiên quyết mở mũi tập kích vào các đơn vị quân Đức chống cự lại và hoàn thành các nhiệm vụ Đại bản doanh đã giao cho từng phương diện quân...»

Văn kiện trên được ký lúc 22 giờ 35 phút ngày 7 tháng Năm.

Trước lúc nửa đêm, Bộ tham mưu của Ai-xen-hao thông báo: để tổ chức việc đầu hàng của quân phát-xít Đức, một chiếc máy bay Đức sẽ bay từ Phlen-xbuốc (Tổng hành dinh của bộ chỉ huy tối cao quân địch dời đến đây) tới Cuốc-li-an-đi-a mang lệnh đầu hàng tới các đơn vị quân Đức đang bị bao vây ở đây. Không có loại phương tiện liên lạc khác. Cần cho phép chiếc máy bay này bay tới nơi để khỏi bị bắn rơi.

Tiếp sau đó, Cục phụ trách các nhiệm vụ đặc biệt báo cáo: Ai-xen-hao cử thống chế không quân Tê-đê-rơ, phó Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh của các nước đồng minh và 10 sĩ quan tham mưu tới Béc-lin để tiếp nhận sự đầu hàng của nước Đức. Cùng đáp máy bay với họ có 11 phóng viên báo chí, nhiếp ảnh, Cây-ten, Phri-đe-buốc, Xtum-phơ và 3 sĩ quan Đức cùng đi trên những chiếc máy bay ấy tới Béc-lin để ký định ước đầu hàng không điều kiện.

Chúng ta cần ra lệnh cho phép các máy bay đó bay qua.

Tất nhiên là trong thời gian chiến tranh cũng phải làm cả những công việc bình thường. Công việc như thế vẫn rất nhiều. Nhưng được làm tất cả những công việc ấy thật sung sướng biết bao!..

...Đêm hôm ấy thật ngắn ngủi lạ thường và không giống như những đêm khác. Không ai nghĩ đến chuyện đi ngủ. Mọi người chờ đợi, và ai nấy đều nghĩ tới Các-khóc-xơ, vào những giờ này ở đây đang kết thúc những công việc chuẩn bị cuối cùng cho việc ký kết đầu hàng của nước Đức.

Đúng nửa đêm, Nguyên soái Liên Xô Gh. C. Giu-cốp, A. I-a. Vư-sin-xki, V. Đ. Xô-cô-lốp-xki, C. Ph. Tê-lê-ghin, các tướng lĩnh và sĩ quan Liên Xô khác bước vào gian phòng của nhà trường

quân sự cũ; tiếp đến các đại biểu của Bộ chỉ huy quân đồng minh: thống chế không quân các lực lượng vũ trang Anh — Ác-tua V. Tê-đe-rơ, tư lệnh các lực lượng không quân chiến lược Mỹ — tướng Xpa-át và Tổng tư lệnh quân đội Pháp — tướng Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi. Tất cả ngồi vào bàn.

Gh. C. Giu-cốp khai mạc phiên họp và cho lệnh gọi các đại biểu của bộ chỉ huy tối cao Đức — thống chế Cây-ten, thượng tướng Stum-phơ, đô đốc hải quân Phri-đe-buốc. Sau khi kiểm tra quyền hạn ủy nhiệm vào những giờ phút đầu tiên của ngày mùng 9 tháng Năm 1945, đoàn đại biểu Đức ký Định ước đầu hàng chiến tranh của nước Đức phát-xít. Định ước đó thừa nhận về mặt pháp lý sự thất bại hoàn toàn của Đế chế Hít-le trong chiến tranh...

I. A. Xu-xlô-pa-rốp có mặt tại buổi lễ ký kết Định ước đầu hàng. Đến đây, đồng chí mới được biết là Xta-lin trực tiếp thông báo qua điện thoại cho Vư-sin-xki biết rằng không có gì đáng phàn nàn về những hành động của Xu-xlô-pa-rốp ở Rem-xơ.

Quân phát-xít Đức bắt đầu đầu hàng trên các mặt trận. Thế nhưng, hơn một triệu quân lính của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» do Ph. Séc-nơ cầm đầu và Cụm quân «Áo» do tướng L. Ren-đu-lích chỉ huy vẫn chưa có ý định đầu hàng Hồng quân. Trên thực tế, Đe-nít đã dung túng chúng không thi hành các biện pháp trừng trị bọn vi phạm các điều kiện đầu hàng. Séc-nơ là một tay thành thạo về chiến tranh ở miền núi, lấp liếm những âm mưu phá hoại ngầm việc đầu hàng bằng cách đổ cho những người khởi nghĩa ở Tiệp Khắc đã gây trở ngại cho y. Bọn chúng thường hay phá hoại các đường dây điện thoại, bắt các phái viên truyền đạt mệnh lệnh cho các đơn vị, do đó làm cho việc đầu hàng không thể tiến hành theo kế hoạch. Séc-nơ đề nghị với Đe-nít gấp rút tác động vào các nước đồng minh để những người khởi nghĩa ngừng ngay việc tập kích vào quân Đức, nhanh chóng giải phóng đài phát thanh, và qua đó sẽ tạo cho Séc-nơ những tiền đề đầu tiên để thực hiện mệnh lệnh đầu hàng.

Chính phủ Đe-nít đã chấp nhận ngay mưu đồ gây sức ép đối với các nước đồng minh phương Tây, hòng làm cho quân đội chúng dễ dàng rút về tuyến của họ. Sáng 8 tháng Năm, I-ốt gửi cho Ai-xen-hao bức điện báo cáo rằng việc đầu hàng ở Tiệp Khắc tiến hành khó khăn vì quân khởi nghĩa làm trở ngại: cắt dây điện thoại, bắt các phái viên. I-ốt đề nghị với các nước đồng minh sẽ sử dụng đài phát thanh do quân khởi nghĩa chiếm giữ để truyền đạt mệnh lệnh cho các đơn vị.

Trong khi ấy, Séc-nơ vạch kế hoạch đưa Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» vào vùng quân Mỹ để đầu hàng ở đây. Y trao đổi những ý kiến của mình về kế hoạch này với chuẩn thống chế Ke-xen-rinh, còn Ke-xen-rinh lại báo cáo với Cây-ten, và đề nghị Cây-ten cho biết ý kiến. Chúng tôi không rõ Cây-ten có phát biểu ý kiến gì về kế hoạch của Séc-nơ hay không, nhưng ý định của viên tư lệnh Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» thì không thực hiện được. Bộ đội Liên Xô đã phá vỡ kế hoạch đó.

Có điều đáng chú ý là Séc-nơ được lệnh sáng ngày 8 tháng Năm sẽ trực tiếp tới khu vực miền núi Rút-nư-ê để xem xét tại chỗ việc các đơn vị ở đây tiến hành đầu hàng cho có tổ chức. Nhưng Séc-nơ tuyên bố rằng y thấy không có khả năng chỉ huy các đơn vị tuân thủ các điều kiện đầu hàng. Y muốn phủi tay và đã tự ý rời bỏ quân đội mà không được phép của bộ chỉ huy. Vì chưa được lệnh của Séc-nơ đầu hàng Hồng quân, nên Cụm tập đoàn quân «Trung tâm» vẫn hy vọng sẽ rút lui được thuận lợi sang tuyến quân Mỹ, và sau khi đã thỏa thuận được với Hội

đồng dân tộc Séc về vấn đề này tại Pra-ha chúng vẫn chưa chịu hạ vũ khí.

Vào những giờ đầu tiên của ngày 9 tháng Năm, chúng tôi vừa lo lắng, vừa hy vọng chờ đợi báo cáo ở ngoài mặt trận gửi về. Tình hình ở đây vẫn chưa có gì thay đổi. Ở khu vực Pra-ha, nơi mà các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 và 4 của các tướng Đ. Đ. Lê-liu-sen-cô và P. X. Rurban-cô đang lao nhanh tới, vẫn tiếp diễn các trận đánh. Bọn SS ra sức đàn áp cuộc kháng chiến của những người khởi nghĩa. I. E. Pê-tơ-rốp, tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 1, sau khi báo cáo về các chiến sĩ xe tăng của ta tiến công vào Pra-ha, đã nhận xét rằng: ở các khu vực mặt trận khác, địch vẫn chống cự trên các tuyến chúng đã chiếm lĩnh trước đây. Tình hình đó diễn ra trước lúc 3 giờ sáng, rồi sau đó quân phát-xít Đức bắt đầu rút nhanh về phía Nam. Nhưng chúng vẫn không chịu đầu hàng...

Chúng tôi gọi điện tới phương diện quân U-crai-na 4. Tình hình ở đây như sau: L. M. Xan-đa-lốp, tham mưu trưởng phương diện quân báo cáo là địch không chịu hạ vũ khí và không ở lại chỗ, chúng đang vội vã rút lui, phá cầu đường trên hướng chung tới Pra-ha. Theo lời khai của số tù binh bắt được, bộ chỉ huy Đức cho quân lính của chúng rút lui «nhằm đầu hàng quân Anh hoặc Mỹ».

Ở phương diện quân U-crai-na 2, tình hình cũng như vậy. M. V. Da-kha-rốp báo tin địch đang rút lui chứ không chịu đầu hàng. Bộ đội Liên Xô đang truy kích chúng ở khắp mọi nơi. Ở một số nơi, các trận đánh vẫn tiếp diễn. Xin nói trước một chút rằng, mãi tới ngày 10 tháng Năm, quân đoàn cơ giới cận vệ 2 thuộc tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 của A. G. Cráp-tsen-cô tại khu vực Tra-xláp vẫn bị địch ngoan cố chống lại. Đại bác và súng máy trên xe tăng lại nổ ran. Quân địch bị tiêu diệt. Hơn 700 quân địch bị bắt làm tù binh. Quân đoàn tiếp tục tiến về Pra-ha.

Trong những ngày này, thật là đau xót khi thấy các báo cáo ở ngoài mặt trận gửi về vẫn còn nói đến những người hy sinh. Chúng ta đã phải hy sinh trên 140.000 chiến sĩ và sĩ quan để giải phóng Tiệp Khắc. Tại sao quân địch lại vẫn cầm vũ khí trong tình thế rõ ràng đã tuyệt vọng, trong điều kiện đã ký kết hiệp định đầu hàng rồi?! Chỉ có những kẻ không còn nhân tính, những kẻ căm thù cả loài người — bọn phát-xít — mới có thể hành động như thế được. Chúng vẫn tiếp tục xô đẩy binh lính của chúng xuống những nấm mồ sâu.

Sự thật là như vậy... Thế nhưng, chiến tranh đã lùi xa gần một phần tư thế kỷ rồi, lại bỗng xuất hiện ý kiến kỳ quặc cho rằng những trận tiến công vào Tiệp Khắc là không cần thiết^[22]. Ý kiến đó mâu thuẫn với tình hình thực tế của chiến tranh. Quy luật chiến tranh đòi hỏi: «Nếu quân địch không chịu đầu hàng thì phải tiêu diệt chúng». Quy luật đó hoạt động một cách hiển nhiên khách quan. Như đã nói ở trên, cụm quân của Séc-nơ và Rên-đu-lích có tới hơn triệu tên cường đạo Hít-le, chứa đựng trong đó nhiều mối nguy cơ gây nên những tội ác mới. Chúng đã hành động, kéo dài chiến tranh và tiếp tục gây ra đổ máu.

«Chính phủ» Đe-nít của bọn Hít-le phải chịu trách nhiệm cụ thể về những tội trạng đó, trước hết là chuẩn thống chế Séc-nơ. Y đã rời bỏ quân đội và ngấm ngầm hoạt động phá hoại, không chịu đầu hàng, tiếp tục xô đẩy thêm nhiều sinh mạng phải hy sinh một cách vô ích.

Đế chế của bọn quốc xã đang cơn hấp hối... Những tên đầu sỏ còn sống sót của nước Đức phát-xít, giống như những con chuột cống bỏ chạy khỏi chiếc tàu đang bị đắm. Bọn Vla-xốp^[23], những kẻ bại trận, phản bội Nhà nước Liên Xô, cũng đang bỏ chạy dọc theo Séc tới giới tuyến. Tàn quân của bọn bạch vệ cũ và bọn phản bội Tổ quốc trước đây tìm được chỗ ẩn nấp ở vùng Ban-căng và ở I-ta-li-a, nay phải luồn lách theo các con đường mòn trong dải núi An-pơ ở phía Nam chạy sang nước Áo. Trong những năm chiến tranh, nhiều tên bạch vệ cũ lại cầm súng

chống Đất nước Xô-viết. Tiêu biểu cho hoàn cảnh bi thảm đó là sự đào ngũ và diệt vong của các kẻ thù chúng ta, vì lịch sử không quên trừng phạt những tội lỗi của chúng đã chống lại loài người.

Khả năng cuối cùng để chuộc tội đối với Tổ quốc của bọn cận bã xã hội đang mất dần theo những cách khác nhau. Có những tên đã điên cuồng bắn trả lại và đã bị chôn vùi trong đấu tranh. Lại cũng có những tên mù quáng chờ đợi số phận định liệu. Có những tên đã căm thù những kẻ tuyên truyền lừa bịp chống Liên Xô và đã tìm cơ hội bằng bất cứ giá nào để chuộc lại tội lỗi của mình. Không phải tất cả bọn chúng đều hết hy vọng được ân xá. Chẳng hạn, có một số tên theo Vla-xốp đã tới Pra-ha vào thời điểm mà cuộc khởi nghĩa quyết định chống lại bọn Đức chiếm đóng đã chín muồi. Hồi đó, chúng đã hai lần tới gặp Hội đồng dân tộc Séc và đề nghị thu nạp chúng vào cuộc đấu tranh phòng thủ thành phố chống lại quân Séc-nơ. Nhưng, đề nghị của chúng không được chấp nhận, vì các «đồng minh» ấy rất khó tin cậy, và không ai dám đứng ra bảo lãnh và giao vũ khí cho chúng. Thất vọng, một số nhóm Vla-xốp chủ động tổ chức bắn lại bọn Hít-le ở một số nơi, một số chuẩn bị và tìm cách chạy sang hàng ngũ Hồng quân.

Ngày 10 tháng Năm, chúng ta được tin của M. V. Đa-kha-rốp từ phương diện quân U-crai-na 2 gửi về, nói rằng nhiều tên Vla-xốp đã bị bao vây và bị bắt làm tù binh trong các khu rừng ở Tây-Bắc Lu-tốp. Rõ ràng là bọn chúng định chạy qua biên giới. Vla-xốp, thủ lĩnh của những tên phản bội — cũng bỏ chạy sang phía Tây. Các đơn vị của cái gọi là Quân đội giải phóng Nga hoạt động theo kế hoạch do bọn thủ lĩnh của chúng vạch ra trong phiên họp đặc biệt ở Các-xbát. Chúng không có ý chấm dứt chiến sự chống Liên Xô, ngay khi nước Đức phát-xít đầu hàng không điều kiện. Trong trường hợp này, chúng muốn giữ lại số sĩ quan của chúng và tập trung quân ở phía Nam nước Đức tại chân dãy núi An-pơ. Chúng định lợi dụng các điều kiện thiên nhiên khó khăn ở đây để ẩn nấp chờ... tới ngày bắt đầu bùng nổ cuộc chiến tranh mới, và lần này là chiến tranh giữa Anh - Mỹ chống lại Liên Xô. Lúc đó sẽ là thời cơ chúng chạy sang phía các nước phương Tây.

Bọn phản bội bắt đầu thực hiện kế hoạch của chúng. Bọn chúng gửi một số người sang phía Tây để liên lạc với Bộ chỉ huy Anh và Mỹ, còn ở mặt trận phía Đông, chúng bắt đầu rút các đơn vị của Vla-xốp xuống phía Tây-Nam. Đại bộ phận các đơn vị và những tên đầu sỏ phản bội Tổ quốc chạy thoát được sang phía Mỹ. Nhưng bản thân Vla-xốp thì hãy còn hoạt động trên lãnh thổ Tiệp Khắc được sư đoàn 1 của Quân đội giải phóng Nga bảo vệ mà y coi là rất đáng tin cậy. Nòng cốt của sư đoàn này là lữ đoàn của tên phỉ Ca-min-xki, mà binh lính của chúng đã nhuộm đầy máu của các chiến sĩ du kích Liên Xô và những người khởi nghĩa Vác-sa-va. Chính tên Ca-min-xki, theo như người ta nói thì lại bị bọn Đức xử bắn, vì những tội ác mà ngay cả bọn tội phạm Hít-le cũng không thể tưởng tượng nổi. Chỉ huy sư đoàn là Bu-nhi-a-tren-cô, một tên cũng phản bội như thủ lĩnh của Quân đội giải phóng Nga mang quân hàm thiếu tướng phát-xít.

Ngày 12 tháng Năm, các đơn vị của bọn phản bội ở cách Đông-Nam Plơ-den 40 ki-lô-mét. Thành phố này là một trong những cứ điểm ở giới tuyến giữa Hồng quân và quân Mỹ được quy định trong hiệp ước giữa quân đội các nước đồng minh. Chính Nguyên soái I. X. Cô-nép đã nói đến nó, khi tướng Brét-li cùng các sĩ quan tham mưu của ông ta đề nghị giúp đỡ chúng ta tiêu diệt cụm quân của Séc-nơ. Nếu không có hiệp ước trên thì hồi ấy Vla-xốp có lẽ đã chạy thoát sang bên các nước đồng minh, và các nước đồng minh cũng tiến sâu hơn nữa vì ở phía trước họ không có địch.

Nhưng vào ngày tháng Năm ấy, bộ đội Liên Xô đã tiến đến Plo-den, và đội trinh sát của quân đoàn xe tăng 25 do thiếu tướng E. I. Phô-mi-núc chỉ huy đã phát hiện thấy binh đoàn của Vla-xốp. Sau khi được trinh sát báo cáo, quân đoàn trưởng đã ra lệnh cho đại tá I. P. Mi-sen-cô, chỉ huy lữ đoàn xe tăng 162 rượt theo truy kích. Điều quan trọng trước hết là phải tìm chân sư đoàn của Vla-xốp lại và làm cho đội ngũ của nó bị rối loạn để toàn bộ lực lượng xe tăng công kích và tiêu diệt chúng. Tiểu đoàn bộ binh-cơ giới dưới sự chỉ huy của đại úy M. I. I-a-cu-sốp là đội xung kích có nhiệm vụ ngăn chặn quân địch.

Tình hình lúc này của tiểu đoàn khá phức tạp, vì dẫu sao thì ở phía trước tiểu đoàn là cả một sư đoàn những tên cường đạo đã sẵn sàng hành động. Và việc sắp được trốn thoát càng làm tăng thêm sức mạnh cho chúng. Sự mưu trí, những ý nghĩ sáng suốt và hiểu rõ tâm lý — tất cả những điều đó đã có tác dụng động viên người tiểu đoàn trưởng. Khi thi hành nhiệm vụ, đại úy M. I. I-a-cu-sốp được các cán bộ phản gián là thượng úy N. P. I-gơ-na-skin và thiếu tá P. T. Vinô-grát-đốp giúp đỡ đã kêu gọi được đại úy P. N. Cu-trin-xki, tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn quân Vla-xốp, chạy sang hàng ngũ ta. Viên đại úy này mặc dù đã chạy ra ngoài biên giới, nhưng đã cảm thấy sâu sắc những tội lỗi của mình trước nhân dân xô-viết, và có lẽ trong giờ phút cuối cùng này, muốn đem hết sức mình ra chuộc lại những tội lỗi cũ, Cu-trin-xki đã chỉ cho I-a-cu-sốp biết địa điểm của bộ tham mưu sư đoàn và còn báo cho biết cả Vla-xốp cũng ở đó.

M. I. I-a-cu-sốp đã quyết định một cách táo bạo. Đồng chí để Cu-trin-xki cùng đi xe với mình vượt lên đầu đoàn xe của bộ tham mưu Bu-nhi-a-tren-cô. Đồng chí cho xe dừng lại, nằm chắn ngang đường để chặn đoàn xe. Sau đó, đồng chí nhanh chóng bỏ đi tìm xe của Vla-xốp. Nhờ sự giúp đỡ của Cu-trin-xki và người lái xe của Vla-xốp, các đồng chí đã đẩy được tên phản bội vào xe của tiểu đoàn trưởng. Sự kiện trên diễn ra dưới họng súng của các xe tăng quân đoàn đang tiến lại gần. Tên đầu sỏ phản bội Tổ quốc được đưa ra khỏi hàng và giao cho đơn vị Liên Xô. Không một tên nào trong đám quân đi hộ tống Vla-xốp dám nổ súng. Sau đó, toàn bộ sư đoàn của Vla-xốp, kể cả tên sư đoàn trưởng, đều bị bắt hết làm tù binh, không dám kháng cự lại.

Bè lũ bọn phản bội Tổ quốc được bổ sung thêm những tên mới, cuối cùng tất cả đều bị bắt. Ở chân dãy núi An-pơ còn phát hiện được những kẻ thù lâu đời của Chính quyền xô-viết: tướng dưới thời Nga hoàng P. N. Cra-xnốp, A. G. Scu-rô, C. Xun-tan-Ghi-rây và những tên khác. Từ lâu, chúng tôi đã quên không nghĩ đến những cái tên cổ lỗ ấy. Nhưng năm 1944 khi tiến công vào Nam Tư, bộ đội Liên Xô trong chiến đấu đã gặp những đơn vị của quân đoàn bạch vệ Nga. Té ra, bọn chúng vẫn còn ôm ấp mộng khôi phục chính quyền của chúng, ôm mộng có lãnh địa và chế độ quân chủ. Bọn chúng còn nuôi dưỡng những tính toán tham lam cùng với sự căm thù hung bạo đối với chế độ xô-viết.

Đó là tên Cra-xnốp, cựu tư lệnh toàn bộ các lực lượng vũ trang của chính phủ lâm thời Kê-ren-xki và thủ lĩnh của «bộ đội sông Đông»; Scu-rô, cựu quân đoàn trưởng quân đoàn kỵ binh 3 thuộc tập đoàn quân Ê-ni-kin và Xun-tan-Ghi-rây, nguyên bá tước, kẻ đã từng đàn áp cuộc Cách mạng 1905, sư đoàn trưởng «sư đoàn man rợ» gây ra những trò uống máu. Trong những năm chiến tranh, bọn chúng đã chuyển sang tích cực hoạt động quân sự và phục vụ chủ nghĩa phát-xít Đức. Theo chỉ thị của các quan chức Hít-le, bọn tướng lĩnh này đã xây dựng các đơn vị vũ trang gồm những phần tử người Nga phản cách mạng và chống xô-viết. Bọn này đã từng cầm súng chống lại Hồng quân và các đồng minh của chúng ta. Chúng đã chiến đấu một cách điên cuồng, mù quáng và thật dã man. Nhưng bị các đòn đột kích của bộ đội Liên Xô và quân

đội đồng minh, «những người tình nguyện ấy» đã phải bỏ chạy vào các khe núi đá. Chúng bị thiệt hại nặng và chuồn sang hàng ngũ quân Anh với hy vọng là rồi đây Anh và Mỹ sẽ bước vào vòng chiến chống lại Xô-viết và chúng tỏ ý sẵn sàng giúp đỡ Anh-Mỹ. Thế nhưng, bọn chúng đã tính lầm... Chính phủ Liên Xô hồi đó đã kiên quyết phản kháng các nước đồng minh về vấn đề Cra-xnốp, Scu-rô, Xun-tan-Ghi-rây và những tên tội phạm chiến tranh khác. Người Anh có trì hoãn đôi chút, nhưng sau thấy những tên tướng già bạch vệ và quân lính của chúng cũng chẳng còn ích lợi gì nữa, bèn xua tất cả bọn chúng lên xe và chuyển giao cho Chính quyền xô-viết. Toàn bộ thủ tục chuyển giao chỉ là thay lính gác Anh bằng đội gác Hồng quân.

Các chiến sĩ Liên Xô thấy những «vật vùi dưới đất» ấy hình thù ra sao? Cra-xnốp già yếu (hắn sinh năm 1869), đeo kính cặp mũi với đôi mắt sưng húp, mặc quân phục tướng Đức và đeo lon của quân đội Xa hoàng, Cra-xnốp ăn nói có vẻ kiểu cách: khi ở nước ngoài, y đã từng viết lách và xuất bản mấy cuốn tiểu thuyết chống Liên Xô, thế nhưng lại không được công chúng «bạch vệ» của hắn tán thưởng. Cùng với hắn, người Anh còn giao cả tên cháu của hắn là X. N. Cra-xnốp, thiếu tướng trong quân đội phát-xít Đức, trước đây là đại tá cận vệ của Xa hoàng và quân bạch vệ. Tên này chưa già lắm, cũng giống như chú y, cả tâm hồn lẫn thể xác đều phục vụ cho bọn Hít-le. Tướng Scu-rô, thấp lùn, vẻ nghiện rượu, kiệt sức, toát lên sự thâm độc, mặc áo dài tséc-kê-xca. Cho đến tận giờ phút cuối cùng, Scu-rô vẫn tỏ ra căm thù hung bạo đối với Chính quyền xô-viết. Bá tước Xun-tan - Ghi-rây gầy guộc và hơi nghễnh ngãng. Bộ áo dài tséc-kê-xca màu đen che phủ lấy thân hình ốm yếu. Y vẫn còn giữ những tính nết cũ, nuôi thâm thù với mọi người xung quanh, nhất là đối với nhân dân Liên Xô... Tất cả bọn tướng hời hám này đã ra trước vành móng ngựa của tòa án Liên Xô. Tất cả bọn chúng đều bị kết án tử hình.

CHƯƠNG MƯỜI BA

• Suy nghĩ về lao động của người thống soái

- «Ở bên ta dạy làm người thống soái ở đâu?»
- Những ai được công nhận là thống soái.
- Tính chất lao động sáng tạo của người thống soái.
- Quyết định chiến dịch là hành động của trí tuệ và ý chí.
- Người thống soái trong chiến đấu. — Phương trình có nhiều ẩn số.
- Mức độ mạo hiểm quân sự.
- Những phẩm chất riêng của người thống soái.
- Bộ quân phục may cho Đại nguyên soái.

Sau khi xuất bản tập một quyển hồi ký, tôi được dịp quen biết thêm rất nhiều bạn bè. Họ là những người ở lứa tuổi, ngành nghề và xu hướng khác nhau: từ nhà bác học đến em thiếu nhi. Tất cả đều rất ham thích công việc của quân đội. Thêm nữa, các nhà bác học mong muốn được nói chi tiết hơn về các hoạt động sáng tạo của những người thống soái. Còn các em thiếu niên lại muốn biết «ở bên ta dạy làm người thống soái ở đâu? »...

Thế theo yêu cầu bạn đọc và khi bắt đầu viết chương không hoàn toàn có tính chất hồi ký này, trước hết tôi cảm thấy mình như có gì thêm muốn đối với tác giả của các tác phẩm văn nghệ. Các tác giả ấy có thể trình bày những quan điểm của mình và tỏ thái độ đối với thực tế bằng những hình tượng, cho nên họ có thể sử dụng các màu sắc thật thích hợp với ý định của người nghệ sĩ để trình bày các sự kiện. Ví dụ, họ có quyền để người thống soái tự nói những câu và suy nghĩ những điều mà họ thấy cần và phù hợp với sự kiện họ đang miêu tả, mặc dầu có thể là người thống soái đó không hề nói và nghĩ như vậy. Còn tác giả của những dòng hồi ký lại không được tùy tiện đối với lịch sử: họ có nhiệm vụ phải giữ lại nguyên vẹn các sự kiện có thật và bị ràng buộc bởi các hành vi, lời nói cùng hoạt động có thật của các nhân vật lịch sử.

Thế nhưng, người viết hồi ký cũng vẫn được quyền suy nghĩ, và trong chương này, tôi muốn sử dụng tới quyền hạn ấy để suy luận về sự lao động, trí tuệ, ý chí và các phẩm chất khác của những người thống soái. Mong bạn đọc thông cảm cho tôi khi một lần nữa tôi nói ngoài đề các sự kiện lịch sử.

Tôi hiểu toàn bộ tính chất phức tạp của hoàn cảnh mình, và tôi sẽ không dám nhận lấy công việc khó khăn này, nếu như bản thân không được quen biết nhiều vị thống soái và chỉ huy quân sự xô-viết. Tôi có dịp may mắn được làm việc với nhiều đồng chí và tôi dám nghĩ rằng tôi đã được sự tin cậy của các đồng chí. Một số đồng chí lại là bạn chiến đấu của tôi. Đồng thời, trong những năm chiến tranh, tôi còn được may mắn biết đến lao động và phẩm chất của những người lãnh đạo quân sự cấp cao, kể cả Tổng tư lệnh tối cao I. V. Xta-lin. Ngoài ra, công tác trong Bộ tổng tham mưu lại tạo điều kiện cho tôi được tiếp xúc trực tiếp với hoàn cảnh chiến tranh, là nơi thể hiện đầy đủ nhất phẩm chất của người thống soái.

Tác giả hoàn toàn không có tham vọng bàn luận đầy đủ mọi khía cạnh của vấn đề, đồng thời cũng nhớ đến lời của Xtăng-đan rằng khó mà thỏa mãn được tất cả bạn đọc khi viết về những

vấn đề ít thú vị hoặc những vấn đề hết sức thú vị.

Vậy ai sẽ được công nhận là người thống soái?

Cuốn Bách khoa toàn thư quân sự Nga hồi Chiến tranh thế giới thứ nhất đã định nghĩa: «Người thống soái là người đứng đầu một đạo quân lớn, tác chiến độc lập trên những quy mô rộng. Mặc dầu khái niệm ấy chưa bao hàm một nội dung xác định và chưa thể quy định ranh giới chính xác mà nhờ đó người chỉ huy quân sự có thể giành được hoặc mất đi danh hiệu người thống soái, song dầu sao các hành động chiến lược trong hoạt động của người chỉ huy quân sự vẫn là điều kiện tất yếu để ấn định cho họ tính chất của người thống soái...»

Cuốn Đại bách khoa toàn thư Liên Xô định nghĩa: «Người thống soái là nhà hoạt động quân sự, người chỉ huy quân sự, lãnh đạo các lực lượng vũ trang của một quốc gia, hoặc các binh đoàn chiến dịch-chiến lược lớn, nắm vững nghệ thuật chuẩn bị và thực hiện các chiến dịch có tính chất chiến lược, biết vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm hành động chiến đấu để phát triển nghệ thuật quân sự. Quyết định vai trò của người thống soái là khả năng biết tìm ra và vận dụng trong hoàn cảnh lịch sử nhất định các phương thức tiến hành chiến tranh và các hành động quân sự nhằm giành thắng lợi».

Căn cứ vào các định nghĩa trên, chúng ta thấy rõ ràng rằng thống soái không phải là chức vụ mà cũng không phải là cấp bậc. Người chỉ huy quân sự trở thành người thống soái là do những phẩm chất riêng của họ đã tạo điều kiện cho các đơn vị thuộc quyền lãnh đạo của mình lập nên các chiến công, giành được những thắng lợi to lớn và có những cống hiến lớn trong thắng lợi chung. Mỗi người thống soái đều có sự đóng góp những cái gì vốn có trong tính cách, tài năng, tri thức và kinh nghiệm của mình vào việc tổ chức và tiến hành các trận đánh, chiến dịch và chiến đấu.

Trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại đã nổi lên cả một lớp những nhà lãnh đạo quân sự xuất sắc. Quảng đại quần chúng ai cũng biết đến tên tuổi những nhà chỉ huy quân sự kiệt xuất như các đồng chí I. Kh. Ba-gra-mi-an, A. M. Va-xi-lép-xki, N. Ph. Va-tu-tin, K. A. Véc-si-nhin, N. N. Vô-rô-nốp, L. A. Gô-vô-rốp, A. G. Gô-lốp-cô, X. G. Goóc-scốp, A. A. Grê-xcô, A. I. Ê-ri-ô-men-cô, Gh. C. Giu-cốp, M. V. Da-kha-rốp, I. X. I-xa-cốp, I. X. Cô-nép, N. I. Crư-lốp, N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp, R. I-a. Ma-li-nốp-xki, K. A. Mê-rét-xcốp, C. X. Mô-xca-len-cô, A. A. Nô-vi-cốp, Ph. X. Ốc-chi-áp-rơ-xki, I. E. Pê-tơ-rốp, M. M. Pô-pốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki, V. Đ. Xô-cô-lốp-xki, Ph. I. Tôn-bu-khin, V. Ph. Tơ-ri-bút, I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki, V. I. Tsui-cốp, B. M. Sa-pô-sni-cốp, I. X. I-uma-sép và nhiều người khác.

Từ thời cổ đại cho đến ngày nay, vai trò của người thống soái thật to lớn. Một số người đã đi vào lịch sử của các thế kỷ trước đây và theo một ý nghĩa nhất định, chính họ là người sáng tạo nên lịch sử như: Giuyn Xê-da, Ha-ni-ban, A-lếch-xan-đơ Ma-xê-đoan, Ga-ri-ban-đi, Na-pô-lê-ông đệ nhất. Vinh quang của nền quân sự Nga cũng đã gắn liền với tên tuổi của A-lếch-xan-đơ Nép-xki, Đơ-mi-tơ-ri Đôn-xcôi, I-van Grô-dơ-nui, Pi-ốt đệ nhất, A. V. Xu-vô-rốp, M. I. Cu-tu-dốp. Trong những năm nội chiến nổi lên những người có danh tiếng như M. V. Phrun-de, X. M. Bu-đi-on-nui, C. E. Vô-rô-si-lốp, V. K. Blu-khe, A. I. Ê-gô-rốp, X. X. Ca-mê-nép, M. N. Tu-kha-trép-xki và những người chỉ huy quân sự xô-viết khác. Các thời đại, chế độ xã hội, nền kinh tế trang bị của các quân đội có thay đổi và kèm theo là sự thay đổi về chiến thuật, về nghệ thuật tác chiến, thế nhưng vẫn cần phải có các lãnh tụ, các nhà lãnh đạo, những người thống soái. Tất nhiên nội

dung công tác của họ cũng có sự thay đổi.

Vậy người thống soái cần có những phẩm chất gì? Về vấn đề này, trong các thời đại khác nhau đã có những giải đáp khác nhau. Tuy nhiên, một vấn đề nổi lên ai cũng thấy rõ là người thống soái phải là người vốn có một trí tuệ tuyệt vời, uyên bác và hiểu biết sâu rộng công tác quân sự, có một ý chí sắt thép, kiên cường nhằm đạt tới mục đích. Chúng ta còn phải kể đến cả những tài năng biết mạo hiểm một cách khôn ngoan, biết dự kiến sâu, có linh tính, suy tưởng có căn cứ khoa học, biết nắm lấy khâu chính trong hệ thống các sự kiện và nhanh chóng định hướng trước các tình huống đó, nhất là trong lúc ra quyết định. Lẽ đương nhiên, người thống soái cần phải có trí nhớ tốt, khả năng làm việc cao, phẩm chất tinh thần vững vàng. Uy tín của người thống soái trong quần chúng và khả năng dắt dẫn quần chúng theo mình có một ý nghĩa to lớn. Chúng ta thấy rằng biết lắng nghe ý kiến của những người khác và biết chan hòa với họ cũng đều là phẩm chất của người thống soái.

Các phẩm chất thống soái của những nhà chỉ huy quân sự Xô-viết đã biểu hiện ngay trong những năm đầu của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, một cuộc cách mạng đã mở ra cho họ con đường thênh thang để phát triển tài năng và giúp họ thể hiện được các tài năng đặc biệt đó vì lợi ích thiết lập chủ nghĩa xã hội trên trái đất chúng ta.

Phẩm chất chủ yếu của những người thống soái của Nhà nước Xô-viết là lòng yêu nước nồng nàn và lòng trung thành vô hạn đối với sự nghiệp của Đảng cộng sản. Đó là cơ sở và động lực hoạt động sáng tạo của họ trên chiến trường; ở mọi nơi và mọi lúc, trước hết họ là những người yêu nước và những người cộng sản. Họ đã hoàn thành một cách vẻ vang nhiệm vụ bảo vệ đất nước qua nhiều thử thách của chiến tranh, điều khiển các hành động của quảng đại quần chúng và các khí tài kỹ thuật rất khác nhau, chỉ huy các tập đoàn quân, phương diện quân, các Lực lượng vũ trang nói chung.

Chúng ta đều biết rằng chiến thuật, nghệ thuật chiến dịch, tính chất của trận đánh, của chiến đấu và của chiến tranh nói chung trong từng giai đoạn phát triển của xã hội loài người đều phụ thuộc vào tình trạng kinh tế của xã hội đó, phụ thuộc vào vũ khí và các khí tài kỹ thuật đang được trang bị cho quân đội và còn phụ thuộc vào cả chất liệu con người hợp thành quân đội. Ở đây, ta nên nhớ lại một lần nữa định nghĩa bắt hủ của Ăng-ghe-nh đã được dẫn ra trong chương một.

Mọi người đều biết rõ cuộc cách mạng đã diễn ra trong lĩnh vực quân sự từ khi phát minh thuốc súng và hỏa khí. Khẩu súng xuất hiện đã cho phép ta sử dụng cách ngắm bắn, đã sinh ra và phát triển chiến thuật có chiều sâu và đội hình phân tán. Khi bắt đầu được trang bị súng trường, pháo bắn có tốc độ nhanh và súng máy, quân đội đã buộc phải từ bỏ đội hình chiến đấu dày đặc và chuyển sang các hành động thành tuyến. Vũ khí hiện đại đòi hỏi phải thực hiện các kiểu bố trí đội hình mới nhằm phân tán bộ đội trên chiến trường. Đồng thời khi đường sắt, vận tải ô-tô và máy bay phát triển và khi sử dụng điện tín, điện thoại, thông tin vô tuyến làm các phương tiện chỉ huy thì cũng đã mở ra con đường sáng tạo rộng rãi cho trí tuệ của những người thống soái trong lĩnh vực sử dụng các lực lượng vũ trang dưới nhiều hình thức mới trong chiến tranh.

Trong thời đại Xu-vô-rốp, Cu-tu-dốp và Na-pô-lê-ông, vận mệnh của chiến cục và nhiều khi ngay cả kết cục chiến tranh thường được quyết định trong một trận giao chiến. Các chiến cục

đó diễn ra trên chiến trường có thể quan sát thấy bằng mắt thường, do họ lựa chọn và diễn biến trong khoảng thời gian có hạn, có thể tính được bằng giờ, có khi một vài ngày. Người thống soái quan sát các lực lượng của mình và của địch, rồi ra quyết định tùy theo hoàn cảnh. Trong các điều kiện ấy, chúng ta thấy có thể nảy sinh và áp dụng được câu châm ngôn có ba tiếng nổi danh của Xê-da, là: «Đến, thấy, thắng». Người thống soái trực tiếp phát huy ảnh hưởng của mình trong quá trình giao chiến và nghệ thuật của họ thể hiện ở chỗ họ thực hiện việc đó thành công tới mức nào.

Còn trong điều kiện hiện nay, các lực lượng vũ trang đông tới hàng triệu quân, được trang bị các phương tiện kỹ thuật chiến đấu hết sức phức tạp, thực hiện các chiến dịch và các hệ thống chiến dịch với quy mô lớn trong một thời gian dài, bao gồm nhiều trận đánh và các trận chiến đấu nổ ra cùng một lúc hoặc nối tiếp nhau trên đất liền, ngoài biển và trên không. Công tác hậu phương trở nên hết sức phức tạp. Ngày nay, người thống soái phải phụ trách quá nhiều việc và gần như là quá sức. Sức lao động phải bỏ ra vượt quá khả năng của một con người. Người thống soái không thể quan sát chiến trường bằng mắt thường như trước kia, và nếu như không có cơ quan tham mưu giúp đỡ mà chỉ chủ yếu dựa vào những gì mình trực tiếp nhìn thấy thì không thể phân tích được các sự kiện, không thể tính toán hết được, không thể kế hoạch hóa các hành động chiến đấu, sắp xếp việc chỉ huy bộ đội. Trí năng của người thống soái phải kết hợp các thành tựu của khoa học với các sự kiện trong thực tiễn.

Đi sâu vào trào lưu cuộc sống xã hội, chúng ta thấy rằng ngày nay, quyết định của các tổ chức chỉ huy có ý nghĩa to lớn biết nhường nào. Tất nhiên, quyết định không thể bác bỏ được các quy luật phát triển khách quan, nhưng vai trò của nó là ở chỗ biết vận dụng các quy luật để tổ chức hợp lý tiến trình các sự kiện. Lĩnh vực quân sự là một bộ phận đặc trưng của đời sống xã hội và ý nghĩa quyết định của người thống soái thật là to lớn, vì nó là cơ sở để sử dụng bộ đội trên thực tế. Có thể nói một cách hoàn toàn đúng đắn rằng sự hoạt động của cơ quan lãnh đạo chiến lược và của các vị thống soái dường như được đánh giá bằng số lượng và chủ yếu là bằng chất lượng các quyết định của họ.

Quyết định của những người thống soái là kết quả hoạt động phức tạp của trí tuệ và ý chí của họ, là kết quả của sự suy nghĩ, tìm kiếm, dự đoán của họ dựa trên cơ sở những nhận thức khoa học sâu sắc, những dự kiến và kinh nghiệm phong phú, linh tính, những sự tính toán chính xác lực lượng và phương tiện. Quyết định đó mâu thuẫn một cách biện chứng, vì khi suy nghĩ và ra quyết định để làm cơ sở cho bộ đội hành động, bản thân người thống soái đã bị ràng buộc bởi các điều kiện khách quan của tình huống chiến tranh. Ngoài ra, sự hoạt động của mỗi người thống soái là do các chỉ thị của cơ quan lãnh đạo chiến lược quyết định. Cơ quan lãnh đạo này quy định sẽ sử dụng các lực lượng vũ trang như thế nào, ở đâu, vào lúc nào và giao nhiệm vụ cho các phương diện quân, hạm đội và các cơ quan quân sự khác. Tuy nhiên, điều đó không hề có nghĩa hạ thấp vai trò người thống soái trong thời đại hiện nay và vẫn dành cho họ cả một địa bàn rộng lớn để thể hiện quyền chủ động và sáng tạo của mình, ngược lại, họ cũng phải hành động tương tự như vậy đối với các đơn vị dưới quyền của mình, giao nhiệm vụ cho các tập đoàn quân và tất cả các tổ chức dưới quyền tham gia biên soạn và chấp hành các kế hoạch chiến lược. Và, lẽ nào chỉ huy cả một quá trình giao chiến lại không có sự sáng tạo của người tư lệnh, dù đó là người tư lệnh tập đoàn quân hay tư lệnh phương diện quân?

Vì điểm bắt đầu của mọi sự bắt đầu các chiến dịch quân sự là quyết định của cơ quan lãnh đạo chiến lược, nên cho phép tôi được bàn đến một cách sơ lược vấn đề này.

Như đã nói ở trên, quyết định của cơ quan lãnh đạo chiến lược bao quát quy mô của toàn bộ cuộc chiến tranh, các chiến cục chiến tranh, các chiến dịch của cụm phương diện quân, hạm đội, của lực lượng không quân và các phương tiện đấu tranh chiến lược khác thuộc quyền Đại bản doanh. Điểm xuất phát của quyết định là mục đích quân sự-chính trị của hành động.

Trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản quyết định điều chủ yếu của tình hình quân sự-chính trị trong một giai đoạn chiến tranh nhất định, còn Tổng tư lệnh tối cao ban hành các mệnh lệnh, trong đó mục đích quân sự-chính trị của chiến cục được diễn đạt như là chỉ thị của đảng. Ví dụ như, mệnh lệnh số 70 ngày 1 tháng Năm 1944, đã nhắc đến ở trên, nói về chiến cục ở ngoài biên giới Đất nước xô-viết. Sau khi nhấn mạnh rằng Hồng quân đang tiến đến biên giới quốc gia giữa Liên Xô với các nước Ru-ma-ni và Tiệp Khắc, Tổng tư lệnh tối cao đã chỉ rõ: «Nhưng nhiệm vụ của chúng ta không thể chỉ giới hạn trong việc quét sạch quân địch ra khỏi phạm vi Tổ quốc ta... Quân Đức lúc này như con thú dữ đã bị thương, buộc phải bò về hang ổ của nó là nước Đức, để chữa chạy các thương tích của nó. Nhưng con thú bị thương trở về hang ổ của nó không phải không còn là một con thú dữ nguy hiểm. Muốn tránh cho đất nước chúng ta và các nước đồng minh của chúng ta khỏi mỗi nguy cơ nô dịch, chúng ta phải truy kích bám sát con thú dữ Đức đã bị thương và phải đánh tới tận hang ổ của nó. Khi truy kích quân địch, chúng ta phải giải phóng những người anh em của chúng ta là Ba Lan, Tiệp Khắc và các dân tộc đồng minh của chúng ta ở Tây Âu, hiện đang sống nô lệ dưới ách áp bức của nước Đức Hít-le». Nhiệm vụ trực tiếp của bộ đội trong sứ mệnh giải phóng vĩ đại của các Lực lượng vũ trang Liên Xô chúng ta đã được diễn đạt như thế đó.

Căn cứ vào mục đích quân sự-chính trị, Đại bản doanh quyết định các vấn đề thuần túy quân sự: quyết định hướng đột kích chủ yếu và địa điểm tập trung các cố gắng chủ yếu của các tập đoàn quân và hạm đội; ý đồ chiến cục và chiến dịch có tính chất chiến lược; các lực lượng và phương tiện, nhiệm vụ và kế hoạch hành động của các đơn vị tham gia chiến cục (chiến dịch), chế độ lãnh đạo. Đại bản doanh đã nghiêm chỉnh tuân theo những lời di huấn của Lê-nin, ví dụ như nếu chỉ phòng ngự thì sẽ không thể chiến thắng trong chiến tranh, phải biết tập trung các lực lượng và phương tiện, biết mở mũi đột kích chủ yếu vào khâu nào sẽ sớm đem lại kết quả cao nhất. Khi soạn thảo quyết định, Đại bản doanh phải có thái độ sáng tạo đối với tình huống đang diễn biến. Ở Xta-lin-grát, thái độ sáng tạo đó thể hiện rõ trong việc bao vây cánh quân chiến lược của địch, trong việc tổ chức và hiệp đồng các phương diện quân ở vòng ngoài và vòng trong, thể hiện ở nhiều đặc điểm khác của chiến dịch rất vĩ đại này trong lịch sử chiến đấu. Và ngay như ở vùng Cuốc-xơ, chúng ta cũng đã tiến hành phòng ngự không giống như những nơi khác. Ý đồ phòng ngự, việc xây dựng sự phòng ngự đó, thứ tự chuyển bộ đội Liên Xô sang phản công và tiến hành cuộc phản công đó, thật là đặc biệt. Năm 1944, Đại bản doanh đã buộc địch phải phân tán lực lượng, bao vây và tiêu diệt các cánh quân lớn của phát-xít Đức tại các khu vực khác nhau trên mặt trận. Năm 1945, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã thu hút các lực lượng địch sang hai bên sườn, rời khỏi trung tâm hướng chiến lược phía Tây, là hướng đột kích chủ yếu của ta.

Tính hiện thực của các kế hoạch và ý đồ của cơ quan lãnh đạo chiến lược Liên Xô có quan hệ trực tiếp tới việc phải bảo đảm mọi mặt cho chúng. Ở đây, vấn đề đặt ra là phải biết dựa vào

chính sách đúng đắn, các nguồn dự trữ về vật tư và về người, dựa vào hoạt động của nền kinh tế quốc dân và bộ máy nhà nước, dựa vào đội ngũ cán bộ chỉ huy các cấp đang tổ chức những hoạt động thực tiễn của bộ đội các đơn vị.

Còn nói về người thống soái thì mục đích và nhiệm vụ do trên giao tuy không thuộc quyền hạn của đồng chí đó, song việc lựa chọn đường lối, cách thức và phương tiện thực hiện các mục đích và nhiệm vụ ấy, như bạn đọc đã rõ, thì lại hoàn toàn phụ thuộc vào đồng chí đó. Điều đó thuộc phạm vi quyền hạn và khả năng của người thống soái, đồng chí đó có quyền dùng ý chí của mình yêu cầu bộ đội phải cố gắng tới một mức độ để đạt được mục đích và hoàn thành các nhiệm vụ trong tình huống lúc đó.

Chúng ta thay quyết định của người thống soái phản ánh một cách hữu cơ trí tuệ và ý chí của người thống soái. Trí tuệ và ý chí ấy đã in dấu ấn đặc trưng lên toàn bộ quá trình lãnh đạo bộ đội hành động. Mặc dầu các nguyên tắc lãnh đạo bộ đội là thống nhất và phải nghiêm khắc tuân theo các quy luật của khoa học quân sự cũng như của nghệ thuật quân sự, song lại không thể có các quyết định giống hệt nhau của những người thống soái, sở dĩ như vậy là do tình huống của mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch đều có nhiều hình vẽ, không lặp lại như nhau, lại cũng còn do mỗi người thống soái đều có phong cách riêng cũng như đặc điểm riêng trong việc chỉ huy các lực lượng và phương tiện được giao. Khó mà xác định được ranh giới khác biệt nhau giữa các đặc điểm chỉ huy của Gh. C. Giu-cốp và I. X. Cô-nép, C. C. Rô-cô-xốp-xki và những thống soái khác. Nhưng thực tế ở họ lại có những ranh giới ấy, và chúng ta biết chắc điều đó.

Chúng tôi không có ý định đưa bạn đọc đi miên man vào việc phân tích nội dung quyết định của người thống soái. Tôi xin phép nói gọn lại là quyết định phải bao quát tất cả mọi tin tức cần thiết cho những người chỉ huy cấp dưới, để họ lĩnh hội được chính xác mục đích và nhiệm vụ của các đơn vị, các lực lượng và phương tiện nhằm bảo đảm thực hiện mục đích và nhiệm vụ đó, các phương pháp và thứ tự hành động. Vị trí trung tâm của quyết định là ý đồ, tức tư tưởng cơ bản của chiến dịch. Ý đồ đó là yếu tố chỉ đạo của công tác tổ chức, công tác đảng và công tác chính trị của những người chỉ huy cấp cao và cấp thấp.

Người thống soái phải hoạt động trong các điều kiện tình huống chiến tranh, tức trong các hiện tượng phức tạp, biến động và hết sức mâu thuẫn. Tình huống, đó không phải chỉ có địch, các đơn vị ta, địa hình, thời gian, thời tiết, các tin tức về chiến dịch-chiến thuật và các tin tức về tự nhiên mà người chỉ huy các cấp phải sử dụng đến. Ngoài ra, đối với người thống soái, tình huống còn là sự tổng hợp các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội và các nhân tố khác, buộc họ phải vận dụng để chiến thắng quân thù. Tình huống chiến tranh quyết định hoạt động của người thống soái, song đồng thời nó cũng lại là đối tượng tác động của các lực lượng và phương tiện nằm trong tay người thống soái. Chính vì vậy mà người thống soái phải mất nhiều công sức để bảo đảm phát triển được tình huống có lợi cho mình, bằng cách biết khôn khéo sử dụng các đơn vị.

Các yếu tố của tình huống đối với cơ quan tham mưu và người thống soái đều giống như nhau, nhưng thái độ đối với các yếu tố ấy, sự phân tích, tác dụng và mục đích sử dụng chúng trong hệ thống tổ chức và tiến hành các chiến dịch lại có những sự khác nhau. Như đã nói ở trên, cơ quan tham mưu khai thác và chuẩn bị các tài liệu để ra quyết định, còn người thống

soái thì nắm vững các tài liệu của cơ quan tham mưu, tổng hợp chúng và dựa trên cơ sở đó mà ra quyết định.

Nhiệm vụ hàng đầu của người chỉ huy quân sự là phải biết địch. Tất nhiên, biết địch có nghĩa là người chỉ huy quân sự phải nắm được các tin tức về số lượng và chất lượng các đơn vị của địch, trạng thái tinh thần, trang bị và tình hình cung cấp của chúng. Thế nhưng, khác với cơ quan tham mưu, điều chủ yếu đối với người thống soái là phải hiểu rõ khả năng của địch, và điều quan trọng hơn hết là phải hình dung đúng các ý đồ của chúng.

Phần trên chúng tôi đã nói khá tỉ mỉ về việc khai thác các tin tức trinh sát và việc cơ quan tham mưu hoạt động như thế nào để phân tích các tin tức đó, còn ở đây chúng tôi không đề cập đến vấn đề đó nữa. Đáng tiếc là có nhiều tin tức về địch chúng ta phải khó khăn lắm mới khai thác được, thì hoặc là lạc hậu, vì thế cho nên những tin tức đó không còn đáng tin cậy nữa, không còn hoàn toàn chính xác nữa, hoặc là chúng lại mâu thuẫn với nhau, sở dĩ như vậy là do cả bên ta lẫn bên địch đều ra sức làm mọi việc để đánh lạc hướng đối phương. Trước tình hình đó, người thống soái mặc dầu đã nhận được nhiều tin tức của cơ quan tham mưu, song vẫn luôn luôn cảm thấy như còn thiếu những tin tức về yếu tố chủ yếu của tình hình chiến sự, tức về địch. Người thống soái từng phút từng giây phải sống và làm việc gắn liền với việc dự đoán và giả thiết, phải thường xuyên chọn lọc những sự thật rất nhỏ, so sánh, kiểm tra lại và gạt bỏ những tin tức giả.

Việc đi sâu vào ý đồ của địch và lường trước được địch sẽ làm những gì trong thời gian trước mắt hoặc sau này là một điều đặc biệt khó khăn. Kẻ địch không đại dột phơi bày các điều suy tính của chúng lên mặt bàn, mà cố sức giữ rất kín các điều suy tính đó. Nắm chắc được các kế hoạch của địch là việc hiếm có, nên thường chúng ta phải phán đoán bằng cách so sánh các sự kiện trong hoạt động thực tiễn của chúng.

Chúng ta không thể thắng nếu không phát hiện ra những mặt mạnh và mặt yếu của địch. Thấy được mặt mạnh của địch để biết phòng ngừa, còn thấy được mặt yếu của địch để biết lợi dụng có lợi cho ta. Hơn nữa, ta cũng cần phải nắm được cả khả năng kháng cự của địch khi chiến dịch phát triển vào tung thâm, nếu không thì ta có thể bị đột kích ở những nơi ta không ngờ tới.

Kịp thời phát hiện ra vũ khí mới của địch cũng là một vấn đề có ý nghĩa lớn giúp ta khỏi bị bất ngờ. Chúng ta đều biết rằng bên nào sử dụng bất ngờ hàng loạt vũ khí mới thì thường thu được hiệu quả lớn. Chúng ta còn nhớ tác dụng của pháo phản lực của chúng ta (hồi ấy gọi là «Ca-chiu-sa») đã gây thiệt hại nặng cho bọn Hít-le và những kết quả đó được chúng ta lợi dụng một cách thắng lợi; ngược lại, bọn phát-xít cũng đã buộc Bộ chỉ huy Liên Xô phải suy nghĩ, khi chúng đem ra sử dụng trên chiến trường các xe tăng «Cọp» hạng nặng và các pháo tự hành «Phéc-di-nan».

Tôi phải nói rằng, nếu trong công tác trinh sát của chúng ta đã có lần phạm phải những thiếu sót nặng, thì công tác trinh sát của bọn phát-xít Đức trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, cũng thường vấp phải những sai lầm nghiêm trọng. Các đơn vị trong đội dự bị chiến lược của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã tập trung ở ngoại vi Mát-xcơ-va mà bọn địch không hề biết, và Tổng hành dinh của Hít-le cũng không dự kiến nổi cuộc phản công của ta. Trinh sát của địch cũng không kịp thời báo trước cho bọn chỉ huy của chúng biết mối nguy cơ

ở các sườn yếu của quân Đức tại Xta-lin-grát và các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 6 Đức đã bị lọt vào vòng vây. Trinh sát của địch cũng không phát hiện được mật độ phòng ngự của ta và phương diện quân Dự bị trước khi nổ ra chiến dịch lịch sử Cuốc-xơ, khiến bộ chỉ huy phát-xít Đức về sau này vẫn phạm phải những hành động có tính chất rập khuôn. Đến giai đoạn cuối chiến tranh, trinh sát của phát-xít Đức vẫn vấp phải những sai lầm có tính chất thường xuyên như thế.

Những kết luận của người thống soái về tình hình bộ đội của mình cũng có ý nghĩa không kém phần quan trọng. Người thống soái thường nắm chắc tình hình bộ đội của mình, vì trong từng thời gian nhất định, đều nhận được báo cáo về tình hình quân số, trang bị và trạng thái tinh thần. Thế nhưng các chỉ tiêu số lượng ấy vẫn chưa đủ để hình thành một quyết định của người thống soái. Những chỉ tiêu đó mới chỉ là cơ sở để rút ra các kết luận, và dựa vào những kết luận đó, người thống soái cần phải tìm hiểu xem đơn vị nào có thể hoàn thành được nhiệm vụ trong chiến dịch sắp tới, do đó sẽ sử dụng các lực lượng và phương tiện của mình ra sao: đơn vị nào bố trí ở thê đội một, đơn vị nào ở các thê đội tiếp sau, ở đội dự bị; xác định bộ đội ta có mặt nào yếu hơn hoặc mặt nào mạnh hơn địch, cần phải cải thiện những gì và ở đâu, phải bổ sung quân số cho đơn vị nào và trang bị thêm cho đơn vị nào. Người thống soái lại còn phải tính đến cả khả năng của những người chỉ huy mà quá trình và kết cục trận đánh, trận chiến đấu sẽ phụ thuộc phần lớn vào phẩm chất cá nhân của họ. Các kết luận về bộ đội mình nói chung đã hình thành nên quyết định của người thống soái.

Hành động của các đơn vị bạn cũng là yếu tố tình huống tiếp sau cần phải được đi sâu phân tích. Chúng ta phải đặc biệt chú ý tới hành động của các đơn vị bạn, nếu không thì thắng lợi chung sẽ không triệt để hoặc có thể sẽ có nguy cơ lâm vào tình thế khó khăn. Trước hết, ta cần nắm được là các đơn vị bạn hiện đang ở đâu, có tiếp giáp với các đơn vị của ta hay giữa các đơn vị của ta và đơn vị bạn có khoảng cách. Các đơn vị bạn ở phía trước thì tốt, song nếu còn ở phía sau thì sao? Như vậy có nghĩa là ta phải gấp rút áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm cho hai bên sườn của mình. Ngoài ra, còn cần phải biết các đơn vị bạn có nhiệm vụ gì và ý định thực hiện các nhiệm vụ đó thế nào? Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ làm tất cả những việc đó. Còn người thống soái phải xác định được là đơn vị bạn có thể chi viện cho đơn vị mình như thế nào và về phía mình, người thống soái cũng có thể tạo điều kiện giúp đỡ đơn vị bạn ra sao, để cùng thực hiện quyết định tiêu diệt địch. Cần phải thường xuyên nắm vững tình hình công việc của đơn vị bạn, nếu không sẽ dễ bỏ lỡ mất cơ hội giành thắng lợi hoặc làm hỏng mất kế hoạch chiến dịch và bị thất bại trong chiến đấu. Chính vì vậy mà Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã chú ý theo dõi và giúp các tư lệnh phương diện quân luôn luôn nắm được hành động của các phương diện quân bạn và không bỏ lỡ khả năng tác động tích cực tới thắng lợi của cuộc đấu tranh chung.

Năm 1942, tôi có dịp trực tiếp quan hệ với các chiến dịch trên hướng Cáp-ca-dơ và trực tiếp thấy Tổng tư lệnh tối cao, vì lợi ích tiêu diệt địch ở cánh phía Nam mặt trận Xô - Đức, đã thường xuyên thông báo cho đại tướng I. V. Ti-u-lê-nép, tư lệnh phương diện quân Da-cáp-ca-dơ, và tướng I. I. Ma-xlen-ni-cốp, tư lệnh Cụm quân Bắc của mặt trận này, những tin tức thắng lợi của chúng ta ở Xta-lin-grát và tình trạng quân địch, đồng thời cũng đã yêu cầu hai đồng chí tư lệnh phải hết sức cố gắng. Đến ngày 11 tháng Chạp 1942, khi thấy quân địch lại tung một phần lực lượng của chúng lên phía Bắc và tự làm suy yếu các lực lượng của chúng ở Bắc Cáp-ca-

dor, I. V. Xta-lin đã gửi bức điện sau đây cho phương diện quân Da-cáp-ca-dơ, đồng chí viết: «Không thể cho rằng địch tự ý rút sang bờ Bắc sông Tê-rếch là một hành động ngẫu nhiên. Như vậy là đã tạo nên hoàn cảnh thuận lợi cho tất cả các đơn vị của đồng chí tiến công. Nhiệm vụ của đồng chí là không được bỏ lỡ cơ hội và phải hành động táo bạo hơn...»

Chiến thắng ở Xta-lin-grát đã có ảnh hưởng tích cực tới Vô-rô-ne-giơ. Ngày 13 tháng Giêng 1943, ở đây đã triển khai thắng lợi chiến dịch Ô-xtô-rô-gô-giơ-xcơ - Rô-xô-sơ, và ngày 24 tháng Giêng là chiến dịch Vô-rô-ne-giơ - Ca-xtô-rơ-nô-ê của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ.

Nói chung, từ 19 tháng Mười một 1942 đến hết ngày 24 tháng Giêng 1943, các mặt hoạt động tích cực của nhiều phương diện quân Liên Xô ở gần nhau đã được đẩy mạnh: phương diện quân Tây-Nam, sông Đôn, Xta-lin-grát, Da-cáp-ca-dơ, Vô-rô-ne-giơ, Bri-an-xcơ, còn ở bên sườn khác, các phương diện quân Vôn-khốp và Lê-nin-grát cũng bắt đầu tiến công.

Vấn đề địa hình có ý nghĩa rất lớn đối với ý đồ của người thống soái. Địa hình không phải chỗ nào cũng giống nhau, cho nên việc lợi dụng địa hình phải luôn luôn khác nhau. Đồng thời, đối với lực lượng bộ đội lớn, sự tồn tại của những con đường tiến quân tự nhiên thuận lợi như kiểu «cửa mở Xmô-len-xcơ» hoặc «cửa mở Phốc-san», trong một chừng mực nào đó, đã xác định trước được hướng đột kích chiến lược giống nhau. Những khu vực địa hình độc đáo như Pô-lê-xi-ê hoặc Các-pát đã xé lẻ các cánh quân đang hoạt động ở đây, yêu cầu công tác thông tin liên lạc và hiệp đồng giữa các đơn vị đó phải có những biện pháp tác chiến đặc biệt.

Ngay cả những người thiếu kinh nghiệm trong công tác quân sự cũng hình dung thấy rằng chiến đấu trên núi, trong rừng, ở các vùng dân cư, nhất là các vùng dân cư lớn và trên những địa hình trống trải cũng thật khác nhau; có một số trường hợp lại đòi hỏi bộ đội phải được huấn luyện riêng, ví dụ như bộ đội vùng núi. Vì vậy, mỗi quan tâm đầu tiên của người thống soái hay người chỉ huy là phải phát hiện xem tính chất địa hình sẽ thuận lợi hay khó khăn như thế nào đối với việc hoàn thành nhiệm vụ, phải hình dung được các trở ngại đó và có thể khắc phục được chúng như thế nào.

Khi nghiên cứu địa hình, người thống soái phải xác định các biện pháp nhằm gây khó khăn cho hoạt động của địch (gây lộn lộn, đắp các ụ, đóng và các chướng ngại khác) và tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội mình hành động. Khi phân tích địa hình, thì phải nghiên cứu kỹ các đường giao thông để nắm được số lượng, hình dạng, tính chất đường sá và cách sử dụng chúng như thế nào.

Cơ quan tham mưu sẽ thu thập mọi tài liệu về địa hình, còn người thống soái thì có thể nói rằng phải có cảm giác về địa hình và có tài trông thấy đằng sau nhiều ký hiệu trắc địa trên tấm bản đồ là thiên nhiên sinh động, chứ không phải là một tờ giấy chết cứng. Điều đó có nghĩa là khi nhìn vào tấm bản đồ, người thống soái phải hình dung thật rõ các núi thật, rừng thật, sông thật, đầm lầy thật. Không phải ai cũng có cái tài ấy, nhưng quả thật nhiều người có cái tài đó. Họ nghiên cứu địa hình trên bản đồ thật dễ dàng, họ thường nhận ra ngay được các mặt tích cực và tiêu cực của địa hình.

Tôi xin phép nhắc lại ở đây với bạn đọc đặc điểm sử dụng địa hình của người thống soái trong các chiến dịch của bộ đội xô-viết trên Hữu ngạn U-crai-na vào mùa xuân năm 1944 đã được nói đến ở các phần trên. Lúc bấy giờ ở đây là đúng vào thời kỳ đường xấu, khó đi lại.

Đường sá lầy lội. Bộ chỉ huy quân Đức cho rằng đối phương không thể tiến công được vì chắc bộ đội Liên Xô sẽ phải chờ đợi cho đến mùa khô, và bọn chúng hy vọng đến khoảng thời gian ấy sẽ tổ chức xong phòng ngự. Nhưng các tư lệnh phương diện quân N. Ph. Va-tu-tin, I. X. Cô-nép và đại diện của Đại bản doanh Gh. C. Giu-cốp lại nghĩ khác. Các đồng chí nghiên cứu tại chỗ các khả năng khí tài chiến đấu và vận tải của ta, đã đề nghị tiến công, buộc địch phải thất bại vì những tính toán không có căn cứ của chúng. Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh hoàn toàn đồng ý với các đồng chí đó. Như bạn đọc đều biết, chiến dịch mở ra đã thu được thắng lợi to lớn.

Với ví dụ Các-pát, chúng ta thấy rõ vai trò của địa hình trong ý đồ của người thống soái ở các chiến dịch. Theo ý định của N. Ph. Va-tu-tin và Gh. C. Giu-cốp, phương diện quân U-crai-na 1 sẽ mở mũi đột kích vào vùng chân núi Các-pát. Tiến công vào đây, phương diện quân sẽ chia cắt được mặt trận quân địch, không cho chúng cơ động theo con đường ngắn nhất. Cánh quân Nam của địch buộc phải cơ động theo các con đường dài hơn, đi qua Ru-ma-ni và Hung-ga-ri, sự hiệp đồng của các lực lượng quân địch với nhau gặp rất nhiều khó khăn.

Trong chiến tranh, nhân tố thời gian có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Không đâu lại có quan hệ với thời gian một cách thiết thân như những lúc ở trong các chiến hào và các sở chỉ huy. Ở đây, thời gian được đánh giá với tất cả chiều rộng triết học của nó, mặc dầu đó là những vấn đề hàng ngày, mà ta có thể nói là bình thường nữa, như tập trung lực lượng và phương tiện, cải tiến việc huấn luyện chiến đấu và tình trạng sẵn sàng chiến đấu của bộ đội. Lúc tiến công, người chiến sĩ phải tính toán thời gian vượt qua vùng hỏa lực dày đặc của địch trước các chiến hào của mình và chớp lấy thời cơ trong chớp mắt để tiêu diệt mục tiêu. Những người thống soái vùi đầu vào những tấm bản đồ và bảng tính. Từ ngữ dùng để nói chuyện thường không nhiều lắm: «kịp», «không kịp» hoặc «vượt trước»...

Điều cũng dễ hiểu là Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu phải đánh giá nhiều vấn đề khác mà thường tư lệnh phương diện quân không có quan hệ trực tiếp đến. Nhưng việc lựa chọn thời cơ để chuyển sang tiến công lại là nhiệm vụ trực tiếp của tư lệnh phương diện quân. Và thời gian tiến hành phản kích vào quân địch đang tiến công, thời hạn đưa lực lượng dự bị và các thê đội hai vào hành động — tất cả những việc ấy là những vấn đề thuộc về hoạt động trực tiếp của những người tư lệnh và người chỉ huy, những vấn đề quyết định tiến trình và kết thúc trận đánh và chiến dịch.

Một thử thách lớn đối với ý chí của người thống soái là khi họ nhận lấy trách nhiệm báo cáo về Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao rằng thời gian do cơ quan lãnh đạo chiến lược cấp cao định ra trước đây để thực hiện những biện pháp có thể làm thay đổi cục diện chiến tranh là không hiện thực. Ví dụ như, khi chuẩn bị phản công ở Xta-lin-grát, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã cử các đại biểu của Đại bản doanh tới các phương diện quân. Tổng tham mưu trưởng A. M. Va-xi-lép-xki đã xuống phương diện quân Xta-lin-grát. Thời hạn bắt đầu chiến dịch ấn định vào ngày 20 tháng Mười 1942.

Thời điểm lúc này thật phức tạp: quân địch đang ở trong tình trạng khủng hoảng trong đợt tiến công, chưa kịp tổ chức và trang bị đầy đủ cho phòng ngự. Bộ chỉ huy phát-xít Đức đang cần có thời gian để làm việc đó. Chính lúc này lại là thời cơ thích hợp nhất để tiến công mạnh vào quân địch. Thế nhưng, các phương diện quân của ta lại chưa kịp tập trung bộ đội và các phương tiện vật chất cần thiết để phản công. A. M. Va-xi-lép-xki phải báo cáo về Mát-xcơ-va

rằng chiến dịch chưa chuẩn bị xong, đồng thời trong khi tiếp tục làm các công tác chuẩn bị, lại không được bỏ lỡ cơ hội, để có thể tiến công trước quân địch và đánh tan chúng trước khi chúng có thể kháng cự lại chúng ta.

Cuộc phản công chuyển sang ngày 10 tháng Mười một. Nhưng trong các điều kiện tình huống lúc ấy thì ngay cả thời hạn mới này cũng vẫn chưa hiện thực, vì lực lượng dự bị từ tung thâm đất nước vẫn chưa kịp điều tới và lớp băng trên mặt sông Vôn-ga không thuận lợi cho các lực lượng đã điều động đến để vượt sang bờ bên kia sông.

Thời gian cứ trôi qua...

Các đồng chí buộc phải tính toán lại tất cả, rồi báo cáo một lần nữa về Đại bản doanh. Tình hình căng thẳng đến tột độ. Sau khi tính toán các mặt, chúng ta nhận thấy thời gian vẫn thuộc về chúng ta, và thời cơ phương diện quân Xta-lin-grát chuyển sang phản công lại hoãn một lần nữa. Lần này, định vào ngày 20 tháng Mười một 1942. Bộ tổng tư lệnh tối cao hiểu rõ A. M. Vaxi-lép-xki, hoàn toàn tin cậy vào báo cáo của đồng chí về tình hình và đồng ý chuyển thời hạn bắt đầu chiến dịch chậm lại một tháng.

Ở các phần trên, chúng ta đã nói đến cuộc tiến công mùa xuân của các Lực lượng vũ trang Liên Xô tại Hữu ngạn U-crai-na năm 1944, nhưng cho phép tôi được trở lại vấn đề này, để nói tới vai trò của thời gian và sự phấn đấu của người thống soái để tranh thủ thời gian đó qua tấm gương công tác của I. X. Cô-nép. Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô hồi đó đã đặc biệt nhấn mạnh rằng: thời cơ hạ lệnh cho chúng ta phải thật nhanh chóng chuyển sang tiến công để «không cho địch có thể tổ chức phòng ngự trên sông Nam Búc». Chỉ thị gửi cho các phương diện quân nói rõ vấn đề này. Các đồng chí tư lệnh đã chú ý tới yêu cầu đó, còn I. X. Cô-nép — tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 — đã chuẩn bị kịp và cho bộ đội tiến công vào ngày 5 tháng Ba (chứ không phải ngày 6 tháng Ba như Đại bản doanh đã quy định trước đây) để không cho địch có dư đến một ngày tổ chức phòng ngự^[24]. Như chúng ta đều biết, cuộc tiến công đã tiến hành thắng lợi lớn, quân địch bị đánh tan và bị hất ra khỏi biên giới Liên Xô sang Ru-ma-ni.

Muốn quyết định thời gian chuẩn bị và bắt đầu tiến công, chúng ta phải tính toán tỉ mỉ mọi vấn đề của chiến dịch sắp tới. Các điều kiện chính trị, kinh tế và quân sự có ý nghĩa cực kỳ to lớn trong vấn đề này. Tùy thuộc vào ảnh hưởng của các điều kiện ấy, thời hạn chuẩn bị các chiến dịch có thể co giãn trong phạm vi một tháng rưỡi đến hai tháng rưỡi (các chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a, Lơ-vốp - Xan-đô-mia, Đông Phổ, Vi-xla - Ô-đe) hoặc từ một đến hai tuần (chiến dịch Đông Pô-mê-ra-ni, Pra-ha).

Bộ tổng tham mưu và các tư lệnh phương diện quân rất khéo chọn thời gian tiến hành các chiến dịch, cả thời hạn chuẩn bị cũng như tính toán mùa nào trong năm. Điều đó cho phép giành bất ngờ cùng với mọi hậu quả cho quân địch. Chẳng hạn chiến dịch Coóc-xun - Sép-tsen-cốp-xki (24 tháng Giêng đến 17 tháng Hai 1944) đã được chuẩn bị trong một thời hạn ngắn và tiến hành trong mùa đông, tưởng như rất không thuận lợi cho ta. Bọn tướng lĩnh khuôn sáo của phát-xít Đức đã không lường nổi chiến dịch đó và đã bị thất bại thảm hại. Mười sư đoàn và một lữ đoàn địch đã bị bao vây và tiêu diệt. Thiệt hại chung của địch lên tới trên 73.000 binh lính và sĩ quan. Tiếp theo sau, đang lúc mùa xuân đường sá khó đi lại, chúng ta cũng lại chuẩn bị trong một thời gian ngắn các chiến dịch ở Hữu ngạn U-crai-na (các chiến dịch Prô-xcu-rốp — Tséc-nốp-xư và U-man — Bô-tô-sa-ni) và đã thu được những kết quả chiến dịch-chiến lược quan trọng.

Thời gian là người độc tài trong suốt cả thời kỳ chuẩn bị chiến dịch. Nếu như Đại bản doanh giao nhiệm vụ cho phương diện quân trong 15-30 ngày đêm và hơn nữa trước khi bắt đầu chiến dịch, thì càng xuống cấp dưới, thời gian giao nhiệm vụ càng ngắn hơn. Ví dụ như ở cấp trung đoàn thì được giao vài ngày trước khi bắt đầu chiến dịch, còn ở cấp đại đội thì chỉ giao ngày hôm trước khi bắt đầu tấn công. Điều đó cũng có ý nghĩa riêng của nó. Một mặt, các binh đội và phân đội có thể chuẩn bị chiến đấu trong vòng 1-2 ngày; các sư đoàn và tập đoàn quân có thể dài hơn một ít, còn phương diện quân lại càng dài hơn nữa. Mặt khác, điều đó bảo đảm chuẩn bị chiến dịch được bí mật, vì càng ít người biết được ý đồ của chiến dịch và càng rút ngắn được thời gian chuẩn bị trước lúc bắt đầu hành động thì càng có lợi cho công việc.

Quân đội Liên Xô được huấn luyện tiến hành tác chiến trong mọi điều kiện tình huống, trong mọi mùa, ngày và đêm. Song dầu sao, chúng ta cũng phải luôn luôn chú ý tới ảnh hưởng của các nhân tố thời gian khác nhau, chẳng hạn tiến công ban đêm rất có lợi trong trường hợp bộ đội đã được huấn luyện kỹ, nắm chắc được sự bố trí của quân địch và địa hình thuận lợi cho việc đánh đêm.

Như vậy là trong chiến tranh, thời gian với ý nghĩa trực tiếp và tương đối của nó, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi. Các vị thống soái ngày xưa cũng đã hiểu rõ vai trò của nó. A. V. Xu-vô-rốp từng nói: «Một phút quyết định kết quả một trận đánh, một giờ quyết định thắng lợi một chiến cục, một ngày quyết định vận mệnh của đế chế». Còn đây là câu châm ngôn của Na-pô-lê-ông: «Hãy đi, hãy chạy và chớ quên rằng thế giới được sáng tạo nên chỉ trong 6 ngày».

Sau khi tìm hiểu nhiệm vụ và đánh giá tỉ mỉ tình huống, nhà thống soái ra quyết định và trên cơ sở quyết định đó, bắt đầu một giai đoạn rất quan trọng của việc chuẩn bị chiến dịch là: tổ chức hiệp đồng giữa các phương diện quân và các cụm phương diện quân, giữa các quân chủng như lục quân với không quân, với hải quân (nếu chiến dịch tiến hành trên các hướng ven biển). Sau đó, trong từng quân chủng lại nghiên cứu tổ chức hiệp đồng giữa các binh chủng: bộ binh, pháo binh, xe tăng, công binh và đặc chủng, thông tin và các ngành khác. Trong không quân, tổ chức hiệp đồng giữa các máy bay tiêm kích với máy bay cường kích và máy bay ném bom; trong hải quân cũng phải tiến hành hiệp đồng như vậy. Sau nữa, chúng ta còn phải nghiên cứu hiệp đồng với các đơn vị bạn.

Quá trình diễn biến các chiến cục, chiến dịch, các trận đánh phụ thuộc phần lớn vào việc tổ chức hiệp đồng. Các chiến dịch phối hợp của các đơn vị được bố trí trên các hướng chiến lược khác nhau bao giờ cũng là phương tiện quan trọng và rất thực tế ảnh hưởng tới quá trình đấu tranh vũ trang. Ngay trong những ngày đầu Chiến tranh giữ nước vĩ đại, Đại bản doanh đã phát hiện ra âm mưu của quân địch muốn giành thắng lợi quyết định trên hướng Tây, để tiến vào Mát-xcơ-va ở trung tâm của mặt trận Xô - Đức. Việc quan trọng lúc này là không cho địch tập trung mọi lực lượng của chúng trên hướng chủ yếu nhất trong thời gian đó và buộc chúng phải phân tán một phần lực lượng sang các khu vực khác, và chúng ta đã làm được điều đó. Cuộc kháng chiến anh dũng của những đồng chí bảo vệ Lê-nin-grát, Ki-ép, Ô-đét-xa, Xê-va-xtô-pôn và trên các tuyến chiến đấu khác đã căng lực lượng của địch ra, làm suy yếu những cố gắng của chúng trên hướng Tây. Sau này, chúng ta cũng vận dụng các phương pháp tương tự như vậy trên khắp các mặt trận, nhất là trong những năm 1944-1945 mà nhiều bạn đọc đã biết.

Dựa vào việc tổ chức hiệp đồng hợp lý giữa các phương diện quân, Đại bản doanh đã tác động tới quá trình đấu tranh trong các điều kiện tình huống rất khác nhau, kể cả trên một hướng chiến lược, làm cho địch bị bất ngờ, buộc địch lâm vào tình thế tác chiến bất lợi, khiến chúng phải phân tán lực lượng. Dẫn chứng tiêu biểu cho nhận xét trên là các chiến dịch của bộ đội Liên Xô trên hướng Tây vào mùa hè năm 1944. Hồi đó, ba phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a tiến công đã thu hút những lực lượng đáng kể của địch ra khỏi dải tác chiến của phương diện quân U-crai-na 1 của I. X. Cô-nép. Các đơn vị của phương diện quân cũng chuyển sang tiến công, làm cho địch thiệt hại nặng nề trên hướng Lơ-vốp và chiếm lấy bàn đạp Xan-đô-mia có ý nghĩa chiến lược quan trọng bên tả ngạn sông Vi-xla.

Nhân đây ta phải nói thêm rằng, chiến dịch Lơ-vốp - Xan-đô-mia là một dẫn chứng về sự hiệp đồng thắng lợi giữa hai cánh quân xung kích của phương diện quân theo kế hoạch của I. X. Cô-nép. Trong thời kỳ chuẩn bị chiến dịch, Đại bản doanh rất nghi ngại về tính chất hợp lý của hai mũi đột kích trong dải của phương diện quân: một mũi để tiêu diệt cụm quân Lơ-vốp và mũi khác để đánh tan cụm quân Ra-va - Ru-xcai-a của địch. Đại bản doanh cho rằng, một mũi đột kích mạnh vào Lơ-vốp cũng có thể giành thắng lợi lớn. Thế nhưng, tư lệnh phương diện quân đã chứng minh được ý định đúng đắn của mình: hai mũi đột kích (có đủ lực lượng cho cả hai mũi) sẽ khiến địch không thể điều động được binh lực của chúng, nhất là xe tăng và các sư đoàn cơ giới, buộc các lực lượng không quân của chúng phải phân tán. Kế hoạch đó của I. X. Cô-nép đã được Đại bản doanh thông qua.

Chúng ta còn có thể lấy ra nhiều dẫn chứng khác nữa nhưng chừng đó cũng đủ để hiểu đúng và đánh giá được ảnh hưởng tư tưởng của người thống soái đối với việc tổ chức hiệp đồng giữa các đơn vị khi thực hiện ý đồ chiến dịch.

Trong thời gian chuẩn bị chiến dịch, đồng thời với việc nghiên cứu tổ chức hiệp đồng, chúng ta còn phải thực hiện cả việc bố trí lại các lực lượng và phương tiện cần thiết, tiến hành bổ sung cho các phân đội, bắt đầu huấn luyện cho các đơn vị, tổ chức các buổi diễn tập, xạ kích, tập trung đạn dược và các phương tiện vật chất khác ở những điểm cần thiết, hoàn thiện kế hoạch hành động, nghiên cứu và tiến hành các biện pháp tung tin giả để đánh lừa địch. Cơ quan tham mưu phải theo dõi chặt chẽ không cho địch phát hiện được các ý đồ thật của ta, và hoạt động nhằm giành được sự bất ngờ trong tiến công. Song, người tư lệnh còn bận nhiều hơn thế nữa. Trong quá trình công tác muôn hình muôn vẻ và khó khăn đó nhằm chuẩn bị cho chiến dịch, người tư lệnh còn phải trực tiếp huấn luyện cho đội ngũ cán bộ chỉ huy cấp dưới hành động trong các trận đánh sắp tới, ra chỉ thị, tiến hành các buổi tập huấn, xác định rõ nhiệm vụ giao cho các đơn vị, kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã thông qua. Người thống soái cố gắng xuống mọi nơi, nhìn thấy tận mắt, nơi nào cần góp ý giúp đỡ, chỗ nào cần phải áp dụng quyền lực. Không thể giao cho người khác làm thay mình phần việc tối quan trọng này của việc chuẩn bị chiến dịch, vì như hồi đương thời, V. I. Lê-nin đã chỉ rõ: «mỗi trận đánh đều bao hàm khả năng thất bại trừu tượng, và không có cách nào để giảm bớt những khả năng ấy, ngoài cách chuẩn bị về mặt tổ chức để chiến đấu»[\[25\]](#).

Cuối cùng, mọi việc đã chuẩn bị xong, mặc dầu khái niệm đó chỉ là tương đối, và không có một cuộc tiến công nào lại có thể bắt đầu khi, như ta thường nói, mọi chiếc khuy áo đều gài được hết đến tận người chiến sĩ cuối cùng. Mọi việc đều có giới hạn của nó. Sự căng thẳng đạt tới cực độ. Nếu nói một cách hình ảnh, thì lúc này ta cần phải kịp thời biết phóng mũi tên trên dây cung đã kéo căng hết mức. Nếu làm khác đi, thì độ cháy sáng đạt tới có thể bị lụi tắt.

Những vị thống soái của chúng ta nhận thức được và hiểu kỹ vấn đề này. Như bạn đọc đã

thấy, một số người trong những trường hợp cá biệt đã bắt đầu chiến dịch sớm hơn thời hạn quy định, sau khi được sự đồng ý của Đại bản doanh.

Ngày «N» nóng lòng chờ đợi đã đến. Tất nhiên, đêm trước ngày đó thì không ai có thể ngủ được. Người có thần kinh vững, cũng chỉ chợp mắt được hai-ba tiếng đồng hồ là giỏi. Tư lệnh phương diện quân, tư lệnh tập đoàn quân, các chỉ huy quân đoàn, sư đoàn và trung đoàn lao tới đài quan sát của mình. Người nào cũng lựa chọn đặt đài quan sát sao cho có thể nhìn thấy tận mắt bãi chiến trường. Người chỉ huy trung đoàn thì hầu như lúc nào cũng sẵn có các điều kiện ấy. Người chỉ huy sư đoàn chỉ có từng lúc. Còn người chỉ huy quân đoàn và các tư lệnh tập đoàn quân thường chỉ quan sát được bãi chiến trường chủ yếu của các sư đoàn mình. Tư lệnh phương diện quân thường ở trong đội hình của tập đoàn quân hành động trên hướng đột kích chủ yếu. Đứng tại đài quan sát của mình, người tư lệnh không những quan sát thấy, mà còn cảm giác được mạch đập của quá trình trận đánh.

Đất rung chuyển, quầng lửa của những phát đạn xuất hiện, những tiếng nổ, rồi làn sóng âm thanh dội về inh tai — pháo bắn chuẩn bị bắt đầu.

Từ phía sau, tiếng động cơ ì ầm nặng nề vọng lại mỗi lúc một nặng thêm. Máy bay của chúng ta cất cánh đi ném bom, tập kích ở hậu phương gần và hậu phương xa của quân địch.

Những mảng khói và tiếng nổ rải rác chỗ này, chỗ kia bắt đầu xuất hiện trong vị trí quân ta. Sau cơn choáng váng ban đầu, địch đã kịp hoàn hồn, bắn vào các trận địa pháo binh và nơi tập trung của quân ta. Ngay lúc đó, làn đạn pháo binh của quân ta bắn trả, công kích dữ dội vào các khẩu đội pháo quân địch mà mắt không tài nào thấy được, chỉ có thể biết qua âm thanh mà thôi. Pháo chúng ta buộc pháo địch phải câm họng một thời gian. Ở phía trước, lúc này chúng ta nghe thấy từng phát đạn đại bác, tiếng súng máy nổ giòn và tiếng nổ của đạn súng cối 120 ly... Gần đến giờ «G» — thời cơ xung phong của bộ binh và xe tăng chi viện cho bộ binh.

Ở gần đài quan sát và xa hơn, ở bên phải, bên trái, các pháo hiệu màu bay vun vút trên bầu trời và rắc xuống những tia lửa ngũ sắc — đó là những tín hiệu tiến công của bộ binh và tín hiệu pháo chuyển làn bắn vào tung thâm. Tiếng xích sắt dội về gần bên: xe tăng chúng ta đã tiến đến tiền duyên quân địch. Mấy phút sau, hình dáng của các chiến sĩ ta đã thấy lấp ló xuất hiện sau xe tăng. Họ nhảy lên khỏi chiến hào và bám sát sau xe. Pháo bắn nổ trầm hơn và thưa hơn, song súng máy và tiểu liên lại nổ giòn mạnh hơn. Tiếng hô «xung phong!» hòa lẫn tiếng súng: bắt đầu xung phong...

Người tư lệnh cùng với các trợ lý gần gũi nhất không ngừng quan sát trận đánh, nhận các báo cáo ngắn của những người tư lệnh tập đoàn quân qua phương tiện thông tin. Tin tức gửi về cho biết: trên hướng chủ yếu, bộ binh ta đã đột nhập vào chiến hào đầu tiên và tiến quân thắng lợi ở phía trước, còn ở phía bên — bộ binh phải tạm nằm lại trước hỏa lực bắn rát của địch trong các hỏa điểm còn sót lại chưa bị pháo ta bắn chuẩn bị chế áp hết. Cán quân bên sườn đề nghị cho không quân chi viện tiến công. Người tư lệnh đề ra các biện pháp. Báo cáo của tư lệnh tập đoàn quân bên trái gửi đến: đồng chí cho rằng đã đến lúc phải đưa thê đội hai vào chiến đấu... Tư lệnh phương diện quân kiểm tra ý kiến của tư lệnh tập đoàn quân trên bản đồ: xem đưa lực lượng mới vào tham chiến lúc này có sớm quá hay không? Và tại sao tư lệnh tập đoàn quân ở phía giữa lại chậm phát huy thắng lợi và chưa tung thê đội hai vào. Tư lệnh phương diện quân quyết định đi xuống tập đoàn quân này và giải quyết tại chỗ đấy, xem đã đến lúc cần

đưa các lực lượng thê đội hai vào hay chưa...

Cứ như thế, suốt ngày, suốt đêm... Rồi sang ngày khác... Không biết đã mất mấy ngày, mấy đêm, vì trận đánh còn tiếp diễn, tư lệnh phương diện quân và các tư lệnh tập đoàn quân nắm chắc tay lái chỉ huy các đơn vị, phát huy ảnh hưởng của mình tới quá trình trận đánh, bằng lời nói và việc làm, chỉ viện cho đơn vị này các lực lượng và phương tiện của mình, ra lệnh cho đơn vị kia phải «hành động đúng», đi xuống tại chỗ một đơn vị khác... Trên đường xuống các đơn vị, họ ăn, ngủ gật trong xe... Chỉ có trời mới biết những con người ấy chịu đựng ra sao. Thế mà họ đã chịu đựng được hết thảy! Họ hành động, làm hết các việc ở ngay trong vùng hoạt động của hỏa lực địch, thường xuyên uy hiếp sinh mệnh của mình. Thế nhưng, không một ai lại suy nghĩ tới nó, và như ta thường nói, đó là thói quen của họ. Chắc đây là khả năng của con người trong những giờ phút nguy hiểm biết tự chủ, làm việc, quyết định và sáng tạo. Một thân thể ốm yếu và một tinh thần bạc nhược thì không những không thể trở thành vị thống soái, mà cũng không thể trở thành người chỉ huy tốt được. Chiến tranh đã đưa lên nhiều tài năng, song nó cũng hạ uy tín một số vị «thống soái» trong thời bình! Hạ uy tín không phải chỉ những vị thống soái, mà cả những người chỉ huy nào không thể chỉ huy tốt trong thời gian chiến tranh, mặc dầu họ đã có nhiều cố gắng. Hóa ra là không phải ai cũng có tài năng như thế.

Bây giờ đây, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu tỉ mỉ hơn nữa xem vị thống soái và cơ quan tham mưu đã phải làm việc trong các điều kiện như thế nào trong thời gian chiến tranh, hoạt động trí lực của họ phải tiến hành như thế nào, đồng thời họ phải sáng tạo ra sao và ở đâu. Không cần phải có những nhận thức chuyên môn về lĩnh vực quân sự cũng hiểu được rằng điều kiện công tác đó không giống với hoàn cảnh hoạt động của những người lao động trí óc khác.

Trước hết, ta thấy rằng trí năng của người thống soái phải đảm đương một khối lượng công việc hết sức phức tạp và to lớn. Phân tích các tài liệu tác chiến là một quá trình khó khăn và đa dạng, song quyết định của người thống soái lại nhất thiết phải đơn giản, rõ ràng và dễ hiểu đối với tất cả mọi người chấp hành. Người thống soái phải phản ánh được tính nhiều vẻ phức tạp của các vấn đề đang được giải quyết cùng một lúc trên một không gian rộng lớn trong cách diễn đạt đơn giản của quyết định. Tôi chưa thấy một quyết định, chỉ thị, mệnh lệnh nào của những người chỉ huy quân sự cấp trên và cấp dưới lại có những điểm mà ta gọi là mang tính chất dựa dẫm, để người khác nghiên cứu, báo cáo họ như ở các tổ chức khác thường làm. Người tư lệnh phải ra quyết định ngay tại chỗ, không được giao cho người khác nghiên cứu thay mình. Người tư lệnh không thể trả lời các vấn đề một cách mơ hồ, mà phải nói một nghĩa rõ ràng, là cần phải làm gì trong tình thế cụ thể. Lúc đang tác chiến thì chỉ có mệnh lệnh và chấp hành mệnh lệnh, các phương pháp làm việc khác đều không thích hợp. Điều này cũng đã đủ nói lên tính phức tạp, tính đặc thù của tình hình và lao động của người thống soái.

Hai là, người thống soái thường có rất ít thời gian. Khi phân tích tài liệu, kết luận và ra quyết định, người thống soái chỉ có vài tiếng đồng hồ, còn trong quá trình trận đánh và chiến đấu thì chỉ có vài phút. Trong khoảnh khắc thời gian đó, lại phải phân tích vô số loại tài liệu khác nhau, có lúc còn mâu thuẫn với nhau. Họ phải tìm ra lối thoát khi gặp những tin tức nhầm lẫn về địch, những hoàn cảnh khó khăn của bộ đội ta và cả những vấn đề rắc rối về cung cấp, bảo đảm, vì trong chiến tranh thường bao giờ cũng thiếu cái này cái khác. Tài liệu thì nhiều, song thời gian có ít, thật là khó xử. Một cán bộ tham mưu có câu nói ý nhị: gặp trường hợp ấy

thì nên gắng cất kỹ mọi văn kiện vào két sắt ít nhất trong một ngày đêm, rồi tình huống tự nó khắc thay đổi và cũng sẽ chẳng cần đến chúng nữa. Thế nhưng, đây lại là câu chuyện bông đùa. Còn người thống soái phải biết định hướng ngay trong các tình huống, biết tiết kiệm trong suy nghĩ, hiểu biết thật cặn kẽ mọi vấn đề tiến hành các trận đánh và chiến đấu, chỉ đạo các đơn vị hành động không cần phải dùng đến những sổ tay và những cuốn sách dày cộp.

Trong lúc đang chiến đấu, các máy bay trinh sát thường nhận được nhiều tin tức về địch và báo cáo cho người tư lệnh những tin quan trọng nhất. Ví dụ như, một đoàn xe tăng và bộ binh địch dài tới 50 ki-lô-mét đang vận động ra khỏi khu vực X. tiến về phía Đông-Bắc. Lúc 7 giờ, xe tăng đi đầu đoàn ở đâu và cuối đoàn ở đâu... Người tư lệnh phải xác định ngay đó là đoàn gì, tính toán thật nhanh xem mất bao nhiêu thời gian nữa thì chúng sẽ chạm trán với bộ đội ta. Đồng thời, người tư lệnh phải suy nghĩ ngay đến các chỉ thị cần thiết sẽ gửi cho không quân, pháo binh và những người chỉ huy binh chủng hợp thành.

Người thống soái không được hỏi là không quân ta cần bao nhiêu thời gian để cất cánh và bay tới mục tiêu, mà phải tự mình nắm được. Người thống soái cũng không được hỏi là pháo của ta có bắn tới mục tiêu không, và nếu bắn tới thì sẽ tới tuyến nào, về vấn đề này, người thống soái cũng phải biết. Cuối cùng, người thống soái cũng không được hỏi người chỉ huy binh chủng hợp thành lúc này cần phải làm gì: chuyển sang phòng ngự để chống lại đạo quân địch hay sẽ tổ chức đánh đón để tiêu diệt chúng. Người thống soái phải tự mình suy nghĩ kỹ lưỡng mọi vấn đề và quyết định hành động trong trường hợp đó sao cho có lợi nhất và ra các chỉ lệnh cần thiết.

Trong suốt cả quá trình trận đánh, người thống soái thường xuyên phải giải quyết tất cả các việc này. Chúng ta cũng nên nhắc lại ở đây một lần nữa rằng muốn chỉ huy tốt các đơn vị thì phải ra quyết định trong khoảng thời gian ngắn nhất, tức là phải làm việc không ngừng, nâng cao bản lĩnh của mình, rèn luyện các phẩm chất biết nhanh chóng định hướng, và như chúng ta thường nói là phải có con mắt chính xác của nhà quân sự.

Đặc điểm nổi lên trong hoạt động của người thống soái là khi quyết định các vấn đề tiến hành chiến dịch, họ phải gánh lấy trách nhiệm vô cùng to lớn không gì so sánh được là phải chịu trách nhiệm về hàng trăm ngàn sinh mệnh con người và số phận của khu vực mặt trận hoặc khu vực tác chiến yêu cầu họ phải giữ vững hoặc đánh chiếm, chịu trách nhiệm về kết quả các trận đánh, thậm chí cả cuộc chiến tranh. Bất kỳ một sai lầm nào của người chỉ huy quân sự trong hoàn cảnh chiến đấu cũng đều có thể kéo theo những hậu quả hết sức bi thảm.

Cuối cùng, chúng ta cũng không thể không nói rằng công việc hết sức phức tạp của người thống soái là phân tích tình huống và ra quyết định, được tiến hành trong các điều kiện mà sinh mệnh của chính bản thân mình bị uy hiếp. Chẳng hạn, I. X. Cô-nép trong thời kỳ đột phá quyết liệt tuyến phòng thủ của địch trên hướng Lơ-vốp hồi tháng Bảy 1944, đã có mặt trong một thời gian dài tại sở chỉ huy tiền phương của tập đoàn quân 60 do tướng P. A. Cu-rốt-kin chỉ huy, trong cái gọi là hành lang Côn-túp rộng khoảng 6 ki-lô-mét. Sở chỉ huy nằm trong tầm hỏa lực của địch và có nguy cơ bị địch tập kích vào đấy, nhưng đồng chí tư lệnh phương diện quân phải có mặt tại đây mới có thể xác định thật triệt để các điều kiện hành động của tập đoàn quân cận vệ 3 và tập đoàn quân xe tăng 4, quân đoàn cận vệ 4 và quân đoàn xe tăng 31 lúc này đang tiến vào đột phá. Không phải bất cứ người nào ở trong trạng huống như vậy cũng đều có thể suy nghĩ bình thường, hơn nữa lại có sáng tạo nữa. Cũng có người sinh sợ hãi, như

vậy tất nhiên họ cũng chỉ còn nghĩ được có một cách làm sao tránh được mỗi nguy hiểm đó. Kết quả hoạt động của họ rồi sẽ chẳng ra gì. Lại cũng có người sẽ mất tự chủ trong các trường hợp ấy. Nhưng đó lại không phải là việc chúng ta nói đến ở đây. Do tính chất nghề nghiệp của mình, phần lớn những người chỉ huy đều là những người dũng cảm, bất chấp mọi hiểm nghèo, bề ngoài tỏ ra thờ ơ trước mỗi nguy hiểm như thế. Chiến tranh đã đào luyện nên những con người mà trong những phút nguy hiểm lại trở nên minh mẫn, sức mạnh tư duy sâu hơn, lô-gích suy luận vững vàng hơn.

Vấn đề không phải ở chỗ con người có cảm thấy sợ hay là không biết sợ trong chiến đấu. Có thể trả lời được một cách thôi: họ có cảm thấy chứ. Song vấn đề đặt ra chính là ở chỗ: xúc cảm tiêu cực bị sự sợ hãi khổng chế hay xúc cảm tích cực gây hứng thú trong chiến đấu, mặt nào tác động mạnh hơn đối với hoạt động của con người trong điều kiện sinh mệnh của mình thường xuyên bị uy hiếp? Hứng thú chiến đấu là người bạn đường cần thiết của người chỉ huy quân sự chân chính; nó không phải chỉ vốn có ở người thống soái, mà cả ở người chỉ huy mọi cấp. Chúng ta còn nhớ nhà đại văn hào Nga L. N. Tôn-xtôi miêu tả đại úy Tu-sin trong trận Sen-graben mà X. Bôn-đa-trúc đã đạo diễn rất hay trong cuốn phim «Chiến tranh và hòa bình». Và biết bao con người dũng cảm vô song đã xuất hiện trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại! Tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ cội rễ sâu xa của họ cùng nghĩa vụ quân nhân đã giúp họ coi thường nguy hiểm và lập nên sự kỳ diệu của chủ nghĩa anh hùng.

Tôi muốn kể với bạn đọc hai vị thống soái nổi tiếng của Liên Xô là C. E. Vô-rô-si-lốp và Gh. C. Giu-cốp đã làm việc như thế nào trong những lúc nguy hiểm mà tôi có dịp được công tác gần gũi trong chiến đấu.

Như chúng ta đều biết, Cli-men Ê-phrê-mô-vích Vô-rô-si-lốp ngay từ hồi nội chiến đã nổi tiếng là dũng cảm, táo bạo và can đảm. Các đức tính ấy của đồng chí còn được giữ vững và lại được phát huy thêm trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Tôi may mắn được công tác với đồng chí tại bàn đạp Kéc-tơ vào mùa đông năm 1944, khi chuẩn bị chiến dịch giải phóng Crưm. Bàn đạp không rộng lắm, pháo địch có thể bắn tới, phần lớn đất đai trên bàn đạp nằm trong tầm bắn có hiệu quả của súng cối và súng máy địch.

Chúng tôi sống trong những căn hầm, nói cho đúng ra là chỉ ngủ đêm ở đây, còn ban ngày chúng tôi làm việc ở các đơn vị và ở sở chỉ huy của tư lệnh tập đoàn quân miền ven biển bố trí ở gần chỗ chúng tôi. Hồi đó, C. E. Vô-rô-si-lốp rất phấn khởi. Các đơn vị đang phòng ngự trực tiếp tiếp xúc với địch lúc này như có gì hấp dẫn đặc biệt đối với đồng chí, kéo đồng chí đến với họ. Nguyên soái thường ra tận tuyến một, rất mạo hiểm. Chẳng hạn, nguyên soái cùng với các tướng lĩnh và sĩ quan tùy tùng đi xe ra tận tiền duyên phòng ngự, mà thông thường không có đồng chí nào làm như vậy. Năm-mười phút sau, địch nã pháo và súng cối bắn phá ngay vào nơi đó. Xe kịp rời khỏi và mọi người vẫn an toàn. Sau đó C. E. Vô-rô-si-lốp và những người đi cùng xuống hào giao thông. Hào đào có chỗ nông chưa quá đầu người, khi đi lại phải cúi lom khom, thế nhưng C. E. Vô-rô-si-lốp không đi như vậy. Có nơi đi qua thì không việc gì, nhưng có nơi khác đi qua thì địch lại bắt đầu bắn. Khi ở trong tầm súng của địch C. E. Vô-rô-si-lốp lại hay bông đùa, dường như nguy hiểm làm cho đồng chí đặc biệt thích thú. Tôi có chú ý tới mặt tâm lý trong thái độ của nguyên soái, và tôi tin chắc đó không phải chỉ là thái độ bề ngoài, với ý định nêu gương cho những người khác, mà chính là từ nội tâm, do hứng thú chiến đấu sôi động thôi thúc đồng chí. Đồng chí chăm chú nghe báo cáo của những người chỉ huy các cấp, xem xét

tại chỗ địa hình, nói chuyện với các sĩ quan và chiến sĩ, ra các chỉ thị.

Nếu không phải do nội tâm hứng thú chiến đấu bên trong của đồng chí thôi thúc thì khó mà giải thích nổi trường hợp C. E. Vô-rô-si-lốp quyết định dùng xuống cả lượt đi và lượt về để vượt qua vịnh Kéc-tơ tới dải đất Tru-sca trong tầm pháo của địch, mà hồi đó rất có thể dùng máy bay Po-2, bay là sát mặt nước, chỉ mất khoảng 5 phút đồng hồ rất an toàn. Có lần, sau khi đi xem xét ở ngoài tiền duyên phòng ngự trở về, chúng tôi thấy căn hầm của C. E. Vô-rô-si-lốp chỉ còn là một cái hố lớn, đất và gỗ ngổn ngang. Chúng tôi được biết, vừa qua lúc chúng tôi không có mặt tại đây, pháo binh địch đã bắn trúng hầm đồng chí. Nhưng nguyên soái vẫn không nghĩ đến việc chuyển sang một căn hầm khác chắc chắn hơn, mặc dầu sau khi các đơn vị chúng ta quét sạch bọn Đức tại khu vực này, ở đây vẫn còn lại những lô cốt của địch xây bằng bê-tông vững chắc. Nguyên soái ra lệnh cho sửa chữa và dựng lại ngay tại chỗ ấy căn hầm mới, và chúng tôi đã làm theo chỉ thị của đồng chí.

Nhiều lần chúng tôi can ngăn nguyên soái đừng hành động mạo hiểm thái quá như vậy, song đồng chí tỏ ra bức bối: «Các đồng chí cho tôi là người như thế nào»,—đồng chí cao giọng hỏi lại chúng tôi. Nguyên soái còn đe rằng đồng chí sẽ làm việc một mình cũng được, không cần có chúng tôi, rồi góp ý với chúng tôi rằng nếu có ai sợ thì hãy đến Va-re-nhi-cốp-xcai-a mà ở, vì ở đấy có các đơn vị hậu cần của mặt trận và có cả toa xe dành riêng cho đồng chí đại diện của Đại bản doanh, C. E. Vô-rô-si-lốp đã hành động như thế đó, và cũng không thể làm gì khác với đồng chí được.

Tôi còn có dịp quan sát nhiều lần công tác của Gh. C. Giu-cốp. Có lần chúng tôi từ khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ trở về để đi tới quân đoàn bộ binh miền núi số 3 do tướng A. A. Lu-trin-xki chỉ huy. Còn khoảng 2-3 ki-lô-mét nữa là tới địa điểm đã định thì chúng tôi bị kẹt vào giữa chỗ máy bay địch đang bắn phá. Có thể chờ cho qua cơn nguy hiểm này và ẩn nấp ở các hào đã đào sẵn dọc đường cái. Thế nhưng, Gh. C. Giu-cốp ngồi ở xe trước vẫn im lặng. Đồng chí lái xe nhìn sang đồng chí thăm dò, chỉ thấy có một lần đồng chí hơi cau mày như mọi khi, và nói: «Cứ đi, cứ đi». Xe vẫn tiếp tục chuyển bánh.

Thời kỳ tiến công vào Crưm-xcai-a, Gh. C. Giu-cốp và những người cùng đi ở sở chỉ huy của A. A. Grê-xcô, tư lệnh tập đoàn quân 56. Pháo ta đang bắn chuẩn bị. Pháo địch cũng gầm thét, đạn pháo nổ gần đầu đây. Có những mảnh xệt sát đầu những người đang đứng trong chiến hào. Gh. C. Giu-cốp vẫn điềm tĩnh ngồi trên chiếc ghế đầu cạnh tư lệnh tập đoàn quân và quan sát chiến trường bằng ống ngắm lập thể. Đồng chí nêu ra những câu hỏi với A. A. Grê-xcô, bình tĩnh nghe báo cáo, không thấy một xúc động gì biểu hiện trên nét mặt. Nguyên soái chỉ tươi tỉnh đôi chút, lúc anh em mang nước chè nóng đến.

Khi chuẩn bị chiến dịch «Ba-gra-chi-on», tôi lại được công tác với đồng chí ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2. Đồng chí từ sở chỉ huy của C. C. Rô-cô-xốp-xki, đơn vị bạn ở cánh trái, đến chỗ chúng tôi để kiểm tra quá trình chuẩn bị chiến dịch trong các tập đoàn quân ở hướng chủ yếu. Trước tiên, nguyên soái nghe báo cáo quyết định của các tư lệnh tập đoàn quân, kiểm tra các quyết định đó trên bản đồ, rồi đi xuống đài quan sát của các binh đoàn thuộc thê đội một. Đồng chí xuống đến tận đài quan sát trung đoàn của sư đoàn nhận nhiệm vụ quan trọng nhất. Còn khoảng 150 mét nữa thì tới vị trí đài quan sát của trung đoàn, tất cả chúng tôi đều xuống xe. Gh. C. Giu-cốp yêu cầu chúng tôi phải triệt để tuân theo chế độ nguy trang, và buộc tất cả phải xuống hào giao thông mà đi. Còn riêng đồng chí thì đi ở phía trên, trực tiếp xem xét địa

hình để trực tiếp khẳng định việc lựa chọn hướng đột kích chủ yếu, để tin chắc sự giải quyết nhiều vấn đề khác trong chiến dịch sắp tới là hợp lý. Tại đài quan sát này cũng như tại các đài quan sát khác nằm trong tầm pháo có hiệu quả của địch, đồng chí đã làm việc: nghe báo cáo của các cán bộ chỉ huy, ra các chỉ thị và không hề biểu hiện cái gì khác ngoài việc tập trung vào công tác. Có đồng chí sư đoàn trưởng lúc tới đoạn đường nguy hiểm đã can ngăn nguyên soái dừng lại để khỏi xảy ra điều gì bất trắc, song nguyên soái vẫn điềm tĩnh trả lời: «Lời khuyên của đồng chí thì không cần». Đồng chí vẫn tiếp tục đi.

C. E. Vô-rô-si-lốp và Gh. C. Giu-cốp, cả hai đồng chí đều dũng cảm và táo bạo như nhau, đã làm việc trong những điều kiện nguy hiểm như thế đấy. Người thì say sưa chiến đấu, người thì bình tĩnh và giữ nếp nghiêm khắc, có thể nói là lạnh lùng trước sự đe dọa tới sinh mệnh của mình. Và tôi cũng có thể mạnh dạn nói rằng trong những lúc nguy hiểm, hai đồng chí đều có thể ra những quyết định không những hoàn toàn có căn cứ, mà còn là những quyết định xuất sắc.

Các nhà bác học và những người làm công tác sáng tạo khác thường tự tạo ra cho mình các điều kiện lao động, tất nhiên là để góp phần giảm nhẹ lao động của mình. Còn những người thống soái lại không thể tạo ra được các điều kiện ấy, tình huống đặt ra các điều kiện cho họ, và buộc họ phải thích ứng với tình huống đó. Hơn nữa, kẻ địch lại tìm mọi biện pháp để gây trở ngại, chế áp người thống soái về mặt tinh thần và thể xác. Ngoài ra, đối với nhà bác học, thời gian tuy có quan trọng thật, nhưng thường lại không có ý nghĩa quyết định. Nhà bác học có thể làm cho công việc của mình thích ứng với tốc độ tư duy vốn có do tự nhiên phú cho con người. Còn trong công tác của người thống soái và người chỉ huy quân sự thì giới hạn tự nhiên đó của tư duy lại rất dễ nhận thấy. Ở đây, thời gian hành động như lưỡi gươm của Đa-mô-clét, buộc họ lúc nào cũng phải hành động thật nhanh, thật hết sức khẩn trương. Trên đây, tôi đã cố gắng chứng minh thời cơ có ý nghĩa như thế nào đối với người thống soái và nếu bỏ lỡ thời cơ thì trận đánh và ngay cả chiến dịch cũng sẽ bị thất bại.

Nhà bác học lúc nào cũng có thể đặt ra các loại giả thuyết và kiểm tra chúng trong quá trình thực nghiệm lâu dài, vất bỏ những giả thuyết nào không xác thực và làm thí nghiệm khác. Người thống soái cũng không bao giờ hành động mà không có đủ các loại giả định. Thật vậy, chúng ta đều thấy có những phán đoán, giả thuyết các loại trong công tác của người thống soái. Thế nhưng, người thống soái lại không thể dựa vào thí nghiệm để kiểm tra giả thuyết của mình được. Giả thuyết của họ được kiểm nghiệm trong thực tiễn chiến tranh và chiến đấu, mà thực tiễn chiến tranh và chiến đấu ấy lại gắn liền với sinh mệnh con người, với những chi phí to lớn về các phương tiện vật chất. Sai lầm ở đây sẽ kéo theo những hậu quả trầm trọng, có khi là những hậu quả không thể đền bù lại được.

Lại còn biết bao sự bất ngờ lúc nào cũng có thể xảy ra với người thống soái. Họ dự kiến một số điều bất ngờ, mà như các nhà quân sự thường nói, họ «đặt kế hoạch» trước và chuẩn bị dần dần đón lấy những bất ngờ ấy, mặc dù họ không biết chính xác là sẽ phải chờ đợi chúng ra sao. Song đến khi chúng xuất hiện, họ lại phải tìm mọi cách thoát ra khỏi những bất ngờ ấy bằng được. Đó không phải chỉ là những bất ngờ do địch sử dụng những loại vũ khí mới lạ, do mùa và thời tiết, do địch bí mật chuẩn bị và tập kích vào những nơi ta không lường hết trước, v. v.. Mà ngay cả những khi mọi việc cần chuẩn bị cho chiến dịch đã xong cho đến khi bắt đầu tác chiến, thường lại để ra chuyện phải chiến đấu với các lực lượng của tự nhiên nữa: chẳng hạn vào mùa

thu và mùa xuân, trời bỗng đổ những cơn mưa rào, đường sá lầy lội, mùa đông sinh ra bão tuyết, băng giá mỗi lúc một rét buốt thêm... Vậy phải làm gì đây? Nếu không tính toán hết các điều kiện thiên nhiên ấy thì có thể thua trận, hoãn chiến dịch lại cũng không được. Người thống soái phải kịp thời đối phó với những điều đó. Ý chí của họ, tính kiên quyết, tất nhiên là cả lương tri của họ, đều phải biểu hiện ngay trong những lúc này.

Người thống soái còn gặp cả những hiện tượng phức tạp hơn. Chẳng hạn, thời kỳ giải phóng Ba Lan đã xảy ra những «hoạt động» của các cơ quan chính phủ Ba Lan lưu vong hoặc của các môn đồ của nền độc tài I. An-tô-ne-xcu trên lãnh thổ Ru-ma-ni mà bạn đọc đã từng biết.

Và khả năng của Nhà nước Liên Xô lẽ nào lại không phải là những bất ngờ vô cùng to lớn đối với những tên thống soái Hít-le? Chúng ta hãy xem đây những dòng chữ của Man-stai-nơ: «Lẽ đương nhiên là chúng tôi không ngờ phía Liên Xô lại có những khả năng tổ chức to lớn biểu hiện ngay bằng hành động như vậy, và còn biểu hiện cả trong việc triển khai nền công nghiệp chiến tranh của họ. Chúng tôi đã thực sự phải đụng độ với con rắn trăm đầu, chặt đứt đầu này thì lập tức nó lại mọc ra hai đầu mới»[\[26\]](#).

Lao động của người thống soái và lao động của người trí thức ở bên ngoài quân đội còn khác nhau ở chỗ ý chí và sự thông minh của người thống soái phải chống đối với ý chí và sự thông minh không kém hơn của kẻ địch. Nếu như nhà bác học chỉ tiếp xúc với sức mạnh của tự nhiên vô tri thì người chỉ huy quân sự phải đối chọi với một kẻ thù có trình độ phát triển cao. Lao động của người thống soái ở đây giống như cuộc đọ sức giữa hai ý chí, hai lực lượng của trí lực và nghệ thuật. Chúng ta có thể so sánh sự đấu trí, đấu lực và đấu tài giữa hai người thống soái với cuộc đấu cờ của hai kiện tướng cờ, song kết quả của nó — chiến thắng hay chiến bại — lại mang ý nghĩa khác hẳn.

Tất cả chúng ta ai cũng biết rằng lao động của các nhà bác học, các nhà hoạt động nhà nước, các cán bộ nghệ thuật là phức tạp. Vấn đề này, không ai còn tranh cãi nữa. Thế nhưng, lao động của người thống soái thì xưa kia cũng như hiện nay, nhất là trong những điều kiện hiện đại, chúng ta thấy bao giờ cũng hết sức phức tạp. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, đặt trên vai những người thống soái một trách nhiệm quá sức và rất to lớn, đủ chứng minh cho vấn đề này.

Trong các điều kiện hiện đại, người thống soái không chỉ giải quyết các vấn đề quân sự, mà còn phải giải quyết cả những vấn đề chính trị khó khăn. Và chỉ những người không những có năng khiếu mà còn phải có vốn kiến thức rộng lớn và có trình độ nghiệp vụ thì mới có thể đảm nhiệm được mọi việc. M. V. Phrun-de đã nói về vấn đề này như sau: «Là sự khái quát cao của nghệ thuật quân sự, chiến lược không những phải tính đến các yếu tố thuần túy quân sự, như quân số v.v., mà còn phải tính đến cả những yếu tố có tính chất chính trị. Chỉ những người nắm vững tất cả những kiến thức ấy mới có thể có tham vọng giữ vai trò lãnh đạo Hồng quân trong các điều kiện xung đột về quân sự mai sau»[\[27\]](#). Và bản thân M. V. Phrun-de lại chính là tấm gương của một người lãnh đạo như vậy.

Trong suốt cả cuộc chiến tranh, I. V. Xta-lin là Chủ tịch Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Tổng tư lệnh tối cao các Lực lượng vũ trang Liên Xô. Các phẩm chất cao quý của một nhà hoạt động quân sự đã biểu hiện trên các cương vị đó. Trong cuốn hồi ký «Nhớ lại và suy nghĩ», Nguyên soái Liên Xô Gh. C. Giu-cốp đã đánh giá I. V. Xta-lin là người nắm vững các vấn đề tổ chức các chiến dịch của các phương diện quân và chiến dịch của các cụm phương diện quân, chỉ đạo các chiến dịch ấy với sự hiểu biết đầy đủ mọi công việc, nắm vững cả những vấn đề chiến lược phức tạp. Đồng chí nhận xét trí tuệ bẩm sinh của Xta-lin là giàu linh tính, biết tìm ra khâu chủ yếu trong tình huống chiến lược. Và Gh. C. Giu-cốp đã đi đến kết luận: «Không nghi

ngờ gì nữa, I. V. Xta-lin quả thật xứng đáng là Tổng tư lệnh tối cao».

Nhân dân Liên Xô đã đưa nước mình vào hàng ngũ những cường quốc đầu tiên trên thế giới. Đảng của những người cộng sản, trước kia và hiện nay, là người lãnh đạo mọi thành quả vĩ đại của nó. Nhưng vì từ lâu đã xác nhận rằng cá nhân lỗi lạc giữ vai trò quan trọng trong lịch sử nên chúng ta có thể có quyền nói rằng: Xta-lin là vị thống soái đã đóng góp những cống hiến vô giá vào sự nghiệp thắng lợi của nhân dân Liên Xô trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Người thống soái không những cần có một trí tuệ tuyệt vời. Điều không kém quan trọng là trí tuệ của người thống soái phải rất linh hoạt, hay như ta thường nói: phải sáng suốt. Vấn đề này có quan hệ tới đặc điểm của tình huống chiến tranh. Tình huống chiến tranh thường xuyên biến động, như vậy có nghĩa là khi cần vì lợi ích của thắng lợi, người thống soái phải biết từ bỏ quyết định và kế hoạch hành động đã định ra trước đây (mà không có khó khăn gì cả). Người thống soái không thể cứ chịu bó tay trước kế hoạch riêng, khi kế hoạch đó đã trở nên mâu thuẫn với tình huống.

Dĩ nhiên, nói như vậy hoàn toàn không có nghĩa là khi gặp những khó khăn nhỏ bé, khi tình thế có những thay đổi không quan trọng lắm, người thống soái đã phải vội vàng thay đổi quyết định. Người thống soái tồi là người không biết kiên quyết thực hiện bằng được quyết định của mình.

Cuối cùng, sự linh hoạt của trí tuệ có nghĩa là người thống soái không thể để mình bị trói buộc bởi những cái gì đã định sẵn, chịu làm tù binh cho thói rập khuôn. Ngay cả những quy định đúng đắn trong điều lệnh, chỉ thị, mệnh lệnh cũng cần phải biết áp dụng với ý nghĩa tinh túy và lành mạnh, phù hợp với tình huống. Lê-nin đã viết về vấn đề này như sau: «Phải biết tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi phương pháp đấu tranh chống quân thù»[\[28\]](#).

Sau khi xảy ra bước ngoặt cơ bản trong quá trình cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, những chiến dịch chủ yếu của quân đội phát-xít Đức đã phản ánh các quan điểm có tính chất bảo thủ của bọn chiến lược gia Hít-le. Bị mất quyền chủ động, những tên chỉ huy của các lực lượng vũ trang Đức đã không biết thích nghi với các điều kiện chiến tranh mới, cải tổ lại công tác của chúng và học cách khắc phục các khó khăn.

Trong các thời đại trước kia, người thống soái táo bạo, dũng cảm, trực tiếp dẫn quân mình ra bãi chiến trường. Kết cục trận đánh thường phụ thuộc vào phong cách hành động của ông ta. Không phải vô cớ mà người thống soái đã ngồi trên lưng con bạch mã, hoặc chọn cho mình vị trí ở trên cao để mọi người khác dễ thấy mình. Nửa thế kỷ trước đây, trong những năm nội chiến, sự dũng cảm và kiên quyết của bản thân người chỉ huy quân sự cũng giữ vai trò quyết định. Các đồng chí Bu-đi-on-nui, Cô-tốp-xki, Pác-khô-men-cô, Tra-pa-ép và các đồng chí khác là những anh hùng trong cuộc chiến tranh ấy đã nhiều lần dẫn quân đi chiến đấu, đủ chứng minh cho nhận xét trên.

Trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai và trong thời đại chúng ta, người thống soái không thể trực tiếp dẫn quân xông ra chiến đấu. Chỉ có một số ít người chiến sĩ ở gần bên mới có thể thấy ông ta xông lên cùng họ tiến công và không ai ngoài một số ít người đó có thể theo tấm gương tốt đẹp ấy của ông ta, vì quy mô trận đánh không còn như xưa và tính chất chiến đấu cũng đã khác trước. Ngày nay, chỉ người chỉ huy đại đội và tiểu đoàn mới có thể trực tiếp cùng bộ đội tấn công; và chính ở đây, những tấm gương dũng cảm, táo bạo của người chỉ huy vẫn tiếp tục phát huy tác dụng và có đầy đủ hiệu lực.

Thế nhưng, nói như vậy tuyệt nhiên không có nghĩa là ngày nay người thống soái không cần phải có những phẩm chất kiên nghị nữa, rằng chúng đã lỗi thời rồi. Dũng cảm, táo bạo, kiên quyết đều là những phẩm chất cần phải có ở người thống soái, song những phẩm chất ấy giờ đây lại biểu hiện ra một cách khác. Bất kỳ tình huống nào cũng cần phải có những phẩm chất ấy, trước hết là vào những lúc tình hình trở nên phức tạp và bộ đội bị thua. Chính trong những lúc ấy người thống soái phải bình tĩnh, tự chủ được mình và hơn thế nữa là không được hốt hoảng. Trách nhiệm của họ là phải tìm ra lối thoát khỏi tình thế khó khăn, nhất là những lúc khả năng của bộ đội bị hạn chế.

Năm 1941, bộ đội chúng ta bị bắt lợi trong một thời gian khá dài. Kẻ thù ồ ạt xông đến Mát-xcơ-va và đã tới các cửa ngõ dẫn đến gần thủ đô chúng ta. Tình hình thật hết sức trầm trọng và có lúc hết sức nguy kịch. Nhưng các vị thống soái và các đồng chí chỉ huy xô-viết lúc đó vẫn giữ vững lòng tin vào thắng lợi, tìm ra lối thoát khỏi tình hình khó khăn đó. Các đồng chí đã biết dựa vào những người yêu nước có tinh thần vững vàng, dựa vào nhân dân dũng cảm và can đảm, tiếp tục chiến đấu quyết liệt với kẻ thù và cuối cùng đã giáng cho quân địch đòn thất bại nặng nề đầu tiên trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai. Các chiến sĩ kiên cường, với quyết tâm cao độ và ý chí gang thép quyết giành thắng lợi đã bảo đảm cho chiến thắng của chúng ta tại sát thủ đô của Liên Xô. Chỉ có nhân dân xô-viết dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản mới có thể chịu đựng nổi những tháng năm khó khăn ấy và xoay chuyển được tiến trình lịch sử, giành lấy thắng lợi tuyệt vời đó.

Kinh nghiệm thống soái của Giu-cốp, Cô-nép, Rô-cô-xốp-xki, Gô-vô-rốp, Ê-ri-ô-men-cô, Mê-rét-xcốp, Ma-li-nốp-xki, Grê-xcô, Tsui-cốp và các đồng chí khác đã được rèn luyện từ những tháng đầu chiến tranh gian khổ, bấy giờ có người thì lãnh đạo phương diện quân (như Giu-cốp, Cô-nép, Ê-ri-ô-men-cô), có người thì chỉ huy các tập đoàn quân hoặc quân đoàn, và đều có mặt trên những khu vực nóng bỏng nhất ngoài mặt trận Xô-Đức. Tất cả các đồng chí đó đều có những phẩm chất thống soái chân chính để hoàn thành các nhiệm vụ đã được đề ra. Lại còn phải kể đến những công cuộc phòng thủ ở Mát-xcơ-va, Xta-lin-grát, Lê-nin-grát, Ô-đét-xa, Ki-ép, Xê-va-xtô-pôn và pháo đài Brét! Những công cuộc phòng thủ ấy yêu cầu từ người chiến sĩ đến người sĩ quan không những phải dũng cảm, kiên cường, mà trước hết là phải biết quên hẳn mình, nhất là đối với những người lãnh đạo công cuộc phòng thủ đó như các đồng chí: Gh. C. Giu-cốp, A. M. Ê-ri-ô-men-cô, L. A. Gô-vô-rốp, A. A. Giơ-đa-nốp, V. I. Tsui-cốp, I. E. Pê-tơ-rốp, N. I. CrU-lốp, M. M. Pô-pốp và các đồng chí khác. Tất nhiên, không phải chỉ những lúc khó khăn mới yêu cầu đến các phẩm chất ấy, mà ngay những khi đánh thắng cũng vẫn cần phải có. Trong các điều kiện thuận lợi, người thống soái phải tỏ ra kiên cường cao độ và giàu nghị lực, quyết đạt được mục đích.

Tôi còn ghi sâu trong ký ức các chiến dịch của bộ đội phương diện quân Trung tâm (nguyên là phương diện quân sông Đôn) ở Ô-ri-on và Bri-an-xcơ vào tháng Hai-tháng Ba 1943. Hồi đó, tôi vừa được giao lãnh đạo Cục tác chiến thuộc Bộ tổng tham mưu. Trách nhiệm phải đảm đương quả là một gánh nặng, nên tôi còn nhớ mãi những bước đi ban đầu ấy. Kế hoạch các chiến dịch vạch ra đã được Đại bản doanh đồng ý. Lúc này là giai đoạn bắt đầu thực hiện kế hoạch. Chính C. C. Rô-cô-xốp-xki cũng đã mệnh danh chiến dịch này là chiến dịch «đẹp» về ý đồ, kế hoạch này dự định cho bộ đội ta thọc sâu vào sau lưng cụm Ô-ri-on của quân địch. Theo ý kiến của các tác giả soạn thảo dự án kế hoạch, đã công tác lâu năm và giàu kinh nghiệm trong

Bộ tổng tham mưu, thì những hành động thọc sâu vào sau lưng quân địch phải cắt được các đường rút lui cuối cùng của chúng về phía Tây, và rốt cuộc phải là một bộ phận hợp thành trong kế hoạch chung tiêu diệt quân phát-xít Đức ở Ô-ri-on.

Chiến dịch mở màn thắng lợi, thế nhưng nói chung vẫn chưa hoàn thành. Nguyên nhân là do không kịp thời điều động tới mặt trận một khối lượng lớn bộ đội được sử dụng để phát huy và củng cố thắng lợi. Do bị kéo dài trên tuyến đường sắt duy nhất từ Xta-lin-grát đến Ô-ri-on, các đơn vị đến nơi rời rạc từng đợt, không đủ bảo đảm tăng cường nhanh và mạnh cho các lực lượng của chúng ta đủ sức cần thiết để xoay chuyển tình thế.

Lợi dụng những khó khăn và tình trạng lộn xộn đó của ta, địch đã phá được mối nguy cơ uy hiếp phía sau lưng chúng và chuyển sang hành động tích cực. Tình thế trở nên nguy kịch. Bộ đội của phương diện quân Trung tâm có nguy cơ bị bao vây và tiêu diệt. Chính giữa lúc hiểm nghèo đó đã bộc lộ rõ ý chí sắt đá, khả năng tổ chức to lớn và bình tĩnh nhìn thẳng vào nguy hiểm của C. C. Rô-cô-xốp-xki. Kịp thời cơ động các lực lượng của mình và biết lợi dụng tình hình thời tiết cuối mùa đông, đồng chí đã ra lệnh ngừng cuộc tiến công (không cần thiết nữa) một cách có tổ chức, khôn khéo tránh các mũi đột kích của địch và rút bộ đội lui về các tuyến mà sau này tạo thành mặt phía Bắc của vòng cung Cuốc-xcơ.

Sự dũng cảm của tướng N. Ph. Va-tu-tin, tư lệnh phương diện quân Tây-Nam và tướng M. M. Pô-pốp, phó tư lệnh phương diện quân, đã giữ vai trò to lớn trong tháng Hai 1943, khi phương diện quân Tây-Nam và phương diện quân Nam cùng tiến hành chiến dịch phối hợp «Bước nhảy vọt», để tiêu diệt quân địch ở Đôn-bát. Lúc ấy, các đơn vị thuộc cụm quân của tướng M. M. Pô-pốp (có một số quân đoàn xe tăng và bộ binh) đang tiến công từ tuyến Bác-ven-cô-vô, I-di-um tới Cra-xnô-ác-mây-xcôi-e thì lâm vào tình thế khó khăn. Theo ý định của bộ tư lệnh phương diện quân Tây-Nam, nếu chiếm được điểm cuối cùng ấy, chúng ta sẽ làm cho địch bị mất con đường sắt duy nhất để rút lui khỏi Đôn-bát sang phía Tây. Như vậy là chúng ta dự kiến sẽ bao vây địch và tiêu diệt chúng ở Đôn-bát.

Thế nhưng, công việc lại không diễn ra theo đúng như chúng ta mong muốn. Quân địch chống cự lại rất ngoan cố. Chúng không rút lui mà cố thủ tại các tuyến chúng đã chuẩn bị sẵn và bố trí lại để sau này tổ chức phản công. Còn bộ đội Liên Xô lại không tiếp tế được kịp thời đạn dược, nhiên liệu và các đội dự bị. Các phân đội bộ binh điều động ra mặt trận do thiếu các phương tiện vận tải cần thiết, nên đã bị chậm trễ trên dọc đường, khiến xe tăng hành động không có bộ binh yểm hộ, nhiên liệu và đạn dược không đủ đã buộc nhiều xe phải dừng lại. Gặp khó khăn nhiều nhất là quân đoàn của P. P. Pô-lu-bôi-a-rốp, một người giàu kinh nghiệm và dũng cảm. P. P. Pô-lu-bôi-a-rốp đã kiên cường chống lại các lực lượng ưu thế hơn của quân phát-xít Đức đang ngoan cố chuyển sang phản công trên hướng Khác-cốp.

Lúc đó quân địch không sao đánh tan được các đơn vị thuộc cụm quân của tướng M. M. Pô-pốp. Trong những điều kiện tình thế hiểm nghèo ấy, M. M. Pô-pốp đã sử dụng toàn bộ quyền lực của người phó tư lệnh phương diện quân, tỏ ra rất dũng cảm, kiên cường và khôn khéo tổ chức đánh lại quân địch. Bộ đội Liên Xô đã phòng ngự vững chắc ở khu vực Bác-ven-cô-vô, đập tan mọi âm mưu của bộ chỉ huy phát-xít Đức định đột phá tới Khác-cốp qua sông Bắc Đô-ne-txơ.

Và lẽ nào không cần đến ý chí và tính kiên quyết của C. C. Rô-cô-xốp-xki, khi đồng chí phải

quyết định: tiến hành hay không tiến hành pháo bắn phản chuẩn bị vào các đơn vị quân địch đang chuẩn bị tiến công tại vòng cung Cuốc-xơ?!

Đồng chí quyết định tiến hành biện pháp này và dùng hỏa lực gây thiệt hại nặng cho địch, làm giảm sức mạnh đột kích mà bộ chỉ huy phát-xít Đức mong đợi. Pháo bắn phản chuẩn bị là một trong những nguyên nhân khiến địch không thể thọc sâu vào tuyến phòng thủ của ta quá 12 ki-lô-mét ở mặt trận Trung tâm.

Ý chí sắt đá và tính kiên cường vững chắc lúc nào cũng cần thiết đối với người thống soái để làm cho địch mất quyền chủ động và để khắc phục được các khó khăn khác nhau đang nảy sinh.

Tôi thấy mình không thể không nói vài lời về Va-xi-li I-va-nô-vích Tsui-cốp, mà ý chí và tính cương nghị của đồng chí có thể nêu lên để làm gương. Chúng ta ai cũng biết đến tiểu sử chiến đấu của Nguyên soái Tsui-cốp, hai lần Anh hùng Liên Xô.

Tôi có dịp được làm phó tư lệnh thứ nhất và tham mưu trưởng của đồng chí. Lần thứ nhất, khi đồng chí được cử giữ chức Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô đóng trên đất Đức, và lần thứ hai, khi đồng chí làm Tổng tư lệnh lục quân của Quân đội Liên Xô. Tôi thấy không cần phải nhắc đến tính dũng cảm và can trường của đồng chí. Nhưng tôi muốn nói về một nét đặc biệt của con người xuất sắc ấy, như nghị lực nhiệt tình và sôi động, chính nhờ đó mà đồng chí đã có thể phụ trách một số việc cùng một lúc; có thể làm việc suốt ngày, suốt đêm, và nếu cần còn có thể làm việc trong nhiều ngày đêm hơn nữa cho đến lúc xong việc.

V. I. Tsui-cốp còn rất mưu trí, chẳng hạn đồng chí đã đồng thời lãnh đạo việc công phá Pô-dơ-nan và chỉ huy cả các đơn vị đang mở rộng bàn đạp tại Ô-đe, mà từ Pô-dơ-nan đến Ô-đe đường xa tới 160 ki-lô-mét. Đồng chí đã kịp thời có mặt tại cả hai nơi những lúc cần.

Nét đặc sắc thứ hai cũng rất quan trọng ở đồng chí là tính nguyên tắc trong từng công việc, khi giải quyết mọi vấn đề. Chấp hành mệnh lệnh của trên, đồng chí đã hành động với tất cả lương tâm của mình; nhưng khi thấy trường hợp đó là cần thiết và đúng đắn, đồng chí đã biết kiên trì lập trường của mình. Nhiều lần tôi có dịp nói với V. I. Tsui-cốp nhân những vấn đề do đồng chí nêu ra rằng: «Bộ tổng tham mưu sẽ không ủng hộ quan điểm này của chúng ta đâu».

«Các đồng chí ấy không ủng hộ, — Tsui-cốp trả lời, — nhưng rồi các đồng chí ấy sẽ biết là chúng ta có quan điểm đó và chúng ta sẽ kiên trì bảo vệ nó».

Có thể nói, tôi hết sức kinh ngạc về tài năng độc đáo của đồng chí: biết nắm vững các vấn đề, đi sâu vào thực chất của nó và biết dự kiến cả sự phát triển sau này.

Tôi đến nhận chức được mấy ngày thì có dịp được quan sát thấy V. I. Tsui-cốp làm việc cùng với các chuyên gia hàng không, xem xét các vấn đề hậu cần của không quân. Tôi ngạc nhiên thấy đồng chí biết cách đi sâu vào thực chất vấn đề, tìm ra những điểm yếu và đề xuất những vấn đề quá hóc búa đối với các chuyên gia, khiến họ phải vã mồ hôi và xin thêm thời gian để chuẩn bị. Tôi suy nghĩ: «Do đâu mà đồng chí nắm được hết chi tiết vấn đề, vì trước đây, như tôi được biết, đồng chí không phụ trách công tác không quân? ». Ít lâu sau, có dịp xem xét về các vấn đề xe tăng, tôi lại thấy đồng chí làm việc tỉ mỉ giống như đã làm việc với các chuyên gia hàng không. Nguyên là một cán bộ xe tăng, tôi cũng biết phân tích chi tiết các vấn đề, nên có thể đánh giá được toàn bộ chiều sâu các kiến thức thực tế của V. I. Tsui-cốp...

Còn trong các buổi diễn tập, V. I. Tsui-cốp đúng là một kiện tướng xây dựng các tình huống

phức tạp và các phương pháp huấn luyện đột ngột. Chẳng hạn, khi đang nghe báo cáo của một cán bộ chỉ huy nào đó, được nửa chừng, đồng chí dừng lại nói: «Đồng chí bị trúng mảnh đạn đại bác, bị thương nặng rồi. Còn chúng tôi may mà được sống sót. Phải giao quyền chỉ huy cho đồng chí cấp phó của đồng chí». Và dĩ nhiên, đồng chí cấp phó có khi cũng không có mặt tại đây, nên không biết xảy ra chuyện gì. Trong khi ấy thì đồng chí chỉ huy trưởng được cáng ngay lên ô-tô-buýt hoặc vào lều bạt, không thể bàn giao lại điều gì cho người chỉ huy cấp phó của mình. Thế là «lúng túng như thợ vụng mất kim»... Đến những lần diễn tập sau, ta có thể cam đoan rằng, người chỉ huy cấp phó ấy sẽ nắm vững vấn đề không kém gì người chỉ huy trưởng. Khi V. I. Tsui-cốp tiến hành diễn tập, mọi người đều biết thế nào rồi các cầu bắc qua sông cũng sẽ bị «phá sập», đồng chí không cho bộ đội vượt sông trên các cầu ấy. Còn sở chỉ huy, mặc dù đã được trang bị chắc chắn, cũng sẽ trúng «bom» của địch, buộc mọi người phải rời sang sở chỉ huy dự bị. Và như chúng ta biết: cũng có lần diễn tập, các đơn vị chỉ chuẩn bị sở chỉ huy dự bị cho có hình thức hơn là để hoạt động thực sự. Mà nguyên soái thì lại yêu cầu phải làm việc ngay tại nơi đó, không được kêu ca gì hết.

Chúng ta có thể nói thẳng ra rằng làm việc với Tsui-cốp quả rất khó. Đồng chí buộc mọi người lúc nào cũng phải hết sức khẩn trương. Nhưng tôi lại thấy tự hào được làm việc với đồng chí hai lần (hơn nữa, lần thứ hai lại là theo đề nghị của đồng chí). Tôi rất biết ơn đồng chí và nhận thấy đồng chí không chỉ là một người chỉ huy quân sự có tài, mà còn là một đồng chí cấp trên mà mình học tập được và có thể dựa vào được.

Khi nói tới ý chí sắt đá và tính kiên trì nhằm đạt mục đích đã định là những điều mà người thống soái nhất thiết phải có, thì chúng ta cũng cần phải nói rằng các phẩm chất rất quan trọng ấy lại có thể trở thành mâu thuẫn với chúng nếu như ta quá đề cao chúng. Thật chẳng ra gì nêu tính kiên cường lại biến thành tính ngoan cố, và tính kiên quyết trở thành tính quá tự tin. Đến khi đó, thái độ không muốn sửa chữa khuyết điểm mà mình phạm phải không chứng tỏ là có can đảm, mà trái lại, sẽ chứng tỏ là thiếu can đảm.

Hành động chiến đấu lúc nào cũng giống như một bài toán có nhiều ẩn số buộc người chỉ huy quân sự phải giải quyết. Lúc bắt đầu chiến dịch, người thống soái chỉ có thể dự đoán chiến dịch rồi sẽ phát triển ra sao, do đó luôn luôn phải có sự mạo hiểm.

Có thể và cần phải áp dụng mọi biện pháp để giảm bớt mức độ mạo hiểm. Nhưng, nếu người thống soái nào lại mong muốn triệt tiêu hoàn toàn mọi sự mạo hiểm chưa chắc đã chiến thắng được đối phương. Sự mong muốn như thế và cách xử sự gắn liền với sự mong muốn ấy chứa đựng mầm mống nguy hiểm của sự thiếu kiên quyết, lúng túng, và cuối cùng là mất tính chủ động. Người thống soái có nhiệm vụ hiểu rõ và thực hiện đúng mức sự mạo hiểm. Tất nhiên, mạo hiểm phải có căn cứ, hợp lý và phải dựa vào dự kiến phát triển các sự kiện, nắm vững tình huống và tính toán chính xác. Nói một cách khác, người thống soái phải biết mạo hiểm một cách khôn ngoan.

Nhân đây, chúng ta nhớ đến trận đánh tạt sườn của phương diện quân Bri-an-xơ trong chiến dịch cùng tên của bộ đội Liên Xô, là một trong những tấm gương về sự mạo hiểm khôn ngoan.

Như mọi người đều biết, phương diện quân đã đánh tan cụm quân Ô-ri-on của địch trong

trận phản công của chúng ta vào mùa hè năm 1943, và trong cả một thời gian dài bộ đội Liên Xô đã không ngừng tiến lên. Đến đầu tháng Chín, phương diện quân vấp phải các trận địa phòng thủ mạnh của quân phát-xít Đức ở dọc khu vực phía Đông của dải rừng Bri-an-xơ rộng bao la. Vào lúc này phương diện quân không có đủ lực lượng để tiêu diệt quân địch vì đã bị tổn thất nặng. Trong lúc tìm kiếm biện pháp để giải quyết nhiệm vụ, ngày 5 tháng Chín 1943, tướng M. M. Pô-pốp, tư lệnh phương diện quân, đã nhận được báo cáo trình sát của phương diện quân Tây sát cánh phải, nhắc đến việc đánh chiếm đồi điểm cao không lớn lắm ở chỗ tiếp giáp với phương diện quân Bri-an- xơ, mà trước đây bộ đội Liên Xô đã nhiều lần tiến công vẫn không thu được kết quả. Chúng ta bắt được một số tù binh địch trong các đơn vị không trực tiếp chiến đấu và tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề, mới vỡ lẽ ra rằng quân của Hít-le trước đây phòng thủ ở điểm cao này đã chuyển sang các khu vực khác, và địch đã lấy các phân đội ở phía sau ra phòng thủ tại đây.

Lúc đó, M. M. Pô-pốp nảy ra ý nghĩ sẽ mở mũi đột kích qua dải của đơn vị bạn ở khu vực điểm cao mà ta đã chiếm được của địch, đột phá vào tuyến phòng thủ yếu của địch và tung quân đoàn kỵ binh của tướng V. V. Cri-u-cốp đột kích sâu vào bên trong. Theo ý nghĩ của tư lệnh phương diện quân, kỵ binh bất thần ồ ạt đột nhập vào sau lưng các lực lượng chủ yếu của địch đang bố trí ở phía trước phương diện quân Bri-an-xơ, sẽ làm cho tuyến phòng thủ của phát-xít Đức bị rối loạn.

Hồi đó, Đại bản doanh chưa đồng ý cho tiến hành ngay chiến dịch, bởi quá mạo hiểm. Vì như vậy thì sẽ phải điều động một số lớn quân dọc theo chính diện và phải hành động qua dải của đơn vị bạn. Điều động quân trong hoàn cảnh trực tiếp gần địch lúc đó là rất nguy hiểm (mà thực tế đúng như vậy). Hơn nữa, thắng lợi của chiến dịch lại chỉ trông đợi vào điều kiện bất ngờ hành động, mà muốn bảo đảm được bất ngờ thì không thể điều động pháo binh của phương diện quân Bri-an-xơ sang khu vực khác trên địa hình này và chỉ có dựa vào hỏa lực bắn phá của không quân và pháo phản lực «Ca-chiu-sa» mà thôi. Tư lệnh phương diện quân quyết định sử dụng pháo binh của đơn vị bạn — tập đoàn quân 10 của phương diện quân Tây, nhưng pháo chỉ có ít, và đạn được lại càng ít hơn. Vì vậy, các đơn vị được điều động để tổ chức mũi vu hồi đánh vào bên sườn địch phải mang vác đạn theo cho pháo binh của đơn vị bạn. Tất nhiên, mọi cuộc điều động đều phải tiến hành vào ban đêm và được nguy trang hết sức chu đáo; việc điều động lực lượng phải hoàn thành trong vòng 40 tiếng đồng hồ trên đoạn đường dài 80-100 ki-lô-mét. Rõ ràng, dù hoàn cảnh có thuận lợi đến đâu chăng nữa, nhất định kỵ binh cũng phải chiến đấu quyết liệt ở sau lưng quân địch.

Hồi ấy, Tổng tư lệnh tối cao nhiều lần hỏi Bộ tổng tham mưu: chiến dịch đó liệu có thắng không? Trước sau chúng tôi đều trả lời: tất cả chúng tôi tin tưởng rằng ý đồ của tư lệnh phương diện quân sẽ thành công. Theo đề nghị khẩn khoản của M. M. Pô-pốp, ngày 5 tháng Chín 1943, A. I. An-tô-nốp lại báo cáo một lần nữa lên I. V. Xta-lin về mũi đột kích tạt sườn của phương diện quân Bri-an-xơ và phát biểu ý kiến ủng hộ việc tiến hành chiến dịch. Thế nhưng, Tổng tư lệnh tối cao còn đích thân gọi điện trực tiếp cho tư lệnh phương diện quân và hỏi đồng chí tư lệnh có bảo đảm chắc chắn là sẽ đánh thắng hay không. Tư lệnh phương diện quân cam đoan sẽ đánh thắng. Ngay lúc đó, Tổng tư lệnh tối cao liền quyết định sẽ bắt đầu tiến công vào sáng 7 tháng Chín.

Bộ tư lệnh phương diện quân kiểm tra rất chặt chẽ công tác chuẩn bị chiến dịch, để bảo

đảm thực hiện đúng các biện pháp giữ gìn bí mật. Mũi đột kích tạt sườn được thực hiện ở trình độ nghệ thuật cao. Quân địch bị uy hiếp ở phía sau đã phải bỏ dải rừng Bri-an-xơ, vội vã rút về bên kia Xô-giơ và Đni-ép-rơ.

Trong chiến tranh, không thể hành động một cách may rủi, không thể xuất phát từ các ý kiến đã định sẵn và thiếu suy nghĩ chín chắn mỗi khi giải quyết một vấn đề nào đó. Hành động như vậy không phải là mạo hiểm khôn ngoan mà là phiêu lưu, và sự phiêu lưu ấy sẽ bị trả giá bằng hàng trăm, có khi hàng nghìn sinh mệnh con người. «Kiện tướng» của những «hành động» theo kiểu đó là Hít-le và các tướng lĩnh của y. Ta hãy bắt đầu nói từ sự phiêu lưu chính là chiến tranh chống Liên Xô, là kế hoạch «Bác-ba-rô-xơ» khét tiếng. Kế hoạch này thậm chí có nói: «Các lực lượng vũ trang Đức phải sẵn sàng đập tan nước Nga xô-viết trong một chiến cục ngắn trước khi kết thúc chiến tranh với nước Anh... Mục tiêu cuối cùng của chiến cục là tạo nên một bức tường chắn chống lại nước Nga châu Á dọc theo tuyến Vôn-ga — Ác-khan-ghen-xơ. Như vậy là, trường hợp cần thiết, có thể dùng không quân đánh cho tê liệt khu vực công nghiệp cuối cùng còn nằm trong tay người Nga ở U-ran». Trong văn kiện đó, ta thấy đầy dẫy những sự phiêu lưu, ngu ngốc và sự quá tự tin của người Phổ. Trong suốt quá trình chiến tranh, bọn Hít-le đã có biết bao sự phiêu lưu như thế kết thúc bằng sự thất bại thảm hại.

Trong các cán bộ chỉ huy quân sự của chúng ta, tiếc thay cũng có những người mạo hiểm mà không tính toán và thiếu dự kiến. Lại cũng có cả những người không muốn mạo hiểm, nên cũng không thu được thắng lợi. Đặc trưng cho việc này là cuộc tiến công của phương diện quân Tây-Nam trong khu vực chỗ lồi Bác-ven-cô-vô ở Khác-cốp vào tháng Năm 1942, theo sáng kiến của Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây-nam. Vấn đề này đã được nhiều người viết, nên tôi chỉ muốn bạn đọc chú ý tới một trong số các nguyên nhân thất bại của bộ đội ta, mà nguyên nhân này lại thường ít được nhắc đến. Nguyên nhân đó, một mặt nói lên sự mạo hiểm không có căn cứ của bộ tư lệnh, mặt khác cũng nói lên thái độ không muốn mạo hiểm của họ khi tình huống đòi hỏi phải hành động mạo hiểm.

Sách báo đã viết về cuộc tiến công ở Khác-cốp tiến hành trong điều kiện lực lượng bộ đội Liên Xô không chiếm được ưu thế chung so với quân địch. Chỉ có một mình phương diện quân Tây-Nam hoạt động tích cực và chiếm ưu thế về quân số hơn địch gấp 1,5 lần. Các binh đoàn phần lớn lại gồm những chiến sĩ chưa trải qua chiến đấu và chưa được tổ chức hoàn chỉnh. Còn phương diện quân Nam bị suy yếu trong các trận đánh diễn ra trước đây, quân số và binh khí kỹ thuật lại kém địch khá xa. Phương diện quân này đang phòng thủ và bảo đảm mặt trận phía Nam cho chiến dịch.

Đại bản doanh đã hai lần lưu ý bộ tư lệnh khu vực mặt trận Tây—Nam xem chiến dịch tổ chức như vậy có quá mạo hiểm hay không, vì trong thời gian đó Đại bản doanh không thể bảo đảm cho khu vực mặt trận này đủ số lực lượng dự bị được huấn luyện kỹ. Thế nhưng nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô và ủy viên Hội đồng quân sự N. X. Khor-rút-sốp kiên trì đòi tổ chức chiến dịch và cam đoan sẽ đánh thắng.

Ngày 12 tháng Năm 1942, phương diện quân Tây-Nam bắt đầu chiến dịch. Phương diện quân tập kích đánh trước quân địch vào lúc chúng đã chuẩn bị xong để chuyển sang kiên quyết tiến công nhằm cắt đứt chỗ lồi Bác-ven-cô-vô, nơi đang tập trung các lực lượng chủ yếu của bộ đội Liên Xô. Trong vòng ba ngày chiến đấu, phương diện quân Tây-Nam đã tiến sâu trên một số hướng được 25 đến 50 ki-lô-mét và tạo nên tình huống có lợi cho việc tung các đơn vị cơ

động vào tác chiến trong dải của tập đoàn quân 6 và phát huy thắng lợi tới Khắc-cốp. Thế nhưng, lúc này bộ tư lệnh lại không quyết định hành động như vậy, mà chờ đợi các điều kiện thuận lợi hơn nữa. Thời cơ đó đã giúp cho địch có khả năng chuẩn bị xong mũi đột kích mạnh đánh vào mặt phía Nam tuyến phòng thủ của ta trong tình huống tương đối yên ổn.

Những ngày tiếp sau, địch chống đỡ được các mũi đột kích thọc sâu của ta, rồi sau đó, đến ngày 17 tháng Năm đã bất ngờ chọc thủng tuyến phòng thủ của phương diện quân Nam và sử dụng các lực lượng mạnh của cụm xe tăng do tướng Clai-xơ chỉ huy, đánh vào phía sau bộ đội Liên Xô đang tiến công. Trước tình hình đó, bộ tư lệnh khu vực mặt trận Tây-Nam vẫn hành động tựa hồ như không có gì đặc biệt xảy ra. Bộ tư lệnh vẫn cố tiếp tục phát triển tiến công sâu hơn, mặc dầu tình huống diễn biến lúc này đã đòi hỏi rõ ràng là phải tạm dừng bộ đội lại, chấn chỉnh lực lượng và tổ chức đánh lại quân địch.

Hồi đó, thay mặt Bộ tổng tham mưu, đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki đã hai lần đề nghị lên Đại bản doanh cho lệnh ngừng cuộc tiến công của bộ đội Liên Xô, nhưng cả hai lần bộ tư lệnh khu vực mặt trận đều cam đoan đánh thắng và tiếp tục cuộc mạo hiểm một cách không có căn cứ và không cần thiết. Cuối cùng, như chúng ta đã biết, bộ tư lệnh đó đã phải đứng trước thất bại nặng nề. Tất cả những sự kiện đó lại chứng minh thêm một lần nữa rằng: mạo hiểm không ngoan, có cơ sở vững chắc trong điều kiện tình hình chiến sự đã hình thành, là một phẩm chất không thể tách rời của người thống soái.

Một trong những phẩm chất quan trọng của người thống soái là tài dự kiến hoặc như người ta thường gọi là linh tính. Dự kiến hoặc linh tính là tài năng của người thống soái biết hình dung một cách có ý thức tiến trình các sự kiện mai sau. Song, tất nhiên như vậy không có nghĩa là người thống soái phải hình dung được hết đến tận những chi tiết nhỏ nhất về quá trình và kết cục của trận đánh sắp xảy ra. Không đòi hỏi như vậy. Trách nhiệm của người thống soái là phải biết nắm lấy nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu mà trận đánh sẽ phát triển. Nắm vững phương hướng đó, người thống soái sẽ hình dung được xu thế phát triển các sự kiện và căn cứ vào đấy mà có thể xác định kết quả cuối cùng của các sự kiện. Chúng ta thường nói: chỉ huy có nghĩa là dự kiến. Ở những người thống soái lỗi lạc, tài dự kiến rất phát triển và là đặc điểm chủ yếu của tài năng quân sự của họ.

Vậy do đâu mà người thống soái có thể dự kiến sự phát triển các sự kiện? Một là, do họ nắm vững các quy luật chiến tranh và biết tính toán trên cơ sở phân tích tình hình. Hai là, do họ hiểu biết kỹ về địch, nắm được quan điểm của địch trong mọi tình huống, nắm được cả ý đồ của chúng. Và cuối cùng là do họ nắm vững các lực lượng và phương tiện của mình, các khả năng của bộ đội và tài năng của các cán bộ chỉ huy.

Thiên nhiên phú cho từng người có những tài năng khác nhau, chẳng hạn năng khiếu về hội họa, âm nhạc, ca hát, v. v.. Song, nếu như họ không biết phát huy các tài năng ấy thì rồi chúng cũng sẽ bị mai một đi. Ví dụ như tài dự kiến, mặc dù có năng khiếu về mặt này, song nói như vậy không có nghĩa là con người sinh ra đã có năng khiếu ấy. Người cán bộ quân sự có thể phát huy tính thận trọng ở những mức độ nhất định và biến nó thành khả năng biết đi sâu phân tích và dự kiến quá trình các sự kiện sẽ xảy ra, bằng cách phải tinh thông công tác quân sự, biết thường xuyên tự hoàn thiện nó và biết rèn luyện một cách có hệ thống.

Dự kiến là một vấn đề không phải dễ dàng. Trong các điều kiện hiện nay, khi các chiến dịch phát triển rất nhanh và diễn ra trong những không gian rộng lớn, đồng thời có sử dụng các loại vũ khí và khí tài chiến đấu mới nhất, thì dự kiến quả là một vấn đề đặc biệt khó. Những tin tức về địch thường không rõ ràng, nhất là kế hoạch các chiến dịch của chúng, rồi những ngẫu nhiên các loại — mà ngẫu nhiên lại là người bạn đường thường xuyên của chiến tranh — và những bất ngờ trong các hành động của địch đều gây trở ngại cho việc dự kiến.

Tất nhiên là khả năng dự kiến và sự phát triển hiện thực của các sự kiện không phải là đồng nhất. Giữa chúng có một khoảng cách lớn. Vấn đề ở đây không chỉ là dự kiến về mặt lý luận, mà phải làm sao biến được dự kiến thành hiện thực chiến thắng quân thù. Điều đó có nghĩa là căn cứ vào dự kiến, người thống soái phải tổ chức các lực lượng và phương tiện hành động nhằm hoàn thành được các quyết định của mình, biết áp dụng nhiều loại biện pháp cụ thể.

Chẳng hạn, có thể có tình huống là dự kiến được các sự kiện sẽ xảy ra, song lại không thể điều khiển được các sự kiện đó theo ý định của mình vì không đủ lực lượng và phương tiện. Đôi khi, các sự kiện khác quan trọng hơn lại không cho phép ta thực hiện những điều mình mong muốn.

Ví dụ như cơ quan lãnh đạo chiến lược Liên Xô đã xác định đúng là chiến tranh sẽ kéo dài và muốn đạt tới mục đích cuối cùng thì phải tiến hành lần lượt nhiều chiến cục, trong từng chiến cục lại phải tiến hành một loạt chiến dịch nổ ra cùng một lúc hay theo trình tự trước sau, với các quy mô và tính chất khác nhau. Và sau khi nổ ra chiến tranh thì về cơ bản đã xác định đúng cả khả năng phát triển của các tình huống chiến tranh. Ví dụ như, đã dự đoán đúng mũi đột kích chủ yếu của địch ở hướng Tây khi tiến hành rộng khắp các chiến dịch ở hướng Tây - Bắc và hướng Tây - Nam.

Lúc bắt đầu Chiến tranh giữ nước vĩ đại, cơ quan lãnh đạo chiến lược có khi đã dự kiến đúng triển vọng phát triển của các sự kiện, song trong tay lại không có đủ phương tiện để làm phá sản thật nhanh mọi ý đồ của địch như mình mong muốn. Ngay từ những ngày đầu chiến sự, chúng ta đã phát hiện ra ý đồ của bộ chỉ huy Hít-le là tiến công vào Min-xơ, rồi sau đó sẽ đánh thẳng vào hướng thủ đô của Tổ quốc chúng ta. Thế nhưng, chúng ta lại chưa thể bẻ gãy được cuộc tiến công của địch và lại càng chưa đủ sức bảo đảm tạo nên bước ngoặt của tình huống. Nguyên nhân của vấn đề không phải chỉ là số lượng bộ đội, mà cả chất lượng, trang bị của họ, kỹ năng tổ chức của đội ngũ cán bộ chỉ huy trong việc tiến hành các hình thức cơ động, và nhiều nguyên nhân khác. Cho mãi tới chiến dịch Mát-xcơ-va vào tháng Chạp 1941, khi các quyết định của cơ quan lãnh đạo chiến lược được bảo đảm thực hiện khá đầy đủ, thì chúng ta mới ngăn chặn được địch và tạo nên bước ngoặt trong quá trình chiến tranh.

Mùa hè năm 1942, chúng ta cũng nhanh chóng phát hiện sớm ý đồ của địch đánh chiếm vùng Cáp-ca-dơ. Ngay cả lần này, Bộ chỉ huy xô-viết cũng chưa thể bảo đảm hành động kiên quyết trong một thời gian ngắn tiêu diệt cánh quân địch đang tiến công. Chúng ta còn nhớ là hồi ấy phương diện quân Nam đang có nguy cơ bị bao vây ở khu vực Rô-xtốp. do tập đoàn xe tăng 1 của Đức đánh vu hồi từ phía Đông lại. Tập đoàn quân 6 của Đức đã xông đến Xta-lin-grát. Lúc bấy giờ, lực lượng dự bị của Đại bản doanh đang còn được tổ chức ở những khu trung tâm trong nước và chưa được sẵn sàng. Chúng ta cũng không thể tung ngay ra phía trước các lực lượng ở Bắc Cáp-ca-dơ, vì bộ đội ở đây phần lớn là kỵ binh, còn bộ binh lại không có đủ xe tăng, vũ khí chống tăng và máy bay; các đơn vị ấy dễ trở thành mồi ngon cho địch trên các

vùng thảo nguyên. Hồi ấy, chúng ta buộc phải rút khỏi Rô-xtốp và chống trả địch trên tuyến Tê-rếch, điều đó đã được hoàn toàn đảm bảo.

Tình hình ở Cuộc-xơ có khác hơn. Ở đây, cơ quan lãnh đạo chiến lược Liên Xô đã dự kiến được mọi mặt. Mục tiêu chiến đấu được hoàn thành triệt để. Song, như vậy cũng không có nghĩa là mọi việc đều diễn ra một cách trôi chảy. Như chúng ta đều biết, ở phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, quân địch cũng thọc sâu được vào tuyến phòng ngự của ta. Lúc ấy, Đại bản doanh đã buộc phải điều động một phần lực lượng dự bị chiến lược tham chiến (tập đoàn quân cận vệ 5 của tướng A. X. Gia-đốp và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 của tướng P. A. Rốt-mi-xtơ-rốp).

Tháng Hai 1945, bộ đội Liên Xô đã tiến tới sông Ô-đe chỉ còn cách Béc-lin có 70 ki-lô-mét, song chúng ta vẫn phải dừng lại ở đấy cho đến tháng Tư, vì hậu cần còn rớt lại sau và tất cả các phương tiện bảo đảm đã cung cấp cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 và cho cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Quân địch ở Pô-mê-ra-ni đang điên cuồng tiến công vào bộ đội Liên Xô, và nếu chưa tiêu diệt được địch ở đây thì chúng ta cũng chưa thể nghĩ tới việc tiến công vào Béc-lin.

Những người chỉ huy quân sự có tài dự kiến thường vạch quyết định một cách dễ dàng hơn và ra quyết định được nhanh hơn. Thường có trường hợp người chỉ huy gặp nhiều khó khăn trong lúc ra quyết định, nhằm tính ra nhiều phương án khác nhau, song không biết nên chọn cái nào. Nhưng, lại cũng có những người chỉ huy trước tình huống đó đã lập tức chọn lấy một phương án và loại trừ các phương án khác ra. Sở dĩ được như vậy là do người chỉ huy ấy — như người ta thường nói — biết nhìn xa.

Để kết thúc những ý nghĩ nói về dự kiến và tác dụng của nó tôi muốn nói rằng: trong chiến tranh tất nhiên chúng ta không thể nào dự kiến được hết tất cả. Về vấn đề này, Na-pô-lê-ông đã nói đúng: «Người nào muốn dự kiến được hết thảy trong chiến tranh thì ta có thể khuyên người đó là đừng bao giờ đi chiến đấu». Như đã nói ở các phần trên, hoạt động của người thống soái thường hay gặp những ngẫu nhiên không thể dự đoán trước được. Vì vậy, người thống soái buộc phải áp dụng các biện pháp khi những sự kiện ngẫu nhiên ập tới hoặc mới xảy ra. Và điều đó cũng giải thích cho chúng ta rõ nguyên nhân của các loại sai sót.

Ý kiến của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và của bản thân I. V. Xta-lin về thời gian Hít-le tấn công vào Liên Xô, là một dẫn chứng đau đớn về sự sai sót lớn. Chúng ta biết là thế nào địch cũng sẽ tấn công Liên Xô, và chúng ta đã tích cực chuẩn bị cho đất nước đánh lui cuộc xâm lược, chúng ta đã áp dụng mọi biện pháp có thể có để nâng cao khả năng phòng thủ đất nước. Về vấn đề này, chúng ta đã viết nhiều và nói nhiều rồi, kể cả trong quyển một «Bộ tổng tham mưu xô-viết trong chiến tranh», cũng có nhắc đến. Song, chúng ta không ngờ chiến sự lại nổ vào tháng Sáu. Chúng ta cho rằng nước Đức Hít-le muốn triển khai xâm lược Liên Xô cũng phải muộn hơn thời gian nói trên. Chúng ta đã ra sức đẩy lùi thời hạn địch tấn công Liên Xô và đã áp dụng rất nhiều loại biện pháp để thực hiện ý định ấy (chẳng hạn: hiệp ước không xâm lược với nước Đức, cố gắng tránh những vụ khiêu khích, tìm cách ký kết liên minh quân sự với Anh và Pháp). Thế nhưng, chúng ta vẫn không thực hiện được ý định đó, và cuộc tấn công vẫn xảy ra.

Một trong những phẩm chất rất quan trọng của người chỉ huy quân sự là biết tìm ra yếu tố chủ yếu của tình huống quyết định xu thế phát triển các sự kiện trong chiến tranh. Sau khi xác

định yếu tố chủ yếu, người thống soái có thể xây dựng phương án chiến dịch, dựa vào đó mà tiến hành mọi công tác chuẩn bị và chỉ đạo mọi hành động chiến tranh, ở nơi nào mà quá trình không có nhiều yếu tố cấu thành, thì chắc là nhiệm vụ xác định khâu chủ yếu không phải khó lắm. Nhưng người chỉ huy quân sự, như đã nói ở trên, lại buộc phải phân tích rất nhiều yếu tố, sự kiện, tài liệu và vô số các loại tin tức khác nhau.

V. I. Lê-nin đã dạy rằng: «Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải biết tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kế bên...»[\[29\]](#).

V. I. Lê-nin còn nhấn mạnh rằng: toàn bộ nghệ thuật chỉ huy và chính trị là kịp thời tính toán và biết tập trung các lực lượng chủ yếu, tập trung chú ý vào khâu nào đó. Theo lời di huấn của Lê-nin, những nhà thống soái xô-viết trong quá trình chiến tranh vừa qua đã nắm đúng khâu chủ yếu của tình huống, nhất là từ thời kỳ Xta-lin-grát trở đi. Trong những trận đánh tại Vôn-ga, chúng ta đã xác định ý nghĩa đặc biệt của tập đoàn quân 6 Đức, coi nó là cơ sở của cánh quân địch ở Xta-lin-grát. Các đồng chí tư lệnh phương diện quân đã thấy được khâu chủ yếu của mình là các khu vực phòng thủ yếu của quân Ru-ma-ni mà chúng ta phải phá tan để bao vây và tiếp đó sẽ tiêu diệt các đơn vị của Pao-lút.

Trong giai đoạn phòng ngự của trận đánh ở Cuốc-xcơ, khâu chủ yếu là phải đánh tan các đơn vị xe tăng địch, làm mất sức mạnh đột kích của chúng. N. Ph. Va-tu-tin và C. C. Rô-cô-xốp-xki nắm vững tư tưởng cơ bản đó, đã tổ chức phòng thủ chống tăng mạnh ở những nơi xe tăng địch có thể tiến công. Bằng những cố gắng chung, các đơn vị, trong đó có cả lực lượng dự bị, đã đạt được mục tiêu.

Trong trận đánh Bê-lô-ru-xi-a, khâu chủ yếu là phá tan các trung tâm phòng thủ của địch ở khu vực Vi-tép-xcơ, Oóc-sa, Mô-ghi-li-ốp, Bô-brui-xcơ để tiêu diệt các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân «Trung tâm». I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki, G. Ph. Da-kha-rốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki, I. Kh. Ba-gra-mi-an đã khôn khéo bố trí đội hình tác chiến cho các đơn vị và đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Những dàn chứng tương tự như vậy còn rất nhiều.

Nếu như đối với người thống soái, điều quan trọng là phải xác định được khâu chủ yếu quyết định thắng lợi của trận đánh, thì đối với Bộ tổng tư lệnh tối cao, điều còn quan trọng hơn nữa là phải tìm ra khâu chủ yếu bảo đảm thắng lợi của toàn chiến cục.

Vào mùa xuân năm 1942, khi cuộc tiến công mùa đông thắng lợi của chúng ta bắt đầu hồi tháng Chạp 1941 ở Mát-xcơ-va vừa kết thúc, đất nước Liên Xô và toàn thế giới đã chứng kiến tận mắt bọn tướng lĩnh Hít-le, những tên từng chiếm vòng nguyệt quế, «những thống soái vô địch» trong các thắng lợi dễ dàng ở phía Tây, đã bị đánh bại thảm hại ra sao. Quân địch bị đánh bật ra khỏi thủ đô chúng ta từ 120 đến 350 ki-lô-mét. Chiến thắng Mát-xcơ-va tiếp thêm sức mới cho nhân dân Liên Xô, những người đã chiến đấu và lao động quên mình ở hậu phương. Kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng điên rồ của địch đã bị phá sản.

Thế nhưng, mùa xuân năm 1942, sức tiến công của bộ đội Liên Xô cũng đã cạn. Mặt trận ổn định. Đối với Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô thì lúc này là thời gian quyết định tương lai; chúng ta phải quyết định sẽ hành động như thế nào trong chiến cục mùa hè sắp tới. Chiến cục ấy lại giữ một vai trò rất quan trọng trong tiến trình của toàn bộ cuộc chiến tranh. Phòng ngự hay tiến công?

Chúng ta phải nói đến vấn đề các nước đồng minh hứa với Chính phủ Liên Xô năm 1942 sẽ mở mặt trận thứ hai. Vấn đề đó cũng thật hấp dẫn và củng cố tư tưởng tiến công. Thế nhưng, càng về sau chúng ta lại càng thấy rõ thêm là sẽ không có mặt trận thứ hai nào hết. Vì vậy, Đất nước xô-viết lại buộc phải nghĩ đến cuộc chiến đấu đơn phương chống lại nước Đức phát-xít. Tình hình đó làm thay đổi cục diện. Chúng ta thấy rõ vai trò quyết định sẽ là lực lượng dự bị của chúng ta, đã bị tiêu hao trong các chiến dịch mùa đông. Vì vậy, cần phải chuẩn bị và xây dựng các binh đoàn và tập đoàn quân binh chủng hợp thành, các binh đoàn xe tăng và không quân mới. Do đó, yêu cầu phải có nhiều cố gắng lớn về tổ chức. Công nghiệp phải chuyển sang các vùng mới, sang miền Đông đất nước; các xí nghiệp mới xây dựng lại đã bắt đầu sản xuất hàng loạt sản phẩm chiến tranh.

Tuy nhiên, muốn hoàn thành việc xây dựng và tích lũy được lực lượng dự bị phải cần nhiều thời gian. Căn cứ vào mọi mặt tình hình lúc đó, Bô-rít Mi-khai-lô-vích Sa-pô-sni-cốp, Tổng tham mưu trưởng sáng suốt hồi ấy, đã đưa ra đề nghị: hình thức hoạt động chủ yếu của các Lực lượng vũ trang Liên Xô trong mùa hè năm 1942 là nên phòng ngự chiến lược. I. V. Xta-lin cũng cho rằng lúc này chúng ta muốn tiến công chiến lược cũng không đủ lực lượng và phương tiện. Đồng chí ra sức đôn đốc việc xây dựng lực lượng dự bị và giữ vững ý kiến cho rằng chỉ có thể sử dụng lực lượng dự bị đó khi nào đã hoàn toàn sẵn sàng. Quan điểm của Gh. C. Giu-cốp cũng gần giống như vậy.

Hồi đó, những ý kiến trên có những điểm khác nhau ở chỗ: I. V. Xta-lin và Gh. C. Giu-cốp cho rằng trong kế hoạch phòng ngự chiến lược nên tiến hành những chiến dịch tiến công cục bộ. I. V. Xta-lin cho rằng cần phải tiến công ở Crum, ở Khác-cốp, trên các hướng Lơ-gốp - Cuốc-xcơ và Xmô-len-xcơ ở Lê-nin-grát và Đê-mi-an-xcơ; Gh. C. Giu-cốp thì cho rằng cần tiến công ở Vi-a-dơ-ma và Rơ-giép. Còn B. M. Sa-pô-sni-cốp đề nghị chỉ đóng khung trong phạm vi phòng ngự. Cuối cùng, hình thức hoạt động chủ yếu của các Lực lượng vũ trang Liên Xô trong mùa hè năm 1942 đã được thông qua là phòng ngự chiến lược, nhưng Đại bản doanh ra lệnh phải tiến hành các chiến dịch tiến công cục bộ theo ý kiến của Tổng tư lệnh tối cao.

Lịch sử chứng minh rằng cơ sở quyết định của Đại bản doanh về phòng ngự chiến lược là đúng đắn, và nó đã tạo khả năng đưa cuộc đấu tranh vũ trang sang một bước ngoặt trong quá trình chiến tranh. Thế nhưng, lúc đó quy định ấy có rất nhiều ngoại lệ nên đã gây thêm khó khăn cho việc giải quyết nhiệm vụ. Những ngoại lệ ấy đã làm giảm sút tinh thần cảnh giác đối với các hành động của địch, đã tách rời và trói buộc một cách thiếu căn cứ lực lượng của một số phương diện quân nên đã gây ra nhiều tổn thất trong mùa hè năm 1942.

Mùa hè năm 1943, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao đã triệt để nắm vững nguyên tắc khâu chủ yếu của sợi dây chuyền các sự kiện, mặc dầu phương pháp thực hiện có nhiều hình vẽ khác nhau. Điều quan trọng hơn hết trong thời gian ấy là các Lực lượng vũ trang Liên Xô phải giành thế chủ động trên các mặt trận và hoàn thành việc tạo nên bước ngoặt cơ bản trong quá trình chiến tranh. Vì vậy, hình thức hoạt động chủ yếu của Quân đội Liên Xô lúc bấy giờ chỉ có thể là tiến công. Thế nhưng, cơ quan lãnh đạo chiến lược Liên Xô đi vào phân tích hết sức tỉ mỉ tình huống, đã nhận thấy rằng muốn sớm giành lấy mục đích đã định thì cần phải biết kết hợp phòng ngự có chủ định (chẳng hạn như ở Cuốc-xcơ, khi chúng ta chiếm ưu thế hơn địch cả về lực lượng và phương tiện) với việc sau này chuyển sang phản công trên khu vực quyết định của mặt trận Xô - Đức. Cuộc phòng ngự trong một thời gian ngắn ở đây đã hoàn thành xuất sắc

nhệm vụ của nó, được coi là một phương thức bảo đảm cho lực lượng ta hơn hẳn địch, tạo nên tính kiên quyết và một sức mạnh đặc biệt cho các hành động tiến công tiếp sau của chúng ta.

Như bạn đọc đã thấy, khâu chủ yếu, then chốt để giành lấy thắng lợi không phải tìm ra được một cách dễ dàng. Nó đòi hỏi người thống soái phải giàu kinh nghiệm, có kiến thức về nhiều mặt, biết trước được kẻ thù nham hiểm sẽ hành động ra sao, và tất nhiên còn đòi hỏi người thống soái phải thường xuyên có sự tìm tòi sáng tạo.

Đặc điểm tình hình của cuộc chiến tranh vừa qua là có những thay đổi đột ngột và biến động sâu sắc trong một thời gian ngắn, vì vậy đòi hỏi người thống soái phải làm việc rất căng thẳng cả về mặt tinh thần lẫn thể lực. Trong thời gian chiến tranh, người thống soái muốn hoàn thành những khối lượng công việc to lớn ấy thì cần phải có một trí nhớ tốt và năng lực làm việc rất cao. Người thống soái phải dứt bỏ mọi thứ: nhà cửa, gia đình, sự giải trí, ăn, ngủ ở nơi làm việc, hy sinh tất cả cho công việc, hoàn toàn hòa mình vào công việc.

Trên thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Ngoài một số thì giờ dành ra để ngủ, toàn bộ thời gian còn lại của người thống soái đều dốc hết vào công tác. Thế nhưng, số giờ được ngủ trong một ngày đêm là 5 - 6 tiếng đồng hồ cũng chưa phải là chỉ tiêu khả năng làm việc cao. Nhiều người có thể thực hiện được chỉ tiêu ấy. Song, với 18-19 tiếng đồng hồ còn lại để làm việc có hiệu quả (tôi nhấn mạnh điểm này) thì không phải ai cũng có thể chịu đựng nổi. Hơn nữa, lại không phải chỉ làm việc căng thẳng như vậy hàng ngày, hàng tuần, mà hàng năm, không có ngày nghỉ, không nghỉ phép, không người thay thế. Vậy trong thời gian chiến tranh, có ngành kinh tế quốc dân nào có thể có tình trạng tương tự như vậy không? Chỉ có những quân nhân. Và đó cũng là bản chất công tác của quân đội, nó rèn luyện cho mọi người chỉ huy phải có năng lực làm việc cao, còn người thống soái lại buộc phải đạt được năng lực làm việc ấy với mức tối đa của nó.

Hơn bất kỳ ngành nào khác, đối với ngành quân sự cần phải nói tới ý nghĩa uy tín của người lãnh đạo. Nhà chỉ huy quân sự, nếu như do những phẩm chất cá nhân của mình, do kinh nghiệm, kiến thức, do quan hệ đúng đắn với cấp dưới mà có được uy tín, thì người đó sẽ chỉ huy được bộ đội trăm lần dễ dàng hơn. Lòng tin vào kiến thức, tính kiên cường và khả năng của họ biết tìm ra lối thoát tốt nhất trong tình thế lúc đó, là yếu tố kích thích rất lớn đối với cấp dưới, nó bảo đảm cho người thống soái hoàn thành xuất sắc mệnh lệnh của mình và dắt dẫn quần chúng đi theo con đường đã vạch ra.

«...Trong lịch sử chiến tranh, — M. I. Ca-li-nin, nhà hoạt động đảng và nhà nước nổi tiếng của Liên Xô, đã viết, — không một người thống soái nào trở nên danh tiếng trên thế giới mà lại không được quân đội yêu mến. Điều ấy có nghĩa là những người thống soái có danh tiếng trên toàn thế giới không phải chỉ là những kiện tướng về chiến lược và chiến thuật. Không, họ còn biết đi sâu vào lòng người chiến sĩ của họ, quân đội của họ. Họ còn là những kiện tướng về tinh thần cao của bộ đội, gây được sự tin cậy vững chắc của các chiến sĩ. Đó là những người như Xu-vô-rốp, Cu-tu-dốp và nhiều người thống soái khác»[\[30\]](#).

Kế theo dòng suy nghĩ này, tôi xin bổ sung thêm là những người thống soái xô-viết trong nội chiến và trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại bao giờ cũng được quần chúng yêu mến, nhân dân kính trọng. I. V. Xta-lin giành được uy tín lớn lao nhất. Điều đó trước hết nói lên sự thừa nhận công lao của Đảng cộng sản do đồng chí đứng đầu.

Uy tín của Xta-lin và sự kính trọng của nhân dân đối với đồng chí là do đảng tạo nên, và tất nhiên uy tín và sự kính trọng đó đã được củng cố thêm bằng chính những phẩm chất cá nhân của đồng chí. Trong những năm cuối đời, uy tín của Xta-lin đã mang những hình thức kỳ cục của tệ sùng bái cá nhân, cố nhiên đó là lỗi của bản thân Xta-lin. Mặc dầu Xta-lin đã cố phản đối sự ca tụng cá nhân mình, nhưng những sự phản đối đó không đủ và thiếu sức thuyết phục. Chẳng hạn như trong việc trả lời bức thư của nhà sử học quân sự nổi tiếng, đại tá E. Ra-din, I. V. Xta-lin đã viết: “Những lời ca tụng Xta-lin thật là chối tai, đọc thì thật bất tiện”

Và tác giả còn được chứng kiến một sự kiện khác cũng khá lý thú.

Một lần vào báo cáo trong điện Krem-li, tôi và A. I. An-tô-nốp tại phòng đợi của Xta-lin đã gặp thượng tướng P. I. Đơ-trép, chủ nhiệm Cục quân nhu của Hồng quân. Đồng chí mặc bộ quân phục sắc sỡ, kiểu cách lạ lùng. Áo khoác ngoài may theo kiểu thời Cu-tu-dốp, cổ đứng cao. Còn quần thì may theo kiểu hiện đại, có những sọc vàng lấp lánh. Ngạc nhiên trước kiểu ăn mặc không nghiêm chỉnh đó, chúng tôi dừng lại và nhìn bộ áo quần kỳ quặc ấy. Đơ-trép nói khẽ với chúng tôi: «Bộ quân phục mới của Đại nguyên soái đấy...»

Trong phòng của Xta-lin còn có các đồng chí ủy viên Bộ chính trị. Đại tướng A. V. Khor-ru-li-ốp, chủ nhiệm hậu cần, báo cáo. Sau khi báo cáo, đồng chí đề nghị được phép giới thiệu bộ quân phục mới với các đồng chí đang có mặt. I. V. Xta-lin lúc này rất vui, nói: «Nào, mang vào đây để Bộ tổng tham mưu cùng xem».

Nhận được lệnh, P. I. Đơ-trép bước vào.

I. V. Xta-lin đưa mắt nhìn thoáng qua, rồi sa sầm nét mặt lại. Có lẽ, đồng chí đoán ra bộ quân phục này sẽ may cho ai.

— Đồng chí định may bộ quần áo này cho ai đấy? — Xta-lin hỏi A. V. Khor-ru-li-ốp, hơi ngược nhìn đồng chí chủ nhiệm Cục quân nhu.

— Bộ quân phục này dự định may cho Đại nguyên soái. — A. V. Khor-ru-li-ốp trả lời.

— Cho ai? — Xta-lin hỏi lại.

— Cho đồng chí, thưa đồng chí Xta-lin...

Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh cho Đơ-trép ra về, và không kìm nổi mình, giận dữ nói một thôi dài mà không ngần ngại gì sự có mặt của những người xung quanh. Đồng chí phản đối sự đề cao đặc biệt đối với cá nhân mình, và nói rằng: đây là một việc làm không khôn ngoan, không ngờ chủ nhiệm hậu cần lại làm ăn như vậy.

Cuối cùng, bộ quân phục của Đại nguyên soái cũng không được may nữa. Cho đến những ngày cuối cùng của đời mình, I. V. Xta-lin vẫn chỉ mặc bộ quân phục nguyên soái như tất cả các nguyên soái khác.

Một lần nữa, ngay sau chiến tranh, trong phiên họp của Hội đồng quân sự tối cao (I. V. Xta-lin làm chủ tịch và tôi làm thư ký), mọi người có mặt đều được nghe bài phát biểu của Xta-lin về vấn đề những người lãnh đạo phải khiêm tốn và không thể tha thứ được thói tự cao tự đại cũng như bệnh thích được đề cao. Phiên họp này có xem xét tới một thư gửi đến nói về một cán bộ quân đội có danh tiếng.

Như vậy, I. V. Xta-lin mặc dầu đã nhiều lần phát biểu ý kiến bằng giấy hay bằng miệng chống

thời tự cao tự đại, sự tách rời người lãnh đạo khỏi quần chúng, tính không khiêm tốn, song bản thân đồng chí lại không kiên quyết ngăn chặn những sự ca tụng quá đáng cá nhân mình.

...Để kết thúc câu chuyện nói về lao động của người thống soái, tôi muốn nói lên ý kiến của mình về một vấn đề.

Đôi khi người ta thường tranh luận với nhau rằng: vậy thì phẩm chất nào của người thống soái là quan trọng hơn — trí tuệ hay ý chí? Một số người cho rằng: đối với người thống soái thì ý chí quan trọng hơn, vì chiến tranh đòi hỏi trước hết và chủ yếu là phải kiên quyết, dũng cảm và táo bạo. Còn quyết định khôn ngoan, đúng đắn cũng mới chỉ là bước đầu, vì muốn đạt được mục đích của trận đánh, của chiến dịch, yêu cầu phải có ý chí kiên cường, có sự quyết chí của nhà chỉ huy quân sự. Lời khẳng định này không phải là không có căn cứ. Trong thực tế, lịch sử đã từng có nhiều dẫn chứng về ý chí sắt đá của những người chỉ huy mà chỉ nhờ có nó mới có thể giành được thắng lợi. Nhưng lại cũng không được quên rằng, ý chí đó cũng nhằm để thực hiện quyết định đã được thông qua!

Một số người khác lại khẳng định rằng người thống soái trước hết phải có một trí tuệ sâu sắc và linh hoạt để bảo đảm cho họ phân tích tình huống được đúng đắn và ra những quyết định tốt nhất. Những người tán thành quan điểm này cho rằng những người chấp hành có ý chí phải thực hiện kỳ được các quyết định và kế hoạch hành động khôn ngoan ấy. Quan điểm này cũng có những căn cứ của nó, song như bạn đọc đều thấy là ta không thể hoàn toàn đồng ý với nó được, vì người thống soái không phải là một người chỉ ngồi trong văn phòng, chỉ biết nghĩ ra những ý định và kế hoạch khôn ngoan, mà còn phải biết thực hiện các ý định và kế hoạch đó trong thực tiễn.

Trong thực tiễn, người thống soái bao giờ cũng phải vừa là người sáng tạo ra các kế hoạch quân sự, lại vừa là người chỉ đạo thực hiện các kế hoạch đó. Dưới quyền người thống soái có nhiều nhà chỉ huy quân sự các cấp, mỗi người chỉ huy lại căn cứ vào ý định của cấp trên mà đề ra quyết định và kế hoạch hành động của mình. Muốn cho mọi cấp thực hiện được kế hoạch chung đó, nhà chỉ huy quân sự cấp trên (người thống soái) cần phải có ý chí và trí tuệ không kém hơn mà phải cao hơn cấp dưới của mình. Nói vắn tắt, ở người thống soái phải có sự phát triển đồng đều cả về ý chí, cả về trí tuệ, mặc dầu trong thực tế, ở những con người cụ thể, thường có thể có mặt này trội hơn mặt kia.

Người thống soái chân chính là người có đủ những phẩm chất như đã nói ở trên. Cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại chứng minh rằng, chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta giàu có tài năng biết bao, kể cả những tài năng quân sự, và Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đã sáng suốt phát hiện, chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy các tài năng đó.

THAY LỜI KẾT LUẬN

...Trong gian ngoài của ngôi nhà Bộ tư lệnh liên quân và Bộ tham mưu liên quân Lực lượng vũ trang các nước tham gia Hiệp ước Vác-sa-va có treo cờ của bảy nước anh em: Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri, Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri, Cộng hòa dân chủ Đức, Cộng hòa nhân dân Ba Lan, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Ru-ma-ni, Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc. Bức tường phía bên các ngọn cờ ấy nổi lên câu nói của Vla-di-mia I-lích Lê-nin: «Các đồng chí có được niềm vinh dự lớn là cầm vũ khí để bảo vệ các tư tưởng thiêng liêng... và thật sự thực hiện tình đoàn kết quốc tế của các dân tộc.»^[31]. Cứ mỗi lần nhìn thấy câu danh ngôn bất hủ ấy của V. I. Lê-nin, là tự nhiên các ý nghĩ của tôi lại như cuộn cuộn hiện lên, trở về với quá khứ, với tháng Năm chiến thắng của năm một nghìn chín trăm bốn mươi năm.

Đúng, người chiến sĩ xô-viết đã và đang hoàn thành một cách vẻ vang nghĩa vụ quân nhân thiêng liêng của mình. Hàng năm, tầm vĩ đại của chiến thắng đó ngày càng biểu hiện rõ nét hơn lên, và một trong những kết quả chủ yếu của nó chính là những ngọn cờ kia, những ngọn cờ tượng trưng cho tình hữu nghị vĩ đại giữa các dân tộc trong các nước xã hội chủ nghĩa!

Vấn đề về chiến thắng của chúng ta vẫn còn đặt ra một cách nóng hổi và gay gắt cho đến tận ngày nay. Lịch sử, nghệ thuật, văn học, điện ảnh, vô tuyến truyền hình của chúng ta vẫn thường nói đến những ngày anh dũng đó, nói đến các bài học của chiến tranh, nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn cảnh giác. Còn bọn đang hà hơi tiếp sức cho chủ nghĩa đế quốc thì đang cố công tìm kiếm «những sai lầm nghiêm trọng» của bè lũ Hít-le, bọn chúng cho rằng những sai lầm ấy đã quyết định số phận bọn Hít-le. Thế nhưng, công dã tràng của bọn chúng, định phòng ngừa cho bọn tòng phạm hiện đại của Hít-le khỏi phạm những sai lầm mới, lại chứng minh một lần nữa rằng: gốc rễ của chủ nghĩa phát-xít và sự xâm lược hiện vẫn đang nằm sâu ở ngay trong bản chất của chủ nghĩa đế quốc. Những vụ bắn phá bỉ ổi của các máy bay ném bom và những đám cháy bốc khói hôi tanh trên trái đất này, đã nói rõ bản chất của chúng...

Bọn gây ra chiến tranh thế giới vừa qua, khi bắt đầu xâm lược đã không dự đoán được rằng hành động như vậy là chúng đang đi thẳng tới cái giá treo cổ, và cho đến ngày tận số, chúng vẫn chưa tin điều đó. Mãi tới khi vòng vây của bộ đội xô-viết xiết chặt xung quanh nhà quốc hội và văn phòng đế chế, Hít-le mới nói với tên đội trưởng cánh vệ của hắn là: «Rát-ten-khu-be, không bao giờ có cái phút khùng khiếp này, cũng như không bao giờ tôi nói với anh về cái chết của tôi, nếu như... không có bọn Nga này. Anh hãy nhớ là quân đội của tôi đã từng tiến đến đâu!». Ngay cả khi đứng trước ngưỡng cửa nhà ngục Nu-rem-be, bọn Hít-le cũng vẫn không thể hiểu rằng ngay cả ý định lật đổ chế độ xã hội tiên tiến hơn cũng là vô hy vọng. Bọn chúng tìm ra khá nhiều nhân tố làm nên chiến thắng của chúng ta, song chúng vẫn cố ý lảng tránh một nguyên nhân — đó là sự hùng mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhân đây, ta phải nói thêm rằng cho tới nay, sau gần ba mươi năm rồi, các nhà nghiên cứu tư sản vẫn không thể và không muốn hiểu điều đó.

Trước mắt tôi là bản nháp bút ký của Ríp-ben-tơ-rốp gửi cho Đe-nít. Có lẽ viên bộ trưởng ngoại giao của Hít-le bắt đầu viết tài liệu này từ giữa tháng Tư 1945. Chúng ta hãy xem những điều hắn viết: «Nước Nga và nền công nghiệp chiến tranh của họ được phân bố trên một lãnh thổ rộng lớn, thực tế là rất kiên cố và không thể phá vỡ được... Hai trăm triệu con người sống trên đất nước này được chứng minh trong chiến tranh là rất mạnh về mặt sinh vật học. Có rất nhiều gia đình đông con... Nước Nga lại có đủ mọi thứ nguyên liệu hiện đang cần... Người Nga

trước đây thất học, song giờ đây đã được hiện đại hóa và được trang bị kỹ thuật với một trình độ cao». Hồi cuối chiến tranh, bọn quốc xã đã phải thốt lên những lời lẽ như thế đấy! Ráp-ben-tơ-rốp ra sức «giảng giải» những động cơ nội tâm của nhân dân Liên Xô là: «200 triệu người mù quáng trước thế giới quan xâm lược của chủ nghĩa cộng sản, mà mục đích chính trị của nó là chủ nghĩa đại Xla-vơ bành trướng»...

Tên tội phạm chiến tranh đã dựa vào đấy để dựng lên bức tranh tương lai đáng sợ hơn, nhằm đe dọa toàn thế giới về cái chiến thắng mà chúng gọi là chiến thắng của Xta-lin. «Các dân tộc, không được tin cậy về mặt tinh thần xô-viết, thì sẽ bị sát hại hoặc phải đi đầy, còn của cải và nơi làm việc của họ sẽ chuyển cho Hồng quân». Y không tiếc lời để dựng nên cả những triển vọng sau này là sẽ có cuộc di dân to lớn theo kế hoạch xâm lược của những người xô-viết: lúc đầu, họ đánh chiếm hoàn toàn châu Âu, sau đến Đông Á, rồi toàn thế giới. Thực hiện âm mưu này, nước Xô-viết phải phá hoại từ bên trong, làm suy yếu hai nước Anh và Mỹ. Thậm chí đã kề miệng lưỡi rồi mà một trong những tên cầm đầu của nước Đức phát-xít vẫn còn âm mưu gieo rắc hoài nghi, phá hoại lòng tin cậy giữa các nước trong khối liên minh chống Hít-le, đẩy Anh - Mỹ và nước Đức phát-xít nhích lại gần nhau trên lập trường chống Xô-viết!.. Chúng ta không được quên bài học lịch sử: kẻ thù còn ngoan cố đến cùng, còn tìm mọi cách và không từ một thủ đoạn nào để tránh khỏi thất bại cũng như trốn tránh trách nhiệm của chúng.

Ngày nay, toàn thể loài người tiến bộ đều đã thừa nhận cơ sở thắng lợi của chúng ta là tính ưu việt của chế độ chính trị, hệ tư tưởng và kinh tế của chủ nghĩa xã hội hơn hẳn chế độ chính trị, hệ tư tưởng và kinh tế của nhà nước phát-xít. Các Lực lượng vũ trang Liên Xô mạnh hơn quân đội của Hít-le trước đây được coi là vô địch. Chiến công thật sự anh hùng của nhân dân Liên Xô ở ngoài tiền tuyến và ở hậu phương đã đi vào lịch sử, mãi mãi sẽ là tấm gương kiên cường và vững chắc của lòng trung thành vô hạn đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Nói tới vấn đề này, chúng ta không thể không nhấn mạnh rằng các khả năng khách quan nằm trong tính chất của nhà nước Xô-viết, đã được sử dụng một cách có kết quả để chiến thắng quân thù. Ở đây, vai trò chủ yếu thuộc về Đảng cộng sản Liên Xô. Chính đảng vạch ra đường lối chính trị chung, bảo đảm cho sinh hoạt của đất nước chuyển sang thời chiến, hướng mọi nhân tố chính trị bên trong và bên ngoài nhằm mục đích giành thắng lợi, tìm ra các hình thức hoạt động để nhanh chóng thực hiện cương lĩnh đã vạch ra với hiệu quả cao nhất.

Ngay sau chiến tranh, vào một ngày hè năm 1949, vấn đề củng cố phòng không của đất nước được dự định đưa ra thảo luận tại cuộc họp triệu tập ở biệt thự «gần» của Xta-lin. Dự cuộc họp có V. Đ. Xô-cô-lốp-xki, quyền Bộ trưởng thay mặt Bộ trưởng quốc phòng A. M. Va-xi-lép-xki nghỉ phép, và tác giả những dòng này — hồi đó đang giữ chức Tổng tham mưu trưởng.

Khi hai chúng tôi tới nơi thì I. V. Xta-lin và các ủy viên Bộ chính trị đang nói chuyện với nhau ngoài bao lơn về việc xây dựng các xí nghiệp công nghiệp nặng mới ở ngoại U-ran, Xi-bi-ri và Viễn Đông, về vấn đề nhân lực cho các xí nghiệp ấy.

Đang nói chuyện, I. V. Xta-lin bỗng hỏi:

— Đồng chí Tổng tham mưu trưởng trẻ tuổi, đồng chí nghĩ thế nào, tại sao chúng ta đánh tan nước Đức phát-xít và buộc chúng phải đầu hàng?

Tôi chuẩn bị báo cáo về vấn đề phòng không, nên mọi suy nghĩ đang tập trung xoay quanh vấn đề này. Thêm nữa, tôi hoàn toàn không nắm được câu chuyện đang diễn ra theo chiều hướng nào trước lúc chúng tôi đến. Vì vậy, đứng lên rồi mà tôi vẫn chưa thể trả lời ngay được. I. V. Xta-lin cũng đứng lên, rít sâu hơi thuốc, tiến lại gần tôi và nói: «Chúng tôi nghe đồng chí».

Trần tĩnh lại, tôi nghĩ tốt hơn hết là cứ trình bày cho Xta-lin nghe lúc này bằng chính những lời đồng chí đã phát biểu với các cử tri trước ngày bầu cử Xô-viết tối cao Liên Xô (9 tháng Hai 1946). Ký ức tôi còn ghi nhớ cả những bài phát biểu khác trước hôm bầu các đồng chí ủy viên Bộ chính trị, mà tất cả chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu đã được học tập kỹ lưỡng.

Nhận thấy các đồng chí có mặt đang nhìn vào mình, tôi bắt đầu báo cáo là chiến tranh đã chứng minh sức sống của chế độ xã hội và nhà nước Liên Xô, tính chất vững chắc không gì lay chuyển nổi của chế độ đó. Chế độ xã hội của chúng ta vững chắc, chính vì nó là một chế độ thực sự của nhân dân, trưởng thành từ trong lòng dân và được dân hết lòng ủng hộ... Không đồng chí nào ngắt lời tôi, nhưng tôi cảm thấy không thoải mái lắm, vì đó đều là những sự thật mọi người đã biết đến từ lâu rồi và có lẽ chỉ làm mất thời gian của các đồng chí thôi. Nhưng tất cả đều giữ thái độ nghiêm trang, có lẽ họ cũng suy nghĩ về câu hỏi đã đặt ra cho tôi. Điều đó làm tôi vững tin hơn, nên tôi lại tiếp tục báo cáo về sự đoàn kết của nhân dân xung quanh Đảng cộng sản, về sự lãnh đạo của Đảng, nền tảng xô-viết của xã hội đã củng cố mối tình hữu nghị giữa các dân tộc của Liên bang Xô-viết có nhiều dân tộc. Tôi lại nói về cơ sở công nghiệp đã được thành lập trong những năm của các kế hoạch 5 năm, về nền kinh tế nông trang tập thể và còn nói cả về vấn đề chủ nghĩa xã hội đã tạo ra được những khả năng vật chất cần thiết để chống lại một kẻ địch mạnh. Cuối cùng, tôi nói về quân đội, về trình độ nghệ thuật cao của những nhà chỉ huy quân sự và các vị thống soái của Liên Xô.

Kiên nhẫn nghe tôi nói xong, I. V. Xta-lin mới nhận xét:

— Tất cả những điều đồng chí nói đều đúng và quan trọng, nhưng chưa phải đã nói hết nội dung của vấn đề. Quân số của chúng ta cao nhất trong thời gian chiến tranh là bao nhiêu?

— Trên mười một triệu người.

— Tỷ lệ ấy chiếm bao nhiêu phần trăm so với dân số?

Tính nhẩm dân số của đất nước chúng ta hồi trước chiến tranh là 194 triệu, tôi trả lời: khoảng 6 phần trăm.

— Đúng. Nhưng đó cũng vẫn chưa phải là đủ, phải tính cả những tổn thất của chúng ta trong các Lực lượng vũ trang nữa. Vì những người đã hy sinh và chết vì bị thương cũng nằm trong quân số ấy...

Và chúng tôi đã tính đến điều đó.

— Thế bây giờ, — Xta-lin tiếp tục, — chúng ta hãy thử tính xem quân số của Hít-le, kể cả số đã bị thương vong là trên 13 triệu, so với dân số của chúng là 80 triệu người.

Chúng tôi tính: thế là trên 16 phần trăm.

— Đó là một tỷ lệ quân số động viên cao, tỉ lệ ấy là một biểu hiện, hoặc không nắm được các quy luật khách quan tiến hành chiến tranh, hoặc là chủ nghĩa phiêu lưu. Đúng hơn đó là chủ nghĩa phiêu lưu, — Xta-lin kết luận. — Kinh nghiệm lịch sử, các quy luật chung tiến hành chiến tranh dạy rằng không một quốc gia nào có thể chịu đựng nổi sự căng thẳng to lớn ấy, vì sẽ

không còn người để làm việc trong các xí nghiệp, nhà máy, không còn người trồng trọt lúa mì để bảo đảm cho nhân dân và cung cấp cho quân đội mọi thứ cần thiết. Các tướng lĩnh của Hít-le được nuôi dưỡng bởi các giáo điều của Clau-dơ-vít và Môn-ke nên không thể hoặc không muốn hiểu đến tình hình đó. Kết quả là bọn Hít-le đã tự phá hoại đất nước của chúng, mặc dầu bọn chúng đã bóc lột tới hàng trăm nghìn người lấy ở các nước khác đến...

Những kẻ cầm quyền của nước Đức đã hai lần xô đẩy nước Đức vào chiến tranh và cả hai lần đều chuốc lấy thất bại, Xta-lin tiếp tục nói và đi lại trên bao lơn. — Phá hoại sức sống của đất nước trong chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai là một trong những nguyên nhân thất bại của chúng... Các đồng chí còn nhớ đến tỉ lệ quân số mà hoàng đế Đức đã động viên trong chiến tranh thế giới thứ nhất không?

Tất cả im lặng. Xta-lin quay vào phòng của mình, mấy phút sau đem ra một cuốn sách. Đồng chí lật lật trang sách tìm đoạn cần thiết, rồi nói:

— Đấy, chúng đã động viên tới 19,5 phần trăm dân số. Năm 1918, dân số nước Đức là 67 triệu 800 nghìn người.

Đồng chí gấp sách rồi lại quay sang tôi nói đại ý:

— Điều thứ hai mà đồng chí nói đến, còn đôi chút phiến diện, đó là vấn đề các cán bộ lãnh đạo tuyệt vời của chúng ta. Cần phải nói rằng các cán bộ lãnh đạo ấy không phải chỉ có mặt ở ngoài tiền tuyến, mà còn ở cả hậu phương. Chúng ta không được quên rằng các khả năng khách quan mới chỉ là tiền đề của thắng lợi. Các khả năng khách quan ấy rất quan trọng, nhưng tự nó không thể đánh tan quân thù được, nếu như không biết tổ chức biến các khả năng ấy thành hiện thực và không biết lợi dụng chúng một cách có tổ chức. Vai trò của người tổ chức và lãnh đạo thuộc về Đảng, và chỉ có Đảng mà thôi. Chiến tranh là một sự thử thách khắc nghiệt. Chiến tranh đã đào tạo ra những con người mạnh, táo bạo và tài năng. Con người tài năng ấy xuất hiện trong chiến tranh chỉ trong vòng có mấy tháng, còn trong thời bình phải mất đến hàng năm. Ngay trong những tháng đầu chiến tranh, đã xuất hiện những người chỉ huy quân sự tuyệt vời, các đồng chí được tôi luyện trong chiến tranh, tích lũy được kinh nghiệm và trở thành những người thống soái thật sự.

Rồi đồng chí bắt đầu kể tên họ các đồng chí tư lệnh các phương diện quân, tập đoàn quân, những người lãnh đạo chiến tranh du kích.

— Thế còn ở hậu phương? Lẽ nào những người lãnh đạo khác có thể làm trọn những cái gì mà những người bôn-sê-vích đã làm? Họ đã chuyển nguyên cả xí nghiệp, nhà máy ngay trước mũi súng quân thù tới các vùng hoang vu ở Pô-vôn-giê, ở ngoại U-ran, ở Xi-bi-ri. Trong những điều kiện hết sức khó khăn như thế mà chỉ trong vòng một thời gian ngắn, họ đã ổn định được sản xuất và cung cấp mọi thứ cần thiết cho tiền tuyến! Đất nước chúng ta lại đào tạo nên các tướng lĩnh và nguyên soái về dầu hỏa, luyện kim và vận tải, chế tạo máy móc và về nông nghiệp. Cuối cùng, chúng ta còn có cả những thống soái về khoa học. Và chúng ta cũng không thể không nói tới họ...

Đồng chí nhớ như in, rồi lần lượt kể họ tên các nhà bác học, các nhà hoạt động công nghiệp, nông nghiệp. Sau đó, ngừng lại một lát, đồng chí nói thêm:

— Hàng trăm ngàn người bị chở sang nước Đức, thực ra đã biến thành nô lệ làm việc cho Hít-le. Song, dầu sao Hít-le cũng vẫn không bảo đảm cung cấp đủ cho quân đội của chúng. Còn

nhân dân chúng ta thì đã làm nên những công việc tưởng chừng như không thể làm nổi, đã lập nên chiến công vĩ đại. Đó là kết quả hoạt động của những người cộng sản trong công cuộc xây dựng Nhà nước Xô-viết và giáo dục con người mới... Đây, lại thêm một nguyên nhân thắng lợi nữa của chúng ta, các đồng chí thấy không!..

Đảng cộng sản Liên Xô luôn luôn quan tâm tới việc củng cố nền quốc phòng của đất nước, củng cố sự hùng cường của các Lực lượng vũ trang, giáo dục lòng yêu nước, yêu quân đội cho những người dân xô-viết. Chừng nào chúng ta còn sống trong thế giới chưa có hòa bình, thì nhiệm vụ đó vẫn là một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhất, — L. I. Brê-giơ-nép đã nói tại Đại hội XXIV của Đảng cộng sản Liên Xô.

Mỗi người chúng ta — từ người chiến sĩ đến vị nguyên soái — đều rất lấy làm tự hào về sự đánh giá cao của đại hội đảng đối với các Lực lượng vũ trang quang vinh của chúng ta. Tất cả chúng ta đều hết sức cảm động trước những lời nói chân thành đối với các chiến sĩ ngoài tiền tuyến — những người đã không tiếc sức mình, không tiếc cả cuộc đời mình, xông lên bảo vệ vinh quang, tự do và độc lập của Tổ quốc.

Các chiến sĩ vẻ vang ngoài tiền tuyến — những người còn sống và những người đã hy sinh — tôi xin tặng các đồng chí cuốn sách của mình.

.....

- [1] Các anh hùng Síp-ca là những người tham gia cuộc chiến tranh Nga-Thổ năm 1877-1878. Các đơn vị quân Nga và các đội dân binh Bun-ga-ri đã tỏ ra xuất sắc trong các trận chiến đấu chống quân Thổ ở đèo Síp-ca. Thắng lợi của quân Nga trong cuộc chiến tranh này đã đảm bảo nền độc lập của Ru-ma-ni, Xéc-bi-a và Tséc-nô-gô-ri-a cũng như việc giải phóng Bun-ga-ri khỏi ách thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ. — BT.
- [2] Báo «Sự nghiệp công nhân» (cơ quan ngôn luận của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri), ngày 12 tháng Ba 1972.
- [3] Gh. Đê-mi-tơ-rốp. Tuyển tập. Xô-phi-a, 1969, t. 42, tr. 52-53.
- [4] Gh. Đê-mi-tơ-rốp. Tuyển tập, tiếng Nga, t. 2, tr. 35-36.
- [5] Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước, tiếng Nga, t. II, tr. 182-183.
- [6] Gh. Đê-mi-tơ-rốp. Tuyển tập. Tiếng Nga, t. 2, tr. 612.
- [7] Những người anh hùng tháng Chín 1923 là những người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Chín 1923 chống phát-xít ở Bun-ga-ri dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. — BT.
- [8] Từ cuối tháng Chín 1944, Đảng công nhân Bun-ga-ri lấy tên là Đảng công nhân Bun-ga-ri (cộng sản)
- [9] Gh. Đê-mi-tơ-rốp. Tuyển tập, tiếng Nga, t. 2, Mát-xcơ-va, 1957, tr. 38.
- [10] U. Sôc-sin. Chiến tranh thế giới thứ hai, t. VI, tr. 146.
- [11] Từ Đại hội XIX của Đảng (1952), Đảng đổi tên là: Đảng cộng sản Liên Xô. — BT.
- [12] Ví dụ: E. Xim-ke đã viết về vấn đề này trong cuốn sách «Từ Xta-lin-grát đến Béc-lin» (Oa-sinh-ton, 1968, tr. 504).
- [13] C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, t.14, tr.47.
- [14] V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [15] E. Man-stai-nơ. Những thắng lợi đã mất. Mát-xcơ-va, 1957, tr. 545.
- [16] Xta-lin còn nhớ là trước đây Mê-khơ-li-xơ thường báo cáo với đồng chí những điều không tốt về Pê-tơ-rốp, nên lần này đồng chí giao cho Gh. C. Giu-cốp xuống tìm hiểu mối quan hệ giữa hai người. — X. s.
- [17] Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước. T. III, Mát-xcơ-va, 1947, tr. 171.
- [18] Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước. T. III, Mát-xcơ-va, 1947, tr. 172.
- [19] Sách đã dẫn, tr. 172-173.
- [20] X. I. Vô-rô-si-lốp. Thành lập nên cộng hòa thứ hai ở Áo, 1968, tr. 41.
- [21] C. Tip-pen-xkiéc. Lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 495.
- [22] E. Xim-ke. Từ Xta-lin-grát tới Béc-lin. Sự thất bại của nước Đức ở phía Đông. Oa-sinh-ton. 1968, tr. 504.
- [23] Bọn Vla-xốp — những kẻ theo tướng Vla-xốp, tên phản quốc đã hợp tác với bọn Hít-le trong chiến tranh. — BT.
- [24] I. X. Cô-nép. Bút ký của tư lệnh phương diện quân. Mát-xcơ-va, 1972, tr. 151.
- [25] V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.6, tr. 175.
- [26] E. Man-stai-nơ. Những thắng lợi đã mất, tr. 454.
- [27] M. V. Phrun-de. Tuyển tập. t. 2, Mát-xcơ-va, 1957, tr. 176.
- [28] V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 36, tr. 216.
- [29] V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 36, tr. 252.

[\[30\]](#) M. I. Ca-li-nin. Về Quân đội xô-viết. Mát-xcơ-va, 1958, tr. 58.

[\[31\]](#) V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 37, tr. 30.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>